Cao hứng chen ngang chia sẻ cùng mọi người nha! Coi như để giải khuây khi đọc bài Huynh Donglaiduy post...:
Ba cuốn Thượng trung hạ Manh phái này coi như tập hợp tất cả Manh Phái rồi....Nếu như ai từng coi hết 3 cuốn này...Tất nhiên nắm hết kiến thức Công Khai của Manh Phái...
...Nhưng cá nhân tui nghĩ...Hình như Ô.Đoạn Kiến Nghiệp cũng chỉ nghiên cứu đến vậy thôi...nếu có phát kiến nữa chỉ có thể...ở Tương Lai...hoặc Một thầy mù nào đó tung ra Khẩu Quyết....
...Tui có lúc...dùng chủ nghĩa âm mưu...xét có thể Ô.Đoạn Kiến Nghiệp dấu bớt nghề....Nhưng sau tìm tòi....đọc Block ...Truy xét từ nhiều khía cạnh...Cộng với linh cảm....Tui tin Ô. Đoạn Kiến Nghiệp đã công bố hết những gì đã nghiên cứu...Và hầu hết nhờ tự mày mò...dựa vào rất ít khẩu quyết Hác Lão nói qua...Chắc chắn không biết quá 20% khẩu quyết...có thể còn ít hơn...Nhưng nhờ tâm truyền...thấy trực tiếp, hỏi trực tiếp nên phát hiện ra tinh thần manh Phái...Các khẩu Quyết dùng trong tài liệu manh phái...thật ra là từ Uyên Hải Tử Bình là chính...Rất có thể không phải chân truyền Manh Phái...Hơn nữa có thể Hác Lão cũng không học được hết khẩu quyết từ Trương Manh nhân..(Vì Trương dạy để lấy tiền mà...hơn nữa còn đố kỵ học trò)...Trong khi trước đó Viên Tú tài đã dạy Hác Lão thuộc cuốn Uyên Hải tử bình....Chính Hác cũng là tự ngộ ra Manh Phái...
Còn điều này....Hạ Trọng Kỳ lão sư mới thật sự đoán thần tất cả..chi tiết tất cả, cũng chuẩn xác tất cả...vượt lên trên một đẳng so với tất cả...Để ý thấy Hác lão chưa đạt đến cảnh giới này....Tiếc rằng cũng không truyền cho Hình nữ sỹ....
...Manh phái cũng không phải thiên hạ vô địch mà tương đối cao thôi...Vì ví dụ như chỉ đọc phương pháp, kiến thức từ Tống Anh Thành hoặc Dịch Ẩn Yến thôi...thì thấy cũng không phải thấp hơn Manh phái đâu...Tính ứng dụng cũng Ok không kém...Huống chi biển trời mênh mông...Biết bao nhiêu đại sư mình chưa đọc qua...
....Thành ra chia sẻ với anh em nào cũng hâm mộ Manh phái như tôi...Nên đọc thêm các sách khác nữa...để bổ sung...
...Và chắc chắn Manh phái cũng chỉ là tương đối độc đáo thôi...
Mộng dưới hoa!

MANH PHÁI SƠ CẤP MỆNH LÝ HỌC

Mục lục

Chương 1 Giới thiệu hệ thống manh phái mệnh lý
Lễ 1 Phương pháp bàn về mệnh của manh phái
Lễ 2 Đặc điểm hệ thống manh phái

Nhất, khái niệm khách chủ
Hai, khái niệm "Thể dụng"
Tam, khái niệm công thần, phế thần
Bốn, khái niệm năng lượng cùng hiệu suất
Năm, khái niệm tặc thần bộ thần
Lục, tượng
Chương II Tứ trụ cung vị lấy tượng
Nhất, cung vị chư tượng
Hai, cung vị cát hung
Chương III Thập thần loại tượng
Nhất, thập thần loại tượng
Hai, thập thần hư thấu hàm nghĩa
Chương IV Phương pháp xem mệnh của manh phái
Lễ 1 Bắt đầu xem bát tự như thế nào
Nhất, xem công của bát tự
Hai, phân chia bát tự phú quý bần tiện
1, phú quý bát tự
2, bình thường bát tự
Lễ 2 can chi tường giải
Nhất, thập thiên can tường giải
Hai, can chi sắp đặt nguyên lý
(nhất) can chi sinh khắc nguyên lý
1, tự hợp
2, mang tượng
(hai) can chi liên hệ nguyên lý
(tam) can chi hư thật nguyên lý
Tam, ngũ hành, can chi đặc tính khác
(nhất) đặc tính của Thìn Tuất Sửu Mùi
(hai) sinh mộc tử mộc
(tam) đặc thù tính chất của Tỵ hỏa
(bốn) đặc tính của thủy
Lễ 3 Thiên Can ngũ hợp
Lễ 4 mười hai chi tương hợp
Nhất, mười hai chi lục hợp
(nhất) lục hợp tác dụng ý tứ
(hai) hàm nghĩa của đại vận cùng bát tự hợp
(tam) lục hợp tường giải
1, Dần Hợi hợp
2, Mão Tuất hợp
3, Thìn Dậu hợp

4, Tỵ Thân hợp
5, Ngọ Mùi hợp
6, Tý Sửu hợp
Hai, mười hai chi tam hợp cục
Tam, ám hợp
Lễ 5 mười hai chi hình phạt, xung, phá, hại, mộ
Nhất, mười hai chi tương xung
Hai, mười hai chi tương hại
Tam, mười hai chi tương hình
Bốn, Địa Chi tương phá
Năm, Địa Chi chi mộ
Chương V Phương thức tố công
Lễ 1 tố công vài loại phương thức
Nhất, chế dụng kết cấu tố công
Hai, hóa dụng kết cấu tố công
Tam, sinh dụng, tiết dụng kết cấu tố công
Bốn, hợp dụng kết cấu tố công
Năm, mộ dụng kết cấu tố công
Lục, phục hợp kết cấu tố công
Lễ 2 chế cục thông biện
Nhất, tỷ kiếp cùng tài sắp đặt
Hai, tỷ kiếp cùng quan sát sắp đặt
Tam, thương thực cùng quan sát sắp đặt
Bốn, ấn tinh cùng thương thực sắp đặt
Năm, tài tinh cùng ấn tinh sắp đặt
Chương VI Chế pháp minh tích
Nhất, hợp chế
Hai, xung chế, hình phạt chế
Tam, khắc chế
Bốn, hại chế
Chương VII Ứng kỳ
Nhất, đại hạn ứng kỳ
Hai, phản khách vi chủ
Tam, hôn nhân ứng kỳ

Chương 1: Giới thiệu hệ thống manh phái mệnh lý

Lễ 1 Phương pháp bàn về mệnh của manh phái:
Manh phái mệnh lý luận mệnh có tam đại cách: nhất là lý pháp, hai là tượng pháp, tam là kỹ pháp.

Lý pháp chính là giải thích mệnh lý cùng nhận thức mệnh lý, bát tự của mỗi người như một thiên văn chương, làm thế nào có thể đọc hiểu nó, đây là vấn đề giải quyết của lý pháp.
Lý pháp chính là giảng đạo lý bát tự là cái gì? Xem bát tự bắt đầu như thế nào? Như thế nào có thể từ bát tự nhìn ra phú quý bần tiện? Sau khi học được lý pháp, có thể cầm lấy bát tự, nhìn ra phú quý cấp bậc cùng đặc điểm nghề nghiệp.
Tượng pháp là bộ phận rất quan trọng của manh phái, giảng chính là mệnh lý tỉ mỉ hóa. Có can chi tượng, cung vị tượng, thập thần tượng cùng thần sát tượng, thông qua tượng, chúng ta có thể phán quyết đến vô cùng cụ thể chuyện tình, như lý pháp có thể nhìn ra người nào đó năm nào bất hảo, nhưng bất hảo ở nơi nào? Là sinh bệnh, phá tài hay tù ngục kiện tụng,tượng pháp yếu giải quyết vấn đề. Học giỏi tượng pháp, khiến bát tự suy lý có thể đạt tới trình độ xuất thần nhập hóa.
Kỹ pháp là manh phái mệnh lý khó nhất . Cái gì là kỹ pháp, tỷ như, ngươi phải xem một người phụ mẫu còn sống không, có hay không khắc, cái này bất tại lý pháp phạm trù, nhưng cần đến tượng, cuối cùng có kỹ pháp đến định đoạt . Đối với một người về mặt hôn nhân, cũng là thông qua kỹ pháp đến phán quyết . Căn cứ yêu cầu của độc giả, quyển sách đối với manh phái lý pháp, tượng pháp và kỹ pháp đều có dính dáng, trọng điểm là lý pháp.

Lễ 2 Đặc điểm hệ thống manh phái

Manh phái hệ thống cho rằng, mệnh lý vốn là thuyết nhân sinh. Như vậy mệnh lý là thông qua cái gì biểu đạt thuyết nhân sinh ? Chúng ta sẽ tìm hiểu một ít công cụ của manh sư dùng để mô tả thuyết nhân sinh ấy. Bởi vì manh sư cơ bản là khẩu thụ tâm truyền, không có lưu lại hệ thống văn tự, cho nên yêu cầu chúng ta phải sáng tạo ra một ít khái niệm đến giải thích hệ thống này.

Nhất, khái niệm khách chủ

Khái niệm này tại manh phái mệnh lý có ý nghĩa đặc thù. Khách chủ chính là nói cho chúng ta biết vật gì là của mình, vật gì là của người khác. Rất nhiều dự đoán thuật của Trung Quốc cũng giảng "Khách chủ", lục hào giảng: hào thế là chủ, hào ứng là khách; hào là chủ, nhật nguyệt và hào biến là khách; Phong Thủy, Kỳ Môn, Lục Nhâm, Mai Hoa Dịch Số cũng giảng "Khách chủ", chỉ có điều là dụng có thể là khái niệm bất đồng như: "Chủ khách", "Thể dụng", "Thiên địa nhân", nhưng sở yếu biểu đạt đều là "Bản thân chủ thể" cùng "Ngoại vật khách thể" quan hệ. Kỳ thật con người chúng ta tồn tại và phát triển là như vậy, thông qua bản thân ta cùng với thế giới bên ngoài phát sinh quan hệ phức tạp, từ đó cấu thành

vận mệnh của chúng ta.
Khách chủ là một khái niệm có cấp độ , mọi người biết nhật chủ là ta, ta là "Chủ", can chi khác chính là người khác, là "Khách" . Và các can chi khác từng chữ với lại đều có chính mình hàm nghĩa đặc biệt: nhật chi đại biểu phối ngẫu, trên nguyệt đại biểu phụ mẫu hoặc huynh đệ, trên năm đại biểu tổ tiên hoặc phụ mẫu, trên giờ đại biểu con. Biết cái này rồi, sau đó tái phân cấp độ: nhật trụ là ta cùng phối ngẫu của ta, đại biểu rồi gia đình của ta, gia đình của ta lại muốn đối mặt bên ngoài thì có gia đình phụ mẫu, gia đình của con cái, có gia đình anh chị em vân vân…., như vậy nhật trụ chính là chủ, trụ khác chính là khách; sau đó ta cùng con của ta cấu thành một gia đình của mình , vậy trụ ngày và trụ giờ nhân tiện cấu thành rồi “chủ”, năm tháng nhân tiện cấu thành rồi “khách”; và toàn bộ bát tự nhân tiện đại gia tộc của ta, đại vận lưu niên là từ bên ngoài đến , tòng bên ngoài đến tác dụng bát tự của ta, đối với bát tự của ta sinh ra ảnh hưởng, như vậy, bát tự là “chủ”, đại vận lưu niên chính là “khách”. Cái này chính là khái niệm khách chủ.
Tỷ như nói một người muốn làm quan hay muốn phát tài, nhân tiện xem tài, quan tại trong bát tự thuộc vị trí nào, nếu như tài, quan tại chủ vị, nhân tiện là tài, quan của ta; nếu tài, quan tại khách vị, chính là tài quan của người khác. Như vậy sau khi định vị, lại nhìn chủ cùng khách tác dụng quan hệ, thông qua tác dụng quan hệ, đem rõ ràng tài quan có hay không cùng ta có liên hệ, có thể trở thành của ta không. Như vậy nhân tiện sẽ minh bạch, xem bát tự kỳ thật cùng nhật chủ suy vượng không quan hệ quá lớn, chỉ có tại khách cùng chủ quan hệ là trọng, cũng giống như một người, qua các mối quan hệ phức tạp mà cấu thành phú quý bần tiện.

Hai, khái niệm "Thể dụng"
Khách chủ khái niệm của cung vị nhằm phân ra "Bản thân chủ thể" cùng "Ngoại vật khách thể" ; thể dụng khái niệm là của thập thần góc độ phân "Bản thân chủ thể" cùng "Ngoại vật khách thể", tức chúng ta đem trong bát tự thập thần chia làm "Thể" cùng "Dụng" . Thể là cái gì? Thể là chính ta cùng với công cụ sử dụng của ta, hoặc là nói ta thao túng công cụ, giống như một người làm việc cần một công cụ mới được, tỷ như nhật chủ, ấn, lộc đều là thể. Như vậy dụng là cái gì? Dụng là mục đích của ta, cái ta theo đuổi, vậy chính là thứ ta muốn đạt được, tỷ như tài, quan là dụng, là cái chúng ta theo đuổi. Cần phải chú ý chính là, cái này "Dụng" cùng mệnh lý truyền thống “dụng thần” khái niệm là khác nhau .
Sau đó phải biết rằng, chúng ta hội dụng biện pháp gì đến đạt tới mục đích của chúng ta. Có biện pháp nào đảm đương quan? Lại có cái biện pháp nào phát tài? Có biện pháp đương nhiên có thể làm quan, không có

cách nào không đảm đương nổi quan, đây là thuyết nhân sinh. Hay lấy quan là ví dụ, bất đương quan không nhất định là trong mệnh cục không có quan, ngược lại có khả năng là hắn trong mệnh cục quan rất vượng, nhưng lại không có cách nào đạt được nó mà ngược lại có thể là quan tai. Chúng ta đem nhật chủ, ấn tinh, lộc thần, tỷ kiếp đương thể, tài tinh, quan sát tinh đương dụng, thực thần cùng thương quan vừa có thể là thể, vửa có thể là dụng, bởi vì thực thần, thương quan thuộc về phạm trù: có trí lực, tư tưởng, vui sướng, hưởng thụ, tài phú ý tứ, đã thuộc về bản thân chúng ta, với lại có thể thành cho chúng ta theo đuổi. Căn cứ mệnh cục bất đồng tình huống, chúng vừa có thể đương thể, vừa có thể đương dụng. Như nhất định phân biệt chúng thì thực thần gần vào thể, thương quan gần vào dụng hơn.

Tam, khái niệm công thần, phế thần

Bát tự là dụng thể dụng cùng khách chủ để thuyết minh thuyết nhân sinh. Chúng ta phải một mệnh cục, phải biết rằng mệnh này muốn làm gì, trước hết tòng chủ vị bắt đầu, tức xem trước nhật can cùng nhật chi, xem trụ ngày là chiếm "Thể" hay chiếm "Dụng", có các tác dụng quan hệ nào xảy ra? Nếu như chiếm "Thể" rồi, thì phải có việc tố, như nếu nhàn rỗi, thành sai khác mệnh. Và tài tinh và quan sát tinh là "Dụng" , là tài sản của ta, phải cùng "Thể" phát sinh quan hệ, hoặc bị "Thể" chế, hoặc bị "Thể" hóa, hoặc bị "Thể" hợp, mới có thể là của mình; nếu như nhàn và vô sự, thì mệnh chủ không thể phát quan phát phú. Thương quan cùng thực thần tinh là trung tính vật, thực thần lược thiên vào thể, thương quan lược thiên dụng, tại trong mệnh vừa khả bị chế, vậy khả chế nó, khả dụng tác sinh tài, chế quan sát hoặc tiết tú. Chúng ta đem “thể, dụng” và “khách, chủ” tác dụng quan hệ gọi "Tố công", thần tham gia vào tố công gọi công thần, không tham dự tố công gọi là "Phế thần" . Tiêu hao năng lượng sinh ra hiệu suất, không có khả năng là một chữ. Trong tình hình chung , Tý Ngọ là lực lượng tương đương đối với xung, là năng lượng mai một, hiệu suất không cao, phải có nhất phương hình thành đảng cùng thế, cường phương chế rồi nhược phương mới gọi là công.

Như dụng chủ vị "Thể" đến theo đuổi đạt được người khác khách vị "Dụng", chúng ta đem quá trình này gọi là chính hướng tố công; còn có một loại phản hướng tố công, chính là chủ vị "Dụng" cùng khách vị "Thể" tác dụng. Thể dụng, khách chủ tác dụng như thế nào mới gọi là công? Nói chung, thể dụng, khách chủ tiến hành hình, xung, khắc, hại, hợp, mộ đều là phương thức tố công. Các chương sau sẽ bàn tỉ mỉ.

Bốn, khái niệm năng lượng cùng hiệu suất

Manh sư phái xem mệnh bất xem nhật chủ suy vượng, chỉ chú trọng có

hay không tố công cùng tố công như thế nào. Kỳ thật tố công là một khái niệm vật lý, chúng ta trích dẫn vật lý học ra hai khái niệm: năng lượng cùng hiệu suất, để giải bát tự mệnh lý bản chất nội hàm.
Vật lý học cho rằng: tiêu hao năng lượng sinh ra hiệu suất để tác công có ích, tố công nhất định phải tiêu hao năng lượng, năng lượng là cái gì? Trong bát tự mỗi chữ đều có năng lượng, Thiên Can năng lượng thấp, Địa Chi năng lượng cao; khi chúng phát sinh hình, xung, khắc, hại, hợp, mộ, phá quan hệ sẽ tạo ra năng lượng. Công thần chính là năng lượng giảm bớt sinh ra hiệu suất, có công; phế thần giảm bớt năng lượng sau bất sinh ra hiệu suất, vô công; phế thần một loại khác tình hình là bất tiêu hao năng lượng, cũng không tố công. Kết cấu bát tự của những người thành công là có hiệu suất năng lượng cao, người bình thường hoàn toàn là không có hiệu suất hoặc lãng phí năng lượng; người thành công công thần nhiều và phế thần ít, hoặc công thần tuy ít nhưng lại hiệu suất đặc biệt cao, người bình thường thì phế thần nhiều công thần ít, hoặc có công thần nhưng lại hiệu suất thấp. Như vậy chúng ta có thể phân biệt ra người phú quý bần tiện, đủ loại . Như thế nào biết tố công hiệu suất cao thấp, chúng ta hội ở phía sau tỉ mỉ giảng.

Năm, khái niệm tặc thần bộ thần

Đây là khái niệm manh phái thường dùng, nguyên lý là tòng "khách chủ thể dụng" mà suy ra . Nếu như chủ hoặc thể vượng, khách hoặc dụng tương đối nhược, như vậy lúc này, chúng ta nhân tiện đem chúng nó gọi là tặc thần cùng bộ thần. Nhân tiện tượng cảnh sát bắt kẻ cắp giống nhau, cảnh sát đặc biệt mạnh mẽ , nếu như kẻ cắp đặc biệt ít, hoặc là không kẻ cắp, cảnh sát sẽ không có chỗ dụng võ, hắn nhân tiện hy vọng kẻ cắp xuất hiện, vừa xuất hiện bị hắn nắm được, có thể thể hiện giá trị của hắn. Đây là nguyên lý đuổi bắt.
Càn:

Quý	Đinh	Giáp	Kỷ
Tỵ	Tỵ	Tuất	Tỵ

Phân tích: hỏa cùng táo thổ thành thế muốn dồn kim thủy, chế tẫn, Quý thủy thành tặc thần, hỉ đại vận hành kim thủy vận, hành Quý Sửu cùng Nhâm Thân vận thăng Địa ủy phó thư ký. Thực thương chế ấn kết cấu, ấn là quyền lực. Ấn bị chế rồi, chế rồi sẽ đạt được.

Lục, tượng

Mệnh lý trong 80% bát tự là dụng tố công đến thuyết minh , 20% bát tự còn lại là dụng tượng đến thuyết minh. Cho nên tượng cũng là rất trọng

yếu.Sẽ giảng ở phần sau.

Chương II Tứ trụ cung vị lấy tượng

Manh sư phái mệnh lý cho rằng đời người trọng yếu tin tức cũng tại tứ trụ, cho nên đặc biệt chú trọng tứ trụ cung vị loại tượng và ứng dụng.

Nhất, cung vị chư tượng

1) Đầu tiên tứ trụ cung vị bao hàm chính mình cùng lục thân tin tức, trừ nhật can đại biểu cho chính mình ra, cái khác cũng đại biểu thân nhân của mình vị trí: như trụ năm đại biểu tổ tiên, phụ mẫu, họ ngoại, bề trên; trụ tháng đại biểu phụ mẫu, huynh đệ; nhật chi là phối ngẫu cung, đại biểu vợ hoặc chồng; trụ giờ là con cái cung, đại biểu cho đời sau của mình. Phụ mẫu vừa có thể tại trên năm thể hiện, vừa có thể tại trên nguyệt thể hiện.

2) Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu cho đời người từ nhỏ đến lớn trình tự thời gian, tức: trụ năm đại biểu lúc nhỏ cùng thời gian tuổi nhỏ, ước chừng 1-18 tuổi; trụ tháng đại biểu cho thời kỳ thanh niên, ước chừng 18-35 tuổi; nhật chi đại biểu cho thời kỳ trung niên, ước chừng 35-55 tuổi; trụ giờ đại biểu cho thời kỳ lúc tuổi già, ước chừng sau 55 tuổi.

3) Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu một người không gian sống, tỷ như ngươi yếu xa nhà, trong mệnh đối ứng cung vị chính là trụ năm hoặc là trụ giờ, bởi vì trụ năm đại biểu phương xa, và trụ giờ đại biểu môn hộ. Trụ tháng là đại biểu tổ tịch, nhật chi là đại biểu chỗ ở hiện tại.

4) Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu bất đồng tuổi tác cùng bất đồng quan hệ , trụ năm đại biểu người ngoài, bề trên hoặc người già; trụ tháng đại biểu cùng học, đồng sự, lãnh đạo; nhật chi đại biểu người vô cùng thân cận; trụ giờ đại biểu thế hệ sau, đệ tử, bạn bè, thuộc hạ.

5) Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu thân thể thể bộ vị, trụ năm ly cách nhật trụ xa, đại biểu chân, giò, tứ chi; trụ tháng đại biểu gáy, vai, lưng; nhật chi đại biểu cơ thể người trọng yếu nhất bộ vị, như ngũ tạng, lục phủ, trái tim, não, tủy; trụ giờ là đại biểu đầu, mặt, tay, mắt, miệng, tai, mũi, cơ quan sinh dục, bài tiết.

6) Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu vật dụng, như xem xe, như vậy tìm tại trụ

giờ , bởi vì giờ đại biểu môn hộ, nên đi xa, đi xe xem trụ giờ. Cái khác còn có: trụ năm đại biểu giầy hoặc vật của người khác; trụ tháng đại biểu sản nghiệp tổ tiên, gia nghiệp, đơn vị, học nghiệp; nhật chi đại biểu nhà cửa, phòng ngủ, tài sản riêng; trụ giờ đại biểu xe, môn, quần áo, mũ, kính mắt, hóa trang, tiền vật.

7) Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu người tâm chí cùng tình thương, có người dễ dàng bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng, có người lại dễ dàng ảnh hưởng người khác, tòng tứ trụ cung vị vậy đó có thể thấy được đặc điểm này.

8) Trong bát tự, Thiên Can đại biểu quan niệm của con người, như đặc thù bề ngoài, tính cách quan niệm, dễ dàng bị người ngoài nhìn ra; Địa Chi đại biểu thế giới nội tâm.

Hai, cung vị cát hung

Nói chung, trụ năm là cát thần đắc lực, thì chủ sinh ra gia cảnh tốt, tổ tiên từng có vinh quang, nếu bị trụ tháng xung khắc, thì tổ tiên bị phá sản, suy sụp.

Cát thần tại trụ tháng đắc lực, thì chủ chính mình được bề trên bao che, khả nhận cha chú sản nghiệp, nếu bị nhật trụ xung khắc, thì đại biểu bối tổ ly hương, lục thân duyên thiển, anh em bất hòa.

Cát thần tại nhật chi, chủ vợ hiền phu quý, trung niên khả chấn hưng gia nghiệp, nếu bị khắc phá hoặc hóa kết hợp kỵ, thì đại biểu hảo và không lâu, hôn nhân nửa đường phao ly, phán quyết huyền tái tục.

Cát thần tại trụ giờ, thì chủ con cháu tài năng xuất chúng, hiếu kính chính mình, bị xung khắc thì hảo và không lâu hoặc rời xa chính mình, nếu trụ giờ là kỵ, thì đại biểu con cái bất hiếu, hung ngu dốt bất tôn, muộn cảnh thê lương.

Chương III Thập thần loại tượng

Chính là tìm đúng thập thần đại biểu gì đó. Thập thần ý hướng tòng trong bát tự như thế nào phán quyết một người tính cách, nghề nghiệp, làm thế nào nhận ra nội hàm chuẩn xác của thập thần. Thập thần ý hướng vô hạn suy diễn.

Nhất, thập thần loại tượng

1) **Ấn tinh**: học thuật cùng vinh dự chi tinh, vậy đại biểu quyền lực, địa vị, phòng ốc, xe.

Chính ấn: chính thống nghề nghiệp, văn hóa, văn bằng, quyền lực, mẹ.
Như mạng trong chính ấn hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: công chức, giáo viên, người làm công tác văn hoá, tôn giáo, từ thiện, y tá.
Chính ấn trọng cảm tình, có tu dưỡng, có ái tâm, có tôn nghiêm, chính ấn không thể quá vượng hoặc quá suy, chính ấn quá vượng thì phản chủ lười biếng.

Thiên ấn: thiên tài, đầu óc hảo, mưu kế, không làm mà hưởng, sáng ý, phát minh, bác sĩ, chiêm bốc, luật sư, phóng viên, diễn nghệ (đa số chủ tổ tiên lục thân huyết thống xa).
Như mạng trong thiên ấn hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: chức vụ có tính kỹ thuật, thầy thuốc, nghệ nhân, ngũ thuật nghiệp, tôn giáo, cố vấn sư, luật sư, phóng viên, biên tập, tình báo viên, trinh sát viên, thiết kế sư, kỹ thuật viên.

2) **Quan sát**: đại biểu chức vụ, công tác, địa vị, quyền lực, danh khí, hoàn đại biểu quan phỉ, kiện tụng, đạo tặc, tật bệnh, quan hệ nam nữ(bất chính), là kỵ đại biểu tiểu nhân.
Chính quan: chính thống, văn chức quan, tiểu quan, hành chính chi chức, học vị, hiền lành, cao quý.
Chính quan chủ thủ pháp, có trách nhiệm, quá thì trái lại, chủ bảo sao nghe vậy .
Như mạng trong chính quan hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: công chức, quan văn, giáo viên, quan tòa.

Thất sát: quyền, võ chức, thực quyền, dã tâm, thông minh, hung ác, danh tiếng, tâm kế, tính tình bất hảo. Thiên Can thất sát hư thấu biểu danh tiếng, Địa Chi thất sát biểu tâm lực mạnh mẽ. Như sát không có chế hóa, sát chính là hung, nhẹ thì không có công chức, trọng thì quan phỉ hình hại. Sát ấn tương sinh thì quý, quan sát hỗn tạp thì hành quan sát vận bất cát, chủ hung.
Như mạng trong thất sát hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: cảnh sát, quan tòa, kiểm tra kỷ luật, đốc tra, quân chức, chấp pháp ngành chi quan viên, chính trị gia, mưu lược gia, luật sư, giáo viên, thầy thuốc.
Như mạng trong thất sát không có chế hóa, thì không thể là công chức, có khả năng đi hướng phá như cường đạo, nhu nhược người, bệnh nhân.
Ví dụ: quan sát chế hóa ví dụ

Càn

Nhâm	Tân	Ất	Tân

Tý Hợi Sửu Tỵ

Phân tích: bằng cấp rất cao, bây giờ tiến sĩ du học Mỹ, Tân kim thất sát có chế hóa, trên nguyệt Tân Hợi mang tượng, như chế hóa hết khả làm quan, trên giờ hư thấu sát xem có không có hóa, có hóa đương văn hóa xem. Thất sát chế tẫn là làm quan, quan sát có hóa đương văn hóa

3) **tài tinh**: đại biểu tài phú, dục vọng. Hư thấu Thiên Can biểu tài hoa, tài năng. Địa Chi tài là dục vọng , đặc biệt là thiên tài, phụ nữ thì đại biểu cảm tình.
Chính tài: tâm tính lễ kiệm, đại biểu tiền lương, sản nghiệp, gia nghiệp, vợ. Như mạng trong chính tài hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: tlàm công ăn lương, giáo viên. Chính tài quá nặng thì không tiến thủ.
Thiên tài: nhân tính hào nhoáng, hỉ vào đầu cơ, đại biểu tư sản lưu động, cổ phiếu, phong hiểm tiền lời. Tài đại biểu tài phú, Nguyệt Lệnh tài hoàn đại biểu nhà cửa, dục vọng, sắc tình, tài hoa, thê thiếp, phụ thân.
Trong mệnh thiên tài hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: người làm ăn, xí nghiệp nhà, phục vụ nghiệp, chứng khoán nghiệp, cố vấn nghiệp, luật sư, diễn thuyết gia.

4) **Thực thương**: đại biểu tưởng tượng lực cùng thế giới tình cảm. Biểu tự do, không muốn bị câu thúc, nam mệnh đại biểu dục vọng.
Thực thần: thiện lương, ôn hòa, rộng lượng, chính nghĩa, tài văn chương, hiến dâng, nỗ lực, vui sướng, tự do. Thiên Can thực thần nhiều dựa vào kỹ nghệ tiến hành nghề nghiệp; Địa Chi thực thần đa số vất vả nghề nghiệp (chú: vất vả mà thôi, không có nghĩa là lao động chân tay), một khi thành cách cục hội tiến hành đại sự nghiệp.
Trong mệnh thực thần hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: học giả, lão sư, thầy thuốc, cố vấn sư, tôn giáo gia, tư tưởng gia, luật sư, phóng viên, quan viên, tác giả, mỹ thực gia, diễn thuyết gia, người chủ trì, âm nhạc gia, diễn nghệ nhân.
Thương quan: là điên cuồng, không thực tế, thông minh, hoạt đầu, ngạo mạn, không tuân thủ quy củ, linh hoạt biết chớp thời cơ, đầu cơ mưu lợi, hưởng lạc. Đại biểu dục vọng, có tình cảm lãng mạn, thành khí thế là tố đại làm ăn.
Trong mệnh thương quan hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: nghệ thuật gia, đại sư, thiết kế sư, diễn viên, luật sư, kiểm tra kỷ luật nhân viên, phản tham quan viên, thực quyền quan viên, kỹ thuật người, người làm ăn, hướng dẫn viên du lịch, tác giả.

5) **Tỷ lộc kiếp nhận**: tượng trưng hiệp đồng cùng cạnh tranh, tỷ kiếp là tranh đoạt chi tinh, tỷ ôn hòa và kiếp hung ác. Dương nhận là hung trong chi hung. Dương nhận là gan lớn, hung ác, tự cho là đúng, tính tình táo bạo, đổ máu sự kiện, đại biểu huynh đệ tỷ muội, cũng có binh khí, đao thương, giải phẩu, tai họa tượng, sợ quá vượng hoặc quá nhược.
Tỷ lộc: nhật chủ chi kéo dài, là thân thể, tự tôn, tự cường, tự ái, chính mình sở có được hết thảy, quyền lực, thọ nguyên, tài phú.
Kiếp nhận: cậy mạnh, khí phách, tranh đoạt, chinh chiến, hung ác. Kim dương nhận là đao, là bạch hổ, lợi hại. Kiên trì, tư tâm, hiệp đồng, hợp tác, hảo khoe khoang, không sợ hung hiểm, .
Tỷ kiên quá vượng, vậy dễ dàng chính hướng phản diện, như cá tính cố chấp, bảo thủ, ngang ngạnh, ngạo mạn, tự cho là đúng.

Trong mệnh tỷ kiên hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: vận động viên, huấn luyện viên, lao động chân tay, nghề môi giới , người làm ăn, tài xế, người giang hồ.

Hai, thập thần hư thấu hàm nghĩa
Là chỉ Can.Có gốc hoặc được sinh là “Thực”, ngược lại là “Hư”

1, tài tinh hư thấu Thiên Can: bất chủ tiền tài, chủ tài hoa, tài văn chương, hội giải quyết, biết ăn nói, lấy cát bàn về. Thấu tại trên giờ, có thể tiêu tiền, hội làm việc. Như hợp ấn, chủ hội khai thông, có hòa giải năng lực, hội biểu đạt, đương giảng viên hoặc người hòa giải.
Càn:
Bính Tân Ất Mậu
Ngọ Mão Dậu Dần
Phân tích: Mậu thổ tài tinh hư thấu tại trên giờ, Mậu thổ tài tinh bất chủ tiền tài, chủ tài hoa, người này biết ăn nói, tài ăn nói đặc biệt hảo, làm việc rất tốt, năng lực rất mạnh, nhưng thấu tại trên giờ có thể tiêu tiền, bát tự này Ất mộc có căn thấy thủy là sinh mộc, kỵ kim, Thìn Dậu kết hợp phá hủy Ất mộc căn, đại vận đi Thân Dậu vận bất hảo, đặc biệt Dậu vận bất hảo nhất, bị tai nạn xe. Mậu thổ ở chỗ này bất làm công.
Lâm Dịch Giám: tài tinh hư thấu, Mậu thổ là chính tài hư thấu tại trên giờ, chủ biết ăn nói, có tài hoa. Mậu thổ tài tinh bất chủ tiền tài, bất chỉ tài ăn nói hảo, hoàn làm việc rất tốt, hội khai thông, năng lực đặc biệt mạnh mẽ. Thấu tại trên giờ có thể tiêu tiền, đầu tiên Mậu tài ở trên kiếp tài. Này Mão Dần mộc là tử mộc, trên nguyệt Mão mộc thấy lộc thấu sát, Mão Dậu xung, Mão Ngọ phá, đem Mão mộc phá hủy, nhật chủ lộc phá hủy. Nguyên cục nhân tiện có chuyện. Ất Mùi vận Ất Dậu năm, Mùi vận là nhật chủ

nhập mộ, Ất Dậu năm là nhật chủ tọa thất sát, xung rồi Mão lộc, bị tai nạn xe. Năm tháng lộc cũng không có nghĩa là mình, lộc tại trụ ngày và trụ giờ mới là mình. Thất sát xung lộc khẳng định có tai.

2, Quan tinh hư thấu: bất làm quan chức, là danh khí, danh vọng, đầu óc thông minh, lanh lợi, bất chủ quyền. (thất sát chế tẫn là làm quan, quan sát có chế hóa đương văn hóa xem.)
Xem bằng cấp có không có và cao thấp, trước xem quan tinh lại nhìn ấn tinh.

3) Ấn tinh hư thấu: phân dụng kỵ. Là dụng hư thấu không văn bằng, là kỵ hư thấu có văn bằng, hoặc là kỵ khử ấn vậy là có văn bằng.
Ví dụ: ấn tinh hư thấu ví dụ
Càn:
Quý Bính Mậu Bính
Mùi Thìn Tuất Thìn
Phân tích: này bát tự cần ấn, Mậu Tuất nhất trụ, nhật chủ tọa ấn khố, vừa là nhật chủ căn, hỏa cùng táo thổ thành đảng, muốn làm công, (nhưng Thìn vậy không kém. Thực tế chế không sạch sẽ, sẽ nói sau). Dụng ấn và ấn hư, không văn hóa, càng chưa nói tới văn bằng.
Càn:
Bính Kỷ Tân Kỷ
Dần Hợi Dậu Hợi
Phân tích: kim thủy thành đảng, ấn tinh hư thấu, nhật chủ tọa lộc nhất định là cần , lại thấy Hợi thủy, tức sinh rồi thương, thương sinh tài, tài sinh quan, quan hợp thân. Kim thủy thành đảng không cần ấn, ấn hỉ hư thấu, hư thấu đương văn hóa giảng, là có văn bằng. Ất Dậu năm Ất mộc khắc ấn Kỷ thổ, Dậu đến là nhật chủ đến rồi, năm nay thi trường cao đẳng Thượng Hải đệ nhất danh. Tại sao lý khoa, kim thủy chủ lý, mộc hỏa chủ văn. Này bát tự dụng kim thủy, cho nên là lý khoa. Người này sau này là tại xí nghiệp quản lý nhân tài cao cấp, nguyên nhân Bính Tân hợp, sau này hội giảng đến quan trên năm hợp có ý tứ gì, quan trên nguyệt hợp có ý tứ gì, đều có tượng.

4) Thực thương hư thấu:
Hư hoặc nhược bị chế hữu dụng, hoặc tiết tú, hư thấu chứng tỏ tài hoa, chủ biết ăn nói, tài nghệ hảo. Như thực thần nhược không được chế, nhân tiện chủ không thích nói (thực thần tiết tú chủ văn hóa). Thực thần nhược và vô công, không thích nói.
Thực rồi chứng tỏ tiền, nguyên nhân thực thương sinh tài , xem có hay

không hữu dụng, không có chế hóa thì không có tiền.
Lâm Dịch Giám bút ký: thực thần vượng hoặc là hư cũng có thể chứng tỏ thích nói chuyện. Chỉ cần thực thần có công chính là có thể nói. Có công chính là bị chế hoặc tham gia chế. Hư thấu vô công ngược lại không thích nói.
Ví dụ: thực thương hư thấu ví dụ
Càn:
Bính Mậu Tân Quý
Tuất Tuất Tỵ Tỵ
Phân tích: thực thần hư thấu, tự hợp, là bị chế, bị Mậu hợp chế, Mậu cùng Tỵ là một tượng, một người, Quý bị chế rồi. Thấu tại trên giờ, chủ tài ăn nói, biết ăn nói, hội giảng diễn, có biểu đạt năng lực. Tài ăn nói, trí nhớ lực đặc biệt hảo, phản ứng rất nhanh.

Lâm Dịch Giám: trên giờ Quý thủy là thực thần hư thấu bị chế, chứng tỏ người này tài ăn nói hảo, biểu đạt năng lực hảo. Thực thần tại trên giờ chủ nói, bất chủ tiền tài bởi vì hư thấu, chủ tài hoa. Thực thần hư thấu không làm công liền bất thích nói chuyện, tác công liền thích nói chuyện. Quý Tỵ hợp, Quý bị chế rồi. Đã làm giảng viên đại học. Thực thần vượng hoặc là hư cũng có thể chứng tỏ thích nói chuyện. Chỉ cần thực thần có công chính là có thể nói.
Thiên nhân hợp đưa nhất bát tự
Quý Đinh Giáp Kỷ
Tỵ Tỵ Tuất Tỵ
Phân tích: bát tự này ấn bị chế rồi, chế rồi sẽ đạt được.

5, Hư thực ứng kỳ. Thực là dụng sợ hư, hư là dụng sợ thực. Sẽ bàn kĩ ở sau.

Chương IV Phương pháp xem mệnh của manh phái

Lễ 1 Bắt đầu xem bát tự phương pháp

Nhất, xem bát tự công

Manh sư nhất phái xem mệnh, đầu tiên phải xem chính là bát tự công ở nơi nào. Cụ thể đến một bát tự thì, trước xem nhật can, thứ xem nhật chi. Xem nhật can chỉ chú trọng hai điểm: thứ nhất xem nó có hợp hay không, hợp có hai loại, một loại hợp chính quan, một loại hợp chính tài. Nhật can yếu hợp, chính là bản thân muốn theo cầu , loại này theo đuổi có thể không đạt được, nhân tiện xem loại này hợp công rồi; thứ hai, như nhật can không có hợp, xem nhật can có sinh hay không , vậy chính là xem có thương quan cùng thực thần gần sát nhật can, nếu có cũng là nhật can muốn theo cầu , nhân tiện xem thương quan hoặc thực thần tại trong bát tự có công không. Nhật can như không có hợp vô sinh, nhân tiện vứt bỏ nhật can bất xem và chuyên xem nhật chi, xem nhật chi cùng chi khác là thành đảng thành thế không hoặc là cùng chi khác phát sinh hình phạt, xung, khắc, hại, mộ và tam hợp, lục hợp, ám hợp, cái này đều là nhật chi tố công phương thức. Thông thường bát tự xem hai điểm này có thể bắt đầu rồi, cũng có bát tự nhật can cùng nhật chi cũng không làm công, như vậy xem có lộc thần cùng tỷ kiếp, thấy bọn nó vị trí ở đâu và chúng nó có tố công hay không, nếu như chỉ có lộc hoặc tỷ kiếp đến tố công, bát tự cấp độ sẽ không cao rồi, bởi vì lộc chủ thân thể, thông thường là người lao động, không có thành tựu đặc biệt lớn.

Nếu như nhật can tham dự tố công, thì lấy nhật can là chủ; như nhật can không có làm công và nhật chi tham dự tố công, thì lấy nhật chi là chủ; như nhật trụ can chi cũng tham dự tố công, thì lấy nhật trụ là chủ (nhật can cùng nhật chi biểu đạt ý tứ nhất trí thì). Lấy công thần tác là trung tâm bát tự. Tóm lại nhất định phải tìm được bát tự tố công ở đâu, sau đó mới đọc hiểu bát tự này.

Hai, phân biệt bát tự phú quý bần tiện

Căn cứ tố công đại tiểu, bát tự phân vài loại loại hình:

1, phú quý bát tự

Manh phái mệnh lý đối với bát tự nhận thức cùng mệnh lý truyền thống bất đồng, bất lấy bát tự thăng bằng là tiêu chuẩn, trái lại cho rằng phàm

có đại phú quý bát tự nhất định là bất thăng bằng , tức có thiên vào nhất phương "Thế", chủ vị (nhật trụ) cùng khí thế là nhất trí , sau đó thông qua cái thế này đi làm công. Thế chính là đảng, một người thành công nhất định không phải nỗ lực của một người, hắn hoặc là có đảng của mình, hoặc là có đoàn đội của mình, đến cùng hoàn thành một việc, như vậy tố công mới lớn. Tham dự tố công chữ cũng chia chính công thần cùng phụ trợ công thần. Như Tỵ hỏa chế Thân kim, ngộ Mão mộc, Mão mộc sinh Tỵ hỏa là phụ trợ công thần, Tỵ hỏa là chính công thần.
Cho nên bát tự phải đầy đủ hai điểm, nhất là có thế, hai là có công, chỉ có thế không có công không được, chỉ có công không có thế, không thể có đại tác phẩm.
Thế của bát tự có rất nhiều loại tình hình, có mộc thế, có hỏa thế, có kim thế, có thủy thế, có táo thổ thế, cũng có thấp thổ thế; rất nhiều bát tự thường thường là hai loại thế đồng đảng, và không chỉ có chỉ có một loại thế, như: mộc hỏa có thể nhất đảng, kim thủy có thể nhất đảng, thủy mộc có thể nhất đảng; hỏa cùng táo thổ có thể làm một đảng, kim cùng thấp thổ có thể làm một đảng, thủy cùng thấp thổ vừa có thể làm một đảng.
Sau khi thành đảng, hoàn xem là có công không, vậy chính là phải có sở chế thần, như mộc thế có thể chế thổ, vừa có thể phá kim; hỏa thế có thể chế kim, vừa có thể phá thủy; kim thế có thể chế mộc lại có thể phá hỏa; táo thổ thế có thể phá thủy, vừa có thể phá kim, còn có thể phá thấp thổ; thấp thổ thế có thể phá hỏa, vừa có thể phá táo thổ. Còn có: mộc hỏa có thế chế kim (nếu kim trong chứa thủy vậy đồng chế); hỏa cùng táo thổ có thế chế thủy (trong nước ngậm mộc vậy đồng chế) hoặc chế kim thủy hoặc chế thấp thổ (thấp thổ trong sở ngậm vậy đồng chế); kim thủy có thế chế hỏa (nếu hỏa trong ngậm thổ vậy đồng chế) hoặc chế táo thổ (táo thổ trong sở ngậm vậy đồng chế); kim cùng thấp thổ có thế chế mộc hỏa; thủy cùng thấp thổ có thế chế táo thổ hoặc hỏa; thủy mộc có thế chế thổ (thổ trong ngậm vậy đồng chế).
Thìn Tuất xung, thông thường là Tuất bị Thìn chế, (thủy chế rồi hỏa), nhưng nếu hỏa thành thế, thì Tuất chế rồi Thìn.
Sau khi thành đảng, nếu cùng nhật chủ không đồng nhất, thì nhất định cùng nhật chi có quan hệ, khả vứt bỏ nhật chủ bất xem, xem kết đảng trong chủ yếu một chữ, tức “trung thần”.
Đưa một ít phát đại tài ví dụ.
Càn:
Mậu Giáp Tân Quý (Bạc Nhất Ba)
Thân Dần Mão Tỵ
Phân tích: bát tự này dường như phức tạp, tác công toàn diện , có tượng, có công, có xung. Bát tự này khẳng định có thế có khí. Kỳ khí thế cùng

nhật chủ bất đồng, mộc hỏa đảng.
Tân kim không làm công, chỉ sinh Quý thủy, Quý tại trên giờ hư thấu, chứng tỏ tài ăn nói, Giáp Dần Mão Tỵ kết đảng, còn có một đổi lại tượng, Tỵ -> Mậu, đại biểu một chữ, thuyết minh Mậu là Tỵ tòng trên giờ thấu đến trên năm. Tức Mậu cũng là mộc hỏa nhất đảng , Mão không có tác công, chỉ sinh rồi Tỵ hỏa, hoàn có một ám hợp Thân kim, cái này ám hợp sau này nói tiếp. Mọi người xem chữ nào chủ yếu tác công . Bát tự này trong là Dần mộc là chủ yếu tác công, bởi vì mộc hỏa đảng muốn dồn kim và thủy trong kim, Dần Thân xung là tài chế kiếp tài, cho nên Dần là chính công thần.
Nhật chủ không làm công, xem nhật chi, nhật chi vậy bất làm công, nhưng kết rồi đảng, tức xem đảng này tác dụng là chế kim thủy, cho nên chính công thần là Dần, hơn nữa bát tự này chế rất sạch sẽ, Dần chế rồi Thân sau còn có một Tỵ Thân hợp, Tỵ Thân hợp là chế và đạt được. Lúc này Tỵ Thân hợp khả đổi lại tượng, Tỵ là tài, chế rồi Thân, thủy trong Thân vậy chế rồi, ngoài ra Mậu Thân là mang tượng, Mậu là ấn, Mậu Quý hợp, Quý Tỵ tự hợp, Quý vậy toàn bộ chế rồi. Cho nên tố công rất lớn. Bát tự này là phản hướng tố công. Chủ vị rơi xuống dụng, khách vị rơi xuống thể, dụng chủ vị dụng chế rồi khách vị thể.
Càn:
Mậu Kỷ Quý Kỷ
Thân Mùi Tỵ Mùi
Phân tích: nhật chủ Quý thủy hợp Mậu, nhật chủ có hợp, hợp rồi quan, tọa chi là tài, hỏa cùng táo thổ kết đảng, Tỵ cùng Mậu nhất tượng.
Mùi là giòn kim , bởi vì khắc lực lượng nhược, không phải chính công thần, chủ yếu là Tỵ Thân hợp, này nhất hợp nhân tiện chế rồi Thân kim, bao gồm kiếp tài trong Thân. Tài chế rồi ấn cùng kiếp tài, chủ vị tài kết đảng muốn dồn kiếp tài, đương kiếp tài trở thành tài xem. Thân trên có Mậu thổ, Mậu cùng Tỵ với lại một tượng, với lại cùng nhật chủ hợp, chứng tỏ ý tứ là mặc dù nhật chủ hợp rồi quan, không có nghĩa là làm quan, vậy gọi phản hướng tố công, chế rồi kiếp tài, đương tài xem, nguyên nhân là tài chế , (tài thấu đến trên năm hợp rồi nhật chủ, bất là làm quan, bởi vì là tọa tài lộ ra) Mậu Quý hợp là quản lý cùng khống chế. Đó là một đại phú mệnh. Hiện tư sản hơn mười triệu tệ. Chơi cổ phiếu . Một nhà cái. Hành Hợi vận phản cục, năm nay Ất Dậu năm ngồi tù.
Càn:
Ất Bính Tân Mậu
Tỵ Tuất Hợi Tuất
Phân tích: nhật chủ hợp rồi Bính hỏa, ngồi Hợi thủy, chung quanh tất cả đều là hỏa cùng táo thổ, muốn dồn thủy. Hợi thủy thương quan bị lưỡng

Tuất kẹp khắc, là chế không hoàn toàn , trong phương thức tố công thì kẹp chế đều là chế không hoàn toàn . Bính Tỵ Mậu Tuất đều là một nhà, cho nên bát tự này tố công dường như hảo, là quan chế rồi thương quan. Thương quan là sinh tài , "Chế khử tài cùng tài nguyên thần là phát đại tài ", bát tự này chế rồi tài cùng tài nguyên thần (Hợi trong ngậm Giáp tài). Chế hết, tựu thành rồi tặc thần cùng bộ thần nguyên lý, đến Nhâm Ngọ vận phát tài kể ra triệu. Bát tự này trong còn có một tượng tồn tại, tại sao Tỵ chế rồi Hợi thủy thành phát tài, giống Ất mộc, Ất là tài. Cho nên là phát tài . Cái này không làm quan .
Càn:
Nhâm Kỷ Quý Tân
Thân Dậu Tỵ Dậu
Phân tích: Bát tự này kim thủy thành thế, muốn dồn hỏa, Dậu kẹp chế Tỵ, chế không được, chính công thần nằm ở Thân kim, là Thân chế rồi Tỵ hỏa, tọa chi Tỵ hỏa đầu tiên là tài, là ấn chế rồi tài. Chế khử tài cùng tài nguyên thần là phát đại tài , cái này cũng là cự phú. Tẩu Quý Sửu vận phát cự tài. Quý vận là nhật chủ đúng hạn bắt đầu phát tài, Giáp Dần vận trong Giáp vận phát, Dần vận ngã. Giáp vận hợp rồi Kỷ thổ, nguyên cục Kỷ là tật xấu, nguyên nhân nguyên cục là kim thủy chế hỏa thổ, trên nguyệt Kỷ thổ không bị chế là kỵ, Kỷ thổ không có chế có một mang tượng, là ấn mang quan mũ, Giáp vận hợp khử Kỷ bất khắc thân, phát, Dần vận xung rồi Thân, hình phạt động rồi Tỵ, công thần phá hủy, cho nên ngã.
Càn:
Ất Kỷ Nhâm Tân
Tỵ Sửu Thìn Sửu
Phân tích: thế cùng nhật chủ nhất đảng. Thấp thổ cùng kim thủy kết đảng, muốn dồn táo thổ cùng hỏa, nguyên cục chỉ có Tỵ hỏa, như thế nào chế, chỉ có tiết quan hệ. Tỵ sinh rồi Sửu, Thìn thổ, với lại củng Sửu, nguyên cục thấp thổ rất nhiều, cũng vì Tỵ sinh, cho nên một Tỵ hỏa cũng bị chế rất sạch sẽ. Quan chế rồi tài, là mệnh phát tài. Sửu là nhập Thìn mộ , bởi vì Thìn là tỷ kiếp khố là nhật chủ tọa lên. Cho nên kết đảng sau đều phải nhập mộ. Chủ yếu là Thìn tố công, tẩu Tuất vận, Thìn Tuất xung, xung khai rồi Tuất thổ tài khố phát tài kể ra triệu tệ (bởi vì tài chế rất sạch sẽ). Quan nhiều tài ít, có một thuật ngữ gọi tài thống quan, quan đương tài xem. Vào Thìn mộ, chứng tỏ có rất lớn. Xung mộ là khố, mộ không xung là tử , khố là có thể cất dấu ý tứ. Chỉ có tẩu Tuất vận xung rồi Thìn mới phát tài.
Vấn đề:
1, nguyên cục chế pháp dường như chủ yếu xem Địa Chi?
Bặc Văn: đúng, bởi vì Địa Chi năng lượng đại.

2,Nhật can có hợp, có sinh, đều là muốn làm công. Hoặc là bị ấn sinh cũng có tố công ý tứ. Như không có vài loại quan hệ trên , mặc dù bị sinh nhưng xa, sẽ không gọi là công.
Tái đưa một ít làm quan ví dụ

Càn:
Đinh Nhâm Canh Nhâm
Hợi Tý Thìn Ngọ
Phân tích: nhật chủ tọa thực thần khố, kim thủy kết đảng. Thấp thổ cùng thủy là nhất đảng , kim thủy, thấp thổ kết đảng sau muốn dồn hỏa, nguyên cục Địa Chi có Ngọ, Thiên Can thấu Đinh. Đinh Ngọ là một chữ. Đinh Nhâm hợp, Đinh Hợi tự hợp, Đinh hỏa bị chế rồi, lại nhìn Ngọ hỏa cùng Nhâm thủy tự hợp (Nhâm thủy hư thấu còn có thuyết pháp), còn có Tý Ngọ xung, Thìn vậy tiết tối Ngọ hỏa, Ngọ Hợi ám hợp. Chủ yếu là Tý xung Ngọ tố công. Nguyên cục hỏa chế hết, chế phi thường tốt. Tố công rất lớn. Chế khử quan cùng quan nguyên thần là đương đại quan . Cho nên người này là đương đại quan . Vậy thuộc về tặc thần cùng bộ thần, hành Đinh, Ngọ đại vận cũng không sợ. Xuất hiện nhân tiện được. Mệnh cục là đại quan , nhưng không phải tổng thống cấp , nhưng đại vận bất hảo, cho nên chỉ đương rồi một cấp phòng cán bộ. Không qua hỏa vận. Hành đều là bộ thần vận.Chế dụng năng lượng có chút thấp, kim thủy cùng thấp thổ đảng quá mạnh mẽ, hỏa quá yếu. Nguyên nhân Thìn hóa rồi Ngọ hỏa, Ngọ có chút sinh dụng, Tý xung Ngọ còn kém rồi chút.
Càn:
Đinh Nhâm Quý Bính
Mão Dần Mão Thìn
Phân tích: thủy mộc thành thế, không phải chế hỏa mà là chế Thìn thổ. Mão Thìn hại là chủ yếu tố công, là thực thần chế quan. Đại vận đi được cũng tốt. Cổ Thư trong ví dụ, kim bảng đề danh. Bính Thìn mang tượng, Dần Mão chế rồi Thìn thổ. Tài tinh hư thấu chủ tài hoa.
Càn:
Mậu Giáp Đinh Giáp (chu tổng lý)
Tuất Dần Mão Thìn
Phân tích: mộc, hỏa cùng táo thổ đảng, chế Thìn thổ (quan sát khố), đầu tiên Mão Thìn hại, Thìn Tuất xung, đương Thìn chế rồi. Bị ấn cùng tỷ kiếp khố chế rồi, không có minh hỏa, Thìn sẽ không có nguyên thần, bởi vì Thìn làm quan sát khố, cho nên lực lượng không kém, đương quan nhân tiện đại, cấp trên Đinh Hợi tạo bởi vì hỏa quá yếu. Cho nên quan nhỏ. Tuất tỷ kiếp dương nhận khố, là quyền lực, Mão là ấn, cũng là quyền lực.
Càn:

Đinh Quý Bính Nhâm
Mùi Sửu Tý Thìn
Lâm Dịch Giám: thủy cùng thấp thổ thành thế, chế Mùi thổ. Đầu tiên Sửu Mùi xung, Tý Mùi hại đều là chế Mùi thổ ý tứ. Đinh hỏa cũng bị chế rồi, Đinh Nhâm nhất hợp, Quý thủy khắc, cũng đương dương nhận chế rồi. Quan chế dương nhận. Nhật chủ tọa quan có quản lý ý tứ. Mệnh chủ là quản lý một đại xí nghiệp. Bát tự không có tài, thực thương đương tài xem. Ức vạn cự phú. Chế ấn cùng kiếp tài. Tài khố chế ấn khố làm chủ công. Không phải xí nghiệp nhà nước, là xí nghiệp tư. Đinh Nhâm hợp là quản lý kiếp tài. Vì sao là cổ phần chế xí nghiệp, ấn là đơn vị, ấn khố là rất nhiều xí nghiệp, là một tập đoàn.
Càn:
Mậu Kỷ Canh Đinh
Thìn Mùi Ngọ Hợi
Lâm Dịch Giám: hỏa cùng táo thổ thành thế, nhật chủ tọa Ngọ hỏa chính quan, Ngọ hỏa thấu Đinh cùng Kỷ, Ngọ, Đinh, Kỷ đều là một chữ. Đinh Hợi hợp, Ngọ Hợi hợp đều là đương Hợi thủy thực thần chế rồi. Hợi thủy tòng trên năm thực thương khố tới, Thìn là chế không được, chỉ đương Hợi thủy chế rồi. Hợi thủy là tài cùng tài nguyên thần, là phát đại tài. Nếu như hỏa bị chế đó là làm quan.
Càn:
Mậu Quý Canh Bính
Tý Hợi Tuất Tý
Lâm Dịch Giám: thủy thành thế, kim thủy nhất đảng chế Tuất thổ quan sát khố, thực thương chế quan sát khố. Thủy khắc táo thổ lực lượng ít, khắc bất tiến vào khố trong, chế bất tịnh, nhưng là đại vận đi được hảo. Mậu Thìn, Thìn vận, thủy khố đến đương Tuất xung khai, quyết: tọa khố hỉ hình phạt xung. Thìn vận Nhâm Ngọ năm thăng phó tỉnh cấp quan. Thìn vận Canh Thìn năm thăng Sơn Tây tỉnh công an cấp sở .

Càn:
Đinh Canh Kỷ Canh (Tưởng Giới Thạch)
Hợi Tuất Tỵ Ngọ
Phân tích: Đinh, Kỷ, Ngọ là một người, cùng Tuất kết đảng, muốn dồn Hợi thủy, Đinh Hợi tự hợp chính là chế Hợi thủy, và không phải chế Đinh hỏa. Nhưng Thiên Can Canh kim không có chế, cái này bất hảo. Cái này là hư thấu cũng có thuyết pháp. Tuất chế Hợi chế không hoàn toàn, nhưng Tỵ Hợi xung, nhân tiện chế rồi. Chế rồi tài, nhưng Hợi trong có Giáp mộc chính quan. Cho nên ngay cả quan vậy chế rồi. Đại vận đi cũng tốt, cho nên đương đại quan. Cuối cùng tẩu Giáp Thìn vận Thìn vận bất hảo, tối

hỏa xung Tuất với lại mộ rồi Hợi thủy, bảo vệ rồi Hợi thủy. Thìn là đông nam phương diện, là thủy khố, chính là Đài Loan, đến Đài Loan rồi. Nguyên cục Tuất có thể chế Thìn, cho nên còn có thể Đài Loan dựng thân. Kỳ thật Giáp vận cũng đã phá hủy, chế quan và quan lộ ra với lại hợp thân, nhất hợp thân quan sẽ không có. (muốn dồn sợ hợp nó).
Xà: hỏa cùng táo thổ thành đảng chế kim thủy. Canh kim hư thấu chế không được, chế Hợi thủy. Người nào tác chủ công? Tuất thổ khắc Hợi thủy, Tỵ Hợi xung, xung lực lượng lớn hơn khắc. Trên giờ Ngọ là nhật chủ lộc, đại biểu nhật chủ bản thân, trên năm Đinh hỏa vậy chính là Ngọ đương Hợi chế rồi. Khẩu quyết: tượng loại này chế khử quan cùng quan nguyên thần là đương đại quan . Tẩu phía nam hỏa vận, vẫn thăng quan. Hỏa vận vừa đi hết, đến rồi Giáp Thìn vận, đầu tiên Giáp Kỷ hợp, trong mệnh quan tinh bất hiện, Giáp Thìn vận là quan thấu can hợp thân, nguyên cục là chế quan không thích quan lộ ra đến xuất hiện, bát tự là muốn đương quan chế không thích quan đến hợp thân, quan phản chế hắn rồi. Quan đến nhất hợp thân liền xui xẻo, nguyên cục là chế Hợi thủy , đương Hợi thủy chế mới có thể hảo, nhưng là đi tới Thìn vận, Hợi thủy nhập mộ, Thìn đương Hợi thủy bảo vệ, chế không được. Thìn với lại xung rồi Tuất thổ.

2, bình thường bát tự

Manh phái là dụng tố công và công đại tiểu đến phân biệt bát tự hảo phá , bình thường bát tự công nhất định là có công, nhưng công bất tính đại. Thông thường có hai loại tình hình: nhất là bát tự hình không được khí thế, nhưng chủ vị có công, như vậy công cũng sẽ không rất lớn; hai là bát tự tuy có khí thế, nhưng khí thế lãng phí rồi, tố công cũng rất nhỏ. Bình thường bát tự tạo nên là người bình thường, xã hội tuyệt đại đa số đều là người bình thường, bọn họ có công tác, có nghề nghiệp, có thu nhập, không thích đáng đại quan, vậy bất phát đại tài.
Càn:
Bính Mậu Tân Quý
Tuất Tuất Tỵ Tỵ
Phân tích: hỏa cùng táo thổ thế, chỉ chế Quý thủy, năng lượng quá nhỏ, không thích đáng đại quan, thực thần trên giờ hư thấu, tài ăn nói hảo, giáo viên đại học . Thành không được quý bát tự.
Khôn:
Nhâm Kỷ Ất Đinh
Tý Dậu Sửu Sửu
Phân tích: thấp thổ cùng kim thủy kết rồi thế, Địa Chi không có táo thổ, Thiên Can thấu hỏa, cho nên là chế hỏa , Đinh Nhâm hợp, tọa Sửu thổ với

lại tối, cho nên chế sạch sẽ rồi. Nhưng năng lượng quá nhỏ, nguyên nhân trên giờ Đinh hỏa thực thần quá yếu vừa là hư , cho nên chế hiệu suất không cao. Tọa là sát khố, trên nguyệt là thất sát, có mộ tượng cùng củng cục, sát trên thấu tài, Đinh Kỷ vừa là một tượng, cho thấy tọa sát khố là muốn cầu quan, củng cục chứng tỏ chính mình muốn nhập quan trường, Kỷ Dậu là mang tượng, sát mang tài mũ. Nhất là làm công năng lượng thấp, hai là sát Dậu tại khách vị, chỉ có thể tố phụ trợ chi chức, sẽ không đương đại quan. Tý Sửu hợp cũng là đương ấn dẫn khách tới được ý tứ. Cho nên bất phú vậy bất quý, chỉ có điểm tiểu quan. Dậu Sửu bán hợp sát cục, nhưng trung thần tại khách vị, chứng tỏ phụ tá người khác, quan sát tại Nguyệt Lệnh là công tác, chỉ có chức quyền nhỏ, bất tính quan, Tý Sửu kết hợp ấn hợp sát khố, đương trên năm ấn hợp đến chủ vị đi lên, ấn chủ đơn vị, thuyết minh có đơn vị.

Càn:
Canh Canh Quý Đinh
Tuất Thìn Mùi Tỵ
Phân tích: không có đảng không có thế, không có một độc lập đoàn thể. Kim thủy đảng cùng hỏa táo thổ đảng lực lượng tương đương, không ai chế được ai. Đối kháng tính chất . Nhật chủ Quý không làm công, xem nhật chi Mùi, Mùi nhất là vào Thìn mộ, tái chính là cùng hỏa, táo thổ một đảng, Mùi là tài tinh sở sinh, là quan, nhưng trên giờ có Đinh Tỵ, sinh rồi Mùi, cho nên Đinh Tỵ cùng Mùi đương một tượng xem, Mùi là thực thương khố, Đinh Tỵ là tài, tức bên ngoài tiền tài yếu sinh đến hắn, tòng khách sinh đến chủ, là tài của mình, có điểm tài. Cho nên dường như có tiền. Nhưng công hiệu suất giác thấp. Không phải phát đại tài , chỉ có thể là thu nhập cao mà thôi. Là mở cửa hàng làm ăn . Tuy là táo thổ, nhưng có một Mùi Tuất hình phạt, đảng của mình nội tương hình phạt cái này Địa Chi đảng lại không được rồi, cho nên nhân tiện hình thành rồi lưỡng đảng đối kháng, Mùi Tuất nguyên nhân tương hình phạt cho nên không phải một đảng . Tượng như vậy lưỡng đảng đối lập , nhất định phải xem nhật chủ cùng nhật chi. Chưa vào Thìn tỷ kiếp khố, là muốn làm việc cho người khác ý tứ. Thìn Tuất xung, là khai khố, Thìn cũng là quan, chủ có công tác. Chưa vào Thìn mộ, vốn có công tác, sau từ rồi. Nguyên nhân bên ngoài kiếm tiền nhiều, công tác tài ít. Công tác không có ý tứ, Canh Thìn đại biểu công tác. Cái này không phải tài thống quan, tài thống quan yếu một tài, hai tài sẽ không gọi tài thống quan.
Càn:
Nhâm Ất Ất Nhâm

Dần Tỵ Hợi Ngọ
Phân tích: nhật chủ tọa căn (chính ấn), là sinh mộc, yếu sinh trưởng , muốn gặp hỏa , trên nguyệt thấy Tỵ thương, trên giờ lại thấy Ngọ thực, Tỵ muốn dồn Hợi, nhưng Hợi là nhật chủ chi căn, có phải hay không chế , đồng thời vốn Hợi yếu hợp Dần, cái này Tỵ hại Dần với lại xung Hợi, nhân tiện phá hủy, thương quan thực thần chủ tài hoa, thương thực muốn dồn ấn, ấn với lại không thể chế, tỷ kiếp yếu hợp ấn, lại bị hại cũng vô lực. Cái gì cũng không được, không thể làm gì khác hơn là trồng trọt, (cái này sinh mộc hỉ Thiên Can hỏa, không thích Địa Chi hỏa).
Càn:
Nhâm Bính Nhâm Kỷ
Tý Ngọ Thìn Dậu
Phân tích: Nhâm tọa tỷ kiếp khố, trên năm tỷ kiếp nhập mộ, Thìn Dậu hợp là đương ấn hợp lại đây, thủy cùng thấp thổ có điểm thế, năm tháng là tỷ kiếp chế tài (Tý Ngọ xung), ấn vậy chủ kỹ thuật, tại trên giờ, là đương kỹ thuật . Lấy kỹ thuật cầu tài . Nhưng tài chế không sạch sẽ, cho nên tài vừa phải, Kỷ Dậu mang tượng, ấn mang quan mũ, xác nhận có quan chức , nhưng người này bất đương quan, tại sao? Bởi vì này bát tự có một đổi lại tượng, Kỷ là Ngọ, Ngọ tại trên nguyệt bị Tý xung, nhưng lại chế không được, có Ngọ sẽ không đáng thấu Kỷ, yếu thấu Kỷ sẽ không có thể có Ngọ.
(hợp quan sẽ không thể chế quan, cho nên phản rồi, sẽ không có thể đạt được)
Càn:
Giáp Mậu Nhâm Giáp
Thìn Thìn Thìn Thìn
Phân tích: Nhâm sinh rồi Giáp thực, Giáp tọa Thìn có căn, thực là sinh tài , nhưng cục trong không có tài, thực đương tài xem, năm thì song hiện Giáp Thìn, trên năm đại biểu thời trẻ tài có thể, trên năm Giáp khắc Mậu là thực chế sát, lẽ ra thực chế sát chủ quyền lực, là làm quan , như vậy người này có thể hay không làm quan? Có thể, có lớn hay không, phải xem Giáp có thể chế Mậu được không, có thể chế rồi, bởi vì Giáp vượng, nhưng là, Mậu sát quá yếu, (Thìn bất giúp Mậu) hư rồi. Cho nên có một tiểu quan, nếu Địa Chi sát chế rồi có đại quan rồi. Nhưng là đại vận đi bất hảo, tẩu chính là kim thủy vận, vốn thực hỉ thấy tài, kết quả tẩu vận thấy không được tặc thần, quan vậy không có, tài vận cũng không được rồi. Quan chỉ có ngắn ngủi một năm. Người bình thường, đến Tuất vận hội tốt một chút.

3, “Kém” bát tự

Kém bát tự thông thường tìm không được công thần, chủ vị không làm công, bát tự phế thần nhiều lắm; hoặc là cũng có tố công, chỉ là tố công hiệu suất đặc biệt thấp. Càng kém bát tự phế thần Càng nhiều, Càng tốt bát tự phế thần Càng ít.
Chủ vị (nhật chủ, nhật chi) không làm công, hoặc công quá nhỏ.
Càn:
Quý Kỷ Bính Giáp
Sửu Mùi Thìn Ngọ
Phân tích: trụ tháng là Kỷ Mùi, trên giờ Giáp Ngọ, trên năm Quý Sửu, nhật thượng Bính Thìn, thành hai đảng, không ai chế được ai. Bất luận Sửu Mùi xung hay Ngọ Mùi hợp, mấu chốt là muốn dồn người nào, nếu như bất chế sẽ không gọi là công. Toàn bộ bát tự phần lớn là phế thần. Là một nghèo mệnh, cả đời không có việc làm. Không có việc gì, không có công tác, dựa vào phụ mẫu nuôi. Không có vợ con.
Nguyên cục phá hủy, trừ phi hành kim thủy vận hoặc hành hỏa cùng táo thổ vận, trợ giúp khởi nhất phương chế rồi một phương khác.
Càn:
Canh Nhâm Nhâm Giáp
Tuất Ngọ Ngọ Thìn
Phân tích: Địa Chi Ngọ Tuất lẽ ra có thể hợp cục, nhưng trung thần song hiện bất hợp cục, bàn về nhập mộ, Thiên Can Canh Nhâm, Thìn nhất đảng, Ngọ hỏa có đảng nhưng vào mộ, nhập đến rồi khách vị, hỏa cùng táo thổ kết đảng ứng chế Thìn, nhưng trên giờ rơi Giáp, tọa Thìn là thực (có căn), Nhâm thủy yếu sinh Giáp mộc, nhật chủ có sinh, cần, nguyên nhân thực sinh tài. (vốn Tuất là tài khố, nguyên cục lại có Thìn đến xung, tỷ kiếp khố xung tài khố có thể phát tài, nhưng là nơi này Thìn lực lượng nhược, Tuất lực lượng đại, khoảng cách với lại xa, cho nên hiệu suất không cao. Cách xa xung chỉ là khai, lực lượng với lại nhỏ, cho nên không chiếm được tài.) dụng thực thần, cho nên không thể chế Thìn, chế thì tổn hại thọ. Nhật chủ sinh đến chủ vị, sẽ dụng. Cho nên bát tự này bất hảo. Thực thần hữu dụng, cho nên có bằng cấp, tốt nghiệp đại học.
Bặc Văn: phá không phải phương thức tố công. Phá không thể làm công.

Càn:
Quý Bính Mậu Bính
Mùi Thìn Tuất Thìn
Phân tích: hỏa cùng táo thổ thành thế muốn dồn kim thủy, nhưng Tuất xung Thìn chế không được Thìn, Thìn bản tại Nguyệt Lệnh, lại có hai Thìn, cho nên Tuất xung tài khố, nhưng lực lượng không đủ bị Thìn xung rồi cho nên cả đời là một nghèo mệnh. Mậu Quý hợp tài. Tài là cơm, là có

cơm ăn, có người tiếp tế hắn mà thôi. Tài tại khách vị. Thìn kẹp xung Tuất, với lại Mùi hình phạt, cho nên thê cung phá hủy, không có vợ. Bặc Văn: chủ yếu là lưỡng Thìn xung, Mùi ở cách xa, tác dụng vừa phải.
Cái này cần Mậu và không phải dụng Thìn, cho nên cũng không thể xem thành Thìn kẹp xung Tuất. Nguyên nhân Mậu tọa Tuất là muốn dụng Tuất . Yếu phân rõ dụng là cái nào. Bặc Văn: Mậu Tuất nhật chủ lộ ra lưỡng Bính là muốn chế tài, cần Tuất. Cho nên không thể bị phá, bị tài phá hủy, nhân tiện phản rồi, bởi vì tài và nghèo.
Công nhiều hiệu suất thấp người thường thường muốn làm rất nhiều sự tình (công tác).
Quý Kỷ Bính Giáp
Sửu Mùi Thìn Ngọ, Giáp Kỷ hợp Ngọ Mùi hợp, biểu cái gì?
Bặc Văn: thương hợp ấn, thương chủ kỹ thuật, chứng tỏ có thiên môn kỹ thuật. Không có công.
Đinh Hợi nhất trụ. Tỵ xung Hợi, còn có thể hợp?
Bặc Văn: không thể.

Lễ 2 can chi tường giải

Nhất, thập thiên can tường giải

1, Giáp Ất mộc

Giáp mộc: là đại thụ, thẳng mộc, Giáp mộc thành sinh mộc điều kiện nhất định phải có căn, hơn nữa nhìn thấy thủy, không gặp thủy là tử mộc, giáp tý là vô căn.
Ất mộc: là cây cỏ, lúa mạ, hoa mầu, cây mây, là uốn lượn chi mộc. Nhưng phải có căn, như vô căn khả vứt bỏ và bất xem, xem tọa chi.
Giáp Ất mộc là sinh mộc thì, khả hỗ căn, tức Giáp thấy Mão, Ất thấy Dần cũng làm gốc. Nếu là tử mộc, thì Giáp thấy Ất là bất đồng mộc, bất làm gốc.
Ví dụ: Giáp mộc vô căn ví dụ:
Càn:
Mậu Giáp Giáp Canh
Tuất Tý Tý Ngọ
Phân tích: vô căn chi mộc không thành sinh mộc, cho nên có thể chế thủy. Giáp mộc như có căn, tức thấy Hợi Mùi Dần Mão Thìn, thì thành sinh mộc. Ngọ cùng Tuất củng bán hợp cục chế Tý thủy, Tuất khắc, Ngọ xung, Tý thủy bị chế rồi, Ngọ Tuất hợp cục kẹp chế rồi Tý, trên giờ Canh bất sinh Tý. Sát hư thấu bất sinh Tý. Tý hoàn toàn không có nguyên thần, Giáp tiết, cho nên bị chế rồi. Tý là ấn, khử ấn được quyền. Làm quan .

Nếu Giáp không có thủy thì không sợ kim, có thể bổ đốt. Nhưng thấy thủy mộc là không thể thấy kim , không thể bổ đốt.
Càn:
Ất Bính Giáp Giáp
Mùi Tuất Tý Tuất
Phân tích: vô căn, nguyên nhân sinh tại Tuất nguyệt, nếu là Mùi nguyệt thì là có căn. Tý Mùi hại là chế Tý thủy ấn tinh ý tứ, cũng là khử ấn kết cấu, khử dường như sạch sẽ, người này là cấp sở cán bộ. Nguyên nhân ấn tại tọa chi.
Ví dụ: Giáp mộc có căn ví dụ
Càn:
Mậu Giáp Giáp Bính
Thân Tý Dần Dần
Phân tích: Giáp tọa lộc, thấy Tý thủy, là sinh mộc, (sinh mộc điều kiện: có căn, có thủy, thiếu một thứ cũng không được.) sinh mộc không thể dung kim đả thương căn. Bát tự này có một chỗ quý, tức Tý thủy, Tý hóa rồi Thân sinh Dần, cho nên quý. Cái này gọi là ấn hóa sát sinh thân. Loại này kết cấu chính là làm quan . Hóa sát được quyền. Là một chính cấp phòng cán bộ.

Ví dụ: đưa Ất mộc vô căn ví dụ
Càn:
Ất Tân Ất Mậu
Tỵ Tỵ Dậu Tý
Phân tích: Ất vô căn, Tý bất sinh Ất, thừa số phá Ất chi nguyên thần Mão. Vứt bỏ nhật can không cần. Xem nhật chi Dậu kim. Sát tọa chủ vị. Năm tháng lưỡng Tỵ, cùng Dậu bán hợp, Tỵ hỏa vượng, không thay đổi tính chất, ý là muốn dồn Dậu, gọi thương chế sát, chủ quyền lực. Sát tại chủ vị là quyền lực. Nhưng Tân thấu tại Thiên Can chế bất tịnh, quan cùng lắm là chính cấp phòng cán bộ, tẩu Sửu vận làm quan, Sửu là sát khố, Tý Sửu hợp động rồi Tý thủy ấn tinh, với lại củng rồi kim cục, nguyên nhân trung thần rơi vào chủ vị, (tam hợp cục trung thần rơi chủ vị,) sát ấn xứng đôi, làm quan rồi. Người này Quý Mùi, Giáp Thân hai năm bất hảo, Mùi năm Tý Mùi hại ấn và đã đánh mất công tác, Thân năm Tỵ Thân hợp đến khách vị, không có chuyện gì. Ất Dậu năm sát tới có thể làm quan. Hắn Tân Tỵ năm thăng quan.
Ví dụ: đưa Ất có căn ví dụ
Càn:
Quý Tân Ất Đinh
Mão Dậu Dậu Sửu

Phân tích: Ất trên năm thấy lộc (căn), không thích sát xung, Dậu trung thần song hiện bất là hợp cục, mà kim nhiều, gọi nhập mộ. Lộc tại năm tháng bất chủ chính mình thân thể, trụ ngày và trụ giờ lộc là chính mình thân thể, cho nên sẽ không thương thọ. Năm tháng thất sát xung lộc là chủ ly hương, đến nước ngoài phát triển rồi. Lộc là ăn uống, tài ý, đến nước ngoài khai quán ăn rồi. Nguyên nhân sát chế rồi lộc, cho nên bất chưởng binh quyền. Vượng sát nhập mộ, mộ với lại không ra, cho nên bất đương quan. Có một tượng, Quý Mão tại trên năm, Quý là mẹ, ngồi Mão lộc, mang tượng rồi, sát xung lộc, đại biểu rồi mẫu thân chi hung, mẹ bị tai nạn xe. Có căn chi mộc không thích sát xung chế lộc.
Thất sát quá vượng mà vào Sửu mộ, sát vượng nhập mộ chủ không có việc gì tố.

Càn:
Mậu Kỷ Ất Đinh
Tuất Mùi Tỵ Hợi
Phân tích: Hôn nhân bất hạnh, vợ chồng cung có tật xấu, cả đời dường như khổ, bất thuận. Có căn chi mộc, Mùi cùng Hợi không thể phá, nhưng Mùi Tuất hình phạt, Tỵ Hợi xung, cũng phá hủy.
Càn: Diêm Tích Sơn:
Quý Tân Ất Đinh
Mùi Dậu Dậu Sửu
Phân tích: thất sát nhập mộ, quan sát khố chế rồi tỷ kiếp khố, dụng sát khố chế khử nhận khố là chưởng binh quyền .
Giáp Ất mộc có một cùng đặc điểm: Giáp Ất mộc có căn, như sinh tại mùa hạ cần thủy đến sinh dưỡng, như sinh tại mùa đông cần hỏa đến điều hậu (tòng Thìn đến Thân cũng là ấm Địa).
Giáp Ất đối với tiết khi cũng đặc biệt mẫn cảm. Mùa xuân mộc là sinh mộc, sinh tại Dần Mão nguyệt mộc vượng , mộc có thể sinh trưởng, nhưng đầu mùa xuân mộc non, sợ kim trảm mộc. Nếu như là mộc vượng thì hỉ hỏa, thoát thai yếu hỏa, đây là Giáp Ất mộc chung đặc điểm. Sinh tại tháng 3, vậy là mùa xuân, cũng là sinh mộc, sợ kim đến trảm, nhưng nó không nhất định hỉ hỏa, mà là hỉ thổ, thổ là tài. Nếu như sinh tại Mão nguyệt, có một Dậu kim nhân tiện phá hủy, đến một Thân kim, Mão Thân hợp chế kim, nhân tiện khả dụng, có thể kim tồn tại. Có Mão không dám thấy Dậu, có Dần không dám thấy Thân, mùa xuân mộc không dám bị xung khắc.
Càn:
Mậu Ất Giáp Đinh
Thân Mão Thân Mão

Thất sát phối dương nhận, công - kiểm - pháp . Thất sát tại chủ vị, là của ta thất sát, của ta chức vụ. Thất sát là làm cái gì ? Quản dương nhận , là tỉnh chính pháp ủy. Tại sao không là cơ quan công an? Nguyên nhân cục trong lộ ra Đinh hỏa, Đinh hỏa là thương quan, chủ văn tú, cho nên là một quan văn, chỉ là tại cơ quan công an công tác, nhưng không mang theo thương. Nếu Thân đổi lại một Dậu, nhân tiện phá hủy.
Khôn:
Tân Canh Giáp Bính
Dậu Dần Tý Dần
Mùa xuân mộc thấy Dậu bất hảo, Dần Dậu bất hợp, Dậu là kỵ thần, là khắc Dần , nếu như Tý cùng nguyệt chi Dần đổi lại một vị trí, thủy có thể tiết kim, nhưng cái này không được. Mùa xuân mộc hỉ hỏa, Bính Tân nhất hợp, với lại phá hủy hỏa, hôn nhân rất kém cỏi. Lần đầu tiên hôn nhân bất hạnh, thứ hai ba được người bao dưỡng, về sau lại bị từ bỏ.

Giáp Ất mộc sinh tại mùa hè, xem có hay không thủy, nếu có thủy chính là sinh mộc, nhất định phải dụng thủy, tượng lúa mạ yếu thủy đến tưới; nếu như không hữu thủy, nhất định không thể thấy thủy, ngược lại yếu khử thủy. Nếu như Giáp Ất mộc không có căn như Giáp Tý sẽ khử thủy.
Càn:
Mậu Kỷ Ất Đinh
Tuất Mùi Tỵ Hợi
Nhạc Phi:
Quý Ất Giáp Kỷ đại vận: Giáp Quý Nhâm Tân
Mùi Mão Tý Tỵ Dần Sửu Tý Hợi
Đó là một điển hình võ tướng. Dương nhận khố hại rớt Tý thủy ấn, đây là được quân quyền, sinh sát quyền to, cái này Tý vô ích, muốn dồn rớt. Nhâm Tý vận, Tý thủy đúng hạn, vừa lúc hại rớt, được quyền; Tân Hợi vận nhân tiện phiền toái rồi, Tân kim xuất hiện, kim thủy một nhà, vốn cục bên trong khử rồi Tý thủy, nhưng là đến một Hợi, khử không được, Tỵ Hợi nhất xung, theo nguyên cục bất hòa, vốn là Hợi Mão Mùi cục, hội khởi dương nhận vượng, nhưng là lộ ra Tân kim, Tân Hợi vận, là Tân mang Hợi đến, Hợi yếu hội cục, nhưng Tân yếu xung nhận, hai ý tứ phản rồi, phản cục. Thuyết minh phiền toái là tự tìm , chính mình cùng chính mình đối nghịch, không biết hoàng đế ý tứ. Tân Dậu năm kim vượng, xung rồi dương nhận, xui xẻo rồi. Cho nên nói không căn có thể khử.
Ất mộc sinh tại mùa hè, có Hợi thủy, không thể khử. Hợi thủy cùng Tý thủy không giống, Hợi trong có mộc, là mang căn , nhất định phải dụng, nếu như sinh tại giờ tý nhân tiện có thể rồi. Tỵ Hợi xung, Tỵ chính là đại tật xấu, khả phán rằng vợ bất hảo hoặc hôn nhân bất may mắn. Thực tế là

vợ có bệnh, chẳng những liên lụy hắn, mà còn ầm ĩ,hôn nhân cả đời là bất hạnh . Bát tự này duy nhất khả dụng chính là Hợi thủy, dụng thần tại tử tôn cung, con cái hảo. Năm tháng một mảnh táo thổ, phụ mẫu huynh đệ không có, thiên tài là cha, Tuất Mùi hình phạt, có tai, phụ tinh hỗn tạp, hoạn phụ, phụ thân sớm tử. Bát tự trong duy nhất hảo trên giờ Đinh hỏa hư thấu là cát, cho nên người này miệng hảo, có thể nói giỏi, mặc dù không có văn hóa, nhưng sẽ không khổ. Hỏa trọng hỉ hư, thực thần biểu khẩu tài, toàn cục hỏa rất vượng rồi, nhất hư đến trên giờ, khẩu tài thì tốt rồi.
Trời mùa thu Giáp Ất mộc không giống nhau, Giáp mộc thu sinh không tốt lắm, đến trời mùa thu nhân tiện điêu linh rồi, nhưng Ất mộc là tốt rồi, Ất mộc là lúa mạ, đến trời mùa thu là chuẩn bị thu hoạch. Cho nên Ất mộc sinh tại trời mùa thu hỉ hỏa, bởi vì lương thực yêu cầu phơi nắng. Giáp mộc sinh tại trời mùa thu không quá quý, không phải tốt lắm. Ất mộc thì Càng không cần có căn, ngược lại sợ có căn, hỉ vô căn.
Khôn:
Nhâm Kỷ Ất Đinh
Tý Dậu Sửu Sửu
Ất mộc sinh thu, với lại tọa Sửu Địa, đặc biệt nhược, không cần lo cho Ất mộc, nhược nhân tiện nhược đi, dù sao với lại không có bị phá. Bất xem Ất mộc nhân tiện xem chủ vị Sửu, Sửu nếu như khởi hảo tác dụng là tốt rồi, Sửu nếu như khởi phá tác dụng, như vậy bất hảo. Sửu củng Dậu kim, đương quan. Nơi này có hai ý tứ: 1, Sửu củng Dậu là Sửu sinh Dậu, nàng củng người ta, chứng tỏ nàng giúp người khác;2, Dậu cũng có thể nhập khố, lãnh đạo hoàn đặc biệt nghe nàng . Còn có Tý Sửu hợp, Tý là ấn, hợp đến chủ vị, cũng là chứng tỏ nàng là có công tác, có đơn vị, có quyền lực ý tứ. Đinh Nhâm hợp chứng tỏ đơn vị tính chất, Đinh hỏa là thực thần, chủ văn hóa, cho nên là văn hóa ngành một quan. Sửu phục ngâm, nhất kết hôn thì có hai nơi trụ phòng.

Giáp mộc sinh tại Tuất nguyệt
Càn:
Ất Bính Giáp Giáp
Mùi Tuất Tý Tuất

Tuất là hỏa khố, khẳng định không có căn, dưới loại tình huống này, Tý thủy nhất định phải khử, Tý thủy sinh Giáp mộc không được, bát tự trong tài với lại vượng. Ấn chứng tỏ quyền lực, tài khử ấn, chứng tỏ được quyền, đương quan mệnh. Mùi là dương nhận khố, dương nhận khố khử

ấn, dương nhận khố có đao thương khố ý tứ, nhưng lộ ra một Bính hỏa đến, thực thần cao lộ, sẽ không là võ tướng rồi, Mùi Tuất hình phạt, cũng không phải thuần túy dùng võ , vừa có võ vừa là một quan văn. Là một tòa án viện trưởng.
Giáp Ất mộc sinh tại mùa đông, yếu điều hậu, mộc rất hàn bất trường, đi tới ấm Địa cát, nhưng trong bát tự phải có ấm tồn tại mới tốt.

2, Bính Đinh hỏa
Bính hỏa: là mặt trời, ánh mặt trời, truyền thông, điện ảnh và truyền hình, văn hóa, ngữ văn, văn loại. Làm nghệ thuật nhiều có Bính hỏa.
Đinh hỏa: là ngọn đèn dầu, tinh quang, linh quang, ánh trăng, văn tự, thần bí văn hóa. Yêu thích mệnh lý nhiều có Đinh hỏa tượng.
Bính hỏa không thể quá vượng, như vượng phải có nguyên thần, nguyên thần vượng tài năng vượng, nhưng có khuyết điểm, chính là quá vượng sẽ hỏa nhiều mộc đốt. Vượng rồi sau không thể suy, như có hỏa thế chỉ sợ suy, sợ tối hỏa (sợ thấp thổ tối hỏa).
Như Bính Đinh hỏa chi tất cả đều là kim thủy, thì nguyên nhân vô căn sẽ không sợ suy, lúc này khả vứt bỏ nhật chủ bất xem, Bính Đinh hỏa chỉ nhìn tượng là được. Có thể dùng để phụ trợ phán quyết nghề.
Đinh hỏa hỉ vượng không sợ suy (Đinh hỏa không sợ vượng, phản hỉ vượng, nhưng cũng không sợ suy, không giống Bính hỏa vượng cực sau sợ suy).

Cả hai đối với bốn mùa cũng bất hết sức mẫn cảm, không nói tiết khi, nhưng có một đặc tính: Bính hỏa sợ quá vượng, có mộc, sẽ đốt mộc và tẫn; Đinh hỏa không sợ vượng, hỉ vượng. Bính hỏa còn sợ nhược, một khi có căn sợ đương căn hủy diệt; Đinh hỏa vượng sau nhược cũng được.
Đều sợ thấp thổ tối hỏa, cũng sợ táo thổ tối hỏa, ngộ này hỉ mộc, không có mộc thì bần *; thấy thổ bất chủ tú khí.
Ví dụ:
Càn:
Ất Bính Bính Quý
Mùi Tuất Dần Tỵ
Phân tích: mộc hỏa thế, hỏa vượng, có nguyên thần, trên giờ Quý thủy sớm nướng phạm, có một tật xấu, lộc tại trụ ngày và trụ giờ không thể hại, bao gồm đại vận lưu niên đến hại cũng không thoải mái, nơi này nguyên cục Dần Tỵ hại lộc chủ hung, tẩu Nhâm Ngọ đại vận, hội vượng rồi hỏa cục, Mậu Dần năm, hỏa quá vượng, Mậu Quý nhất hợp, đương một chút Quý thủy vậy hợp phạm, Dần Tỵ nhất hại, hại lộc chủ hung tử, bị chết cháy.

Càn:
Bính Bính Bính Đinh
Thân Thân Thìn Dậu
Phân tích: Bính Địa Chi vô căn, không sợ Địa Chi kim thủy thành khí thế. Bính Đinh hỏa với lại không có ấn, cho nên lại Càng không hội thiêu đốt, cái này hỏa chỉ chủ danh khí, Đinh tại môn hộ, chủ huyền học, thần bí chi học. Bính Thìn nhật chủ Địa Chi thấy lưỡng Thân kim một Dậu, Thìn là thực thần, vừa là thủy khố, thực tại tọa là ăn , ăn thấy thủy chính là thang. Thìn là thực thần thì có một tượng gọi thuốc bắc. Người này là có danh tiếng trung y, với lại tinh thông Chu Dịch. Thìn Dậu hợp, Dậu là tài, đương Dậu tòng phương tây kéo trở về, đương người tòng phương tây kéo trở về, chủ cứu người. Người này không có đại tài, bát tự này bất chủ tài. Trước Tân Sửu vận cũng không tốt lắm. Hiện hành Tân Sửu vận bắt đầu chuyển biến tốt đẹp, Nhâm Dần vận chế rồi ấn là hảo.
Người này hai chân có chuyện, Bặc Văn: hai chân cũng có tàn , ta cho rằng là Bính Thân duyên cớ. Bính lâm Thân vị là bệnh, tỷ kiên chủ chân giò.
Càn:
Kỷ Bính Mậu Đinh đại vận: Ất
Tỵ Dần Ngọ Tỵ Sửu
Là một tiểu hài tử, Bính hỏa Mậu thổ một nhà, Tỵ là lộc, cũng là Dần Tỵ hại lộc. Dần mộc bản sinh Bính hỏa, Bính Mậu một nhà, nhưng Dần Tỵ nhất hại, Dần mộc bất sinh Bính phát hỏa, mấu chốt là lộc bị hại, nguyên thần bị hại, hại ở Nguyệt Lệnh trên, rất nhỏ sẽ chết rồi. Nếu như trong mệnh cục không có Dần mộc, cuộc sống nhân tiện rất tốt, nhất có cái này nhân tiện phá hủy. Hạ lão sư phán quyết sống không quá 13 tuổi. Ất Sửu vận Ất vận, Mậu Dần năm Hợi nguyệt, tai nạn xe tử vong, một con mắt rớt. Dần mộc là đầu, Bính hỏa là mắt, hại, đầu bị đè, hai tròng mắt vậy bay, trên giờ là môn hộ, chủ tai nạn xe.
Càn:
Kỷ Mậu Bính Bính
Dậu Thìn Thìn Thân
Phân tích: nhật chủ vô căn vô sinh, bất xem vượng suy, Thìn Dậu hợp tài, thực tác công, là dựa vào kỹ thuật làm ra tiền. Người này là làm xe hơi công tác . Ất Sửu vận, Dậu Sửu hợp tài với lại Sửu nhập Thìn mộ đến chủ vị. Nên tài vận hảo.Giáp tý vận, Giáp Kỷ hợp, đương thương hợp rồi, bất can xe hơi công tác. Đến Tý vận, Thân Tý Thìn tam hợp cục, tài hóa quan rồi, tương đương với quan thống tài, cho nên lại có việc làm, người này vậy yêu thích mệnh lý Chu Dịch.
Bác văn: Thìn là xe.
Trúc Tử: ấn tinh hư thấu: phân dụng kỵ. Là dụng hư thấu không văn

bằng, là kỵ hư thấu có văn bằng, hoặc là kỵ khử ấn vậy là có văn bằng. Như vậy cái này Tân Mùi Tân Mão Nhâm Thìn Kỷ Dậu, cái này ấn thấy thế nào ?
Tiểu Nguyệt Hồ: quan vừa có thể xem
Bặc Văn: ấn mang quan tượng chính là có văn bằng, quan yếu phối ấn, phải có chế mới có văn bằng. Cái này có văn bằng, ấn hư thấu thời trẻ làm việc bất tháp thực. (1h31m=2005-12-28)

Ất Tân Ất Mậu
Tỵ Tỵ Dậu Tý vì sao Sửu vận hảo? Hội cục đương thương quan hóa đi rồi.
Càn:
Giáp Quý Đinh Canh
Dần Dậu Sửu Tý

Phân tích: Đinh hỏa vượng và không gắt, suy và bất kiệt. Đinh nhật chủ không cần xem vượng suy rồi, Đinh chung quanh một mảnh kim thủy, vô căn. Xem nhật chi Sửu, củng rồi tài, nhưng trung thần tài rơi vào rồi khách vị, thuyết minh làm công cho người khác, thay người khác kiếm tiền. Trên năm Giáp Dần cách quá xa, sinh không đến. Là nhàn thần. Trên giờ Tý thủy hợp Sửu, hợp rồi sát, nguyên bổn ứng có quyền, nhưng có một tượng, Canh Tý là mang tượng, sát mang tài mũ, chính là quản tiền rồi. Bất đương quan.
Càn:
Quý Đinh Đinh Bính
Mão Tỵ Tỵ Ngọ
Phân tích: Đinh Tỵ gọi liên căn thân thể, không thể phá. Mộc hỏa chủ dương, kim thủy chủ thế. Đinh chủ văn hóa, văn bút hảo, văn bằng cao. Huyền học văn minh chi tượng. Người này yêu thích Dịch kinh, có nghiên cứu, Quý sát hư thấu chủ danh khí, Bính Đinh hỏa cũng là danh khí. Có tiền bát tự. Quý Mão là ấn mang sát mũ. Mão nguyên nhân bị Tỵ tiết, cùng Ngọ phá lực lượng nhân tiện nhỏ, hành Quý Sửu vận, Sửu Ngọ hại lộc, Sửu vừa là tài khố, nhưng dẫn theo sát mũ, sát chủ lãnh đạo, là cùng học giáo đạo sư bất hòa, ầm ĩ mâu thuẫn, vô cùng bất thuận. Bởi vì nguyên cục hỏa vượng, cho nên hại bất tử. Hiện là tiến sĩ học vị. Không có gì công, xem tượng, Bính Đinh đều có tượng, bất dựa vào Bính đoạt Đinh quang luận.
Càn:
Đinh Nhâm Đinh Tân
Mùi Tý Tỵ Hợi

Lâm Dịch Giám: Đinh Tỵ nhật chủ căn không thể bị phá, lưỡng đảng đối kháng, không ai chế được ai. Hai Đinh hỏa một tượng, Đinh Nhâm hợp quan, có công tác, Tỵ Hợi xung, Hợi = Nhâm, bất phạm, Đinh hỏa thông căn, Mùi thổ đương Đinh bán lộc xem, Tý Mùi hại, nhật chủ yếu hợp, không thích Địa Chi hại, phản tượng. Nguyệt Lệnh quan là lãnh đạo. 《 Thiên Can hợp, không thích Địa Chi hại.》 Tý Mùi hại, cùng lãnh đạo bất hợp.

Càn:
Ất Kỷ Đinh Canh
Mùi Mão Sửu Tuất

Ức vạn phú ông, nhưng chưa từng tốt nghiệp tiểu học. Đinh hỏa chủ văn hóa, Mão mộc yếu tiết, nhưng Mão Tuất hợp, Ất Canh hợp, Mão mộc không có tiết, cho nên không có văn hóa. Không văn hóa vậy không có việc gì, khử chế kim tài, đương tài chế sạch sẽ rồi, cho nên là ức vạn phú ông. Mão mộc cùng Đinh hỏa chung cấu thành rồi một loại văn hóa, nếu như Mão mộc sinh được Đinh hỏa thì có văn hóa, tiết không được, sẽ không có văn hóa. Đây là một loại sắp đặt. Nhưng kim thủy sắp đặt sẽ không có thể như vậy giảng, bởi vì Đinh hỏa chủ văn hóa.

Thực thần, ấn, tài, quan, cũng có thể xem văn hóa, bằng cấp, như thế nào phân biệt? Tỷ như thực thần hoặc thương quan, chỉ cần là tú khí, nhân tiện đại biểu văn hóa; ấn tinh cũng là văn hóa, ấn là tật xấu khử , ấn hữu dụng sinh rồi, cũng chủ văn hóa; tài hư là cát, nhưng tài hư không đồng nhất nhất định hoàn toàn đại biểu văn hóa, tài hư vốn là đại biểu tài năng, có đôi khi không văn hóa cũng có tài năng, nếu như một bát tự tài trọng có chế, văn hóa thì có rồi; quan sát có chế hóa, vậy đương văn hóa xem.

3, Mậu Kỷ thổ

Mậu thổ: là mặt đất, đặc điểm là sinh tại xuân, thu cần Bính hỏa, bởi vì Bính hỏa là mặt trời. Nếu như sinh tại mùa hè, táo khí sẽ không có thể quý rồi. Sinh tại mùa hè có thủy nhuận có thể quý không? Đáp: chỉ có thể nói tài còn có thể.
Kỷ thổ: là Điền viên, thích Đinh hỏa, thích vượng , hỉ lộc.
Khẩu quyết: Thiên Can thổ trường sinh tại Dần, Địa Chi thổ trường sinh tại Thân. (Thiên Can hỏa thổ đồng cung, Địa Chi thủy thổ đồng cung)
Càn:
Nhâm Bính Mậu Ất
Dần Ngọ Dần Mão

Phân tích: sinh vào Ngọ nguyệt, lưỡng Dần sinh Ngọ, năm tháng nhật kết cấu tốt lắm, tọa sát, bị ấn trên nguyệt hóa rồi, ngược lại sinh thân. Mặc dù sinh tại táo nguyệt, nhưng có công. Ngược lại quý rồi, nhưng có bệnh, sát bị hóa rồi sinh thân sau không thích trên giờ hiện quan tinh, quan sát hỗn tạp, vừa là Ất đến khắc thân."Mậu thổ nhật chủ không sợ thất sát sợ thấy chính quan" . Nguyên nhân có Ất Mão không thể làm quan, cần xem đại vận có thể khử Ất Mão không. Vừa đúng được rồi một Canh Tuất đại vận, Ất Canh hợp, Mão Tuất hợp, chữa trị rồi bát tự bệnh, chế khử kỵ thần được kỵ thần hỉ. Chế quan được quan, vận này đương rồi quan. Là một chính cấp phòng quan. Canh Tuất vận qua, quan sẽ không có.
Càn:
Ất Ất Mậu Giáp
Tỵ Dậu Tý Dần
Lâm Dịch Giám: trên năm thấy lộc, Dần mộc sinh Tỵ hỏa, Tỵ Dậu hợp chế rồi tài nguyên thần, Mậu Tý tự hợp chế tài, Tý thủy sinh Dần mộc, đương sát đương tài xem, tài quan một nhà. Tẩu Nhâm Ngọ vận, Ngọ hỏa củng rồi Dần mộc, hỏa vượng chế rồi tài, Ngọ khắc Dậu, xung Tý, cũng chế rồi. Nguyên cục sát không có chế hảo, tài cũng không có chế hảo, Ngọ vận chế tốt lắm, phát tài hai triệu.
Càn:
Ất Giáp Kỷ Kỷ
Mùi Thân Mùi Tỵ
Phân tích: hỏa cùng táo thổ có khí, lưỡng Mùi kẹp chế Thân, Tỵ Thân hợp. Chính thức tố công tại Tỵ. Thân là thương thực, bát tự không có tài, thực thương đương tài xem, chế tài được tài, hơn nữa là tài nguyên thần, Thân có cái gì tượng? Đầu tiên, Thân sinh tài, Thân trong với lại hàm chứa tài, cho nên Thân kim chủ ngân hàng. Giáp Kỷ hợp, nhật chủ hợp quan. Hành Canh Thìn đại vận, Canh đến chính là Thân đến rồi, nguyên cục Thân bị chế, cho nên Canh vận hảo, Ất Canh nhất hợp, chiếm được tài. Ất Mùi, Kỷ Mùi là một đảng, cho nên có thể xem thành là một nhà . Tẩu Thìn vận bất hảo rồi, phá hủy, tối rồi Tỵ hỏa, sinh rồi Thân kim, Thân là muốn chế , sinh rồi nhân tiện phá hủy, chế tài không thích sinh, vô cùng bất thuận, phá tài bị tai.
Khôn:
Giáp Kỷ Kỷ Đinh
Ngọ Tỵ Sửu Mão
Phân tích: Kỷ hỉ Đinh, Ngọ, Kỷ nhật chủ tọa thực thương khố, trên giờ thấy Đinh, trên năm thấy Ngọ, nguyên cục mộc hỏa thế, chế Sửu thổ, Tỵ sinh Sửu, Ngọ hại Sửu, mộc hỏa thế đương hỏa hóa loại công tác, Kỷ trên năm thấy lộc, lộc mang quan mũ, Giáp Ngọ mang tượng, là ấn mang quan

mũ, hợp thân, khẳng định là một quan, là một văn hóa loại quan, chính cấp phòng cán bộ, Sửu chế hảo, nhưng có một khuyết điểm, Sửu Ngọ hại, đây là kém cỏi nhất , cho nên phá hủy, hỉ chế Sửu nhưng không thích hại lộc, lộc bị hại nhân tiện phá hủy, nhật chủ sở hợp không thích Địa Chi hại, mà hại chính là lộc.Cho nên người này nhân phẩm bất hảo, hảo tính kế người khác.
Mậu Kỷ thổ không cần phân có hay vô căn.

4, Canh Tân kim

Canh kim: khoáng thạch, sắt thép, kim loại, đại biểu thô ráp chi kim. Canh không thích vượng. Vượng thì bất hảo, chủ ngu dốt. Canh kim không sợ nhược, trái ngược hoàn hỉ nhược, nhược hảo, sợ thấy lộc nhận quá nặng, gọi ngu kim bất hóa. Trọc khí quá nặng, không có gì thành tựu, thích thanh , nhược. Như thấy lộc nhận chi căn, hoặc là thuận theo tính chất, thấy vượng thủy cát; nếu thấy nhược, yếu nghịch kỳ tính chất, thấy vượng mộc hỏa phương cát. Không thể cũng thuận cũng nghịch. Canh kim chế hóa thích hợp, tức khả thành tài.
Tân kim: trân bảo, trang sức, ngọc khí, đại biểu tú khí chi kim (Tân kim phối Quý thủy kết cấu là đương văn hóa , viết thư). Tân kim hỉ Quý thủy cùng Hợi thủy không sợ nhược. không nên nhiều, nhiều thì bất tú, sợ thổ trọng, chôn vùi và vô quang. Hạ Tân kim bị khắc, tối hỉ thấy Quý thủy; mùa đông Tân kim ngộ hàn, nhất thích hợp thấy Đinh hỏa.
Kim đặc điểm là bất xem nhật chủ vượng suy, thích nhược , không thích vượng, bởi vì kim nhiều chủ ngoan cố, ngu dốt và bất hóa.
Thủy nhiều kim trầm, tỷ kiếp kháng tài, đều là tù ngục chi tượng.
Càn:
Giáp Quý Canh Giáp
Thìn Dậu Thìn Thân
Phân tích: Canh kim rất vượng rồi, tính cách có chuyện, ngu dốt và bất hóa, tác công tại Thìn Dậu hợp, Thìn hợp rồi dương nhận, yếu sinh Quý thủy, Quý là vượng , Quý lại muốn sinh Giáp, Giáp bản tọa Thìn có căn (tài đắc căn, tài có căn cần, thực thương sinh tài), nhưng bị Thìn Dậu hợp phá căn, cho nên không có đại tài (Thìn Dậu nhất hợp phá hủy Giáp Mộc Chi căn, Giáp mộc là tài, tài căn bị phá, Quý thủy sinh không được Giáp mộc, người này không có đại tài). Còn có một tật xấu, đại vận đi rồi thủy vận, đi Tý vận sau thủy rất vượng rồi, Tý vận kém cỏi nhất, Thân Tý Thìn hội vượng rồi thủy cục, thủy nhiều kim trầm. Kim trầm đáy nước chủ tù ngục tai ương.
Càn:
Mậu Quý Canh Bính đại vận: Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh

Tý Hợi Tuất Tý Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ
Canh kim nhược, vứt bỏ và bất xem, xem tọa chi Tuất thổ. Tuất là sát khố, toàn cục thủy nhiều, Mậu Quý có hợp đã nói lên là một đương quan . Hoặc hỏi: sát khố không khai, có thể nào đương quan? Mấu chốt là Mậu Quý hợp. Mậu thổ đến vào Bính hỏa, Bính hỏa đến từ Tuất thổ, thị tòng khố trong đi ra , Mậu Quý nhất hợp, Mậu bị chế khử, sát khố trong đi ra bị chế. Càng chủ yếu là Mậu Thìn đại vận đi hảo, tại này trước là một tiểu quan, làm thư ký, Thìn vận xung khai sát khố, lợi hại, quan sẽ không nhỏ. Nơi này hay cường điệu một khí thế, Thìn thổ tăng mạnh rồi thủy khí thế.
Càn:
Nhâm Quý Tân Kỷ đại vận: Giáp Ất Bính Đinh Mậu
Dần Mão Mùi Hợi Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân
Tân kim nhật chủ, mặc kệ suy vượng, tọa Mùi thổ là tài khố, Địa Chi tất cả đều là tài. Vốn này đó tài đều muốn nhập khố, Hợi Mão Mùi hội cục, trung thần tại nguyệt, làm công cho người khác, thay người khác kiếm tiền, nhưng coi như là có tài. Tẩu Ngọ vận, Dần Ngọ hợp tiết Dần mộc, Ngọ Mùi hợp quan, quan là quản lý ý tứ, quản lý tài, chính mình mở một công ty.
Càn:
Đinh Mậu Canh Bính
Dậu Thân Ngọ Tuất
Phân tích: Canh kim hỉ nhược, thấy lộc lại thấy rồi dương nhận, kim cùng hỏa thổ thành khí đối kháng, hỏa kim giao chiến, không ai chế được ai. Gặp phải đối kháng chính là phế công. Đi Thìn vận, Thìn vận thì kim thủy vượng đương hỏa chế rồi, nhưng chế không sạch sẽ, manh phái có nhất quyết, quan sát chế không sạch sẽ đương tài xem (nhiều lắm bất phát tài thôi), cho nên có Thìn vận phát tài hơn một ngàn vạn, qua Thìn vận lại không được rồi, đi mộc vận lại không được rồi. Hỏa vượng phản đến chế kim, nhân tiện phản rồi, đến chế dương nhận cùng lộc rồi, Canh kim thấy lộc bị chế, bị quản chế thông thường là hung, bị thương. Canh kim thấy lộc tại sao là bị quản chế đây? Đáp: những lời này ý tứ là Canh thấy lộc sau không thể bị quản chế quá mức. Lộc đến chính là thọ đến rồi, đã chết.
Càn:
Tân Tân Canh Canh
Tỵ Sửu Thân Thìn
Phân tích: kim vượng thấy mộ (trên nguyệt), nhất định phải nhập mộ, Tỵ quan hợp lộc, tượng này loại lộc trực tiếp hợp quan bát tự sẽ không hội làm quan, nguyên nhân đại bộ phận lộc đi làm công bát tự cũng sẽ không đại phú đại quý, tỷ kiếp nhập mộ, Tỵ Sửu. Củng cục sẽ không chủ làm quan, hợp quan chủ rồi công tác. Nói rõ: hợp quan là có công tác, người này vừa bất đương quan với lại bất phát tài, trước kia từng có công

tác, nhưng về sau thất nghiệp ,thân thể vậy bất hảo.
Càn:
Bính Mậu Tân Quý
Tuất Tuất Tỵ Tỵ
Phân tích: Tân kim phối Quý thủy là văn loại, vậy yêu thích mệnh lý học, làm qua giảng dạy. Năng lượng không có sinh ra nhiều hiệu suất, duy nhất công chính là Quý Tỵ tự hợp, Tân phối Quý, tài ăn nói hảo, yêu thích mệnh lý, tẩu Thìn vận tốt một chút.
Khôn:
Bính Quý Tân Quý
Dần Tỵ Dậu Tỵ
Phân tích: Marylin Monroe bát tự. Hai Tỵ hai nam nhân, kim thủy tương sinh là tú khí, là sức hấp dẫn. Đi Dần vận, tuyệt rồi Dậu, Dần vận hại tài, nguyên cục nhân tiện có chuyện, Dần vận nhật chủ đến rồi tuyệt địa, Tân nhật chủ tọa lộc, chế lộc là không được .Tử.
Càn:
Nhâm Kỷ Tân Kỷ
Tý Dậu Dậu Sửu
Phân tích: Tân Dậu nhật chủ sinh tại giờ sửu đa số là xã hội đen , nhập mộ lại thấy Tý, Tý Sửu hợp mộ, Tý vận Tân Tỵ năm bị bắt, tịch thu tài sản, tù chung thân. Khẩu quyết: tỷ kiếp ngộ thương quan, là kết phái, với lại cũng nhập mộ, Sửu là xã hội đen, hắc ám Địa phương, Nhâm Tý vận Nhâm vận phát tài mấy ngàn vạn, Nhâm vận phát, Tý vận nhân tiện vào tù rồi.
Càn:
Ất Quý Tân Quý
Mùi Mùi Mùi Tỵ
Phân tích: nhật chủ nhược, Quý thực hư thấu chủ tài ăn nói, hỏa thổ thành thế. Mùi là tài khố, người này là làm quan , Tân sinh rồi Quý, Quý hợp rồi Tỵ, Tỵ cùng Mùi nhất đảng, Tỵ với lại sinh Mùi, quan chế rồi thực, quan ở chỗ này có công, cho nên là làm quan . Hành Mão vận Tuất năm thăng quan, Mậu thấu can vậy thăng, Mão vậy thăng. (Bặc Văn: quan tinh sinh đến chủ vị, quan vượng nhân tiện thăng.) Mậu là Tỵ nguyên thần, Dần vận nhân tiện dừng lại. Dần hại Tỵ. Sửu vận xung khai tài khố có thể phát tài.
Càn:
Quý Ất Tân Quý đại vận: Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu
Mão Mão Mùi Tỵ Dần Sửu Tý Hợi Tuất

Năm tháng tài toàn bộ nhập khố, đến chính mình tọa, Tỵ là quan, sinh Mùi, quan vậy sinh ta, vừa có quan lại có tài, tài quan song mỹ. Lại nhìn

thực thần, vốn thực thần là một tật xấu, bị quan hợp chế, gọi bỏ đi kỵ thần, thực thần chủ khẩu tài, chứng tỏ này người có thể nói hội nói. Là văn hóa người, bắt đầu tẩu vận tốt lắm, về sau tẩu Tý Hợi thủy vận, bất lợi quan, đề bạt không được, nên ra ngoài làm ăn. Hắn kinh thương là có cổ phần trong công ty , tố tổng giám đốc.
Vấn đề:
1, Nhật chủ vô căn cũng vứt bỏ và bất xem.
Bặc Văn: phải xem có vô sinh, hợp, tiết, như có cũng là tố công.
2, Mộc, nếu như chỉ ở Thiên Can có thủy, Địa Chi có căn, nhưng Địa Chi không có thủy, tính sinh mộc sao?
Bặc Văn: như Thiên Can quá yếu, cũng là tử mộc.
3, Thực thần chỉ ở trên giờ hư thấu mới chủ tài ăn nói hay tại trụ nào hư thấu cùng đại biểu tài ăn nói.
Bặc Văn: Đúng vậy, nhưng cần gần nhật chủ, trên năm không phải, trên nguyệt cũng có thể, trên giờ Càng rõ ràng, nguyên nhân giờ đại biểu mặt.
4, Giáp Thìn, không gặp thủy có thể sống sao? Bặc Văn: có thể. Thìn trong có thủy.
5, Thực hư trên giờ, không được chế cũng có thể nói sao? Bặc Văn: không được chế sẽ không tác công, còn có thể nói sao?
6, Tân kim hỉ Quý thủy, Hợi thủy, không thích Nhâm thủy, Tý thủy đúng không? Bặc Văn: thông thường là hỉ Quý, Hợi thủy.
7, Thành thế khí thế tại nguyên cục (không có thể chế) không làm công, nếu như đại vận có thể chế xuất hiện, cũng xem như tố công sao?
Bặc Văn: cũng xem như, nhưng tốt nhất là nguyên cục có. Như vậy cấp độ trên yếu kém chút.
8, Mới vừa rồi nói "Lộc" tố công nhỏ, Lý Hồng Chương mệnh nói là "Quy lộc",
Đáp: quy lộc là lực lượng đại.

5, Nhâm Quý thủy
Nhâm thủy: giang hà, hồ nước.
Quý thủy: mưa móc, dòng suối nhỏ, có tú khí.
Nhâm thủy yêu nhất Dần mộc, suy thủy thấy Dần mộc có thể dựa vào, vượng thủy thấy Dần mộc có thể tiết tú. Nhưng không thích Mão mộc, đồng lý, nó hỉ Giáp mộc nhưng lại chưa chắc hỉ Ất mộc.
Quý thủy âm trong chi âm, nhược thì hỉ tòng mộc hỏa, vượng thì hỉ khử hỏa. Vượng nhược không có hỏa không thể quý. Như thấy Canh Tân Thân Dậu chi kim trợ giúp nhược, bất quá bình thường mệnh mà thôi.
Nhâm Quý thủy như thông nguyên (Địa Chi thấy thủy, Thiên Can có thủy

chảy đến giờ), là có khí thế, có ngọn nguồn, không thể chảy tuyệt, chảy tuyệt là thọ tuyệt.
Nhâm Quý thủy thông nguyên sau không thể chảy tuyệt, bất thông nguyên thì không sợ.
Càn:
Ất Kỷ Nhâm Nhâm
Mão Mão Tý Dần
Phân tích: Nhâm tọa Tý, thì lại thấy Nhâm, gọi thông nguyên, có thể chảy khai. Thủy mặc dù không có nguyên thần, nhưng tọa căn, sẽ chảy đi xuống, thủy có nguyên chảy tới trên giờ, sinh rồi Dần thực thần, thực khả đương thọ xem, hành Đinh Sửu đại vận, Đinh Nhâm hợp Tý Sửu hợp, chặt đứt rồi thủy, bất sinh Dần mộc rồi, thủy nhân tiện không có nguyên rồi, thọ tới ngay rồi. Giáp Tuất năm tử , là trúng độc khí ga.
Càn:
Giáp Bính Nhâm Giáp
Thìn Dần Dần Thìn
Phân tích: Nhâm thủy ngồi thực thần, thấu đến Thiên Can trên, Giáp ngồi thủy khố, không chết được. Thủy trên giờ có thủy khố, thọ không thành vấn đề. Tẩu cái gì vận cũng không sợ. Thực thần sinh tài, cần. Tố tự do nghề nghiệp nhiều. Thực sinh tài, tố xí nghiệp , trước Ngọ vận rối tinh rối mù, không có tiền, Canh Ngọ vận chi Ngọ vận bắt đầu phát tài, Ngọ vận tố lắp đặt phát tài. Tài đến rồi, hợp đến rồi tài, có vài trăm vạn.

Khôn:
Nhâm Quý Quý Giáp
Tý Mão Mão Dần
Phân tích: trên năm Nhâm thủy thông rồi căn, yếu chảy, Nhâm Quý thủy thông nguyên yếu chảy. Mà với lại thông rồi căn, là có ngọn nguồn, nhưng chảy tới trên giờ Giáp Dần trên sẽ không thủy rồi. Hành Tý vận, Tý là nhật chủ lộc, lộc đến là thọ đến. Hơn nữa nguyên cục có tật xấu, nguyên cục Tý Mão phá lộc. Phá lộc mà chết. Tử vào Tân Tỵ năm. Nguyên nhân Thủy tuyệt vào Tỵ. Bệnh tử . (bất xem tố công , xem tượng rồi.)
Trên thuật lưỡng ví dụ điểm giống nhau: thực thần cũng lạc không vong, thực thần lạc không vong là đoản thọ. (đây là trung cấp lớp khẩu quyết)
Càn:
Canh Canh Quý Quý
Dần Thìn Mùi Hợi
Phân tích: Quý Mùi bất chảy tuyệt, sống lâu. Nhật chủ tọa thực thương khố, trên năm Dần nhập Mùi khố tố công, nhưng trên năm Dần mộc yếu thủy đến sinh, nhưng thủy với lại vào Thìn mộ, Dần Hợi hợp yếu sinh

mộc, cho nên Dần mộc được thủy sinh lực lượng rất nhỏ, cho nên tố công vừa phải, người này là một nông dân. (Hợi tỷ kiếp sinh thực, tỷ kiếp tố công là lao động chân tay, nông dân, Dần chính là hoa mầu).
Càn:
Nhâm Quý Nhâm Nhâm đại vận: Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh
Dần Mão Tý Dần Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất
Nhâm thủy nhật chủ, tọa tỷ kiếp cùng thực thần tương liên, Tý Dần một nhà, xem thọ, xem Tý cùng Dần, chỉ cần Tý có thể tiếp tục sinh Dần, sẽ không sự tình. Tý thủy căn tại tọa, sẽ không quá sớm tử, Đinh Mùi vận Tý Mùi hại, thân thể bất hảo, bởi vì còn có Dần, không có việc gì. Canh Tuất vận sẽ không tốt lắm, Tuất là hỏa khố, khắc khử thủy, hợp trụ Dần, khẳng định lúc tuổi già là bệnh thận. Ngoài ra, thực thần lạc không vong cũng là tật xấu, thực thần chủ thọ, tại trên giờ thông thường chủ lục, bảy mươi tuế, rất ít có vượt qua tám mươi tuế , đây là chỉ thọ bất trường, và không phải thọ đoản.
Càn:
Nhâm Quý Quý Bính
Tý Mão Mão Thìn
Phân tích: thủy có ngọn nguồn, chảy tới trên giờ về khố, bất là chảy tuyệt. Sẽ không đoản thọ. Đương nhiên bát tự này Tý Mão phá Mão Thìn hại, cũng không phải cái gì hảo mệnh, nơi này không làm phân tích. Có người hỏi thực thần rơi vào khoảng không vong? Đáp: có điều kiện tiên quyết là thủy không chảy tuyệt.

Hai, can chi sắp đặt nguyên lý
Can chi sắp đặt là giảng can chi trong lúc đó các loại quan hệ, bao gồm: can chi sinh khắc nguyên lý, can chi liên hệ nguyên lý, can chi hư thật nguyên lý, là phân tích bát tự trọng yếu.
(nhất) can chi sinh khắc nguyên lý
Thiên Can có thể khắc Địa Chi, Địa Chi không thể khắc Thiên Can. Can chi là quân thần quan hệ, lấy Thiên Can là quân, Địa Chi vi thần. Địa Chi cùng Thiên Can có thể hỗ sinh, có thể tương hợp, chỉ có địa chi khắc hợp Thiên Can thì, Địa Chi mới có thể khắc chế Thiên Can. Như Đinh Hợi trụ, Hợi trong Nhâm thủy có thể khắc hợp Thiên Can Đinh hỏa.

1, Tự hợp
Tức Thiên Can cùng Địa Chi tương hợp: Đinh Hợi, Kỷ Hợi, Tân Tỵ, Quý Tỵ, Nhâm Ngọ, Giáp Ngọ, Mậu Tý, Bính Tuất (Tuất gặp Mùi hình thì Bính có thể hợp Tân trong Tuất), Nhâm Tuất (Tuất gặp Mùi hình thì Nhâm có thể hợp Đinh trong Tuất), trong đó Địa Chi có thể hợp khắc Thiên Can. Bính

Tuất, Nhâm Tuất chỉ có thể Mùi hình phạt, Thìn xung nhân tiện phá hủy, không thể tự hợp rồi.
Can chi tự hợp là hợp một loại, hợp thì có thể khử, là làm công ý tứ.
Càn:
Nhâm Nhâm Canh Tân
Tý Dần Thìn Tỵ
Phân tích: trên giờ Tỵ là sát, Tân Tỵ tự kết hợp Thiên Can dương nhận chế sát, Canh tọa Thìn là ấn, Tỵ sinh Thìn là sát sinh ấn, hóa dụng, Tỵ bị chế rồi, Tỵ là quyền lực, chủ võ chức,
Nói rõ: là Thiên Can dương nhận chế sát, sát bị chế là quyền lợi, dương nhận chủ võ chức.
Nhưng người này bất đương quan, chỉ ở công - kiểm - pháp ngành công tác. Chủ yếu là Dần tồn tại, khiến Tỵ chế không sạch sẽ, đồng thời Dần Tỵ hại là sinh hại, Tỵ muốn dồn không thể sinh, Dần sinh rồi Tỵ, với lại hại Tỵ. Cho nên bất đương quan.
Càn:
Tân Nhâm Ất Đinh
Hợi Thìn Dậu Hợi
Phân tích: Ất mộc là sinh mộc, yếu sinh trưởng, thấy Dậu phá hủy Thìn căn, nhưng Hợi chưa phá, với lại thấu rồi Nhâm, Nhâm Hợi nhất tượng, trên giờ Đinh Hợi tự kết hợp ấn chế thực, Tân Dậu đồng một chữ, Nhâm Hợi đồng một chữ, cho nên Hợi cũng là chính mình, Tân Hợi ấn mang quan mũ, là sát ấn tương sinh, mặc dù cùng chủ vị không có trực tiếp quan hệ,
Nói rõ: trên năm Tân Hợi là sát ấn tương sinh, là sát bị ấn hóa chủ bằng cấp, bất là làm quan, bằng cấp rất cao. Thìn là tư tưởng chi khố, Hợi là toán học, Đinh thực tại trên giờ (môn hộ trên) hư thấu, tài ăn nói hảo, thông minh. Là nhà khoa học trẻ tuổi. Nước Mỹ tiến sĩ học vị. Thìn Dậu hợp có tật xấu, chủ thân thể bất hảo.
Lâm Dịch Giám:
1, Hợi vào Thìn, Nhâm tọa Thìn sinh Ất mộc.
2, Tân = Dậu, trên năm Tân tọa Hợi, Hợi thủy là của mình. Trên năm Tân Hợi là sát ấn tương sinh, là sát bị ấn hóa chủ bằng cấp, bất là làm quan, Hợi thủy là toán học, mà Thìn là tư tưởng chi khố. Thực thần tại trên giờ là môn hộ, chủ tài ăn nói, thông minh, là tuổi còn trẻ nhà khoa học. Nước Mỹ tiến sĩ học vị .
Càn:
Bính Quý Đinh Kỷ
Tuất Tỵ Dậu Dậu
Phân tích: hỏa cùng táo thổ có thế, đến chế Quý thủy, nguyên nhân Quý

Tỵ tự hợp Quý bị chế rồi, nhưng Dậu chế không sạch sẽ (tài chế không sạch sẽ), nguyên cục muốn dồn sát cùng sát nguyên thần, nhưng chế không sạch sẽ, hành Mậu Tuất vận, Mậu Quý hợp, Mậu là Tỵ, đương Quý chế rồi, Tuất đến chế Dậu, vận này thăng quan, là phó cấp sở cán bộ.
Càn:
Ất Quý Tân Quý
Mùi Mùi Mùi Tỵ
Phân tích: nguyên cục muốn dồn kim thủy, cục trong chỉ có Quý thủy, trên giờ Quý Tỵ tự hợp Quý thủy thực thần bị chế, trên nguyệt Quý không có chế. Chế không sạch sẽ. Tẩu Canh Thìn vận Quý Hợi năm đương thư ký, tẩu Kỷ Mão vận (Kỷ khắc Quý, Mão là Ất căn) Bính Dần năm (quan đến rồi) đương phó cấp phòng cán bộ, Mậu Thìn năm (Mậu Quý hợp chế Quý) với lại thăng phó trưởng phòng, Canh Ngọ năm (Ất Canh hợp chế Canh, Ngọ vừa là quan đến rồi, Ngọ Mùi hợp đến chủ vị) thăng chính chỗ, tẩu Mậu Dần vận (vận này tốt lắm) Ất Hợi năm (Hợi Mão củng cục, với lại Tỵ Hợi xung chế rồi Hợi) với lại thăng rồi, Tân Tỵ năm (Tân là chính mình, Tỵ là chính mình ngồi quan đến rồi) thăng tới chính cấp sở , hiện giữ Sơn Tây tỉnh khoa hiệp Chủ Tịch. Quý rất yếu hả ? Chính là bởi vì chế bất tịnh nguyên nhân, cấp bậc cao, nhưng công nhỏ, quyền lực rất nhỏ.
Khôn:
Ất Bính Giáp Ất
Mùi Tuất Tý Hợi
Phân tích: mộc sinh thực, thực tọa căn cần, Tuất vừa là tài, Bính hỏa thực thần đắc vượng có thể sinh tài, là bát tự này lớn nhất công, Bính có thể cùng Tân kim trong Tuất ám hợp, Tân nơi này chứng tỏ nam nhân, ám hợp chứng tỏ nữ tử này cùng nam nhân có mập mờ quan hệ, thông qua loại quan hệ này lấy được tài phú. Thực tế đúng là như thế, nàng bản thân là một danh tiếng diễn viên, thông qua giao kết quyền quý và phát tài. (Lưu Hiểu Khánh bát tự)
Bặc Văn: Nguyệt Lệnh quan tinh chủ đại quan.

2, Mang tượng

Mang tượng: Giáp Ngọ, Ất Tỵ, Bính Thìn, Bính Tuất, Đinh Sửu, Đinh Mùi, Mậu Thân, Kỷ Dậu, Canh Tý, Tân Hợi, Nhâm Dần, Quý Mão. Dường như phương diện này Bính Thìn cùng Bính Tuất có thuyết pháp, là mang tượng vừa phải.
Mang tượng nhất định phải dẫn theo tài, quan, ấn tượng mới có dụng, hơn nữa nhất định phải cùng chủ vị phát sinh quan hệ. Có thể phán quyết nghề nghiệp.
Hỏi: là chi cùng chủ vị phát sinh quan hệ hay can cùng chủ vị phát sinh

quan hệ hay toàn bộ tính. Chủ vị là nhật trụ sao?
Nói rõ: tính cả hai.
Càn:
Giáp Quý Mậu Đinh
Ngọ Dậu Tý Tỵ
Phân tích: Mậu hợp rồi tài (Tý, Quý cũng giống nhau), Mậu trên giờ thấy Tỵ lộc, Tỵ ngồi Đinh, Đinh Tỵ nhân tiện là chính hắn , lộc ngồi là chủ vị là chính mình. Làm một tượng. Đinh cùng Ngọ là nguyên thần cùng lộc, chẳng khác tòng trên giờ đến rồi trên năm, trên đầu ngồi Giáp, Giáp Ngọ cũng là mang tượng. Ấn mang sát mũ. Đổi lại tượng là nhật chủ dẫn theo sát mũ. Là làm quan . Đương nhiên nhật chủ hợp tài cũng có tài, nhật chủ hợp tài sau này hội giảng. Hành Mậu Dần vận, Mậu là nhật chủ đến rồi, Dần là Giáp lộc, chẳng khác chính mình ngồi thất sát, cho nên vận này đương rồi phó thị trưởng. Hơn nữa sát có hóa. Dần Ngọ hợp rồi ấn cục. Chẳng khác quyền lực đến rồi. Bởi vì Ngọ yếu khắc Dậu kim, suy nghĩ chế kim thủy, chế bất hảo. Cho nên nhân tiện xem Giáp Ngọ mang tượng. Hỏa chế kim thủy chế không được, cho nên bất xem tố công, xem tượng là được. Nhật chủ hợp tài, thuyết minh hắn là tham quan, tham tài.
Càn:
Giáp Quý Tân Kỷ
Ngọ Dậu Mão Hợi
Phân tích: Hợi Mão củng cục, thương quan sinh tài. Nhất định là của mình, nguyên nhân củng đến rồi chủ vị, trung thần tại tọa, Hợi ngồi Kỷ thổ ấn tinh, Kỷ cùng Ngọ một tượng, Giáp Ngọ là mang tượng, sát mang tài mũ, thuyết minh hắn là quản tài quan, là phó cục trưởng cục tài chính , phó cấp phòng cán bộ. Tại sao là phó ? (đáp án: chủ thần tại chủ vị là chính chức, tại khách vị là phó chức, bị hại nhân tiện phản rồi chính là phó rồi, Kỷ cùng Ngọ một tượng, Địa Chi Ngọ Hợi hợp, đương khách vị quan kéo đến trên giờ , đã ở khách vị, bởi vì bây giờ là cũng là chủ vị, nhưng dù sao bất tại chính mình tọa.
Nói rõ: Ngọ hỏa là sát, Ngọ Hợi ám hợp có tượng, sát tại khách vị với lại hợp đến rồi trên giờ, không phải tọa, cho nên là phó chức.
Khôn:
Đinh Bính Tân Giáp
Mùi Ngọ Mùi Ngọ
Phân tích: vô công, nhưng có tượng, xem tượng, bát tự này quý, đầu tiên là trên giờ, mang tượng, quan mang tài mũ, quản tài quan, Ngọ Mùi hợp, là của mình, ngoài ra chính mình tọa tài khố, Ngọ cùng Đinh vừa là một tượng, Đinh tọa Mùi, cùng nhật thượng Mùi là một tượng. Đinh Mùi ấn mang sát mũ, chủ quyền lực, ấn là xí nghiệp, Bính Tân kết hợp quản lý ý

tứ, Đinh Ngọ Mùi đều là một đoàn đội . Đinh Mùi tại trên năm chủ phương xa, thì là môn hộ, cũng chủ ra nước ngoài, người này rất có năng lực, quản lý khóa quốc hải ngoại công ty đại xí nghiệp tài vụ tổng thanh tra, rất có quyền lợi. Bát tự này không thể phân tích tố công, chỉ có thể tòng tượng trên phân tích.
Khôn:
Nhâm Canh Bính Tân
Dần Tuất Ngọ Mão
Phân tích: Dần Ngọ Tuất tam hợp dương nhận cục. Trung thần tại chủ vị, mộc hỏa thành thế, trên năm Nhâm Dần mang tượng, ấn mang sát mũ, hợp đến chủ vị, là được quyền lực ý tứ. Ấn là quyền lực, là công tác đơn vị. Mộc hỏa chủ văn loại, Bính hỏa vậy chủ văn. Bính là điện ảnh và truyền hình truyền thông, văn hóa, khẳng định cùng văn hóa có quan hệ. Bính Tân hợp Tân tọa vậy là Mão ấn, Tuất là thực thần, thực thần là giáo dục, khả giải thích là con, với lại là khố, thuyết minh con nhiều, thuyết minh là học giáo, giáo dục nghề. Tam hợp cục trung thần tại tọa, khẳng định là chính chức, là học giáo hiệu trưởng. Tại sao cấp bậc không cao đây? Bởi vì Canh kim không có chế.
Khôn:
Mậu Giáp Ất Tân
Thân Dần Tỵ Tỵ
Phân tích: mộc hỏa có thế, trên năm chính quan bị Dần xung rồi, muốn dồn quan, có thể chế không, có thể. Bởi vì còn có Tỵ Thân hợp, Tỵ tại chính mình tọa, bát tự quý còn đang Tỵ thấu đến trên năm Mậu thổ, Mậu Thân làm quan trên dẫn theo tài mũ. Cho nên cái này quan nhất định là của mình, mà cùng tài có quan, là quản tài quan , Thân kim có tượng, Thân tượng ngân hàng, nơi này khả giải thích là tài chính nghề, Thân làm quan, Tỵ Thân hợp, khả đổi lại tượng, Tỵ vậy là sinh tài Địa phương, Tỵ tố công, Tỵ là thương quan, tòng cái này giải thích vậy cùng tài chính có quan hệ, thực tế người này là một chủ nhiệm dân sinh ngân hàng . Tẩu Canh Tuất vận, Canh Thìn năm bất cát, vô cùng bất thuận. Nguyên nhân nguyên cục muốn dồn quan, không thích Canh kim lộ ra hợp thân. Thìn là thủy khố, với lại tối rồi Tỵ hỏa. Dường như trong nhà phụ thân sinh bệnh, phá tài. . . . Tố công chữ nhất định không thể phá, bao gồm lưu niên phá hủy cũng sẽ rất khó chịu.
Khôn:
Quý Giáp Bính Canh
Mão Dần Tuất Tý
Phân tích: Bính tọa Tuất có căn, tọa thực, Mão Tuất hợp, Dần Tuất củng, thực hợp ấn tượng là đương văn loại có văn hóa, đồng thời nguyên cục

mộc hỏa tượng cũng là ý tứ này, Quý Mão mang tượng, là đương văn hóa loại quan. Canh Tý vậy mang tượng, là sát mang tài mũ, nhưng cùng chủ vị không quan hệ hệ, cho nên không thể phán quyết là quản tài quan, dựa vào tài hư thấu giảng, hư thấu tại môn hộ trên chứng tỏ rồi tài hoa. Rất có tài năng rất có văn hóa. Viết vài quyển sách. Tại địa phương vô cùng có danh tiếng. Người này hôn nhân không có vấn đề . Chồng cũng là làm quan .
Càn:
Giáp Mậu Mậu Đinh
Ngọ Thìn Thân Tỵ
Phân tích: có đổi lại tượng, có mang tượng. Là Khang Hi hoàng đế bát tự. Giáp Ngọ ấn mang sát mũ, Giáp -> Ngọ -> Đinh -> Tỵ -> Thân, Thân Tỵ nhất hợp đến rồi chủ vị. Toàn bộ cục bị chính mình vây quanh khởi đến, nhất thống giang sơn. Đại vận đi cũng tốt, tất cả đều là hỏa vận. Nguyệt Lệnh tài khố là đại tài.

Càn:
Canh Kỷ Giáp Kỷ
Tý Mão Thìn Tỵ
Phân tích: Thìn là ấn khố, Tý là Thìn trong dẫn ra ấn, Canh Tý mang tượng, ấn mang sát mũ là chủ quyền lực, Tý Thìn nhất hợp, nhất định là đương sát hợp đến rồi chủ vị, Mão Thìn hại là muốn chế ấn ý tứ, chế ấn được quyền, Tý Mão phá dương nhận bất hảo,
Nói rõ: tẩu Nhâm Ngọ vận Quý Dậu năm đương phó huyện trưởng, đại vận Tý Ngọ xung là khử ấn ý tứ, tẩu Quý Mùi vận Nhâm Ngọ năm tăng lên, Tý Thìn củng cục trung thần tại khách vị bất tại chủ vị, cho nên là phó chức không phải chính chức. Thìn Dậu nhất hợp là đương quan hợp đến chủ vị. 27 tuế đương phó huyện trưởng mãi cho đến 47 tuế cũng là phó chức. Quý Mùi năm thăng thường vụ phó huyện trưởng.

(hai) Can chi liên hệ nguyên lý

Đây là manh sư phái lý luận trọng yếu nhất bàn về mệnh, can chi lấy lộc cùng nguyên thân hình thái liên hệ, không chỉ có khiến chúng ta đối với nguyên cục có sở hiểu rõ, hơn nữa tại ứng kỳ sử dụng là cái trọng yếu nhất .

1) Nguyên thân cùng lộc

Nguyên thân cùng lộc:Giáp Dần, ẤtMão, (Bính Mậu)Tỵ,(Đinh Kỷ) Ngọ,Canh Thân, Tân Dậu, Nhâm Hợi, Quý Tý.

Lộc là Thiên Can kéo dài, là đại biểu Thiên Can nhập Địa Chi hành sử quyền lực; nguyên thân là Địa Chi tại Thiên Can kéo dài, là đại biểu Địa Chi tại Thiên Can làm việc.

2) Bán lộc quan hệ

Đinh Mùi, Quý Sửu lưỡng trụ là bán lộc quan hệ.
Ất thấy Thìn, Đinh thấy Tuất sau này hội đưa ví dụ.
Bính cùng Tỵ, Mậu cùng Tỵ là một chữ, biểu một tượng. Đinh cùng Ngọ, Kỷ cùng Ngọ là một chữ, đại biểu một tượng. Bính cùng Mậu, Đinh cùng Kỷ là nửa thông lộc, làm một nhà xem.
Bính Tuất, Đinh Tỵ là được cường căn. Chủ yếu nói lưỡng trụ không thể phá căn.
Còn có, nguyên nhân Mùi thổ trong có Đinh hỏa, Đinh thấy Mùi là bán lộc; đồng lý, Quý thấy Sửu cũng là bán lộc.
Chúng ta phát hiện, Thìn Tuất Sửu Mùi bốn mộ thần không có Thiên Can nguyên thân, trên thực tế không có nguyên thân, cũng không thể chủ quan cho rằng Thìn Tuất nguyên thân là Mậu, Sửu Mùi nguyên thân là Kỷ.
Khôn:
Ất Mậu Đinh Canh
Tỵ Tý Tỵ Tuất
Phân tích: hỏa cùng táo thổ thế muốn dồn kim thủy. Ất Canh xa hợp nên trên giờ Canh cũng có chế tượng, Tý là bị chế rồi, Mậu Tý tự hợp, người này bất đương quan? Bởi vì là nữ mệnh. (mệnh này nữ mệnh bất là làm quan, nguyên nhân phu cung Tỵ hỏa tố công, Tỵ hỏa thấu Thiên Can Mậu thổ là chồng, chồng hợp chế Tý thủy, là chồng phát tài. Nếu như là nam mệnh nhân tiện làm quan rồi.)
Khôn:
Kỷ Bính Đinh Quý
Dậu Dần Mão Mão
Phân tích: mộc hỏa vượng, Đinh tọa Mão ấn, Mão Dậu xung có công chế tài, tài tại trên năm khách vị là người khác chi tài, là làm cho người khác, nhưng Đinh Kỷ nửa thông lộc, cho nên Dậu cũng có chính cô ta phần. Là chủ quán rượu, chiếm 40% cổ phần, thực sinh tài, là ăn , Dậu là tài với lại là rượu . Thực Kỷ tọa Dậu, chính là uống rượu , là tửu lâu.
Giáp mộc nhật chủ kiến Mão mộc làm gốc, Ất mộc thấy Dần làm gốc. Giáp Thìn nhật chủ sợ thấy Dậu kim, Thìn Dậu hợp sạn rồi Giáp Mộc Chi căn, Giáp mộc thì không thể thành sinh mộc, Đinh Mùi, Ất Mùi, Bính Tuất (Giáp Thìn) như là nhật chủ tọa khố thì không thể bị phá, nguyên nhân nhật chủ thông căn, và Mậu Thìn, Mậu Tuất, Kỷ Mùi, Kỷ Sửu này tứ trụ vậy thông căn, nhưng manh sư có câu khẩu quyết: là tài quan lâm khố hỉ

hình phạt xung, xung khố thì cát, là dụng bất xung thì không thể dùng, này tứ trụ là can chi giống nhau, khẩu quyết là: can cùng chi đồng tổn hại tài thương vợ. Bất luận nam nữ phàm nhật chủ tọa khố không có hình phạt xung người hôn nhân cũng bất cát, bốn khố cũng có thể phá, trừ Giáp Thìn, Đinh Mùi, Ất Mùi, Bính Tuất không thể phá, như Giáp Tuất, Ất Sửu, Bính Thìn, Đinh Sửu, Mậu Tuất, Mậu Thìn, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Canh Tuất, Canh Thìn, Tân Sửu, Tân Mùi, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất, Quý Sửu, Quý Mùi cộng mười sáu, tọa chi khố cũng có thể phá, cùng nhật chủ không có vấn đề gì. Ngoài ra nhật chủ tọa lộc không thể phá, sau văn yếu giảng.
Bốn khố lâm nhật chi thì, như Mậu Tuất, Mậu Thìn, Kỷ Mùi, Kỷ Sửu, Giáp Tuất, Tân Mùi, Canh Tuất, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất, Đinh Sửu, Ất Sửu, Bính Thìn chờ, như bất hình phạt xung thì bất cát, cái này nguyên nhân cùng nhật chủ không quan hệ hệ, không sợ thương, phá hủy cũng đối với chính mình không hề quan hệ. Hơn nữa phải yếu phá, nếu không khố không ra. Cho nên Địa Chi tọa khố hỉ hình phạt xung, bất chế bất quý. Nhật chi cùng nhật can không quan hệ hệ cũng có thể phá.
Tân Sửu, Canh Thìn chờ vài bây giờ còn chưa nghiệm chứng, không biết có thể hay không phá.
Bính Tuất, Giáp Thìn, Đinh Mùi, Quý Sửu không thể phá.
Tài quan lâm khố hỉ hình phạt xung, xung rồi hình phạt rồi mới là của mình, bất xung bất hình phạt không thể dùng, không ra khố không làm công, cũng sẽ ảnh hưởng đến hôn nhân.
Càn:
Ất Tân Mậu Quý
Tỵ Tỵ Thìn Hợi
Phân tích: Mậu Thìn nhật chủ bất gặp hình phạt xung, tổn hại tài thương vợ. Nguyên nhân tọa tài khố hỉ hình phạt xung, cục trong cùng đại vận cũng không xung hình phạt, nhật chủ hợp tài, tài nhập khố, khố không ra. Tỵ là Mậu lộc, năm tháng lộc tố công đều là khổ cực mệnh. Muốn chế tài vậy chế không được, chỉ có thể là tân tân khổ khổ kiếm tiền. Lộc ngồi quan không làm quan . Hôn nhân bất hảo, Mậu Dần năm ly hôn rồi, Dần vận Dần năm hại rồi Tỵ lộc, năm tháng trên lộc cùng nhật chủ toàn thể, Dần Hợi nhất hợp, vợ theo người chạy. Hắc khoa từng phán quyết quá, nói hắn cuộc đời này hôn nhân đủ nợ, cần hạ bước đại vận có thể sẽ có vừa đứt ngắn ngủi hôn nhân, sau này nhân tiện không có rồi. Phụ nữ rất nhiều. Tọa tài khố, hơn nữa là tìm nhỏ tuổi , trên giờ ma, nhỏ . Nhưng đều là đến đến đi một chút. Người này cũng là học Dịch học , thương quan cao lộ người, nhân tính bất hảo.
Năm tháng lộc tố công, khổ cực, không có đại tác phẩm, lộc trên đầu mang quan là đương không được quan. Nằm mơ đều muốn làm quan,

chính là không đảm đương nổi.
Khôn:
Bính Quý Kỷ Bính
Thìn Tỵ Mùi Dần
Lâm Dịch Giám: can cùng chi đồng, tổn hại tài thương phu, đến bây giờ chưa hôn nhân. Mộ không ra, có nam nhân. Đinh Sửu năm có bạn trai. Đinh -> Kỷ, Đinh Mùi bán lộc. Sửu Mùi xung khai rồi quan khổ, hai năm nhân tiện chia tay. Tân Tỵ năm là một, Giáp Thân năm chia tay. Thân Dần xung đương quan xung đi. Giáp Thân năm Giáp Kỷ nhất hợp, (tháng chín, mười). Nữ tử này nhân phẩm bất hảo, trên năm cùng trên giờ Bính hỏa chính ấn (chính trực tâm tính) thông căn tại Tỵ, nhưng Dần Tỵ hại ngã chính ấn, hại ngã chính ấn không đi chính lộ, nhân tính bất hảo. Dự đoán tẩu Sửu vận sẽ có hôn nhân, nhưng là sẽ không lâu dài. (là Dần Tỵ hại, mà thôi Tỵ Bính đồng tượng, Bính Dần đều bị hại)
Khôn:
Nhâm Tân Kỷ Bính
Dần Hợi Mùi Dần
Phân tích: đây là hạ lão sư phán quyết quá một mệnh. Nói là bán thân nghèo mệnh. Nguyên nhân lấy lộc tố công, năm tháng tiếp gặp quan, mà cũng nhập mộ, quan là mang theo tài đi vào nàng tọa (trong nhà). Cả đời không có hôn nhân. Tức không có hôn nhân với lại không có tài. Chỉ có thể dựa vào bán thân kiếm tiền. Không có công tác, hơn nữa chân vậy bất hảo, mà thọ đoản. Mùi vận Tân Tỵ năm tử vào bệnh thận. Chỉ vì tọa khố không ra, là can cùng chi đồng tổn hại phu thương tài. Là một kỹ nữ.
Khôn:
Nhâm Tân Kỷ Bính
Tuất Hợi Mùi Dần
Phân tích: nữ mệnh nhật chủ ngồi quan khố, quan nhất định phải nhập mộ, nhưng hình phạt mở, cho nên có hôn nhân có công tác.

Khôn:
Ất Tân Giáp Nhâm
Tỵ Tỵ Tuất Thân
Phân tích: Tuất thổ vi phu cung không khai, Tân Tỵ tự hợp, Tân ngồi Tỵ vào Tuất, trên giờ thấy thất sát, Thân Tỵ hợp thương quan hợp sát. Tẩu Giáp Thân vận Thân vận, Canh Thìn năm, Canh sát thấu can hợp Ất mộc kiếp tài, nhưng Thìn Tuất xung phá hủy phu cung Tuất thổ, năm này ly hôn rồi.
Càn:
Ất Quý Kỷ Mậu

Mão Mùi Mùi Thìn
Phân tích: chưa vào đến Thìn mộ, chưa vào Thìn thổ tài khố, ngồi kiếp tài, trên nguyệt Quý thủy tài tinh lại bị Mậu thổ kiếp tài hợp, Quý là vợ, chủ người này hôn nhân bất hảo, tuy có phụ nữ, nhưng hôn nhân vẫn bất hảo. Thê cung nhập đến Thìn khố, trên ngồi kiếp tài, tuy có phụ nữ, nhưng hôn nhân vẫn bất hảo, sợ là vợ đào hoa rất nhiều, theo người tẩu. Không có ghi lại, theo tượng phân tích đại khái như thế.
Càn:
Giáp Bính Kỷ Mậu
Thìn Tý Mùi Thìn
Phân tích: Không thích tọa chi Mùi thổ cùng Tý thủy tương hại, là Nguyệt Lệnh tài bị tọa chi hại thuyết minh cùng hôn nhân vô duyên, nguyên nhân tọa là thê cung, hại Tý tài chính là nữ nhân không thể tiến vào nhà của hắn trong. Mệnh này là chế tài kết cấu, giảng dạy, thu nhập còn có thể. Tý bất nhập mộ, Giáp Kỷ hợp, Giáp tọa Thìn tài khố, có điểm tiền. (cùng trước kia ví dụ dường như một chút, chủ vị hại tài nhưng tài còn có thể, hôn nhân bất hảo).
Đại Hải:
Càn:
Nhâm Tân Mậu Bính
Tý Hợi Thìn Thìn
Người này đến nay chưa lập gia đình. Năm tháng tài cũng vào Thìn mộ, mộ với lại không ra.
Nói rõ: người này đến nay không có hôn nhân, nhưng là tọa tài khố, không thiếu phụ nữ .

(tam) Can chi hư thật nguyên lý
Manh sư phái giảng hư thật chỉ 1 trụ can chi mà thôi. Hư cùng thực bản thân có tượng, tại tứ trụ trong chứng tỏ nhất định hàm nghĩa; quan trọng hơn ứng dụng là xem bát tự ứng kỳ, chúng ta tại sau này chương lễ trong yếu giảng đến.
Thiên Can khí nhược, Địa Chi khí mạnh mẽ, Thiên Can yếu phụ thuộc vào Địa Chi mới đắc vượng, Địa Chi bất sinh phù Thiên Can, thì là hư. Hư thật cơ bản nguyên tắc là: Thiên Can vô căn vô sinh là hư, Thiên Can có căn có sinh là thực.
Thực trên hư dưới,xếp theo dòng:
Giáp Giáp Giáp
Dần Thìn Tý

Giáp Giáp Giáp
Thân Mậu Ngọ

Kỷ Kỷ Kỷ
Tỵ Mùi Sửu

Kỷ Kỷ Kỷ
Hợi Dậu Mão

Ất Ất Ất
Hợi Mão Mùi

Ất Ất Ất
Kỷ Dậu Sửu

Canh Canh
Thân Thìn

Canh Canh Canh Canh
Tý Ngọ Dần Tuất

Bính Bính Bính
Dần Ngọ Tuất

Bính Bính Bính
Tý Thân Thìn

Tân Tân
Sửu Dậu

Tân Tân Tân Tân
Tỵ Hợi Mùi Mão

Đinh Đinh Đinh
Tỵ Mão Mùi

Đinh Đinh Đinh
Hợi Sửu Dậu

Nhâm Nhâm Nhâm

Thân Tý Thìn

Nhâm Nhâm Nhâm
Tuất Ngọ Dần

Mậu Mậu Mậu
Tuất Ngọ Thìn

Mậu Mậu Mậu
Tý Thân Dần

Quý Quý Quý
Hợi Dậu Sửu

Quý Quý Quý
Tỵ Mùi Mão
Được cường căn, tọa lộc, tọa ấn đều là thực, can sinh chi gọi tiết khí, cũng có một loại hư tượng, cái này gọi là mang tượng, hỏa tọa Thìn Sửu tối hỏa, cũng là hư. Địa Chi vô căn, vô sinh phù chính là hư .
Hư là một loại tồn tại trạng thái, là nhược hóa, nhẹ hóa, khí hóa. Bát tự một chữ hỉ hư thì, đại vận một khi thông căn thấy thực, chính là một loại khác thường; trái ngược, trong bát tự mỗ chữ tại Địa Chi vốn dĩ thực là cát, đại vận một khi hư thấu Thiên Can, cũng là một loại khác thường. Cái này khác thường hiện tượng yếu đặc biệt chú ý, lấy phân biệt cát hung.
Nguyên cục chế sạch sẽ sau tựu thành tặc thần cùng bộ thần rồi, tối hỉ xuất hiện, nếu nguyên cục chế không sạch sẽ, sẽ không có thể đại vận xuất hiện, hiện rồi nhân tiện phản rồi.
Bát tự nhàn thần, không cần chữ hoặc muốn dồn chữ hư thấu thì là chuyện tốt, nhưng đại vận một khi thông căn chính là phản cục.
Càn:
Tân Bính Tân Quý
Mão Thân Mùi Tỵ
Nói rõ: trên giờ thực thần hư thấu, bị chế, tài ăn nói hảo, đầu óc hảo.
Hành Tý vận biến thực, thừa số là Quý lộc, nguyên cục Quý thủy hư thấu bị chế, không thể thấy căn bị Mùi hại, Mậu Thân năm tử. Thủy được trường sinh chỗ đắc vượng.
Càn:
Mậu Canh Giáp Giáp

Thân Thân Dần Tý
Nói rõ: sinh mộc yếu sinh trưởng, Tý thủy theo Dần đổi lại vị là tốt rồi. Kim rất vượng, hóa không được, cần Tý thủy, sợ hư. Nhưng đại vận hành Nhâm Tuất vận, ấn biến hư, loại này ấn trạng thái phá hủy, kết quả bị đơn vị khai trừ, không có việc gì.
Khôn:
Bính Quý Kỷ Bính
Thìn Tỵ Mùi Dần
Phân tích: Kỷ Mùi can cùng chi đồng, tổn hại tài thương phu, Đinh Sửu năm có bạn trai, Sửu Mùi xung khai khố, hai năm nhân tiện chia tay. Tân Tỵ năm có bạn trai, Giáp Thân năm chia tayvới lại có bạn trai hơn nhiều tuổi tiếp . Nữ tử này nhân phẩm bất hảo, trên năm cùng trên giờ Bính hỏa chính ấn thông căn tại Tỵ, nhưng Dần Tỵ hại ngã chính ấn, dự đoán tẩu Sửu vận sẽ có hôn nhân, nhưng là sẽ không lâu dài.
Tuyền: nữ mệnh nhật chủ Nhâm Thìn, cái này Thìn khố nếu như không có hình phạt xung hội ảnh hưởng hôn nhân sao?
Bặc Văn: không cần hình phạt xung vừa có thể .
Trên giờ thương quan hư thấu có thể sinh nguyệt can tài sao? Bặc Văn: không thể.
Linpany: Tỵ hỏa là chính ấn, bất luận điều kiện, gặp Dần Tỵ hại cũng khả bàn về phẩm tính bất hảo sao? Nhân tiện như ở trên bát tự? Không thể bàn như vậy.Bặc văn: phải xem chính quan, chính quan bất tại chủ vị.

Tam, ngũ hành, can chi đặc tính khác

(nhất) Thìn Tuất Sửu Mùi đặc tính
Thìn là ấm thấp chi thổ; Tuất là khô ráo chi thổ; Sửu là hàn thấp chi thổ; Mùi là nhiệt táo chi thổ.
1, đối với thủy đến giảng, Tuất thổ cùng Mùi thổ khắc thủy lực lớn, nhưng Tuất chủ yếu là khắc Hợi thủy, Mùi chủ yếu là khắc Tý thủy; Thìn thổ cùng Sửu thổ trên nguyên tắc bất khắc thủy, nhưng Hợi thấy Thìn là mộ thủy, Tý thấy Sửu là hợp trói thủy. Như Nhâm Thìn nhất trụ hoặc Quý Sửu nhất trụ, phản là được thủy căn, chủ thủy vượng.
2, đối với hỏa đến giảng, Tuất thổ cùng Mùi thổ cơ bản bất tối hỏa; Thìn thổ cùng Sửu thổ tối hỏa, Thìn Càng dễ dàng tối Tỵ hỏa, Sửu thấy Ngọ hỏa, tối chi Càng sâu.
3, đối với kim đến giảng, Tuất thổ cùng Mùi thổ không thể sinh kim, trái lại giòn kim, chế kim; và Thìn thổ cùng Sửu thổ thì có thể sinh kim,
4, đối với thổ đến giảng, Tuất thổ cùng Mùi thổ giúp thổ lực lớn; Thìn Sửu tượng là bùn, giúp thổ lực rất nhỏ, hầu như bất giúp thổ.

5, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi bốn mộ khố, như Dần Thân Tỵ Hợi thấy đều tự mộ khố, cũng lấy nhập mộ bàn về, và Tý Ngọ Mão Dậu thấy đều không tự mộ, nguyên nhân có bán hợp cục quan hệ, bất lấy mộ bàn về.

(hai) Mộc sinh tử

Tại trong bát tự, mộc có tử mộc cùng sinh mộc chi phân, một loại chính là cây cối hoặc cỏ cây, là sinh mộc; một loại là gỗ hoặc do gỗ chế biến , tính chất hoàn toàn bất đồng .

Cái gì là sinh mộc? Có thủy sinh lại có căn chi mộc là sinh mộc, lưỡng điều kiện phải đồng thời tồn tại, chỉ có thủy sinh và không có căn hoặc chỉ có căn và không có thủy, cũng không phải sinh mộc; cái gì là tử mộc? Vô căn vô thủy là tử mộc.

1, Sinh mộc cùng tử mộc thấy hỏa ý tứ không giống nhau: sinh mộc thấy hỏa là Mộc Chi đóa hoa, tú khí chi phát; tử mộc là gỗ, thấy hỏa là thiêu đốt, thông thường tử mộc không dám thấy vượng hỏa, nếu không dễ dàng đốt tẫn và bị đoản thọ.

2, Sinh mộc cùng tử mộc thấy kim tình huống tương khác: sinh mộc sợ chôn căn chi thiết, tức sợ kim phá Mộc Chi căn, như vậy mộc sẽ rất khó thành sinh mộc, như: Giáp Thìn là sinh mộc, Thìn Dậu hợp, Dậu kim phá Ất trong Thìn mộc, Giáp mộc nhân tiện bị thương; tử mộc không sợ kim khắc, kim có thể bổ mộc sinh hỏa, lợi thiêu đốt(nhưng hỏa không nên quá vượng).

3, Sinh mộc cùng tử mộc ngộ thủy (bao gồm đại vận thủy) tình hình với lại bất đồng: sinh mộc hỉ thủy, nhất là sinh vào mùa hè; trái ngược, tử mộc thấy thủy thì phá hủy, thủy nhiều dễ dàng hư thối ,thủy thấp mộc và không thể nhóm lửa.

4, Mộc ngộ không vong thì, như là sinh mộc, thì lớn lên sẽ không rất kiện tráng. Như là tử mộc, thì khó có thể thành tài.

5, Sinh mộc chi căn có thể âm dương hỗ căn, như Giáp nhật thấy Mão, Ất nhật thấy Dần cũng là nhật chủ của mình căn; tử Mộc Chi căn không thể hỗ dụng, Giáp nhật thấy Mão là ngoài mộc, không phải nhật chủ bản thân căn.

(tam) Tỵ hỏa đặc thù tính chất

Tỵ thuộc tính là hỏa, nhưng lại là kim trường sinh, nên nó kiêm hai tầng tính chất, đương hỏa vượng có mộc sinh thì Tỵ hỏa biểu hiện khắc kim tính chất; đương hỏa khi còn yếu, Tỵ thấy Sửu cùng Dậu sẽ quy thuận vào

kim, hợp kim cục trợ giúp kim. Trong bát tự gặp phải Tỵ hỏa thì, phải xem cục trong là mộc hỏa vượng hay kim thủy vượng, lấy xác định nó tính chất. Nhưng có khi nó còn có thể theo đại vận thay đổi và phát sinh biến hóa, ngộ chi yếu tỉ mỉ biện nhận thức.
Nếu nguyên cục trong Tỵ hỏa chiếm trọng yếu vị trí, đầu óc linh hoạt, biến hóa nhanh, có lối suy nghĩ nhanh.
Tỷ như Đoạn sư bát tự, Tỵ hỏa chiếm chủ vị, cho nên có lối suy nghĩ nhanh, đầu óc linh hoạt.
Càn:
Đinh Tân Ất Tân
Mùi Hợi Tỵ Sửu
Cử nhất lệ:
Càn:
Quý Tân Ất Đinh (Diêm Tích Sơn)
Mùi Dậu Dậu Sửu
Phân tích: trung thần song hiện bất hợp cục, kim vượng nhập Sửu mộ, Mùi Sửu xung khai sát khố. Tọa sát xung sát khố, chủ có quyền lực. Tỵ hỏa vận thì, nguyên cục kim vượng, Tỵ quy về kim, nhưng lưu niên không thể gặp lại hỏa, thấy hỏa nói hỏa nhân tiện vượng rồi. Canh Ngọ năm, Tỵ Ngọ Mùi hội hỏa cục, hỏa lực lượng lớn hơn nguyên cục kim lực lượng, tác dụng vào mệnh cục, Tỵ tựu thành rồi phát hỏa, nguyên cục cần sát, sát không thể phá, lúc này thương quan cùng sát đối kháng phá hủy sát. Năm này còn có một Sửu Ngọ hại tượng, Trương Học Lương ngã phạt,Diêm đối kháng thất bại.
Sau này thấy Tỵ nhất định phải phân rõ là muốn dụng hay là muốn chế, tuế vận tác dụng thì phải chú ý

(bốn) Thủy đặc tính
Tý thủy Nhâm thủy là lưu động thủy, chảy cuồn cuộn, không phải rất sinh mộc; Quý thủy Hợi thủy là tĩnh thủy, mưa móc nước, có thể sinh mộc. Nhâm Dần thủy sinh mộc, Tý thủy tại Địa Chi bất sinh Mão mộc.

Lễ 3 Thiên Can ngũ hợp
Thiên Can ngũ hợp là Giáp Kỷ hợp, Ất Canh hợp, Bính Tân hợp, Đinh Nhâm hợp, Mậu Quý hợp.
Thiên Can ngũ hợp chỉ nói hợp không nói hóa, chỉ có hợp tượng, không có hợp hóa, hóa tại manh phái mệnh lý không có thực chất ý nghĩa.
Nhật chủ chi hợp, chỉ có hợp quan hoặc hợp tài hai loại tình huống, hợp

tài trọng điểm giảng, hợp quan tại sau này giảng, nơi này bất nói tỉ mỉ. Hợp hàm nghĩa là chiếm, đạt được, kết thân, hợp tác, thân cận, chỉ nói hợp không nói hóa, hóa không có thực chất ý nghĩa.

1, hợp chế (vậy là hợp khử): căn cứ vượng suy nhân tiện là hợp khử, vậy gọi hợp chế, như cái chữ này đại biểu người, người này sẽ chết rồi, nếu như là sự vụ, việc này nhân tiện chế trụ rồi.
Đương đại quan , phát đại tài nhất định là khắc lục thân . Bởi vì cũng chế tịnh rồi, cho nên chữ này đại biểu lục thân sẽ có vấn đề.
Càn:
Bính Tân Đinh Bính
Ngọ Mão Mão Ngọ
Phân tích: Địa Chi mộc hỏa thành cục. Địa Chi Mão Ngọ phá, Mão Ngọ phá lộc. Trên giờ thấy lộc. Kiếp hợp tài, hợp tài được tài, nhưng tài nhược, cho nên tài cũng ít. Lại nhìn Tân bản nhược, với lại tọa Mão, Mão là ấn, tài tại trên nguyệt đại biểu phụ thân, Bính Tân nhất hợp, cha sớm tử. Đại vận Nhâm Thìn vận, Bính Thìn năm, Bính đến hợp khử Tân, Mão Thìn hại cha cung, tinh cung toàn bộ phá, năm này cha qua đời. Tại sao mẹ không có việc gì? Bởi vì tài tọa ấn, đương cha xem.

Càn:
Bính Tân Đinh Nhâm
Ngọ Mão Mão Tý

Phân tích: cha cũng đã chết, nhưng yếu muộn chút. Đinh Nhâm hợp, nhân phẩm bất hảo. Tọa ấn nhưng Địa Chi Tý Mão phá, kiếp hợp tài đều là cướp tài người khác , nhật chủ tham hợp quan tinh, là chính mình sở theo đuổi , nhưng hợp quan Địa Chi với lại phá, cho nên nhân phẩm bất hảo. Tạo trên tuy có Mão Ngọ phá, dù sao cũng là mộc hỏa kết đảng, mệnh này bất đồng, Thiên Can Đinh Nhâm hợp, không thích Địa Chi Tý Mão phá, phá thê cung,phá ấn, phá cha (không nhớ toàn bộ), Mão Ngọ phá lộc. Lộc ngồi kiếp hợp tài, vợ yếu theo người khác, thê cung phá, tài lại bị kiếp hợp khử. Tạo trên Bính Ngọ năm thì song hiện, có thể đổi lại tượng, cho nên không sợ, mệnh này bất đồng, vợ bị kiếp hợp đi, phụ nữ rất nhiều, nhưng đến trước mắt vẫn không có hôn nhân.

Thiên Can hợp không thích Địa Chi hại, phá.

2, **hợp thương**: tương hợp song phương mạnh yếu chênh lệch xa , chứng tỏ nhất phương yếu khắc khử một phương khác, là hợp chế. Tương hợp

song phương, một cường một nhược, lực lượng bất chênh lệch xa, làm một phương khắc khử một phương khác, gọi hợp thương.

Càn:
Ất Canh Tân Nhâm
Tỵ Thìn Mão Thìn

Phân tích: Ất mặc dù hư nhưng Địa Chi có Thìn, Mão chi căn, có cường căn, nhưng phá hủy ở Mão Thìn hại, loại này kẹp hại là chế bất tử , cho nên tuy xấu rồi nhưng Ất mộc căn hay không có hoàn toàn phá tử, tẩu Sửu vận thì kim đắc vượng đến khắc mộc, Giáp Tuất năm Mão Tuất nhất hợp đương phụ thân hợp đi, năm này tử cha. Mão làm vợ với lại tại tọa bị phá (thê tinh được chính vị không thể chi khác đến phá), cho nên vợ thể nhược nhiều bệnh, vẫn bất hảo.

Bổ sung: vốn kẹp hại kẹp chế kẹp khắc cũng chế bất tử, nhưng tật xấu tại Ất căn Mão Thìn đều hiện, với lại hại, như vậy, Ất Canh nhất hợp, này Ất nhân tiện phá hủy, vốn Mão hoàn hại bất tử, nhưng hành Tuất vận, Mão Tuất nhất hợp sẽ chết rồi.

Càn:
Ất Canh Tân Bính
Tỵ Thìn Mão Thân

Phân tích: Ất Canh nhất hợp, phụ thân có sớm tử tượng. Mão Thìn nhất hại phá hủy. Mão Thân ám hợp, đương Mão mộc cấp chế rồi. Phụ thân căn bị phá hủy. Ất mộc căn toàn bộ phá hủy, tẩu Kỷ Mão vận là cha lộc đến rồi, cho nên vận này tử cha, 8 tuổi phụ thân qua đời.

Thê tinh được chính vị, không thích chi khác đến phá, chính thiên tài cũng tính, nữ mệnh đồng bàn về.
Vấn đề:

1, nếu như nhật can có hợp lại có sinh thì, xem tố công, lấy cái gì là chủ?

Bặc Văn: trước xem hợp. Hợp quan cùng hợp tài không giống nhau.

2, lão sư giảng thương thực tại thì lạc không vong, thọ không lâu lắm. Dường như không được đầy đủ. Như: Quý Tỵ Giáp Tý Đinh Dậu Giáp Thìn

thọ tám mươi có tam. Bặc Văn: thổ thương thực bất chủ tú khí, tình hình Giáp là thương quan.

3, hợp lưu: hợp lưu phần lớn ứng vào hôn nhân ứng kỳ, chỉ lưu niên hợp chữ trong bát tự, đáng chữ có khí hoặc vượng chứng tỏ ứng kỳ. Phối ngẫu cung cùng phối ngẫu tinh hợp trụ là lưu lại, phối ngẫu tinh nhiều , gặp hợp chi năm là ứng kỳ, là đương người này lưu lại rồi. Hợp lưu ứng phán quyết người hoặc lục thân. Nhưng nếu như phối ngẫu tinh cùng cung không có vấn đề gì là người yêu trước kết hôn.

Chữ phải vượng, yếu lưu không được.

Khôn:
Kỷ Đinh Quý Canh
Dậu Sửu Mão Thân

Phân tích: nữ xem hôn nhân, trước tìm quan tinh, Kỷ làm quan, Sửu mặc dù vậy làm quan, nhưng cùng phu cung không có phát sinh quan hệ, nguyên nhân Mão Dậu xung, Kỷ Dậu nhất tượng, Kỷ là tới rồi phu cung, đương phu xem, Giáp Tuất năm, Giáp Kỷ hợp phu tinh, Mão Tuất hợp phu cung, tinh cung cũng động, lập gia đình. Nếu phối ngẫu tinh cùng vợ chồng cung bất phát sinh quan hệ, đương trước kết hôn người yêu xem, đại vận lưu niên phối ngẫu tinh động rồi, nhưng cung chưa động, chứng tỏ muốn nói luyến ái. Trong tình hình chung yếu tinh cung cũng động mới là lập gia đình, nhưng là yếu kết hợp nguyên cục xem, không phải tuyệt đối .

Phối ngẫu tinh là đối tượng, trước kết hôn người yêu, phối ngẫu cung là vợ chồng, hợp phối ngẫu tinh thì chứng tỏ gặp người yêu, như can chi đương phối ngẫu cung vậy hợp động rồi, nhân tiện là kết hôn rồi.

4, hợp trói:

① trong mệnh cục hai chữ kề sát hợp trói.

② bát tự cùng đại vận hợp trói.

③ lưu niên gặp thiên địa kết hợp trói (Ngôn Minh, là cùng nguyên cục hợp, không phải hợp đại vận), gặp xung thì mất đi nguyên tính chất.

5, Thiên Can ngũ hợp đổi lại tượng nguyên lý.

① nhất phương có thể định nghĩa một phương khác. Như tài hợp kiếp tài, thông thường là không làm mà hưởng, phi pháp được tài.

② nhất phương có thể thay thế một phương khác. Như thương quan hợp sát, thương quan đại biểu quyền lực.

③ có thể đại biểu đồng dạng tin tức. Như thương quan là con cái, quan sát vậy là con cái, tương hợp đồng chứng tỏ con cái.

Càn:
Đinh Nhâm Ất Mậu
Mùi Tý Sửu Dần

Phân tích: mệnh này Đinh hỏa thực thần hợp Nhâm thủy ấn tinh, là đương tư tưởng tính chất văn hóa nghề (thực thần hợp ấn là đương tư tưởng tính chất văn hóa nghề nghiệp), người này là đương chính trị lý luận , là tổ chức bộ đương tuyên truyền giáo dục công tác . Thực thần là tư tưởng, tọa Mùi thổ, nhưng không thích Tý Mùi tương hại, là tố bất trường lâu, vậy chứng tỏ chính mình không muốn can. Dần Sửu hợp, dương nhận hợp rồi quan sát khố, nguyên lai là công an ngành.

Kết hợp cần, không thể hại.
Lễ 4 Mười hai chi tương hợp

Nhất, mười hai chi lục hợp

Tý cùng Sửu hợp, Dần cùng Hợi hợp, Mão cùng Tuất hợp, Thìn cùng Dậu hợp, Tỵ cùng Thân hợp, Ngọ cùng Mùi hợp.

Địa Chi hợp là hôn nhân ứng kỳ, bao gồm tam hợp.

(nhất) lục hợp tác dụng ý tứ

Địa Chi lục hợp là trong bát tự dày đặc nhất hợp, tượng trưng kết thân, cùng Thiên Can giống nhau, là thân cận, trói ý:

1, trợ hợp: Thìn cùng Dậu hợp, bế Thìn khố, Dậu kim gặp trợ giúp, Thìn thổ nguyên nhân hợp tiết, tự thân tác dụng yếu bớt; Dần cùng Hợi hợp,

Dần mộc gặp trợ giúp, Hợi thủy nguyên nhân hợp tiết, tự thân tác dụng yếu bớt; Ngọ cùng Mùi hợp thổ, kém cỏi nhất hợp, bế rồi mộc khố, nhưng là kết đảng, Mùi thổ gặp trợ giúp, Ngọ hỏa nguyên nhân hợp tiết, tự thân tác dụng yếu bớt.

2, khắc hợp: Mão cùng Tuất hợp, Tuất thổ bị khắc; Tỵ cùng Thân, Thân kim bị khắc.

3, bế khí: Tý Sửu hợp, kim trong Sửu bế khí; Thìn Dậu hợp, thủy trong Thìn bế khí; Ngọ Mùi hợp, mộc trong Mùi bế khí; Mão Tuất hợp, hỏa trong Tuất bế khí. Bế khí thì không thể lưu hành, không thể dẫn rút, thành vô dụng vật, chỉ có gặp xung mới khả dụng. Bế khí rồi sẽ không có thể phát huy tác dụng, thành tử , không thể dùng rồi.

4, hợp thương: Thìn Dậu hợp, mộc trong Thìn bị Dậu kim hợp hóa , kim khắc thương (phải xem Thìn ngồi cái gì can, như là Giáp Thìn, sợ nhất Thìn Dậu hợp, thương mộc căn), Dần Hợi hợp, hỏa trong Dần bị Hợi thủy khắc thương; Tỵ Thân hợp, hỏa trong Tỵ bị thủy trong Thân khắc thương.

5, hợp trói:

Thông thường dùng cho hôn nhân ứng kỳ, phối ngẫu tinh, cung, nguyên cục có hợp, lưu niên ứng xung, nguyên cục có xung, lưu niên ứng hợp, nguyên cục không có xung hợp, lưu niên ứng hợp (phối ngẫu tinh, cung).

Hôn nhân ứng kỳ: Địa Chi tam hợp cục; Thiên Can ngũ hợp; Địa Chi lục hợp. Phối ngẫu tinh, phối ngẫu cung gặp hợp thì là ứng kỳ, như nguyên cục có hợp, lưu niên ứng xung là ứng kỳ; nguyên cục có xung, lưu niên gặp kết hợp ứng kỳ; nguyên cục vậy bất xung vậy bất hợp, lưu niên thấy kết hợp ứng kỳ.

Đưa vài hôn nhân lục hợp ứng kỳ ví dụ.

Ví dụ:

Khôn: (nguyên cục phu cung không có xung hợp lưu niên ứng hợp)

Kỷ Canh Giáp Quý
Dậu Ngọ Tý Dậu

Phân tích: phân tích hôn nhân ứng kỳ. Nữ mệnh, có chính quan xem chính quan, xem trước trên năm Dậu, nguyên nhân ngồi trên là Kỷ, Giáp Kỷ có hợp, cho nên Dậu cùng chính mình có quan hệ. Cho nên bất xem trên giờ Dậu. Mậu Thìn năm Thìn Tý củng hợp rồi phu cung, thừa số trung thần tại tọa, cho nên củng đến rồi phu vị. Thìn Dậu hợp. (Canh là hư thấu , đương đào hoa xem.) nhất định cùng nhật chủ hoặc vợ chồng cung có quan hệ , mới xem.

Càn:
Giáp Bính Kỷ Canh
Thìn Dần Hợi Ngọ

Phân tích: nam mệnh tài tinh tọa chính vị, (phu. Thê tinh được chính vị, không thích chi khác đến hợp), nhưng Dần Hợi hợp đương thê tinh hợp chạy, người này vừa mất vợ với lại mất công tác. Nguyên nhân Dần mộc tại Nguyệt Lệnh là chính quan, lộ ra Bính hỏa chính ấn sinh thân, chính quan chính ấn cũng đại biểu công tác. Nguyệt Lệnh quan là công tác.

(hai) đại vận cùng bát tự hợp hàm nghĩa

Chữ trong bát tự bị hợp, nhất hợp nhân tiện mất đi nguyên tính chất; hai là chữ trong đại vận bị bát tự hợp là chiếm được.

Càn:

Nhâm Đinh Quý Ất
Tý Mùi Hợi Mão

Phân tích: tài bị kiếp hợp đi, tài với lại tại khách vị bất là của mình, Địa Chi với lại hại, cho nên cái này tài không chiếm được. Tẩu Canh Tuất vận, Ất Canh hợp, Mão Tuất hợp, Tuất là tài khố, là có việc tố, Canh Thìn năm có chức vụ, Ất Canh hợp, Thìn Tuất xung là ứng kỳ, qua Tuất vận, với lại không việc làm.

Khôn:
Tân Ất Ất Mậu (nguyên cục phu cung có hợp lưu niên ứng xung)
Hợi Mùi Mão Dần

Phân tích: Địa Chi Hợi Mão Mùi tam hợp cục, trung thần tại tọa, Hợi trên có Tân, Tân đương phu xem. Tuất vận Quý Dậu năm lập gia đình. Nguyên

cục phu cung gặp hợp, đại vận hợp phu cung, lưu niên phu tinh (Dậu là Tân lộc, Dậu đến chẳng khác Tân đến) xung nhập phu cung.

Khôn:
Quý Nhâm Bính Bính
Mão Tuất Tuất Thân

Phân tích: Quý tọa Mão, hợp nhập phu cung, lấy Quý vi phu. Nhâm không phải phu, nguyên nhân ngồi Tuất. Mậu Thìn năm, Bính Mậu nhất tượng, Mậu hợp rồi phu tinh, nguyên cục Mão Tuất hợp rồi phu cung, Thìn năm (Thìn là quan sát khố) xung động rồi phu cung. Lập gia đình.

(tam) lục hợp tường giải

1, Dần Hợi hợp

Nhâm thủy trong Hợi khắc Bính hỏa trong Dần. Hợi thủy mất đi nguyên tính chất.

Càn:
Kỷ Tân Kỷ Bính
Dậu Sửu Hợi Dần

Phân tích: Hợi Dần hợp diệt Bính hỏa, Kỷ Hợi tự hợp, nhưng Dần Hợi nhất hợp nhân tiện sửa lại, tài tinh bị quan hợp. Sẽ không được tài rồi. Bất đương quan rồi, vậy bất phát tài rồi, quản tài vụ rồi, là tài vụ tổng thanh tra, Dần khống chế Hợi thủy rồi. (không rõ tại sao)

Hỏi: tại sao không phải làm quan ?

Bặc Văn: tài vụ tổng thanh tra, bởi vì ấn phá hủy, cho nên không phải hành chính chi quan.

2, Mão Tuất hợp

Tuất thổ bế khí, bế hỏa khố, Mão mộc khắc chế Tuất thổ.

Càn:
Tân Nhâm Nhâm Quý
Hợi Thìn Tuất Mão

Phân tích: nhật chủ tọa tài quan khố nhất định phải hỉ hình xung. Nguyên cục Thìn Tuất xung tài khố ứng là quý. Nhưng vừa đúng gặp giờ Mão, không thích Mão bế rồi tài khố. Với lại hại Thìn thổ, vừa thấy Mão sẽ phá tài, chế rồi Mão mới phát tài. Trước kia có điểm tiền, Kỷ Mão năm phá đại tài. Nguyên nhân nguyên cục thì có Mão Tuất hợp Mão Thìn hại, Mão năm hại Thìn bế Tuất, mệnh vậy.

3, Thìn Dậu hợp

Bế thủy khố, phá mộc căn trong Thìn.

Càn:
Giáp Quý Canh Giáp
Thìn Dậu Thìn Thân

Phân tích: bản ứng có tiền, nhưng phá hủy ở rồi Thìn Dậu hợp. Vốn Canh tọa Thìn thổ, nguyệt thấy dương nhận, thì thấy lộc, có khí thế, nhưng không có chế . Mấu chốt là trên năm Giáp tài tọa Thìn được căn, có thủy sinh, sẽ không có thể phá hủy. Canh sinh Quý, Quý sinh Giáp. Thìn Dậu nhất hợp, phá căn Giáp, chủ người này trái lại không có tài không có công tác. Sát cũng không có, như có sát, sát ấn xứng đôi vậy chủ có công tác.

4, Tỵ Thân hợp

Tỵ hỏa chế rồi Thân kim, nếu nguyên cục kim thủy lực lượng đại, thì Thân chế Tỵ. Lục hợp hiệu suất cao nhất.

Càn:
Mậu Kỷ Quý Kỷ
Thân Mùi Tỵ Mùi

Phân tích: trước kia tại phú quý trong bát tự giảng qua. Tỵ Thân hợp chế rồi kiếp cùng ấn, đổi lại tượng, kiếp đương tài xem. Tỵ Thân hợp hiệu suất dường như cao.

Mậu Quý hợp chẳng khác quản lý cùng khống chế tài. Chiếm được tài của người khác. Phát đại tài. Tuất vận Tân Tỵ năm phát đại tài. Là sao cổ phần nhà cái. Phát tài mười triệu.

5, Ngọ Mùi hợp

Kém cỏi nhất hợp, không có đại ý nghĩa. Chỉ là tăng rồi hỏa lực lượng. Bế rồi mộc khố.

6, Tý Sửu hợp

Hợp trói, bế rồi kim khố. Tý Sửu hợp tố công hiệu suất cũng không cao.

Càn:
Giáp Quý Đinh Canh
Dần Dậu Sửu Tý

Phân tích: Đinh tự tọa tài khố, Sửu với lại là thực thần, Tý Sửu hợp là Sửu chế Tý thủy quan tinh, nguyên cục Sửu khố không ra, nhất hợp Càng bế rồi tài khố, nhưng Tý thủy quan chế không được. Nguyên nhân trên nguyệt Quý thấu can, là Tý nguyên thân, Quý không có chế, cho nên không đảm đương nổi quan. Canh Tý mang tượng, quan dẫn theo tài mũ, Sửu bất khắc thủy, cho nên chế không được Tý thủy, tình hình Quý thấu đi ra ngoài. Nhưng nguyên nhân Canh, nhân tiện đương tài mang đến rồi, là thay người quản tài rồi. Tý vận bất cát, nguyên cục muốn dồn Tý, tẩu Tý vận đương nhiên bất hảo. Càng chế không được rồi.

Hỏi: lưu niên Dậu, hợp đại vận Thìn, bế khố sao?

Bặc Văn: lưu niên hợp đại vận là hợp động, có khả năng là động khố (bắt đầu phát huy tác dụng, không phải khai khố), không phải hợp trói.

Hỏi: lưu niên Dậu, hợp đại vận Thìn, hội phá mộc căn sao? Bặc Văn: sẽ không phá, nguyên nhân lưu niên rất đoản.

Hỏi: lưu niên hợp nguyên cục, dễ dàng hợp trói, bán hợp đại vận, động sao? Bặc Văn: (1) đúng, (2) không.

Hai, mười hai chi tam hợp cục

Thân Tý Thìn hợp hóa thủy cục, Hợi Mão Mùi hợp hóa mộc cục, Dần Ngọ Tuất hợp hóa hỏa cục, Tỵ Dậu Sửu hợp hóa kim cục.

Tam hợp cục là trường sinh, đế vượng cùng mộ khố ba cái tụ lại và thành

cục, vậy gọi đảng cục, chúng ta lấy trung thần coi như cương dẫn, 2 cái còn lại là tá thần. Tam hợp cục kém một chữ gọi bán hợp cục, bán hợp cục lực lượng nhỏ đi nhiều.

Sinh Địa bán hợp cục: Hợi Mão bán hợp mộc cục, Dần Ngọ bán hợp hỏa cục, Tỵ Dậu bán hợp kim cục, Thân Tý bán hợp thủy cục.

Mộ địa bán hợp cục: Mão Mùi bán hợp mộc cục, Ngọ Tuất bán hợp hỏa cục, Dậu Sửu bán hợp kim cục, Tý Thìn bán hợp thủy cục.

Củng cục: Hợi Mùi củng mộc cục, Dần Tuất củng hỏa cục, Tỵ Sửu củng kim cục, Thân Thìn củng thủy cục.

Tam hợp cục kỵ xung, như Hợi Mão Mùi tam hợp mộc cục, hỗn tạp Tỵ Dậu Sửu chữ vào trong đó, với lại xung chi thần kề sát, là phá cục. Nếu Dậu chữ phá Mão, thì mộc cục không được; nếu Tỵ chữ phá Hợi, thì tam hợp cục không được, bán hợp cục khả thành. Tam hợp cục trong "Trung thần" tối trọng yếu, nếu gặp đại vận đến xung khắc "Trung thần", thì phá tam hợp cục.

Tam hợp cục có một đặc điểm, yếu ba chữ cũng hiện. Trung thần trọng yếu nhất, nhưng phải xem vị trí. Trung thần nhiều hiện hoặc song hiện bất là hợp cục. Là nhập mộ.

Tam hợp cục thành sau sợ xung. Xung trung thần phá hợp. Như Hợi Mão Mùi có Tỵ Dậu Sửu thì phá cục.

Tam hợp cục đa số ứng tại hôn nhân.

Đưa một ít tam hợp cục thành công ví dụ:

Càn:
Tân Bính Đinh Ất
Hợi Thân Sửu Tỵ

Phân tích: Tỵ Sửu củng tài cục, củng đến rồi thê cung, Tân đương vợ xem, Quý Dậu năm, Tỵ Dậu Sửu hợp kim cục thành công, năm này kết hôn, là tài hợp đến rồi.

Khôn:

Tân Ất Ất Mậu
Hợi Mùi Mão Dần

Phân tích: Hợi Mão Mùi hợp đến rồi chủ vị, Tân tọa Hợi hợp đến rồi chủ vị đến. Tân là chồng, hành Tuất vận, Quý Dậu năm kết hôn. Mão Tuất hợp, Dậu kim là Tân kim lộc vọt tới phu cung của mình.

Đưa một ít tam hợp cục không được ví dụ:

Càn:
Mậu Mậu Mậu Giáp
Tuất Ngọ Ngọ Dần

Phân tích: Ngọ trung thần nhập mộ, Dần sát bị Ngọ hóa, với lại nhập mộ, ấn nhập mộ, mộ với lại không ra, không làm công, nghèo mệnh, không có quan. Dậu vận Dậu năm, vận hại Tuất với lại gặp Dậu năm, ngồi tù rồi. Vốn bát tự không có tài, thương thực đương tài. Dậu Tuất hại, phá hủy tài, nguyên nhân tham tài ngồi tù.

Càn:
Đinh Quý Tân Đinh
Mùi Mão Mão Dậu

Phân tích: nhật chủ tọa tài, Mão Mùi bán hợp, trên nguyệt với lại hiện Mão tài, trung thần song hiện bất là hợp cục, là tài nhập tài khố, Tân lộc tại chi giờ, ngồi trên Đinh, đến trên năm Đinh, cho nên Mùi là của mình khố. Mão Dậu xung, đổi lại tượng là: vốn là chính mình tài vào chính mình tài khố, này nhất xung chủ xung động rồi tài vào tài khố. Người này là phát tài . Mặc dù tài khố không ra. Có một tượng. Manh sư phán quyết nghề nghiệp nhất định phải xem tài cùng tài nguyên thần chi tượng. Người này là can phòng bất động sản kiến trúc , là bao thầu công đầu, đương kiến trúc . Nguyên nhân là thổ mộc kết hợp làm công.

Vấn đề: Mão Dậu xung rồi lộc, tại sao bất tổn hại thọ?

Trên giờ lộc có thể xung, nhưng không thể hại.

Càn:
Giáp Giáp Mậu Nhâm
Thìn Tuất Tý Tý

Phân tích: chủ vị tài vào khách vị tài khố, Tuất xung khai rồi tài khố, Tuất mặc dù tại khách vị, nhưng Tuất cùng Mậu khả xem thành một tượng, nguyên nhân là tỷ kiếp, vừa là ấn khố, cho nên cái này tài là của mình. Vừa có thể nói, Thìn chế rồi Tuất, là tài khố chế rồi tỷ kiếp, đổi lại tượng là tỷ kiếp đương rồi tài xem. Là phát đại tài . Nếu không có Thìn Thổ Tuyệt đối với sẽ không phát tài.

Tỵ Dậu Sửu, Dậu Sửu có hai tầng tính chất, lấy củng là chủ, lấy mộ kim là phụ, Tỵ Sửu là củng cục. (cái này sau này lắng nghe một chút, nhớ không được đầy đủ 2h1m)

Tam, ám hợp

Dần Sửu ám hợp, Ngọ Hợi ám hợp, Mão Thân ám hợp.

Ám hợp là chỉ Địa Chi giấu can và tương hợp. Như Dần Sửu ám hợp là Mậu thổ trong Dần cùng Quý thủy trong Sửu tương hợp, Bính hỏa cùng Tân kim tương hợp, Giáp mộc cùng Kỷ thổ tương hợp; Ngọ Hợi ám hợp là Đinh hỏa trong Ngọ cùng Nhâm thủy trong Hợi tương hợp, Kỷ thổ cùng Giáp mộc tương hợp; Mão Thân ám hợp là Ất trong Mão mộc cùng Canh kim trong Thân tương hợp.Ám hợp tại manh phái mệnh lý trong cũng là tố công.

Gần giống như lục hợp. Cũng là tác công phương thức một loại, cũng là nhất phương lực lượng cường, nhất phương lực lượng nhược, nhất phương chế rồi nhất phương, đây là tố công.

Càn:
Mậu Nhâm Tân Giáp
Tuất Tuất Hợi Ngọ

Phân tích: Tân tọa thương, Ngọ Tuất hợp đảng, muốn dồn thương quan Hợi thủy, Tuất khắc Hợi chế không hoàn toàn, chính công thần tại Ngọ hỏa, Ngọ Hợi ám hợp, sát chế thương quan. Sát chủ quyền, đổi lại tượng, Hợi thương vậy đại biểu rồi quyền lực. Ngọ sát dẫn theo tài mũ. Thuyết minh tài quan song được. (Hác Kim Dương hay Hạ lão sư phán quyết qua) đại vận Bính Dần, đương huyện trưởng. Dần Ngọ Tuất tam hợp. Nguyên cục muốn dồn Nhâm thủy Hợi thủy, Đinh Mão vận, Đinh vận Đinh Nhâm hợp, bảo vệ rồi Nhâm thủy, (hợp trói, bất tham dự nguyên cục tác dụng) thôi quan bãi chức rồi. Mão Tuất hợp trói rồi Tuất thổ, Mão Ngọ

phá hủy cục. Mậu Thìn vận bị xử bắn rồi. Tuất làm quan sát khố, là hỏa khố, có tượng, có súng ống đạn dược chi tượng, Thìn vận Hợi nhập mộ bị bảo vệ rồi, hoàn xung rồi quan sát khố, nhân tiện phản rồi, phá hủy nguyên cục chi nghĩa. Chết ở Dậu năm, hại lộc rồi. Lộc bị Tuất hại, bị xử bắn. (Bặc Văn: Dậu năm hợp động rồi Thìn.)

Càn:
Quý Bính Mậu Giáp
Mão Thìn Thân Tý

Phân tích: nhật chủ tọa thực, tam hợp tài cục, Quý Mão quan mang tài mũ, quản tiền quan, thực sinh tài là tố xí nghiệp , Mão Thân ám hợp, thuyết minh hắn là xí nghiệp quan, nguyên cục có một bệnh, hắn nghĩ đến đến Mão quan, nhưng Mão Thìn hại, Tý Mão phá, nhật chủ hợp dụng Địa Chi không thể phá, nơi này chính mình phá . Chế rồi Mão mộc không thích Giáp sát trên giờ thấu. Thuyết minh hắn làm quan thì có phiền toái. Hắn rất có năng lực, là đại xí nghiệp lão tổng. Nội thực thần là làm xí nghiệp , Thân thực sinh rồi tài, với lại hợp rồi tài cục. Mão Thân ám kết hợp chế quan ý tứ.

Chú: hợp dụng nhất định không thể hại.

Càn:
Nhâm Tân Đinh Quý
Dần Hợi Sửu Mão

Phân tích: Đinh tọa tài khố không có hình phạt xung, nhật chủ Đinh Nhâm hợp, Nhâm quan hạ tọa ấn. Dần Sửu ám hợp, Dần Hợi hợp, Nhâm Hợi một chữ, Dần Sửu hợp, đương quan cùng ấn kéo đến rồi chủ vị, Sửu là tài khố, tẩu Mão vận, phát tài. Nguyên nhân Sửu là tài khố, hợp Dần, Đinh Nhâm hợp, cho nên bất đương quan, Nhâm chủ quản lý cùng khống chế, bất chủ quan. Mão vận Hợi Mão hợp, hợp rồi quan chẳng khác hợp rồi tài. Đây là tài thống quan. Quan nhiều tài ít, có bao nhiêu quan nhân tiện có bao nhiêu tài. (trung cấp lớp học tỉ mỉ giảng). Bính Thìn vận, kiếp tài lấy tài, Sửu tài khố vốn là là âm , Thìn vận thì, Thìn cũng là âm (thủy khố), Sửu với lại nhập mộ vào Thìn, vì vậy vận dụng bất chính phương pháp lấy tài(ăn bớt ăn xén nguyên vật liệu)(loại này Tài Đại), hắn là kiến trúc chủ đầu. Đinh Tỵ đại vận, không thích Dần Tỵ hại, Đinh Nhâm hợp, nhưng Địa Chi Dần Tỵ hại, khẩu quyết: hại ngã chính ấn không đi chính lộ. Tỵ với lại là kiếp, Tỵ Sửu với lại củng rồi tài cục, với lại Dần Sửu hợp đến chủ vị,

Dần Sửu hợp, mộc hành thổ nghiệp, phát tài mấy ngàn vạn. Chủ thầu đầu, bất đương quan, Dần Sửu ám hợp, thống lĩnh rồi.

Vấn đề:

1, có phải hay không thông thường nhật chủ hợp năm tháng quan cũng bất đương quan?

Đáp: bất nhất định, có thể đương, có thể không thích đáng. Hợp năm là quản lý khống chế ý tứ.

2,
Bính Mậu Tân Nhâm
Tuất Tuất Dậu Thìn

Bính Tuất tạo Tuất cùng Dậu hại à?

Đáp: là làm quan , công an ngành trưởng phòng. Dậu Thìn hợp, hại bất động rồi.

3,
Giáp Mậu Quý Ất
Thìn Thìn Mão Mão

Đáp: là làm quan , ngân hàng hành trường.

4 Bính Thìn Đinh Dậu Quý Dậu Mậu Ngọ là làm quan?

Đáp: tài chế ấn, tài nhược, không có phản. Ấn trọng dụng tài rồi, cho nên không làm quan.
Lễ 5 mười hai chi hình phạt, xung, phá, hại, mộ

Nhất, mười hai chi tương xung

Tý Ngọ tương xung, Sửu Mùi tương xung, Dần Thân tương xung, Mão Dậu tương xung, Thìn Tuất tương xung, Tỵ Hợi tương xung.

Lục xung :Tý Ngọ tương xung, Tý thủy xung khắc Ngọ hỏa, và Ngọ hỏa đối với Tý thủy có xung không có khắc; Mão Dậu tương xung, Dậu kim xung khắc Mão mộc, và Mão mộc đối với Dậu kim chỉ là có xung không có khắc;

Dần Thân tương xung, Thân kim xung khắc Dần mộc, và Dần mộc đối với Thân kim chỉ là có xung không có khắc. Tỵ Hợi tương xung, Hợi thủy xung khắc Tỵ hỏa, và Tỵ hỏa đối với Hợi thủy chỉ là có xung không có khắc.

Tương xung tại trong bát tự có liền nhau tương xung cùng cách vị tương xung, có thuận xung có ngã xung. Bởi vì liền nhau gần xung thì lực lượng đại, cách vị tương xung thì lực lượng nhỏ. Địa Chi tương xung nhìn kỹ tình hình không có cùng tác dụng.

1, tương xung khả khắc phá khắc rớt: tương xung lấy tương khắc là chủ, thương tổn yếu thắng vào thông thường tương khắc. Tý Ngọ xung, Ngọ bị khắc phá, Tý thì lao động; Mão Dậu xung, Mão bị khắc phá, Dậu thì lao động; Dần Thân xung, lấy Thân kim khắc Dần mộc là chủ, Bính hỏa trong Dần , Nhâm thủy trong Thân đồng bị thương; Tỵ Hợi xung, lấy Hợi thủy khắc Tỵ hỏa là chủ, Mậu thổ trong Tỵ, Giáp mộc trong Hợi đồng bị thương; Thìn Tuất xung, thổ xung biến hư, Ất Quý trong Thìn , Tân Đinh trong Tuất đồng bị thương; Sửu Mùi xung, thổ xung biến hư, Quý Tân trong Sửu, Ất Đinh trong Mùi đồng bị thương. Như bị xung khắc chi thần nguyên nhân được bát tự thế, lực lượng lớn hơn xung thần, như vậy bị xung khắc nhất phương phản lại thắng xung thần nhất phương, đây là ngã xung.

2, tương xung khả phá cục phá hợp: tương hợp và gặp xung nhất định phá hợp, cũng không phải là tham hợp và vong xung. Có các trường hợp sau: (như Tý Ngọ Sửu ba chữ quan hệ, nguyên nhân Ngọ tại Tý Sửu hợp trung gian, khiến Tý Sửu nguyên nhân xung không thể hợp); (như Ngọ Tý Sửu ba chữ quan hệ, Tý Ngọ xung cùng Tý Sửu hợp đồng thành lập); (như Tý Sửu Ngọ ba chữ quan hệ, Tý Sửu bàn về hợp, Ngọ không thể phá hợp). Ở trên mặc dù bàn về lục hợp, tam hợp cục tình hình cũng như thế.

3, tương xung khả xung khởi xung vượng: 《 Tích Thiên Tủy 》 viết: vượng thần xung suy suy người rút, suy thần xung vượng vượng thần phát. Xung hữu lực, thì có thể khử chi, khử hung thần thì lợi, khử cát thần thì bất lợi; xung vô lực, thì phản kích chi, kích hung thần làm hại, kích cát thần không sao, có khi khả là cát. Xung thần chi vượng suy phán đoán, lấy nhiều là vượng, ít là suy; lấy hợp cục hội cục là vượng, lấy cô lập bị khắc là suy; lấy đắc lệnh là vượng, lấy thất lệnh là suy. Xung lực mạnh yếu phán đoán, lấy xung trong mang khắc là mạnh mẽ, lấy xung và bất khắc là nhược; lấy đại vận xung chi là mạnh mẽ, lấy thái tuế xung chi là nhược.

Lại có nhược thủy xung vượng hỏa, hỏa vượng; nhược kim xung vượng mộc, bổ mộc lấy lợi dẫn hỏa…..

4, tương xung khả xung động xung khai: gần xung thì khắc phá, cách xung thì thương tổn hại. Vận xung thì xung phá, tuế xung thì xung động xung khai. Cách xung là chỉ trong bát tự năm cùng nhật hoặc nguyệt cùng thì tương xung; vận xung chính là đại vận đến xung bát tự; tuế xung là lưu niên đến xung bát tự, động thì là phát động, khai thì là khai mộ.

Mộ gần xung thì phá mộ. Cách xung là tổn thất, xa xung là xung động, cũng có xung khai ý.

Chú: xung là tác công phương thức, 1 cường 1 nhược thì xung khử cùng xung chế, đại vận xung bát tự là xung phá, 1 xung 2 là xung động 2, bất là xung phá, lưu niên xung bát tự thông thường là xung động, chữ trong bát tự tại đại vận xuất hiện là đương vận, lưu niên xung là xung động, là dẫn động đại vận, không thích đáng vận là xung khử, rời đi ý, tạm thời xa rời, hai xung nhất là kẹp xung, bất là xung phá, như kẹp chế ,chế bất tử giống nhau, lực lượng quá mạnh mẽ thì xung phá.

Càn:
Mậu Mậu Mậu Giáp
Tuất Ngọ Ngọ Dần

Phân tích: mệnh này Mậu thổ nhóm lửa thổ táo nguyệt, Địa Chi Dần Ngọ Tuất bất là hợp cục, trung thần Ngọ hỏa song hiện là nhập Tuất mộ, hành Dậu vận Dậu năm ngồi tù, nguyên nhân Dậu kim là tài (thực thương đương tài xem), nguyên nhân tham tài ngồi tù. Người này không có tiền.

Càn:
Giáp Giáp Mậu Nhâm
Thìn Tuất Tý Tý

Phân tích: trung thần song hiện, tài nhập năm mộ. Mộ hỉ xung. Tý thủy tòng Thìn trong tới, Tuất đương Thìn xung khai rồi, nơi này Tuất cùng Mậu thổ đương nhất thể xem, là tỷ kiên ngồi ở Nguyệt Lệnh trên xung Thìn, Mậu Tuất một tượng rồi. Nếu như không phải Mậu Tý hợp, chủ vị trí thủy cùng Thìn có quan, Thìn Tuất xung hỗ tượng, gián tiếp lấy Tuất cùng Mậu . Tài mộ hỉ xung, đây là phát tài mệnh. Khách vị tài khố xung khai khẳng định là phát tài mệnh, nhưng là tự mình phát hay người khác

phát đây? Này mệnh chính là xem tượng, là tự mình phát tài.

Càn:
Canh Giáp Quý Quý
Dần Thân Mão Sửu

Phân tích: Dần Thân xung, Thân đương lệnh, Dần bị gần xung phá, Giáp thấy Dần là có căn, là sinh mộc, không thể phá Dần. Dần là trên năm thương đại biểu bà nội. Thân chế rồi Dần là bà nội sớm qua đời chi tượng. Bát tự không có tài, cần thương thực sinh tài, cần chi thần không thể phá, xung Dần thì phá hủy tài.

Càn:
Canh Canh Mậu Nhâm
Tuất Thìn Thìn Tuất

Phân tích: mệnh này tọa Thìn thổ là tài khố, Nguyệt Lệnh Thìn thổ lực lớn, nguyên cục lưỡng Tuất xung lưỡng Thìn, nhưng Thìn lực lượng đại, là Thìn xung rồi Tuất, cho nên người này lão suy nghĩ phát tài nhưng lão thiếu tiền, vốn tài khố là của mình, kết quả khử xung của người khác khố, đương của mình tiền xung khử rồi.

Càn:
Nhâm Kỷ Quý Ất
Dần Dậu Dậu Mão

Phân tích: Mão Dậu xung, ấn tố công xung chế thực thần, là ấn khử thực, nhưng trên giờ Ất thấu can không có chế, là chế bất tịnh. Ấn tại chủ vị tố công đại biểu quyền lực. Nguyệt Lệnh mang tượng, ấn mang sát mũ, Dậu phục ngâm đến tọa. Người này làm quan, ấn tại chủ vị tác công đại biểu văn hóa nghề, thực vậy chủ văn loại nghề. Vì vậy người là học giáo hiệu trưởng. Tẩu thương quan vận bất cát, trên năm Dần thực là nhàn thần. Giáp Dần vận, Giáp Kỷ hợp, hái được quan mũ, bất đương quan rồi.

Càn:
Ất Kỷ Đinh Canh đậu phụ lão
Mùi Mão Sửu Tuất

Phân tích: tài quan lâm khố hỉ hình phạt xung. Đinh tọa tài khố, mộc hỏa có khí thế, Sửu Tuất hình phạt, Sửu Mùi xung, đều là chế Sửu thổ cùng Sửu trong chi tài, nguyên cục Sửu gặp hình phạt xung chính là mệnh phát tài, hành Giáp Tuất vận, hình phạt khai tài khố phát đại tài. Thành ức vạn phú ông. Nhưng không thích tẩu Tý vận, phá hủy nguyên cục, Tý hại Mùi, khiến Mùi bất xung Sửu, với lại hợp Sửu, bảo vệ rồi Sửu thổ. Là chế không được Sửu thổ tài khố, vì vậy vận bất cát, Đinh Kỷ một nhà, tọa Mão, Mão Mùi củng, Mùi chế Sửu tài khố, nên Mão có công. Mão là ấn, trên năm Ất Canh hợp, đương Canh hợp một chút. Cho nên Mão là có dụng , không văn hóa, nguyên nhân Đinh nhược hóa không được ấn.

Khôn:
Bính Giáp Đinh Kỷ
Tý Ngọ Tỵ Dậu

Phân tích: mộc hỏa thành thế chế kim thủy. Tỷ kiếp chế sát, lộc xung thất sát. Thổ phỉ đầu lĩnh, có một tật xấu, trên nguyệt Ngọ là lộc, cùng sát xung, chứng tỏ một tượng, bị người cưỡng gian. Tỵ Dậu kết hợp kiếp tài lấy tài. Là đoạt tài. Canh Dần vận, Ất Mão năm, chết. Dần đến hại ngã dương nhận, nhất đáo chi tội. Đinh Tỵ nhất thể không thể phá.

Càn:
Đinh Nhâm Đinh Tân
Mùi Tý Tỵ Hợi

Phân tích: nguyên cục kim thủy đảng cùng hỏa thổ đảng đối kháng, không ai chế được ai. Đinh Nhâm hợp không thích Địa Chi hại, cho nên bất đương quan. Đây là quan vượng tài nhược. Là tài thống quan, quan đương tài xem. Đinh Tỵ liên căn, không thể chế, trên giờ quan mang tài mũ. Đinh tọa Tỵ, vốn tốt tài, nhưng Tỵ Hợi xung, phát không được tài. Dậu vận Giáp Tuất, Ất Hợi năm phát điểm tài. Dậu là Tân đắc lộc, Tỵ Dậu lấy tài hợp đến chủ vị.

Giáp Tuất năm hỏa vượng rồi trên nửa năm tài vận hảo. Ất Hợi trên năm nửa năm phát tài, phát tài sau xí nghiệp đóng cửa. Hạ nửa năm bất phát tài.

Nguyên nhân Đinh, Mùi, Tỵ kết hỏa đảng, cho nên sẽ không thương thọ.

Vấn đề:

1, âm can có hay không dương nhận. Bặc Văn: âm can thông thường không nói dương nhận.

2, đậu phụ lão vì sao không văn hóa?

Bặc Văn: Đinh nhật chủ nếu như ấn tinh quá nặng hóa không được sẽ không văn hóa. Đinh hỏa đại biểu văn minh, văn hóa chi tượng. Bính nhật chủ không có nghĩa là văn hóa, đại biểu diễn nghệ giới, biểu diễn. Bính tác thực thần thì vậy khả viết văn hóa giảng.

Hai, mười hai chi tương hại

Tý Mùi tương hại, Sửu Ngọ tương hại, Dần Tỵ tương hại, Mão Thìn tương hại, Thân Hợi tương hại, Dậu Tuất tương hại.

Hại có hai loại kết luận:

1, là hại ngã, là hại phản rồi, chính bị hại thành thiên và ngược lại."Ngã" chứng tỏ lập không được, phá hư, tiêu vong, nên vậy thường lấy hại nói thành là "Hại ngã" . Chính ấn hại ngã sau không đảm đương nổi chính chức, chỉ có thể đương phó chức.

2, chủ hung tai, bát tự có hại nhiều chủ hung tai hoặc tử vong (nhất là lục thân, hai là chính mình).

Lấy tương khắc với lại mang hại tình huống nghiêm trọng nhất, như: Tý Mùi, Mão Thìn, Dậu Tuất (Tuất là táo thổ, phá Dậu), Sửu Ngọ (Sửu là thấp thổ, tối hỏa) này vài loại hại là lợi hại nhất ; và Thân Hợi, Dần Tỵ hại là hại trong mang sinh, bị sinh nhất phương hại thì còn có động ý tứ, mà lực sát thương bất nghiêm trọng.

Lưu niên tới hại chế bát tự chủ vị chữ chủ tâm tình bất hảo, làm việc bất lợi hoặc bị trở, như phối ngẫu cung bị đại vận đến hại, này đại vận như không có kết hôn sẽ không có thể kết hôn, như kết hôn rồi sẽ ra vấn đề, nhưng bất nhất định ly hôn.

Khôn:
Bính Đinh Giáp Ất
Tuất Dậu Tuất Hợi

Phân tích: Dậu vi phu, Tuất vi phu cung, phu cung lấy phu tinh hại phá hủy, nhất định nàng cả đời khắc phu. Nhưng nguyên nhân là kẹp hại, cho nên chế bất tử chồng. Đệ nhất phu ngồi tù ly hôn, thứ hai phu vậy ngồi tù. Thương thực khố hại quan, Tuất đại biểu tài. Nguyên nhân tài ngồi tù.

Càn:
Đinh Nhâm Đinh Tân
Mùi Tý Tỵ Hợi

Phân tích: hành Hợi vận Tý thủy lực lớn hại ngã Mùi thổ, Mùi thổ tại trên năm là thực thần, đại biểu mẫu thân, Bính Thìn năm Mùi thổ nhập Thìn mộ, tối Tỵ hỏa, Nhâm thủy khắc Bính hỏa, nguyên cục Đinh Nhâm hợp, Bính hỏa tới, xung Nhâm giải hợp, năm này tử mẫu thân (kết hợp hữu thọ sợ giải hợp). Mùi thổ là Đinh hỏa bán lộc, trên năm Đinh hỏa là tỷ kiên huynh muội, Mùi thổ bị hại nhưng Đinh hỏa tỷ kiên có hợp, không có tánh mạng nguy hiểm, anh trai, chị gái cũng bị thương.

Càn:
Ất Nhâm Giáp Giáp
Mùi Ngọ Tý Tuất

Phân tích: mệnh này Mùi thổ là dương nhận khố, dương nhận khố hại ngã ấn tinh Tý thủy, ấn tại tọa là quyền lực, là chưởng binh quyền quan. Nhưng Ngọ Mùi hợp, bế rồi dương nhận khố, không phải chuẩn bị đao thương là đao thương nhập khố. Giáp mộc sinh tại Ngọ nguyệt vô căn, tử mộc khả khử thủy, như sinh tại Mùi nguyệt có căn, sinh mộc, không thể khử thủy, khử thủy nhân tiện nguy rồi. Là một quân sự và chính trị ủy, sư cấp cán bộ, bất cầm thương.

Càn:
Giáp Bính Kỷ Mậu
Thìn Tý Mùi Thìn

Phân tích: mệnh này Mùi thổ thê cung hại Tý thủy thê tinh, Nguyệt Lệnh tài tinh không thể bị hại, hại Nguyệt Lệnh tài chủ nhật chủ cùng tài tinh vô duyên, không có hôn nhân, không phải không có tiền (nguyên nhân Giáp Kỷ hợp, Giáp hạ tọa tài khố, đương nhiên là có tiền rồi). Giáp Kỷ hợp quan, tọa tài khố, có địa vị, tài vận có thể. Chủ vị chữ hại Nguyệt Lệnh tài, cùng hôn nhân vô duyên.

Càn:
Giáp Tân Mậu Bính
Thân Mùi Tý Thìn

Phân tích: mệnh này Mậu thổ nhật chủ kiến trên năm Giáp mộc thất sát, Giáp mộc tọa Thân, Thân Tý Thìn hợp, trung thần hợp đến chủ vị, thất sát là quyền, người này là phó huyện trưởng (Giáp bị tam hợp cục đưa rồi vị, bị nhật chủ đạt được), Tý thủy là chính, nhưng nguyên cục Tý Mùi hại đương chính hại trật, nên là phó chức.

Càn:
Mậu Tân Bính Đinh
Tuất Dậu Thân Dậu

Phân tích: kim thủy thành thế chế Tuất thổ. Nơi này không nói cái này, chỉ nói Dậu Tuất hại, thực tại trên năm là mẫu thân, bị hại ngã, sớm qua đời chi tượng.
Hợi vận, thủy thịnh, Nhâm Tuất năm, Tuất mẹ đúng hạn, bị nguyên cục Dậu hại ngã, năm này mẹ qua đời.

Càn:
Đinh Bính Ất Tân
Dậu Ngọ Sửu Tỵ

Phân tích: nguyên cục mộc hỏa có khí, đến chế kim thủy, nhưng Tỵ Dậu Sửu tam hợp kim cục, kim thủy lực lượng thành thế muốn dồn Ngọ hỏa (Tỵ biến tính, sẽ không bị quản chế) Dần vận, Dần Tỵ hại, kiếp hại thương, nguyên cục Ngọ Kỷ phá, bây giờ Tỵ vậy phá, thực thương toàn bộ phá, Đinh Sửu năm Đinh thực hư thấu, Sửu sát khố đúng hạn, hại ngã Ngọ thực, năm này tử vong, manh sư quyết: hại ngã thực thần tổn hại thọ nguyên.

Khôn:
Quý Canh Nhâm Ất
Mão Thân Thìn Tỵ

Phân tích: Nhâm tọa tỷ kiếp khố, quan tinh được chính vị, không thể bị hắn tinh đến phá hoặc đến hợp (nhất hợp nhân tiện hợp chạy, có ngoại tình rồi), Mão thương hại Thìn, thương quan hại quan, phu tinh phu cung

cũng phá hủy, nhưng chưa hại tử, xem lực lượng đại tiểu cũng biết. Trên năm Mão bị Thân chế một chút vừa là cách hại, cách hại lực lượng nhân tiện yếu đi. Cho nên chỉ có thể hại phá, thuyết minh. . . . Vợ chồng cảm tình bất hảo.

Càn:
Ất Bính Giáp Giáp
Mùi Tuất Tý Tuất

Phân tích: tỷ kiếp dương nhận khố chế rồi ấn, chế ấn được quyền, Bính thấu can là thực, chủ tư tưởng, văn hóa, hỏa táo thổ thành đảng cần , Ngọ vận, Tỵ vận, Nhâm Ngọ năm Quý Mùi năm cũng thăng quan. Là cục trưởng tư pháp cục.

Càn:
Quý Ất Giáp Kỷ (Nhạc Phi)
Mùi Mão Tý Tỵ

Phân tích: sinh mộc. Giáp sinh Mão nguyệt cường căn, tọa thấy thủy, là sinh mộc, nhưng Tý Mùi hại, tỷ kiếp dương nhận khố chế ấn được quyền, là võ quan, nhưng nhất hại căn cùng ấn toàn bộ phá hủy. Tý vận chưởng binh quyền, Tân Hợi vận, Tân thất sát khắc Ất dương nhận, Hợi xung Tỵ hỏa, Tỵ là thọ nguyên tinh, chế thực thương thọ là thọ đến rồi. Bặc Văn: Tý phá Mão, Tý là kỵ.

Tam, mười hai chi tương hình

Tam hình có hai, tức Dần Tỵ Thân, Sửu Tuất Mùi tam hình. Cái khác sách cổ nói Tý Mão tương hình, kỳ thật là tương phá; Thìn Ngọ Dậu Hợi tự hình thuyết pháp vậy bất ứng nghiệm.

Tam hình cách dùng gần vào lục xung, chẳng hề chứng tỏ hình pháp, tội ác cùng tật bệnh. Còn có, Dần Tỵ Thân cùng Sửu Tuất Mùi tam hình cũng có thể tách ra đến giải; Dần cùng Tỵ lấy tương hại là chủ, Dần cùng Thân lấy lục xung là chủ, Thân cùng Tỵ lấy lục hợp là chủ, hình chỉ là một loại mang vào tác dụng, chỉ có ba người đồng thời xuất hiện hình ý tứ nhân tiện rõ ràng rồi; Sửu cùng Mùi lấy lục xung là chủ, chỉ có Sửu Tuất cùng Mùi Tuất lấy hình xem, mà cách dùng cùng xung tương đồng, chỉ có Sửu Tuất Mùi ba người đều hiện, hình ý tứ nhân tiện rõ ràng rồi. Sửu Tuất Mùi tam hình thấy kim thì, lục thân đa số thương bệnh tàn tật, tam hình

thấy phụ mẫu tinh thì đa số phụ mẫu sớm qua đời.

Chỉ bàn về Sửu Mùi Tuất, Dần Tỵ Thân tam hình, bất luận Tý Mão hình cùng tự hình. Tam hình ý tứ chủ yếu là lục thân có tổn hại. Tam hình cùng loại vào lục xung, khác nhau nằm ở tam hình thấy toàn bộ thì, đa số ứng tại lục thân điểm xấu, chủ yếu là tai nạn, thương bệnh tai, chết sớm.... Nhưng tam hình nhất định phải xem vị trí cùng lực lượng đại tiểu. Tam hình chủ yếu là xem Sửu Mùi Tuất tam hình, vốn Dần Tỵ Thân thấy toàn bộ thì vậy bàn về hình. Dưới lấy Sửu Tuất Mùi tam hình đưa một ít ví dụ. Sửu Tuất Mùi phải xem vị trí, nguyên nhân là khố tương hình , như nguyên cục có Sửu Tuất, nhất định là Tuất chế Sửu, như đại vận thấy Mùi, Mùi phá hủy Tuất, (chú: nguyên nhân Tuất chế Sửu là Đinh hỏa chế Tân kim, vừa thấy Mùi thì Sửu Mùi xung vượng rồi thổ, thổ yếu sinh kim, Mùi Tuất hình phá hủy hỏa khố, kim vượng hỏa suy) Tuất lực lượng yếu bớt, nhân tiện chế không được Sửu rồi, bàn về hung bất luận cát, lưu niên là ứng kỳ, phải xem đại vận .

Thông thường lục thân nhập mộ bị phá, đều tử vong.

Càn:
Nhâm Nhâm Canh Tân
Tý Dần Thìn Tỵ

Phân tích: nam mệnh chính quan là nữ, thất sát là nhi, mệnh này Tỵ hỏa thất sát là con trai, bị Dần mộc tài tinh hại ngã, sinh con gái, hơn nữa phụ mẫu không thích con (phụ mẫu cung hại con cái cung). Giáp Thìn vận Mậu Dần năm, Dần Tỵ hình là động, đến công - kiểm - pháp ngành công tác, Ất Tỵ vận Giáp Thân năm, Tỵ Thân hợp, hợp động Tỵ hỏa hình Dần mộc, chủ phá tài, bởi vì vợ phá tài (bởi vì Ất làm vợ, Tỵ ngồi Ất mộc), Ất trong Thìn mộc là vợ tại phu thê cung, Thìn thổ với lại là thiên ấn, ấn với lại là mẹ, là bởi vì là mẹ vợ phá tài.

Càn:
Nhâm Canh Tân Ất
Tý Tuất Sửu Mùi

Phân tích: Sửu Tuất Mùi tam hình, kim thủy có thế, phá hủy Đinh hỏa sát trong Tuất , Tuất tại Nguyệt Lệnh, Nguyệt Lệnh thất sát là cha. Nguyên nhân bát tự lấy tài tại Nguyệt Lệnh là cha, thiên tài là cha, tài tinh bất thấu xem sát tinh. Cha có thể hay không sớm tử, sẽ không, tại sao? Bởi vì

Canh Tuất tại trên nguyệt là phụ mẫu cung, Ất Canh hợp đến rồi trên giờ, cái gì tượng? Bát tự thiên tài là cha, trên giờ phụ tinh Ất hợp rồi Canh kim, đương Canh Tuất nhất trụ đương rồi phụ thân xem, Ất hợp rồi trở về, Sửu Tuất hình, Ất Canh hợp, là phụ tinh cùng cha cung cũng phá hủy, Sửu vận Canh Thìn năm phụ thân qua đời. Sửu vận là Sửu đến rồi, Canh Thìn năm là Canh đúng hạn đương Ất phụ tinh hợp đi. Thông thường lục thân nhập mộ bị phá đều đã đột nhiên tử vong. Tam hình ứng toàn bộ người tại lục thân trên cũng bất lợi, Giáp Thân năm huynh qua đời, nguyên nhân Nguyệt Lệnh vậy đại biểu huynh đệ tỷ muội cung, Giáp Thân năm Giáp ngồi tuyệt địa, (Canh vi huynh muội, Giáp Thân năm Thân đến nhập mộ?)

Ngôn Minh: mệnh này Sửu Tuất Mùi tam hình (trước bàn về hình sau xem xung), hình phá hủy thất sát trong Tuất, Tuất thổ tại Nguyệt Lệnh, thất sát là phụ thân (năm tháng không có tài, lấy quan sát là cha), nhưng sẽ không sớm tử, bởi vì Ất Canh hợp đến trên giờ, nhưng phụ thân cung, tượng, tinh cũng phá hủy, tẩu Sửu vận Canh Thìn năm phụ thân tử. Người này anh trai Giáp Thân năm tử, nguyên nhân Ất Canh hợp đổi lại tượng, lấy Giáp mộc là anh trai, Giáp Thân năm Giáp tọa tuyệt.

Bặc Văn: Canh là anh, không phải Giáp, đi Dần vận (Giáp Dần vận), tuyệt tại Dần. Giáp Thân năm Canh đắc lộc bị xung, nên anh đã chết do tai nạn xe. Huynh đệ cung chiếm dương rồi, chủ anh, cho nên Canh là anh trai, không phải chị gái. Huynh đệ cung chiếm âm là muội.

Càn:
Đinh Canh Ất Canh
Mùi Tuất Sửu Thìn

Phân tích: Tuất tại Nguyệt Lệnh là tài, Nguyệt Lệnh chi tài là cha, mà tọa phụ mẫu cung, khẳng định trước đương cha xem, hơn nữa Nguyệt Lệnh lộ ra rồi Canh, lộ ra Canh kim cùng nhật chủ hợp, Tuất bị năm nhật lưỡng thổ hình phá, phụ tinh cha cung cũng phá, phụ thân là có chuyện , loại này tổ hợp đa số tại lục thân trên có chuyện.

Ngôn Minh: mệnh này lấy Tuất thổ là phụ thân, Tuất thổ tài tinh Nguyệt Lệnh là cha (tài ngồi quan tài là cha), lộ ra Canh kim, Ất Canh hợp, nhưng Sửu Mùi Tuất tam hình, Tuất thổ bị Mùi, Sửu hình, chủ phụ thân có chuyện.

Bặc Văn: cha sớm tử, mười mấy tuổi tử cha. Bệnh tử .

Tam hình toàn bộ rồi thì, tam hình bất gọi là công, là ba chữ cũng phá hủy, công sẽ không có rồi, chứng tỏ chủ yếu trên lục thân có chuyện. Tam hình thấy toàn bộ, bao gồm giấu can trong chi cũng hình phá hủy.

Càn:
Ất Bính Quý Giáp
Mùi Tuất Sửu Dần

Phân tích: phạm tam hình. Lục thân có tổn hại, ứng ở tại con cái, Sửu Tuất Mùi tam hình thấy toàn bộ, thổ làm quan sát, tại nam mệnh quan sát đại biểu con cái, có 2 trai 1 gái , Sửu Mùi sát là trai, Tuất quan là gái. Nữ nhi sinh hạ mấy tháng chết rồi (nguyên nhân Tuất bị năm nhật hình, bị thương nặng nhất, cho nên nữ nhi trước ứng hung). Hành Tân Tỵ vận, hỏa cùng táo thổ vượng đến chế Sửu thổ, Mùi là trai cả, Sửu là trai thứ, Quý Mùi năm, con thứ hai là thợ điện, tại công tác bị điện giật chết. Hỏa quá vượng, bị điện giật chết, bát tự này rất có ý tứ. Đáng giá nghiên cứu.

Càn:
Bính Tân Đinh Đinh
Tuất Sửu Dậu Mùi

Phân tích: Đinh nhật chủ tọa Dậu tài, trên năm Tuất Mùi hình, Sửu Mùi Tuất là thực thương, nguyên cục phạm tam hình, trên giờ Mùi nguyên nhân thấu Đinh là nhật chủ lộc, nguyên cục kim thủy cùng thấp thổ có điểm trọng, hành Bính Ngọ vận, Ngọ là nhật chủ kiến lộc, Ngọ Mùi hợp lộc vốn là cát, nhưng không thích Sửu Ngọ hại lộc, Tân Mùi năm, Sửu Ngọ hại phá hủy lộc, Tân Mùi năm Mùi là bản lộc, là Đinh hỏa căn, không thể bị phá, nguyên cục Mùi thổ vậy phá hủy, vốn nguyên cục Mùi cách khá xa, chỉ là bị thương, Tân Mùi năm chưa tới trực tiếp bị nguyên cục chế rồi, như vậy, Đinh lộc cùng căn cũng phá hủy, năm này thọ đến. Mùi là thực, hơn nữa bát tự là Bính Đinh hỏa tượng, người này là phi thường nổi danh trung y đại phu, Mùi có thuốc bắc tượng (sau này giảng tượng thì hội giảng đến). Chết sớm, mới 40 tuổi. Người này là Lý Dương Ba.

Khôn:
Bính Mậu Đinh Đinh
Tý Tuất Sửu Mùi.

Phân tích: nguyên cục phạm tam hình, Tuất hình Sửu, Sửu Mùi xung, là muốn chế tài khố, tọa tài khố mà, nhưng không thích Tý Sửu hợp, nguyên cục muốn dồn chữ không thể bị nguyên cục hoặc đại vận đến hợp, nhất hợp ý tứ nhân tiện phản rồi, này nhất hợp tượng nhân tiện toàn bộ phá hủy, nguyên cục cũng phá hủy, nữ mệnh quan sát vi phu, Tý Sửu hợp vào phu cung, cho nên Tý nhất định vi phu. Sửu bị chế phu cung bị phá, Tý với lại nhược, với lại không có nguyên thần, mãn bàn hỏa thổ cũng đến khắc phu tinh, cho nên phu chết sớm. Nguyên cục Tý Sửu hợp một chút còn có thể sinh mộc một thời gian, nhưng Sửu bị Tuất Mùi xung hình phá, nhân tiện sống không được rồi. Tuất là tỷ kiếp khố, gặp Sửu, Mùi hình, tỷ kiếp chủ tay chân, đại biểu chính mình vậy thương tàn.

Vấn đề:

Đại Hải: này ví dụ là hạ lão sư phán quyết , quan bị khử rồi với lại hợp lại đây là ta sở dụng rồi, vì sao nghèo mệnh một như thế bi thảm?

Bặc Văn: là chế không được, không phải bị khử.

Bốn, Địa Chi tương phá

Mệnh lý chư thư cũng chưa từng giảng qua phá, chỉ có manh sư phái giảng Địa Chi lục phá cách dùng: Tý phá Mão, Mão phá Ngọ, còn có Ngọ phá Dậu; vừa có thể phản lại phá, tức Mão phá Tý, Ngọ phá Mão, Dậu phá Ngọ.

Chúng ta chỉ biết, thủy có thể sinh mộc, mộc có thể nhóm lửa, nhưng tương phá thì nhân tiện không giống, Tý thủy bất sinh Mão mộc, Mão mộc bất sinh Ngọ hỏa: vô tình, phá hư, ăn mòn, vứt đi, phá hao tài sản.

Trước mắt có ba loại: Tý Mão, Mão Ngọ, Mão Dậu. (bốn chính thần tương sinh không tình nguyện, lấy tương phá là chủ.) phá bất gọi là công.

Phá bất gọi là công, chỉ quan niệm, nhưng Ngọ Dậu phá cũng có tố công ý tứ, nguyên nhân Ngọ khắc Dậu.

Càn:
Quý Bính Bính Giáp
Mão Thìn Ngọ Ngọ
Phân tích: bát tự không có tài quan sát đương tài xem. Mệnh này Quý thủy chính quan sinh Mão mộc ấn tinh một tượng, không thích Mão Ngọ tương phá, phá Mão mộc ấn tinh, hành Sửu vận, Sửu Ngọ hại, Ngọ không phá Mão mộc, vận hảo, nhưng cầu tài lao lực. Mệnh này mộc hỏa thành khí thế, Bính hỏa là trang sức, xinh đẹp, Mão mộc là âm mộc, nhưng bị Thìn hại ngã là dương mộc, người này tố đồ dùng trong nhà . Quý thủy là cha tọa Mão mộc đương một tượng, nguyên cục bị Thìn hại chủ cha có chuyện, cha chết sớm, trên năm là chân, Mão Ngọ phá, tỷ kiên là tay chân, chính mình chân có chuyện, mang tàn.

Càn:
Quý Giáp Bính Mậu
Mão Dần Ngọ Tuất

Phân tích: Mão Ngọ phá ấn, năm là chân, từ nhỏ không được chữa trị.

Vấn đề:
1,
Bính Mậu Đinh Đinh
Tý Tuất Sửu Mùi tài khố xung rồi tại sao bất phát tài?

Bặc Văn: bế khố rồi. Là chế ý tứ, nhưng Tý Sửu nhất hợp nhân tiện bế khố rồi. Tài lâm khố bất hình xung bất phát là điều kiện cần, nhưng không phải nhất hình xung nhân tiện phát. Này ví dụ Sửu nhất hợp nhân tiện phá hủy.

2,
Quý Giáp Bính Mậu
Mão Dần Ngọ Tuất chân có tật. Trừ ra Mão Ngọ phá còn có nguyên nhân khác sao?

Bặc Văn: tỷ kiếp phá đến trên năm, trên năm chủ chân. Chứng tỏ chân chân có chuyện.

Quý Bính Bính Giáp
Mão Thìn Ngọ Ngọ, này ví dụ cũng là như thế.

3,
Tân Nhâm Nhâm Quý
Hợi Thìn Tuất Mão này có hợp tại sao phát tài

Bặc Văn: Thìn Tuất xung hảo, Mão Tuất hợp phá hủy, trước hảo sau phá

Càn:
Canh Mậu Nhâm Canh
Tuất Tý Ngọ Tý

Phân tích: Đại vận Mão. Mão Ngọ phá là phá tài, nguyên cục Nhâm nhật chủ tọa tài, song Tý kẹp xung, chế không sạch sẽ, khắc bất phá Ngọ, hành Tân Mão vận, Kỷ Mão năm, Mão Ngọ phá, Mão Tuất hợp quan, nguyên cục Ngọ Tuất hợp tài củng tài cục, Mão năm thì với lại lên tòa án với lại phá đại tài. Mà ứng tại Mão nguyệt, tất cả đều là Mão. Nguyên nhân nguyên cục là muốn chế tài, nhưng Mão phá nguyên cục, Mão Tuất hợp, Mão Ngọ phá, phá đại tài, nguyên nhân là chủ vị tài, với lại hợp tài khố.

Càn:
Nhâm Quý Nhâm Giáp
Tý Mão Tý Thìn

Phân tích: bát tự không có tài, lấy thực thương đương tài, tài vậy làm vợ, Mão thương tại nguyệt, bị năm nhật Tý phá, trên giờ lại có Thìn tỷ kiếp khố, Mão Thìn với lại hại, Mão tài lại bị phá lại bị hại, cả đời tìm không được hảo vợ, vợ là người đàn bà dâm đãng. Mão có Quý thủy sinh, bất làm vợ Tý thân thể có bệnh hoặc tàn tật.

Càn:

Nhâm Quý Nhâm Bính
Tý Mão Tý Ngọ

Phân tích: mệnh này toàn bộ phá, Mão bị năm nhật song Tý phá, với lại phá trên giờ Ngọ phá, thực thương Mão là ăn cơm , là việc làm, là sinh tài , trên giờ Ngọ tài vừa có thể đương cơm ăn, lại bị Mão phá (có thể hỗ phá, bát tự này là toàn bộ phá). Là một ăn xin mệnh.

Càn:
Bính Bính Canh Ất
Thân Thân Ngọ Dậu

Phân tích: Ngọ Dậu phá, năm tháng lưỡng Thân lộc là chính mình, Ất Canh hợp Ất đương vợ xem, nhưng Ất mộc quá yếu, nhưng Ngọ Dậu phá, cho nên thê cung cùng thê tinh tương phá. Ất tọa kiếp tài, với lại cùng thê cung phá, cho nên hắn tìm đều nữ nhân của hắn bị nam nhân khác câu tẩu. Đến bây giờ chưa hôn nhân.

Càn:
Nhâm Nhâm Bính Canh (không phải phá, là người mù mệnh tạo)
Ngọ Tý Thân Tý

Phân tích: manh sư quyết: "Bính Đinh năm tháng gặp Nhâm Quý, Đinh chủ tai mắt không sáng " . Mệnh này mặc dù không có Đinh, nhưng có Ngọ, Ngọ bị chế tử không có cứu, cho nên là người mù, hai mắt cũng manh. Trên giờ Canh tài hư thấu tại môn hộ chủ tài hoa, nhật chủ tọa vừa là Thân kim, là Canh lộc, Thân lạc không vong, kim chủ thanh âm, kim không thì minh, là một người thổi đàn nhị ăn xin.

Vấn đề:

Vận trong tới phá có thể không giải trong mệnh phá? Giải không được phá.

Nhâm Nhâm Bính Canh
Ngọ Tý Thân Tý điều này sao là một ăn xin hả, kim thủy có thế, chế Ngọ hỏa, có công lớn hả.

Thất sát ngồi căn, không có chế hóa, quan sát không có chế hóa.
Năm, Địa Chi chi mộ

Manh sư phái mệnh lý lấy Địa Chi chi mộ coi như một loại trọng yếu phương thức, là Thìn, Tuất, Sửu, Mùi bốn mộ, mộ chứng tỏ cất dấu, đạt được, thu hoạch, khống chế, chiếm rất nhiều ý tứ, mộ khố hỉ hình xung, xung là khố, bất xung thì là mộ, mộ là tử , khố là sống.

1, Dần, Thân, Tỵ, Hợi tứ đại trường sinh, thấy mộ khố là nhập mộ, Tý, Ngọ, Mão, Dậu thấy mộ thông thường không làm nhập mộ xem, đương

củng cục xem, chỉ có cực nhược (vô sinh bất lực) tình huống, thấy mộ mới nhập.

2, nhiều và mộ chi, tức chỉ cần là Thiên Can Địa Chi hợp cùng một chỗ, có hai hoặc hai ở trên, thấy mộ tức nhập, như Tân Dậu trụ thấy Sửu, tức Tân Dậu nhập Sửu mộ, bất luận Dậu Sửu củng cục; tái như lưỡng Dậu thấy nhất Sửu, bàn về lưỡng Dậu nhập mộ, bất luận củng cục.

3, Thiên Can tọa mộ, bất lấy nhập mộ xem. Như Tân Sửu nhất trụ, Tân không thể đương nhập Sửu mộ xem.

4, Địa Chi thổ mộ khố dường như đặc biệt, Thìn là thủy mộ vừa là thổ mộ. Sửu nhập Thìn mộ, Mùi vậy nhập Thìn mộ; nhưng đương Sửu Mùi Thìn cũng xuất hiện thì, Sửu Mùi nguyên nhân xung quan hệ, bất nhập Thìn mộ. Như trong mệnh cục có thủy thổ đồng thấy, là thủy nhập mộ, và thổ thì bất nhập mộ. Thìn Tuất gặp lại thì bàn về xung, bất luận Tuất nhập Thìn mộ.

Nhóm biểu như sau:

Mộ thần Thìn Tuất Sửu Mùi
Địa Chi Hợi, Sửu, Mùi Tỵ Thân Dần

Càn:
Ất Kỷ Nhâm Tân
Tỵ Sửu Thìn Sửu

Phân tích: phù hợp Sửu nhập Thìn mộ, Nhâm nhật chủ tọa tỷ kiếp khố, nguyệt thì Sửu quan cũng nhập Thìn mộ, làm quan nhập Thìn mộ, trên năm Tỵ sinh hợp Sửu quan, tài sinh quan, tài nhược quan vượng, quan đương tài xem, Nhâm bất nhập mộ, nhật chủ tọa mộ, nhất định hỉ hình xung, chỉ có xung rồi mới có dụng, người này hành Bính Tuất vận chi Tuất vận phát tài năm năm, nguyên nhân Thìn Tuất xung khai Thìn khố. Tư sản 4 triệu. Nhưng Ất Dậu vận chi Ất vận Quý Mùi năm bị bắt hình phạt, Ất thương bị khắc, thương bị chế chủ ngồi tù. Ất nguyên cục trên năm, bị Tân sở khắc, cùng Thìn có quan hệ, Thìn là căn. Ất Dậu vận, Tân đắc lộc, Thìn Dậu hợp phá hủy Ất chi căn, Ất hư bị Tân khắc.

Khôn:
Ất Ất Bính Kỷ
Mùi Dậu Tuất Sửu

Phân tích: Dậu tài tại Nguyệt Lệnh là cha, nguyên cục Dậu Tuất hại, trên năm Mùi giòn kim, cha có sớm qua đời chi tượng. Giờ thấy khố, (Bính Tuất, Đinh Hợi vận), cha chết ở Đinh vận, và không phải Tuất vận, nguyên nhân Đinh hư thấu là nguyên cục Tuất đến rồi, Đinh đại biểu Tuất tượng. Quý Sửu năm cha tử. Nguyên nhân Sửu là kim mộ, nguyên cục Dậu Tuất hại, Sửu thì là Dậu chi mộ. Sửu vận chi Đinh Sửu năm chính mình bị nhiễm trùng đường tiểu mà chết. Bính Tuất làm gốc thân thể, không thể phá căn.

Càn:
Quý Quý Canh Canh
Mão Hợi Ngọ Thìn

Phân tích: Canh kim bất xem vượng suy, nguyên nhân Địa Chi không có lộc. Xem tọa chi Ngọ hỏa quan tinh làm gì rồi. Ngọ Hợi ám hợp là thực hợp quan, quan tinh có việc tố, tức là quan làm công. Trên giờ Canh Thìn Thìn là thực thương khố cùng ấn, cũng là chủ vị của mình, bởi vì dẫn theo Canh tượng, là của mình, thực hợp rồi quan với lại vào Thìn mộ, đầu tiên Thìn là ấn, ấn là xí nghiệp, Quý Hợi thủy là thực, Hợi Mão hợp là thực hợp tài, sau đó với lại vào Thìn mộ, thực tức hợp tài với lại hợp quan, cũng nhập chủ vị chi Thìn mộ, đều là của mình. Trên năm Quý Mão là thực sinh tài, thực sinh tài là tố xí nghiệp , khố là đại, là một đại xí nghiệp, Hợi Mão hợp tài, Ngọ Hợi ám, quan tại chủ vị hợp tài, tố công là đại xí nghiệp phó tổng. Rất có quyền.

Càn:
Bính Tân Kỷ Tân
Ngọ Sửu Mùi Mùi

(đây là Hác Kim Dương khi còn sống phán quyết quá lớn nhất quan, Thiên Tân thị trưởng)

Phân tích: nguyên cục hỏa cùng táo thổ thành thế, Ngọ, Mùi đều là một đảng, Sửu Ngọ hại, Sửu Mùi xung đều là chế Sửu thổ , Sửu là thương thực khố, Kỷ Mùi cây cột bất là chính mình, Mùi là sát khố, làm quan sát khố chế rồi thực thương khố, Thiên Can lộ ra rồi Tân kim, có Bính Tân hợp

chế Tân, nhưng trên giờ Tân hư thấu không có chế. Sát khố chủ quyền lực, nhất xung đổi lại tượng, thương thực khố là chủ quyền lực. Hành Thìn vận, Sửu nhập Thìn mộ, bảo vệ rồi Sửu, với lại tối rồi hỏa cục, phá hủy công thần, ngồi tù. Manh sư quyết: thương thực nhập mộ không có tự do, chủ ngồi tù.

Mùi bất nhập Thìn mộ, nguyên nhân bát tự này Thìn Sửu làm một đảng. Mùi cùng Thìn không phải một đảng. Sửu Mùi xung bất nhập mộ là chỉ nguyên cục , nơi này Thìn là đại vận, cho nên Sửu như thường nhập mộ.

Chương V Tố công phương thức

Manh phái hệ thống có "Thể dụng" cùng "Khách chủ" khái niệm, một bát tự chúng ta chủ yếu là yêu cầu giải thích biểu đạt ý tứ của nó, vậy chính là "Tố công" . Nói một cách khác, tỷ như nói ta uống nước, ta cầm chén uống nước, uống xong ta tựu thành công rồi, như vậy "Tay" là dụng thần, hay "Thủy" là dụng thần? Bởi vì nơi này "Tay" cùng "Thủy" là hai sự vật tương khắc, cho nên định nghĩa "Tay" cùng "Thủy" người nào là dụng thần, người nào là kỵ thần, cũng không thích hợp. Bởi vì manh sư xem mệnh chỗ dựa điểm nhân tiện là như thế này, cho nên, bọn họ sẽ không giảng dụng thần cùng kỵ thần .

Nếu như chúng ta vứt đi dụng kỵ thần khái niệm, đối với mệnh lý nhận thức ngược lại đơn giản nhiều lắm, chúng ta lấy "Tay cầm chén nước uống quá trình" cả thảy gọi là bát tự "Tố công", thần tham gia tố công xưng là "Công thần", thần bị chế là “chế thần”:

Lễ 1 Tố công vài loại phương thức

Nhất, chế dụng kết cấu tố công

Bát tự thông qua thể dụng cùng khách chủ chế quan hệ, đạt được mệnh chủ sở dụng . Bởi vì loại này kết cấu vô cùng thường thấy, với lại chiếm bát tự đại đa số, chúng ta tại hạ nhất lễ có chuyên môn giảng giải, này lễ trong tòng lược.

Hai, hóa dụng kết cấu tố công

Có một chút bát tự quan sát trọng, bát tự lại có ấn tinh hóa quan sát, hình thành sát sinh ấn, ấn sinh thân, đương quan sát hung lực lượng chuyển hóa là chính mình dụng. Loại này kết cấu ít hơn, sát ấn cách, quan ấn cách

cũng ở nhóm này. Này loại kết cấu cũng là làm quan .

Càn:
Nhâm Bính Mậu Ất
Dần Ngọ Dần Mão

Phân tích: Mậu sinh hạ nguyệt không phải rất quý, quý tại sát trên có ấn, trước tam trụ tốt lắm. Trụ giờ là kỵ, không thích trên giờ chính quan, Mậu tọa Dần sát, trên năm lại thấy sát, sát vượng, quý tại trụ tháng Bính Ngọ tiết quan sát sinh thân, ấn hóa sát là ta sở dụng, cho nên là làm quan mệnh, hai sát đều bị Ngọ hóa rồi, không thích trên giờ chính quan lộ ra, kề sát khắc nhật chủ, chính quan là bệnh, cái này quan là hóa không được, hành Kỷ Dậu vận, Mão Dậu xung chế rồi Mão quan, Dậu vận bắt đầu thăng quan, hành Canh Tuất vận, Ất Canh hợp, Mão Tuất hợp, đương quan chế rớt, với lại thăng quan. Hành Tân Hợi vận, Bính Tân hợp, Hợi Mão hội vượng rồi chính quan, vận này bất đương quan rồi. Người này là chính cấp phòng cán bộ.

Tiểu Nguyệt Hồ: thông thường Mậu thổ đều sợ Ất Mão mộc?

Ngôn Minh: thông thường đúng vậy, sợ Ất, Mão, không sợ Dần.

Càn:
Quý Ất Kỷ Kỷ
Tỵ Mão Tỵ Tỵ

Phân tích: Mộc hỏa thế, vấn đề là, Kỷ thấy Ất Mão là sát, sát vượng nhất định phải xem là có chế hoặc có hóa không. Quý hoàn toàn không có nguyên thần hai vô căn, nếu như chỉ chế Quý nói, hiệu suất không cao. Cho nên chính thức tố công là ấn hóa sát. Hỉ thấy Tỵ hóa tẫn vượng sát sinh thân. Quý yếu sinh sát, cũng là không thích , Quý cũng là tật xấu. Quý Tỵ tự hợp cũng có chế ý tứ, là tốt. Người này là phó cấp phòng cán bộ. Tại sao là phó chức? Bởi vì Mão mộc có thể hóa tẫn, nhưng Ất mộc hóa không hoàn toàn. Thiên Can như có Bính Đinh hỏa nói sẽ Càng cao một ít.

Tại sao là phó chức?
Ngôn Minh: bởi vì tác công chủ yếu là trên năm Tỵ, khách vị tác công, Quý Tỵ tự hợp, cho nên là phó chức.

Càn:
Mậu Giáp Đinh Nhâm (Ung Chính hoàng đế)
Ngọ Tý Dậu Dần

Phân tích: sát có nguyên thần đến sinh, trên giờ lại thấy Nhâm thủy, Đinh Nhâm với lại hợp sát, cho nên sát vượng, Nhâm Dần mang tượng, Đinh Nhâm hợp chính quan hợp chính ấn, Dần tuy khó sinh Đinh hỏa, Dần khả đổi lại tượng thành Giáp, Giáp khả sinh Đinh, chính thức có tác dụng chính là Giáp mộc cùng Dần mộc, Tý tại Nguyệt Lệnh, có tài đến sinh, trên giờ với lại thấu quan, quan sát đều vượng, quý tại có Giáp mộc cùng Dần mộc, ấn tinh đến hóa vượng quan sát. Có ấn đến sinh thân. Cho nên mệnh này quý. Tý thủy là sinh Giáp mộc , Nhâm với lại sinh Dần, tố công dường như hảo.

Tam, sinh dụng, tiết dụng kết cấu tố công

Có hai loại hình thức: một loại là thương thực sinh tài; một loại là dụng thương thực tiết tú. Loại này kết cấu tỉ lệ vậy không nhiều lắm.

Sinh tài thông thường là nội thực thần cách vân vân.

Càn:
Nhâm Quý Nhâm Nhâm
Dần Mão Tý Dần

Phân tích: Thủy mộc thành khí thế, không có hỗn tạp chất. Thiên Can một mảnh Nhâm Quý thủy, Địa Chi Dần Mão mộc, đây là nội thực thần cách. Tố xí nghiệp . Thực trong cất giấu tài tinh, tài bất thấu gọi nội thực cách. Vận hành cũng tốt. Bính Ngọ vận phát tài. Đại vận hỉ thấy tài. Mùi vận đương xí nghiệp quan, nguyên nhân thực thương cũng vào Mùi khố, Mùi với lại làm quan, Đinh Mùi trụ với lại là mang tượng, quan trên mang tài. Khổng lồ xí nghiệp chủ tịch.

Lâm Dịch Giám: nội thực thần bất thấu là tố xí nghiệp . Thủy vượng hỉ mộc tiết. Bính Ngọ vận phát tài làm quan, xí nghiệp nhà nước một chủ tịch, bản thân không thích tiền tài vậy không bao nhiêu tiền, mệnh trong không gặp minh tài, tài tại Dần mộc, nội thực thần hỉ thấy tài, tài sinh quan, cho nên đương rồi quan. Đinh Mùi vận, Đinh Nhâm hợp, Đinh sinh Mùi tượng hảo, tiếp tục làm quan, Mùi là quan, thực thương mộ.

Khôn:
Ất Bính Giáp Ất (Lưu Hiểu Khánh)
Mùi Tuất Tý Hợi

Phân tích: Giáp Ất thấy thủy cùng căn là sinh mộc, cho nên đây là sinh mộc. Giáp trên giờ thấy Hợi là sinh mộc, năm là táo thổ, thủy thổ tương đương, Sinh mộc là bất chế thủy . Bính tọa Tuất là vượng hỏa, Giáp thấy hỏa là nở hoa, đầu tiên người này lớn lên xinh đẹp, sinh mộc cần hỏa, Bính với lại sinh rồi tài, là nội sinh tài. Đại phú mệnh. Bính hỏa lại có diễn nghệ, biểu diễn... Ý tứ.

Bốn, hợp dụng kết cấu tố công

Nhật chủ hoặc nhật chi là "Thể", hợp trụ khách vị "Dụng", loại này là hợp dụng kết cấu. Nhật chủ hợp, hoặc là hợp tài hoặc là hợp quan; nhật chi gặp lục hợp, khả hợp tài, hợp quan, hợp thương thực, sở hợp chính là nhật chủ sở theo đuổi .
Chú ý: hợp tài phải xem thân cường thân nhược. Chỉ có hợp tài giảng thân cường thân nhược. Cái gì đạo lý? Hợp tài tượng mang một gánh nặng, thân cường có thể thắng tài, thân nhược sẽ không có thể thắng tài. Cụ thể có vài loại tình huống: A, thân vượng tài vượng, hợp tài khả phát đại tài;B, thân nhược tài vượng, hợp tài khẳng định là người nghèo;C, thân vượng tài nhược, hợp tài bất tận, có tiền hoa, người bình thường mà thôi;D, thân nhược tài nhược, hợp tài cũng có tài, nhưng sẽ không là đại tài, không thiếu ăn uống mà thôi.

Càn:
Canh Bính Nhâm Đinh
Tý Tuất Thân Mùi

Phân tích: Nhâm tọa Thân trường sinh, trên năm lại thấy Canh Tý, có cường căn lại có giúp phù thân không kém, tài vậy không kém, tọa cường căn, lại có Bính Tuất. Cho nên là thân vượng tài vượng. Người này tiến hành phòng bất động sản khai phát, phát tài mấy ngàn vạn tệ. Hành Nhâm Thìn vận phát . Nhâm là chính mình, Thìn xung rồi tài khố.

Càn:
Giáp Mậu Mậu Quý
Dần Thìn Tý Sửu

Phân tích: Mậu Quý hợp, nhật chủ hợp tài, nhưng là nhật chủ thân nhược, tài vượng, Quý Sửu được cường căn, tọa vừa là Tý thủy, lại có Thìn khố, người nghèo. Cả đời nghèo, hành Kỷ Tỵ vận ngồi tù, ngồi vài chục năm, vì sao? Tỵ vận Dần Tỵ hại sát, Tỵ là lộc. Vậy gọi sát hại lộc.

Càn:
Canh Canh Canh Ất
Tý Thìn Ngọ Dậu

Phân tích: thân vượng tài nhược, bất tận, có tiền hoa, người bình thường mà thôi. Nhật chủ hợp tài, nhưng tài tinh hư thấu, chỉ chứng tỏ có tiền hoa, không thiếu tiền thôi. Bát tự này công bất tại Ất Canh hợp nơi này, trên năm Tý thương chế Ngọ có công. Thương chế quan, thương ngồi trên là chính mình, nên thương là của mình, thương chủ kỹ thuật, kỹ năng. Người này là một vị thư pháp nghệ thuật gia. Vì sao bất đương quan? Thìn tiết rồi Ngọ hỏa, quan bị tiết rồi. Mặc dù Thìn là Ất căn, nhưng Thìn Dậu nhất hợp Ất căn nhân tiện phá hủy.

Càn:
Quý Nhâm Canh Ất
Tỵ Tuất Thân Dậu

Phân tích: nhật chủ hợp tài là quan niệm, Địa Chi tác công là chủ yếu , bát tự kim thủy khí thế, quan sát ở vào bị chế phục trạng thái. Thất sát có chế là quyền, Tỵ Thân hợp tác công, bị chế sát (Quý Tỵ tự hợp) vậy là Quý chế rồi sát, Tỵ Thân hợp, với lại dẫn quay về chủ vị, chứng tỏ quyền lực của mình. Nhâm Tuất tự hợp cũng là chế quan (Tuất Dậu hại bất gọi khai khố, cho nên cái này Nhâm Tuất tự hợp là không có khả năng), Tuất Dậu hại, dương nhận hại quan sát khố, người này là kiểm tra kỷ luật cán bộ. Theo lý thuyết lộc hợp quan không phải làm quan , nhưng có một Dậu Tuất hại, là dương nhận hại chế rồi quan khố, cho nên là làm quan .

Càn:
Nhâm Quý Mậu Bính
Thìn Mão Thìn Thìn

Phân tích: tọa tài khố hỉ hình xung, thân nhược hỉ Quý hư thấu, Quý tài nhược, Mậu Thân vận, Mậu đến, Thân mọc ra tài, tài phát ra vào Thìn khố, nguyên cục Thìn không ra khố, không có cách nào, nhưng đại vận mọc ra tài, cho nên thông qua cố gắng của mình (Mậu thổ là chính mình), vừa

đến Thân vận, phát tài. Người này phát tài rất có ý tứ, hắn chung quanh tất cả đều là ông chủ lớn, ức vạn phú ông (Thìn là tài khố, mệnh cục nhiều hiện), hắn làm xí nghiệp sắp đặt, hoặc là đương đồ cổ bán cho người ta.

Càn:
Kỷ Đinh Canh Kỷ
Dậu Mão Tuất Mão

Phân tích: nhật chi hợp tài, phú ý tứ. Mệnh này còn có một đặc điểm: có hai vợ, hai tài cũng hợp thê cung, này hai vợ đồng thời tồn tại. Trong đó một vợ là Nguyệt Lệnh Mão, là cùng học, hơn nữa là ly cách quá kết hôn , bởi vì Mão Dậu có xung, ly hôn sau theo hắn cùng nhau quá. Đại vợ đã làm giải phẩu, thân thể trên có bệnh, nhưng không có ly cách, vợ nhỏ đối với đại hoàn tốt lắm.

Vấn đề:
Lão Trương: ngày hôm qua giảng Kỷ Mùi cây cột không phải chính mình là có ý tứ gì?
Ngôn Minh: Kỷ tọa Mùi chế Mùi cùng Kỷ không có vấn đề gì .

Năm, mộ dụng kết cấu tố công

Nhập mộ cũng là một loại phương thức tố công. Mộ nơi này có thể lý giải thành đạt được, khống chế, quản lý, có được, chiếm cứ hàm nghĩa.
Mộ dụng phương thức tố công: xung khố, sống; bất xung bất hình là mộ, tử .

Thiên Can tọa mộ bất là nhập mộ. Thìn là thủy thổ khố. Tuất bàn về xung, bất là nhập.
Càn:
Kỷ Quý Nhâm Canh
Mùi Dậu Dần Tý

Phân tích: nguyên cục cũng không có đại công, kỳ thật bát tự có tượng, Dần nhập Mùi mộ, Nhâm tọa thực, Dần thực nhập mộ vào Mùi, Dần là chủ vị thực, chủ vị thực tác công chứng tỏ tài hoa, tài nghệ, chứng tỏ tài hoa hữu dụng rồi, bị quan phương sở dụng, bởi vì nhập đến trên năm quan mộ. Mùi là quan vừa là thực khố. Dần là nội thực thần, là làm xí nghiệp . Cho nên là giám đốc xí nghiệp . Nhưng xí nghiệp không phải hắn , nguyên

nhân chủ vị thực vào khách vị quan mộ. Như không có Dần mộc, quan đánh tới khắc thân, làm hại ta, quan sát không có chế hóa. Như vậy bát tự sẽ vô công rồi.
Càn:
Nhâm Nhâm Kỷ Mậu
Thìn Dần Sửu Thìn

Phân tích: Kỷ tọa Sửu, Sửu là thực thương khố, Sửu tố công, Dần Sửu ám hợp quan tinh, cái này quan tinh hay quan mang tài mũ, là quản lý xí nghiệp nhà nước quan, quản tiền quan. Hai là Sửu nhập Thìn mộ, là thực thương khố vào tài khố, bát tự này có một tượng, gọi thực thần bất hiện vậy là tố xí nghiệp , Thìn là tài khố vừa là tỷ kiếp, tại trên giờ có một tượng, là đại biểu cơ khí tượng. Mậu là kiếp tài, kiếp tọa tài khố, là của người khác xí nghiệp, làm công cho người khác. Hơn nữa là hùn vốn kinh doanh , bởi vì là kiếp tài mộ ma. Thìn mộ rồi Sửu. Là người khác đại mình nhỏ cổ phần. Làm một tư xí giám đốc, cũng có cổ phần..

Càn:
Nhâm Kỷ Đinh Kỷ
Dần Dậu Sửu Dậu

Phân tích: quan tòng trên năm hợp đến rồi chủ vị, bởi vì Nhâm Dần tại trên năm, bị quan phương quản lý cùng khống chế, là xí nghiệp nhà nước nhân viên. Quản đốc nhà máy điện . Nhâm Dần mang tượng. Dậu nhập tọa Sửu khố.

Tiểu Nguyệt Hồ: cái này tài vào chủ vị Sửu khố, có phải hay không yêu cầu khai khố thì tài năng đạt được?

Bặc Văn: nguyên nhân là nội thực thần, cho nên không cần khai khố cũng có thể đạt được.

Ái Thùy Thùy: sang năm Bính Tuất năm hình Sửu hội như thế nào?

Bặc Văn: không tốt lắm đâu, nơi này Sửu không thích hình. Tuất đến hại Dậu rồi.

Tài nhập tọa tài khố, tình nhân nhiều.

Bính Nhâm Nhâm Mậu
Thân Thìn Tuất Thân mời hỏi cái này tẩu Tuất vận là khai tài khố sao

Là khai tài khố.

Lục, phục hợp kết cấu tố công

Chúng ta trước vừa giảng rất nhiều loại phương thức tố công, thực tế trong chúng ta gặp phải mệnh, có không chỉ có là một loại phương thức tố công, mà là nhiều loại phương thức tố công, đối ứng thực tế, hắn có thể cả đời hội tiến hành nhiều loại nghề nghiệp. Chúng ta ứng lấy mỗi một loại phương thức cũng tìm ra, từng cái làm ra phân tích. Cũng có bát tự nguyên cục chỉ có một loại phương thức tố công, nhưng bởi vì đại vận hành vận bất đồng, cũng sẽ có nhiều loại phương thức tố công xuất hiện.

Càn:
Nhâm Tân Canh Đinh
Ngọ Hợi Thìn Hợi

Phân tích: kim thủy thành thế, trên năm Ngọ Hợi ám hợp, Nhâm Ngọ tự hợp đều là chế Ngọ hỏa, trên giờ Đinh cùng trên năm Ngọ là một người, Đinh Hợi tự hợp, vậy chế rồi, Hợi làm công, gọi thương chế quan, là chế dụng kết cấu. Đây là một loại phương thức tố công. Ngoài ra, Hợi nhập Thìn mộ là thương nhập mộ, chế rồi quan thương cuối cùng cũng rơi vào rồi chủ vị Thìn mộ trong, bị Thìn sở khống chế. Đây là đệ nhị loại phương thức tố công, là mộ dụng tố công. Cho nên mệnh này có hai loại phương thức tố công, chứng tỏ có ý tứ gì đây? Đầu tiên, thương, thực biểu tư tưởng, đầu óc, nguyên nhân quan tinh quá yếu, Đinh hư thấu bị chế chủ danh khí, địa vị, cấp trên sở hữu ý tứ đều bị Thìn sở khống chế cùng tập hợp đến rồi cùng nhau. Người này bất đương quan, nguyên nhân quan tinh quá yếu. Là một học giả, nhà khoa học. Kim thủy có thế, kim thủy chủ lý, Hợi thủy chủ số, là nhà toán học.

Càn:
Giáp Quý Đinh Canh
Dần Dậu Sửu Tý

Phân tích: xem tọa chi Sửu thổ, nhất là Dần Sửu ám hợp, thực hợp ấn, thứ hai Dậu Sửu bán hợp, là hợp tài, thứ ba Tý Sửu hợp, là tài khố hợp quan, chứng tỏ rồi ba loại phương thức tố công, cho thấy hắn cả đời tiến hành

nhiều loại nghề. Dậu Sửu củng rồi tài cục, là chủ vị thực sinh rồi khách vị tài, (đương nhiên Sửu cũng có mộ Dậu chi tượng,) là phục vụ người khác ý tứ. Tý Sửu trói trụ rồi Tý thủy sát tinh, Canh Tý mang tượng, sát mang tài mũ, là quản lý tiền ý tứ. Dần Sửu ám hợp, Dần là ấn, ấn tại trên năm, năm chủ ngoại, chứng tỏ cùng bên ngoài cơ cấu quan hệ. Tổng hợp phân tích, đầu tiên người này đương nghiệp vụ, sau đương quản lý, hoàn theo bên ngoài có liên hợp. Thực tế người này là chủ quản nghiệp vụ phó tổng giám đốc, mà cùng rất nhiều cơ cấu đơn vị tiến hành liên hợp.

Phân tích nhiều loại tố công phải có sức tưởng tượng phong phú .
Càn:
Mậu Giáp Giáp Bính
Thân Tý Dần Dần

Phân tích: Giáp là sinh mộc, kỵ thấy kim, trên năm Thân là kỵ, quý tại có Tý thủy hóa rồi Thân kim sinh rồi Dần mộc. Mậu Thân mang tượng sát mang tài mũ. Là ấn hóa sát. Nhưng là, hành Đinh Mão vận Mão vận, Tý Mão hỗ phá, khiến Tý thủy không thể phát sinh tác dụng, đương nhiên nơi này còn có một Mão Thân ám hợp, bảo vệ rồi Thân kim, nhưng có một Mão Thân ám hợp chi tượng, sinh mộc có thể cộng căn, Dần Mão đều là căn, Mão cùng Giáp là một đảng , chứng tỏ chính mình chiếm được sát (dương nhận hợp sát), vận này cũng có thể làm quan. Cái này gọi là hợp dụng tố công, Mậu Thìn đại vận, Thân Tý Thìn tam hợp cục, là hóa dụng tác công phương thức đến rồi, làm quan rồi, với lại thăng. Kỷ Tỵ vận, thủy đến tuyệt địa, (Tý thấy Tỵ là tuyệt địa), là ấn đến tuyệt địa, không thể hóa sát rồi, nhưng là, Tỵ là Bính lộc, sinh mộc thấy hỏa là nở hoa kết quả, tiết tú, Tỵ Thân hợp, là thực chế sát, vận này với lại chế vận thành công. Quan không bỏ. Canh Ngọ đại vận, Canh lộ ra, sát không có chế, quan không có, Canh Ngọ vận về hưu rồi.

Bặc Văn: Mậu Thìn vận phỏng chừng có thể làm đến tỉnh cấp, bây giờ là cấp phòng.

****
Vấn đề:
1, Càn:
Canh Canh Canh Ất
Tý Thìn Ngọ Dậu kim thủy khí thế chế rồi Ngọ hỏa nhưng không phải làm quan nguyên nhân là gì?

Bặc Văn: dụng thương quan, quan chủ rồi tài phú, quan vậy không chế hảo, quan chế bất hảo đương tài xem bất đương quan xem. Tý thủy cách rồi, Thìn tiết Ngọ, không được lực, chế bất hảo.

2, Càn:
Quý Nhâm Canh Ất
Tỵ Tuất Thân Dậu, Mậu Ngọ vận, Mậu Quý hợp, hỏa được cường căn, là phản cục không?

Bặc Văn: sẽ không lợi hại như vậy. Không đi Tuất vận nhân tiện không sợ. Phá hủy Dậu còn có Canh Thân đây.

3, Càn:
Mậu Giáp Giáp Bính
Thân Tý Dần Dần Canh Ngọ vận có Bính khắc Canh, Ngọ Thân ám hợp, vì sao phải bỏ quan?

Bặc Văn: Tý Ngọ xung phá ấn tinh không thể làm quan.

Lễ 2 chế cục thông biện

Nguyên nhân chế dụng kết cấu phương thức tố công chiếm bát tự đa số, với lại vô cùng phồn tạp, cho nên chúng ta làm nhất lễ đến chuyên môn bàn về thuật.
Cụ thể có dưới đây năm loại hình:

Nhất, tỷ kiếp cùng tài sắp đặt

Tỷ kiên chế tài cục hoặc tài vượng chế tỷ kiếp cục

A: tỷ kiếp chế tài cục:

B, tài chế tỷ kiếp cục:

Ví dụ:

Càn:
Bính Tân Đinh Nhâm
Ngọ Mão Mão Tý

Phân tích: mộc hỏa có thế, Bính Tân hợp ý tại khử tài. Là kiếp khử tài. Bính là kiếp, tọa Ngọ là nhật chủ lộc, cho nên tỷ kiếp khử tài vậy chẳng khác là chính mình được tài. Chế sạch sẽ, là mệnh phát tài, trên giờ thủy là tật xấu. Kiếp khử tài không thích gặp quan, cho nên Nhâm Tý thủy là bệnh, hành Ngọ vận, xung khử Tý thủy, chế rồi nguyên cục tật xấu, phát tài. Có trăm vạn.

Càn:
Bính Tân Đinh Bính
Ngọ Mão Mão Ngọ

Phân tích: tất cả đều là mộc hỏa thế, nhưng Ngọ vận chưa phát tài. Nguyên nhân nguyên cục hỏa rất vượng, bộ thần rất vượng, tặc thần quá yếu, cho nên không được, Ngọ vận trong chỉ có Canh Thìn năm phát 1000 vạn Hàn tệ, Tân Tỵ năm được 4000 vạn Hàn tệ. Chỉ có hai năm này phát tài. Nguyên nhân phù hợp tặc bộ thần nguyên lý, thích đại vận lưu niên tặc thần xuất hiện. Dựa vào này lý nói Giáp Thân năm hẳn là không tệ. Nguyên cục là kiếp chế tài. Cho nên là dựa vào hùn vốn cầu tài, hơn nữa tài được vô cùng dễ dàng, không cần chính mình lao lực, là người khác thay hắn phát tài. Cái này phát tài không có trăm vạn, 1000 vạn Hàn tệ ước hợp nhân dân tệ 30 vạn tệ.

Cùng tạo trên so sánh với, tạo trên không chế sạch sẽ, cho nên hỉ hành bộ thần vận, mệnh này chế sạch sẽ rồi, cho nên hỉ hành tặc thần vận.

Càn:
Đinh Ất Bính Đinh (Đai Lạp)
Dậu Tỵ Tuất Dậu

Phân tích: đầu tiên là hại trên giờ Dậu, trên năm Tỵ Dậu hợp, năm thì tài đều bị chế, tỷ kiếp đương tài cũng chế sạch sẽ rồi.

Ngôn Minh: tỷ kiếp thành thế, Dậu Tuất hại, chế trên giờ tài; Tỵ Dậu hợp, hỏa vượng, Tỵ biểu hiện hỏa tính chất, cũng là chế trên năm Dậu tài. Tân Sửu vận tài tinh đến, vừa lúc bị hắn chế, là hắn huy hoàng nhất đại vận. Canh vận, Ất Canh hợp, chế không được kim rồi, Bính Tuất năm, phi cơ rủi ro gặp nạn. Bởi vì Bính Tuất nhất trụ Tuất là không thể bị chế , nguyên cục Dậu Tuất hại Tuất, Bính Tuất năm Tuất đến ứng kỳ. Hại thực thần chỉ hung tử, không được chết già . Nguyên cục cần hỏa, không dám được thủy Địa, Canh Tý đại vận Canh thấu không có chế, hợp đi Ất mộc, cho

nên Canh Tý vận hung tử (ghi chép không chính xác, là trả lời vấn đề thì nói).

Càn:
Nhâm Quý Kỷ Kỷ
Dần Sửu Mùi Tỵ

Phân tích: nguyên cục thổ hỏa có điểm thế, nhưng thủy cùng thấp thổ vậy không kém, Sửu là tài cùng tài nguyên thần, vậy đương tài xem, cho nên Sửu Mùi xung cũng là chế tài, Dần Sửu ám hợp cũng là chế kim thủy trong Sửu, chế khử tài cùng tài nguyên thần là phát đại tài , nhưng nguyên cục không chế sạch sẽ, Nhâm Quý thủy cũng lộ ra, cho nên nhất định phải kết hợp đại vận. Nguyên cục kim thủy là chế không sạch sẽ . Hành Bính Thìn đại vận, Bính vận hỏa, nhưng hỏa hư thấu không có tác dụng, Thìn với lại là thấp thổ, Sửu vậy vào Thìn khố (Bặc Văn: cái này Sửu bất nhập Thìn mộ, nguyên nhân nguyên cục Sửu Mùi xung), chế không được Sửu rồi, vận này chẳng những bất hảo, phá tài không nói, còn muốn ngồi tù, Đinh Sửu vận Đinh vận năm thứ nhất, lập tức phát tài, Đinh Kỷ một nhà, Đinh Nhâm nhất hợp chế rồi Nhâm thủy, năm thứ nhất là Đinh Sửu năm, đầu tiên Sửu nguyên cục đã được chế, Đinh hỏa thứ nhất chẳng khác chính mình tới ngay rồi, đến trước mắt mới thôi tài vận vẫn tốt lắm. Bây giờ mới 44 tuổi. Đã vài trăm vạn tư sản, tại sao không có ngàn vạn, nguyên nhân nguyên cục không có chế sạch sẽ. Phỏng chừng đến Kỷ Mùi vận khẳng định là ngàn vạn đến ức vạn phú ông. Hỉ tỷ kiếp chế tài.

Càn:
Mậu Giáp Tân Quý
Thân Dần Mão Tỵ

Phân tích: tài chế rồi kiếp, mộc hỏa kết đảng, chính thức công là Dần Thân xung, tài chế kiếp, kiếp đương tài xem. Mậu Thân mang tượng, Mậu Quý hợp, thực hợp ấn, khống chế quản lý ý tứ, Mậu cùng Tỵ là một người, Tỵ Thân hợp, đem chế rớt tái kéo trở về, quản lý cùng khống chế hắn. Tố công tốt lắm. Mỗi chữ tố công. Chế Thân và thủy trong Thân. Cho nên là một quản tài đại quan.

Càn:
Mậu Kỷ Quý Kỷ
Thân Mùi Tỵ Mùi

Phân tích: Phù hợp tài chế kiếp, Quý nhật chủ tọa tài, Tỵ Thân hợp, chế rồi kiếp cùng ấn, hơn nữa là hỏa thổ thành đảng đến chế Thân kim, đương Thân kim ấn cùng kiếp cũng trừ đi, Mậu cùng Tỵ là một tượng, một đảng, Mậu Quý hợp chủ quản lý cùng khống chế ý tứ, tác công là rất lợi hại . Nhâm Tuất vận chi Tuất vận phát tài triệu tệ. Là làm cổ phiếu nhà cái. Năm nay ngồi tù rồi (Quý Hợi vận Ất Dậu năm).

Vấn đề:

Càn tạo:
Nhâm Quý Kỷ Kỷ
Dần Sửu Mùi Tỵ phỏng chừng đến Kỷ Mùi vận khẳng định là ngàn vạn đến ức vạn phú ông. Vì sao? ?

Kỷ Mùi tới vị rồi, chế rồi.

Càn:
Mậu Kỷ Quý Kỷ
Thân Mùi Tỵ Mùi hắn năm nay ngồi tù rồi sao?

Hắn (Ất Dậu năm) năm nay ngồi tù rồi. Quý Hợi vận Ất Dậu năm, đại vận đi phá hủy.

Đai lạp:

Đinh Ất Bính Đinh
Dậu Tỵ Tuất Dậu

1. Thấy thế nào làm quan là một tướng quân hả
2. Vì sao Canh vận tử?

Dương nhận khố, quan đại. Canh kim lộ ra không có chế chi nên, khắc rồi Ất mộc rồi. Canh Tý vận, bát tự này sợ nhất thủy.

Hai, tỷ kiếp cùng quan sát sắp đặt

Quan sát chế tỷ kiếp cục hoặc tỷ kiếp vượng chế khử quan sát cục

A: tỷ kiếp khử quan sát cục:

B: quan sát chế tỷ kiếp cục:

Ví dụ:

Khôn:
Giáp Mậu Bính Giáp
Ngọ Thìn Ngọ Ngọ

Phân tích: Địa Chi dương nhận một mảnh, nguyên cục mộc hỏa thành thế, ý tại khử thủy trong Thìn, nhưng nguyên cục Ngọ chế không được thủy trong Thìn, Thìn thủy khố không ra. Đại vận hành Hợi Tý thủy vận, là nguyên cục quan sát xuất hiện, dẫn ra rồi thủy trong Thìn, Ngọ Hợi hợp, Tý Ngọ xung, chế khử rồi trong đại vận thủy, đương nguyên cục thủy dẫn ra đến, đi 20 năm phát tài vận. Nguyên cục quan sát khố không ra, chế không được quan, quan sát chế không sạch sẽ đương tài xem, cho nên không phải làm quan .

Càn:
Đinh Canh Kỷ Canh
Hợi Tuất Tỵ Ngọ

Phân tích: Địa Chi hỏa cùng táo thổ kết đảng, muốn dồn Hợi thủy, Tuất khắc Hợi lực lượng nhỏ, chính công thần là Tỵ, Kỷ tọa ấn, Nguyệt Lệnh tỷ kiếp, hỏa vượng, nguyên cục chế rồi tài, tài trong ngậm quan, cho nên chế rồi quan.Tỷ kiếp ấn tinh chế khử quan cùng quan nguyên thần, cho nên thành lớn nhất quan, đương quốc gia tổng thống, Tưởng Giới Thạch tạo.

Khôn:
Mậu Kỷ Bính Mậu
Ngọ Mùi Tý Tuất

Phân tích: hỏa cùng táo thổ thế, muốn dồn khử Tý thủy quan tinh, Tý thủy quan tại tọa, nữ mệnh là chồng, không thể chế, chế rồi bất cát, hôn nhân bất hảo, chồng chế đã chết, nhất là không chiếm được chồng, cũng là không có công tác. Nữ mệnh quan tại tọa không phải làm quan , đại biểu chồng. Nữ tử này đến nay chưa lập gia đình, mà không có công tác. Chế nhất định phải xem vị trí, phu tinh được vị là không thể chế.

Dưới đây đưa quan sát chế tỷ kiếp ví dụ

Càn:
Mậu Nhâm Quý Nhâm (Lý Bằng)
Thìn Tuất Tỵ Tuất

Phân tích: tài khố chế rồi tỷ khố, là lộ ra Mậu Quý hợp, là quản lý tài đại quan. Mậu Thìn vận thăng tới nội các chính phủ tổng lý.Hỏa cùng táo thổ thế, muốn dồn kim thủy, Tuất làm công, tọa tài tinh, tài khố xung rồi tỷ kiếp khố, tọa Tỵ thấu đến trên năm Mậu, nhật chủ hợp trên năm quan là quản lý khống chế ý tứ. Hợp năm tháng quan đều là chính mình quản lý khống chế ý tứ. Hợp trên giờ quan chủ bị người quản lý khống chế ý tứ. Chủ yếu nơi này là Tỵ hỏa thấu đến trên năm, Tỵ là chủ vị của mình thứ.

Càn:
Đinh Nhâm Bính Đinh
Mùi Tý Thìn Dậu

Quan sát chế tỷ kiếp.Phân tích: Đinh nhật chủ tọa quan sát khố, Địa Chi kim thủy kết đảng, Tý Mùi hại, Đinh Nhâm hợp, làm quan vượng chế tỷ kiếp, trên giờ Đinh chế không được. Quan sát chế tỷ kiếp, không có chế hảo, phát tài rồi. Mậu Thân vận, hội thành quan sát cục, đương kiếp chế rồi, phát tài. Cái này phát tài cách cục không cao lắm.

Càn:
Quý Đinh Tân Tân
Dậu Tỵ Mão Mão

Phân tích: quan sát chế tỷ kiếp, tài quan thành đảng, chế rớt Dậu, trên năm lộc không sợ chế, nếu trụ ngày và trụ giờ thì sợ rồi. Chủ yếu tác công là Tỵ hỏa, Tỵ Dậu hợp là chế Dậu kim. Quan làm công, quan với lại cùng chủ vị kết đảng, Đinh vượng rồi vậy chế Quý thủy, nhưng Quý chế không được lực. Chế rồi nhưng chưa chế tẫn, là trung ương chính trị cục ủy thành viên.

Tam, thương thực cùng quan sát sắp đặt

Thương thực chế quan sát cục hoặc quan sát vượng chế khử thương thực cục

A: thương thực chế quan sát cục:

B: quan sát chế thương thực cục:

Đưa thương thực chế quan sát cục ví dụ

Càn:
Kỷ Quý Đinh Đinh (Viên Thế Khải bát tự)
Mùi Dậu Tỵ Mùi

Phân tích: là thực chế quan sát, là tỷ cùng thương thực thành thế chế kim thủy (sát cùng sát nguyên thần), thực tại trên năm chế sát, kiếp tại nhật thượng chế tài, Quý Dậu một tượng, tức là tài vừa là quan. Là đương đại quan . Đại vận hành cũng tốt. Mậu vận vậy đương đại quan, Mậu Thìn vận Thìn vận lại không được rồi. Tối hỏa sinh kim với lại hợp kim bảo vệ rồi kim. Chế không được rồi. Bị giáng chức, Đinh Mão vận Đinh vận với lại thăng tới tổng thống, Đinh đến chẳng khác chính mình đến rồi.Kỷ khắc Quý thủy, Tỵ Dậu hợp chế Dậu. Thành tặc bộ thần quan hệ. Không sợ đến thủy, nhưng sợ Thìn thổ. Thìn vận Quý có nhập mộ tượng, nhưng bất nhập, nhập bất đi vào, nếu như ngồi Hợi thủy nhân tiện vào.

Càn:
Canh Ất Canh Nhâm (đại tham quan Hòa Thân bát tự)
Ngọ Dậu Tý Ngọ

Phân tích: kim thủy kết đảng, ý tại chế quan. Suy nghĩ chế Ngọ hỏa, là thương chế quan, nhưng trên năm Ngọ chế không sạch sẽ, cho nên về sau hung, đi tới phương bắc Hợi Tý Sửu vận, thăng tới quân cơ đại học sĩ. Canh Dần vận, quan được trường sinh, hơn nữa nhật chủ Canh lâm tuyệt địa, bị cách chức điều tra, cũng đã chết. Quan chế không sạch sẽ bản đương tài xem, nhưng đại vận hành hảo, cấp bổ chế sạch sẽ rồi, cho nên làm quan rồi. Ất Canh tranh hợp Dậu dương nhận trên tài, tham tài. Ngọ không có nguyên thần, thứ nhất Thiên Can Ất sinh không tới Địa Chi, thứ hai Ất Canh nhất hợp, đương Ất chế rồi. Thiên Can Ất Canh là kẹp chế, là tranh hợp, chứng tỏ nhật chủ là tranh tiền, tham tài. Trên năm Ngọ không có chế tịnh, trên giờ Ngọ chế tịnh rồi. Ngọ Dậu phá, nam mệnh quan sát là nhi, chủ con mình bất hảo, đã chết một tiểu nhi tử, sinh hạ vài tuổi chết rồi. Đoạn sư nói là trên giờ Ngọ bị chế rồi cho nên tiểu nhi tử tử, trên năm Ngọ không sợ.

Càn:
Kỷ Kỷ Tân Giáp
Mão Tỵ Hợi Ngọ

Phân tích: quan sát chế thực thương, mộc hỏa kết đảng chế Hợi thủy, Tỵ Hợi xung Ngọ Hợi ám hợp, đương Hợi thương chế hết. Giáp Ngọ quan mang tài mũ hợp đến chủ vị, thương hợp quan, đổi lại tượng thành thương cũng là quan, vậy chủ quyền lực, hành giáp tý vận Tý vận thăng trưởng phòng, Tý vận bắt đầu thăng quan, tòng tổ chức hành trưởng thăng đến tỉnh ủy phó thư ký, với lại đến đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Hành Quý Hợi vận, là Hợi đến rồi, thăng tới tỉnh bộ cấp cán bộ. Hành Nhâm Tuất vận chi Nhâm vận đến rồi đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Giáp Ngọ quan mang tài mũ, nhưng không phải quản tài , vì sao? Vốn là quản tài , nhưng Giáp Kỷ nhất hợp, đương tài tượng cấp hợp chạy, cho nên đương quan cùng tài không quan hệ. Cái này rất chủ yếu.

Càn:
Bính Mậu Tân Quý
Tuất Tuất Tỵ Tỵ

Phân tích: quan chế Quý thủy thực thần, thực tại môn hộ bị chế chủ mồm mép hảo, tại sao bất đương quan, bởi vì thứ nhất Quý quá yếu, phù phiếm, chủ tài hoa rồi, hỏa cùng táo thổ lực lượng quá lớn, bộ rất vượng, tặc quá yếu, tố công hiệu suất rất thấp, năng lượng rất thấp, không thể là quý.

Vấn đề:

1, Bạc Nhất Ba hai lần ngồi tù thấy thế nào?

Bặc Văn: Thìn vận ngồi tù, Canh Thân vận cách mạng văn hóa .

Bốn, ấn tinh cùng thương thực sắp đặt

Ấn tinh chế thực thương cục hoặc thương thực vượng chế khử ấn tinh cục

A, thương thực tinh chế ấn cục:

B, ấn tinh chế thương thực tinh cục:

Đưa thương thực chế ấn ví dụ:

Càn:
Giáp Đinh Quý Ất
Ngọ Mão Dậu Mão

Phân tích: Mão Dậu xung chế ấn, nhưng kẹp xung chế không hoàn toàn. Nguyên cục có chế ý tứ, chế ấn là được quyền. Ấn tại chủ vị bị chế rồi nhất định là làm quan . Ngọ khắc Dậu, nhưng ở cách xa lực vừa phải, cho nên chế không sạch sẽ. Xem đại vận. Đại vận hành hảo, hành Tân Mùi vận, Tân đến chẳng khác Dậu đến, Tân bị Đinh khắc, Mùi là quan, Mão Mùi củng, Mùi giòn kim, cũng đến chế Dậu, thăng đến cấp sở cán bộ. Chế ấn kết cấu hỉ đại vận ấn hư thấu.

Nếu như thê cung bị hại nhân tiện phá hủy, xung một chút khắc một chút không có việc gì, cho nên mệnh này hôn nhân không có việc gì.

Càn:
Ất Đinh Giáp Bính
Mùi Hợi Ngọ Tý

Phân tích: mộc hỏa có thế, chế thủy ấn. Trên giờ Tý bị Mùi hại Ngọ xung, bát tự không có quan, ấn chủ quyền, cho nên mệnh này cũng là quan viên. Hợi Mùi củng, Ngọ Hợi hợp, Quý Mùi vận Mùi vận bắt đầu thăng quan. Hợi Mùi củng cục rồi, đương Hợi hóa rồi. Mùi vận Tý Mùi hại ngã Tý thủy ấn tinh, với lại thăng quan. Nhâm Ngọ, Tân Tỵ vận đều là vận may. Thăng tới thị trưởng, cấp sở cán bộ. Đó là một sinh mộc, sinh mộc cũng có thể chế ấn.

Đưa nhất ấn chế thực thương ví dụ

Khôn:
Kỷ Mậu Nhâm Quý
Dậu Thìn Thân Mão

Phân tích: Nhâm tọa Thân là ấn, kim thủy thấp thổ kết đảng thành thế ý tại khử Mão, Mão bị chế rồi. Chủ yếu tác công chủ yếu là Mão Thân hợp,

Mão Thìn hại, Mão Dậu xung đều là Mão bị chế, ấn chế thương. Ấn chế thương bất chủ quyền, vì sao bất đương quan? Bởi vì mệnh này bát tự không có tài, thương đương tài xem, chế thương phát tài. Vì vậy nữ là mệnh phát tài. Nguyên cục có Nguyệt Lệnh Mậu Quý hợp, chế rồi Quý. Mão nguyên thần vậy chế rồi. Phát tài, có vài trăm vạn gia nghiệp. Trên năm mang tượng cùng nhật chủ không quan hệ, cho nên không nói làm quan, không nói mang tượng. (như là nam mệnh là làm quan, nữ mệnh vi phu) nhiều kết hôn.

Càn:
Canh Ất Quý Canh (Khổng Tường Hi)
Thìn Dậu Mão Thân

Phân tích: Mão thực tại tọa, hợp hại xung đều là chế Mão ý tứ, ấn chế thực thương, chế phi thường tốt. Ất Canh hợp, Ất cũng bị chế, bát tự không có tài, thương thực đương tài xem, ấn chủ quyền, là trung ương ngân hàng hành trường. Kim tinh khiết chế với lại sạch sẽ, đại biểu rồi quyền lực, là đại quan, chủ quan. Tương đương với bộ trưởng tài chính.

Bặc Văn: hại thê cung, khắc tử nhất vợ, không kết hôn, một người bạn gái.

Năm, tài tinh cùng ấn tinh sắp đặt

Tài đến chế ấn cục hoặc ấn tinh vượng chế tài cục

A, tài tinh chế ấn cục:

B, ấn tinh chế tài cục:

Đưa tài chế ấn ví dụ:

Càn:
Ất Bính Giáp Giáp
Mùi Tuất Tý Tuất

Phân tích: Tuất chế không hoàn toàn Tý, Tý Mùi hại là chủ yếu tác công , là tỷ kiếp dương nhận khố chế ấn, là tài chế ấn, khử ấn được quyền, còn có một tượng, tỷ kiếp dương nhận khố chế ấn, công - kiểm - pháp , thực tế là viện trưởng tòa án . Chính cấp sở cán bộ. Này Giáp là vô căn chi mộc, là

tử mộc, có thể chế Tý thủy. Chủ vị ấn bị chế.

Càn:
Quý Ất Giáp Kỷ (Nhạc Phi)
Mùi Mão Tý Tỵ

Phân tích: sinh mộc, phá hủy Tý thủy căn, ấn là thọ, là đoản thọ chi mệnh. Tài chế ấn, tỷ kiếp dương nhận khố chế ấn, võ chức. Nên có thể chưởng quân quyền.

Đưa ấn chế kiếp ví dụ:

Khôn:
Nhâm Bính Kỷ Kỷ
Tý Ngọ Tỵ Tỵ

Phân tích: chế tài . Nhâm bị Bính xung chế, Tý bị Ngọ xung chế. Ấn đảng rất lớn, tài đảng (thiên thấu địa tàng) cũng không nhỏ, là mệnh phát tài, chế tài được tài. Tố hải ngoại mậu dịch. Phát tài hơn một ngàn vạn. Hành Quý Mão, Nhâm Dần vận phát tài. Tất cả đều là tài của mình. Cái này bất xem chế sạch sẽ không sạch sẽ, yếu đổi lại tượng, ấn mạnh mẽ tài nhược, ấn vậy biểu tài. Bặc Văn: cái này bất tính chế sạch sẽ.

Chế dụng kết cấu cái gì cũng có thể khử, tài quan có thể khử, thương thực có thể khử, ấn có thể khử, tỷ kiên kiếp tài cũng có thể khử, nhưng phải chú ý điều kiện: thứ nhất, chủ vị đắc vị tinh nếu như yếu khử, có thể sẽ làm bị thương lục thân; thứ hai, ngay cả nhật chủ căn không thể khử, khử rồi nhân tiện phá hủy, người này sẽ chết rồi.

Ngoài ra tượng nhật chủ là Đinh Tỵ, Bính Ngọ, Bính Tuất, Đinh Mùi cũng không thể chế; còn có Ất Hợi, Ất Mão, Giáp Dần, Giáp Thìn, Ất Mùi, Canh Thân, Tân Dậu... Nhật chủ là liên căn mộc cùng liên căn kim, nhất chế nhân tiện dễ dàng tổn hại sức khỏe thể và tuổi thọ. (kim, mộc, hỏa) Nhâm Tý không sợ chế.

Ví dụ:
Khôn:
Nhâm Tân Đinh Tân
Tý Hợi Tỵ Hợi
Phân tích: Đinh tọa Tỵ là liên căn thân thể, không thể chế, nguyên cục kim thủy kết đảng đến chế Tỵ hỏa, mặc dù chế không sạch sẽ, nhưng chế vậy lợi hại, bị thương thọ, mệnh bất trường. Bính Tý (Bính là Tỵ) năm được bệnh bạch cầu. Bính thấu bị Tân hợp. Đinh Sửu năm nhật chủ đúng hạn, Sửu là cùng kim thủy kết đảng đến diệt hỏa, đã chết. Chết ở mùa hè hỏa vượng.

Chế dụng kết cấu trong hoàn phải chú ý chính là xem chế được là sạch sẽ không, chúng ta ở trên đưa ví dụ đều là chế dường như sạch sẽ , cách cục trọng đại, trong cuộc sống còn có rất nhiều người cũng là chế dụng kết cấu, nhưng chế không sạch sẽ, hiệu suất thấp, cấp độ nhân tiện thấp một ít.

Ví dụ:
Khôn:
Mậu Tân Đinh Quý
Thân Dậu Mùi Mão

Phân tích: chủ vị thể muốn dồn khách vị tài, nhưng nguyên cục chế không sạch sẽ, hiệu suất thấp. Đinh tọa Mùi là bán lộc quan hệ, Mão Mùi củng ấn cục, là thể , phải cần Mùi, không thể phá Mùi. Thân Dậu kim là tài, là dụng , chủ vị rơi thể, khách vị là dụng, lấy thể chế dụng. Mùi chế Dậu chế không hoàn toàn, Mão Dậu xung vậy bất tịnh, Mão Thân hợp vậy bất tịnh, Thiên Can thấu Tân kim, nguyên cục kim hoàn vượng, cũng may nguyên cục có một tượng: Quý Mão mang tượng, bát tự này quý tại sát tinh hư thấu, sát đương tài xem, có một Mậu Quý hợp tượng, Quý tọa Mão củng hợp đến chủ vị, hành Mậu Ngọ đại vận, Mậu Quý hợp, chế sát được tài, Địa Chi hỏa vượng đến chế tài. Nhưng nguyên nhân chưa chế sạch sẽ, chỉ có thể nói là trong nhà giàu. Hành kim thủy vận nhân tiện phá hủy, cần hành hỏa cùng táo thổ vận mới tốt. Làm ăn . Trước kia đi làm. Thực thần là dụng thông thường đều là làm ăn . Phục vụ tính chất nghề.

Càn:
Đinh Tân Bính Mậu
Dậu Hợi Tuất Tý

Phân tích: nhật chủ hợp tài phải xem thân cường nhược. Bát tự này tài vượng thân nhược, chủ vị rơi thể, khách vị rơi tài quan, Bính Tuất thể không thể bị chế, Tuất nhất định phải dụng. Cả đời bất phú, nghèo mệnh. Hơn nữa nhật chủ hợp tài, lão suy nghĩ làm ra tiền. Nhưng chính là kiếm không đến. Trước sau hai vợ.

Vấn đề:

L Ngôn Dịch: khôn:

Nhâm Bính Kỷ Kỷ đổi thành Nhâm Nhâm Kỷ Kỷ
Tý Ngọ Tỵ Tỵ Tý Dần Tỵ Tỵ

vận hành Bính Ngọ vậy khả chế tài đi?

Bặc Văn: có thể, yếu phát đại tài .

Tiểu Nguyệt Hồ: phu thê cung sinh hại như thế nào?

Bặc Văn: sinh hại không sợ, khắc hại lợi hại.

Nhật chủ cùng nhật chi tự hợp Địa Chi có thể chế sao? ? Có thể chế.

Chương VI Chế pháp minh tích

Chế dụng kết cấu xem hiệu suất cao thấp là phân biệt bát tự phú quý cấp bậc trọng yếu dựa vào theo. Hiệu suất khái niệm chúng ta phía trước có bàn về thuật, bản lễ phân tích chi tiết chế cục các loại chế pháp.
Tại chế dụng kết cấu, năng lượng sử dụng hiệu suất dường như cao có dưới đây vài loại:

Nhất, hợp chế

Chỉ Địa Chi lục hợp, ám hợp, bán hợp cục chế pháp.

Tỵ Thân hợp hiệu suất cao nhất, kim thủy có thế, Thân chế Tỵ, mộc hỏa có thế Tỵ chế Thân, đều là lấy nguyên thần dụng thần toàn năng chế tử.

Mão Tuất hợp là Mão mộc chế Tuất thổ; Mão Thân hợp là Thân kim chế Mão mộc; Ngọ Hợi hợp, hỏa có thế có thể chế Hợi, kim thủy có thế có thể

chế Ngọ. Ba loại này hiệu suất gần bằng Tỵ Thân hợp, là rất cao . Tỵ Dậu bán hợp, đương cục trong mộc hỏa vượng thì, có thể chế khử Dậu kim, hiệu suất vậy rất cao.

Tý Sửu hợp là Sửu thổ trói trụ Tý thủy, cố định Tý thủy, tuy là khắc Tý thủy, nhưng lực lượng nhỏ; Dần Sửu hợp là Dần mộc lấy Sửu thổ chế trụ, này hai hiệu suất kém một ít.

Dần Hợi hợp là thủy trong Hợi chế hỏa trong Dần; Thìn Dậu hợp là Dậu kim chế Ất trong Thìn mộc; Ngọ Tuất hợp, hỏa trong Ngọ chế kim trong Tuất. Hiệu suất thì giác thấp; Mão Mùi cùng Hợi Mùi bán hợp cục, như chế Mùi thổ, kỳ hiệu suất tương đối yếu thấp.

Ngọ Mùi hợp, là hai chữ tương sinh, bất chế.

Càn:
Bính Tân Mậu Đinh
Ngọ Sửu Dần Tỵ

Phân tích: mộc hỏa có đảng, Sửu Ngọ hại Dần Sửu hợp, ý tại chế kim thủy, sát tại chủ vị chủ quyền lực, thương thực bị chế, Địa Chi thất sát tác công làm quan, Ất Tỵ vận thăng huyện ủy phó thư ký. Nguyên nhân Tỵ đến là Mậu nhật chủ đến, với lại là Bính đến rồi, Bính yếu có tác dụng, nhưng Bính tác dụng vừa phải, quan sẽ không quá lớn. Dần Sửu công vừa phải, nguyên nhân tại chủ vị, cho nên lực lượng còn có thể, như là tại khách vị, cấp bậc còn kém hơn nhiều, như là xa hợp càng không được.

Khôn:
Nhâm Quý Nhâm Tân
Tý Sửu Dần Hợi

Phân tích: tuy là Dần Sửu ám hợp, nhưng bát tự có thế, kim thủy có thế, muốn dồn hỏa thổ. Tặc thần bất hiện, bộ thần rất vượng, lãng phí rồi năng lượng, hiệu suất thấp.

Khôn:
Nhâm Kỷ Ất Đinh
Tý Dậu Sửu Sửu

Phân tích: kim thủy cùng thấp thổ, trên giờ Đinh nguyên nhân Đinh

Nhâm hợp bị chế, trên giờ thực chủ nói hảo, có đầu óc, Địa Chi Tý Sửu hợp, Dậu Sửu củng rồi sát cục, Dậu Sửu hợp là tại người khác đơn vị công tác.

Ngôn Minh: mệnh này trừ Đinh Nhâm hợp, chế trên giờ Đinh hỏa công ra, còn có chi năm Tý bị chủ vị Sửu hợp trói và cố định, này cũng là công. Nhưng loại này hợp hiệu suất bất tính cao, quan chức vừa phải, là một ngành giám đốc.

Khôn:
Giáp Tân Ất Kỷ
Dần Mùi Hợi Mão

Phân tích: tam hợp cục muốn dồn Mùi thổ, nhưng loại này chế pháp hiệu suất không cao, Hợi Mùi là củng cục, thủy mộc tương sinh, Hợi Mão Mùi hợp đến chủ vị trên rồi. Tân thấu, sát không có chế. Chế hóa bất tịnh đương tài, nhưng nơi này nhân tiện không có chế hóa, không có thể như vậy tài. Mộc cũng nhập Mùi khố rồi, khố với lại không ra. Cho nên người này không có bao nhiêu tiền, thường thường bậc trung cuộc sống mà thôi. Này hay bởi vì Mùi là tài, Hợi Mùi củng đến chủ vị mà thôi. Dụng tỷ kiếp tố công, hiệu suất không cao. Người bình thường mệnh.

Vấn đề:

1, khôn:
Kỷ Mậu Nhâm Quý
Dậu Thìn Thân Mão con cái có chuyện. Con cái cung vị bị chế

Bặc Văn: không có vấn đề, hại ngã thương quan sinh nữ nhi rồi.

2, Càn:
Giáp Đinh Quý Ất
Ngọ Mão Dậu Mão hành Mùi vận, lưỡng Mão tác nhập mộ xem hay bán hợp cục xem?

Bặc Văn: nhập mộ, chủ yếu là Tân Mùi cái này vận tượng hảo.

3, Càn:
Ất Đinh Giáp Bính
Mùi Hợi Ngọ Tý bát tự này đã chế hết thật sự?

Bặc Văn: cái này bất tính chế tẫn. Tố công là song hướng .

4, Càn:
Giáp Đinh Quý Ất
Ngọ Mão Dậu Mão Mão nhập mộ rồi, Mùi vận tại sao khả làm quan

Bặc Văn: Tân Mùi vận tượng phi thường tốt. Mùi là thực thần mộ, Tân tại là tốt nhất tượng, là đương quyền ý tứ. Tân là Dậu, Tân hư thấu.

5,
Càn:
Ất Bính Giáp Giáp
Mùi Tuất Tý Tuất 3 trụ đầu giống như Lưu Hiểu Khánh, hắn cái này Mùi Tuất hình phạt, Bính Tân tự hợp, đáng như thế nào giải thích à?

Bặc Văn: nữ mệnh thương thực biểu thân thể, nam mệnh thương thực chủ tài hoa. Nguyên là học giáo lão sư, có quan viên thưởng thức hắn tài hoa, điều đến tòa án công tác.

Có, Mùi hại Tý tố công, Tuất hình phạt Mùi có quấy nhiễu tác dụng đi

Bặc Văn: có , Tỵ vận lại không được, tòng tòa án đến rồi pháp chế cục rồi, không có thực chất tính chất quyền lực rồi.

Bặc Văn:
Canh Quý Giáp Kỷ
Tuất Mùi Dần Tỵ

Bát tự này cũng là tử mộc, nguyên nhân thủy quá yếu.

Quý Ất Giáp Kỷ
Mùi Mão Tý Tỵ Tý thủy bất sinh Mão mộc, cũng là sinh mộc sao

Bặc Văn: cái này Tý phá Mão là bệnh, là nhất định phải chế , không cần lo cho có phải hay không sinh mộc.

Hai, xung chế, hình chế

Chỉ Địa Chi lục xung cùng Mùi Tuất hình phạt, Sửu Tuất hình phạt.

Lấy Sửu Mùi, Thìn Tuất xung khố cùng Sửu Tuất hình phạt khố hiệu suất cao nhất. Kim thủy cùng thấp thổ thành thế, Sửu khả phá Mùi cùng Tuất khố, Thìn khả phá Tuất khố; mộc hỏa cùng táo thổ thành thế, Tuất có thể phá Thìn khố cùng Sửu khố.Khác xung hiệu suất cũng không bằng khố xung, nhất định phải có một loại mạnh mẽ hữu lực hữu thế mới được.

Dần Thân, Tỵ Hợi xung hiệu suất vậy rất cao; Tý Ngọ, Mão Dậu xung hiệu suất thấp hơn, tố công điều kiện là nhất phương chi đảng nhất định phải lớn hơn một phương khác chi đảng, nếu không xung cũng không thể làm công.

Trung thần tương xung lực lượng không bằng trường sinh tương xung.

Khôn:
Ất Bính Canh Tân
Sửu Tuất Ngọ Tỵ

Phân tích: hỏa cùng táo thổ kết đảng, Sửu Tuất hình phạt là muốn chế Sửu cùng kim thủy trong Sửu, quan sát thành đảng, quan sát khố chế tỷ kiếp khố, chế sạch sẽ rồi, Tân thấu cũng bị Bính chế, lực lượng rất lớn, đại quý mệnh, là Anh quốc trước Thủ tướng Margaret Thatcher .

Càn:
Ất Kỷ Kỷ Canh
Tỵ Sửu Mùi Ngọ

Phân tích: Người giàu nhất thế giới thập kỷ 60. Sửu Mùi xung chế, hỏa cùng táo thổ thành khí thế, muốn dồn Sửu cùng kim thủy trong Sửu, Sửu tại Nguyệt Lệnh, Sửu là thực thương khố, là tài cùng tài nguyên thần bị chế, chế hết, là phát đại tài , là Hy Lạp thuyền Vương Aristoteles Onassis bát tự, có 400 triệu USD tài sản.

Càn:
Ất Bính Đinh Canh
Tỵ Tuất Mùi Tuất

Phân tích: hình phạt chế rồi. Tuất Mùi hình phạt, dựa vào lúc đầu phân tích là hỏa cùng táo thổ kết đảng, Mùi Tuất là nhất đảng, nhưng nơi này có một Tuất Mùi hình phạt, trên giờ Canh hư thấu, lại có Ất Canh xa hợp, Mùi Tuất hình phạt là chế Tân kim trong Tuất , là tỷ kiếp chế tài, nhưng

Tân trong Tuất thiên nhược, tố công vừa phải, tài vừa phải. Đến hỏa vận phát tài mấy trăm vạn.

Càn:
Mậu Tân Bính Canh
Thân Dậu Thân Dần

Phân tích: xung chế, chủ vị Thân chế rồi trên giờ Dần ấn, nguyên cục kim thành thế, là tài chế ấn, mà chế sạch sẽ, là chế ấn được quyền, quyền đã ở chủ vị, hiệu suất rất cao, nên có thể chưởng quyền cao, đương đại quan, là Nguyên Triều Thừa tướng Thiết Mộc Nhĩ, chân có chuyện.

Càn:
Đinh Nhâm Canh Nhâm
Hợi Tý Thìn Ngọ

Phân tích: xung chế, nguyên cục thủy cùng thấp thổ thành thế, thương chế quan, chế hảo, trên giờ Ngọ thấu đến trên năm Đinh, Đinh Nhâm tự hợp, Đinh bị chế. Làm quan mệnh, thủy lực lượng rất vượng, hỏa thế nhược, cho nên hiệu suất hơi thấp chút, không cao lắm. Hành vận tới hỏa Địa, quan tới chính chỗ bất thăng.

Tam, khắc chế

Khắc chế chính là như Tuất khắc Hợi, Tý, Ngọ khắc Thân, Dậu vân vân, khắc chế hiệu suất là dường như thấp , nói chung, yếu thông qua khắc chế đến tố công chỉ là người bình thường mà thôi, không có đại thành tựu.

Khắc chế tố công hiệu suất cao nhất phương thức là vây khắc, tức vây quanh chế chi, như vậy bị chế chi thần không chỗ khả độn, chế được hội vô cùng sạch sẽ, tố công vậy lớn nhất.

Càn:
Tân Đinh Quý Mậu
Sửu Dậu Dậu Ngọ

Phân tích: kim cùng thấp thổ kết đảng, muốn dồn hỏa, nhật chủ hợp trên giờ Mậu, là nhật chủ muốn đuổi theo cầu quan, cần tọa Ngọ hỏa, bởi vì mệnh này là tài chế ấn, ấn rất vượng, hành phía nam hỏa vận, trợ giúp khởi nguyên cục hỏa. Đương ấn chế rồi. Không phải một quý bát tự, lá xe

taxi . Người bình thường mà thôi.

Khôn:
Bính Tân Bính Canh
Ngọ Mão Tuất Tý

Phân tích:mệnh này chủ vị Tuất thổ khắc chi giờ chi Tý thủy, mặc dù có hỏa cùng táo thổ thế, nhưng loại này khắc công cũng không lớn. Vận hành phương bắc thủy Địa, gia cảnh giàu có, cuộc sống an khang.

Trúc Tử: Bạn ta sinh cung ngày nhưng giờ Thìn là quan.

Càn:
Kỷ Tân Bính Đinh
Tỵ Mùi Ngọ Dậu

Phân tích: hỏa cùng táo thổ kết đảng, Ngọ khắc Dậu, là kiếp chế tài, Thiên Can Đinh cũng là chế Dậu, là nửa vây quanh chế pháp, tố công tỷ tạo trên tốt, nhưng đại vận hành bất hảo, trung niên đại vận hành mộc hỏa vận, là bộ thần nhiều, tặc thần ít, với lại hành bộ thần vận, cho nên trung niên bất phát tài. Vận tới Sửu vận (Ất Sửu), qua tuổi năm mươi tuổi, bắt đầu phát nghiệp, mãi đến Quý Hợi vận, thọ tới chín tuần cũng vẫn phát tài.

Sửu vận Dậu tài nhập mộ bị xung khai và đạt được.

Tiểu Nguyệt Hồ: Thìn vận vậy bất hảo, nguyên nhân Thìn Dậu hợp bảo vệ Dậu, mà sinh Dậu, nguyên cục là muốn chế Dậu, cho nên cái này Dậu tài là không chiếm được . Ngôn Minh tán thành.

Càn:
Nhâm Giáp Canh Mậu
Dần Thìn Dần Dần

Phân tích: mộc kết đảng, vây khắc Thìn thổ, là tài chế ấn, chế ấn được quyền, làm quan mệnh, cũng là bộ vượng tặc nhược, công không cao lắm, Thìn thổ là thấp thổ, thổ tính chất yếu kém, cho nên quan không phải quá lớn. Tài chế ấn là quản tài quan. Hành tới Mậu Thân vận chi Thân vận, Thân xung tài, với lại củng Thìn thổ, bắt đầu phát tài. Cấp phòng cán bộ. Đương nhiên tài sẽ không là nhiều lắm. Thân vận lộc xung tài, dường như khổ cực.

Càn:
Bính Bính Ất Mậu
Tuất Thân Sửu Dần

Phân tích: Bill Clinton bát tự, hỏa cùng táo thổ có thế, nguyệt Thân bị vây chế, không chỗ khả trốn, chỉ có thể nhập Sửu mộ, Nguyệt Lệnh Thân làm quan, quan trong mang theo ấn, (kim trong chứa thủy), rơi xuống chủ vị quan sát khố, cho nên là đại quan. Hành tới Tân Sửu vận, Sửu làm quan sát khố đúng hạn. Đương tổng thống tám năm. Tứ đại trường sinh thấy mộ nhất định nhập. Dần Sửu hợp là dương nhận hợp sát khố, vậy gọi tỷ kiếp hợp sát khố.

Bốn, hại chế

Lục hại chỉ có Dậu Tuất hại, Mão Thìn hại, Tý Mùi hại, Sửu Ngọ hại có thể tương chế. Thân Hợi hại, Dần Tỵ hại tương sinh không thể chế, nhưng có một phá tượng, có thể phá hủy lục thân hoặc cung vị. Sửu Ngọ trong lúc đó cũng là tương sinh, nhưng nguyên nhân Sửu có thể tối Ngọ hỏa, cho nên cũng có tương khắc ý tứ. Tương hại với lại tương khắc hiệu suất cao nhất, nếu muốn nhớ hại chế tố công, nhất phương phải có rất cường đại lực lượng chế một phương khác.

Càn:
Mậu Giáp Đinh Giáp (Chu Ân Lai)
Tuất Dần Mão Thìn

Phân tích:mệnh này chủ vị chi Mão hại chi giờ chi Thìn, Mão cùng cục trong Dần, Giáp, Tuất kết thành nhất đảng, chiếm ưu thế tuyệt đối, Thìn bị hại chế. Thìn là sát khố, ý tứ là quan tập đoàn, cho nên hắn chính là quản lý quan liêu tập đoàn đại quan, nội các chính phủ tổng lý.

Càn:
Giáp Nhâm Mậu Kỷ (Đặng Tiểu Bình)
Thìn Thân Tý Mùi

Ngôn Minh: canh giờ là suy . Mệnh này Thân Tý Thìn tam hợp tài cục, thủy có cường thế, trụ ngày và trụ giờ Tý Mùi hại, này hai chữ tương hại, vốn là Mùi thổ khắc Tý thủy, nhưng thừa số thủy thành cục, như vậy chính là Tý hại Mùi. Mùi thổ nơi này cùng lúc là dương nhận hàm nghĩa,

về phương diện khác, nó hay quan sát mộ. Chế khử Mùi thổ và tố công, cho nên hắn không chỉ có là quân sự nhà, hơn nữa là chính trị gia. Duy nhất không hảo chính là bất lợi vợ cùng con. Thực tế là con lớn nhất thương tàn, thời trẻ khắc vợ. Thê cung gặp hại, trên giờ quan sát là con mình.

Càn:
Ất Nhâm Giáp Giáp
Mùi Ngọ Tý Tuất

Phân tích: hỏa cùng táo thổ kết đảng, chủ vị Tý thủy là ấn, vô căn chi mộc không cần thủy sinh, hỉ chế, trên năm Mùi hại Tý là dương nhận khố chế ấn. Là quan quân, nhưng bất cầm thương, nguyên nhân Ngọ Mùi hợp rồi, võ chức, là võ cảnh bộ đội trong cấp sở cán bộ. (trước kia đưa qua)

Càn:
Mậu Tân Bính Đinh
Tuất Dậu Thân Dậu

Phân tích: kim thủy kết đảng, Thân tại chủ vị, Thân là sát trường sinh Địa, trong với lại ngậm sát, Dậu Tuất hại, là sát cùng sát nguyên thần khử chế tỷ kiếp khố, sát tại chủ vị đương quyền xem, là một quan viên, vận tới Hợi Tý Sửu phương bắc thủy Địa thăng đến huyện trưởng, 01 năm đương huyện trưởng. Trên năm thực đương mẫu thân, bất là chính mình, mẫu thân cùng bà nội cũng sớm tử. (năm tháng thực thần là mẫu thân xem, trên năm thương quan đương bà nội)

Càn:
Canh Mậu Giáp Bính
Dần Tý Dần Dần

Phân tích: Mậu Tý là tài đến chế ấn, ấn chủ quyền, cho nên khả làm quan. Hành tới Giáp Ngọ Ất Mùi vận, quan tới thượng thư. Tại sao? Hành vận là Mậu vượng Địa, giữ chế rồi. Xung hại Tý thủy. Người này cao thọ.

Khôn:
Ất Ất Bính Canh
Mùi Dậu Tuất Dần

Phân tích: hỏa cùng táo thổ thế, Bính Tuất nhật chủ, Tuất nhất định phải

dụng, Tuất Dậu hại, là tỷ kiếp khố hại Nguyệt Lệnh tài, dựa vào lẽ thường chế tài là mệnh phát tài, Thiên Can Canh lại bị Ất chế ma. Nhưng Nguyệt Lệnh tài không thể bị hại chế. Nhưng tài rơi chủ vị không sợ hại. Chủ vị cùng Nguyệt Lệnh tài tương hại chứng tỏ chính mình cùng tài vô duyên, vì vậy mệnh không chỉ có không có tài, hơn nữa là nghèo mệnh, hoàn chung quy suy nghĩ phát tài.
Đưa một ít cái khác loại hình .

Sao ca nhạc, vận động viên..., thông thường tỷ kiếp tố công hiệu suất cao, hoặc thương thực tác công hiệu suất cao (nguyên nhân thương thực đại biểu kỹ thuật nghệ thuật), nghệ nhân nổi danh là bởi vì thấu rồi Bính Đinh hỏa, sát hư thấu Thiên Can tác công .

Ngôn Minh:

1, những người này tỷ kiếp tố công hiệu suất cũng dường như cao.

2, thông thường đều có thương thực tinh vậy phối hợp tố công, nguyên nhân thương thực tinh đại biểu kỹ thuật hoặc nghệ thuật.

3, rất nhiều nghệ nhân có thể nổi danh, còn có Bính Đinh hỏa tố công, hoặc thất sát hư thấu vào can tố công, cái này cũng chứng tỏ danh khí.

Khôn:
Giáp Tân Ất Quý
Dần Mùi Hợi Mùi

Phân tích: tỷ kiếp nhiều, tọa ấn tinh, lưỡng Mùi tài tinh củng đến rồi chủ vị, hiệu suất giác cao, bát tự không gặp thương thực, chỉ có tỷ kiếp tố công, Dần Hợi hợp, Dần nhập Mùi khố, Mùi củng nhập chủ vị, tỷ kiếp chủ cạnh tranh, cho nên dụng tỷ kiếp tác công, là vận động thành viên. Từng là Trung Quốc quán quân tennis, sau tố tennis huấn luyện viên.

Càn:
Bính Ất Tân Đinh
Thìn Mùi Mùi Dậu

Phân tích: Bính Tân hợp trên năm quan, nhưng quan sát hư thấu, chủ rồi danh khí. Dễ dàng thành danh người. Tọa tài khố vào Thìn mộ, thuyết minh hắn thu nhập rất cao, nguyên nhân Bính Tân hợp, cho nên Thìn

cũng là của mình, hoàn có một tượng, Bính Thìn mang tượng, Thìn Dậu hợp rồi lộc, là mộ dụng phương thức tố công, Thìn Dậu hợp rồi lộc, lộc là thể, tại trên năm khả chứng tỏ chân giò, là ngôi sao bóng đá. Là cầu thủ quốc gia.

Càn:
Nhâm Bính Ất Mậu
Tý Ngọ Dậu Dần

Phân tích: Ngôi sao bóng đá Zinedine Zidane. Ất tọa thất sát, mộc hỏa có thế, ý tại khử kim thủy, Ngọ khắc Dậu cũng là ý này, trên giờ là kiếp, khử trường sinh thương quan, hợp thương quan, thành hỏa cục, kiếp tài chứng tỏ thể năng cạnh tranh, thương quan thì chứng tỏ nghệ thuật. Cho nên nói bóng đá là rất cao thể năng cạnh tranh nghệ thuật. Dụng mộc hỏa rồi.

Khôn:
Tân Đinh Canh Nhâm
Dậu Dậu Tý Ngọ

Phân tích: nữ tử quán quân võ thuật toàn quốc. Kim thủy có thế, chế Ngọ hỏa quan tinh, dương nhận thương quan tố công, dương nhận chủ đến thương, thương quan chủ kỹ năng, Thiên Can hư thấu Đinh chủ vinh dự, cục trong hai dương nhận, thiện thường khiến song kiếm, năm 2000 tại võ thuật trận đấu đoạt cúp. Song Dậu là hai thanh đao, đem Ngọ hỏa cấp chém.

Càn:
Ất Đinh Bính Mậu
Hợi Hợi Thìn Tuất

Phân tích: Đan Điền Phương bát tự, Hợi quan sát vào chủ vị mộ, bản khả làm quan, nhưng bát tự Thiên Chính điểm mộc hỏa cùng táo thổ kết rồi đảng, Thìn Tuất xung, cùng quan khố bất hòa, thuyết minh chính mình không thể làm quan. Dụng thực cùng kiếp tác công, thực chủ tài ăn nói, Mậu Tuất tại trên giờ môn hộ trên, Bính Đinh hỏa mang tượng là danh nhân, cái này Bính Tuất nhất tượng, cần Tuất, Tuất không thể chế. Là nổi tiếng Bình thư (một hình thức văn nghệ dân gian của Trung Quốc, khi kể một câu chuyện dài dùng quạt, khăn làm đạo cụ) diễn viên.

Bặc Văn: quan sát hư thấu chủ danh tiếng.

Khôn:
Canh Kỷ Tân Quý (Lữ Lệ Bình)
Tý Mão Dậu Tỵ

Ngôn Minh: mệnh này nhật chủ tọa lộc, kim thủy lược có khí thế, chế mộc hỏa có công, hiệu suất rất cao. Lộc thần cùng thực thần tố công, xác nhận một nghệ nhân. Thực tế là một diễn viên nổi tiếng

Khôn:
Bính Quý Tân Quý
Dần Tỵ Dậu Tỵ

Ngôn Minh: diễn viên nổi tiếng nước Mỹ Marilyn - Monroe, chúng ta xem cùng trước tạo có chỗ tương tự: Tân kim nhật chủ tọa chi lộc thần, Thiên Can thấu thực thần Quý thủy chế quan, tố công chi thần cũng là lộc cùng thực thần, chỉ là nguyên nhân bát tự mộc hỏa thế lớn hơn kim thủy thế, thế cho nên kim bị hỏa khắc, hành Canh Dần vận, kim lâm tuyệt và hỏa bị sinh trợ giúp, tử.

Khôn:
Bính Bính Giáp Bính
Ngọ Thân Thìn Dần

Phân tích: Tống Tổ Anh bát tự. Mộc hỏa có thế, trên giờ Dần là lộc, trên năm Ngọ là thực, lộc cùng thực tác công, chế kim thủy, Ngọ khắc Thân, Dần xung Thân, thực chế sát thuyết minh có chức vụ, Thiên Can thấu Bính khắc Thân, Bính với lại chủ danh khí, tại trong quân ngũ có quân hàm, tại sao là danh ca? Là bởi vì là Thân, Thân chủ thanh âm, hỏa kim kết cấu chủ thanh âm, hỏa khắc kim chủ thanh âm.

Càn:
Giáp Giáp Đinh Nhâm
Ngọ Tuất Dậu Dần

Phân tích: Mai Lan Phương bát tự. Mộc hỏa có thế kết rồi đảng, thuyết minh là danh nhân. Lộc tại trên năm, hợp hỏa cục, Ngọ khắc Dậu, Dậu Tuất hại, trụ ngày và trụ giờ Đinh Nhâm hợp, Nhâm chủ mặt, chủ màu

nước, trên mặt tô màu, là diễn hí khúc.

Khôn:
Mậu Canh Đinh Nhâm
Thân Thân Mão Dần

Ngôn Minh: người này Đinh hỏa là danh tiếng, hợp Nhâm thủy là diễn hí khúc, Thân kim là thanh âm, chế bất hảo, tẩu Mùi vận thì, bắt đầu xướng làm trò rồi.

Càn:
Đinh Tân Tân Tân
Hợi Hợi Sửu Mão

Phân tích: ca sĩ nổi tiếng Nhật Bản nổi tiếng Sâm Tiến Nhất. Tỷ kiên một mảnh, sinh thương quan, Đinh Hợi tự hợp là thương hợp sát, làm công, Đinh hư thấu chủ danh khí, thương tác công chủ nghệ thuật, cho nên là danh nhân, hành Đinh Mùi, Bính Ngọ vận quan sát đúng hạn, hỏa khắc kim, diễn xướng nổi danh.

Vấn đề:

1, đoạn lão sư, nhật chủ có hợp thì, dường như ngài nói qua hợp can cần chi, không biết cách dùng như thế nào?

Bặc Văn: hợp trên giờ, hợp quan dụng chi, hợp năm tháng không cần. Năm tháng quan là quản lý khống chế ý tứ, trên giờ phải xem Địa Chi, cụ thể như thế nào trung cấp lớp giảng.

2, tại sao hại chủ vị quan bất hảo. Và hại chủ vị tài nhưng lại hảo đây?

Bặc Văn: nữ mệnh hại chủ vị quan bất hảo, quan chủ phu, chính tinh không dám hại, thiên tinh khả hại.

3, Càn:
Giáp Bính Kỷ Mậu
Thìn Tý Mùi Thìn cái này phía trước giảng qua, hại Nguyệt Lệnh tài tinh, không có hôn nhân có thể lý giải, tại sao là người có tiền?

Bặc Văn: Giáp Kỷ hợp rồi, như không có Giáp Kỷ hợp, không đúng tý nào, kiếm tiền lương , cũng không phải phát đại tài . Trên năm quan tinh hữu dụng, là nhật can tố công, nhật chi không làm công, phế đi.

Chương VII Ứng kỳ

Năm tháng là sớm, trụ ngày và trụ giờ là muộn, có đại hạn ứng kỳ, đại vận xuất hiện hôn nhân chi ứng kỳ.

Nhất, đại hạn ứng kỳ

Trụ năm: 1—18 tuổi, trụ tháng: 18—35 tuổi, nhật trụ: 35—55 tuổi, trụ giờ: 55 tuổi sau này.

Đại hạn ứng hung, như đại hạn khắc cha, đại vận ứng cát, vận này bất khắc, qua vận thì hung.

Đại hạn ứng cát, đại vận ứng hung, vận này bất cát, qua vận thì cát.

Đại hạn ứng hung, như có vận may, đại vận có cát, chưa tới cát vận vậy ứng hung.

Giao thoát quyết: bát tự vận hạn ứng cát, nhưng gặp hung đại vận thì qua vận ứng cát, bất xem ứng kỳ.

Bát tự vận hạn ứng hung, nhưng gặp cát đại vận thì qua vận ứng hung, bất xem ứng kỳ.

Bát tự vận hạn ứng hung, nhưng sau gặp cát đại vận thì chưa tới cát vận nhất định thấy hung.

Hai, phản khách vi chủ hoặc xuất hiện

1, Trong bát tự chữ là chủ, đại vận là khách, như trong vận xuất hiện chữ trong bát tự nhân tiện là chữ trong bát tự đến rồi, phản khách vi chủ rồi. Có hai loại phương thức: nhất là thông lộc, hai là hiện nguyên thân.

2, Nguyên cục cái chữ này hung, đại vận xuất hiện là hung, nguyên cục cái này cát, đại vận xuất hiện là cát.

Lúc tuổi già thấy lộc, sợ xung, hình phạt, phá, hại, nhập mộ, lộc là Dậu Tuất tương hại là hung tử. Như Lưu Hồ Lan, Lâm bưu, Đái Lạp .

Ví dụ:

Khôn:
Canh Tân Tân Quý
Dần Tỵ Dậu Tỵ

Phân tích: Quý thủy thực thần là thọ nguyên. Nguyên cục kim thủy có thế chế quan, Tỵ hỏa quan vượng, Dần Tỵ hại bất là chế quan, Quý Tỵ tự hợp chế quan, nhưng chế bất tịnh, tẩu Bính Tý vận, Bính hỏa hợp đến Tân kim, Tý thủy tiết Dậu kim, Nhâm Ngọ năm, Ngọ hỏa xung khử Tý thủy, Quý thủy thọ nguyên tinh thấy Tý thủy là lộc là thọ, bị Ngọ xung, chủ thọ đến rồi, chính mình chết đi, con cũng chết (thực thần là con), chính mình cùng con bị người sát rồi, hung tử.

Đưa hại lộc ví dụ:

Càn:
Ất Kỷ Kỷ Canh
Tỵ Sửu Mùi Ngọ

Phân tích: mệnh này hỏa thổ khí thế chế kim thủy, bát tự không có tài, lấy thực thương đương tài xem. Sửu thổ Nguyệt Lệnh là tài, Sửu là thực thương khố, chế khử tài cùng tài nguyên thần là nhất có tiền người. Ất mộc thất sát là nam hài hợp trên giờ Canh kim, lúc tuổi già tang con. Người này chết ở Ngọ vận Quý Mão năm, bởi vì Ngọ hỏa là Kỷ thổ lộc, là lộc đến thọ đến, đến Mão năm Mão phá Ngọ là phá lộc mà chết.

3, Trong bát tự chữ hữu dụng sợ đại vận hư thấu, hư thấu thì bất cát, hỉ thực ; trong bát tự chữ yếu khử hoặc kỵ chữ hỉ đại vận hư thấu, hư thấu thì cát, sợ thấy thực, thực rồi thì bất cát. Như đại vận xuất hiện dụng chữ sợ bị quản chế, bị quản chế thì bất cát; như đại vận xuất hiện kỵ chữ, hỉ chế, chế rồi thì cát.

Tam, hôn nhân ứng kỳ

Lục hợp tam hợp là kết hôn ứng kỳ, nữ mệnh phu tinh cùng phu cung gặp lục hợp tam hợp lúc là kết hôn ứng kỳ; nam mệnh thê tinh cùng thê cung

gặp lục hợp tam hợp là là kết hôn ứng kỳ.

Nguyên cục gặp hợp, đại vận cùng lưu niên gặp xung thì là ứng kỳ, nguyên cục có xung thì đại vận cùng lưu niên gặp hợp thì là ứng kỳ. Nguyên cục bất hợp bất xung thì đại vận cùng lưu niên gặp hợp thì là ứng kỳ. Nhưng nguyên cục phải là cùng phu thê tinh cùng phu thê cung có quan hệ.

Vấn đề:

1, Thiên địa hợp chế Địa Chi thì, ngộ Địa Chi xung, hại là không bất hảo?

Bặc Văn: . . . Xung vậy không được tốt.

Thiên nhân hợp nhất: thực ví dụ:

Đinh Đinh Canh Bính
Mùi Mùi Tý Tuất hành Quý Mão vận

Bặc Văn: Quý Mão vận tốt nhất, không có sinh, hư thấu rồi bàn về cát.

2, Nguyên cục Thân Dậu, đại vận Sửu, Thân Dậu nhập Sửu mộ, nếu kim là tài, là không chủ được tài?

Bặc Văn: không nhất định, như Đinh Sửu nhật chủ đi Quý Sửu vận sẽ không được tài, tẩu Đinh Sửu vận được tài. Cái này yếu căn cứ cụ thể tình huống phân tích. Không phải một câu nói có thể bao quát.

Càn:
Bính Ất Canh Giáp
Thìn Mùi Ngọ Thân
Tại Mậu Tuất vận Ất Dậu năm có chuyện lớn gì phát sinh?
Thực tế: là tại Ngọ nguyệt Mùi nhật, bát tự này cùng vợ chưa cưới tai nạn xe đã chết.

Càn:
Nhâm Quý Tân Kỷ
Dần Mão Mùi Hợi
Tiểu Nguyệt Hồ: mời lão sư giảng một chút vì sao Ngọ vận phát tài? Bặc

Văn: quan chỉ huy tài hợp đến chủ vị.

Thi Tiều:
Càn:
Ất Quý Giáp Nhâm
Sửu Mùi Tuất Thân sẽ làm quan sao?
Bặc Văn: sẽ không.
Thi Tiều: tại chế quan khố, hơn nữa Nhâm hóa Thân sát rồi?
Bặc Văn: không thể hóa sát.

Kim Thành:
Càn:
Kỷ Quý Kỷ Canh
Dậu Dậu Sửu Ngọ cái này lộc có thể hại chế sao
Bặc Văn: Kỷ Sửu nhật chủ nhất định phải hình phạt xung.

Khôn:
Quý Kỷ Mậu Mậu
Sửu Mùi Ngọ Ngọ có thể đại phú sao?
Bặc Văn: có thể phú.
Tiểu Nguyệt Hồ: lúc nào lộc có thể phá, lúc nào không thể phá?
Dưới đây là ghi chép:
Tiểu Nguyệt Hồ: nhật chủ tọa lộc không thể phá, trên giờ có thể phá, nhưng phá hủy thân thể vậy bất hảo, nhưng sẽ không tổn hại thọ đúng không

Càn:
Quý Nhâm Tân Canh
Mão Tuất Hợi Dần
Đại vận: Tân Dậu Canh Thân Kỷ Mùi Mậu Ngọ Đinh Tỵ Bính Thìn Ất Mão Giáp Dần
09 tuổi 19 tuổi 29 tuổi 39 tuổi 49 tuổi 59 tuổi 69 tuổi 79 tuổi
Thực tế: người này 29 tuổi Tân Mùi năm kết hôn, năm 1992 Nhâm Thân năm ly hôn.
Trên giờ có lộc không thể tái sinh nhật chủ , lộc là cô đơn .
Ngôn Minh: nhật chủ hợp quan sẽ dụng quan cùng quan tọa chi, cái này chi thông thường không thể bị phá, phá ý tứ như hại, cũng có cá biệt bát tự nhật chủ cùng tọa chi không cần rồi, nhưng là rất ít thấy, nhật chủ cùng năm, nguyệt, thì quan cái nhìn không giống nhau, sở biểu hàm nghĩa bất đồng, hợp quan thì, hợp đến trên giờ mới có dụng, hợp trên giờ quan

cần chi giờ đến chế khác chi.

Quý Giáp Quý Mậu
Hợi Tý Dậu Ngọ
Nhật chủ hợp quan, nhưng nhật chi muốn dồn tài, cái này quan sẽ không cần rồi?
Ngôn Minh: cần Ngọ cùng Mậu, cũng dụng. Nhưng Ngọ bị phá hủy bởi vì Ngọ cần, nhưng bị xung chế phá hủy nguyên nhân.

MANH PHÁI TRUNG CẤP MỆNH LÝ HỌC

Chương I Chính cục, phản cục
Nhất, như thế nào xem chính cục phản cục
Hai, đại vận phản cục
Tam, xung hợp phản cục
1, nguyên cục xung hợp phản cục
2, tuổi vận xung hợp phản cục
Chương II Ứng kỳ
Nhất, đại hạn ứng kỳ
Hai, lộc cùng nguyên thân ứng kỳ
Tam, độn giấu thấu can ứng kỳ
Bốn, lưu niên hoặc đại vận cùng bát tự tác dụng ứng kỳ
Chương III Can chi loại tượng
Nhất, thập can loại tượng
Hai, mười hai chi loại tượng
Tam, sáu mươi can chi loại tượng
Nhất, lộc thần loại tượng
Hai, dương nhận loại tượng
Tam, mộ khố chi tượng
Bốn, dịch mã chi tượng
Năm, không vong chi tượng
Chương V Tứ trụ cung vị loại tượng
Nhất, lục thân loại tượng
Hai, thời gian loại tượng
Tam, không gian loại tượng
Bốn, tứ trụ cung vị đại biểu bất đồng tuổi tác cùng bất đồng quan hệ
Năm, thân thể loại tượng
Lục, vật phẩm loại tượng
Bảy, tình cảm loại tượng
Tám, biểu trong loại tượng
Chương VI Thập thần loại tượng
Nhất, chính ấn loại tượng
Hai, thiên ấn loại tượng
Tam, chính quan loại tượng
Bốn, thất sát loại tượng
Năm, chính tài loại tượng
Lục, thiên tài loại tượng
Bảy, tỷ kiên loại tượng
Tám, kiếp tài loại tượng
Chín, thực thần loại tượng
Thập, thương quan loại tượng
Chương VII, tượng ứng dụng
Nhất, cộng tượng nguyên tắc
Hai, hợp tượng nguyên tắc
Tam, hóa tượng nguyên tắc

Bốn, mộ tượng nguyên tắc
Năm, chế tượng nguyên tắc
Lục, mang tượng nguyên tắc
Bảy, mượn tượng nguyên tắc
Chương VIII Tài mệnh chuyên tập
Lễ 1, tài phú cái nhìn
Nhất, lộc thần đương tài
Hai, thương thực đương tài
Tam, quan sát đương tài
Lễ 2, lấy tài phương pháp
Một, kinh doanh lấy tài
Hai, phong hiểm lấy tài
Ba, trí lực lấy tài
Bốn, thể lực lấy tài
Năm, tiền lương lấy tài
Chương IX Quan mệnh cái nhìn
Nhất, chế dụng tố công làm quan
1, quan sát phối thương thực tổ hợp, thương thực chế quan sát hoặc quan sát chế thương thực tố công.
2, quan sát phối kiếp nhận tổ hợp, quan sát chế kiếp nhận hoặc kiếp nhận chế quan sát tố công.
3, ấn tinh phối tài tinh tổ hợp, tài tinh chế ấn hoặc ấn chế tài tinh tố công.
4, ấn tinh phối thương thực tổ hợp, ấn chế thương thực hoặc thương thực chế ấn tố công.
Hai, sinh dụng hóa dụng tố công làm quan
1, sinh dụng hóa dụng tố công có: quan sát phối ấn, ấn hóa quan sát tổ hợp.
2, ấn sinh lộc , lộc tại chủ vị, lộc đương quyền lực, làm quan lộc cách.
3, ấn mang quan mũ, cùng chủ vị phát sinh liên hệ, cũng là quan mệnh.
Tam, tổ hợp khác
Bốn, quản tài quan hoặc tố xí nghiệp quan
Chương X Hôn nhân chuyên tập
Lễ 1, như thế nào phán đoán hôn nhân tốt xấu
Nhất, hảo hôn nhân tổ hợp
Hai, xấu kết hôn tổ hợp
Lễ 2, nhiều kết hôn mệnh lý
Lễ 3, độc thân mệnh lý
Lễ 4, kết hôn ứng kỳ
Lễ 5, ly hôn ứng kỳ
Bằng cấp chuyên tập
Tù ngục chuyên tập

Chương I Chính cục, phản cục

Chính cục: nhật trụ tố công, biểu đạt ý tứ cùng nguyên cục ý tứ nhất trí. Bát tự không có thế, nhật chủ có thể làm công vậy xưng là chính cục.

Phản cục: nhật trụ tố công biểu đạt ý tứ cùng nguyên cục ý tứ trái ngược, là hung.

Phản cục phân chia: nguyên cục phản cục, đại vận phản cục, lưu niên phản cục ba loại, nguyên cục phản cục nguyên cục hung, đại vận phản cục đại vận hung, lưu niên phản cục lưu niên hung.

Nhất, như thế nào xem chính cục phản cục.

Xem trước nhật chủ ý, có nhật chủ bất hợp, bất sinh (không làm công), sẽ không xem, và xem nhật chi ý.

1, nhật chi tố công có phương hướng, nhật chi tố công cùng thế của bát tự đối kháng, chính là phản cục. Ý tứ này yếu xác định rõ, cũng không phải nhật chi cùng thế của bát tự đối kháng, mà là nhật chi biểu đạt ý tứ ——nhật chi theo đuổi cùng bát tự thế đối kháng. Như: Kỷ Mão, Kỷ Tỵ, Tân Hợi, Giáp Ngọ, bát tự này nhật chi tố công, Ngọ Hợi hợp khử thương quan, nhật chi ý tứ cũng là bị Ngọ hợp chế, cho nên bát tự này là chính cục, không phải phản cục.

2, nhật chủ tố công cùng nhật chi tố công trái ngược (yếu lấy nhật chủ là chủ) vậy phản cục. Đương nhật chủ cùng nhật chi đồng thời cũng tố công thì bọn nó biểu đạt ý tứ nhất trí đó là chính cục, bất nhất trí chính là phản cục. Lấy nhật chủ công là xem công, bất lấy nhật chi. Như nhật chủ hợp trụ giờ quan tố công, phải xem quan tọa chi gì , tọa chi có tố công hay không, như tố công, cái này công cũng là nhật chủ chính mình tố công. Như quan tọa chi cùng nhật chi tố công trái ngược thì, nhân tiện phản cục rồi.

(chú: nguyên nhân trên giờ là chủ vị, chứng tỏ đầu óc một người , ngồi quan tinh, làm quan đã khống chế ta đầu óc ý. Nguyên nhân ta đã bị quan khống chế, nên quan đại biểu nhật chủ ý hướng, đối với nhất trụ đến nói, can là thống sư, chi là binh tốt, đem sư chiến tranh, phải dụng binh tốt, vì vậy thì, phải dụng chi giờ, chi giờ không thể phá.)

3, trong bát tự năm tháng cùng trụ ngày và trụ giờ có xung hợp phản cục, hợp cùng xung là hai loại trái ngược phương thức tố công, nhưng giả như, trụ ngày và trụ giờ là xung cục, năm tháng trái lại hợp cục; hoặc trụ ngày và trụ giờ là hợp cục, năm tháng trái lại xung cục, toàn bộ bát tự bản thân nhân tiện rối loạn, là phản cục bát tự.

Càn:
Tân Bính Kỷ Giáp
Hợi Thân Sửu Tuất

《 mệnh thuật dật văn 》 ví dụ, nhật chủ hợp Giáp quan, tức nhật chủ bị Giáp Tuất khống chế, cần Giáp tọa Tuất, nhưng nhật chi Sửu mượn kim thủy thế hình phạt Tuất, phá hủy Tuất, là phản cục. Trên giờ là môn hộ, Tuất là kiếp tài là tay, Quý thủy trong Sửu là ám tài, mà Sửu là âm u, là kẻ cắp, người này thường xuyên ngồi tù (chú: Sửu cùng Thân, Dậu tổ hợp là phạm tội, tù ngục tổ hợp). Sửu với lại là tài khố, nhất hình phạt, nhân tiện không rồi, phát không được đại tài (chú: chính mình chế tài là được tài, nhưng nơi này chính mình bị tài chế rồi, cho nên không được tài).

Như:
Tân Giáp Kỷ X bất là phản cục
Hợi Tuất Sửu X

Hợp nguyệt, trên năm quan là quản lý cùng khống chế người khác.

Với lại như:Càn:
Giáp Mậu Quý Kỷ
Thìn Thìn Mão Mùi

Mậu Quý hợp, là quản lý khống chế người khác, Quý quản Mậu, ta quản hắn; Mão hại Thìn, biểu đạt ý tứ giống nhau. Mão là thực thần là tài nguyên thần, sinh tài chỗ, là ngân hàng. Người này ngân hàng hành trường.
Thương Hải Tiếu: Tân nhật Bính giờ Thân, Đinh nhật Nhâm Dần thì, Kỷ nhật Giáp giờ Tuất chỉ có này ba người nhất định phải dụng chi giờ

Càn:
Ất Canh Tân Bính
Tỵ Thìn Mão Thân

Bính Tân hợp, dụng tọa Thân kiếp tài, Thân không thể chế quan bị cục trong Tỵ hỏa quan chế rồi, phản cục rồi, yếu phạm tù ngục tai ương. Nguyên nhân trộm vài quyển sách mà ngồi tù một năm. Hắn không quan, là một giáo viên. Nguyên nhân nguyên cục kim thủy có thế, nên chỉ có ngồi tù ngắn ngủi. Phụ thân cũng sớm tử
Nhàn Chú: Thân cần, nhưng tài sinh Tỵ hỏa, với lại Tỵ Thân hợp, phá hủy Thân; Bính Dần năm ngồi tù một năm; cha sớm tử!

Càn:
Ất Canh Tân Nhâm
Tỵ Thìn Mão Thìn

Thìn tiết Tỵ, thương quan chế quan, Bính Tý vận thăng chính cấp phòng, nhưng cha vậy sớm tử!

Càn:
Giáp Mậu Quý Kỷ
Thìn Thìn Mão Mùi

Mệnh này nhật chi ý tứ là thực thần Mão cùng Mùi củng vượng, hại chế Thìn quan, nguyên nhân là dụng tài chi nguyên thần chế quan, nên là cùng tiền có quan; nhưng nhật chủ lại hợp Nguyệt Lệnh quan tinh, có phải hay không phản cục đây? Không phải phản cục, bởi vì hợp năm tháng quan chứng tỏ chính mình quản lý người khác ý tứ, Mậu Quý hợp là quyền quản lý (chú: Mậu tọa Thìn làm quan, biểu chính mình muốn xen vào lý, khống chế Thìn quan, có thể không đạt được quan, phải xem quan có tố công hay không) thực tế người này là một ngân hàng chi nhánh hành trường. Quan vừa phải, nhưng quyền rất lớn, là xí nghiệp chi quan.

Càn:
Mậu Nhâm Đinh Đinh
Thìn Tuất Sửu Mùi

Đây là Chu Nguyên Chương mệnh tạo, nhật chủ hợp Nguyệt Lệnh quan, là quản lý khống chế ý tứ (chú: nhật chủ khống chế được Tuất khử xung Thìn hình phạt Sửu). Tuất chế khử Thìn, là chế khử quan khố. (chú: Sửu

Mùi xung, Sửu Tuất hình phạt là chế tài khố, tài quan đều bị ta chế rồi, chế sẽ đạt được, nên là hoàng đế mệnh.) là chính cục, không phải phản cục.

Khôn:
Bính Mậu Đinh Đinh
Tý Tuất Sửu Mùi

《 Mệnh Thuật Dật Văn 》 ví dụ, mệnh này hỏa thổ có điểm táo khí, ý tại khử kim thủy, đây là nhật chủ ý tứ; Sửu Mùi xung cũng là xung khử kim trong Sửu thủy, Tuất thổ khắc Tý thủy, nhưng Tý Sửu hợp, nhật chi hợp phản cục (cục là khử Tý thủy, nhật chi nhất hợp theo đuổi Tý thủy, nên phản cục). Tý thủy đại biểu chồng (chú: Tý vi phu tinh, cùng phu cung tương hợp, đương phu xem), hợp đến phu cung, bị Mùi xung bị Tuất hình phạt, chủ chồng sớm tử, là tai nạn xe tử , mà Sửu thổ với lại là con cái tinh, nguyên cục phạm tam hình, con cái vậy bất hảo, tam nam nhân đều là tàn tật, nhị nữ hôn nhân vậy bất hảo.

Càn:
Nhâm Canh Tân Kỷ
Tý Tuất Sửu Mùi

Là chính cục, nguyên nhân kim thủy thành thế, là muốn chế hỏa (chú: hỏa trong Tuất, Mùi) ý tứ. Hỏa làm quan sát, nhưng chế không được, quan sát chế bất hảo đương tài xem, là mệnh phát tài.
Sửu hình phạt Tuất là trang trí , Sửu chế Mùi là bất động sản. Thực tế mệnh này trước làm trang trí sau làm bất động sản. Bây giờ tẩu Dần vận chế không được, Ất Mão vận phi thường tốt. Sửu vận Canh Thìn năm ,trước tử cha sau phát tài. Ất Mão vận hợp trói trụ tháng rồi. Trụ tháng không có tác dụng cho nên Ất Mão vận khẳng định phát tài.

Càn:
Quý Bính Mậu Bính
Mùi Thìn Tuất Thìn

Mệnh này hỏa thổ thành thế khử thủy, vốn Tuất thổ suy nghĩ khử lưỡng thủy trong Thìn, mà Thìn là tài khố, nhưng Thìn thổ vượng nắm lệnh Nguyệt Lệnh và vượng, đem Tuất chế rồi, thành phản cục, này đời người nghèo mệnh, Mậu Quý hợp tài, có cơm ăn (người này không có công tác), hợp tài ở chỗ này ý nghĩa vừa phải, muốn dồn tài, nhưng bị tài phản

chế.Năm chủ phương xa, nên phương xa có người cho hắn ít tiền. Cả đời nghèo mệnh. Phản cục, cũng may kẹp chế bất tử, không có tánh mạng chi ưu! Chị gái chu tế hắn, bất tới chết đói!

Càn:
Nhâm Mậu Tân Mậu
Dần Thân Tỵ Tuất
Đại vận: Kỷ Dậu Canh Tuất Tân Hợi Nhâm Tý
Mới vào: 1971 1981 1991 2001

Càn:
Đinh Mậu Tân Đinh
Mùi Thân Mùi Tỵ
Đại vận: Đinh Mùi Bính Ngọ Ất Tỵ Giáp Thìn
Mới vào: 1976 1986 1996 2006

Lưỡng ví dụ cũng là phản cục, trước nhất tạo là thợ điện, Nhâm Thân năm bị điện giật chết, sau nhất tạo Canh Thìn năm tử vào tai nạn xe. Địa Chi Tỵ Thân hợp là khử kim, nhưng Mậu Thân nhất trụ, Mậu sinh Thân làm một thể, là dụng kim, là nguyên cục phản cục.

Càn:
Tân Bính Tân Quý Lý Tông Nhân
Mão Thân Mùi Tỵ

Bính Tân hợp, tọa Thân là kiếp, với lại đại biểu quân đội (Thân có quân đội chi tượng), tại Nguyệt Lệnh, biểu rất lớn, quân đội đại tập hợp. (chú: vậy chính là nhật chủ yếu quản lý khống chế tập đoàn quân đội ý.) Tỵ Thân hợp, là chế kiếp tài. (chú: chủ vị quan làm công, là quản lý quân đội đại quan)

Càn:
Giáp Quý Tân Kỷ
Ngọ Dậu Mão Hợi

Cũng là liên thể, Kỷ Mão vận Kỷ vận Bính Tuất năm hại Dậu, tai nạn xe đã chết. Đinh Sửu vận tốt nhất. Giáp Ngọ mang tượng, Ngọ = Kỷ. Nguyên cục kim thủy thành thế khử mộc hỏa, Giáp Ngọ làm quan mang tài mũ, phó cục trưởng tài chính cục, Đinh Sửu vận tốt lắm!

Tân Dậu nguyệt Tân nhật cũng là liên thể.

Càn:
Canh Canh Canh Mậu
Tý Thìn Thìn Dần

Kim thủy liên thể rồi, Tý thủy cần. Mùi vận hại ngã Tý sẽ không tốt lắm.
Hai, Đại vận phản cục

Bát tự nguyên cục tốt lắm, tố công vậy xác định rõ, nhưng sợ nhất hành phản cục đại vận, tức hành vận vừa lúc cùng nguyên cục biểu đạt ý tứ trái ngược, hoặc hành vận cùng nguyên thế cục lực đối kháng và không cách nào bị nguyên cục chế, chủ đại vận này hung, qua đại vận thì cát.

Ví dụ:
Bạc Nhất Ba tạo.
Càn:
Mậu Giáp Tân Quý
Thân Dần Mão Tỵ
Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm
Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Mệnh này mộc hỏa một mạch chế khử kim thủy, Dần Thân xung chế Thân kim kiếp tài, Mậu Quý hợp, Tỵ Thân hợp kéo lại là chính cục, bát tự tố công đại, là một đại quan, tẩu Bính Thìn vận chi Thìn vận, Thìn thổ sinh Thân kim hại Mão mộc tối hỏa, là đại vận phản cục, ngồi năm năm tù, Thìn là thương quan khố, thương quan nhập khố không có tự do. (chú: bát tự này nhật chủ sợ nhất quan đến hợp, Bính vận thì Bính Tân hợp, vậy bất hảo, bị đuổi bắt, nhưng nguyên nhân Bính quan hư thấu rồi, nên Bính vận không sợ, còn có thể chạy thoát, Thìn vận lại không được rồi, Thìn có tù ngục ý.) Đinh vận phát tài, Tỵ vận Tỵ hỏa đến, công thần đến rồi. Canh Thân vận tới, Canh kim thấu can không có chế phá hủy, Tân Dậu vận nhân tiện lợi hại rồi, Tân chính mình đến, Dậu vận Mão Dậu xung, Nhâm vận vậy lợi hại. Nhâm thủy là Thân đến, Nhâm thủy hư thấu bị quản chế.

Đại vận thể dụng: Tẩu can vận là chi là thể, can là dụng; tẩu chi vận thì chi là dụng, can là thể. Trên thực tế là can chi cùng nhau xem . Nơi này "dụng" khả giải thích là động, "thể" là bản thể, là tĩnh .

Càn:
Nhâm Quý Nhâm Nhâm
Dần Mão Tý Dần

Nội thực thần thành cách, tố xí nghiệp , tẩu Đinh Mùi vận, tại Đinh vận, Đinh là dụng, Mùi là thể, tức Đinh là ở vào hoạt động (vận động) trạng thái, Mùi là ở vào yên trạng thái, bởi vì Mùi là yên , nên Tý Mùi hại, chỉ biểu thế giới nội tâm rất thống khổ, Đinh Nhâm hợp đến nhật chủ, là nhật chủ đạt được Đinh, Đinh là bị Mùi chỉ huy , nhưng Mùi là yên , nên quan vị không có biến hóa. Đến Mùi vận, Đinh là thể, Mùi là dụng, Đinh chỉ huy Mùi hợp đến nhật chủ, bị nhật chủ sở khống chế, Mùi ở vào hoạt động trạng thái, yếu có tác dụng, đem nguyên cục thương thực toàn bộ mộ đến chính mình nội bộ, mộ dụng làm công, quan làm công, quan vị sẽ khởi biến hóa, thương thực biểu xí nghiệp, lại có nguyên tài liệu ý tứ, thực tế điều đến vật tư cục quản lý rất nhiều xí nghiệp ,vì Mùi cùng chủ vị tương hại, nên là phó chức. Nội thực thần cách hỉ hành tài vận, Bính Ngọ vận tốt lắm, phát đại tài!

Càn:
Đinh Giáp Mậu Giáp
Dậu Thìn Thìn Dần

Tẩu Kỷ Hợi vận chi Hợi vận, Kỷ là thể dừng lại, kiếp tài hợp tài, không nhắc tới phá tài, biểu hợp tác lấy tài!

Càn:
Bính Tân Kỷ Tân
Ngọ Sửu Mão Mùi
Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ
Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu

Thiên Tân phó thị trưởng :Mệnh này hỏa cùng táo thổ thế, muốn dồn kim thủy, là sát khố chế khử thực thần khố, chủ quyền. Nơi này Sửu Mùi xung, cho nên lợi hại, kết đảng, chế hảo.(Hắc sư phụ phán quyết: vừa trời cao, với lại nhập Địa, là trước nhập Địa, sau trời cao. Nhập Địa: chỉ ngồi tù.) nguyên cục là chính cục. Hành tới Giáp Thìn vận, bị quốc dân đảng bắt ngồi tù mười năm, Thìn là Sửu đảng, tối hỏa, khiến chế thực thần cục không được, phản cục, cho nên ngồi tù. Vì sao mệnh này Giáp vận an vị tù, mà tạo trên chỉ là Thìn vận ngồi tù? Nguyên nhân tạo trên Bính Thìn vận, Bính mặc dù hợp Tân, nhưng Bính hư. Giáp Thìn Giáp hợp thân nhưng

Giáp ngồi Thìn, là thực rồi, tính vượng, Thìn với lại là tù ngục, nên Giáp vận an vị tù rồi. Nếu là Giáp Tý vận nói, cũng không sợ, ngược lại tốt lắm, nguyên nhân Mùi hại chế Tý. Kháng chiến thắng lợi sau ra ngục. Mậu Thân vận cũng có chút phản. Mệnh cục Sửu bị chế bốn lần, thăng tứ cấp!

Càn:
Kỷ Quý Đinh Đinh
Mùi Dậu Tỵ Mùi
Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính
Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn Mão Dần

Tổng thống Viên Thế Khải, hỏa cùng táo thổ thành khí thế, tức tỷ kiếp cùng thực thần thành thế, ý tại chế sát cùng sát nguyên thần. Thực thần tại năm chế sát, kiếp tài tại nhật chế tài, sát cùng sát nguyên thần bị chế, cho nên là đại quan. Hành Thìn vận tối hỏa sinh kim, phản cục, chế không được, bị giáng chức. Đinh Mão vận thăng tổng thống. (chú: Mậu vận , Mậu Quý hợp chế Quý, Kỷ Quý không phải xung, là khắc, Mậu Quý hợp cũng là khắc, Thìn vận thì, tối Tỵ hỏa, sinh hợp Dậu kim, phá hủy tố công, tại Thanh Đảo nhàn cư năm năm, không có quan khả tố, tương đương với giam lỏng rồi. Đinh Mão vận, Đinh đến là nhật chủ đến, lộc đến, Mão Dậu xung chế Dậu, với lại bắt đi. Bính Thìn năm tử, là lưu niên phản cục rồi, mà rất hung, Mậu Thìn vận mặc dù phản cục, nhưng thể chưa phá, Bính Thìn năm đã có thể không giống với rồi, nguyên cục cần Tỵ, nhưng Bính Thìn lưu niên hư thấu Thiên Can, dụng chữ là không thể hư , Bính hỏa nhất hư, Thìn tối Tỵ hỏa ngã rồi, biến thành kim rồi, thực tế là nội bộ nổi lên mâu thuẫn, kẻ dưới tay toàn bộ tạo phản.

Càn:
Canh Ất Canh Nhâm
Ngọ Dậu Tý Ngọ
Bính Đinh Mậu Kỷ Canh
Tuất Hợi Tý Sửu Dần

Đại tham quan Hòa Thân, kim thủy có thế chế hỏa, thương quan thực thần chế quan, cho nên là đại quan. Hành Hợi Tý Sửu phương bắc thủy Địa, thăng đại học sĩ, quân cơ đại thần. Hành tới Canh Dần vận, quan tinh được trường sinh, và nhật chủ lâm tuyệt địa, quan chế không được rồi, là phản cục. Bị cách chức điều tra.
Trên năm Ngọ chế bất tịnh, quan sát chế bất tịnh đương tài xem tài đặc biệt nhiều. Trên giờ Ngọ chế tịnh rồi, làm quan xem. Ất Canh hợp biểu

người keo kiệt. Cuối cùng chính là hủy ở trên năm Ngọ hỏa trên. Kim thủy thương quan hỉ gặp quan. Nguyên cục thấy, cát. Trên giờ Nhâm thủy thực thần hư thấu tố công (hợp chế Ngọ hỏa), biểu tài hoa xuất chúng, tài ăn nói hảo, văn chương xuất chúng. Vận đi Hợi Tý Sửu, ba mươi năm vận may. Canh Dần vận, mới vừa đi mấy năm đã được ban thưởng tử. Nguyên nhân Canh tọa Dần là tuyệt địa, Dần cả đời hỏa, phản rồi, Ngọ ngược lại đem kim phá hủy. Canh vận sẽ chết rồi.

Càn:
Mậu Kỷ Quý Kỷ
Thân Mùi Tỵ Mùi
Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất
Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu

Mệnh này Nhâm Tuất vận Tuất vận đại phát, đến Quý Hợi vận nhất định phản cục, nguyên cục hợp chế Thân, Hợi xung hợp, phản rồi. Vì sao đến Quý vận kém rồi, nguyên nhân Quý thông vào Hợi.

Đây là Thượng Hải nhất đại phú ông, cổ phiếu nhà cái, trước kia giảng quá. Tuất vận năm năm đại phát tài, nguyên nhân khai khố rồi. Quý Hợi vận phản cục. Tỵ Hợi xung, phá hủy công thần. Hợi không có nghĩa là Thân, nguyên nhân tương hại, là hai nhà. Quý vận nhân tiện ngã rồi, tài sản tịch thu, cũng ngồi tù. Quyết: thất sát kẹp khắc chủ tù ngục. Quý vận là nhật chủ xuất hiện rồi, Ất Dậu năm Ất đến biểu Mùi, Kỷ Mùi là thất sát, biểu nguyên cục thất sát kẹp khắc nhật chủ ứng kỳ rồi, nên ngồi tù.

Xem lưu niên ứng kỳ trình tự: lấy Ất Dậu năm là ví dụ, Ất đến biểu mộc đến, như nguyên cục có Ất, Mão, Thìn, Mùi, ứng chữ nào đây? Nơi này có trình tự: tức trước đại biểu Địa Chi, tái đại biểu Thiên Can, Địa Chi t đại biểu Mão (bản khí), tái đại biểu Mùi (mộ khí), cuối cùng đại biểu Thìn (dư khí).

Càn:
Kỷ Đinh Tân Đinh
Mùi Mão Mão Dậu

Mệnh này cũng là thất sát kẹp khắc nhật chủ, là tù ngục mệnh. Mà nguyên nhân tội đại, đã bị xử bắn.

Tam, xung hợp phản cục

1, nguyên cục xung hợp phản cục

Không phải nhật nguyên nhật chi vấn đề, là trụ ngày và trụ giờ, năm tháng lưỡng đảng trái ngược rồi, năm tháng lưỡng trụ cùng trụ ngày và trụ giờ biểu đạt ý tứ trái ngược rồi. Phàm năm tháng hợp và trụ ngày và trụ giờ xung hoặc năm tháng xung và trụ ngày và trụ giờ hợp, đều phải tỉ mỉ nhận thức khác là xung hợp phản cục hay không. (xung hợp phản cục ít hơn thấy.)(chú: can hợp cùng chi xung bất tính phản cục. Phải là Địa Chi có xung hợp mới là phản cục.)

Càn:
Kỷ Nhâm Kỷ Ất
Tỵ Thân Mùi Sửu

Lưỡng đảng giằng co, đảng cùng đảng phản rồi, hỏa thổ nhất đảng cùng kim thủy đối kháng lưỡng đảng lực lượng tương đương, cho nên phản rồi, Nhâm Thân, Ất Sửu làm một đảng, trước hợp sau xung, hạ lão sư phán quyết: cả đời ngồi tù. Bởi vì là tỷ kiên cùng thất sát đối kháng. Nếu như Sửu Mùi vị trí đổi lại, thì không phải phản cục rồi, bởi vì hình thành trong ngoài hai đảng. Sửu ngồi Ất, là quan quản tài. Tỵ Thân hợp, ngồi Kỷ là chính mình, Thân cùng Sửu chứng tỏ một nhà. Công an ý tứ.
Thân Sửu tổ hợp biểu tù ngục, là vừa phạm tội, vừa ngồi tù.
Nhàn Chú: Sửu trong ngậm tài, trên đầu đỉnh quan, thuyết minh là nhà nước tài, Mùi xung Sửu, là dụng tỷ kiếp lấy tài trong Sửu; nhưng Tỵ Thân nhất hợp nhân tiện đem Kỷ bắt được, nguyên nhân Kỷ Tỵ vậy biểu đạt là chính mình. Thân kim là thương quan, công an chi tượng. Nếu hỏa táo thổ cùng kim thấp thổ, mới có thể đem một phương khác chế rớt cũng tốt! Cả đời ngồi tù, Quý Mùi năm quy án.

Càn:
Mậu Đinh Mậu Mậu
Thân Tỵ Tý Ngọ

Bát tự này mới nhìn đại phú, nguyên nhân hỏa thổ có thế, khử tài Tý cùng tài nguyên thần Thân, có công. Nhưng tồn tại phản cục, trụ ngày và trụ giờ là Tý Ngọ xung, năm tháng là Tỵ Thân hợp, như vậy hỏa thổ cùng kim thủy một bên xung, một bên hợp, chính là chủ khách phương thức tố công phản ý tứ. Tài tinh phản cục Tài đại hung, vì vậy người vô cùng

nghèo, một năm thu nhập bất vượt qua năm nghìn, nuôi sống tam bốn khẩu.

Ví dụ:
Càn:
Ất Quý Kỷ Nhâm
Tỵ Mùi Sửu Thân

Không có phản, ức vạn phú hào. Chủ vị nhất đảng, khách vị nhất đảng, muốn dồn khách. Năm nay 2006 Bính Tuất bất hảo, phạm tam hình rồi. Nhẹ là kiện tụng.

Khôn:
Đinh Quý Bính Tân
Mùi Sửu Thân Mão

Nguyên cục có lưỡng đảng, kim thủy đảng cùng mộc hỏa đảng. Năm tháng tương xung, trụ ngày và trụ giờ tương hợp. Nhưng mệnh này bất là phản cục. Chúng ta có thể tòng người góc độ xem, kim thủy ở bên trong, mộc hỏa bên ngoài. Dụng bên trong chế bên ngoài , cho nên là biểu đạt ý tứ rõ ràng, bất là phản cục, (Hai lần hôn nhân, Quý là ngắn ngủi chồng, Thân (trong ngậm Nhâm thủy) phu tinh được chính vị rồi, là người thứ hai chồng, mà Thân Mão hợp làm công, chứng tỏ lần thứ hai hôn nhân hảo mà lâu dài.)

2, vận niên xung hợp phản cục

Xung hợp phản cục đại vận lưu niên phản cục. Nguyên cục có xác định rõ chế , sợ đại vận, lưu niên hợp. Như không có xác định rõ chế, thì không sợ.
Ví dụ:
Càn:
Canh Kỷ Bính Ất Canh Tân Nhâm Quý
Thân Sửu Thân Mùi Dần Mão Thìn Tỵ

Mệnh này kim thủy có khí, lưỡng Thân vào Sửu mộ cùng Mùi xung là khử ấn khố, nguyên cục biểu đạt ý tứ này, nhưng đại vận đi một Tân Mão vận, Mão Thân hợp là hợp Thân kim, cùng nguyên cục Thân kim nhập Sửu mộ xung Mùi trái ngược rồi, là xung hợp phản cục. Bởi vì Canh kim là cha, Mão Thân hợp Mão mộc là phụ thân chi tài, nên Mão vận chủ phụ thân

phá tài. Mão thị tòng trong Mùi đi ra (Mùi trong giấu Ất mộc), vốn xung bây giờ hợp, phản cục. Như là Dần vận thì bất là phản cục, mệnh này phụ thân có gia sản. (Thiên Can hợp Địa Chi xung là có thể , bất là phản cục, chỉ sợ Địa Chi với lại xung với lại hợp, như ví dụ nguyên cục trong Thiên Can Ất Canh hợp, Địa Chi Sửu Mùi xung bất là phản cục, chỉ là Mão vận tài phản cục.)

Khôn:
Quý Ất Tân Kỷ
Mão Sửu Mùi Sửu
Bính Đinh Mậu Kỷ Canh
Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ

Mệnh này nguyên cục là chế tài khố, Sửu Mùi xung cát. Vì vậy mệnh phát đại tài. Là bán xe hơi . Nhưng đến Kỷ Tỵ đại vận Giáp Thân năm, tuổi vận thiên địa hợp, phản cục rồi. Vốn Kỷ Tỵ vận không kém, nhưng gặp Giáp Thân lưu niên nhân tiện phản rồi, Tỵ là Mùi thổ đảng, Thân là Sửu thổ đảng, lưỡng đảng nguyên cục tương xung là cát, lúc này gặp thiên địa hợp, là phản cục, hung. Này một năm nghiêm trọng tai nạn xe, thành tàn phế (người thực vật). (chú: Thân là Sửu trong đi ra , Tân Sửu Thân liên thể nên Thân là thân thể, Giáp Thân nhất trụ, Giáp là đầu, Thân là cột sống. Đại vận lưu niên hợp trói, thân thể không thể động rồi, đại não cũng không có thể suy xét rồi, nên là người thực vật .)

Càn:
Quý Bính Mậu Bính
Mão Thìn Tý Thìn
Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh
Mão Dần Sửu Tý Hợi Tuất

Hồ Bắc chủ tịch công ty dược.
Mệnh này tố công là quan mang tài, quan tinh bị hại, nhưng chủ vị Tý thủy tài tinh không làm công (lưỡng Thìn kẹp Tý không làm công, chính mình không có tiền.), cho nên là quản lý xí nghiệp nhà nước quan, không phải của mình xí nghiệp, là quốc xí xí nghiệp. Nhưng là hành Nhâm Tý vận Tý vận Giáp Thân năm, Thân nguyệt bị thẩm tra. Bãi quan ba tháng, sau đó chứng minh không chuyện gì, là bị hãm hại. Bỏ quan bãi chức (sửa lại án xử sai, chính hắn từ chức bất phạm, sau mở công ty riêng). Tại sao? Nguyên nhân nguyên cục là hại chế Mão, Giáp Thân năm, Thân mang quan sát, Thân vào Thìn chi đảng với lại cùng Mão ám hợp, cho nên là

phản cục. Nguyên cục là dựa vào Mão Thìn hại tố công, Thìn nói nhân tiện phá hủy, Thìn hại chế không được Mão, phản cũng bị Mão hại phá, nơi này hai Thìn hại Mão, là có thể đem Mão hại chế. Thìn là cơ khí, củng thủy, Thìn tựu thành bùn, biểu tòng hỗn trọc ra trong. Thực tế là hóa chất, chế dược xí nghiệp. Thìn cũng có dược tượng.

(chú: trên năm quan tinh bị chế là xí nghiệp nhà nước quan; nhật chủ hợp trên năm quan chứng tỏ tại quốc xí công tác, quan chứng tỏ quốc gia đơn vị, khổng lồ đơn vị, không nhắc tới quan chức.)

Với lại nhất tương tự xí nghiệp gia ví dụ:
Càn:
Quý Bính Mậu Giáp
Mão Thìn Thân Tý

Nội thực thần cách, là tố xí nghiệp . Tọa Thân cùng Mão hợp (cái này hợp là chủ vị tố công, là tốt), là thị trấn nhỏ xí nghiệp tập đoàn , có của mình cổ phần. Không thích Giáp mộc thấu can khắc thân (muốn dồn nó với lại chế không được). Quý Mùi năm bị kiểm tra kỷ luật (cách chức ba tháng), sau cũng không sự tình . Là chính trị đấu tranh , người chịu tội thay. Nguyên nhân quan tinh cao thấu khắc thân, nên không thể làm quan, làm quan sẽ có tai.

Càn:
Canh Mậu Đinh Canh
Thân Dần Mùi Tý
Kỷ Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất
Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu

Nguyệt nhật nhất đảng, năm thì nhất đảng, là trong ngoài lưỡng đảng, nhất trí đối ngoại, chi thực thần hại sát là công, Dần Thân xung vậy là công, dựa vào xung hại tố công. Chế quan sát, rất lợi hại. Là một kháng nhật anh hùng. Thìn vận lợi hại. Hội thủy cục hại được lợi hại hơn rồi, đối kháng lợi hại hơn cho nên càng lớn hơn nữa công. Mùi nơi này không thể nhập Thìn mộ . Tân Tỵ vận chi Tỵ vận kém rồi, phản cục, Tỵ là hỏa đảng, hợp Thân phá hủy, bất hại. Cho nên vận cũng bị hãm hại. Quý Mùi vận vốn có thể hại mà nói cát, nhưng Quý thủy hư rồi, không cách nào hại, tượng bất hảo rồi.
Càn:
Mậu Giáp Đinh Giáp

Tuất Dần Mão Thìn

Đại vận:
Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm
Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Đây là Chu Ân Lai tạo. Mão hại Thìn là công, sợ nhất Hợi, nguyên nhân Hợi tòng Thìn ra, hợp Dần Mão, ra phản đồ rồi. Nhưng may mắn không gặp Hợi vận. Nhưng Hợi năm vậy hung. Như: Ất Hợi năm 1935 trường chinh, gan sưng tấy làm mủ bệnh nặng, đồng thời quyền lực bị người khác thay thế (bị lão Mao đoạt quyền chỉ huy). Ất Hợi năm, Ất là gan, gan trong có thủy rồi. Nếu như không phải phản cục, Ất Hợi năm ngược lại tốt lắm, nguyên nhân thủy sinh mộc rồi.
Đinh Tỵ vận Đinh vận Canh Thân năm, thủy đảng cùng hỏa đảng hợp, phản cục, ngồi tù sáu tháng. Đinh Tỵ vận bất phản cục, nhưng Canh Thân năm phản rồi, bởi vì Tỵ Thân hợp, Thân Thìn củng hợp ý tứ rất yếu, không phải chủ yếu nguyên nhân. Kỷ Mùi vận Duyên An chấn chỉnh tác phong, bị suy yếu quyền lực. Nhâm Tuất vận Ất Mão năm tử, nguyên nhân hại con cái cung là bàng quang, trực tràng bộ phận có chuyện. Chu tổng lý tánh mạng chủ yếu là xem âm dương tổ hợp, âm toàn bộ chế tịnh nhân tiện phá hủy thăng bằng, cho nên Thìn chế tịnh thì tánh mạng có nguy hiểm.

Càn:
Quý Giáp Kỷ Mậu
Mão Dần Mão Thìn

Giáp Kỷ hợp, hại ý tứ là mang vào rồi, có thể hại tố công, vừa có thể không làm công, bất minh xác thực bất chuyên tâm, không sợ phản. Trên thực tế phản vận vậy không có việc gì. Bởi vì công nhiều lắm, mỗi năm năm nhân tiện thay đổi một loại nghề.

Càn:
Mậu Giáp Kỷ Tân
Thân Dần Mùi Mùi
Kỷ Mùi hỉ hình phạt xung, nhưng Dần là Mùi trong sinh ra tới, xung. Cho nên hôn nhân không có việc gì. Tân Hợi vận chồng phát tài rồi, Hợi Dần hợp.
Càn:
Đinh Quý Kỷ Ất

Dậu Sửu Sửu Sửu

Đinh Quý xung, huynh đệ ba người đều là công - kiểm - pháp quan, chính mình là trung cấp nhân dân tòa án viện trưởng.
Nhàn Chú: Đinh = Mùi; Quý = Sửu; Đinh Quý nhất xung = Sửu Mùi xung

Chương II Ứng kỳ

Nhất, đại hạn ứng kỳ

Năm tháng là sớm, trụ ngày và trụ giờ là muộn, có đại hạn ứng kỳ, đại vận xuất hiện hôn nhân chi ứng kỳ.

Trụ năm: 1——18 tuổi, trụ tháng: 18——35 tuổi, nhật trụ: 35——55 tuổi, trụ giờ: sau 55 tuổi.

Đại hạn ứng hung, như đại hạn khắc cha, đại vận ứng cát, vận này bất khắc, quá vận thì hung.

Đại hạn ứng cát, đại vận ứng hung, vận này bất cát, quá vận thì cát.

Đại hạn ứng hung, như có vận may, đại vận có cát, chưa tới cát vận vậy ứng hung.

Giao thoát quyết: bát tự vận hạn ứng cát, nhưng gặp hung đại vận thì quá vận ứng cát, bất xem ứng kỳ.

Bát tự vận hạn ứng hung, nhưng gặp cát đại vận thì quá vận ứng hung, bất xem ứng kỳ.

Bát tự vận hạn ứng hung, nhưng sau gặp cát đại vận thì chưa tới cát vận nhất định thấy hung.
Khôn:
Ất Giáp Đinh Tân Ất Bính Đinh
Mão Thân Hợi Hợi Dậu Tuất Hợi

Bính Tuất vận không thể kết hôn, nguyên nhân thương quan khử quan rồi, Tuất vận qua, năm thứ nhất nhân tiện kết hôn. Chưa kịp Đinh vận Giáp Thân năm. (Tuất vận khắc không được phu, qua Tuất vận, Đinh vận năm thứ nhất Giáp Thân năm khắc phu, đại vận tạp rồi. Bất xem lưu niên.

Đến cùng là khắc hay kết hôn?)

Nhàn Chú: tòng ở trên văn tự ghi chép cùng bát tự xem: đại hạn xem sớm đáng kết hôn , nguyệt quan tinh rất vượng, nhưng nguyên nhân Tuất là thương quan vận, kết không được! Đinh vận Giáp Thân năm kết hôn rồi!

Càn:
Ất Canh Tân Nhâm
Tỵ Thìn Mão Thìn

Đại vận: Kỷ Mão Mậu Dần Đinh Sửu
1 tuổi 11 tuổi 21 tuổi
Mới vào: 1965 1975 1985

Phán quyết thiếu niên khắc cha, đại hạn quản , trước 18 tuổi, nguyên cục Mão hại bất tử. Cho nên Mão vận không chết được. Tẩu Dần vận hại Tỵ. Ứng kỳ đến. Bất khắc vợ, vợ thân thể bất hảo.

Nhàn Chú: trên năm Ất mộc thiên tài là cha, hợp nhập Nguyệt Lệnh càng biểu cha, Ất = Mão, nguyên cục trong lưỡng Thìn kẹp hại, hại bất tử, cho nên tẩu Mão vận cha bất tử! Ất tại trên năm dựa vào lý ứng thiếu niên khắc cha , nhưng đại vận bất khắc, cho nên, thiếu niên bất tử cha! Như đổi lại Nhâm giờ Thân thì Mão vận nhân tiện khắc đã chết! Trên năm Ất Tỵ là mang tượng, Tỵ dẫn theo Ất tượng, đi tới Dần vận, Dần hại Tỵ, cha vong! (mệnh này phía sau có ghi chép cha chết ở Đinh Sửu vận Giáp Tuất năm, ứng chính là nhược thần Giáp xung vượng thần Canh là xung khởi? Không biết cái kia như thế nào? !) .

Khôn:
Tân Ất Tân Canh Bính Đinh Mậu Kỷ
Sửu Mùi Dậu Tý Thân Dậu Tuất Hợi

Khắc cha, 18-35 tuổi, Bính Thìn năm tử cha, trước mắt xem Dậu lộc. Tý thực thương. Mẹ sinh hạ nàng 1 tuổi đã chết, bởi vì năm mộ rồi. Thiên tài tọa mộ. Nam chính là xã hội đen, nữ bán giả khói, phụ nữ lấy đen tài. Tân Dậu nhật chủ phối Sửu thổ lấy đen tài, xã hội đen.
Nhàn Chú: Ất mộc tại Nguyệt Lệnh, là cha rồi! Cha tọa mộ, thiếu niên khắc cha, với lại Ất Canh hợp, Tý hại Mùi, cũng là sớm tử chi tượng. Mậu vận năm thứ nhất Bính Thìn năm tang cha! Mẹ là thực thần vậy là lộc, Tân Dậu nhất trụ nhập Sửu mộ, Tân là mẹ, mẹ tử sớm hơn! Nhất tuổi tang mẹ.

Tân Dậu nhất trụ thấy Sửu nhân tiện vào mộ, Sửu là âm u Địa phương, lộc với lại là tài, cho nên, loại này kết cấu là lấy đen tài ! Nam thì Dịch là xã hội đen. Ất Mùi là mùi thuốc lá tượng, làm giả khói . Nói chung, bát tự giảng quý tiện, đại vận giảng cát hung, lưu niên xem ứng kỳ. Lưu niên ứng kỳ cái nhìn phân dưới đây vài loại:

Hai, lộc cùng nguyên thân ứng kỳ

Trong bát tự chữ tại lưu niên (đại vận) xuất hiện hoặc thấy lộc thần cùng nguyên thân, thì năm này (vận) yếu phát sinh chuyện tình, lưu niên (đại vận) chữ sinh ra tác dụng, nhân tiện giống như nguyên cục chữ phát sinh tác dụng giống nhau. (chú: thấy lộc đại biểu nguyên thân, thấy nguyên thần đại biểu lộc, có ưu tiên tính chất)

Khôn:
Mậu Nhâm Giáp Bính
Thân Tuất Tý Dần

Mệnh này lấy Tý vi phu cung, Thân vi phu tinh, Thân Tý hợp cục, là phu đến phu cung ý. Kết hôn thời gian ứng tại Nhâm Thân năm, năm này là phu tinh Thân xuất hiện, củng nhập phu cung ứng kỳ. Mùi vận thì, Mùi hại Tý, Thân sinh Tý, phu cung bị hại, chồng nhân tiện không cách nào sinh. Hôn nhân xuất hiện vấn đề, ứng kỳ tại Bính Tý năm, Tý năm thì phu cung Tý thủy tại lưu niên xuất hiện thấy hại.

Khôn:
Canh Tân Tân Quý
Dần Tỵ Dậu Tỵ

Mệnh này lộc thần bị lưỡng Tỵ hỏa khắc phá, thực thần Quý thủy tại cục trong rất trọng yếu, hành Bính Tý vận chi Tý vận, tương đương với Quý rơi vào Địa Chi, lúc đầu Quý được Thiên Can Canh Tân sinh, đến Địa Chi sẽ không được sinh (Dậu kim tự thân bị khắc, không cách nào sinh Tý thủy), bị Tỵ tuyệt, Dần tiết, đến Nhâm Ngọ năm, nhất xung Tý thủy, thực thần bị phá, mệnh chủ bị kẻ bắt cóc sát hại.

Khôn:
Tân Ất Quý Mậu
Hợi Mùi Hợi Ngọ

Hành Kỷ Hợi vận, Kỷ là Ngọ chi nguyên thân, Kỷ trong Ngọ hợp phu cung Giáp trong Hợi, đương phu xem, bây giờ trong đại vận hư thấu, liền bất lợi hôn nhân, phu hữu danh vô thực rồi, phu không quan tâm đến gia đình, ầm ĩ ly hôn.

Càn:
Đinh Giáp Mậu Giáp
Dậu Thìn Thìn Dần

Đại vận: Quý Mão, Nhâm Dần, Tân Sửu, Canh Tý, Kỷ Hợi

Mệnh này Mậu thổ trường sinh tại Dần, sát đương tài xem. Bởi vì không có ấn, có ấn đương quyền xem. (. Nười này là ở Singapore, hành Tý vận dẫn ra thủy trong Thìn sinh trợ giúp Dần mộc, phát tài, Đinh Sửu năm phát lớn nhất, một năm phát 1000 vạn, là do Sửu hợp hợp động Tý thủy, (nếu là thiên địa hợp, thì là hợp trói), năm này khủng hoảng tài chính, hắn đem USD đổi thành tiền Malaysia , mua nhiều đất đai, khủng hoảng tài chính qua đi, phát tài; đến Kỷ vận hợp trói Giáp mộc bất lợi, kiếp hợp tài, phá tài chi tượng, hợp hai Giáp, giảm bớt một nửa. Vận này phá một nửa gia sản. Vận này nhất hung chi năm là Giáp Thân năm, năm này Giáp hư thấu, chẳng khác Dần mộc hư rồi, bị Kỷ hợp trói, là chỉ người khác đoạt hắn tài, và Dần Thân xung phá Mộc Chi căn, đem bát tự sở dụng toàn bộ phá hủy. Nguyên nhân đầu tư sai lầm, tổn hại tài nghiêm trọng, vẫn bồi thường đến Bính Tuất năm, tổn thất 700 vạn. Hợi vận bàn về cát, phỏng chừng đến thì khẳng định phát tài, nguyên nhân Hợi vận Kỷ thổ bất vận động rồi, là thể rồi, chứng tỏ cùng người hợp tác rồi, không có nghĩa là phá tài. Thìn Dậu hợp không làm công, chứng tỏ hôn nhân phá hủy, phu thê cung song hiện, hợp thương quan, hợp nhất hạ nhiều một lần, nên có 4 lần hôn nhân, đồng thời, thổ nhật chính cùng chi đồng, tổn hại tài thương vợ. Dậu là sản nghiệp tổ tiên (thương đương tài, mang ấn), hợp tỷ kiên, chứng tỏ huynh đem sản nghiệp tổ tiên hơn phân nửa toàn bộ cầm đi, chính mình chỉ lấy ít nhất bộ phận. Loại này tổ hợp bất thiện vào kinh doanh xí nghiệp, không có đảng, quản không được người. Môn hộ tố công, thông thường là làm mậu dịch. Vừa có thể là giao dịch. (chú: Mậu nhật chủ kiến Giáp Dần thì tổ hợp bàn về cát, nguyên nhân Mậu trường sinh tại Dần, cho nên lúc này Giáp bất khắc Mậu, khác tổ hợp thì không phải, như Mậu nhật chủ kiến Ất giờ Mão, bàn về hung. Mậu nhật chủ phối Giáp Dần thì, chỉ cần hành thủy vận trợ giúp khởi Dần mộc nhân tiện phát tài, trái lại, nếu phá hủy Dần mộc thì phá tài.)

Càn:
Ất Ất Mậu Giáp Giáp Quý Nhâm Tân Canh
Tỵ Dậu Tý Dần Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn

Là một ức vạn phú ông, có hai người triệu tư sản, tài thống quan rồi. Tẩu Ngọ vận phát. Tân Tỵ vận Tân vận còn có thể, nhưng Tỵ vận hại Dần, khẳng định bất hảo. Ngọ vận xung Tý, hợp Dần, tố công lớn rồi. Dần sinh Ngọ, giao dịch, với lại xung Tý, phát tài, tòng tố công trên giải thích. Tố cổ phiếu lập nghiệp , một gia đình giàu có, theo trang kiếm tiền. Dậu nguyên thần bị chế vậy không được chế, Ngọ vận là tỷ kiếp cùng quan đánh tới lấy tài. (chú: tư liệu trên không có)

Nhàn Chú: Ngọ vận cho mượn khử 4000 vạn, hỏi có thể trở về bất? Ngọ tăng mạnh Kỷ lực lượng chế Dậu, Tý, với lại Ngọ là Dần trong vật. Dụng Ngọ (Kỷ thổ) tỷ kiếp tố công, giao dịch cổ phiếu!
Càn:
Ất Kỷ Giáp Canh Mậu Đinh Bính Ất Giáp
Tỵ Mão Tuất Ngọ Dần Sửu Tý Hợi Tuất

Mệnh này nguyên cục thành hỏa cùng táo thổ thế, trên giờ Canh kim là tối kỵ, nguyên cục không có chế. Hành Tý vận, hỏa thổ có công, phát tài mấy ngàn vạn. Ất Hợi vận Ất Canh hợp, là tỷ kiếp hợp quan đoạt tài ý, tất có người dục vọng xâm chiếm tài sản. Quả nhiên Giáp Thân năm, Ất Dậu năm khởi tài sản kiện tụng. Thân năm Canh kim đến, Ất năm Ất Canh hợp đến, là là ứng kỳ. (chú: nhập mộ là năng lượng tập trung cùng thăng hoa, nhưng Giáp Tuất nhật chủ khẳng định khống chế không được Tuất thổ. May mắn Mão Tuất hợp, Giáp Kỷ hợp, rất rõ ràng là cùng người hợp tác, kinh doanh phòng bất động sản. Canh không có chế là tối kỵ thần, yếu khắc nhật chủ. Ất Canh xa hợp, Canh nhân tiện động rồi, động sẽ khắc Giáp, hình thành Ất Canh liên hợp khắc nhật chủ chi tượng, này hợp là xấu rồi. Trên thực tế người hùn vốn cùng nhà nước liên thủ đối phó hắn, nguyên nhân hắn hẹp hòi, Giáp Kỷ hợp tài mà. Canh Tý vận, xung Ngọ, Ngọ hỏa tố công rồi, đại phát. Ất Hợi vận, Ất mộc nhất thấu, sẽ không tốt lắm. Ba kiện tụng ứng kỳ: Canh Thìn năm, Ất Canh hợp, là năm nguyên nhân gây ra, Giáp Thân năm, chính mình tọa Canh đến, tố tụng, Ất Dậu năm, Canh lâm đế vượng, xung hợp, hai năm kiện tụng. Bính Tuất năm khắc Canh Thân kim, ứng có thể thắng tố. Vợ nhiều, Tỵ Ngọ Tuất Kỷ đều là. Đại vợ năm (Ất Dậu năm) đã chết, Tuất là đại vợ, nguyên nhân tọa thê cung được chính vị rồi, Tỵ không phải đại vợ, điểm này phải chú ý. Dậu Tuất hại, bệnh tim tái phát mà chết. Bản thân thì cao huyết áp, Giáp là

đầu, hỏa vượng yếu tới trên đầu tẩu, nên là cao huyết áp.

Tam, độn giấu thấu can ứng kỳ

Bát tự Địa Chi trong có Can độn giấu, tại đại vận hoặc lưu niên Thiên Can xuất hiện cũng là Địa Chi chữ này ứng kỳ, cho thấy cái chữ này đại biểu tin tức phát sinh biến hóa. Như nguyên cục có Tuất, lưu niên hoặc đại vận xuất hiện Đinh, Đinh có thể đại biểu Tuất tin tức, Đinh tác dụng nhân tiện tương đương với Tuất tác dụng.

Dần: Bính, Giáp. (Mậu cũng được)

Thìn: Ất, Quý.

Ất: Mão, Mùi, Thìn. (nơi này có một ưu tiên thứ tự, như Ất đến, trước ứng Mão, tái Mùi, sẽ tìm nữa Thìn)

Càn:
Đinh Canh Kỷ Canh
Hợi Tuất Tỵ Ngọ
Đây là Tưởng Giới Thạch mệnh tạo, cục trong hỏa cùng táo thổ thành thế chế Hợi thủy, Hợi trong ngậm Giáp mộc quan tinh, chế quan cùng quan nguyên thần, cho nên là đại quý mệnh. Hành Giáp Thìn vận chi Giáp vận, Giáp mộc trong Hợi vượng thấu, không cách nào được chế, với lại hợp đến nhật chủ, chứng tỏ không chỉ có chế không được đối thủ, bị đối thủ chế rồi, nên quân đội bại đến Đài Loan. Giáp Thìn, Giáp đến là Hợi đến, Giáp là quan là địch nhân, muốn dồn không thích thấu can hợp thân, nhất hợp nhân tiện phá hủy. Thìn vận, Hợi nhập Thìn. Nhưng nguyên nhân có Thìn Tuất xung, không đến mức bàn về hung. Giáp tọa Thìn vượng, như Giáp Ngọ nhân tiện bàn về cát. Giáp vận năm thứ nhất bắt đầu, trăm vạn đại quân bay yên diệt.

Càn:
Đinh Nhâm Đinh Tân
Mùi Tý Tỵ Hợi
Đại vận: Tân Hợi Canh Tuất Kỷ Dậu Mậu Thân Đinh Mùi Bính Ngọ Ất Tỵ Giáp Thìn
5 tuổi 15 tuổi 25 tuổi 35 tuổi 45 tuổi 55 tuổi 65 tuổi 75 tuổi
Mới vào: 1971 1981 1991 2001 2011 2021 2031 2041
Nhật chủ tọa vượng, có trụ năm giúp tỷ, là dụng hỏa thổ chế kim thủy ý

tứ. Nhưng hỏa thổ không có cường thế, dụng chi bất lực, sự nghiệp nhiều gập ghềnh. Hành Mậu Thân vận chi Ất Dậu năm, Ất mộc có thể đại biểu trong bát tự Mùi thổ (nguyên nhân Mùi trong ngậm Ất), Tý Mùi hại, quan sát chế bất hảo đương tài xem, nguyên nhân không có Canh, Tân với lại nhược, nên Ất không bị thương, Ất tại Thiên Can bị Nhâm thủy sinh, mà sinh nhật chủ Đinh hỏa, vì vậy năm phát tài, này tài nhất định đến từ chính Mùi thổ thực thần. Buôn bán lời chút tiền. Nguyên nhân Mùi là thực thần. Nguyên nhân Ất tọa Dậu quá yếu, được lợi vừa phải. Bính Tuất năm Mùi Tuất hình phạt, không được.

Càn:
Giáp Canh Tân Nhâm
Thìn Ngọ Hợi Thìn

Hành Giáp Tuất vận Giáp Thân lưu niên, thê cung chi tài tinh Giáp mộc hư thấu, lưu niên Thân hại thê cung, vợ hội ly cách hắn. Thực tế là Giáp Thân năm ly hôn, mà phân khử t đáng kể tài sản. Nguyên cục thương quan khử quan, nhưng đại vận bất hảo. Giáp Tuất vận Giáp Thân năm, Giáp là đại biểu Hợi đến, điển hình ly hôn tổ hợp gia tăng phá tài. Giáp ngồi tuyệt địa, vợ quản gia sản phân rồi. Giáp mộc có mạch tượng, kinh mạch nổi lên.

Nhàn Chú: kim thủy thương quan hỉ gặp quan, mệnh này chỉ thấy rồi. Giáp Tuất đại vận, Giáp đến không phải ứng Giáp mà là ứng Địa Chi Hợi, Giáp hư thấu rồi, chứng tỏ Hợi chạy trốn thoát rồi, Hợi làm vợ, cũng là của mình tiền tài! Giáp Thân năm Thân hại thê cung Hợi, ly hôn! Vợ mang đi một nửa tài sản (xác nhận chính mình có chuyện). Giáp mộc chủ kinh mạch, Giáp hư rồi, mạch sờ không tới rồi. Với lại phế thống trăm mạch, cho nên, người này có hiếu suyễn bệnh.

Khôn tạo:
Mậu Giáp Giáp Mậu
Thân Tý Tý Thìn

Thủy vượng mộc phiêu, Giáp mộc có căn là sinh mộc, Tý thủy hoàn vào Thìn mộ. Là cháng váng đầu bệnh! Trung y sẽ chữa trị mộc, chữa trị gan, không cho mộc phiêu, đầu sẽ không hôn mê. Đoạn sư đề nghị: phía đông trồng 1 cây to.

Với lại nhất bát tự, bất rất kể lại rõ chi tiết chỉ nhớ : nhật Nhâm Tý, thì là Quý Mão. . . Bát tự mãn bàn đều thủy, chỉ có một Mão mộc. Hàng năm

phát sốt cao, da tay ra điểm đỏ, tây y trị không hết! Trung y xem: là nội hàn, gan thấp hàn, cần nhiệt dược chữa trị! Biểu nhiệt thực nội hàn! Nhiệt dược: Phó Tử, Ma Hoàng

Khác trung y dược tượng có: Phó Tử, Ma Hoàng — Ngọ hỏa; xác ve — Thân; hùng hoàng (khoáng vật có sắc vàng dùng làm thuốc, có thể giải độc) — Sửu thổ; Sài Hồ, Hà Thủ Ô — âm dương lưỡng kiêm. Bán Hạ Nhục Quế - Tỵ

Càn:
Ất Kỷ Nhâm Tân
Tỵ Sửu Thìn Sửu

Mệnh này là dụng chủ vị Thìn mộ song Sửu, mộ dụng tố công, Sửu thổ với lại củng tài tinh, nên có đại tài. Quan nhiều tài ít, quan đương tài xem. Hành Bính Tuất chi Tuất vận, tài khố xung nhập, phát tài số triệu. Đến Ất Dậu chi Ất vận thì, Ất nơi này có thể đại biểu Thìn, Ất thấu bị nguyên cục trong Tân kim khắc phá, chẳng khác phá hủy Thìn, cho nên vận này đại hung, nguyên nhân kinh tế án kiện mà ngồi tù. Tịch thu tài sản. Âm nhiều dương ít, không ánh mặt trời rồi, xem tượng.Sửu là đen tài.

Khôn:
Tân Nhâm Canh Mậu
Hợi Thìn Dần Dần

Tố xí nghiệp , Bính Thân vận, Bính hỏa hư thấu, ly dị. Bính hỏa hợp đến người khác. Giáp Thân năm hoặc Tân Tỵ năm bắt đầu ầm ĩ.
Nhàn Chú: nội thực thần là tố xí nghiệp , Bính hỏa trong Dần vi phu tinh tọa chính, bị Hợi hợp, chồng hợp đi! Bính Thân vận, Bính hỏa hư thấu, Bính đến ứng Địa Chi Dần đến, chồng chạy trốn thoát rồi! Bính hợp kiếp tài Tân, biểu chồng theo nữ nhân khác! Dần Hợi hợp khả đổi lại tượng, ứng khả phán quyết Giáp Thân cùng Tân Tỵ năm, nguyên nhân Thân hại Hợi, Tỵ hại Dần. Trên thực tế Tân Tỵ năm ly hôn rồi.

Càn:
Ất Kỷ Giáp Canh Mậu Đinh Bính Ất Giáp
Tỵ Mão Tuất Ngọ Dần Sửu Tý Hợi Tuất

Mệnh này nguyên cục thành hỏa cùng táo thổ thế, trên giờ Canh kim là tối kỵ, nguyên cục không có chế. Hành Tý vận, hỏa thổ có công, phát tài mấy

ngàn vạn. Ất Hợi vận Ất Canh hợp, là tỷ kiếp hợp quan đoạt tài ý, tất có người dục vọng xâm chiếm tài sản. Quả nhiên Giáp Thân năm, Ất Dậu năm khởi tài sản kiện tụng. Thân năm Canh kim đến, Ất năm Ất Canh hợp đến, là là ứng kỳ. (chú: nhập mộ là năng lượng tập trung cùng thăng hoa, nhưng Giáp Tuất nhật chủ khẳng định khống chế không được Tuất thổ. May mắn Mão Tuất hợp, Giáp Kỷ hợp, rất rõ ràng là cùng người hợp tác, kinh doanh phòng bất động sản. Canh không có chế là tối kỵ thần, yếu khắc nhật chủ. Ất Canh xa hợp, Canh nhân tiện động rồi, động sẽ khắc Giáp, hình thành Ất Canh liên hợp khắc nhật chủ chi tượng, này hợp là xấu rồi. Trên thực tế người hùn vốn cùng nhà nước liên thủ đối phó hắn, nguyên nhân hắn hẹp hòi, Giáp Kỷ hợp tài mà. Canh Tý vận, xung Ngọ, Ngọ hỏa tố công rồi, đại phát. Ất Hợi vận, Ất mộc nhất thấu, sẽ không tốt lắm. Ba kiện tụng ứng kỳ: Canh Thìn năm, Ất Canh hợp, là năm nguyên nhân gây ra, Giáp Thân năm, chính mình tọa Canh đến, tố tụng, Ất Dậu năm, Canh lâm đế vượng, xung hợp, hai năm kiện tụng. Bính Tuất năm khắc Canh Thân kim, ứng có thể thắng tố. Vợ nhiều, Tỵ Ngọ Tuất Kỷ đều là. Đại vợ năm (Ất Dậu năm) đã chết, Tuất là đại vợ, nguyên nhân tọa thê cung được chính vị rồi, Tỵ không phải đại vợ, điểm này phải chú ý. Dậu Tuất hại, bệnh tim tái phát mà chết. Bản thân thì cao huyết áp, Giáp là đầu, hỏa vượng yếu tới trên đầu tẩu, nên là cao huyết áp.

Bốn, lưu niên , đại vận cùng bát tự tác dụng ứng kỳ

Lưu niên hoặc đại vận cùng bát tự sinh ra xung, hợp, hình phạt, hại, mộ, đều là một loại ứng kỳ, lưu niên cùng đại vận sinh ra cái này tác dụng cũng là ứng kỳ.
Thông thường đến giảng, hợp chủ đến, xung chủ động, mộ chủ nhận được, hại chủ thương. Nguyên cục có hợp, lấy xung là ứng; nguyên cục có xung, lấy hợp là ứng.

Lưu niên hợp đại vận là hợp động; lưu niên xung đại vận thì xem đương vận hay không thích đáng vận, đương vận là xung khử, không thích đáng vận là xung khởi.

Càn:
Nhâm Canh Tân Ất
Tý Tuất Sửu Mùi
Đại vận: Tân Hợi Nhâm Tý Quý Sửu Giáp Dần Ất Mão Bính Thìn Đinh Tỵ Mậu Ngọ
2 tuổi 12 tuổi 22 tuổi 32 tuổi 42 tuổi 52 tuổi 62 tuổi 72 tuổi

Mới vào: 1973 1983 1993 2003 2013 2023 2033 2043
Lưu niên: Quý Sửu Quý Hợi Quý Dậu Quý Mùi Quý Tỵ Quý Mão Quý Sửu Quý Hợi

Mệnh này có kim thủy cục, ý tại chế hỏa trong Tuất , mộc cũng bị nhật chủ sở chế. Hành Tý vận giúp Sửu chế Tuất, cát vận; Canh Thìn lưu niên, Thìn là kim thủy đảng, đến xung chế Tuất thổ, năm này tài vận tốt đẹp. (Sửu vận hảo, phát tài. Canh Thìn năm là ứng kỳ, Thìn Tuất xung, Thìn là thủy khố, kim thủy đảng, cùng năm cha xuất huyết não bệnh qua đời. Nguyên cục phạm vào tam hình, Sửu là tỷ kiên khố, là huynh đệ, Tuất là phụ thân, cha sớm tử, tại 35 tuổi trước, lưỡng hình phạt không sợ, chỉ sợ tam hình, huynh đệ ứng tại sau 35 tuổi, thực tế là nhanh đến 35 tuổi thì tử, 34 tuổi thì. Nguyên nhân Canh xuất hiện ở tại trên nguyệt, cho nên 35 tuổi trước cũng đúng, Giáp Dần vận Giáp Thân năm là ứng kỳ, Dần Thân xung, tai nạn xe. Giáp Canh đối xung chủ động, chứng tỏ năm này yếu chủ sự.

Càn:
Nhâm Mậu Giáp Tân
Dần Thân Thân Mùi
Đại vận: Kỷ Dậu Canh Tuất Tân Hợi Nhâm Tý Quý Sửu Giáp Dần Ất Mão Bính Thìn
9 tuổi 19 tuổi 29 tuổi 39 tuổi 49 tuổi 59 tuổi 69 tuổi 79 tuổi
Mới vào: 1970 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040
Chỉ vào: 1979 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049

Mệnh này là sinh mộc, nhưng thủy nhược, Giáp mộc được năm thì chi căn, Dần lộc bị Thân kim xung phá, sinh mộc sợ kim(hai căn không thể phá căn, một không sợ), nên mệnh không lâu. Hành Hợi vận, Dần bị Hợi hợp, Thân xung chi không sợ, thân thể không ngại; đến Nhâm Tý chi Tý vận, Tý Mùi hại phá căn, Tý thủy hủ bại Dần mộc, nên bị nhiễm trùng đường tiểu bất chữa trị. Giáp Thân năm không qua được. Giáp Thân năm Hợi nguyệt mắc bệnh qua đời. Ứng Giáp Thân năm , nhật chủ xuất hiện chi năm, Thân với lại xung lộc hư thân chi ứng. Hợi nguyệt , trường sinh chi nguyệt. Hạ sinh mộc cần thủy đến tưới, nên Tỵ bất hảo, nguyên nhân xung Hợi, nên vợ bất hảo, có bệnh. Quý Hợi vận vợ bệnh tử vào Dần vận, bệnh tắc ruột, bệnh tuyến tiền liệt.

Càn:
Ất Canh Tân Nhâm
Tỵ Thìn Mão Thìn
Đại vận: Kỷ Mão Mậu Dần Đinh Sửu Bính Tý Ất Hợi Giáp Tuất Quý Dậu Nhâm Thân
1 tuổi 11 tuổi 21 tuổi 31 tuổi 41 tuổi 51 tuổi 61 tuổi 71 tuổi
Mới vào: 1965 1975 1985 1995 2005 2015 2025 2035

Ất là cha, có khí và nhược, Ất Canh hợp, nguyên cục hợp thương phụ tinh. Nhất hợp nhất hại, cha nhất định sớm tử. Đinh Sửu vận, kiếp tài Canh lâm vượng Địa, đương ở đây vận tang cha. Giáp Tuất năm cha qua đời. Ứng Giáp Tuất , nguyên cục hợp, Giáp Canh xung chi ứng. Giáp Canh xung, nhược thần xung vượng thần, không phải xung và bất hợp, mà là xung và ứng hợp ý. Nguyên nhân xung động Canh, Canh vừa động, nhất định khắc thương Ất mộc (Canh Giáp đối xung, Canh mới động và khắc Ất). Với lại Mão Tuất hợp, xung Thìn, cung tinh toàn bộ phá hủy. Mão bị Thìn kẹp hại, biểu vợ nhiều bệnh, thân thể bất hảo, nếu là đan hại, thì là hôn nhân bất hảo, có chuyện. Đây là làm quan bát tự, quản tài quan. Kim thủy thương quan hỉ gặp quan, gặp quan thì có quan. Đây là chủ yếu nguyên nhân, Bính Tý vận làm quan, Đinh Sửu vận Ất Hợi năm lần đầu tiên làm quan. Là hành chính quan viên cấp tỉnh.

Nhàn Chú: mệnh này phía trước cũng có ghi chép, là căn cứ lớp học bút ký sửa sang lại, nhưng phán quyết cha là chết ở Dần vận, vì sao nơi này phán quyết chết ở Sửu vận? Có thể phía trước có lầm? !

Khôn:
Quý Giáp Quý Quý Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân
Tỵ Tý Mão Hợi Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi

Mệnh này là dụng thực thần sinh khách vị tài, tài với lại rơi vào chính mình phía dưới, là thay người khác quản lý tài ý tứ, nên là một xí nghiệp gia (như tài rơi vào phía dưới can là làm công), Tỵ tài trong ngậm quan, hợp Quý, có chức quyền, là giám đốc xí nghiệp nhà nước . Nguyên nhân thực sinh đến khách vị tài quan, nên là phó chức, không đảm đương nổi chính . Tốt nhất lúc là Mậu vận, Mậu vận là Tỵ chi nguyên thân đến can, hợp thân chủ cầm quyền, cát. Tố thực phẩm (chú: như thế nào nhìn ra là làm thực phẩm làm ăn?)(Nhàn Chú: là làm khách sạn), một năm tiêu lượng trên trăm vạn. Đến Thìn vận tiết Tỵ hại Mão, bất hảo, nhàn rỗi; Kỷ Tỵ vận Kỷ vận hợp Giáp, thương quan hợp sát là cầm quyền chi ứng,

nhưng Mậu Dần, Kỷ Mão năm nhưng lại vẫn như cũ chưa được quyền, đến Canh Thìn năm cầm quyền, hợp và ứng xung vậy. Nguyên nhân xung có động ý, này xung động và xúc hợp chi ứng. Nguyên nhân phía dưới hại , cho nên quyền lực rất ngắn ngủi, thời gian một năm. Tỵ vận thì tốt rồi, Giáp Thân năm là ứng kỳ, nhưng thiên địa hợp chủ trói rồi, ứng kỳ là Tỵ Thân hợp, là được tài ý, là bên ngoài tài tìm đến nàng, nàng được nhiều, thực tế là có người mời nàng đào tạo và được thu nhập thêm.
Nhàn Chú: nội thực thần tố xí nghiệp , Mão tiết dụng sinh Tỵ tài, là chính công thần, không thể phá! Mậu vận, ứng Tỵ là tài và Mậu vừa là quan đến hợp thân, có quan chức! Thìn vận hại Mão, có chức vụ, không có thực quyền nhàn phú, cấp bậc tại, không có quyền, không rồi! Tẩu Kỷ Tỵ vận tốt lắm, nhưng Giáp Thân năm lưu niên đại vận thiên địa hợp trói, vốn có vọng đương tổng giám đốc , nhưng theo nàng tốt lãnh đạo đã xảy ra chuyện, ngồi tù rồi! Không giúp được nàng, không trở thành.

Càn:
Quý Ất Giáp Ất
Sửu Sửu Tý Hợi

Mệnh này Tý Sửu hợp, hợp dụng Sửu tài, Quý Mùi năm, tọa ấn hư rồi, lại bị hại phá, thất nghiệp. Nhưng Mùi xung Sửu, Sửu động là vị tài động xúc hợp, có tài chi tượng, kết quả Thân nguyệt Tý thủy được sinh thì, được một vạn tệ thu nhập ngoài ý muốn .

Nhàn Chú: hợp thấy xung là ứng kỳ. Lưu niên xung tài, là tài từ bên ngoài đến!
Càn:

Tân Bính Tân Bính
Mão Thân Tỵ Thân

Mệnh này là hợp dụng quan tinh, nhưng quan tinh vô lực lại bị hắn hợp, nên mệnh bình thường bất quý. Lấy Mão mộc tài tinh sinh quan là hỉ, có thể có tiền lương. Đến Nhâm Thìn vận chi Quý Dậu lưu niên, Nhâm xung khắc Bính, Dậu xung Mão, tài cùng công tác cũng không có rồi, vì vậy năm mất việc ở nhà. Này là cục trong bản nhược, vượng thần đến xung, là xung phá, không phải động ý; nếu như là cục trong vượng, gặp lưu niên xung còn lại là động ứng kỳ. Cùng là mệnh này, tại Mậu Dần một lần nữa có công tác, nguyên nhân là Dần xung hại Tỵ là động Tỵ (hại và sinh, có động ý), Dần xung Thân là động Thân, dẫn động Tỵ Thân chi hợp, công

tác có việc làm (Tỵ hợp Thân là làm tác sự tình), còn có Tỵ chi nguyên thân thấu Mậu (chú: Mậu vậy là ấn, là công tác!) can sinh thân, càng lại chứng tỏ có công tác.

Nhàn Chú: vượng xung suy là xung khử; vượng xung vượng là xung khởi!

Càn:

Quý Đinh Đinh Bính Bính Ất Giáp Quý Nhâm
Mão Tỵ Tỵ Ngọ Thìn Mão Dần Sửu Tý

Mệnh này là tiết dụng ấn tinh và với lại quy lộc là dụng, hành Sửu vận hại Ngọ, nhất định bất thuận, ra sao bất thuận? Quan tinh đến xung, là cùng thủ trưởng bất hòa ý. Nhưng Ngọ vượng Sửu nhược, quan với lại không thể hại hắn, chỉ làm cho hắn khó chịu. Đến Quý Mùi năm xung Sửu hợp Ngọ, giải Sửu Ngọ chi hại, chiến thắng đối thủ, ứng cát. Dần vận cả đời lộc nhân tiện phát tài. Dần Tỵ hại là lên tòa án vân vân. Quý Sửu vận hại Ngọ vậy bất hảo, Quý biểu bề trên, thực tế là cùng đạo sư bất hòa, Quý Mùi năm tốt nghiệp nguyên nhân Sửu Mùi xung giải Sửu Ngọ hại, năm này hắn đánh bại đạo sư.

Càn:
Đinh Tân Ất Đinh
Mùi Hợi Tỵ Sửu

Đây là Đoàn Kiến Nghiệp bát tự. Là thực thần tiết tú cách cục, mệnh hỉ thực thần, tiết tú kiêm chế sát là công. Hỏa chủ văn hóa, Sửu chủ huyền học, Đinh Sửu chủ manh phái (Đinh là mắt, Sửu tối hỏa). Hành Thân vận chi Nhâm Ngọ năm, Sửu Ngọ chi hại tất có ứng, Đinh là thực thần có rất nhiều loại tượng, khả coi như đệ tử, vậy khả coi như học thuật thành quả, Đinh thông lộc vào Ngọ hại, nhất định sẽ phát sinh đệ tử hoặc học thuật thành quả bất thuận chuyện, Đinh chủ nam, ứng tại phía nam. Kết quả là tư liệu bị Quảng Đông ác đồ Hứa Bình Thuận bán trộm. Cục trong lưỡng Đinh, cộng hai người đồ đệ cùng việc này có liên quan và bị khai trừ, trong đó một tại năm, năm chủ phương xa, thực tế còn có một hải ngoại Lâm tuấn. Thân vận Ất Dậu năm, Tỵ Dậu Sửu hợp thành sát cục, sát chủ tiểu nhân, ác nhân, năm này nhất định ứng tiểu nhân tác phá. Tỵ hỏa thương quan vậy chủ đệ tử, Tỵ tại đông nam, nguyên cục trong là hỉ, tuy nhiên Thân vận Dậu năm thấy kim vượng thì phản bội, hóa sát lừa dối chủ. Ất tọa sát Địa, Sửu là đông bắc, Tỵ là Giang Tô (Diêm Thành), quả

nhiên, Ất Dậu nguyệt, Giang Tô Diêm Thành Đỗ mỗ, tự xưng là manh phái mệnh lý tông sư, kinh thành khai lớp, nhất thời trở thành Dịch giới trò hề. Ất Dậu năm mắt vậy bất hảo, dương khí không đủ chi nên. Năm 2007 đổi lại vận, hành Đinh Mùi vận, thì tốt rồi, Mùi vận xung khai Sửu, có thể giải khai huyền học chi mê, hội đem manh phái mệnh lý tất cả đều làm rõ . Quý Mùi năm xung môn hộ, ra xa nhà (ra nước ngoài đến Singapore, hơn nữa là nam tới , Singapore vừa vặn tại phía nam Mùi Địa).

Đinh, Sửu, Giáp, Tý, Dậu, âm dương tổ hợp, thích hợp huyền học.

Càn:
Nhâm Quý Nhâm Nhâm Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ
Dần Mão Tý Dần Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu

Mệnh này là nội thực thần tiết dụng tác công, nội thực thần chủ xí nghiệp, nên là một xí nghiệp gia. Hành Đinh Mùi vận chi Mùi vận, Địa Chi Dần Mão đều nhập Mùi khố, Mùi chứng tỏ quản lý xí nghiệp ngành. Mùi trong chi Đinh thấu can hợp thân, cho thấy "Mùi" bị nhật chủ lãnh đạo, cho nên Mùi vận tiến nhập quản lý xí nghiệp ngành —— quốc tư cục. Tuy nhiên Mùi với lại hại chủ vị Tý thủy, thuyết minh chính mình không muốn ở hoặc không có thực tế quyền lực. Bính Tuất năm, Tuất hình phạt Mùi, phán đoán hội xa rời ngành, đổi lại nghề nghiệp. Tẩu Đinh vận, Đinh là dụng, Mùi là thể. Dần Mão đều nhập Mùi khố, Mùi bị hại, phá hủy, tâm tình quá kém. Thể bị hại, chứng tỏ thân thể, tâm tình bất hảo. Đến Mùi vận, lấy Đinh là thể, Mùi là dụng, tốt lắm. Đinh cho ta sở khống chế có thể sử dụng. Đinh Mùi một nhà, nhất hại là trợ thủ. Bính Tuất năm điều động.

Nhàn Chú:
Dụng: tác dụng ý, vận động ý, cần . (theo trước kia thể dụng hàm nghĩa không giống với);
Thể: trạng thái tĩnh chi trạng thái, yên , cố định . (thể có khống chế dụng ý tứ ở bên trong)

Nội thực thần cách, hỉ thấy tài, tẩu Bính Ngọ đại vận phi thường tốt! Nhưng đi tới Đinh vận thì, Đinh là dụng, Mùi là thể; Thiên Can Đinh Nhâm hợp rồi, Địa Chi Tý Mùi xác thực hại, bởi vì Đinh cùng Mùi là một nhà, cho nên, vận này tâm tình rất kém cỏi, buồn bực! Nhưng tẩu Mùi vận thì, Mùi là dụng, Đinh là thể; Nhâm Đinh hợp là hợp tài, chứng tỏ là ta khống chế thứ. Mùi là dụng là động rồi, nhận được Mão Dần, có thể thăng quan. Đinh là thể cố định trụ rồi! Bính Tuất năm Tuất hình phạt Mùi khai khố rồi,

Mùi là thất sát, là công tác, yếu điều động rồi! Quốc Tư Ủy đi làm, Tý Mùi hại biểu phó chức, mặc dù khó chịu, nhưng tỷ Đinh vận hảo rất nhiều. (là dụng thì, chủ yếu tố công)

Càn:
Đinh Giáp Mậu Giáp
Dậu Thìn Thìn Dần
Kỷ Hợi vận, Kỷ vận bất hảo, Kỷ là dụng, Hợi vận hảo. Hợi hợp tác lấy tài rồi. Giáp Kỷ hợp tại Hợi vận trên là hợp tác. Tại Kỷ vận trên là phá tài.
Đại vận thể dụng: Thiên Can vận, Địa Chi là thể, Thiên Can là dụng.

Địa Chi vận, Thiên Can là thể, Địa Chi là dụng.

Thể là trạng thái tĩnh , dụng là tình hình .

Chương III, Can chi loại tượng

Nhất, thập can loại tượng

Giáp tượng: Lôi, đại thụ, thủ lĩnh, rừng cây, gỗ, rường cột, cột điện, cao ốc, bài vị, công môn; vào cơ thể người là đầu, đầu mặt, tóc, lông mày, cánh tay, tứ chi, gan ruột gan, kinh mạch, thần kinh; vào nhân tính là khoan nhân, quang minh, đứng thẳng, cao quý; hình là "Thẳng" .

Ất tượng: gió, lúa mạ, cây cao to (tùng, bách, dương.), hoa mộc, bấc vò cành, cây mây cành, rau dưa, hoa mầu, lục Địa, vườn hoa, công viên, núi rừng, lan can, bút lông, hàng dệt, tơ tằm, thủ tác; vào cơ thể người là cổ, cột sống, mánh khóe, cổ chân, ruột gan, tóc, kinh mạch; vào nhân tính là chất phác, thiện lương, thùy mị, nho nhã, nhân từ; hình là "Khúc" .

Bính tượng: mặt trời, hào quang, đế vương, quyền lực, ấm áp, sắc thái, biến ảo, điện ảnh và truyền hình, truyền thông, tin tức, danh khí, đóa hoa, tịnh lệ, trang sức, cửa thành, cung điện, rạp hát, văn chương, thi họa, mặt ngoài, biểu diễn, diễn thuyết, điện, đồ điện; vào cơ thể người là mắt, thần kinh, đại não, huyết áp, ruột non, vai; vào nhân tính là thương cảm, mặt trước, nhiều lời, tình cảm mãnh liệt, tâm tư; hình là "Đại" .

Đinh tượng: sao, tinh quang, linh quang, ngọn đèn dầu, văn minh, văn hóa, văn tự, tư tưởng, y đạo, huyền học, thần học, hương khói, hoa nhỏ, nội tâm, điện, điện tử, mạng lưới, văn chương, sách vở, báo chí, vinh dự,

danh vọng; vào cơ thể người là mắt, trái tim, mạch máu, thần kinh; vào nhân tính là văn nhã, đa tư, thần bí, trí tuệ; hình là "Nhỏ" .

Mậu tượng: hà, mặt đất, gò núi, cao sườn núi, đê kè, thành trì, chính phủ, kiến trúc, phòng bất động sản, kho hàng, bãi đỗ xe, chùa chiền, đồ cổ, cũ vật, nước sơn, ngói, thu tàng phẩm, hoàn thành phẩm, đột khởi vật; vào cơ thể người là mũi, dạ dày, da tay, bắp thịt; vào nhân tính là trung hậu, tính chậm chạp, từng trải, cứng nhắc; hình là "Phương" .

Kỷ tượng: mây, Điền viên, sân nhà, phòng ốc, bãi tha ma, đồng bằng, thổ sản, nông nghiệp, nghề chăn nuôi, xi măng, vật liệu xây dựng, trái cây, tài bạch, bụi công nghiệp, bẩn, lấm tấm, bản thân; vào cơ thể người là tỳ, bụng, da tay, tuyến tuỵ; vào nhân tính là hàm súc, cẩn thận, đa nghi; hình là "Bình" .

Canh tượng: sương, ngoan thiết, Thiết khí, vũ khí sắc bén, kim khí, vật liệu thép, khoáng sản, núi quặng , cơ khí, chế tạo nghiệp, tài chính, quân đội, cảnh sát, xe, đường lớn, giải phẩu, bệnh viện; cơ thể người là đại tràng, đại bộ xương, cốt cái, phổi, hàm răng, tiếng nói, rốn; vào nhân tính kiên cường, uy vũ, táo bạo, cố chấp; hình là "Góc cạnh" .

Tân tượng: nguyệt, vàng, châu báo, ngọc khí, kim cương, kim sức phẩm, tinh thể, nhạc cụ, cây kim, cái kéo, bút, tiền tệ, tài chính, y dược, tinh chế biến, pháp luật; vào cơ thể người là phổi, đường hô hấp, cổ họng, xoang mũi, cái lỗ tai, gân cốt, nhỏ bộ xương; vào nhân tính là thông đạt, nhu nhuận, linh động, hảo mặt mũi; hình là "Chặt chẽ" .

Nhâm tượng: biển mây, Đại Hải, đầm nước, sông lớn, hồ nước, vận tải đường thuỷ, vận chuyển, mậu dịch, thủy sản, dục nghiệp, dầu mỏ, màu nước; vào cơ thể người là khẩu, bàng quang, máu, hệ thống tuần hoàn; vào nhân tính là mưu trí, hiếu động, ngang ngạnh; hình là "Không có quy tắc" .

Quý tượng: mưa móc, nước suối, sương tuyết, ao đầm, tinh thể, nước mắt, mực, thủy sản, dục nghiệp, phía sau, huyền học, trí nghiệp, mưu lược; vào cơ thể người là thận, mắt, cốt tủy, não, tinh dịch, kinh nguyệt, nước bọt; vào nhân tính là mưu trí, thông minh, nhạy bén, dịu dàng; hình là "Mượt mà" .

Hai, mười hai chi loại tượng

Mười hai chi loại tượng cùng thập can loại tượng giống nhau, là xem một người nghề nghiệp hoặc tiến hành nghề trọng yếu dựa vào theo, cũng là manh sư phái mệnh lý siêu việt cái khác mệnh lý trung tâm nội dung, khả đã cho ta các phán quyết chuyện chi tiết.

Địa Chi phân âm dương, mộc hỏa là dương, Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi là dương, Thìn là dương trong âm. Kim thủy là âm, Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu là âm, Tuất là dương trong âm. Sửu Dậu là âm trong chi âm, Sửu Dậu cùng phạm tội, xã hội đen có liên quan, chủ tù ngục, xã hội đen, phần mộ, huyền học, dâm tà. Hợi Tý không phải âm trong âm, Hợi là âm vị, nhưng trong ngậm dương, Tý là âm, nhưng vị tại dương. Tân Dậu nhật chủ kiến giờ sửu là xã hội đen, nguyên nhân âm thấy âm với lại nhập mộ. Tân Sửu nhật chủ không phải xã hội đen, bởi vì trọc trung kiến thanh, nhân tính là tốt. Tuất là dương loạn, như Karaoke, Sửu là âm loạn.

Xem học tập :Tuất Hợi là tính toán, giải toán ý tứ, biểu số học,. Sửu chủ huyền học. Mộc hỏa chủ văn, kim thủy chủ lý. Thìn thấy Tý là hóa học. Thân Dậu là pháp luật, Thân hoàn đại biểu tài chính, Dậu không có nghĩa là tài chính. Thìn có vận động ý tứ, biểu cơ khí, xe cộ.

Tý tượng: thủy, băng, sông, nước suối, giếng, lưu động, lưu chuyển, xe thuyền, mậu dịch, giang hồ, văn mực, huyền học, mượt mà, thông minh, kỹ năng, dâm tà; vào cơ thể người là thận, tai, bàng quang, bí niệu, máu, tinh, thắt lưng, cổ họng, cái lỗ tai; động vật là: con dơi, con chuột, chim yến.

Sửu tượng: hàn thổ, thấp thổ, bùn, ao đầm, đê điều, tầng hầm, cống thoát nước, nhà xí, hắc ám, bí mật, giếng mỏ; hầm lò, than đá, phần mộ, tù ngục, xã hội đen, tư tình, dâm loạn, huyền học, trừu tượng, ngân hàng, doanh trại quân đội, nhà máy hầm mỏ, Điền viên; vào cơ thể người là bụng, tỳ vị, thận, tử cung, bắp thịt, thũng đồng; động vật là: cua, trâu, rùa.

Dần tượng: cây cối, hoa mộc, gỗ, nhà đều, điện thờ, đường miếu, hội sở, lầu vũ, tổ chức, chính phủ cơ quan, văn hóa nơi, cao thượng, chùa miểu, núi rừng; vào cơ thể người là đầu, tay, tứ chi, gan ruột gan, lông; tóc, móng tay, bàn tay, kinh lạc, mạch, gân, thần kinh; động vật là: hổ, báo, mèo.

Mão tượng: cây cối, cỏ cây, hoa mộc, bụi cây, dây thừng, mộc bổng, binh

khí, hàng dệt, gỗ, vật liệu xây dựng, kiến trúc, xe thuyền, đường phố, cửa sổ, giường, hàng rào, mạng lưới, cơ cấu; vào cơ thể người là gan ruột gan, tứ chi, cánh tay, ngón tay, thắt lưng, gân, lông; tóc; động vật là: hạc, thỏ, con cáo.

Thìn tượng: thấp thổ, bùn, thủy khố, ao đầm, con đê, giếng nước, Điền viên, thổ sản, tù ngục, kiến trúc, xe cộ, cơ khí, đại cơ cấu, cũ vật, thuốc Đông y, tư tưởng, mạng lưới; vào cơ thể người là bàng quang, nội tiết, da thịt, vai, ngực, bụng, dạ dày, lặc; động vật là: thuồng luồng, cá, long.

Tỵ tượng: âm hỏa, ấm áp, văn hóa, văn chương, tư tưởng, ảo tưởng, nghiên cứu, biến hóa, sắc thái, hình ảnh, đường, tự xem, ban công, phố xá sầm uất, mạng lưới; vào cơ thể người là trái tim, tam tiêu (cách gọi của Đông Y, thượng tiêu là lưỡi, thực quản, tim phổi; trung tiêu là dạ dày; hạ tiêu là ruột non, ruột già, thận và bàng quang), cổ họng, mặt, răng, tai mắt, thần kinh, ruột non, hậu môn; động vật là: rắn, con giun, con gián.

Ngọ tượng: dương hỏa, đại nhiệt, hỏa khí, huyết quang, hào quang, điện tử, tin tức, quảng cáo, văn học, ngôn ngữ, văn chương, nhiệt tình, kích động, dã luyện, chiến trường, phòng lớn, lâu đài, rạp hát, sân vận động; vào cơ thể người là trái tim, ruột non, mắt, lưỡi, máu, thần kinh, tinh lực; động vật là: con hoẵng, mã, nai.

Mùi tượng: ấm thổ, Điền viên, công viên, sân nhà, tường yển, lâm trường, hưu canh, nung đúc, tính tình, đồ trang sức, Hotel, rượu và đồ nhắm, thổ sản, công trình kiến trúc, xây dựng, y dược, công nghiệp hoá chất, nhiệt độc; vào cơ thể người là tỳ vị, cổ tay, bụng, khoang miệng, da thịt, sống lưng; động vật là chó rừng, dê, chim ưng.

Thân tượng: Thiết khí, vật cứng, đao, xẻng, xe, chiến tranh, quân đội, tư pháp, khoáng sản, quặng mỏ nhà máy, cơ khí, xe cộ, bệnh viện, tây y, đường, thành trì, danh đô, nhà thờ họ, tài chính, mấy vị; vào cơ thể người là phổi, đại tràng, cốt, xương sống, khí quản, thực quản, hàm răng, cốt cái, kinh lạc; động vật là: khỉ, vượn, con nao (tên một loài khỉ nói trong sách cổ).

Dậu tượng: vàng đá, kiếm kích, xẻng cuốc, đồ đựng dụng cụ, đường phố, bia đá, chùa chiền, Hotel, ngân hàng, đồng hồ, tin tức, truyền thông, pháp luật, kỹ thuật, ẩn học, huyền học, nhanh nhẹn linh hoạt, gian tà, kỹ nữ; vào cơ thể người là phổi, lặc, ruột non, cái lỗ tai, hàm răng, bộ xương,

cánh tay, máu huyết; động vật là: trĩ, con gà, điểu.

Tuất tượng: táo thổ, lò dã, lò, đạn, súng đạn, tù ngục, hình pháp, phần mộ, tốp lĩnh, đồ cổ, miếu thờ, trạm xăng dầu, trạm phát điện, trường học, ban biên tập, rạp chiếu phim, phố xá sầm uất, thị trường, ca múa, tình dục, Internet, kiến trúc, cao ốc, vật liệu xây dựng, công nghiệp hoá chất, số học; vào cơ thể người là trái tim, màng tim, mệnh môn, lưng, dạ dày, mũi, bắp thịt, chân, mắt cá; động vật là: sói, con chó, sài.

Hợi tượng: ao đầm, tưới, kênh rạch, văn chương, rượu, thủy sản, độc dược, chìm đắm, tâm chí, khoa học kỹ thuật, giải toán, con số, tư tưởng, mạng lưới; vào cơ thể người là đầu, thận, bàng quang, niệu đạo, huyết mạch, kinh nguyệt; động vật là: lợn, gấu.

Khôn:
Kỷ Mậu Giáp Quý
Mão Thìn Thìn Dậu

Người này là hướng dẫn viên du lịch, Thìn là đi lại, xe ý tứ, Thìn Dậu hợp biểu khắp nơi đi lại, nên là hướng dẫn viên du lịch. (Dậu tại môn hộ, phương xa, cùng xe)

Càn:

Quý Bính Giáp Mậu
Mão Thìn Thìn Thìn

Người này là xe hơi công ty lão tổng, Thìn là xe hơi.

Nguyệt Lệnh trên là quốc gia, chứng tỏ quốc ngữ hảo, môn hộ trên là ngoại ngữ hảo (sau này tại bằng cấp bộ phận yếu giảng đến).

Nhàn Chú: Quý Mão mang tượng, Mão Thìn hại, Thìn là ấn khố, Mão vậy dẫn theo Quý ấn chi tượng, Quý cũng là Thìn trong vật, chế ấn được quyền, cho nên là một quan. Thìn vậy là xe.

Tam, sáu mươi can chi loại tượng

Sáu mươi can chi tổ hợp tự thân có tượng, thông qua liên hệ, tức sinh, khắc, hại, mộ, hợp sẽ có tân tượng xuất hiện.

Tự thân tượng:

Đinh Sửu: manh phái.

Ất Mùi: mộc thổ tổ hợp, biểu công trình kiến trúc.

Giáp Thân: xương sống, xương cổ.

Tân Mùi: tỏi, quả ớt.

Kỷ Mão: cây non, giá đỗ, hạt giống.

Mậu Tuất: xi măng, biểu công trình kiến trúc.

Khẩu quyết: Giáp ngộ Đinh ngọn lửa phát hi. (Dần mộc ngộ Ngọ ngọn lửa phát hi sao?)

Khôn:

Quý Quý Giáp Đinh
Sửu Hợi Dần Mão

Quý xung Đinh hủy dung rồi. Giáp ngộ Đinh là diệt. Nhàn Chú: Giáp là đầu, Đinh là mặt, năm 1993 tháng giêng ngày mười sáu bị hủy sắc mặt, Đinh Sửu năm phẫu thuật thẩm mỹ, lấy thịt ở mông ghép vào trên mặt. Nguyên cục Dần Hợi hợp diệt Bính hỏa trong Dần , chỉ có một chút Đinh thấu thì, chủ mặt, lưỡng Quý xung khắc, vị can đầu lặp đi lặp lại, chủ hung. Vì sao không chết? Là nguyên nhân Giáp Dần thân thể chưa bị thương! Hành Sửu vận, Quý đến, khác Dần Sửu ám hợp, bị thương Đinh hỏa. Dậu làm quan sát là tặc, củng Sửu.

Giáp mộc phân sinh tử, là tử mộc thì, khả phán quyết cao ốc. Giáp vậy là kinh mạch.

Càn:

Giáp Canh Tân Giáp
Ngọ Ngọ Hợi Ngọ

Chế bất hảo, phát tài rồi. Tố đồ dùng trong nhà (tử mộc). Vợ khai dệt nhà máy.
Dương mộc ngộ hỏa là đồ dùng trong nhà, âm mộc ngộ hỏa là dệt.

Khôn:

Quý Đinh Quý Quý
Mão Tỵ Sửu Hợi

Bán quần áo . Nhàn Chú: Ất mộc là dệt , Mão mộc là âm mộc ngộ hỏa là hàng dệt, mệnh này tố trang phục làm ăn .

Càn tạo:

Mậu Giáp Giáp Bính
Thân Tý Dần Dần

Bính hỏa, tình cảm mãnh liệt, hào phóng. Là diễn thuyết.

Nữ mệnh mắt đại (nữ chủ xinh đẹp), nam mệnh mắt vừa phải (nam tài hoa). Nhàn Chú: quý tại lấy ấn Tý thủy hóa Thân sát, làm quan. Lớn lên đôi mắt nhỏ, nhưng rất có tài hoa! Hào sảng, tài ăn nói hảo!

Hác Kim Dương tiên sinh:

Canh Quý Kỷ Bính
Ngọ Mùi Mão Dần

Quý gia tăng Bính, là đồng tử. Hác Kim Dương tiên sinh, Quý thủy tiêu hao.

Nhàn Chú: Bính phối Quý tài xem như mắt. Bính là mắt khuông, Quý là đen, là con ngươi, Quý thủy nướng can rồi, mắt manh.

Khác: Mậu là kiến trúc, Kỷ là thân thể (nữ tính thì đường cong, gợi cảm; biểu hiện lực cường, vũ đạo diễn viên, người mẫu); Canh kim hệ nhược không thích vượng; Tân kim là âm kim, nhỏ kim loại, Tân kim phối Quý thủy tổ hợp: kim thủy thương quan xinh đẹp! Tân kim lấy tài là kim khí nghề, hỏa khắc kim là nghề tinh luyện kim loại!

Chương IV, Thần sát loại tượng

Tại mệnh lý truyền thống sở giảng thần sát rất nhiều, có Thiên Ất quý nhân, thiên đức, nguyệt đức, âm dương soa thác, vong thần…… cái này tại thực tế xem mệnh trong ứng nghiệm không cao, manh sư phái mệnh thường giảng thần sát chỉ có năm: lộc thần, dương nhận, mộ khố, dịch mã, không vong. Lộc thần, dương nhận cùng mộ khố nghiêm ngặt đến giảng không là vào thần sát phạm trù, là thập can bản khí cùng mộ khí, nhưng bởi vì trong đó có phong phú tượng, cho nên một mình nhóm ra để phân biệt:

Nhất, lộc thần loại tượng

Chúng ta tại Chương IV Lễ 1 trong giảng quá lộc nhận khái niệm, tức: Giáp lộc tại Dần, Ất lộc tại Mão, Bính Mậu lộc tại Tỵ, Đinh Kỷ lộc tại Ngọ, Canh lộc tại Thân, Tân lộc tại Dậu, Nhâm lộc tại Hợi, Quý lộc tại Tý. Nó là nhật chủ kéo dài, đại biểu nhật chủ đến Địa Chi hành sử quyền lực, tâm tính hàm nghĩa có: độc lập, chủ trương, bản thân ý thức, tôn quý, độc chiếm, chúa tể, hưởng thụ ý; lộc vật tượng là: quyền lực, đất phong; thái ấp (trong xã hội nô lệ hoặc phong kiến vua chúa phong đất đai cho chư hầu, chư hầu lại cấp cho tầng lớp dưới), tài phú, cấp dưỡng; vào cơ thể người chứng tỏ thân thể, tứ chi, phụ nữ thân thể, tuổi thọ.

Lộc bất phối ấn là khổ cực, lộc phối ấn là chứng tỏ hưởng thụ ý. Nhàn Chú: lộc ấn tương theo, biểu hưởng thụ.

Khôn:

Đinh Kỷ Tân Tân
Mùi Dậu Sửu Mão

Lộc ấn tương theo, có phúc khí. Dường như lười biếng, hưởng thụ. Sửu sửa là Thìn, càng thêm lười. Bởi vì Thìn Dậu hợp rồi. Không phải lộc trói đào hoa. Hợp đến ấn bất tính đào hoa. Nhàn Chú: lộc ấn tương theo, có phúc khí, làm việc bất khổ cực, vậy chính là người lười! ..

Khôn:

Quý Tân Tân Tân

Mão Dậu Dậu Mão

Khắp nơi làm ăn kiếm tiền. Rất khổ cực, xung tài. Tay chân rất dễ dàng bị thương, nếu giờ Thân tay chân khẳng định có vấn đề.

Nhàn Chú: trên năm mang tượng, Quý là ấn vậy là công tác, Mão Dậu nhất xung, lộc tố công, rất khổ cực, tài tại môn hộ cùng phương xa, chạy tới chạy lui làm ăn.

Khác: phụ nữ lộc cũng là thân thể, hợp đến thương quan, quan sát, tài là lộc trói đào hoa, lộc gặp tam hợp cũng là đào hoa; hợp đến phu thê cung bất là đào hoa.

Hai, dương nhận loại tượng

Giáp nhận tại Mão hoặc Ất, Bính nhận tại Ngọ hoặc Đinh, Mậu nhận tại Mùi hoặc Tỵ, Canh nhận tại Dậu hoặc Tân, Nhâm nhận tại Tý hoặc Quý. Chỉ có dương can có dương nhận, âm can không có dương nhận. Dương nhận là kiếp tài tâm tính hung hãn, tâm tính hàm nghĩa là: gan lớn, dũng cảm, hung ác, ác độc, bất kể hậu quả, xâm hại, bất lợi cha,vợ; vật tượng là: đao, thương, kiếm, giải phẩu, binh khí, võ trang, chính pháp, chấp pháp; vào cơ thể người chứng tỏ tứ chi, thân thể.

Dương nhận vừa có thể xem Thiên Can.

Lộc thực ví dụ:

Càn:

Giáp Mậu Mậu Đinh (Khang Hi)
Ngọ Thìn Thân Tỵ

Càn:

Đinh Tân Mậu Đinh (Lâm bưu)
Mùi Hợi Tý Tỵ

Càn:

Quý Bính Mậu Đinh (Uông Tinh Vệ)

Mùi Thìn Thân Tỵ

Mậu thấy trên năm hoặc trên giờ Tỵ ấn là mồ mả, biểu có kế thừa tính chất.

Lâm: Đinh tọa Mùi là nửa lộc, nên phán quyết nửa hoàng đế, có kế thừa tính chất, là người thừa kế Mao .

Uông: Đinh tọa Mùi cũng là nửa thiên hạ, trên cái Quý thủy, phản rồi, nên là ngụy chính phủ.

Khang: năm thì đem nhật chủ cùng Nguyệt Lệnh bao, thế rất lớn, đất đai đều là của mình.

Clinton bát tự cũng là loại này tố công, năm thì vây quanh nguyệt nhật, loại này toàn bộ bao thế rất lớn.

Càn:

Bính Bính Ất Mậu (Clinton)
Tuất Thân Sửu Dần

Dương nhận hỉ chế phục, chế được dụng chính, có thể tiến hành nghề có: quân nhân, cảnh sát, chấp pháp nhân viên, ngoại khoa đại phu, vận động viên, quân nhân; dương nhận không có chế phục, thì dụng thiên, có thể tiến hành: cường đạo, dân cờ bạc, đánh nhau ẩu đả, giết người cướp của, phi pháp mưu doanh.

Kiếp cùng nhận đều có chơi cổ phiếu đánh bạc ý tứ.Trên cơ thể người trên biểu tứ chi.

Tam, mộ khố chi tượng

Mộ khố cách dùng tại Chương IV "Địa Chi chi mộ": mộ khố là cất dấu, khống chế ý, nhất định là cùng can, chi, thập thần tượng phối hợp mới có ý nghĩa, như, dương nhận khố hoặc giải thích thành quân đoàn hoặc nơi đóng quân; thương quan, thực thần khố khả giải thích thành chùa miếu hoặc trường học; tài khố khả giải thích thành ngân hàng; quan sát khố khả giải thích thành quyền lực trung tâm hoặc tổ chức ngành. Hễ là tụ tập đông đảo ý tứ đều là khố hàm nghĩa, mọi người có thể suy một ra ba.

Như:
Đinh Nhâm Ất Mậu
Mùi Tý Sửu Dần

Sửu Mùi xung khai một chút, nhưng Tý Sửu hợp bế khố, là tổ chức bộ một quan, quản quan .

Nhàn Chú: dương nhận khố: quân đội, cảnh sát; thương quan khố: chùa miếu, trường học; tài khố: ngân hàng; quan sát khố: tổ chức bộ.

Bốn, dịch mã chi tượng

Dịch mã tại trong mệnh chứng tỏ đi lại, xuất ngoại, đi xa, chạy, di chuyển, vội vàng ý. Manh sư phái sở định dịch mã cùng truyền thống thuyết pháp lược không giống, tức:

Thân Tý Thìn mã tại Dần Ngọ Tuất, Dần Ngọ Tuất mã tại Thân Tý Thìn, Tỵ Dậu Sửu mã tại Hợi Mão Mùi, Hợi Mão Mùi mã tại Tỵ Dậu Sửu.

Tức Thân Tý Thìn nhật hoặc năm thấy Dần, thấy Ngọ, thấy Tuất cũng là dịch mã.

Dịch mã tra pháp, lấy trụ năm cùng nhật trụ là chủ, thấy cái khác chi hoặc đại vận, lưu niên là dịch mã.

Dịch mã vật tượng là: xe, thuyền, mã. Như dịch mã gặp hợp, thì chứng tỏ dừng lại, bất động ý.

Năm, không vong chi tượng

Lục Giáp không vong:

Giáp Tý tuần trong Tuất Hợi không, Giáp Tuất tuần trong Thân Dậu không, Giáp Thân tuần trong Ngọ Mùi không,

Giáp Ngọ tuần trong Thìn Tỵ không, Giáp Thìn tuần trong Dần Mão không, Giáp Dần tuần trong Tý Sửu không.

Không vong tra pháp lấy nhật chủ hoặc trụ năm là chủ, xem chi khác

trong thấy là không vong.

Chi gặp không vong tượng trưng có khí và không có hình, có danh và không có thật. Chi năm không vong tổ nghiệp không; nguyệt chi không vong huynh đệ không có dựa vào hoặc có thương tổn hại; nhật chi không vong làm việc đầu hổ đuôi rắn, ít thành nhiều bại, phu thê chi duyên bạc; chi giờ không vong con cái trì dục hoặc con cái có tổn thương. Hung tinh không vong hung giảm phân nửa, cát thần không vong phúc không được đầy đủ. Trong mệnh sở dụng chi thần vượng tướng và không vong, chủ tính cách phong thái chiều sâu cao cả, cá tính siêu phàm thoát tục, có thể thành tựu vào nghiên cứu chuyện nghiệp, như phật đạo, huyền học, ngũ thuật, khí công, nghệ thuật.

Không vong loại tượng: nghiên cứu huyền học, không vật, giảm phân nửa, tổn thất, không được đầy đủ, trên danh nghĩa, hữu danh vô thực, hình thức, khí, tượng, bóng dáng.

Nguyên cục không có không vong, đại vận tới, cũng xem như không vong, nhưng tố công không cao, một loại tượng mà thôi. Lưu niên không nói không vong.

Kim không thì minh, hỏa không thì phát, thủy không thì chảy, mộc không thì hủ, thổ không thì hãm. (Sửu không là thổ không)

Tô Vĩnh Lợi:

Quý Đinh Đinh Nhâm
Mão Tỵ Tỵ Ngọ

Tỵ hỏa không vong, chứng tỏ huyền học, phật đạo, Dịch học.

Nhàn Chú: Thìn vận tử cha, trên năm Mão ấn là cha, Quý cũng là cha, bởi vì mang tượng, Thìn vận, Quý xuống tới rồi, Quý = Thìn, Thìn Mão nhất hại, Ngọ Mão nhất phá, tử cha; thực thần trên năm tháng là mẹ, trên năm thương quan nam là bà nội, nữ là mẹ chồng; lộc vậy biểu mẫu thân; quan sát tài ấn cũng khả là cha. Tỵ là mẹ, không vong, mẹ tin phật!

Càn:
Nhâm Tân Giáp Kỷ
Dần Hợi Tuất Tỵ

Chính quan là nữ, thất sát là con trai, như không vong nhân tiện phản rồi. Cho nên mệnh này phản phán quyết sinh con trai.

Càn tạo:
Nhâm Quý Tân Kỷ
Dần Sửu Hợi Hợi

Quý = Hợi tại Nguyệt Lệnh là thực thần biểu mẫu thân, nguyên nhân Hợi hai lần hợp Dần, phụ mẫu ly dị, theo mẹ tái giá! Nguyên nhân Hợi tọa chi, cho nên, theo mẹ!

Chương V, Tứ trụ cung vị loại tượng

Manh sư phái mệnh lý cho rằng đời người trọng yếu tin tức cũng tại trong bát tự, cho nên đặc biệt chú trọng tứ trụ cung vị loại tượng và ứng dụng.

Nhất, lục thân loại tượng

Đầu tiên tứ trụ cung vị bao hàm chính mình cùng lục thân tin tức, trừ nhật can đại biểu cho chính mình ra, cái khác cũng đại biểu chính mình thân nhân vị trí:
Như
Trụ năm đại biểu tổ tiên, phụ mẫu, họ ngoại bề trên;
Trụ tháng đại biểu phụ mẫu, huynh đệ;
Nhật chi là phối ngẫu cung, đại biểu vợ hoặc chồng vị trí;
Trụ giờ là con cái cung, đại biểu cho của mình đời sau. Phụ mẫu vừa có thể tại trên năm thể hiện, vừa có thể tại trên nguyệt thể hiện.
Mẹ vợ tại trên năm tìm, nguyên nhân trên năm biểu họ ngoại, cùng thê cung xảy ra ấn liên hệ.
Thương thực đều là mẹ vợ. Thương không có cảm tình, thực trọng cảm tình. Như cùng thê cung không quan hệ, thì xuất hiện thương có thể là bà nội, ý tứ nhân tiện thay đổi.
Trụ tháng biểu cùng học, đồng sự, nếu phu thê tượng bây giờ trên nguyệt có thể là cùng học.
Nhật chi: biểu gần đây , như nơi ở, vợ .
Môn hộ: biểu đệ tử, thế hệ sau.
Căn cứ cung vị khả phán đoán tìm phu (vợ) già hoặc trẻ.
Ví dụ:
Quý Bính Bính Giáp
Mão Thìn Ngọ Ngọ

Hỏa vượng rồi, tỷ kiếp phá đến trên năm Mão, âm là phải, dương là trái, biểu đùi phải có tàn tật. Tiểu nhi bệnh tê liệt.

Bính Quý Kỷ Bính
Ngọ Tỵ Mão Dần
Cũng là phá đến trên năm, chú ý: phải là chủ vị phá, lúc này mới có thể chứng tỏ chính mình khống chế không được ý tứ.

Chi giờ chứng tỏ xe, như mua xe, tai nạn xe cùng xem chi giờ.

Thiên Can biểu cùng người ngoài gặp gỡ, Địa Chi biểu cùng trong nhà quan hệ, trên giờ là cùng người ngoài quan hệ, môn hộ mà, nên vậy khả tòng trên giờ xem người tính cách.

Khôn:
Tân Canh Canh Kỷ
Hợi Tý Dần Mão

Tòng tố công xem, là sinh dụng tác công, rất vượng, nên phu phú. Quý Mão vận, Bính trong Dần là sát, Dần Hợi hợp là chế sát là cát, chồng rất có khả năng, tọa chi thất sát thích hợp chế phục. Mão tài tại trên giờ biểu xe, Quý Mão vận là tiêu tiền mua xe, sinh Mão chi nên, nhưng nguyên cục Tý Mão phá biểu xe có chuyện, Đinh Sửu năm xe bị đoạt, (Đinh là quan, Sửu là âm u, biểu đạo tặc) Đinh Quý xung, Mão xe không bị chính mình khống rồi, Quý bị Đinh xung chạy trốn thoát rồi, nhưng có thể truy trở về, nguyên nhân chỉ là tạm thời xung đi Quý, thứ hai năm Mậu Dần năm nhất hợp, xe với lại tìm trở về rồi, thân thể không có vấn đề, chỉ là lại càng hoảng sợ, Dần Sửu ám hợp nên sẽ không bị thương thân thể.

Hai, thời gian loại tượng

Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu cho đời người từ nhỏ đến lớn trình tự thời gian, tức: trụ năm đại biểu lúc nhỏ cùng thời gian tuổi nhỏ, ước chừng 1-18 tuổi; trụ tháng đại biểu cho thời thanh niên, ước chừng 18-35 tuổi; nhật chi đại biểu cho thời kỳ trung niên, ước chừng 35-55 tuổi; trụ giờ đại biểu cho thời kỳ lúc tuổi già, ước chừng sau 55. Trừ lần đó ra, tòng năm đến thì, hay tòng lớn đến nhỏ hoặc tòng tới trước sau trình tự, tỷ như một người trong mệnh có ba lần hôn nhân, ba lần sắp hàng thuận lần cũng là tòng theo thứ tự từ năm đến giờ tìm đến.

Tam, không gian loại tượng

Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu một người cuộc sống không gian chỗ, tỷ như ngươi yếu ra xa nhà, trong mệnh đối ứng cung vị chính là trụ năm hoặc là trụ giờ, bởi vì trụ năm đại biểu phương xa, và trụ giờ đại biểu môn hộ. Trụ tháng là đại biểu tổ tịch, nhật chi là đại biểu chỗ ở hiện tại.

Bốn,Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu bất đồng tuổi tác cùng bất đồng quan hệ người, trụ năm đại biểu người ngoài, bề trên hoặc người già; trụ tháng đại biểu cùng học, đồng sự, lãnh đạo; nhật chi đại biểu người vô cùng thân cận; trụ giờ đại biểu thế hệ sau, đệ tử, bạn bè, thuộc hạ.

Năm, thân thể loại tượng

Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu thân thể thể bất đồng bộ vị, trụ năm ly cách nhật trụ xa, đại biểu chân, giò, tứ chi; trụ tháng đại biểu cơ thể người thân thể bộ phận, như gáy, vai, lưng ; nhật chi đại biểu cơ thể người trọng yếu nhất bộ vị, như ngũ tạng, lục phủ, trái tim, não, tủy; trụ giờ là đại biểu cơ thể người khí quan, như đầu, mặt, tay, mắt, miệng, tai, mũi, cơ quan sinh dục, bài tiết.

Lục, vật phẩm loại tượng

Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu vật, như xem xe tìm tại trụ giờ , bởi vì giờ đại biểu môn hộ, nên đi xa đi xe xem trụ giờ. Cái khác còn có: trụ năm đại biểu giầy, ba-toong, hoặc vật của người khác; trụ tháng đại biểu sản nghiệp tổ tiên, gia nghiệp, đơn vị, học nghiệp; nhật chi đại biểu nhà cửa, phòng ngủ, tài sản riêng; trụ giờ đại biểu xe, môn, quần áo, mũ, kính mắt, hóa trang, ra vào chi tiền vật.

Bảy, tình cảm loại tượng

Tứ trụ cung vị hoàn đại biểu người tâm chí cùng tình thương, có người dễ dàng bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng, có người lại dễ dàng ảnh hưởng người khác, tòng tứ trụ cung vị vậy đó có thể thấy được cái này đặc điểm đến.

Tám, trong ngoài loại tượng

Thiên Can đại biểu đặc thù bề ngoài, tính cách biểu như, dễ dàng bị người

ngoài nhìn rõ; và Địa Chi đại biểu bên trong như thế giới nội tâm, cùng người nhà quan hệ, thường thường là bí mật tư tưởng cùng tâm chí.

Chương VI, Thập thần loại tượng

Chính là tìm đúng thập thần đại biểu . Thập thần ý hướng tòng trong bát tự như thế nào phán quyết một người tính cách, nghề nghiệp, phải nắm giữ như thế nào nhận ra nội hàm chuẩn xác của thập thần. Thập thần ý hướng khả vô hạn suy diễn:

Nhất, chính ấn loại tượng

Chính ấn nguyên nhân là nhật chủ khác phái chi sinh, hàm nghĩa là "Có thể khiến ta sinh trưởng, mà cùng ta quan hệ tốt đẹp chính là", tâm tính hàm nghĩa là:

Tư tưởng bảo thủ, chính thống, nội hướng, bất bừa bãi, thận trọng, thủ thường, hỉ tĩnh không thích động, nhân từ, ái tâm, không màng danh lợi, nhẫn nại, khoan dung, tôn nghiêm, trọng danh tiết, có phẩm hạnh, trọng cảm tình, hiến dâng, ái tâm, có thái độ đúng mực , có tôn giáo tâm, hiền lành, chịu khổ (để hoàn thành nhiệm vụ), cần cù và thật thà chịu khó, hoà hoãn, điều tế, đôn hậu cẩn thận, không có ý kiến, bình an và có phúc khí.

Nếu như chính ấn quá nặng, vậy biểu hiện mặt trái tâm tính: ỷ lại mạnh mẽ, có trì trệ tính chất, không có chủ kiến, khuyết thiếu hứng thú lực, khuyết thiếu cảm xúc lực, khuyết thiếu lưu loát tính chất, tự cho là đủ (với những cái đã đạt được như cuộc sống, nguyện vọng.), đình trệ, do nhu do dự, năng lực lĩnh ngộ kém, không độc lập tiến thủ, lười biếng.

Như mạng trong chính ấn hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: công chức, giáo viên, người làm công tác văn hoá, tôn giáo, từ thiện, y tá.

Hai, thiên ấn loại tượng

Thiên ấn vừa là cùng nhật chủ đồng tính chi sinh, là không tình nguyện sinh, "Sinh ta mà khiển trách ta", nhân tiện giống như theo mẹ kế sinh hoạt , nhật chủ tâm tính sẽ trở nên vô cùng mẫn cảm, tâm tính hàm nghĩa là:

Có suy xét lực cùng lĩnh ngộ, mẫn cảm, linh hoạt, cơ trí, khôn khéo, có

mưu lược, đầu óc hảo, sáng ý, phát minh, không thích học tập giáo khóa thư, không theo đại lưu, nghiêm túc, cô độc, có tôn giáo tâm.

Nếu như thiên ấn quá nặng, vậy biểu hiện là mặt trái tâm tính: ích kỷ, lười biếng, lãnh đạm, phúc bạc, xoi mói, đần độn, bất thông nhân tình, vô phúc hưởng thụ.

Như mạng trong thiên ấn hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: tính kỹ thuật chức vụ, thầy thuốc, nghệ nhân, ngũ thuật nghiệp, tôn giáo, cố vấn sư, luật sư, phóng viên, biên tập, tình báo viên, trinh sát viên, thiết kế sư, kỹ thuật nhân viên.

Chính ấn, thiên ấn loại tượng: nghề nghiệp, chức vụ, chức danh, quyền lực, ấn chương, giấy chứng nhận, khế ước, trí lực, trí tuệ và năng lực, tri thức, vinh dự, khen thưởng, hậu thuẫn, học thuật (chính ấn là chính thống học thuật, thiên ấn là không phải chính thống học thuật), học vị, sự nghiệp, đơn vị, nơi công tác, nơi ở, quần áo, xe, chỗ dựa, y dược; nhân vật là lão sư, phụ mẫu, bề trên; vào người thân thể là: đầu, tóc, da tay, tứ chi.

Tam, chính quan loại tượng

Chính quan là cùng nhật chủ khác phái chi khắc, hữu tình chi khắc, hàm nghĩa là: ràng buộc lực, khuyên răn lực cùng áp chế lực, tính chất xác thật, có ước thân dẫn thiện khả năng, là người lập thân chi bản. Tâm tính hàm nghĩa là:

Chính thống, thủ pháp, chính đạo, quy củ, truyền thống, cao quý, văn nhã, trung hiếu, thuận theo, tinh thần trách nhiệm, tinh thần trọng nghĩa, lương tri cảm giác, khách quan, lý tính, cứng nhắc, nghiêm túc, nề nếp giáo dục, học nghiệp, gia giáo, đức hạnh, trách nhiệm.

Như mạng trong chính quan quá mức, vậy biểu hiện là mặt trái tâm tính, như nhát gan sợ phiền phức, bảo thủ không chịu thay đổi, vâng vâng dạ dạ, phức cảm tự ti .

Như mạng trong chính quan hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: công chức, quan văn, giáo viên, quan tòa, công chức .

Bốn, thất sát loại tượng

Thất sát là cùng nhật chủ khác phái chi khắc, vô tình chi khắc, hàm nghĩa là: đả kích, áp chế, bạo lực, quyền uy, tính chất cương hùng, có phản nghịch xưng bá tính chất, cần phải chế hóa khống chế. Tâm tính hàm nghĩa là:

Dã tâm, thông tuệ, dục vọng, quyền uy, chí khí, cố gắng, mạnh dạn đi đầu, khí phách, chuyên chế, bạo lực, độc đoán, độc tài, phỉ khí, áp bức, đả kích, muốn hơn người, xung động, kích thích, oán hận, cừu hận, ác độc, khống chế, nghiêm khắc, nghĩa khí, nhạy bén, nhanh nhẹn, đa nghi, hồi hộp, tính cách thâm trầm, tính tình dữ dằn, căm ghét như kẻ thù.

Trong mệnh thất sát là hung thần, có chế hóa thì biểu hiện cát, không có chế hóa thì biểu hiện hung.

Như mạng trong thất sát hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: cảnh sát, quan tòa, kiểm tra kỷ luật, giám sát, quân chức, chấp pháp ngành chi quan viên, chính trị gia, mưu lược gia, luật sư, giáo viên, thầy thuốc .

Như mạng trong thất sát không có chế hóa, thì không thể là công chức, có khả năng đi hướng phá như cường đạo, nhu nhược, bệnh nhân.

Chính quan cùng thất sát cộng tượng: chức vụ, quan chức, quyền lực, danh vọng, quản lý, pháp quy, kiện tụng, tòa án, tù ngục, kỵ hận, quan hại, tài phú; nhân vật là: thủ trưởng, lão sư, bề trên, phụ thân, chồng hoặc tình nhân (nữ mệnh), con cái (nam mệnh), quân địch, tiểu nhân, ác nhân, đạo tặc; vào cơ thể người là: thần kinh, ngoại thương, tật bệnh.

Năm, chính tài loại tượng

Chính tài là nhật chủ khác phái sở khắc: đứng đắn, tiết kiệm, bảo thủ, trọng tình cảm, yêu quý, chuyên nhất, cố chấp, tài văn chương, năng lực khai thông.

Như mạng trong chính tài quá nặng, vậy biểu hiện là mặt trái tâm tính, như suy tính hơn thật, keo kiệt, không tiến thủ, ham ăn biếng làm, không thích học tập.

Như mạng trong chính tài hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có:

làm công ăn lương, giáo viên .

Lục, thiên tài loại tượng

Thiên tài là nhật chủ đồng tính sở khắc : như cổ phiếu, tiền biếu, tặng cho, ăn hối lộ, cá độ, đầu cơ, mượn tiền, trung gian, làm ăn, mưu doanh, phi pháp chi tài, tiền tài bất nghĩa , đầu cơ, đa tình, lãng mạn, dục vọng, sắc, phong lưu, đào hoa, khẳng khái, hào phóng, nhẹ tài, giao tiếp, phương pháp, kỹ nghệ, ngụy trang.

Trong mệnh thiên tài hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: người làm ăn, xí nghiệp gia, phục vụ nghiệp, chứng khoán nghiệp, cố vấn nghiệp, luật sư, diễn thuyết gia .

Chính tài cùng thiên tài cộng tượng: tiền tài, tài vật, bất động sản, gia nghiệp, đáng giá vật, dục vọng, tình dục, hưởng thụ, bản lãnh; nhân vật là: thuộc hạ, người hầu, phụ thân, con mình, vợ hoặc tình nhân (nam mệnh); vào cơ thể người là: bài tiết, ẩm thực, máu, hô hấp.

Như:
Mậu Kỷ Quý Kỷ
Thân Mùi Tỵ Mùi

Phải xem tỷ kiếp tố công không, Tỵ Thân hợp chứng tỏ nơi phát ra. Chính thiên tài chứng tỏ người đối với tiền tài tâm tính.

Ất Kỷ Canh Ất (HongKong nhất đệ tử tạo)
Mão Mão Thìn Dậu

Đạt được tất cả đều là thiên tài (cứ việc nguyên cục đều là chính tài). Tài hư thấu là chỉ tài hoa, biểu hội giải quyết, hội gặp gỡ, có thể nói. Tài biểu tình cảm nam nữ. Năm tháng gặp vượng, nhất là nữ , nhất định rất sớm bỏ bê học hành, quyết: tài đa tâm loạn. Bao gồm đại vận gặp cũng tính. Tài chứng tỏ huyết khí, tức kinh nguyệt.

Bảy, tỷ kiên loại tượng

Tỷ kiên là cùng nhật chủ giống nhau, hàm nghĩa là: đại biểu ta đi hành sử quyền lực, vậy chứng tỏ ta hợp tác, tâm tính hàm nghĩa là:

Tự tôn, tự tin, bản thân ý thức, tự chủ năng lực, chủ quan tính chất, chủ động tính chất, độc lập tính chất, cá tính, quyết đoán, tỉnh táo, kiên trì, tư tâm, hiệp đồng, hợp tác.

Tỷ kiên quá vượng, vậy dễ dàng chính hướng phản diện, như cá tính cố chấp, bảo thủ, ngang ngạnh, ngạo mạn, tự cho là đúng.

Trong mệnh tỷ kiên hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: vận động viên, huấn luyện viên, lao động chân tay, nghề môi giới , người làm ăn, tài xế, người giang hồ .

Tám, kiếp tài loại tượng

Kiếp tài là cùng nhật chủ khác phái giống nhau, hàm nghĩa là trợ giúp ta, nhưng có đại giới, bởi vì kiếp tài yếu phân đoạt tài của ta, lấy tranh đoạt là mục tiêu. tâm tính hàm nghĩa là:Can đảm, dũng mãnh, công kích tính chất, bất thông cảm, đầu cơ, giao dịch, vận tác, mạo hiểm, thổi phồng, tranh cường háo thắng, vội vàng, xung động, bất hợp tác, ghen ghét, xâm hại, cướp đoạt, chiếm.

Trong mệnh kiếp tài là hung thần, như có công dụng, có thể trợ giúp ta được tài; như vô công dụng, phản trí ta phá tài bị tai.

Trong mệnh kiếp tài hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: vận động viên, quân nhân, môi giới chứng khoán, tư bản vận doanh thương, dân cờ bạc, tên lừa gạt, ăn cắp.

Tỷ kiên cùng kiếp tài cộng tượng: hợp tác, cạnh tranh, thi đấu thể thao, vận động; nhân vật là: huynh đệ, tỷ muội, bạn bè, đồng bọn, đối thủ; vào cơ thể người là: tay chân, tứ chi.

Chín, thực thần loại tượng

Thực thần là nhật chủ đồng tính sinh, sinh và hữu tình cùng nhật chủ, hàm nghĩa là nỗ lực của ta hoặc thế giới tinh thần của ta, thực thần biểu hiện ôn hòa và bình đàm, tâm tính hàm nghĩa là:

Thiện lương, ôn hòa, phúc hậu, nội hướng, văn nhã, hàm dưỡng, tự cho là đủ (với những cái đã đạt được như cuộc sống, nguyện vọng.), rộng lượng, chính nghĩa, thương cảm, tài hoa, học tập, cảm động thông hiểu, tài ăn nói, tư tưởng, cảnh giới, tính tình, thưởng thức, lãng mạn, sức cuốn hút, thuyết phục lực, danh tiếng, hiến dâng, ái tâm, hưởng thụ, vui sướng, lạc

quan, tự do, chơi nhạc, ăn uống, phục vụ.

Thực thần là cát thần, tại trong mệnh cục thông thường đều có dụng , không sợ quá vượng, chỉ sợ bị khắc.

Trong mệnh thực thần hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: học giả, lão sư, thầy thuốc, cố vấn sư, tôn giáo gia, tư tưởng gia, luật sư, phóng viên, quan viên, tác giả, mỹ thực gia, diễn thuyết gia, người chủ trì, âm nhạc gia, diễn nghệ nhân .

Thập, thương quan loại tượng

Thương quan là nhật chủ khác phái tương sinh, sinh và vô tình cùng nhật chủ, hàm nghĩa là bỏ mặc bản thân cùng nuông chiều, không thực tế, có điểm vi khác thường , tâm tính hàm nghĩa là:

Sức tưởng tượng, biểu hiện lực, phản loạn tinh thần, phán đạo ly kinh, kỹ thuật, nghệ thuật, tuyệt hoạt, thông minh, sáng ý, cảm giác mới mẻ, không thích học tập giáo khóa thư, gây sự, không thích gò ép, không phục quản thúc, háo thắng, sinh động, phú biến hóa, nhát gan, bất an vào hiện trạng, khuyếch đại, chủ quan, dũng cảm, tình cảm mãnh liệt, phong lưu, háo sắc, nhiều lời, kiêu ngạo, bản thân quảng cáo rùm beng, khoe khoang.

Như mạng trong thương quan rất vượng, hoặc khởi phá tác dụng, thì dễ dàng tẩu cực đoan, biểu hiện cá tính phóng đãng, lôi thôi lếch thếch, đố kị người tài, ngạo mạn vô lễ, quỷ kế đa đoan, đầu cơ trục lợi, không tuân thủ quy củ, thậm chí phá hư pháp luật cùng phá hư luân lý đạo đức, có phạm tội ý thức.

Trong mệnh thương quan hữu dụng, thì có thể tiến hành nghề nghiệp có: nghệ thuật gia, đại sư, thiết kế sư, diễn viên, luật sư, kiểm tra kỷ luật nhân viên, phản tham quan viên, thực quyền quan viên, người làm kĩ thuật, người làm ăn, hướng dẫn viên du lịch, tác giả .

Thực thần cùng thương quan cộng tượng: cuộc sống tinh thần, dục vọng, hưởng thụ, tư tưởng, văn chương, ngôn ngữ, tác phẩm, tác phẩm nghệ thuật , tài phú, đóa hoa , phong cảnh; nhân vật là: tổ tiên giới nữ, mẫu thân (thực thần), con cái, tiểu hài tử, đệ tử, thế hệ sau; vào cơ thể người là: miệng, đầu lưỡi, cơ quan sinh dục,ngực phụ nữ , tinh trùng, kinh nguyệt.

Thương, thực khác nhau:

Thương thiên, thực chính. Thương biểu tưởng tượng phong phú, không bị ràng buộc, đối với cảm tình bất chuyên nhất. Thực biểu chuyên nhất, chuyên chú.

Lục thân: nam mệnh lấy sát là con trai, quan là con gái; nữ lấy thương là con trai, thực là con gái. Đây là nguyên tắc cơ bản, nhưng là có biến thông.

Sát + tài = con trai, sát không có tài là nữ.

Hại ngã tài sinh nữ.

Kỷ Canh Tân Nhâm
Tỵ Thìn Mão Thìn

Hại ngã thê cung tài tinh, tịnh sinh con gái, bất sinh con trai. Nguyên nhân Ất tài tại trên giờ Thìn mộ trong, cùng thê cung hại, nên phải mượn bụng sinh con trai.

Có khi vậy xem đại vận, hành thương đại vận, thì sinh con trai.
Khôn:

Đinh Quý Ất Bính
Mùi Sửu Tỵ Tý

Nguyên cục có thực ứng sinh nữ, nhưng sinh Bính Thìn vận, là thương quan đại vận, nên sinh con trai. Mệnh này Tỵ Sửu củng thất sát, nhất định phạm tiểu nhân. Đinh Tỵ vận hảo, tố than đá làm ăn, xung, là tố mua bán .

Chính thiên tài là cha, quan sát là cha; thực, thương, lộc ấn là mẹ.

Quý Đinh Đinh Bính
Mão Tỵ Tỵ Ngọ

Mão Ngọ phá biểu cùng cha duyên thiển, Thìn vận cha qua đời. Quý Mão là cha, trên nguyệt Tỵ là mẹ. Sinh tại giờ Thân, mẫu thân yếu tái giá.

Đinh Nhâm Đinh Tân
Mùi Tý Tỵ Hợi
Mẹ sớm tử. Hại ngã thực thần. Bính Thìn năm (nắm 1986) mẹ qua đời. Bính Nhâm xung giải hợp rồi, đồng thời, Bính hư thấu rồi, Bính là Tỵ, bất sinh Mùi rồi, biểu chính mình cùng mẹ không có quan hệ buộc lại, nên mẹ tử. Tỵ Mùi đồng biểu mẫu thân, Nhâm Tý là phụ thân, phụ thân năm 2001 tử.
Ba mẹ qua đời:

Quý Tân Kỷ
Mão Dậu Tỵ
Bính Dần năm hoạn phụ, nguyên nhân Bính Tân hợp nên mẹ vô sự. Quý Mão là cha, Dậu là mẹ, Tỵ là phụ mẫu.

Khôn:

Mậu Tân Đinh Quý
Thân Dậu Mùi Mão

Mão Thân hợp, Mão là cha, tọa Mùi thực là mẹ (tọa thực là mẹ), Canh Thìn năm cha tử, nguyên nhân cha tọa Thìn hại ấn, biểu cha không phải cha rồi, nên tử cha. Thương, thực là nữ tính thân nhân, như mẹ chồng, bà nội , đối với nam nhân mà nói, có khi vậy đương tỷ muội xem, này phải xem vị trí. Quan sát là nam tính thân nhân.

Càn:
Tân Bính Canh Bính
Hợi Thân Thìn Tý

Thương quan chủ nhát gan, vốn Ngọ vận hảo, nhưng Giáp Ngọ một tượng, phá hủy. Ngọ vận nhân tiện rất xui xẻo, Quý vận hảo, Tỵ vận rất tốt. Xung Hợi. Giáp Canh xung, Giáp là Hợi đến, vốn là thứ tốt, bị xung, phá hủy. Thìn vận mộ Hợi thủy là hảo. (Thìn Tý hợp) Thìn vận phải chú ý tù ngục, bất nghiêm trọng, kim thấy thủy trầm là tù ngục. Thìn vận bị liên quan đến, không có việc gì rồi. Thìn vận không gặp Thân Dậu năm. Tỵ vận bắt đầu phát tài.

Càn:
Nhâm Đinh Quý Nhâm
Dần Mùi Hợi Tý

Trên năm thương quan mang tài, nhập Mùi sẽ không sinh sản rồi, mua nhà máy, sau đó đem đất bán. 2004, 2005 tiền quay vòng không hiệu quả. Bính Tuất năm yếu cho vay, Nhâm Ngọ năm mua đất. Bát tự không có Tuất hình phạt, tài khố sẽ không khai. Nhâm Tý vận vừa có thể , Giáp Dần vận thân thể không được. Thủy bị thương quan cấp tiết đi. Dần Hợi hợp, máu bất hảo, huyết trù rồi.

Nhâm Quý Tân Kỷ
Dần Sửu Hợi Hợi

Thương quan tố mẫu thân, mẫu thân ly dị tái giá. Theo mẹ. Thủy hỏa âm dương tương phối. Hợi có thể đại biểu Quý. Phụ thân là Dần tài, hợp Hợi. Lạc không vong, mẫu thân tin phật dạy.

Thủy hỏa âm dương tương phối: Bính Ngọ, Đinh Tỵ, Quý Hợi, Nhâm Tý.

Xem nữ nhân trình tự: tòng nhật chi bắt đầu tính, lại nhìn chi giờ, can giờ, lại nhìn nguyệt chi, nguyệt can. Cuối cùng xem chi năm, can năm. Mộ khố xung nhân tiện hơn nhiều.

Dương là trái, âm là phải.

Cao thầy thuốc:
Bính Bính Bính Đinh
Thân Thân Thìn Dậu

Chân trái thọt. Tỷ kiên phục ngâm, lặp lại. Thân kim trọng lượng.

Tài tinh hư thấu tại trên giờ là ái trang điểm, thời thượng.

Trên giờ thấu ấn, ấn tinh trên giờ hư thấu, theo đuổi trào lưu.

Hại môn họ chú ý xe bị trộm.

Chương VII, Tượng ứng dụng

Manh sư phái mệnh lý học chủ yếu lấy lấy tượng là chủ, tượng căn bản là là đem can chi ký hiệu đối ứng thực tế chuyện vật trong cuộc sống, lấy ứng đạt tới chuẩn xác dự đoán mục đích, nó là trọng điểm của manh sư

phái mệnh lý , cũng là điểm khó khăn. Trước vài chương sở giảng Thiên Can tượng, Địa Chi tượng, cung vị tượng, thập thần tượng và thần sát tượng, lung tung phức tạp, cụ thể đến một bát tự, như thế nào xác định chuẩn tượng, đó là bản chương sở giảng nội dung:

Nhất, cộng tượng nguyên tắc

Trong bát tự một chữ vừa có can chi chi tượng, lại có cung vị chi tượng, còn có thập thần chi tượng, nhưng chúng xuất hiện cơ bản giống nhau hoặc giống ý tứ, đó có thể xác định đáng tượng rồi. Như Ất mộc nhật chủ, trên giờ thấy Đinh hỏa, lấy Đinh can chi tượng có mắt ý tứ, lấy thì cung vị thì vậy có mắt ý, lấy thực thần tinh thì có khiếu ý tứ, mắt cũng là khiếu, đó có thể xác định, này Đinh hỏa có thể đương mắt xem, tức chư tượng có cộng tính chất, là cộng tượng nguyên tắc. Này ví dụ là tam loại tượng cũng gạch chéo tại một điểm rồi, nói chung, chỉ cần có lưỡng loại tượng thuyết minh cùng loại sự vật, tức khả xác lập đáng can chi tượng rồi. Tái tỷ như, Tân nhật chủ kiến Quý thủy, Quý có trí tuệ ý tứ, và thực thần có tư tưởng ý tứ, hai ý tứ đến gần, có thể đem này Quý đương tư tưởng, đầu óc xem.

Giáp Thân có xương cổ bệnh chi tượng.

Càn:
Đinh Tân Ất Đinh
Dậu Hợi Dậu Hợi

Đinh biểu mắt, trên giờ vậy là mắt, nên Đinh hỏa thực thần là mắt, chi thấy Hợi, Đinh bị khắc hợp phá, nên ba tuổi mắt manh.

Cộng tượng nguyên tắc còn có thể dựa vào theo thập thần tại cung vị bất đồng, đến khác nhau hàm nghĩa. Như thương quan thực thần có thể chứng tỏ tiểu hài tử, vừa có thể chứng tỏ nữ tính bề trên. Như nó xuất hiện tại trên năm, thì chứng tỏ nữ tính chi bề trên, như nó xuất hiện tại trên giờ, thì chứng tỏ tiểu hài tử.

Càn:
Canh Kỷ Bính Canh
Tuất Mão Tuất Dần
Mệnh này thực thần Tuất tại trên năm, chứng tỏ nữ tính chi bề trên, có thể là mẹ hoặc mẹ vợ, cụ thể là người nào, thì yếu tỉ mỉ phân, nguyên

nhân Tuất cùng thê cung chi Tuất giống nhau, thì chứng tỏ cùng vợ quan hệ gần đó nhất định là mẹ vợ.

Càn:
Tân Bính Tân Bính
Mão Thân Tỵ Thân

Mệnh này Tỵ Thân hợp, Thân trên có Bính, Tỵ cùng Bính đều là quản lý ý tứ, thuyết minh người này quản lý cái này "Thân", "Thân" đại biểu cái gì, tòng Địa Chi tượng trên giảng hữu cơ khí, vận chuyển ý tứ; lại nhìn thập thực nó là kiếp tài, hữu cơ giới, vận tác, giao dịch ý tứ, như vậy nhất định vị, "Thân" chính là vận chuyển cơ khí, hắn quản cơ khí vận chuyển, nhân tiện rõ ràng hắn là một công nhân. Thực tế chính xác.
Hỏa Kim tổ hợp, Bính Thân Tân nhật chủ, đương quân đội rồi. Trên giờ Bính Tân hợp là bị quản lý khống chế ý tư, với lại Tỵ Thân hợp, Tỵ là tọa chi, Tỵ = Bính, cho nên, hắn với lại quản Thân rồi!

Dùng bát tự để xem sự việc:

Bính Ất Canh Ất
Tuất Mùi Tuất Dậu

Bính là thất sát, là tòa án. Tuất là bạn bè, trên năm Tuất là bạn bè cùng học, phục ngâm đến nhật chi, tòa án hướng về nhà ngươi (Tuất), Ất Dậu năm phát sinh kinh tế kiện tụng (Canh Ất Dậu), hợp tài. Một miếng đất khiến cho tam phương kiện tụng. Mùi Tuất Dậu là tam phương. Đem Dậu hại, thắng kiện tụng.

Nhàn Chú: Bính là thất sát, là tòa án. Nhật chi Tuất là bạn bè, trên năm Tuất là bạn bè cùng học; Bính Tuất nhất trụ là bạn bè hắn cùng học cách làm quan,

Tòa án hướng về hắn . Mùi nhất phương, Tuất chính mình, Dậu là một phương khác; đối phương có nhược điểm trong tay chính mình, nguyên nhân Tuất hại Dậu (Tuất vượng), Mùi Tuất hình phạt, nhưng là tính đồng đảng; Nguyệt Lệnh tài rất lớn! Ất Dậu năm phát sinh, song hợp Canh, kinh tế kiện tụng, Ất Mùi là đất đai kiện tụng

Hai, hợp tượng nguyên tắc

Trong bát tự một chữ, thông qua can chi, cung vị, thập thần hoặc thần sát chư tượng hai người ở trên phục hợp miêu tả, đạt được một tượng, là hợp tượng. Hợp tượng thường thường hai loại bất đồng tượng, nhưng có thể định nghĩa một phương khác, hoặc là có thể thuyết minh một phương khác. Như Bính hỏa nhật chủ kiến Mậu giờ Tuất, Tuất có công trình kiến trúc ý, Mậu Tuất đều là thực thần, thực thần có tác phẩm ý, như vậy một tổ hợp tựu thành kiến trúc tác phẩm, vậy có thể lý giải thành kiến trúc thiết kế. Hợp tượng tức bất đồng chi nghĩa thông qua hợp hình thành tân hợp chi tượng.

Càn:

Nhâm Quý Bính Mậu
Tý Sửu Dần Tuất

Mệnh này Dần là ấn là công tác, Dần vừa là công môn, cơ quan, nên là quốc gia đơn vị, khả phán rằng công chức; Mậu Tuất nhất trụ trước giảng, khả chứng tỏ kiến trúc thiết kế, với lại là thực thần, chứng tỏ tư tưởng chi nghĩa, chính là kiến trúc thiết kế. Nên hắn là quốc gia công chức, tiến hành kiến trúc thiết kế. Dần Sửu ám hợp có bao nhiêu loại hàm nghĩa, nơi này Nhâm Tý Quý thủy nhiều, Sửu với lại là thấp thổ, biểu thấp, Dần chủ gió, nên hắn có phong thấp bệnh.

Hợp tượng đệ nhị loại tình hình là: Thiên Can ngũ hợp cùng Địa Chi lục hợp, tương hợp song phương có thể hỗ dụng đối phương tượng. Tương hợp giống như phu thê kết hợp thành một nhà, mặc dù lúc đầu bọn họ đều không giống nhau, nhưng một khi đi cùng một chỗ, chính là ngươi trong có ta, ta trong có ngươi. Tương hợp song phương hợp tượng đặc tính là (bát tự nguyên cục trong có hợp mới áp dụng): 1 cái mới có thể định nghĩa một phương khác tính chất cùng đặc thù, như "Kiếp tài hợp tài", có thể chứng tỏ là "Cướp lấy và đạt được tài" ; "Thực thần hợp ấn" ấn là học vấn, thực thần là tư tưởng, khả chứng tỏ là một loại tư tưởng tính chất học vấn, tức là "Học thuật" ; như là "Thương quan hợp ấn", thương quan là kỹ nghệ hoặc nghệ thuật, đó có thể chính là chứng tỏ "Kỹ năng" hoặc "Kỹ nghệ" rồi.

Càn:
Tân Giáp Đinh Bính

Sửu Ngọ Sửu Ngọ

Mệnh này kiếp tài Bính hợp tài, chứng tỏ hắn lấy tài phương pháp là dụng kiếp phương thức, không phải hợp pháp lao động đoạt được, tài tại trên năm, là hắn người tài, với lại tài khố cùng lộc tương hại, chứng tỏ là thông qua lén lút đấu và được tài, thực tế là một dân cờ bạc. Nguyên nhân Sửu Ngọ chi hại, chủ yếu là Sửu phá Ngọ, đến Đinh Sửu năm Sửu phá Ngọ, đánh bạc thua và bị ép xuất ngoại trốn khoản nợ. Nhàn Chú: kiếp tài hợp tài, hại, không có cách nào khác khai khố!

Khôn:

Nhâm Kỷ Ất Đinh Mậu Đinh Bính Ất Giáp
Tý Dậu Sửu Sửu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn

Mệnh này là Đinh Nhâm hợp, ấn hợp thực thần, ấn là công tác đơn vị, Đinh là văn hóa chi tượng, Đinh vừa là thực thần chủ vậy chủ văn hóa, lưỡng tượng hợp nhất càng chứng tỏ văn hóa. Đinh hợp đến Nhâm thủy ấn tinh, thì chứng tỏ nàng công tác đơn vị là văn hóa cơ cấu. Sửu Dậu củng là chủ yếu công, biểu có quan vị, nguyên nhân củng sát. Bính Ngọ vận chi Ngọ vận, không tốt lắm, nhưng là bất quá lợi hại, Quý Mùi lưu niên, Ngọ Mùi hợp kết đảng, bất hảo. Ất Dậu năm lại có việc làm mới. Bính Tuất năm sau nửa năm công tác phải có vấn đề nhỏ. Nhưng nguyên nhân nguyên cục kim thủy đảng đại, không sợ, Ất Tỵ vận hảo, thành sát cục rồi, mà chính mình đến, sát cục bất khắc chính mình, trái lại tố công rồi

(chú: trên năm quan ấn biểu công tác đơn vị)

Càn:

Mậu Kỷ Quý Kỷ
Thân Mùi Tỵ Mùi

Mệnh này ấn tinh Thân hợp tài tinh Tỵ, Thân vừa là kiếp tài chi trường sinh, Thân liền có thể miêu tả thành như vậy tượng: nó là 1 cơ cấu (ấn tinh), với lại có rất nhiều tiền (hợp tài tinh), mà tác phong hiểm tính chất (ấn trong có kiếp tài tinh), thực tế người này làm việc liên quan đến cổ phiếu, là một nhà chứng khoán công ty lão tổng.

Càn:

Canh Ất Quý Canh (Khổng Tường Hi)
Thìn Dậu Mão Thân

Mệnh này mãn bàn là kim, lại nhìn Mão Thân hợp, là kim chế Mão mộc, ấn chế thực thần. Bát tự không có tài, Mão là thực thần, là tài nguyên thần, khả đương tiền ngọn nguồn xem. Canh Thân kim vốn có tài chính hàm nghĩa, hợp tài nguyên thần càng xác định không thể nghi ngờ ngân hàng hàm nghĩa. Canh Thân là ấn, là quyền lực ý tứ, cho nên tòng hợp tượng nhìn hắn là ngân hàng đại quan viên, thực tế là trung ương ngân hàng hành trường.

Càn:

Nhâm Kỷ Quý Ất
Dần Dậu Dậu Mão

Xem mệnh này lúc trên Ất Mão thực thần đại biểu cái gì? Thực thần đại biểu đệ tử, ra bây giờ trên giờ, chứng tỏ tuổi tác vô cùng chi nhỏ, như thế hệ sau, đệ tử . Cái này đệ tử có thể ở hắn trong mệnh cục hiện ra, với lại xung phu thê cung, có thể thấy được quan hệ không giống thông thường. Thực tế chính xác như thế, hắn tìm một nhỏ hắn hơn hai mươi tuổi tình nhân, là hắn đệ tử. Hắn là hiệu trưởng trường học, Giáp Thân năm Giáp Kỷ hợp hái được quan mũ, bất đương quan rồi. Dậu phục ngâm, hai lần hôn nhân.

Càn:

Đinh Nhâm Ất Mậu Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính
Mùi Tý Sửu Dần Hợi Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ

Sửu là âm u, dương chế âm, công an tổ hợp. Tẩu Mùi vận là công an. Khố mở. Khố không ra chính là tổ chức bộ.

Nhàn Chú: ấn chủ quyền, Sửu làm quan khố, Bính Tý năm thăng. Tuất vận Mùi xung Sửu, tỷ kiếp khố xung quan khố, trước tiên ở lao động cải tạo ngành, sau đến tổ chức bộ.

Càn:

Mậu Bính Ất Mậu Đinh Mậu Kỷ Canh Tân
Thân Thìn Sửu Dần Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu

Công an trưởng phòng. Dương nhận chế âm, Sửu là xã hội đen. Tân Dậu quyền lực lớn nhất.

Nhàn Chú: màu lam Thân Thìn Sửu là âm, màu đỏ Dần là dương, lấy dương chế âm, công an trưởng phòng! Dần là kiếp tài, là mang thương! Nhất định phải tẩu thất sát vận mới đương quyền! Thân vận không có chuyện gì, Tân Dậu vận quyền lực đại, thương quan hợp sát, Bính Tân hợp rồi.

Khôn:

Quý Bính Kỷ Bính
Mão Thìn Sửu Dần

Nữ công an, Đinh giờ Mão là hắc đạo. Nhàn Chú: hồng chữ là dương Mão hại Thìn âm, là công an!

Tam, hóa tượng nguyên tắc

Hóa tượng là chỉ trong bát tự hai người hoặc hai người ở trên tượng, thông qua hội hợp hoặc sinh hóa tác dụng, chuyển hóa thành một tân chi tượng, cái này tân tượng có thể thông qua lúc đầu tượng suy diễn và được. Như sinh, tam hợp cục, bán hợp cục đều là một loại chuyển hóa.

Thường thấy chính là như âm mộc (Mão mộc) nhóm lửa (bất phân âm mộc trước sau), có thể tưởng tượng thành tơ tằm chế biến, thông thường đến giảng chính là hàng dệt, vải bố hoặc trang phục. (chú: mộc là ấn, thông thường là tố dệt hoặc tơ tằm chức công tác, hỏa là tài, thông thường là đem trang phục làm ăn.) dương mộc sinh hỏa biểu đồ dùng trong nhà, tài sản gia đình, trang hoàng. Thìn phối Tý là công nghiệp hoá chất, cũng là hóa tượng.

Âm mộc --- hỏa, đẹp, dệt.

Dương mộc --- hỏa, đẹp, đồ dùng trong nhà, trang trí.

Thìn --- Tý, công nghiệp hoá chất, chế dược, tinh chế.

Khôn:

Tân Tân Bính Giáp
Mão Sửu Thìn Ngọ

Phán quyết mệnh này tạo sở tiến hành nghề. Mão mộc ấn tinh sinh nhật chủ chi hỏa, Mão ấn đại biểu công tác, thuyết minh nàng công tác đơn vị là dệt hoặc thêu thùa nhà máy, thực tế người này tại thêu thùa nhà máy công tác.

Khôn:

Quý Đinh Quý Quý
Mão Tỵ Sửu Hợi

Mệnh này cũng là âm mộc sinh hỏa, nhưng nàng hỏa là tài tinh, thuyết minh nàng vốn là từ đó lấy tài , phán rằng đem trang phục làm ăn. Quả là, nàng tiến hành trang phục bán buôn vài chục năm rồi.

Càn:

Đinh Kỷ Canh Canh
Dậu Dậu Tý Thìn

Xem mệnh này tiến hành nghề, bát tự không có tài, lấy thương quan Tý thủy đương tiền tài. Tý Thìn hợp thủy cục, Thìn là thủy khố, tượng bùn đất, tòng bùn đất ra thủy, có tinh chế hàm nghĩa, cho nên phán rằng đem công nghiệp hoá chất tinh luyện, thực tế chính xác. Công nghiệp hoá chất là một nghề hiện đại, cổ đại là không có, cho nên "Tượng" có thể thông qua hợp lý suy lý và đạt được.

Càn:

Quý Bính Mậu Bính
Mão Thìn Tý Thìn

Mệnh này tại chế dược nghiệp, hắn là một giám đốc. Như thế nào có thể nhìn ra tiến hành chế dược, cũng là Tý Thìn hợp chi tượng.

Càn:

Canh Mậu Bính Kỷ
Tuất Dần Tý Sửu

Xem mệnh này nghề nghiệp, chủ yếu xem ấn tinh. Trụ tháng thực ngồi ấn, ấn tinh Dần cùng thực thần Tuất thổ củng hỏa, hỏa chủ văn hóa, thực thần là văn hóa ngành, Tuất vậy là văn hóa ngành, nên hắn tại văn hóa cơ cấu công tác, thực tế là một giáo viên. (Nhàn Chú: nhưng chủ vị Tý bị Sửu hợp, vô công, không có quan đương), hỏa thổ thương quan không làm công, hỏa thổ thực thần tố công, Tý Sửu mặc dù hợp, nhưng không phải một nhà. Loại này tổ hợp chính là lão sư. Tọa quan tinh hợp Sửu, không thích tố lão sư, thích làm quan, nhưng Tý Sửu hợp không làm công.

Khôn: (Hình Tú Phân theo học manh sư Hạ Trọng Kỳ, bà đã xuất bản cuốn sách nổi tiếng “Mệnh thuật dật văn”)

Ất Ất Bính Canh
Mùi Dậu Tuất Dần

Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân
Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão

Hạ lão phán quyết: là lão sư (chú: Dần Tuất củng hỏa), nhưng không có văn hóa (chú: không rõ tại sao phán quyết không có văn hóa?). Ất Canh hợp, ấn biến thành tài, nên hạ lão không dạy nàng, nói nàng muốn đem hạ bán khắp thiên hạ, Nhâm Ngọ (Nhâm thủy hư thấu) năm yếu ra đại danh, hôn nhân phá hủy. Nhâm Ngọ bất tự hợp, Bính Nhâm nhất xung, động rồi, nhưng hại tài, nên phát không được đại tài, chỉ có thể phát điểm nhỏ tài. Như là Đinh Dậu nhật chủ kiến Tuất lại là được tài chi mệnh. Dậu biểu huyền học, hại chủ vị, chứng tỏ mệnh học trình độ không cao, hỏa chủ thần kinh, hỏa rất vượng rồi, nên tố chất thần kinh, thần kinh có chuyện.

Bốn, mộ tượng nguyên tắc

Mộ là cất dấu, khống chế như thất sát vào dương nhận mộ, biểu quân đội, quân đoàn. Thực thương khố chứng tỏ trường học, nhà xưởng.

Càn:

Kỷ Tân Mậu Giáp
Mão Mùi Thìn Dần

Mùi là thất sát chi mộ, chính là quyền lực trung tâm ý tứ, và Mùi thổ tại trong bát tự vừa là dương nhận, dương nhận lại có quân đội ý tứ, thất sát vào dương nhận mộ, biểu quân đội, thuyết minh hắn là một quan quân. Thực tế là thiếu tướng.

Nhàn Chú: Dần Mão nhập Mùi khố, chưa vào Thìn khố, quân đội sư cấp!

Càn:

Mậu Bính Ất Mậu
Thân Thìn Sửu Dần

Mệnh này tọa chi Sửu thổ là khống chế Thân kim chính quan, Thân có quân đội, tư pháp chi tượng, hắn nhất định là quân đội, công an, kiểm sát viện, tòa án... Ngành công tác, lại nhìn Sửu có bí mật chi tượng, như vậy loại trừ kiểm sát viện cùng tòa án . Thực tế hắn là cơ quan công an quan viên. (Thân Sửu là tù ngục tổ hợp, nhưng thấy Dần cùng hai người Mậu, là dương chế âm, đây là điển hình công an tổ hợp, là một cấp phòng quan.)

Càn:
Đinh Quý Tân Đinh
Mùi Mão Mão Dậu

Mệnh này chi tài tinh mộ vào chi năm Mùi, Mùi thổ có kiến trúc hàm nghĩa, Mão mộc lúc này khả lấy vật liệu xây dựng chi tượng. Thổ Mộc Chi tổ hợp khả chủ bất động sản hoặc kiến trúc nghiệp. Thực tế hắn tiến hành kiến trúc thi công. (tài xung lộc, nhập Mùi mộ, là một chủ thầu. Ấn mang quan mũ, xung lộc, rất khổ cực, rất mệt.) Ất Dậu năm Bính Tuất nguyệt, tai nạn xe bị thương, nguyên nhân Dậu là xe, Mão Dậu xung, Tuất nguyệt dẫn động. Năm nay Bính Tuất năm có chuyện, không phải tai nạn xe rồi, nguyên nhân hợp trói rồi, tài lưu chuyển tiền có chuyện, công trình có thể cũng bị tiền nợ. Mão Dậu xung vào Mùi xung Dậu, công lớn. Như trên giờ không xung, sẽ không dụng.

Nhàn Chú: song Mão nhập Mùi khố, thổ mộc kết cấu, tố thổ mộc công

trình . Lộc xung tài, rất khổ cực chủ thầu! Nguyên nhân Dậu xung Mão, Dậu tương đương Sửu rồi, cho nên, mở Mùi khố. Tẩu Kỷ Hợi vận phát tài, nhưng Quý Mùi không phát, nguyên nhân đến mùa đông mới đổi lại vận. Giáp Thân năm có công trình rồi, đoạn đường phát! Sang năm Đinh Hợi rất tốt!

Càn:

Đinh Quý Kỷ Kỷ
Mùi Mão Mão Tỵ

Không có hôn nhân, mộ đến khách vị, có tiền, khố không khai.

Năm, chế tượng nguyên tắc

Bát tự có hợp chế, cũng có khắc chế, xung chế, hình phạt chế cùng hại chế, cái này chế pháp cũng có thể lấy phục hợp tượng, hoàn suy đoán một người tiến hành nghề.

Khôn:

Nhâm Canh Bính Tân
Dần Tuất Ngọ Mão

Thực thần củng ấn, trung học hiệu trưởng. Nhàn Chú: mộc hỏa chủ văn, Nhâm Dần mang tượng, trung thần tại chủ vị

Càn:

Đinh Tân Ất Đinh
Mùi Hợi Tỵ Sửu

Đinh là thực thần, học vấn. Sửu là manh phái.

Càn:

Đinh Quý Bính Nhâm Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính Ất
Mùi Sửu Tý Thìn Tý Hợi Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ

Mệnh này yếu điểm là Sửu Mùi tương xung, Quý thủy Tân kim trong Sửu

chế khử Đinh hỏa cùng Ất mộc trong Mùi. Sửu là tài khố, tài khố chế kiếp tài cùng ấn khố, kiếp tài có giao dịch, vận tác hàm nghĩa, có thể suy đoán, hắn lấy tài phương pháp cùng phương thức là tư bản vận doanh. Vì sao không phải đem đầu cơ làm ăn đây? Bởi vì Mùi này ấn khố, ấn chủ thực thể, có tiến hành thực nghiệp hàm nghĩa. Thực tế chính xác như thế. Không phải làm quan , quan sát đương tài xem. Văn hóa vậy đem, chủ yếu là bất động sản. Nhưng hắn kinh doanh phạm vi hội rất rộng, bây giờ vừa mới khởi bước, đã có hơn một tỷ, phỏng chừng Dậu, Thân, Đinh Mùi vận 30 năm xuống tới ít nhất mấy chục tỷ. Giỏi về tố tiền vận tác. Hiện thu mua một nhà chứng khoán sở. Mùi: ấn khố, có xí nghiệp quy mô . Tỷ kiếp biểu vận tác, Mùi trong ngậm Đinh, chủ yếu là trên đầu ngồi tỷ kiếp, Đinh Nhâm hợp, bị chủ vị khống chế được rồi, tài chế kiếp, biểu vận tác chi tài. (tố văn hóa cùng bất động sản, Đinh Mùi mang tượng, Sửu Mùi xung đổi lại tượng rồi, Mùi là tài rồi! Kỷ Dậu, Mậu Thân, Đinh Mùi vận tốt lắm, nhưng đến Ngọ phản)

Càn:

Canh Kỷ Bính Canh
Tuất Mão Tuất Dần

Kỷ Mão là mẹ, Mão Tuất hợp tượng cũng là mẹ (đây là một loại trạng thái), Thìn vận mẹ tử, Thìn phá hủy Mão Tuất hợp trạng thái, Mão sẽ không là mẹ rồi.

Càn:

Quý Ất Giáp Kỷ Giáp Quý Nhâm Tân Canh Kỷ
Mùi Mão Tý Tỵ Dần Sửu Tý Hợi Tuất Dậu

Này là Nhạc Phi mệnh tạo. Mùi dương nhận chi khố, là chứng tỏ tập đoàn quân. Cái này tập đoàn quân muốn làm gì, đến hại chế nhật chủ tọa Tý thủy, Tý thủy là ấn, chứng tỏ quyền lực, cho nên, là chứng tỏ hắn bản thân có được quân đội quyền khống chế ý tứ. Nhàn Chú: Tý vận tặc thần đến, Tân Hợi vận Tân Dậu năm phản cục, Tân Hợi mang tượng, Hợi Mão nhất hợp phản cục rồi! Tân đến = Hợi đến, Hợi thứ nhất là thể là Tần quái, thừa số thủy bất sinh Mão mộc, tử mộc! Tử mộc thấy thủy thì hủ!

Từ Suất:

Tân Mậu Canh Tân? Kỷ
Sửu Tuất Dần Tỵ? Mão

Sửu là quân đoàn, Tuất làm quan sát khố. Nhàn Chú: mộc hỏa có thế chế tỷ kiếp khố Sửu, Tuất làm quan sát khố! Hai lần kết hôn, vợ đầu bị quốc dân đảng sát hại, trường chinh hành khất nửa năm, nguyên nhân không dám lộ diện.

Càn:

Ất Nhâm Giáp Giáp
Mùi Ngọ Tý Tuất

Mệnh này tạo cùng Nhạc Phi có chỗ tương tự, đều là dương nhận khố hại ấn, có quân quyền ý tứ. Nhưng hắn trong mệnh có Ngọ Mùi tương hợp, Ngọ là thương quan tinh, có đầu óc ý tứ, vừa là hỏa, tượng văn, nên hắn là quan văn trong quân đội , không phải quan võ. Thực tế là trong quân chính ủy.

Càn:

Ất Bính Giáp Giáp Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh Kỷ
Mùi Tuất Tý Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn Mão

Giáp sinh Bính là văn hóa, Quý Mùi vận làm quan, Bính Tuất năm bất thăng quan. Tuất khắc không được Tý. Nhâm Ngọ, Quý Mùi năm thăng quan. Bính Tuất năm đến trường học đương hiệu trưởng.

Nhàn Chú: cũng là dương nhận khố hại ấn, Tuất là thực thần khố là trường học. Võ hành trong quan văn, đầu tiên là đại học giảng dạy, sau nhậm trung cấp toà án nhân dân viện trưởng. Tẩu Mùi vận điều đến tòa án làm quan! Tân Tỵ vận Bính Tuất năm thăng không được quan. Quý Mùi năm thăng chính cấp sở ; nguyên nhân Tuất khắc Tý thủy, không làm công rồi, còn nữa Tuất phá hủy Mùi! Mùi hại không được Tý, cho nên năm 2006 bất thăng!

Càn:

Ất Kỷ Đinh Canh
Mùi Mão Sửu Tuất

Mệnh này trung tâm là Sửu Tuất tương hình, loại này hình phạt là hỏa trong Tuất chế phá kim trong Sửu ý tứ. Sửu là tài khố, cho nên là một mệnh phát tài. Tuất là kiến trúc, Mão Tuất hợp hình thành thổ Mộc Chi tượng, nên hắn là đem bất động sản kiến trúc nghiệp phát tài , thực tế chính xác.

Lục, mang tượng nguyên tắc

Mang tượng là can chi tượng ứng dụng nguyên tắc, manh sư phái mệnh lý đem can cùng chi thống khởi đến xem, can tượng trưng cái đầu của một người , và chi tượng trưng tứ chi của một người. Chúng ta nhận thức một người, đầu tiên là xem đầu của hắn tượng đặc điểm, tiếp theo mới là thân thể đặc điểm. Cho nên mang tượng nguyên tắc chính là: nhất trụ can chi, lấy can đến thống chi chi tượng, can quyết định chi tượng chi đặc điểm; có khi khả lấy can chi phục hợp chi tượng, cũng là lấy can là chủ đạo.

Tài mang quan mũ: nhà nước chi tài.

Quan mang tài mũ: quản lý tài quan.

Ấn mang quan mũ: quyền lực.

Ấn mang tài mũ: biểu tiền lương, tức đi làm dẫn tiền lương, ấn là đơn vị, tài đến từ ấn trong ý. Tài mang ấn mũ cũng là đồng dạng ý tứ.

Càn:

Nhâm Canh Tân Ất
Tý Tuất Sửu Mùi

Mệnh này tiến hành kiến trúc cùng bất động sản nghiệp, như thế nào nhìn ra? Nguyên nhân hắn lấy Ất Mùi chi tài, Mùi có kiến trúc hàm nghĩa, gia tăng Ất mộc thấu can, hình thành thổ mộc tổ hợp, nhân tiện chứng tỏ bất động sản nghiệp.

Càn:

Quý Giáp Mậu Quý Quý Nhâm Tân Canh Kỷ
Tỵ Tý Ngọ Hợi Hợi Tuất Dậu Thân Mão

Mệnh này Mậu Quý hợp, tòng biểu tượng trên xem là lấy Quý thủy tài, chúng ta lại nhìn Quý thủy là cái gì, nó thị tòng Nguyệt Lệnh Tý thủy lộ ra (Tý cùng Quý là thông lộc quan hệ, có thể đại biểu lẫn nhau). Lại nhìn Tý thủy, nó dẫn theo thất sát Giáp Mộc Chi tượng, thất sát là quyền lực, Giáp Tý nhất trụ nhân tiện chứng tỏ "Quản tài quyền lực" . Như vậy hắn hợp Quý thủy, trên thực tế là có tài quyền, thực tế mệnh này tại Canh Thân đại vận cầm tài quyền. (tài mang quan mũ, quan thống tài rồi, tài mang quan mũ biểu nhà nước tài, do hắn quản lý. Nguyệt Lệnh tài rất lớn, Ngọ Hợi hợp, chế chủ vị ấn, là quản tài quan, là huyện Địa quặng mỏ cục cục trưởng, Canh Thân vận đương , Tý Ngọ xung chứng tỏ chế ý tứ, Thân vận sinh Tý xung Ngọ là ứng . Kỷ vận Giáp Kỷ hợp, Kỷ là kiếp, với lại vượng, nhất hợp, bị miễn chức rồi, quan bị người khác đương rồi. Tuất vận kém cỏi nhất, đem ấn lộc cấp phá hủy. Vốn Giáp mộc yếu khắc chính mình, Quý thủy hợp lại đây. Nhàn Chú: hợp trên giờ tài, biểu quan lý cùng khống chế tài. Địa quặng mỏ cục trưởng, Kỷ vận năm thứ nhất bỏ quan rồi! Nói là ăn hối lộ.

Càn:
Tân Tân Bính Quý
Sửu Mão Dần Tỵ

Mệnh này xem trên giờ Quý Tỵ nhất trụ, Tỵ là lộc, Quý là quan, chứng tỏ chính mình trên đầu dẫn theo một quan. Cái này quan tinh đến từ chính nơi nào? Quý cùng Sửu là nửa thông lộc quan hệ, Sửu là tài khố, có thể khẳng định, hắn là một quản lý tài quan. Thực tế chính xác. Cũng không phải Bính nhật chủ Quý giờ Tỵ có quan vị, mệnh này còn có một cái, chính là Dần mộc ấn tinh tọa chi, là có đơn vị ý. (hợp tài, thân vượng. Dần Sửu ám hợp, Quý đại biểu Sửu, nhất lộ ra đến, nhân tiện chứng tỏ hắn có quan rồi. Đinh Hợi vận là phó chức ý tứ (chú: Đinh kiếp tài ngồi ở trên sát), Mậu Dần năm thăng . Vận này thân thể bất hảo, gan có chuyện, hiện kiêng rượu. Bệnh thấp (các triệu chứng lên nấm ở chân tay, ngứa mẩn) bị hợp đã trở về, gan u rồi. Bính Tuất vận hợp Nguyệt Lệnh, hình phạt Sửu, hình phạt lợi hại hơn rồi, như là hợp đến trên giờ, hình phạt nhân tiện lực lượng nhỏ. Vận này phát tài, cùng người khác hùn vốn, chính mình có cổ phần. Tuất vận Tỵ nhập mộ, có thể bất đương quan rồi, phát tài rồi. Dần Tỵ hại, vợ cùng mẫu thân bất hòa. Dễ dàng bị xuất huyết não. Dần là đầu, hại mạch máu. Phu thê cung ổn định. Ly cách không được.
Càn:
Giáp Quý Mậu Đinh

Ngọ Dậu Tý Tỵ

Mệnh này Mậu Quý hợp, nhật chủ hợp tài, tượng là mệnh phát tài. Nhưng trên thực tế người này là một quan viên, tài là có, nhưng không phải chủ hạng. Vì sao, nhìn kỹ, mệnh này chi lộc là Tỵ, Tỵ trên can là Đinh, Đinh thông lộc Ngọ, Ngọ trên can là Giáp, Giáp là thất sát tinh, đại biểu quyền lực, như vậy chẳng khác nào Ngọ, Đinh đều là quyền lực ý tứ, quyền lực tại trên đầu lộc, tự nhiên là chứng tỏ hắn bản thân có quyền rồi. Hành vận Mậu Dần, sinh hợp Ngọ hỏa, thăng phó thị trưởng, Mậu Quý chi hợp chứng tỏ hắn là quản lý tài ý tứ.

Càn:
Bính Ất Tân Đinh
Tuất Mùi Sửu Dậu

Đinh là cửa trên quan, là bảo vệ khoa quan, phối ấn rồi, lộc thượng quan.

Đinh Dậu là người chết, là bệnh nhân. Điều kiện tiên quyết là Dậu là tài, nguyên nhân tài là nhân.

Càn:
Tân Canh Bính Đinh Kỷ Mậu Đinh Bính Ất
Mão Tý Thân Dậu Hợi Tuất Dậu Thân Mùi

Mệnh này bất làm quan, Ất Mùi vận khai y dược phòng khám bệnh kiếm tiền. Như thế nào có thể nhìn ra? Đầu tiên xem Tý thủy, nó vốn là quan tinh, nhưng mang can tài, muốn làm tiền tài xem, bất lấy quan xem (quan mang tài mũ, quan thống tài rồi, quan đương tài xem, rất lớn tài, nhưng Tý cùng chủ vị không có phát sinh quan hệ, lúc nào có thể lộng trụ nó, là có thể phát tài rồi, mặc kệ dụng cái gì phương pháp); Bính Thân vận sinh Tý thủy, vận kém, Ất Mùi vận đem Tý thủy hại chế rồi, cho nên phát tài. Ất vận mà bắt đầu tốt lắm, Mùi vận đại phát 1000 vạn. Cùng nguyên cục Tý Mão phá không có quan hệ, chủ yếu là Ất Mùi Mão Mùi kết đảng rồi, tăng mạnh chế Tý lực lượng, là mua nhà cửa sang tay bán đi phát tài, bản chức công tác là chính mình mở một bệnh viện phòng khám bệnh, chính mình cũng là một thầy thuốc, nhưng trình độ không cao. Vì sao là khai y dược phòng khám bệnh? Nguyên nhân Mùi hợp cục trong Mão, Mão là ấn, là nhà cửa ý tứ, và mang Tân kim tài tinh, cái này Mão chính là kinh doanh tính chất nhà cửa; lại nhìn Tân đến từ chính trên giờ Dậu, thì là mặt tiền, khai được hay mặt tiền phòng; lại nhìn Mùi có dược hàm nghĩa,

nhưng hội Mão cũng có bất động sản hàm nghĩa, cho nên phải xem thập thần hàm nghĩa rồi, dược là có thể ăn , xem bệnh là một loại kỹ năng, bát tự này Mùi thổ là thương quan, thực thần, chứng tỏ kỹ năng, cho nên là y dược phòng khám bệnh. (Đinh Dậu, là thầy thuốc tổ hợp. Ất Mùi vận, Mão chủ phòng, dẫn theo tài, thông đến trên giờ môn hộ trên, Tân Dậu một tượng, Mùi là dược phẩm hàm nghĩa. Nên mở cửa hàng chẩn bán dược.)

Càn:
Bính Bính Bính Đinh
Thân Thân Thìn Dậu

Thầy thuốc, Thìn là chén thuốc. Thìn Dậu hợp, Dậu biểu bệnh nhân, bản thân chân tàn, Thân làm trọng vật, phục ngâm rồi, bước đi tập tễnh. Mỗi khi đến Thân năm thì có sự tình, Canh Thân năm xe đụng, Nhâm Thân năm cũng có sự tình. (tỷ kiếp tại năm là chân)

Quyết: Tân Dậu kim phối Bính Đinh hỏa thì, biểu người. Đưa tỷ như hạ:

Càn:

Kỷ Mậu Bính Đinh (Adolf Hitler)
Sửu Thìn Dần Dậu

Bính thấy Dậu, Dậu là nhân, giết người vô số.

Tân Hợi có giết heo chi tượng, tức đồ tể, giết mổ.

Càn:
Đinh Kỷ Bính Đinh (Đái Lạp)
Dậu Tỵ Tuất Dậu

Dậu là nhân, Tuất Dậu hại, giết người.

Càn tạo:
Bính Mậu Tân Nhâm
Tuất Tuất Dậu Thìn

Công an cục phụ trách giết người , giết người là Bính thấy Tân, Tuất đại biểu thương, Bính phối Tân chủ nhân. Kim thủy thương quan hỉ gặp

quan, Bính Tân hợp, có quan chức. (Tân Dậu nhất trụ có thể chế sao?)

Ăn dưa hấu lý luận: ăn ruột dưa hấu, bỏ vỏ dưa hấu, phú.
Ăn vỏ dưa hấu, bỏ ruột dưa hấu, nghèo.
Vỏ ruột cùng ăn , cũng là phú mệnh.
Ăn dưa hấu điều kiện: can năm là vỏ dưa hấu, chi năm là ruột dưa hấu. Trụ năm là mang tượng hoặc thấy lộc tức là đồng tượng. Trên giờ thịt hoặc da bị nhật chủ hợp đến, chính là bị ăn.

Càn tạo:
Ất Ất Canh Ất
Mão Mão Thìn Dậu

Canh kim hợp trên giờ Ất mộc tài, vì vậy hợp năm tháng Địa Chi Mão, ăn ruột dưa hấu, chiếm được tài thực chất, cho nên người này phú. Dưa hấu rất nhiều, thoạt nhìn hẳn là là đặc biệt phú. Da thịt cùng nhau ăn , cũng là phú mệnh.

Càn tạo:
Quý Ất Bính Tân
Sửu Mão Ngọ Mão

Vương Khánh tạo, Tân tòng Sửu trong ra, Bính Tân hợp, Bính hợp chế Tân, thực tế là đạt được Sửu tài khố, cho nên phú. Lấy âm tài, Sửu là huyền học. Ăn ruột dưa hấu, bỏ vỏ dưa hấu, phú.

Càn tạo:
Quý Ất Bính Quý
Sửu Mão Ngọ Tỵ

Cùng Vương khánh cùng một ngày sinh ra, là dân công, nghèo rồi, không thể đạt được tài trong Sửu tài khố . Quý Tỵ tự hợp, ăn vỏ dưa hấu, bỏ ruột dưa hấu, nghèo.

Càn tạo:
Tân Giáp Bính Tân
Hợi Ngọ Dần Mão

Hạ lão sư phán quyết hắn là một thầy thuốc, nghèo. Giáp Tuất năm có người mướn hắn đi giết người. Tân kim, Dậu kim phối Bính, Đinh hỏa thì,

Tân, Dậu kim đại biểu người.
Mệnh này Bính, Đinh hỏa phối Tân kim, khử giết người. Nguyên cục Bính Tân hợp, Bính đành phải đến can năm chi Tân, và chưa đạt được can năm Tân tọa chi Hợi, hắn chỉ ăn vỏ dưa hấu và vứt bỏ ruột dưa hấu, cho nên nghèo.

Hợi Ngọ hợp, là người khác đem ruột cấp ăn. Nhưng Dần Hợi hợp, nhật chủ cũng có thể ăn đến ruột. Cho nên người này sẽ không cả đời nghèo.
Tân Mão vận Giáp Tuất năm, Tân Mão tới, Giáp Tuất hội dương nhận cục. Đến phương xa kiếp tài. Giáp đến Dần đến. Hội khối. Dần Hợi hợp thành lập. Này một năm được tài, Tuất dương nhận khố. Tuất hợp đến trên giờ, giờ Mão hợp trói rồi. Không đi rồi. Mão là chính ấn, là hạ lão sư dẫn đạo quá khứ(chết).

Bính nhật phối Tân giờ Mão, chủ lão sư, thầy thuốc đều là kiếm người khác tiền .

Bảy, mượn tượng nguyên tắc

Trong đó có hai loại quan hệ dưới đây có thể hỗ mượn tượng: Thiên Can thông lộc thần quan hệ, đồng ngũ hành nhưng âm dương bất đồng quan hệ. Tỷ như Thiên Can là Bính, Địa Chi là Tỵ, Bính Tỵ là một nhà , nếu như Bính không tốt lắm định tượng, đó có thể xem Tỵ định tượng như thế nào, Tỵ tượng nhất định xuống tới, Bính tượng vậy nhân tiện đi ra rồi.

Càn:
Canh Kỷ Đinh Quý
Dần Sửu Mão Mão

Mệnh này Mão làm thê cung, Dần cùng Mão đồng dạng ngũ hành thuộc tính, đó Dần vậy làm thê cung, như vậy Canh kim chính là thê tinh, trong bát tự xuất hiện nhiều thê cung cùng thê tinh, chính là có mấy lần hôn nhân. Mệnh này người vợ đầu tử, sau tái lấy.

Mệnh này Dần trên lộ ra Canh tài tinh, cũng là vợ, Canh tọa tuyệt nhập mộ, người vợ đầu sớm tử, người thứ hai lâu dài. Hai lần hôn nhân, trụ ngày và trụ giờ liên trên rồi, nên biểu một người, không phải hai người. Giáp Tuất năm tử vợ, bị sát.

Càn:
Tân Tân Bính Quý
Sửu Mão Dần Tỵ
Mão vi phó thê cung (sau này gọi tắt là phó cung), nên là hai người vợ. Đào hoa rất nhiều, Sửu thổ là đào hoa căn, Tân là đào hoa.

Càn:
Quý Canh Quý Mậu
Tỵ Thân Sửu Ngọ

Trên năm Tỵ là cha, thì Mậu vậy là cha. Quý Tỵ tự hợp, Tỵ Thân hợp, Mậu Quý hợp, nên Quý cùng Thân cùng là mẹ, thuyết minh cha có bốn người vợ (Quý trong Sửu là một). Nguyên nhân Sửu Ngọ hại, người thứ tư vợ cũng không có rồi. Mệnh này hỏi phụ mẫu tình huống, lấy Tỵ tài tinh là cha, Tỵ là Mậu lộc thần, tượng nhất trí, cho nên Mậu vậy là cha. Tỵ Thân hợp, Thân là mẹ, Mậu Quý hợp, đồng dạng tượng, Quý vậy khả là mẹ. Lưỡng Quý, nhất Thân trong có Nhâm, Sửu trong với lại nhất Quý, nhất cha phối bốn mẹ, thuyết minh phụ thân có bốn lần kết hôn, hắn bản thân là người thứ hai mẹ sinh , năm Quý là người vợ đầu, nguyệt ấn là thân mẫu.

Khôn:
Quý Giáp Giáp Đinh nghiệt tình — hạ lão sư phán quyết ví dụ
Tỵ Dần Thìn Mão

Tỵ hỏa có Canh kim, là chồng, Tỵ sinh Thìn, Tỵ là chồng rồi. Mượn tượng rồi. Đinh hỏa đồng dạng là chồng. Đinh ngồi ở con cái cung, Mão Thìn hại, là con trai của người khác. Dần Tỵ hại, chồng vậy ly cách sau kết hôn. Nếu như không có Quý thủy, Tỵ không thể nhìn chồng. Quý là Thìn lộ ra . Dần Tỵ hại, hại thực thần, thực thần chủ cô nương, nữ nhi tử, con trai là làm quan phát tài.

Nhàn Chú:
1. Quý hạ có Canh quan;
2. Quý = Thìn;
3. Tỵ làm quan, mượn tượng nhất định Đinh là tình nhân;
4 tòng tinh vị xem Đinh là thương quan là con trai, tòng cung vị xem: vừa lúc ở con cái cung;
5. Mão hại Thìn, là con trai của người khác.
(chú: phu thê cung phó cung có hai loại tình huống:

(1) thị tòng phu thê cung dẫn ra chữ hoặc phu thê cung thị tòng mỗ chữ trong dẫn ra, thì đáng chữ là phó cung.
(2) cùng phu thê cung đồng ngũ hành chữ.)

Thứ tám chương, tài mệnh chuyên tập

Cổ nhân nói: tài là dưỡng mệnh chi nguyên, quan là lập thân chi bản. Rất nhiều người hội quan tâm chính mình cả đời là có tài phú, hoặc tiến hành vào loại nào sự nghiệp mưu tài. Tòng mệnh lý học góc độ xem, cái này đều là tiên thiên cũng nhất định tốt. Bản chương lễ chủ yếu nghiên cứu tài phú cái nhìn cùng đủ loại lấy tài phương pháp, từ đó chúng ta có thể chứng kiến manh phái mệnh lý cao kì diệu.

Lễ 1, tài phú cái nhìn

Manh phái mệnh lý giảng xem tài phú, cũng không chỉ có chỉ nhìn tài tinh, trong bát tự cái khác thần tại đặc biệt tình huống có thể đương tài bàn về. Cụ thể giảng có vài loại tình hình:

Nhất, lộc thần đương tài

"Lộc" chính là y lộc, ăn uống, hưởng thụ ý tứ, cổ đại còn nghĩ nó coi như bổng lộc, là của mình hưởng dụng hoặc chiếm , có thể lý giải là tài phú. Trong mệnh chiếm lộc, không có thương thực tiết, hoặc bát tự không có tài, lộc có thể đương tài xem. Giáp lộc tại Dần, Ất lộc tại Mão, Bính Mậu lộc tại Tỵ, Đinh Kỷ lộc tại Ngọ, Canh lộc tại Thân, Tân lộc tại Dậu, Nhâm lộc tại Hợi, Quý lộc tại Tý. Lộc là có sẵn chi phúc, điều kiện là ấn sinh lộc. Lộc vậy là thân thể, biểu khổ cực ý, lấy lộc lấy tài, khổ cực cầu tài. (chú: lấy lộc đương tài, hỉ ấn, kỵ thương thực kiếp tài.)

Càn:
Quý Đinh Đinh Bính
Mão Tỵ Tỵ Ngọ

Đại vận:

Bính Ất Giáp Quý Nhâm
Thìn Mão Dần Sửu Tý

Mệnh này mộc hỏa cường thế. Đinh hỏa cùng Bính hỏa bất đồng, Bính hỏa quá vượng sợ đốt diệt, Đinh hỏa chỉ là một loại quang, nên không sợ vượng. 《 Tích Thiên Tủy 》 : Đinh hỏa "Vượng và không gắt, suy và bất

kiệt" chi bàn về. Nên đây là một rất không tệ bát tự. Lấy lộc thần Ngọ hỏa là dụng, lấy lộc đương tài xem. Nguyên nhân Ngọ ngồi Bính, nên Tỵ cũng là Đinh của mình, nên là ấn sinh lộc, lấy lộc đương tài, hưởng thụ chi mệnh, chuyện gì vậy không cần can, dựa vào vợ nuôi sống, vợ rất có khả năng, có 2000 vạn. Hành Giáp Dần vận, sinh trợ giúp Ngọ lộc, cho thấy vận này được tài; nguyên nhân là vận trong chi ấn, không phải bản cục trong chi ấn, có thể suy đoán hắn mặc dù không có quan vị, nhưng có quyền lực, xác nhận xí nghiệp chi quan. Thực tế vận này trong tố nhất đại công ti phó tổng, có thiên vạn chi giàu có. Hành tới Quý Sửu vận, Sửu Ngọ hại, lộc thương, không hề tiến hành kinh doanh.

Nhàn Chú: Ngọ lộc đương tài xem, thì lộc là quy lộc; nguyên nhân Mão sinh Tỵ, Quý Mão mang tượng, thuyết minh có quyền nhưng không có quan! Tẩu Quý Sửu vận hưởng vợ chi phúc, nguyên nhân Tỵ là vợ, Ngọ vậy khả đương vợ (Tỵ = Bính), tẩu Sửu vận, Tỵ Sửu củng tài, cho nên hưởng vợ phúc.

Càn:
Đinh Bính Canh Đinh Ất Giáp Quý Nhâm
Mùi Ngọ Thân Sửu Tỵ Thìn Mão Dần

Mệnh này bát tự không có tài, lấy lộc đương tài phú xem. Vợ hưởng phúc, mãn bàn quan sát, lấy lộc đương tài, khổ cực cầu tài. Trên giờ Sửu là lộc khố, tại môn hộ lộc, không sợ vượng quan sát chi khắc (Thân nhập Sửu mộ). Người này rất có khả năng, lái xe vận chuyển kiếm tiền, nguyên nhân Thân là vận chuyển chủ xe. Quý Mão vận tài tinh hợp lộc, phát tài mười năm. Quý Mão vận hảo, lộc chế trụ tài đại vận vậy là được tài. Nên lấy lộc đương tài cùng lấy tài đương tài bất mâu thuẫn. Giáp Tý vận khí Mậu Dần năm dưỡng xe bồi thường lục vạn. Nhâm vận còn có thể, Dần vận phá hủy, bị bệnh đường nước tiểu , không thể làm việc rồi. Dần vận cũng có tổn hại huynh đệ tượng, tượng Bính Tuất năm sẽ không hảo, tỷ kiếp lâm tuyệt với lại gặp xung. Lấy lộc đương tài phú thì, lộc thần chế tài tinh khả phát tài. Cùng hắn cùng một ngày sinh người em nguyên nhân sinh vào Dần thì, Giáp Tuất năm vợ chết. Mệnh này Sửu là kim khố khả dưỡng kim, vợ không thấy hung.

Nhàn Chú: Canh kim liên thể dụng kim thủy, Bính Ngọ là kỵ, không cần, Đinh Mùi vô dụng! Tọa lộc nhất định phải dụng! Thân là lộc là xe, nhập Sửu khố tố công! Sửu là ấn tại trên giờ là xe, tố vận chuyển ! Quan sát khắc chi, thân thể bất hảo! Lộc thần hợp tài hoặc chế tài cũng là được tài!

Quý Mão vận phát tài, Nhâm Dần vận, Thân Dần xung, Dần sinh Ngọ hỏa quan rồi, cho nên, là con cái tiêu tiền! Nguyên nhân hỏa vượng rồi, phá hủy Thân, bất sinh thủy rồi, cho nên, bị bệnh đường nước tiểu (thận)! Quan sát không có nguyên thần cũng đương nữ nhi xem! Khác Bính là thất sát, Sửu Ngọ hại biến thành nữ nhi! Mùi tài là con trai.

Lộc tác dụng thần sợ nhất thấy kiếp tài, kiếp tài có phân lộc ý. Như sau ví dụ nhân tiện chính là:

Khôn:
Mậu Bính Kỷ Kỷ Ất Giáp
Ngọ Thìn Mùi Tỵ Mão Dần

Kỷ lộc tại Ngọ bất tại Mùi, Ngọ lộc kề sát kiếp tài, sinh kiếp, thuyết minh tổ tiên nàng có sản nghiệp tổ tiên cũng sẽ phân cho các huynh đệ, cùng nàng vô duyên. Lấy Ngọ lộc đương tài phú, kỵ Thìn tiết lộc. Giáp Dần vận Dần mộc sinh hỏa lấy cát xem. Nhưng gặp Canh Thìn năm, Thìn thổ kiếp tài tiết lộc là hung, năm này bị trộm cướp phá tài, cũng may gặp đại vận cát, phá án tìm được đồ.

Nhàn Chú: bát tự không có tài, không có thực thương, năm lộc đương tài. Ngọ sinh kiếp, sản nghiệp tổ tiên phân cho huynh đệ. Ngọ với lại sinh Thìn, Thìn đỉnh Bính vậy là kiếp, Bính = Mậu, mà mang tượng! Mậu Ngọ vậy vì thế tượng! Giáp Dần vận Giáp Kỷ hợp, quan giúp nàng, nguyên nhân Dần sinh lộc, Giáp = Dần, cho nên, quan phương là giúp nàng ! Nhưng Canh Thìn năm, Thìn cướp tài! Chưa vào Thìn mộ, kết hôn không được tốt, Giáp vận kết, Dần vận ly cách? Tỷ kiếp khắc phu!

Càn:
Quý Mậu Kỷ Giáp Đinh Bính Ất Giáp
Mão Ngọ Dậu Tuất Tỵ Thìn Mão Dần

Mệnh này Nguyệt Lệnh chiếm lộc, cùng chi giờ củng lộc cục. Nhưng thấy Dậu kim thực thần, thực thương có thể phá lộc. Cũng may này lộc có thể khắc thực thần, khử thực thần là cát. Hành Ất Mão vận bắt đầu phát tài, đến nay đã thành vài trăm vạn phú ông.

(dụng kiếp, là phú mệnh. Tọa chi thực đương vợ xem, hại, bất tử tức ly cách, thực tế là phát tài sau ly cách, thứ hai kết hôn nhỏ hơn hắn mười mấy tuổi, lớn lên xinh đẹp, lấy Tân trong Tuất xem. Lúc đầu rất nghèo, Ất

Mão vận xung chế Dậu, Giáp Dần vận hội vượng ấn cục, phát tài 20 năm. Quý Sửu vận bất hảo, Đinh Sửu năm phá tài, là vì huynh đệ đảm bảo 30 vạn tệ, huynh đệ cấp không được, hắn hoàn ngân hàng. Hắn lấy 3 vạn tệ lập nghiệp, là tiếp nhận một cửa hàng bán lẻ tự động (nguyên lai là phía nam người làm , nguyên nhân làm không nổi nữa, họ chuyển nhượng với giá thấp, hắn tiếp nhận sau thị trường bắt đầu sôi động, đại phát mấy ngàn vạn). Kiếp tài Mậu là kỵ thần, cho nên tiền từng bị nhất biểu huynh đệ đã lừa gạt hai lần. Trong đó Mậu Dần năm, Mậu thổ đến, vì huynh đệ tổn hại quá tài. Canh Thìn năm vừa là kiếp tài năm, vì huynh đệ đảm bảo 30 vạn cho vay hữu khứ vô hồi, ngân hàng tìm hắn hoàn khoản, cho hắn rất nhiều phiền toái.

Nhàn Chú: Kỷ Giáp hợp, Tuất nhất định phải dụng; Mão Ngọ Tuất thành thế, chế thương quan, như năm tháng thủy thấp thổ vượng thì phản cục! Nội thực thần tố xí nghiệp , mệnh này Quý là tài, Ngọ vậy là tài, Dậu cũng là tài! Ất Mão vận, Mão xung Dậu, phát tài! Nhưng Mão Ngọ phá là huynh phá tài! Tỵ đến, tỷ kiếp đến, tỷ kiếp phân lộc! Tỵ đến Mậu đến, Bính Thìn vận bất hảo, Thìn sinh Dậu, xung Tuất, Thìn vận phản cục, Bính Mậu một tượng, đem lộc đương tài xem! Huynh đệ nhiều! Ất Mão vận Bính Tý vận phát tài, kết hôn bất hảo! Vợ bé mới 25-26 tuổi, nam mệnh tỷ kiếp nhiều tìm vợ ít tuổi ! Dậu làm vợ, Tân trong Tuất là vợ nhỏ , nguyên nhân là Tuất hại Dậu, cho nên, sau ly hôn mới lấy !

Càn:
Quý Mậu Canh Nhâm
Mùi Ngọ Thân Ngọ
Đại vận:
Đinh Bính Ất Giáp Quý Nhâm
Tỵ Thìn Mão Dần Sửu Tý

Mệnh này bát tự không có tài, lộc đương tài phú xem, hành Quý Sửu vận phát tài (bảo vệ Thân lộc với lại khai tài khố). Năm 1992, năm 1993 bắt đầu khởi bước đem dược phẩm (bảo vệ sức khoẻ phẩm chất), năm 1995, năm 1996 phát đại tài, tòng khố rách áo ôm trở thành thiên vạn phú ông. Vì sao tại năm 1995 phát? Bởi vì tạo Canh sinh vào hạ, Ất Hợi tiến vào hàn lưu niên, tối hỏa hộ kim. Có người hội hỏi: Sửu vận lộc thần nhập mộ, vì sao hội phát? Nguyên nhân là trong mệnh có Ngọ Mùi, Sửu Mùi xung, mộ khố bị đả khai và sẽ không mộ kim. 2000 Canh Thìn năm hành hết Sửu vận, sẽ không tái phát tài, lúc này phát tài đã qua thiên vạn, đặt mua biệt thự, xe ô tô an hưởng lúc tuổi già.

Nhàn Chú: lưỡng Ngọ kẹp chế Thân, chế bất tử. Bát tự không có tài, mà thực thương nhược, lấy Thân lộc đương tài xem! Tẩu đại vận Sửu vận thì, Thân nhập Sửu mộ, Sửu xung Mùi tài khố, tài khố cuối cùng cùng chủ vị liên lạc trên rồi, Mùi là dược chi tượng. Phát tài thiên vạn!

Hai, thương thực đương tài

Bát tự không có tài tinh, đã có thương thực tinh, lấy thương thực đương tài phú xem; bát tự có tài, thương thực là nguyên thần, có thể đương đầu tư chi tài. Thương quan là mưu lược, kinh doanh chi tài; thực thần là tư tưởng, não lực chi tài. Thiên Can thực biểu tư tưởng, Địa Chi thực biểu xí nghiệp.

Khôn:
Ất Mậu Quý Ất Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
Mão Tý Sửu Mão Sửu Dần Mão Thìn Tỵ

Nội thực thần, năm thì vây quanh kết cấu, quy mô rất lớn, trước mắt mới 30 tuổi nhưng đã rất giàu. Tân Mão vận năm thứ nhất Canh Thìn năm mấy ngàn tệ khởi bước, bây giờ có bảy, tám trăm vạn. Nhâm Thìn vận bất hảo, yếu lên tòa án, sau đó nhân tiện rất lợi hại rồi. Quý Tỵ đại vận rất lợi hại.

Nhàn Chú: Mậu Quý hợp, Tý Sửu hợp là nhật chủ quản lý khống chế ý! Tân Mão vận tài đến, nhưng Canh Thìn năm ứng không được tốt, vì sao tốt lắm không rõ; Nhâm Thìn vận, bất hảo, là nguyên nhân Thìn hại Mão tài chi nên!

Khôn:

Kỷ Mậu Nhâm Quý Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
Dậu Thìn Thân Mão Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu

Bát tự không có tài, lấy thương quan đương tài phú tinh. Mão mộc tại trên giờ, Mão Thân hợp, bị tọa chi hợp chế, là chế dụng tổ hợp, nhất hợp thì có tài rồi. Tiến hành phòng ốc khai phát cùng mướn, hiện hành Tân Mùi vận, thương quan cục hội vượng, tài vận tốt đẹp. Hôn nhân bất hảo, có phó cung. Chồng đầu đánh bạc thiếu 1000 vạn tệ bắt nàng trả thay. Chồng thứ 2 vậy bất hảo. Chính mình khi có chuyện quan trọng, chồng đều là đồ bỏ đi. Mùi vận tố phòng bất động sản, chỉ làm mặt tiền. Bây giờ

là Nhâm Thân vận, hoàn tố phòng bất động sản, nhưng suy nghĩ đem siêu thị, chưa biến thành. Năm tháng không làm công, nên chồng là đồ bỏ đi.

Nhàn Chú: Thân hợp Mão đến chế Mão, Mậu Quý hợp, Quý Mão mang tượng, phải nói Mậu cũng có chút công? Mậu Thìn nhất trụ mang sát tượng, với lại Thân Thìn bán hợp, nhưng nguyên nhân Thìn Mão hại, phá hủy, bất làm quan rồi! Thìn là chồng, chồng đến phá tài! Với lại Thìn Dậu hợp, mà Kỷ Dậu cũng là mang tượng, nơi này Kỷ là chồng; khác mượn Thân phu cung xem, Dậu là phó cung cũng là chồng! Hại phu tinh, kết hôn không đẹp, lưỡng kết hôn! Hai người chồng cũng phá nàng tài! Thân ấn tại trên giờ là nhà cửa, Thân hợp Mão tài chi tượng chính là lấy nhà cửa cầu tài! Ấn nhiều chỗ lộ vẻ, nhiều phòng! Quý là hộ gia đình, hợp Mậu, mà Mậu Thìn nhất trụ vậy là nhà cửa ~

Càn:
Giáp Mậu Quý Kỷ Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
Thìn Thìn Mão Mùi Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu

Mệnh này mộc có khí thế, chủ vị chi Mão hại chế quan tinh thần thổ (Thìn thổ thổ tính chất bản nhược, bản thân với lại dưỡng Giáp mộc, nên mộc khả chế chi), thương thực chế quan chi cục, mệnh có quan chức. Bát tự không có tài, lấy thương thực đương tài phú xem. Thực thần là tài chi nguyên thần, vậy chính là tài phú chi ngọn nguồn, ngân hàng không thể nghi ngờ, nên là một quản lý ngân hàng quan viên.

Nhàn Chú: lúc đầu canh giờ sai lầm rồi, xác nhận Mùi thì không phải giờ Mão! Giáp Kỷ hợp Mậu Quý hợp, Mão mộc thực thần hại chế Thìn quan, Mùi là thực thương khố hợp Mão, hợp trên nguyệt quan là quản lý khống chế, thực thương khố với lại là ngân hàng chi tượng, sinh tài ! Cho nên, là ngân hàng quan! Nhâm Thân vận, Mão Thân hợp, Mão có công, tài vận tốt đẹp! Đến Quý Dậu vận, nguyên cục vốn là hại chế tố công, nhưng Dậu hợp Thìn, xung Mão, phản cục rồi! Thấy Thìn là tù ngục! Ngồi tù!

Càn:
Canh Ất Quý Canh
Thìn Dậu Mão Thân

Nhật chủ tọa thực thần, Mão Thân hợp, Ất Canh hợp, đem thực thần chế sạch sẽ rồi. Của mình thực thần bị ấn cấp chế sạch sẽ rồi, ấn chứng tỏ quyền lực, thực thần đương tài phú, cho nên mệnh này là quản lý cự tài

chính. Từng đảm nhiệm quốc dân đảng trung ương ngân hàng hành trường, bộ trưởng tài chính, hắn bản thân cũng là cự phú. Chế tài nguyên thần tài phú hơn nhiều chế tài thuần túy.

Càn:
Nhâm Kỷ Tân Kỷ (Thái Nguyên xã hội đen lão Nhị Tứ Mao Tử)
Tý Dậu Dậu Sửu
Đại vận:
Canh Tân Nhâm Quý
Tuất Hợi Tý Sửu

Mệnh này kim thủy thương quan không gặp tài quan, thương quan đương tài phú xem. Tý Sửu hợp, Tý hợp đến Sửu vị, hợp trói và chế. Hành Nhâm vận đi hắc đạo phát tài mấy ngàn vạn; Tý vận vậy phát, nhưng ngồi tù rồi, Tân Tỵ năm bị bắt, Nhâm Ngọ năm kết án ở tù chung thân. Ngồi tù nguyên nhân là phản cục rồi, thủy nhiều kim trầm cũng đúng. Nguyên nhân nguyên cục là Sửu cố định Tý thủy, Tý vận thủy rất vượng rồi, đem Sửu xung đi, phản cục rồi. (có thương quan gặp quan ý tứ)

Nhàn Chú: nguyên cục hợp, Ngọ xung phản rồi, thấy Sửu Dậu là tù ngục, kim thấy thủy trầm cũng là tù ngục! Khác Tân Dậu thấy Sửu là xã hội đen!

Càn:
Mậu Bính Giáp Quý (Thái Nguyên xã hội đen lão đại Tam Ma Hổ)
Thân Thìn Dần Dậu

Cũng là lấy lộc đương tài, Kỷ Mùi vận đại phát, Canh Thân vận bị bắt, Ất Dậu năm Hợi nguyệt bị xử bắn. Nguyên cục Bính thực tại trên nguyệt hư thấu, hỉ đọc sách, nhất là hỉ tư chữa trị thông giám, trí nhớ lực vượt xa người thường, có thể nhớ kỹ 1000 số điện thoại. Dần Thân xung cùng pháp luật đối kháng rồi. Sinh mộc bị thương chỉ sợ sinh, nhất sinh sẽ chết. Nhàn Chú: Bính tại trên nguyệt là quốc học, là tiếng Trung! Nơi này Giáp Dần liên thể, không thể phá. Kim thủy âm chế dương, là đen tài?

Quyết: Giáp Dần nhật chủ nếu như là sinh mộc trí nhớ lực vượt xa người thường.

Càn:
Nhâm Ất Ất Giáp Bính Đinh Mậu Kỷ
Tý Tỵ Tỵ Thân Ngọ Mùi Thân Dậu

Mệnh này chủ vị thương quan hợp quan chế chi, nhưng nguyên nhân trên năm Tý thủy ấn phá thương quan, thương quan không có khí thế, cho nên chế chi hiệu suất không cao, bản thân văn hóa không cao (nguyên nhân ấn tố kỵ thần), cũng không có thể làm quan, thương quan đương tài phú xem. Cho nên khai điếm làm ăn, hành Mậu Thân vận, Tỵ Thân hợp đến, tài vận không tệ. Ước chừng mở bốn mặt tiền, hợp bốn lần chi nên. Tố trang phục làm ăn.

Nhàn Chú: Tỵ Thân chế rồi, nhưng quan ấn một nhà, Nhâm Tý không có chế, cho nên, bất làm quan! Nơi này Tỵ là tài, Thân chế không hoàn toàn vậy là tài! Nơi này nguyên cục là nội thực thần cách, nhưng Ngọ Mùi Thân đại vận Tỵ thấu Thiên Can rồi, không làm xí nghiệp, tố mặt tiền! Thực là tài, tử âm mộc Ất sinh chi, là là mở cửa hàng mặt tố trang phục làm ăn !

Khôn:
Bính Nhâm Tân Kỷ
Thân Thìn Dậu Hợi

Mệnh này là đại xí nghiệp gia, nhật chủ tọa lộc, trên giờ thương quan mang tài, thương quan đương tài phú xem (nội thương quan mang tài nhập mộ với lại hợp quay về chủ vị). Nhập Nguyệt Lệnh Thìn mộ, Thìn nơi này chính là quản lý tài phú ý tứ, Thìn hợp đến của mình lộc, biểu hiện chính mình có được như vậy quyền lực. Cho nên là tổng giám đốc một khổng lồ xí nghiệp. Hành Đinh Hợi vận thương quan hợp sát, thương quan đến, chính đương quyền. Là Trung Quốc tổng giám đốc công ty hàng thủ công mỹ nghệ. Đinh Hợi vận tốt lắm, Bính đương đối tượng, hư rồi, Thìn ấn hợp Dậu, tác phu xem, Thìn lạc không vong, nên cùng phu bất cùng một chỗ, hàng năm bên ngoài, phu là quan ngoại giao. Thân không phải phu thê phó cung, là tỷ kiếp. Lúc đầu đàm đối tượng theo người khác tốt lắm, Bính hư duyên cớ.
Nhàn Chú: Hợi thấy thấp thổ, thủy nhiều nhập mộ, Thìn Dậu hợp, Thìn hợp đến chủ vị, với lại Thìn là ấn chủ quyền, chủ quản lý khống chế! Bính Tân hợp, Thân là xí nghiệp, tại trên năm là phương xa là ngoại xí; Thìn là thương quan (Nhâm thấu) khố, là nhà xưởng, Nhâm Thìn là của mình xí nghiệp (tại Nguyệt Lệnh là thuộc nhà nước , rất lớn). Hợi là trên giờ (nửa chủ vị) là nội thực thương là xí nghiệp, nhưng Hợi nguyên thân thấu tại Nguyệt Lệnh Nhâm rồi, cho nên, với lại tố tiêu thụ! Bính bất làm quan, nguyên nhân Nhâm xung, vậy không là chồng là bạn trai trước kết hôn! Lộc hợp ấn bất là đào hoa (lộc hợp tài quan sát thương thực là đào hoa);

Hợi là thương quan bản là con trai, nhưng Hợi Thân hại, sinh nữ; khẩu quyết: hợp quan trên năm, chính mình là lão đại.

Ngôn Minh bát tự quẻ thực ví dụ:

Bính Nhâm Nhâm Đinh
Tuất Thìn Thìn Mùi

Có người hỏi tiền để ở xe mất liệu có tìm được không, lấy mất thời gian khởi bát tự. Tiền bao thầu xem tài khố, Bính Nhâm xung, Thìn Tuất xung, là mất ý. Nhưng Đinh trong Tuất thấu đến can giờ hợp trở về, Đinh tọa chưa vào đến Thìn. Tiền bao thầu nội có 2000 tệ, sau tài xế trả lại cảnh sát, cảnh sát tìm được người mất của, người mất của biểu cảm tạ chi tâm, cho tài xế 500 tệ. Mậu giờ Thân tiền tìm trở về. Tiền bao thầu là màu đỏ.

Nhàn Chú: Nhâm Đinh hợp, chưa vào Thìn khố; Đinh trong Tuất thấu tại trên giờ, Đinh Mùi mang tượng, vậy vào Tuất vậy vào Thìn khố (nhật chi), tài không mất chi tượng; nội chế ngoại kết cấu, xung tài khố; trên nguyệt Thìn xung tài khố, bỏ tiền, Thìn là xe thấy Tuất là dịch mã, là ngồi xe mà rơi ! Bốn người thổ toàn bộ nhập Thìn khố, là 4*500=2000, Bính tịch thu, Bính Tuất mang tượng là 500 cấp tài xế rồi! Tuất là tiền bao thầu, Bính là hỏa hồng sắc!

Tam, quan sát đương tài
Có hai loại tình huống quan sát đương tài:

Thứ nhất: quan thống tài hoặc tài thống quan, quan sát đương tài phú xem;

Thứ hai: quan sát có chế, nhưng chế phục không tốt lắm, quan sát có thể đương tài phú xem. Quan sát đương tài phú xem, tài phú cấp bậc hội rất cao.

Cái gì là quan sát thống tài hoặc tài thống quan sát? Manh phái lý luận cho rằng, trong mệnh cục quan (hoặc là sát) nhiều tài ít, tài khả thống quan (hoặc là sát); trong mệnh cục tài nhiều quan (hoặc là sát) ít, quan (hoặc là sát) khả thống tài, mặc kệ tài thống quan sát hoặc quan sát thống tài, quan sát cũng đương tài phú xem. Còn có loại tình huống là can tài chi quan (hoặc là sát), làm quan sát mang tài tượng, quan sát khả thống tài.

(chú: ít chỉ có một, mà tài quan phải tương liên rồi, tức tài sinh quan rồi, lúc này mới là tài thống quan hoặc quan thống tài. Mà chỉ bàn về nguyên cục, đại vận xuất hiện bất tính.)

Càn:

Bính Canh Đinh Tân
Ngọ Dần Hợi Hợi

Trên giờ tài thống quan rồi, quan đương tài xem, bất đương quan xem. Canh bất tính thống lĩnh, hư thấu đương tài hoa giảng. Dần ấn tại nguyệt đương đơn vị, quan hợp ấn, cho nên có quyền lực. Quyền lực chủ yếu nguyên nhân là ấn. Bính Tân hợp, kiếp tài hợp tài, bất phá tài thống quan.

Nhàn Chú: ấn hóa sát hợp đến chủ vị, chủ có quan; Tân Hợi mang tượng, tài ít quan nhiều là tài thống quan, nơi này quan không chế tẫn quan cũng làm tài xem!

Càn:
Đinh Nhâm Đinh Tân
Mùi Tý Tỵ Hợi
Đại vận:
Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu
Hợi Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ

Tài thống quan, Hợi bị Tân thống lĩnh rồi. Hợi chính là tài, mượn tượng, Nhâm Tý cũng là tài. Chỉ huy, chứng tỏ quan cùng tài đều là tài phú. Tẩu Đinh Mùi vận nhất chế tài nhân tiện phát tài rồi.
Chú ý: phải cùng nhật chủ có quan hệ, nếu không cũng vô tình nghĩa.
Quan sát chế không hoàn toàn đương tài xem ví dụ.

Khôn:
Giáp Mậu Bính Giáp
Ngọ Thìn Ngọ Ngọ
Đại vận:
Đinh Bính Ất Giáp Quý Nhâm
Mão Dần Sửu Tý Hợi Tuất
Quan sát giấu vào khố trong, chế bất tịnh, đương tài xem. Tý vận nhân tiện phát, Quý Hợi vận vậy phát. Nguyên nhân thủy dẫn ra. Thiên vạn phú

ông.
(chú: vấn đề: thủy đương tài xem, mộ vào trong Thìn thì, nếu gặp Thân Dậu vận sinh thủy, là cũng có thể phát tài? Đó cũng phải xem có công vô công? Có công là có thể phát tài!
)

Càn:
Ất Kỷ Nhâm Tân
Tỵ Sửu Thìn Sửu
Đại vận:
Mậu Đinh Bính Ất Giáp
Tý Hợi Tuất Dậu Thân

Mệnh này thấp thổ quan sát thành thế, một vị tài tinh bị quan sát tiết tẫn, Tỵ hỏa tài tinh cùng quan tinh Sửu thổ tương củng, quan nhiều và tài tinh ít, tài khả thống quan, sở hữu Sửu thổ quan tinh nơi này cũng khả đương tài phú xem. Nguyên nhân Sửu nhập Thìn mộ, đều quy về chính mình, cho nên hắn sẽ có cự phú. Hành Tuất vận, xung khai Thìn mộ, phát tài số triệu.

Nhàn Chú: Tỵ tài sinh Sửu quan, song Sửu vào chủ vị Thìn khố, mộ dụng tố công. Quan sát đương tài xem, cấp bậc yếu đại gấp đôi. Nơi này Ất Tỵ là mang tượng, Ất vậy khả đương tài xem! Tẩu Tuất vận xung khai Thìn khố, phát 5 năm tài, có 5 triệu tư sản!

Càn:

Giáp Bính Bính Mậu
Thìn Ngọ Thìn Tuất
Đại vận:
Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
Mùi Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu

Mệnh này hỏa cùng táo thổ có thế, Thìn Tuất xung, tỷ kiếp khố chế quan khố, nhưng cục trong lưỡng Thìn nhất Tuất, xung chế bất quá, trên năm Thìn không có chế, tỷ kiếp thực thương chế quan sát khố, chế quan sát không sạch sẽ, quan sát đương tài phú xem. Hành vận tới Kỷ Dậu chi Dậu vận, Dậu cùng trên năm Thìn tương hợp, hợp trói một Thìn, chủ yếu là nguyên nhân thiên địa hợp trói rồi, đem muốn dồn hợp trói rồi, cát, không cần phải xen vào hắn rồi, chỉ cần chế nhật chi Thìn là được, nhật

chi chi Thìn bị Tuất xung chế tố công lớn, vận này phát tài số triệu (chế quan sát khố, nên Tài Đại), kinh doanh bất động sản. Hạ bước vận Tuất đến, rất tốt, có thể phát vài triệu. Trước tố bất động sản, sau tố gỗ chế biến, là Á Châu lớn nhất xí nghiệp chế biến gỗ, Thìn trong có mộc, Tuất loại bất động sản, dương mộc sinh hỏa là tố nhà . Kỷ Dậu vận vừa lúc phá hủy Giáp Thìn mộc, tố làm đồ gỗ rồi.

Càn:
Kỷ Giáp Bính Canh
Hợi Tuất Dần Dần
Đại vận:
Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu
Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn

Mệnh này mộc hỏa có thế, cục trong Hợi thủy sát tinh cô nhược, bị Kỷ thổ cùng Tuất thổ chế, Dần Hợi hợp, thủy bị mộc hợp, chế chi bất hoàn toàn, Tỵ vận bất hảo, Tỵ vận Dần Tỵ hại, Tỵ là tỷ kiếp, huynh đệ trong có một muốn chết, trước mắt hắn một huynh đệ có nghiêm trọng bệnh đường nước tiểu . Đến giờ gia sản yếu phân hóa, Tỵ Hợi nhất xung, cái này cục nhân tiện phá hủy. Thủy chế quá nhiều rồi. Muốn chết huynh đệ cầm tinh con chó , nguyên nhân Tỵ thị tòng Tuất trong ra.

Càn:
Bính Tân Đinh Nhâm
Ngọ Mão Mão Tý
Đại vận:
Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu
Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Mệnh này cũng là quan sát nhiều và tài ít, quan sát đương tài phú xem. Bính Tân hợp, tài bị Bính kiếp hợp, tọa Ngọ cùng Đinh làm một nhà, kiếp tài được tài, nhưng này công nhỏ. Trên giờ Nhâm Tý đương tài phú xem, nguyên cục khó khăn chế, nhưng hành Giáp Ngọ vận, xung chế Tý thủy, chế chi được tài, này công trọng đại, phát tài thiên vạn. Nhàn Chú: Ngọ = Đinh, và Bính hợp Tân, Đinh Nhâm hợp, như vậy tài quan nhân tiện gián tiếp liên hệ rồi! Quan sát chế không hoàn toàn đương tài xem! Tỷ kiếp hợp tài, kết hôn bất thuận, với lại Ngọ Mão phá, Tý Mão phá, tinh cung cũng bất hảo ~ tới cận không có kết hôn, chỉ là là phụ nữ tiêu tiền! Ngọ vận phát tài, Mùi vận vậy phát tài, nguyên nhân Mùi hại Tý có công, nơi này quan đương cha xem, cha hoàn khỏe mạnh!

Càn:
Tân Canh Bính Đinh
Mão Tý Thân Dậu
Mệnh này mãn cục tài tinh, Nguyệt Lệnh Tý thủy quan tinh một vị, là tài nhiều quan ít, quan có thể thống tài, quan có thể đương tài phú xem. Chế quan có thể được tài, hành Ất Mùi vận, hại ngã quan tinh, phát tài mấy trăm vạn. Nhàn Chú: Canh Tý mang tượng, Thân Tý sinh hợp, vốn là quan thống tài rồi! Nhật chủ hợp tài, thân nhược tài nhiều, nhưng như tài có công cũng có tài, phú mệnh! Ất Mùi vận phát tài rồi, Mùi vận Mùi hại Tý, chế Tý thủy! Vậy = chế tài! Ất vận mở cửa hàng khám bệnh, (chính mình trước kia là một không tốt lắm thầy thuốc) Mùi vận tố phòng bất động sản! Thân là vợ, Tân là tình nhân! Canh Tý mang tượng, Canh = Thân, Mão trước phá Tý = phá Thân, cho nên, vợ là đã có chồng! Tý thấy tài là con trai, Canh Tý mang tượng bán hợp thê cung, mang theo con trai lấy chồng lại đây! Dậu là tài hay nhi! Xem ra này trong mệnh đầy đất là con trai!

Càn:
Quý Bính Mậu Giáp
Mão Thìn Thân Tý

Mệnh này Thân Tý Thìn hợp thành tài cục. Trên năm quan tinh mang tài tượng, trên giờ tài tinh mang quan tượng, chứng tỏ cái gì đây? Thứ nhất, chứng tỏ trên năm quan tinh đương tài phú xem; thứ hai chứng tỏ trên giờ chi tài là nhà nước chi tài, không hoàn toàn là tài của mình. Mão Thân chi hợp, chủ vị chi thực thần hợp chế quan tinh, chứng tỏ chính mình là người quản lý tài phú. Tống trên phán đoán, người này là giám đốc đại xí nghiệp, thực tế chính xác.

Nhàn Chú: Quý Mão cùng Giáp Tý cũng mang tượng, Nguyệt Lệnh là nhà nước tài; Mão Thân hợp dẫn khách quay về chủ vị!

Càn:
Ất Ất Mậu Giáp
Tỵ Dậu Tý Dần

Mệnh này chỉ có tọa chi một vị tài tinh, nhưng lại quan sát trọng nhiều, tài thống quan sát, quan sát đương tài phú xem. Trên giờ Giáp Dần là chủ vị chi sát, chứng tỏ tài của mình. Hành tới Ngọ vận, xung khử Tý thủy, dẫn thông Dần mộc, phát tài số triệu.

Nhàn Chú: chủ vị Tý tài sinh Dần mộc, tài thống quan! Ngọ vận xung Tý thủy, mộc biến tử mộc, xác nhận tố bất động sản phát ?

Càn:
Mậu Giáp Mậu Đinh Ất Bính Đinh Mậu Kỷ
Tý Dần Thìn Tỵ Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi

Mệnh này chủ vị Thìn trong chi tài, củng đến trên năm Tý, Tý với lại sinh sát tinh Giáp Dần, nơi này cũng không là tài nhiều sát ít, cũng không phải sát nhiều tài ít, là tài sát tương đương, nhưng tài sát tương liên, mà thất sát tinh tại Nguyệt Lệnh khách vị, vừa có thể chứng tỏ tài phú, chỉ là biểu đạt tài không phải tiền của mình, mà là nhà nước chi tài. Hành Mậu Ngọ vận, xung khử Tý thủy, dẫn thông Dần mộc, chính mình là giám đốc, quản lý kinh doanh, vô cùng nở mày nở mặt; đến Kỷ Mùi vận, Kỷ vận vừa đến, Giáp Kỷ hợp, vào Giáp mộc quan phương chi tài bị người khác hợp khử rồi, kết quả trong kinh doanh bị lừa gạt, nhà nước tổn thất nặng nề, chính mình tham kiện tụng, phá tài với lại không làm tròn bổn phận. Nhàn Chú: Tý thủy sinh Dần mộc, Dần quan vậy là tài! Kỷ vận kiếp tài hợp quan = hợp khử tài. Tham là bởi vì là Thìn hợp Tý thủy!

Càn:
Ất Canh Đinh Tân
Tỵ Thìn Mùi Hợi

Xem mệnh này cũng không có mỗ nhất phương khí thế, cũng không có chế cục, nhưng chúng ta cẩn thận phân tích bát tự, đã có công lớn. Đầu tiên là tài nhiều quan ít, quan với lại mang tài tượng, là quan thống tài, nơi này quan tinh chứng tỏ rất lớn tài phú; lại nhìn Hợi nhập Thìn mộ, Nguyệt Lệnh chi quan mộ chứng tỏ nhất vĩ đại tài phú tập đoàn; cái này Thìn mộ như thế nào cùng chủ vị phát sinh liên hệ đây? Lại nhìn Thìn thổ mang Canh kim tài tinh, và có Ất Canh hợp, Canh kim bị Ất mộc sở khống chế; Ất mộc vừa lúc nhập mộ vào chủ vị chi Mùi, mà có Hợi Mùi củng chi, cho nên cục trong toàn bộ tài phú cũng tại của mình khống chế. Thực tế hắn là một nhà khổng lồ niêm yết công ty chủ tịch, quản lý hơn mười triệu tài phú. Nhàn Chú: Ất Tỵ, Tân Hợi mang tượng tài quan tương sinh, Ất nhập Mùi là mấu chốt, Tỵ sinh Thìn, Mùi Hợi bán hợp nhập Thìn mộ.

Càn:
Quý Bính Bính Giáp Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh
Mão Thìn Ngọ Ngọ Mão Dần Sửu Tý Hợi Tuất

Mệnh này mộc hỏa có thế, ý tại khử quan tinh Quý thủy, nhưng cục trong Quý thủy cao thấu không có chế, với lại thủy trong Thìn không có Tuất xung, mộ không ra, cho nên chế thủy chế bất hảo. Quan sát chế bất hảo có thể đương tài phú xem, cho nên người này chỉ phát tài sẽ không làm quan. Hành vận đi Nhâm Tý thủy vận, dẫn ra thủy trong Thìn bị chế, kinh doanh trang hoàng tài liệu, phát tài vài trăm vạn. Nhàn Chú: chế con trai, phát tài! Mão là vật liệu xây dựng. Mão Ngọ phá là tỷ kiếp phá ấn, Mão tại trên năm là đùi phải! Sửu vận phản cục, Sửu hại Ngọ; Hợi Tý vận phát tài!

Càn:
Bính Canh Canh Bính Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính
Thân Tý Tuất Tuất Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ

Canh Thân Tý kim thủy gắn bó nhất đảng, quan sát (khố) vậy lợi hại, hai đảng đối kháng, quan sát khẳng định chế không sạch sẽ. Nguyên cục sát nhập chủ vị, muốn dồn phục, nhưng nguyên cục tuy có Thân Tý chi thủy cục, kim thủy khí thế còn có, nhưng Tuất không có hình phạt xung, sát tinh không có chế, không được tốt lắm mệnh. Nhưng hành vận tới Giáp Thìn vận (chi Thìn vận), thu về thủy cục, xung chế sát khố (mở quan sát khố), là chế sát lấy tài, kết doanh bất động sản, phát tài thiên vạn. Ất Tỵ vận lại không được rồi, Canh Thân cũng liên thể rồi, cho nên không thể chế Thân, như không có Canh Tý tương liên, chế Thân nhật chủ cũng không sự tình, nhưng lục thân bất hảo.

Nhàn Chú: tài quan lâm khố hỉ hành xung, Giáp Thìn là bất động sản, xung Tuất khố; Tỵ vận khố không ra, không làm rồi!
Một loại khác phát tài cùng phát đại tài kết cấu (ít hơn thấy): qua sông đoạn cầu

Trong bát tự nhật chi tài sinh khách vị quan, sau đó cái này quan bị khách vị quan phá rớt, loại này kết cấu là phát đại tài . Đại vận đến phá rớt cũng xem như, lưu niên phá rớt bất tính.

Khôn:
Canh Kỷ Đinh Tân
Tuất Mão Dậu Hợi

Đại vận:
Mậu Đinh Bính Ất Giáp
Dần Sửu Tý Hợi Tuất

Chủ vị Dậu sinh khách vị Hợi quan, Hợi Mão củng Mão, Mão Tuất hợp chế Mão, chế Mão vào chế Hợi. Dậu thấu đến môn hộ trên, kim có xe tượng, sinh Hợi, chính là sinh tài, Hợi Mão củng là ngã đẳng xe, đem xe hơi mậu dịch , rất có tiền, Hợi vận ba năm nhân tiện đại phát.

Càn:
Tân Mậu Kỷ Giáp
Hợi Tuất Mão Tý

Khách tài sinh chủ vị quan, Ất Mùi vận phá hủy công thần Tuất bất hảo, Mão đương tài xem, cái này cùng hạ tạo lộ tuyến trái ngược, nhưng phân tích nguyên lý giống nhau, Giáp Ngọ vận dự tính cũng sẽ phát tài, tố mậu dịch, kim loại phương diện , nguyên nhân là Tân sinh tài, nên là kim loại phối kiện.

Càn:
Tân Mậu Kỷ Quý
Mão Tuất Hợi Dậu
Đại vận:
Đinh Bính Ất Giáp Quý Nhâm
Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn

Tuất hợp trụ Mão, cần Tuất. Ất Mùi vận hình phạt Tuất, phá hủy công thần, bất hảo. Giáp vận khởi bước, Ngọ vận thì tốt rồi, Ngọ sinh Tuất, tăng mạnh Tuất lực, Mão Ngọ với lại phá, có điểm bất hảo. Giáp Ngọ vận tố computer, sau lại làm rất nhiều. Tỵ vận phát đại tài. Tỵ vận xung Hợi nhưng bất phá, cái này gọi là qua sông đoạn cầu (nguyên cục đã sinh lại đây rồi, nên không sợ phá), phá hủy ngược lại rất tốt, bàn về cát, chỉ cần đem Tuất sinh vượng là được. Tỵ vận cũng làm giao dịch cổ phiếu, phòng bất động sản, Nhâm Ngọ năm một năm kiếm tương đương với 20 năm trước kiếm tiền tổng số.

Càn:
Canh Kỷ Giáp Kỷ (Hắc tiên sinh phán quyết quá phó huyền trưởng)
Tý Mão Thìn Tỵ

Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất
Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu

Canh Tý mang tượng, Thìn là tài cùng Tý thủy, vào Thìn sinh Canh! Canh Tý một tượng, đồng thời Thìn cũng là ấn khố, quyền lực trung tâm, tẩu Nhâm Ngọ vận Quý Mùi năm thăng thường vụ phó huyền trưởng, nguyên nhân Ngọ xung Tý, Mùi hại Tý, Quý hư vậy ứng cát! Hắc tiên sinh phán quyết: quân đội Phó đoàn trưởng, Địa phương phó huyền trưởng! Sinh nam nhân, sinh người thứ nhất bất hảo dưỡng, sinh người thứ hai người thứ nhất cũng tốt dưỡng rồi! Thìn qua hà, lúc này sẽ đem Canh dỡ xuống, vậy chính là chế rớt.

Càn:
Quý Nhâm Nhâm Ất Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính
Mão Tuất Dần Tỵ Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn

Nhâm sinh Ất, Ất sinh Tỵ, Tỵ nhập Tuất, Dần Tỵ hại, bất sinh. Mão Tuất hợp, lộng trụ Tuất, dụng Mão. Ngọ Mão phá hủy tượng. Kỷ Mùi vận hảo, Mùi vận phát tài 10 triệu, là Sơn Đông công thương liên phó Chủ Tịch. Mậu Ngọ vận chi Ngọ vận, sinh Tuất, bất hảo, tố phòng bất động sản , Ngọ vận tiền quay vòng khó khăn rồi, hạ bước vận Tỵ vận càng kém, sợ có tánh mạng chi ưu, nguyên nhân hại ngã Dần thực. Nhàn Chú: Tỵ tài vào Tuất quan rồi, lúc này chỉ cần đem Tuất chế! Mùi vận hình phạt Tuất, vận may!

Càn:
Quý Nhâm Mậu Giáp Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính
Mão Tuất Tý Tý Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn

Hành Đinh Tỵ vận, Tý bất sinh Mão, nhưng thấu đến can năm, Quý Mão mang tượng sinh Mão, Mão quan đương tài xem, Mão Tuất hợp, lộng trụ Mão, Mậu Ngọ vận phát tài, năm 1993 Quý Dậu năm lập nghiệp, Mão Dậu xung, đến phương xa (Quý là Nga), lưu niên Dậu hại bất động Tuất, Quý Dậu năm khử , Giáp Tuất năm làm ra tiền trở về. Ngọ vận kiếm mấy ngàn vạn, Đinh Tỵ vận càng phát. Tại Tế Nam đem phòng bất động sản, Tỵ là Tế Nam.
Nhàn Chú: nơi này Tý thủy mặc dù bất sinh Mão mộc, nhưng Quý = Tý, Quý Mão mang tượng, vậy tương đương Tý sinh khách vị Mão! Mão làm quan, đem Mão chế nhân tiện phát! Tuất hợp Mão, Ngọ vận Ngọ sinh Tuất

tăng lực, hảo! Tỵ vận vậy tăng lực, hảo! ! Nơi này bởi vì Mão không phải khố, không đại phát! Thân vận thông thường, Mùi vận phá hủy công thần, phản cục! Đinh Tỵ vận tư sản trên triệu, Mão Tuất là phòng bất động sản!

Lễ 2, lấy tài phương pháp

Manh phái bàn về mệnh, đầu tiên yếu xác định một người nghề nghiệp, phát tài mệnh nhue thế nào, như vậy mới đúng nhân sinh chuẩn xác đạo lý.

Nhất, kinh doanh lấy tài

Kinh doanh lấy tài bao gồm phạm vi dường như rộng, như tố thương mại mậu dịch, khai mặt tiền, kinh doanh mô hình xí nghiệp, khai phát mô hình xí nghiệp . Hễ là thông qua thương quan, thực thần tố công hoặc tài tinh tố công loại hình đều là thích hợp kinh doanh lấy tài.

1, nội thực thần cách (Địa Chi thực thần tố công) thích hợp vào tố xí nghiệp kinh doanh. (nội thực thần hoặc thực thần sinh tài kết cấu đều là tố xí nghiệp , hỉ hành tài vận)

Càn:

Canh Tân Giáp Quý Nhâm Quý Giáp Ất Bính
Tý Tỵ Thìn Dậu Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Mệnh này kim thủy cùng thấp thổ có thế, Nguyệt Lệnh Tỵ hỏa thực thần bị khắc tiết, thực thần với lại hợp quan tinh. Thực thần là tài nguyên thần, sinh ra tài phú, nhân tiện chứng tỏ xí nghiệp ý tứ. Thực thần mang quan tượng thuyết minh không phải hắn bản thân xí nghiệp, xác nhận xí nghiệp giám đốc. Thực tế chính xác một nhà niêm yết công ty chủ tịch.

Nhàn Chú: Canh Tý mang tượng hợp đến chủ vị là có quan, Tỵ là nội thực thần là tố xí nghiệp, tại Nguyệt Lệnh là đại Tài Đại xí nghiệp cũng là thuộc nhà nước ! Tỵ sinh Thìn, đem Tỵ Thìn cũng đương tài xem! Dậu vận trảm Thìn mộc căn, thân thể bất hảo, nhưng đại hạn chưa tới không chết được! Lúc tuổi già thân thể rất kém cỏi!

Khôn:

Quý Giáp Quý Quý
Tỵ Tý Mão Hợi

Mệnh này tọa chi thực thần, sinh đến trên năm tài tinh, dùng đầu óc cùng khổ cực của mình kiếm tiền cho người khác, thích hợp vào tố giám đốc xí nghiệp, thực tế từng nhậm một giám đốc xí nghiệp thương mại khổng lồ.

Càn:

Kỷ Quý Nhâm Canh
Mùi Dậu Dần Tý

Tọa chi thực thần Dần nhập trên năm Mùi thổ mộ tố công, là chứng tỏ chính mình sáng tạo tài phú được lãnh đạo sử dụng, thích hợp vào tố xí nghiệp giám đốc, thực tế bây giờ nhân tiện đảm nhiệm xí nghiệp ngành giám đốc. (Dần trong ngậm tài, bát tự không có tài, lấy thực đương tài xem)

Đại vận:

Nhâm Tân Canh Kỷ
Thân Mùi Ngọ Tỵ

Ngọ vận hảo, tài đến, xung Tý, khử kiếp được tài. Tỵ vận hại Dần bất hảo.

2, hễ là tài tinh hạ xuống trên giờ hoặc trên năm tố công, thích hợp vào làm ăn; như là tài tinh phối ấn cách cục, tài tinh hoặc ấn tinh rơi vào trên giờ tố công người, thích hợp vào khai điếm kinh doanh. (chú: nguyên nhân ấn biểu đơn vị, có mặt tiền ý, là môn hộ lấy tài hoặc phương xa cầu tài.)

Khôn:

Nhâm Bính Kỷ Kỷ
Tý Ngọ Tỵ Tỵ

Nhất tuổi vận khí, 31 tẩu Nhâm vận khí.

Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh
Tỵ Thìn Mão Dần Sửu Tý

Mệnh này tài tại trên năm, cục có hỏa thổ thành thế, ý tại chế tài, xung chế. Năm chủ phương xa, thủy chủ biển vận, nên là làm hải ngoại mậu dịch , có thiên vạn chi giàu có. Quý Mùi năm bất hảo. Ngọ Mùi hợp trói. Hại Tý thủy. Theo một xí nghiệp nhà nước xác nhập, sáo trụ rồi, không ly khai, Giáp Thân năm thiên địa hợp trói nhật trụ. Bính Tuất năm tách ra.

Càn:

Quý Nhâm Quý Canh
Mão Tuất Tỵ Thân

Công tại Tỵ Thân hợp, trên năm thực sinh chủ vị tài, tài với lại hợp trên giờ ấn, kim thủy vượng, hỏa vậy vượng, hình thành đối kháng, công dường như nhỏ, nên không làm quan, quan không làm quyền lực giảng. Ấn tại môn hộ, chủ môn mặt, là khai điếm kinh doanh , Mão là thực, là thực phẩm, ăn , nên khai ăn vặt điếm. Mệnh này tài tinh tọa chi, lược có khí thế, Tỵ Thân hợp, chế trên giờ ấn tinh, thích hợp vào khai điếm kinh doanh. Nếu hỏi kinh doanh cái gì? Xem trên năm thực thần sinh tài, tỷ kiếp với lại sinh thực thần, nên khả phán quyết kinh doanh đại chúng hóa thực phẩm, nguyên nhân tỷ kiếp là mọi người, thực thần là ăn uống. Thực tế chính xác, khai một nhà hỗn tạp quán ăn. Nhàn Chú: trên giờ ấn là mặt tiền, Mão là thực thần khả đương thực phẩm,(kim thực thần lại không thể ăn) hợp mặt tiền là thực hỗn tạp điếm! Tài tại chủ vị, là của mình điếm rồi! Với lại như:

Khôn tạo:

Quý Giáp Quý Quý mộc là thực thần (Mão & Dần) sinh tài, tố ăn !
Tỵ Tý Mão Hợi

Mệnh này mộc Mão thực thần sinh khách vị Tỵ tài, là người khác thực phẩm phụ (như cá thịt rau cải) điếm! Tẩu Thìn vận, Mão hại Thìn quan, là thực phẩm phụ (như cá thịt rau cải) thương trường giám đốc!

Khôn:

Kỷ Canh Giáp Mậu Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính
Dậu Ngọ Tuất Thìn Mùi Thân Dậu Tuất Hợi Tý

Trên giờ tài tinh mang ấn khố, cùng nhật tương xung, cục với lại hỏa thổ lược mạnh mẽ vào thủy. Tài cùng thương quan chế ấn có công, nguyên nhân ấn tại trên giờ, có thể chứng tỏ nhà cửa, mộ chủ nhiều, khả chứng tỏ nhiều nhà mặt tiền, cho nên thích hợp vào khai điếm kinh doanh. Quả nhiên tiến hành tiêu thụ bánh ngọt, khai đại lí, kinh doanh mười mấy năm, có trăm vạn tư sản.
3, hễ là thương thực cùng quan sát sắp đặt tố công, thương thực chế quan sát cục, hoặc quan sát chế thương thực cục, quan sát đương tài phú cách cục, thích hợp vào tiến hành nhiều loại kinh doanh, tiến hành tư bản vận doanh, thường thường tiến hành quy mô lớn kinh doanh.

Càn:

Mậu Giáp Canh Đinh Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh
Tuất Tý Thân Hợi Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ

Mệnh này kim thủy thành thế, ý tại chế quan tinh trong Tuất. Trên giờ Đinh Hợi tự hợp, nhưng công nhỏ, trên năm Tuất không có chế, là quan tinh chế phục bất hảo, đương tài phú xem. Hành tới Mậu Thìn vận, Thân Tý Thìn thu về thủy cục chế Tuất, tiến hành nhiều loại kinh doanh, có cửa hàng có mậu dịch, còn có bất động sản khai phát, phát tài mấy ngàn vạn. Nhàn Chú: đây là quan cùng Hợi thực tố công, tại trên giờ; đến Thìn vận xung Tuất, Mậu Tuất là phòng bất động sản, tố lớn, công vậy lớn! Mậu Thìn vậy là sắt thép xi măng, là bất động sản! Đinh Hợi thực thần tại trên giờ là cửa hàng.

Càn:

Nhâm Canh Tân Ất Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính
Tý Tuất Sửu Mùi Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn

Mệnh này Sửu Mùi xung, chế trên giờ tài khố; Sửu Tuất hình phạt chế Nguyệt Lệnh sát khố, nhưng nhất Sửu địch lưỡng táo thổ, lực lượng không đủ. Hỉ Tý Sửu hợp, mượn trên năm thương thực, lấy tăng mạnh thế, thì khả địch sát, địch tài. Chế sát không sạch sẽ, sát vậy đương tài xem. Thích hợp vào tiến hành nhiều loại kinh doanh : đất sản khai phát, hành Sửu vận, phát tài thiên vạn. Nhàn Chú: thực thương cùng quan sát khố tố công, nhiều loại kinh doanh! Ất Mùi chính là bất động sản chi

tượng!

Càn:

Mậu Kỷ Canh Đinh (Lý Gia Thành)
Thìn Mùi Ngọ Hợi

Đại vận:

Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu
Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn

Mệnh này là Trung Quốc giàu nhất Lý Gia Thành tiên sinh mệnh tạo, hỏa cùng táo thổ khí thế, khử Hợi thủy, Hợi trong mang tài, vừa là tài nguyên thần, tức quan ấn có thế khử tài tinh cùng tài nguyên thần, cho nên là siêu cấp phú mệnh. Ngọ Hợi hợp, quan tinh cùng thực thần tinh tố công, cho nên tiến hành nhiều loại kinh doanh cùng tư bản vận doanh. Hợi là Thìn trong dẫn ra (chú: phải xem vị trí, như là Hợi Thìn đổi lại một vị trí, thì Hợi yếu nhập Thìn mộ, nước chảy có phương hướng, thị tòng trên năm tới trên giờ chảy, nên mộ tại trên năm thì là dẫn ra, tại trên giờ thì là nhập mộ), Thìn không có chế, bất chế sẽ không quản nó rồi. Chưa vào Thìn mộ, Thìn nhân tiện rất lớn rồi, tài khố rất lớn. Kỷ Mùi tượng là nhà lầu, với lại tại Nguyệt Lệnh, là rất cao nhà lầu, cho nên đem phòng bất động sản. Tẩu vận tốt lắm, Tuất vận bắt đầu lập nghiệp, sau này hầu như không có phá vận, 60 năm tất cả đều là vận may. Sửu vận hại Ngọ không tốt lắm, nhưng nguyên nhân cấp trên ngồi Ất mộc nên vậy bất quá lợi hại. Có thể chính là tử vợ. Hắn thọ phải xem âm dương, phỏng chừng Thìn vận tử, Thìn vận Hợi nhập mộ, thực thương nhập mộ thọ khó thoát.

Càn:

Ất Kỷ Kỷ Canh
Tỵ Sửu Mùi Ngọ

Mệnh này là giàu nhất thập kỷ sáu mươi Aristoteles Onassis mệnh tạo. Hỏa cùng táo thổ có thế, mệnh cục trung tâm tại Sửu Mùi tương xung, tức sát khố cùng thực thần khố xung, sát khố trong mộc hỏa thổ chế khử thực thần khố trong kim thủy, tức chế khử tài cùng tài nguyên thần, sát tinh cùng thực thần tố công lớn, nên là siêu cấp cự phú mệnh.

Hai, phong hiểm lấy tài

Phong hiểm lấy tài nghề thường thấy chính là nhất cổ phiếu, còn có chính là cá độ, đánh bạc phương diện thu nhập. Nói chung, phong hiểm lấy tài chủ yếu tố công thần là tỷ kiên, kiếp tài tinh. (chú: giao dịch cổ phiếu cùng đánh bạc khác nhau: nguyên cục có Sửu vân vân, biểu lén lút giao dịch hoặc lộc cùng tài đấu lấy tài vân vân là đánh bạc.)

Càn:

Mậu Kỷ Quý Kỷ
Thân Mùi Tỵ Mùi

Mệnh này là chủ vị tài tinh thành hỏa cùng táo thổ thế, khử trên năm ấn và ấn trong sở ngậm kiếp tài, nguyên nhân có Mậu thổ sinh Thân kim, khử ấn không sạch sẽ, kiếp tài lại bị khử sạch sẽ rồi. Kiếp tài tố công, thích hợp nhất tiến hành phong hiểm lấy tài. Nhâm Tuất vận Tuất vận năm năm, tiến hành đầu cơ cổ phiếu, phát tài hơn mười triệu tệ.

Càn:

Nhâm Mậu Tân Tân Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
Dần Thân Sửu Mão Dậu Tuất Hợi Tý Sửu

Mệnh này tỷ kiếp thành đảng, Dần Thân tương xung, tỷ kiếp chế tài cục, Thân khả đương tài xem, nguyên nhân là kiếp chế tài, nên thích hợp vào tiến hành phong hiểm đầu tư, giao dịch cổ phiếu, Thân với lại chủ tài chính. Nhưng đại vận hành Tân Hợi, Dần Hợi tương hợp, Dần Thân bất xung, Thân Hợi tương hại, hại, nên tỷ kiếp không thể làm công, vận này chưa tiến hành giao dịch cổ phiếu. Thương quan hợp tài có nhỏ công (thương hợp tài là tố lão sư), tại trường học đương lão sư, tố công rất nhỏ, nguyên nhân Thân Hợi hại, cho nên bất làm ăn. Nhâm Tý vận, bắt đầu giao dịch, nghiệp dư tố cổ phiếu kiếm tiền, sau điều nhập chứng khoán công ty, nhậm giám đốc. Sửu là khố, rất nhiều, Sửu quản Thân, Thân là vận tác, giao dịch cổ phiếu , cho nên là quản giao dịch cổ phiếu người. Mậu Thân là các tiểu doanh nghiệp bộ, Sửu mộ Thân, nên hắn là giám đốc tổng công ti, không phải tiểu giám đốc. Người này là Vũ Hán Uông Tinh Quốc.

Càn:

Canh Canh Đinh Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh
Tuất Thìn Tỵ Tuất Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi

Mệnh này là hỏa cùng táo thổ có thế, chế Nguyệt Lệnh sát khố. Tọa chi kiếp tài, kiếp tài tố công, thích hợp vào tiến hành phong hiểm đầu tư, thực tế chính xác như thế. Nguyên nhân hành vận Quý Mùi, Quý thấu Thiên Can bị Canh kim sinh, không cách nào chế chi, và Mùi vận với lại hình phạt phá Tuất thổ, cho nên không thấy đại phát.

Lớp học khảo sát:

1, tố công như thế nào?

2, phụ mẫu người nào mất?

3, là phát tài không? Ở đâu loại phương thức lấy tài?

Tuất là lộc khố, Đinh trong Tuất lộc là mẹ, tọa chi Tỵ hỏa nhập thành mộ, Tỵ vậy là mẹ.

Đáp án:

1, Đinh tọa Tỵ, cần hỏa, hỏa cùng táo thổ kết đảng muốn dồn kim cùng thấp thổ, chế không hoàn toàn.

2, mẹ mất. Lấy Tỵ lộc đương mẹ, nhập mộ rồi, biểu qua đời, mẫu thần kinh có chuyện, nhảy giếng đã chết. (chú: vấn đề: trên năm Tuất thực là mẹ, cùng nhật chi phát sinh liên hệ, Tuất vì sao không thích đáng mẹ vợ xem?) cha (Canh) tại Thiên Can phục ngâm đến trên giờ, chứng tỏ tánh mạng kéo dài, vậy biểu khác lấy vợ thành nhà. Nên cha sẽ không sớm tử.

Như:

Canh Canh Canh Mậu
Tý Thìn Thìn Dần Thìn phục ngâm, biểu mẹ có tái lấy chồng ý.

Đinh Nhâm Đinh Tân
Mùi Tý Tỵ Hợi

Trên năm Mùi là mẹ, nhật chi Tỵ sinh Mùi, có liên hệ, Hợi vận xung khử Tỵ, phán quyết Mùi cùng Tỵ liên lạc, Tỵ bất sinh Mùi rồi, mẹ tử.

3, Quý tài lộ ra không có chế, bất phát tài.

Nhàn Chú: Đinh Tỵ liên thể, không thể bị phá! Tuất Tỵ thành thế chế Thìn, nhưng quan sát khố chế bất hảo, Tỵ nguyên nhân sinh Thìn, đồng đương tài xem! Mùi vận hình phạt phá hủy Tuất, bất hảo! Canh kim không có chế! Tỷ kiếp tố công giao dịch cổ phiếu! Năm 1992 bắt đầu giao dịch! Thân vận cùng Thìn nhất đảng, còn có thể!

Càn:

Tân Mậu Kỷ Quý
Mão Tuất Hợi Dậu

qua sông đoạn cầu, nhật chủ tọa (hoặc chủ vị) tài sinh khách vị quan, sau đó bị khách vị chữ chế (lộng trụ hoặc phá hủy) cái này quan, tượng loại này kết cấu là phát đại tài ! (cũng có phản lại xem)

Mệnh này là Sâm Điền Kiện tiên sinh, bát tự tài nhiều quan ít, tọa chi Hợi thủy tài tinh sinh đến trên năm Mão mộc sát tinh, sát có thể thống tài, sát đương tài phú xem. Mão Tuất tương hợp, hợp trói Mão sát; Mậu Quý hợp, hợp chế Quý tài, dụng kiếp tài Mậu Tuất tố công. Hành vận tới Tỵ, kiếp tài đắc lộc, lưu niên gặp Nhâm Ngọ hỏa với lại sinh thổ, giao dịch cổ phiếu phát tài số triệu nhật nguyên. Ở chỗ này chúng ta chứng kiến, yếu suy nghĩ dựa vào phong hiểm lấy tài, vận mệnh khởi rất lớn tác dụng.

Càn:

Mậu Canh Mậu Bính
Tý Thân Thìn Thìn

Mệnh này tòng nguyên cục xem, là Thân Tý Thìn hợp tài cục, thực thần sinh tài cách cục, cũng không thích hợp tiến hành phong hiểm đầu tư. Bản thân thực tế thị làm nhà máy nhựa, rất kiếm tiền. Nhưng hắn tỷ kiên nhiều, hỉ hảo cá độ, kết quả cuối cùng thua hai tay trắng. Nhưng ngay từ đầu thì, hắn hoàn thắng ít tiền. Thắng tiền năm là: Giáp Tý năm Ất Sửu năm kiếm tiền, Bính Dần năm thua tiền, Đinh Mão năm với lại có lãi, đến

Mậu Thìn năm toàn bộ thua trận, hoàn nợ rất nhiều. Tại sao đây? Chúng ta đến từng cái phân tích.

Nói chung, tỷ kiếp là thắng tiền chi thần, thương quan thực thần đều là thua tiền chi thần. Giáp Tý năm gặp tài năm, tài nhiều nhập Thìn mộ, tỷ kiếp tố công, thắng tiền; Ất Sửu năm, Thiên Can thực thần hợp trói, Địa Chi thực thần nhập mộ chi năm, thực thần không có tác dụng, nguyên nhân là tỷ kiếp chi năm, cho nên vậy thắng tiền; Bính Dần năm xung khởi Thân kim, thực thần bị dẫn động, tiết tỷ kiếp, cho nên thua tiền; Đinh Mão năm, Mão Thân ám hợp, với lại hợp trụ thực thần, này một năm cũng sẽ thắng; đến Mậu Thìn năm, mặc dù là tỷ kiếp chi năm, nhưng thực thần không chỉ không có chế, ngược lại bị sinh, như vậy tỷ kiếp bị tiết, thua tiền là tất nhiên .

Càn:

Đinh Tân Ất Ất
Mùi Hợi Mùi Dậu

Mệnh này tỷ kiếp đông đảo, Hợi Mùi hợp tỷ kiên cục, mộc thành khí thành thế, mãn bàn tỷ kiếp (khố), có trên năm Đinh hỏa thực thần chế sát, là chế sát lấy tài tổ hợp. Nhưng nguyên nhân trên giờ Dậu sát không có chế, hiệu suất bất tính cao. Bản thân thích chơi mạt chược, thường đánh bạc thường thắng. Quý Mùi năm, thu nhập tam vạn. Nguyên nhân hắn thắng nhiều thua ít, kết quả, chung quanh người bất theo hắn chơi. Hắn nghề nghiệp là đem Dịch kinh cố vấn.

Càn:

Tân Giáp Đinh Bính
Sửu Ngọ Sửu Ngọ

Mệnh này tỷ kiếp lớp nhiều, kiếp tài Bính hợp trên năm tài, chứng tỏ hắn lấy tài phương pháp là dụng kiếp phương thức, không phải hợp pháp lao động đoạt được. Tài tại trên năm, với lại tài khố cùng lộc tương hại, chứng tỏ là thông qua lén lút đấu và được tài, thực tế là một dân cờ bạc, cả đời bất làm chính sự, lấy đánh bạc là sinh. Nguyên nhân Sửu Ngọ chi hại, chủ yếu là Sửu phá Ngọ, đến Đinh Sửu năm Sửu phá Ngọ, đánh bạc

thua và bị ép xuất ngoại trốn khoản nợ. Đinh Bính Ngọ Ngọ, chính tượng bốn người vây bắt cái bàn đánh, vây bắt Sửu ma, tại âm u địa đánh bạc. Nguyên nhân trên năm có một Sửu thổ, nên không thắng tiền, thua nhiều, cuối cùng nợ khoản nợ chạy trốn thoát rồi. (chú: không nhớ rõ lúc ấy lão sư tại sao nói trên năm có Sửu thổ sẽ không thắng tiền?) Nhàn Chú: trên năm hơn nhiều một Sửu, chính là thực thương quá vượng rồi, Sửu hại Ngọ tỷ kiếp nhân tiện thua tiền rồi!

Tam, trí lực lấy tài

Trí lực lấy tài, thông thường là dựa vào tư tưởng, kỹ thuật, tri thức đến thu hoạch tài phú, nghề nghiệp bao gồm: cố vấn nghiệp, luật sư, nghệ thuật gia, tác giả . Nói chung, dựa vào trí lực lấy tài, sở tố công chi thần là thương quan, thực thần tinh, mà thương thực tinh là chiếm được chủ vị, hoặc theo chủ vị tinh tố công; còn có một loại loại hình là mộc hỏa thành khí thế, mộc hỏa là văn hóa tư tưởng, dễ dàng thành danh, cũng là tiến hành trí lực chức nghiệp giả.

Càn:

Quý Giáp Bính Mậu
Mão Dần Tuất Tuất

Mệnh này chủ vị thực thần, mà thực thần tinh nhiều, thực thần là kỹ năng, đầu óc, thực thần hợp ấn, ấn là công tác, thuyết minh là dựa vào kỹ thuật tại đơn vị công tác. Với lại nguyên nhân Quý Mão nhất trụ ấn mang quan tượng, Mậu Quý hợp, quan với lại hợp đến chủ vị, cho nên là một quan viên. Thực tế hắn là một nhà kiến trúc thiết kế viện viện trường.

Khôn:

Nhâm Đinh Nhâm Ất
Dần Mùi Thân Tỵ

Mệnh này (Thân là có thể bị hợp , chế về phía sau thân thể không có ảnh hưởng) trên năm thực thần Dần mộc, thực thần tinh mang tỷ kiên, thuyết minh là của mình thực thần. Dần nhập Mùi mộ, là thực thần nhập quan mộ, ý tứ là trí lực của mình bị quan phương sở dụng. Đinh Nhâm tương hợp, thân nhược hợp tài, tài có công, cho nên phú. Mùi vậy hợp đến, quan đương tài, kiếm tiền lương . Làm quan tinh hợp đến nhật chủ

chính mình, cho thấy nàng có thể đạt được đơn vị trọng dụng, có nhất định chức vị. Thực tế bản thân là một y sĩ bệnh viện. Nhưng nguyên nhân chủ vị Thân kim thiên ấn xung thực thần, thuyết minh nàng đối với nghề nghiệp của mình không thích lắm, Tỵ Thân hợp, thích tiền bên ngoài. Quả vào Mão vận Giáp Thân năm ly chức hạ hải, tự mình kiếm tiền rồi, hàng năm 100 vạn. Ứng Mão vận, nguyên nhân thương quan vận có thể sinh tài. Tài ăn nói tốt lắm.

Càn:

Canh Canh Canh Mậu
Tý Thìn Thìn Dần

Mệnh này trên năm thương quan Tý thủy, thương quan tinh mang tỷ kiên, thuyết minh là của mình tài trí, Tý cùng nhật chủ tương liên rồi, nên Tý thủy thương quan cần. Tý Thìn tương củng, hội vượng thủy cục, có điểm công nhưng vừa phải. Thương quan còn có thể sinh trên giờ tài tinh, (Dần là tài, tài cần, Dần khắc Thìn, nhưng công vậy vừa phải, chủ yếu là dụng Tý thủy, Tý thương quan chủ đầu óc, Dần khắc Thìn, trồng trọt rồi, Thìn phục ngâm, mẹ hai chồng) cho nên hắn xác nhận dựa vào trí lực lấy tài mệnh. Hành Nhâm Ngọ, Quý Mùi vận, thương quan bị quản chế, không thể lấy tài trí tìm kế sinh nhai, Mùi vận chi Mùi năm, hại Tý, thiếu chút nữa yếu mệnh. Đến Giáp Thân vận hội vượng thương quan chi cục, tiến hành dự đoán cố vấn, hàng năm lấy được tài mấy vạn. Bính Tý năm bắt đầu đoán mệnh, thừa số thủy đến.

Càn:

Canh Canh Canh Ất Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính
Tý Thìn Ngọ Dậu Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Mệnh này cùng tạo trên tương tự, chỉ là trên năm thương quan tinh xung chế quan tinh tố công, như vậy công khá lớn. Quan sát chế bất hảo đương tài xem, nguyên nhân cách xung, dụng Tý thủy thương quan, là đầu óc lấy tài. Hai người công, Ất Canh hợp, Tý Ngọ xung, bản thân yêu thích thư pháp, , Tý là mực. Hành Nhâm Ngọ, Quý Mùi vận, rất nghèo, dựa vào đầu đường bán chữ duy sinh; Giáp Thân vận hội khởi thương quan cục, trở thành địa phương nhà thư pháp nổi danh, người cầu chữ đông đảo, chính giàu có khởi đến. Hắn hoàn tố mặt tiền, bán trang phục, hảo vài mặt tiền,

hiện là Ất vận, Dậu vận nhân tiện xong hết rồi, chính là Thân vận hảo, Ất Dậu vận sinh không dậy nổi thủy, trước mắt hắn làm lớp thư pháp đào tạo đã không được, chiêu người không đến. (chú: vấn đề: Ngọ vận là nguyên cục Ngọ đến, ứng là chế Ngọ ứng kỳ, vì sao bất cát?)

Càn:

Nhâm Quý Quý Tân (Thái Dịch Sinh)
Dần Sửu Sửu Dậu

Mệnh này cũng là trên năm thương quan, Dần Sửu ám hợp, hợp đến chủ vị, thương quan tinh có công, cần Dần, chính ấn đem thiết kế, thiên ấn đem huyền học, thiên môn. Tọa chi Sửu thổ, có huyền học hàm nghĩa, gia tăng chi vừa là thiên ấn khố, thiên ấn chủ thiên môn, hắn là một nổi danh Phong Thủy sư. Nguyên nhân Sửu Dậu đều là âm . Dần Sửu ám hợp Sửu vi phu thê cung, phụ mẫu cung, huynh đệ cung, điển hình hai kết hôn tổ hợp, hai cung, một tinh, Dần làm vợ, hai lần hợp, lần thứ hai hôn nhân, không có đứng đắn nghề nghiệp, lần đầu tiên ly hôn sau, tài sản đều bị vợ lấy đi, Dần hợp không tới nhật chi rồi. Bây giờ đến phía nam hỗn khử rồi. Sau có 1 người nữ cùng ngày sinh, Canh giờ Thân nữ mệnh, là một vị thiết kế sư, nguyên nhân chính ấn ngoại thấu, đó là chính thống nghiệp. Có đứng đắn nghề nghiệp, nữ không nhất định hai kết hôn. Nhưng chúng ta chứng kiến, bọn họ đều là dựa vào trí lực lấy tài .

Càn:

Đinh Nhâm Canh Đinh Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính
Mùi Tý Tuất Hợi Hợi Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ

Mệnh này Đinh Nhâm hợp, Đinh Hợi tự hợp, dụng thực thần chế quan, Tý Mùi hại, Đinh là Tuất trong lộ ra tới, bên trên chế nhưng phía dưới chế không sạch sẽ, nhưng quan vậy vượng, chế không sạch sẽ, nơi này quan tinh đương tài phú xem (quan sát chế bất tịnh đương tài xem). Thực thần chủ đầu óc, ứng là trí lực lấy tài mệnh. Tý Mùi hại quan rồi, bất đương quan, thực chế quan, tại môn hộ, cố vấn nghiệp, nguyên nhân là quan, nên là cố vấn luật pháp , thực tế bản thân là luật sư, hành phương tây kim vận, sinh thực thần và chế quan sát, tài vận tốt lắm (kim nhất sinh thủy, thủy nhất vượng nhân tiện phát tài).
Càn:

Canh Tân Canh Nhâm Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh
Tý Tỵ Thân Ngọ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi

Mệnh này trên năm thương quan, tọa chi lộc thần sinh hợp thương quan cục (củng). Nguyệt Lệnh sát tinh hợp lộc, mặc dù có thể bị Tý thủy chế chi, nhưng chế phục bất hảo; trên giờ quan tinh hợp Nhâm, quan tinh có chế là cát, thương quan thực thần tố công, vốn là trí lực lấy tài mệnh. Quan sát tinh chế bất hảo, đương tài phú xem. Tiến hành kế toán sự vụ, phát tài mấy trăm vạn. Hiện là Bính Tuất vận, Bính vận hảo, sát hợp dương nhận, chủ nổi danh, chính mình mở một kế toán sự vụ sở, phỏng chừng một năm kiếm 200 vạn không thành vấn đề. Bát tự không có tài, lấy thương thực đương tài. Tuất vận hỏa nhập mộ, thông thường. Hạ vận Đinh Hợi vận thì tốt rồi. Dậu vận khẳng định hảo.

Khôn:

Tân Tân Kỷ Bính
Dậu Mão Sửu Tý

Một nữ sĩ cầm nữ nhi mệnh tới hỏi ta, muốn nhìn một chút nàng sau này là làm gì ? Ta nói cô gái này là luật sư , nhưng lại làm công ty luật . Nàng nói đúng, có thể tính cực đại, vì vậy con bây giờ đang học pháp luật hệ thạc sĩ. Như vậy tòng trong bát tự là như thế nào biết nàng là luật sư ? Đầu tiên xem Tân kim là thực thần, thực thần có cái gì hàm nghĩa? Thực thần có thể tố lão sư, vừa có thể là thầy thuốc, nhưng Mão Dậu nhất xung, thực thần mục đích nhân tiện vô cùng xác định rõ —— yếu khử chế quan, cho nên chứng tỏ ra nó hàm nghĩa rồi. Có người sẽ nói, thực thần chế quan có thể làm quan, tại sao nàng sẽ phải luật sư đây? Cho nên phải xem thực thần là từ đâu tới. Nhật chủ phía dưới tọa Sửu, Sửu là thực thần khố, thực thần tự nhiên là tòng Sửu trong tới. Dưới thân tọa một khố chứng tỏ nàng có rất nhiều rất nhiều vật như vậy, này có thể loại tượng là pháp luật văn thư, pháp luật văn kiện... Thứ, cái này thứ là đang làm gì đây? Đương nhiên là chế quan , chứng tỏ biện hộ, chính là lợi dụng văn khử thuyết phục quan. Tại sao chính cô ta bất đương quan? Bởi vì nàng cái này thực thần quá nặng rồi, thực thần chủ tự do, thực thần quá nặng là một người thích tự do, không muốn bị ràng buộc, hơn nữa Tý Sửu nhất hợp, thực thần khố hợp một tài, chứng tỏ nàng yếu thông qua thực thần phương pháp lấy tiền, chỉ cần trả tiền, có thể làm biện hộ cho một phạm tội phần tử, cuối cùng mục đích là lấy tài, và sẽ không đi làm quan. Nhật chủ tọa chính là một khố, hay khai công ty luật , không phải đơn thuần

luật sư, Sửu khố có thể loại tượng là xí nghiệp, vào chủ vị, là của mình xí nghiệp. Đem pháp luật tư nhân xí nghiệp, chỉ có thể là công ty luật. Thông qua cái này quan hệ trên cơ bản có thể nhất định nàng nghề nghiệp.

Khôn:

Mậu Giáp Kỷ Tân
Thân Dần Mùi Mùi

Dần là Mùi trong dẫn ra, Dần Thân xung, là khai Mùi khố, bàn về cát, cự phú.

Càn:

Đinh Quý Kỷ Kỷ
Dậu Sửu Sửu Sửu

Hiện là Thái Nguyên trung cấp tòa án phó viện trưởng, Quý là Sửu trong dẫn ra , Đinh Quý xung, khai khố rồi, Đinh đại biểu Mùi, huynh đệ ba người đều là tòa án viện trưởng. Khi còn bé manh sư phán quyết sau làm công - kiểm - pháp quan. Dậu Sửu tổ hợp, thấy Đinh Quý nhất xung, thiên nhân tiện chuyển chính rồi. Trên năm Đinh là phần mộ tổ tiên, thuyết minh phần mộ tổ tiên hảo, Quý Mùi năm thăng quan, anh trai cho hắn ra 50 vạn tệ tư trợ giúp hắn làm quan. Hắn nguyên tại tư pháp cục, hắn hôn nhân không có vấn đề.

Nhàn Chú: Thiên Can cái chìa khóa mở Địa Chi khóa rồi!

Càn:

Giáp Bính Kỷ Mậu
Thìn Tý Mùi Thìn

Tý Mùi hại, không có hôn nhân, Giáp Kỷ hợp, Thiên Can tố công.

(hại không phải khai mộ, xung, hình phạt thì có thể khai mộ, hại là hại mộ bản thân, là đạp đổ, và xung hình phạt là đả khai mộ.)

Càn:

Mậu Kỷ Kỷ Tân Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính
Tuất Mùi Hợi Mùi Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu Dần

Mệnh này tỷ kiếp đông đảo, một điểm thực thần vào can giờ, là toàn bộ bát tự chi dụng thần. Nhưng nguyên nhân sinh vào quý hạ, cục rất tiêu táo, nên hỉ dụng thủy đến nhuận cục, Hợi thủy có công. Thực thần tiết tú, tài hoa hơn người. Bát tự lấy Tân kim là bút, Hợi thủy là mực, nên hắn là một tác giả. Hành Nhâm Tuất vận, thủy bất thông căn, Tuất khắc Hợi thủy, sự nghiệp bị tỏa, hôn nhân rạn nứt, nay đây mai đó; vận chuyển Quý Hợi, cục chuyển nhuận, thực thần được tư dưỡng, liên tục phát biểu thi văn cũng nhiều lần được thưởng, danh lợi đều toại. (Kỷ sinh Tân, hảo, Hợi thủy nhuận táo, Tân thực phối Hợi thủy là tác giả. Thực chủ văn chương, Tân là bút đầu nhọn, Hợi là mực thủy. Nhâm Tuất mười năm rất kém cỏi, Quý Hợi sau hai mươi năm thủy vận hảo, Tuất vận phá tài, ly hôn, chính tài chính tinh được chính vị không thể chế, thiên có thể chế.)

Càn:

Canh Đinh Kỷ Canh
Tuất Hợi Mùi Ngọ

Mệnh này hỏi hôn nhân như thế nào. Đáp hôn nhân không có vấn đề, nhưng thường ầm ĩ. Nhàn Chú: Tuất hình phạt mở Mùi khố, là có kết hôn!

Càn:

Đinh Bính Bính Quý
Mùi Ngọ Dần Tỵ

Mệnh này mộc hỏa thế, khử trên giờ Quý thủy quan tinh. Quan tinh hư thấu chủ danh tiếng, mộc hỏa thành thế với lại chủ văn hóa, cho nên xác nhận một nhân vật nổi tiếng. Thực tế bản thân là một danh tiếng luật sư, trên giờ chi lộc đương tài xem, hành Quý Mão vận, phát tài mấy trăm vạn.

Càn:

Giáp Đinh Đinh Nhâm
Ngọ Mão Mão Dần

Mệnh này cũng là một danh tiếng luật sư, tỷ tạo trên danh khí lớn hơn nữa, chúng ta xem hai người loại hình là giống nhau . Này nhất tạo lộc tại trên năm, cho nên chủ yếu là hải ngoại lấy tài. Giúp quốc nội xí nghiệp tại hải ngoại thành công Thượng Hải, có lãi lấy tiền thuê, phú quá thiên vạn. .

Bốn, thể lực lấy tài

Thể lực lấy tài phân lưỡng loại:

Nhất loại là thông thường lao động chân tay, bọn họ không có văn hóa tri thức, dựa vào khổ cực lao động kiếm tiền duy sinh, tại Trung Quốc chiếm tám trăm triệu nông dân cùng dân công cũng tại giai tầng này;

Khác loại là thể dục vận động viên, ca sĩ nổi tiếng, minh tinh điện ảnh, bọn họ mặc dù cũng là tiêu hao thể lực, nhưng thu nhập tương đối lớn, có chút danh tiếng ,thu nhập thậm chí có thể trên trăm triệu tệ. Nói chung, thể lực lấy tài tố công chi thần xác nhận tỷ kiên, kiếp tài cùng lộc thần, đương nhiên bất đồng nghề nghiệp bát tự không có cùng tổ hợp, hiệu suất cùng phương thức tố công đều có sở bất đồng.

Càn:

Ất Ất Mậu Ất
Sửu Dậu Dần Mão

Bát tự này quan tinh không có chế hóa và khắc thân, không có quan mệnh. Quan vô dụng, tọa sát hữu dụng, là chứng tỏ của mình công tác. Dần Sửu ám hợp tố công, nhưng tố công hiệu suất rất thấp. Dụng kiếp tài Sửu thổ hợp quan tinh chứng tỏ người này công tác tính chất là là lao động chân tay; Sửu là ẩm thấp vô quang chỗ, với lại là vàng đá chi khố, loại tượng là than lò, nên hắn là một thợ mỏ than. Quý vận Mậu hợp tài, Quý đến từ Sửu, vận này khai thác than kiếm tiền. Mùi vận xung Sửu, liền không hề hạ lò rồi.

Càn:

Nhâm Quý Kỷ Bính

Tý Sửu Dậu Dần

Mệnh này là một khai sơn công nhân. Nhật chủ vô công xem nhật chi, nhật tọa thực thần, Dậu Sửu bán hợp, hợp thành thực thần cục, nhưng chúng ta xem thực thần tại cục trong vô công, bát tự hàn thấp quá mức, sở yêu cầu chính là trên giờ Bính hỏa cùng Dần mộc địch hàn, và không phải thực thần. Dần Sửu ám hợp, kiếp tài tố công là là lao động chân tay, hiệu suất quá nhỏ, kiếm tiền không nhiều lắm, vô cùng khổ cực. Chủ vị Dần mộc ám hợp Sửu thổ khả coi là khai sơn.

Càn:

Nhâm Nhâm Bính Giáp Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu
Tý Tý Thân Ngọ Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ

Mệnh này kim thủy thành thế, nhưng mộc hỏa tại chủ vị, mà có Giáp mộc hóa thủy, không thể khử mộc hỏa và chỉ có dụng mộc hỏa. Chỉ có thể dựa vào Giáp mộc hóa sát là công, bát tự hiệu suất vô cùng thấp. Dụng kiếp tài thiên ấn, là thân thể lao động . Thực tế là một thợ mộc.

Nhàn Chú: hồng chữ Bính Giáp Ngọ liên thể, nhất định phải dụng, không thể bị phá! Giáp là tử mộc, hóa Thiên Can chi Nhâm thủy sát, tỷ kiếp Ngọ xung Tý thủy quan tinh, là mộc công! Nơi này quan nhiều tài ít, tài thống quan, quan sát chế không hoàn toàn vậy đương tài xem! Ta giác bát tự này hành vận không tệ, đoạn đường phía nam vận!

Càn:

Ất Ất Quý Quý
Dậu Dậu Mùi Hợi

Mệnh này có kim thủy thế, ấn tinh vô công, duy nhất tố công chi thần là Hợi thủy, củng hợp Mùi thổ khắc hỏa thổ. Chúng ta tại trên nhất chương trong giảng quá, Hợi Mùi hợp chế thổ hiệu suất giác thấp, cho nên thuộc về tỷ kiếp tố công và hiệu suất thấp bát tự, là lao động chân tay. Thực tế là một mỗi ngày ra đồng làm việc nông dân. Nhàn Chú: Hợi là trong nước ngậm mộc, Mùi trong có căn, là trồng trọt chi tượng.

Càn:

Tân Bính Tân Bính
Mão Thân Tỵ Thân

Mệnh này trên năm tài tinh sinh chủ vị quan, chứng tỏ có công tác, có tiền lương là sinh. Quan hợp kiếp tài là chế kiếp tài, nhưng quan tinh không đủ vượng, không có khí thế, chế kiếp chi hiệu suất rất thấp, tố công vừa phải. Kiếp tài tham dự tố công, cho nên là lao động chân tay, lại có công tác, nên là một công nhân.

Khôn:

Nhâm Tân Đinh Ất Canh Kỷ Mậu Đinh Bính Ất Giáp
Tý Hợi Sửu Tỵ Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn

Mệnh này cùng tạo trên có chỗ tương tự, tài nhiều thân nhược, với lại thiên ấn cùng kiếp tài tinh tại chủ vị, không thể không dụng chi. Phú ốc bần người, thể lực duy sinh, thực tế là một người bán hàng khách sạn. Nhàn Chú: Đinh Ất Tỵ liên thể nhất định phải dụng! Trong lúc tuổi già vận cũng không tệ lắm!

Vận động viên thể dục, ca sĩ nổi tiếng, minh tinh điện ảnh, nghệ nhân, bọn họ mặc dù thuộc về thể lực lấy tài nhưng đa số có đặc điểm dưới đây:

1, những người này tỷ kiếp tố công hiệu suất dường như cao.

2, thông thường đều có thương thực tinh phối hợp tố công, nguyên nhân thương thực tinh đại biểu kỹ thuật hoặc nghệ thuật.

3, rất nhiều nghệ nhân có thể nổi danh, còn có Bính Đinh hỏa tố công, hoặc thất sát hư thấu vào can tố công, cái này cũng chứng tỏ danh khí.

Khôn:

Giáp Tân Ất Quý
Dần Mùi Hợi Mùi

Mệnh này tỷ kiếp đông đảo, lưỡng Mùi thổ tài tinh củng đến chủ vị, nhưng củng thành lộc cục, lưỡng tài tương củng, hiệu suất giác cao. Bát tự không gặp thương thực, chỉ có tỷ kiếp tố công, tỷ kiếp chủ cạnh tranh, cho nên là một vận động viên, sau tố huấn luyện viên tennis.

Càn:

Bính Ất Tân Đinh
Thìn Mùi Mùi Dậu

Mệnh này Tân kim nhật chủ, Bính Đinh hư thấu, quan sát hư dễ dàng thành danh. Thìn thổ mộ Mùi, Mùi là tài chi khố, thuyết minh hắn thu nhập rất cao. Thìn hợp lộc, lộc là thân thể, hợp đến trên năm có thể chứng tỏ chân, cho nên hắn là một cầu thủ bóng đá danh tiếng.
Càn:

Nhâm Bính Ất Mậu
Tý Ngọ Dậu Dần

Mệnh này là ngôi sao bóng đá Zinedine Zidane, chúng ta nhìn hắn là tố công như thế nào . Mộc hỏa có thế, ý tại chế kim thủy, trên giờ kiếp tài khử trường sinh thương quan, kiếp tài chứng tỏ là thể năng cạnh tranh, thương quan chứng tỏ nghệ thuật, cho nên là thể năng cạnh tranh nghệ thuật rất cao, trong mệnh biểu đạt hết sức rõ ràng. Nhàn Chú: ta xem mộc hỏa vượng giữ thủy ấn tinh cấp chế là thật, Dậu kim có chế ý, nhưng chế bất hảo, đương tài xem! Trên năm ấn là thân thể vậy chủ chân, tỷ kiếp chế năm ấn càng biểu chân rồi, chân có công, là đá bóng rồi!

Khôn:

Tân Đinh Canh Nhâm
Dậu Dậu Tý Ngọ

Mệnh này là nữ tử võ thuật quán quân toàn quốc, chúng ta xem nàng có kim thủy thế, chế Ngọ hỏa quan tinh, dương nhận thương quan tố công. Dương nhận chủ đao thương, thương quan chủ kỹ năng, quan chủ vinh dự, cục trong lưỡng dương nhận, nên võ thuật thiện khiến song kiếm, năm 2000 tại giải võ thuật trong đoạt cúp, nhất cử thành danh. Nhàn Chú: kim thủy thành thế khử quan, Nguyệt Lệnh quan tinh hư thấu, chủ danh khí, quốc nội danh khí. Dương nhận là đao thương, sinh Tý thủy chế Ngọ!

Càn:

Ất Đinh Bính Mậu

Hợi Hợi Thìn Tuất

Mệnh này quan sát đông đảo, nhập vào chủ vị Thìn mộ, bản có thể làm quan; đã thấy bát tự nhật chủ hỏa cùng táo thổ thành đảng, Thìn Tuất xung, cùng sát khố bất hòa, thuyết minh chính mình không thể làm quan. Chế quan sát bất lực, quan sát đương tài phú xem, dụng thực thần cùng kiếp tài tố công. Thực thần người dựa vào tài ăn nói cùng đầu óc, kiếp tài với lại chứng tỏ thể lực, hợp cùng một chỗ, quyết định nghề nghiệp. Hắn là một nổi tiếng Bình thư (một hình thức văn nghệ dân gian của Trung Quốc, khi kể một câu chuyện dài dùng quạt, khăn làm đạo cụ) diễn viên, sở dĩ nổi danh, nguyên nhân Bính Đinh hỏa thấu can chi nên.

Khôn:

Canh Kỷ Tân Quý
Tý Mão Dậu Tỵ

Mệnh này nhật chủ tọa lộc, kim thủy lược có khí thế, chế mộc hỏa có công, hiệu suất rất cao. Lộc thần cùng thực thần tố công, xác nhận một nghệ nhân. Thực tế là một diễn viên, diễn quá rất nhiều điện ảnh và truyền hình kịch được người xem yêu thích.

Khôn:

Bính Quý Tân Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu
Dần Tỵ Dậu Tỵ Thìn Mão Dần Sửu Tý

Nước Mỹ diễn viên nổi tiếng Marilyn • Monroe, chúng ta xem cùng trước tạo có tương tự chỗ: Tân kim nhật chủ tọa chi lộc thần, Thiên Can thấu thực thần Quý thủy chế quan, tố công chi thần cũng là lộc cùng thực thần, chỉ là nguyên nhân bát tự mộc hỏa thế đại so với kim thủy thế, thế cho nên kim bị hỏa khắc, hành Canh Dần vận, kim lâm tuyệt và hỏa bị sinh trợ giúp, tử vào bỏ mạng. Nhàn Chú: liên thể thứ không thể bị chế

Khôn:

Bính Bính Giáp Bính
Ngọ Thân Thìn Dần

Mệnh này mộc hỏa có thế, lộc cùng thực thần tố công, thực thần chế sát,

còn có nhất định chức vụ. Bính hỏa tố công, danh khí rất lớn. Là một danh ca nổi tiếng, mà tại trong quân có quân hàm cao. Vì sao là danh ca, nguyên nhân kim chủ thanh âm, hỏa khắc kim, thanh âm hảo.

Càn:

Giáp Giáp Đinh Nhâm
Ngọ Tuất Dậu Dần

Nghệ thuật gia biểu diễn kinh kịch nổi tiếng Mai Lan Phương tạo. Mộc hỏa có thế, Đinh hỏa là danh khí, cho nên là danh nhân. Lộc thần hội vượng chế kim, công rất lớn. Hỏa khắc kim, lại nhìn trụ ngày và trụ giờ tương hợp, Nhâm thủy là màu, tại môn hộ trên, môn hộ chủ mặt, Đinh Nhâm hợp, trên mặt đồ màu, cho nên là diễn hí khúc.

Càn:

Đinh Tân Tân Tân
Hợi Hợi Sửu Mão

Mệnh này là Nhật Bản ca sĩ nổi tiếng Sâm Tiến Nhất. Tỷ kiên đông đảo, sinh trợ giúp thương quan, Đinh Hợi tự hợp, thương quan hợp sát tố công. Sát tinh hư thấu chủ danh khí, thương quan chủ nghệ thuật, cho nên là một danh nhân. Hành Đinh Mùi, Bính Ngọ vận, quan sát đến, hỏa với lại khắc kim, cho nên lấy biểu diễn nổi danh.

Năm, tiền lương lấy tài

Trong xã hội chúng ta, tiền lương lấy tài người chiếm đại đa số, bọn họ có công việc cố định, thu nhập ổn định, cho nên dự đoán bọn họ tài vận, chỉ cần phân tích tài vận xu thế có thể rồi. Còn có chính là phân tích có thể hay không thất nghiệp, có hay không tiền lương ngoại thu nhập. Tiền lương lấy tài mệnh cục tố công loại hình đa số lấy thực thương tinh, ấn tinh, quan sát tinh, tài tinh tố công, nhưng hiệu suất bất tính cao. Nơi này thực thương tinh chứng tỏ kỹ năng, ấn tinh chứng tỏ đơn vị, quan sát tinh chứng tỏ bị quản lý, tài tinh chứng tỏ thu nhập.

Khôn:

Bính Quý Đinh Mậu Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh

Ngọ Tỵ Hợi Thân Thìn Mão Dần Sửu Tý Hợi

Mệnh này không một phương xu thế, kim thủy cùng hỏa thế tương đương. Lại nhìn có công không: Nguyệt Lệnh Quý thủy sát tinh hư thấu, bị Mậu thổ thương quan hợp chế, nơi này thương quan là kỹ năng, sát tinh là công tác hoặc chức vụ, chứng tỏ nàng có kỹ thuật mà có công tác, là làm công ăn lương. Mậu thổ lộc tại Tỵ, Tỵ là kiếp tài tinh, chứng tỏ nàng tại tố một loại có kỹ thuật thể lực lao động, thực tế người này là y tá. Thân kim tài tinh là tiền lương. Dần vận Dần Tỵ Thân tam hình phá Thân, nguyên đơn vị tiền lương rất thấp, từ chức. Kỷ Sửu vận đổi lại một đơn vị mới, thu nhập trung bình.

Nhàn Chú: kim thủy cùng hỏa thế tương đương, Tỵ Thân Quý Tỵ tự hợp, Ngọ Hợi ám hợp; Mậu là thương quan là kỹ thuật, tại môn hộ là là mặt tiền cầu tài! Mậu Thân mang tượng, đều là tài. Tỵ = Mậu vậy là kiếp, tố nửa kỹ thuật nửa thể lực, là y tá, hợp sát có điểm quyền! Tẩu Dần vận, Dần hại Tỵ, mà Dần Tỵ Thân hình phạt (tam toàn bộ tài bàn về hình phạt), hình phạt phá hủy Tỵ hỏa, và Quý Tỵ tự hợp rồi, đổi lại tượng, Quý là công tác, bỏ công tác! Dần là ấn là đơn vị, đơn vị phá sản rồi! Kỷ Sửu vận chi Kỷ vận, đã tới Đinh đến đổi lại công tác đơn vị rồi! Nguyên cục Thân Hợi hại, kết hôn khẳng định bất hảo! Hai kết hôn chi mệnh! Hợi là đệ nhất phu, Dần vận Dần Hợi hợp, ấn hợp rồi, làm kết hôn chứng, làm không được ly hôn chứng! Giáp Thân năm bắt đầu ly cách,(chồng có tình nhân rồi, Tỵ xung Hợi) Tỵ Thân hợp dẫn động Tỵ hỏa, Thân hại Hợi, tỷ kiếp xung phu cung! Bính Tuất năm làm ly hôn chứng (lưu niên không có tài sinh Hợi) quan tài môn! Giáp Thân năm ầm ĩ, Bính Tuất năm ly cách, bởi vì Thân Dậu có tài sinh quan ly cách không được!

Càn:

Nhâm Đinh Quý Ất Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
Tý Mùi Hợi Mão Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu

Mệnh này Hợi Mão Mùi hợp thành thực thần cục, thủy mộc thành thế, chế cục trong Mùi thổ là công, nhưng loại này chế pháp hiệu suất giác thấp, chế quan chỉ chứng tỏ có công tác, không nhắc tới làm quan. Thực thần tinh là tiền lương thu nhập, và Đinh hỏa tài tinh có thể chứng tỏ tiền lương ngoại thu nhập. Nhâm Ngọ năm, Đinh Nhâm hợp, năm này được tiền lương ngoại thu nhập hai vạn tệ.

Khôn:

Mậu Quý Quý Nhâm Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh
Thân Hợi Mùi Tý Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ

Mệnh này có kim thủy thế chế sát tinh Mùi thổ, Hợi Mùi củng thực thần, là thực thần cùng sát tinh tố công, nhưng tố công hiệu suất không cao, cho nên là một làm công ăn lương. Thân vận hại Hợi, bất lợi Hợi Mùi chi củng, cho nên công tác bất vừa ý, thu nhập cũng không cao. Đến Kỷ Mùi vận, Hợi Mùi củng đến, có nhỏ chức, thu nhập chuyển biến tốt đẹp.

Khôn:

Bính Tân Bính Canh
Ngọ Mão Tuất Tý

Đây là sơ cấp lớp học giảng tử cha ví dụ, mệnh này tọa chi thực thần (kỹ năng) hợp ấn (đơn vị), biểu có đơn vị, ấn tinh trên thấu tài tinh, Bính Tân hợp, biểu tiền lương (nguyên nhân là ấn trên chi tài). (chú: quan thống tài) thực thần là kỹ năng hoặc đầu óc, ấn là đơn vị, tài đó là tiền lương, cho nên là một làm công ăn lương. Bản thân thu nhập lấy Tân kim xem, thu nhập bình thường. Bát tự có hỏa thổ thế, chế trên giờ Tý thủy có công, hành Đinh Hợi vận, Đinh Hợi tự hợp, Hợi đương tài xem, Đinh đến từ Ngọ, Tuất là chính mình tọa, chồng phát tài, trăm vạn phú ông. Hợi thủy xuất hiện bị chế hóa, này Hợi thủy sát tinh đương tài xem, vận này phát đại tài. Đinh thị tòng phu cung đi ra , cho nên là phu phát đại tài. Đinh Hợi vận chế nên phát tài, vận này chủ yếu là tượng hảo, Ngọ Hợi ám hợp, Hợi sinh Mão. Nguyên cục Canh Tý mang tượng, Tý đương tài xem, tài rất lớn, thủy cũng đương tài xem, cho nên Hợi cũng là tài, Mậu Tý vận, Tý Ngọ xung, quan xung lộc không được tài, phải nghĩ biện pháp hợp trụ, như là tài xung lộc, thì có thể được tài, nguyên nhân tài là lui tới , ra vào .

Khôn:

Canh Kỷ Ất Canh
Thân Mão Dậu Thìn

Mệnh này chủ vị chiếm tài quan, Ất Canh hợp, hợp quan mang tài, quan là

công tác, tài là tiền lương, nên là một làm công ăn lương. Hoặc hỏi, bát tự có thổ kim thế chế Mão mộc, vì sao không phải đại phú quý chi mệnh? Nguyên nhân Mão mộc lộc thần ở chỗ này là phụ nữ thân thể, dụng này tố công đương nhiên không thể đại phú, nhưng mệnh này tiền lương ngoại còn có khác thu nhập, Giáp Thân năm, Mão Thân hợp đến, một nam thích nàng, cho nàng hai mươi vạn tệ mua phòng.(hôn nhân bất hảo, Mão lộc với lại xung với lại hợp. Nhật chủ hợp quan, bị quản lý, có đứng đắn nghề nghiệp, quan hạ tọa tài, kiếm tiền lương. Mão lộc ngồi tài, có phạm nam nhân lấy tài chi nghĩa, Giáp Thân năm nam nhân thích nàng, cấp nàng 20 vạn tệ mua một căn hộ, người nam nhân này cùng nàng hảo , nam nhân vợ sẽ chết rồi, Mão Thân hợp, Thân đương nam nhân, Mão đương nam nhân vợ, nguyên nhân Mão Dậu xung, nên nam nhân vợ đã chết. Nàng bản thân là trường học đồ thư quản lý thành viên.)
Nhàn Chú: lộc không liên không sợ chế! Lộc hợp tài quan thực thương đều là đào hoa!
Khôn:

Mậu Nhâm Mậu Nhâm
Thân Tuất Ngọ Tuất

Mệnh này có hỏa cùng táo thổ thế, chế cục trong Thân kim thực thần, đáng tiếc chỉ là khắc chế mà thôi, khắc chế hiệu suất không cao. Thực thần chủ kỹ năng, ấn chủ đơn vị, ý tứ là của mình kỹ năng bị đơn vị sở trọng dụng, cho nên là một làm công ăn lương. Bây giờ hành Mậu Ngọ vận, công tác thu nhập ổn định. Thiên Can hư thấu tài tinh vô công, không có tiền lương ngoại thu nhập.

(thực chủ kỹ năng, ấn chủ đơn vị, hiệu suất rất thấp, chỉ có thể có đơn vị kiếm tiền lương, Mậu Ngọ vận thu nhập thông thường, tuy có thế nhưng công quá nhỏ, lưỡng Nhâm hư thấu vô dụng, chỉ biểu biết ăn nói.) tọa văn phòng, xí nghiệp làm việc!

Khôn:

Đinh Nhâm Canh Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ
Mùi Dần Tý Ngọ Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu

Mới nhìn mệnh này, là hỏa mộc có thế chế cục trong thương thực, quan khử thực thương. Vốn loại này chế năng lượng cùng hiệu suất cũng dường như cao, nhưng chúng ta phát hiện cái này Tý thủy không phải bị

hỏa thổ chế khử , mà là bị Dần mộc tiết (Nhâm Dần trụ tài mang thực thần tượng, cũng là chứng tỏ thực thần sinh tài ý tứ), thành sinh dụng tố công, cho nên hiệu suất sẽ không tính cao rồi. Thực thương sinh tài, tài tinh nhập ấn mộ tại khách vị, là thay người khác tố trí lực phục vụ , cho nên cũng là một làm công ăn lương, chỉ là thu nhập giác cao. Hành Tỵ vận, hại ngã Dần mộc, thu nhập không cao, lúc đầu công tác đơn vị phá sản; hành Bính Ngọ vận, được mời đến tư doanh xí nghiệp, thu nhập rất cao.

(kim thủy thương quan hỉ gặp quan. Quan chế thương, hảo. Quan chủ đơn vị, thương chủ kỹ năng, nhưng mệnh này hiệu suất dường như cao, thu nhập là tốt rồi. Ất Tỵ vận, hại Dần tài, đơn vị phá sản rồi, hại phản rồi. Bính Ngọ vận bị mời đến tư xí tố chuyên gia kế toán, tiền lương rất cao, 4, 5 ngàn tệ. Thực sinh tài, tài nhập mộ, tố kế toán .)

Càn:

Nhâm Canh Nhâm Đinh Tân Nhâm Quý Giáp Ất
Dần Tuất Ngọ Mùi Hợi Tý Sửu Dần Mão

Mệnh này hỏa thổ có thế, nhưng lại chỉ có thế và không có công lớn, cho nên là một bình thường bát tự. Cục trong Mùi Tuất hình phạt, chế Tân kim trong Tuất ấn tinh có nhỏ công. Tài tinh chế ấn, ấn tại Nguyệt Lệnh chứng tỏ công tác đơn vị, Canh ấn thấu can không có chế, thuyết minh hắn công tác đơn vị không được tốt lắm. Hành Quý Sửu vận chi Sửu vận, Sửu Mùi Tuất tam hình phá hủy Mùi Tuất hình phạt, ấn tinh không cách nào chế không thể làm công, cho nên đơn vị phá sản, chính mình mất việc. Đến Giáp Dần đại vận, hội khởi hỏa cục, chế ấn thành công, với lại bên ngoài vừa tìm được công tác, tiền lương sống qua ngày.

Khôn:

Ất Giáp Đinh Tân đại vận: Ất Bính Đinh Mậu Kỷ
Mão Thân Hợi Hợi Dậu Tuất Hợi Tý Sửu

Mệnh này không có thế, tọa chi quan tinh sinh ấn, ấn sinh thân, quan ấn có công, chứng tỏ bản thân có công tác, quan đầu mang tài, là làm công ăn lương. Trên năm chi ấn hợp quan, là lúc đầu tại xí nghiệp nhà nước công tác; trên nguyệt chi ấn tọa Thân hại quan tinh, chứng tỏ cái này xí nghiệp nhà nước công tác không thể lâu dài, yếu đổi lại cái khác công tác, nhưng Giáp ấn hư, Thân với lại hại chủ vị, thuyết minh sở đổi lại công tác bất ổn

định, không thể lâu dài. Trung niên vận hạn lại thấy quan tinh Hợi thủy, thuyết minh còn có thể tại một thu nhập ổn định xí nghiệp nhà nước công tác. Thực tế Bính vận Giáp Tuất năm đến một nhà xí nghiệp nhà nước, Tuất vận, nguyên nhân Tuất thổ hợp trói ấn, khắc phá quan tinh, xí nghiệp nhà nước tiền lương quá ít, cho nên ly chức bên ngoài làm công, hàng năm đổi lại một lần công tác. Đến Đinh Hợi vận công tác ổn định, thu nhập biến cao.

Khôn:

Ất Kỷ Đinh Canh Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất
Mão Sửu Sửu Tuất Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi

Mệnh này can năm chi ấn tinh, chứng tỏ công tác đơn vị, Ất Canh hợp, Canh tài chứng tỏ tiền lương. Canh kim hư thấu, chứng tỏ đơn vị tiền lương không cao; tọa chi thực thần Sửu thổ vượng tướng, lâm phu cung mà là tài khố, Sửu lại bị hình phạt khai, thuyết minh chồng thu nhập giác nhiều. Hành Thìn vận hại ngã ấn tinh, nguyên nhân đơn vị tiền lương không cao và từ chức, do chồng nuôi sống. Nàng bản thân xem Ất Mão, ấn chủ đơn vị, ấn xa, tài hư, hiệu suất thấp, kết hôn sau Mão Thìn nhất hại, không làm rồi, nguyên nhân tiền lương rất thấp và từ chức.

Thứ chín chương, quan mệnh cái nhìn

Nhất, quan mệnh trung tâm phải có quan, sát và ấn tinh. Quan sát chủ chức vụ, ấn chủ quyền bính.

Có vài loại tổ hợp: quan sát phối ấn, quan sát phối thương quan, quan sát phối kiếp nhận; ấn phối tài tinh, ấn phối thực thương, ấn phối tỷ lộc. Ở trên vài loại loại hình có tố công nói thông thường đều có quan chức, quan chức đại tiểu xem tố công như thế nào.

Hai, quan mệnh quan sát và ấn tinh mặc kệ tố công như thế nào, cũng phải có căn. Quan sát hư đương danh khí xem.

Tam, ấn tinh, quan sát, thương thực hoặc tài tinh tố công, trong đó phải có chữ chủ vị , cái khác vị trí tố công sở nói dễ dàng là phát tài . Tố công tố bất hảo, vậy dễ dàng đi hướng lấy tài.

Bốn, quan mệnh tổ hợp, như xuất hiện Thân, Dậu hai chữ tố công, thông

thường là kiểm sát, tòa án, pháp luật có liên quan quan chức; như xuất hiện Thân, Dậu, Sửu, Dần chữ tổ hợp tố công, thông thường cùng công an ngành quan.

Năm, xuất hiện dương nhận cùng thất sát tổ hợp, thông thường chấp pháp ngành, thực quyền phái hoặc quân đội ngành quan; như xuất hiện thương quan cùng quan sát tổ hợp, thông thường là thực quyền ngành hoặc kiểm tra kỷ luật ngành. Thực thần hợp ấn (bội ấn) tố có chứa tư tưởng văn hóa tính chất nghề. Thương quan thực thần vượng đương văn hóa hoặc quan văn.

(chú: quan sát hư thấu, đại vận chứng thực thì, vậy làm quan.)

Nhất, chế dụng tố công làm quan

Chế dụng tố công làm quan tình huống nhiều nhất, bao gồm có:

1, quan sát phối thương thực tổ hợp, thương thực chế quan sát hoặc quan sát chế thương thực tố công.

Càn:

Bính Giáp Ất Giáp
Thân Ngọ Mão Thân (Ngọ Mão phá, nhưng Ất là tử mộc, không sợ khắc phá? Thân thể dựa vào lý ứng không được tốt)

Người này Ất mộc tọa lộc hợp trên giờ chính quan, nguyên cục không có thất sát hỗn tạp, cho nên quan chức cao. Giáp mộc đổi lại tượng đến trên nguyệt tọa Ngọ hỏa thương quan (Giáp Ất mộc đồng căn, như Địa Chi có một mộc, Thiên Can có Giáp Ất mộc, cũng là đồng căn, có thể đổi lại tượng), với lại lộ ra trên năm Bính hỏa vây chế Thân kim, là thương quan chế quan, trên năm Thân kim bị thương quan chế khử, trên giờ là hợp quan bất gọi chế. Người này là cao nhất toà án nhân dân phó viện trưởng (Mão chỉ hợp trên giờ Thân, bất hợp trên năm Thân, có gần trước hợp gần. Mão Thân ám hợp, dương nhận Giáp đương chính mình xem, can giờ dẫn tại trên nguyệt, Ngọ Bính chế trên năm Thân).

Càn:

Mậu Quý Canh Đinh Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ

Tý Hợi Tuất Sửu Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ

Sơn Tây tỉnh công an cấp sở trường. Bát tự kim thủy có khí khử hỏa thổ, Tý Hợi mặc dù vượng, nhưng cùng Tuất bất phát sinh tác dụng là không làm công, Bính Mậu một tượng, cũng tòng Tuất trong lộ ra, Mậu hợp Quý, Mậu Tý hợp, Tuất làm quan khố tại tọa, Thìn vận xung khai quan khố hội khởi thủy cục, Canh Thìn năm thăng chức, Nhâm Ngọ năm thăng là cấp sở trường. Nhâm Ngọ năm đem Đinh hỏa trong Tuất dẫn ra.(vốn chế không được Tuất, nhưng lộ ra Bính Mậu, Mậu Quý hợp chế Mậu, tẩu Mậu Thìn vận, Thìn Tuất nhất xung, chế rồi, Thìn vận Nhâm Ngọ năm thăng quan. Qua Thìn vận lại không được rồi.)

Nhàn Chú: kim thủy thành thế chế quan sát khố, Sửu là tỷ kiếp dương nhận khố! Báo giờ tý, nhưng giờ tý chế không sạch sẽ, Sửu thì chế sạch sẽ! Thương quan quá nặng bất là quân đội, tòng kỷ ủy đi ra . Trước kia là nông thôn giáo viên, có 1 quan viên cùng quê hương tuyển thư ký, thần xui quỷ khiến tuyển hắn! Trước kỷ ủy quản quan , sau tiến hành công an! Sửu là công an, tẩu Thìn vận thăng! Năm 2000 Canh Thìn thăng một bậc, năm 2002 Nhâm Ngọ tái thăng một bậc (chế con trai), Bính Tuất năm yếu lui, công an cấp sở trường!

Càn:

Canh Nhâm Ất Bính Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu
Dần Ngọ Dậu Tuất Mùi Thân Dậu Tuất Hợi Tý

Mệnh này mộc hỏa có thế, Dậu Tuất hại Dậu kim, Ngọ hỏa khắc Dậu kim, chế sát ý, Ất Canh hợp, hợp quan là được quan, Nhâm Ngọ tự hợp hợp khử Nhâm, Dần Ngọ Tuất hợp hỏa cục khử Dậu kim là thương quan khử quan cách. Mệnh này là Sơn Tây tỉnh chính pháp ủy thư ký. Đinh Hợi vận, Đinh Nhâm hợp đem ấn hợp trụ rồi, ấn là quyền, Dần Hợi hợp, Ngọ Hợi ám hợp, cũng là hợp ấn ý tứ. (cán bộ cấp sở)

Càn:

Nhâm Đinh Tân Giáp Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
Ngọ Mùi Tỵ Ngọ Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu

Mệnh này là sát chế thương quan, quan sát trọng và thương quan nhẹ, bộ nhiều và tặc ít, hỉ hành tặc vận. Hành Tân Hợi, Nhâm Tý hai mươi năm

thủy vận, thăng tới cấp sở . Sơn Tây thể ủy chủ nhiệm.

Càn:

Mậu Quý Tân Tân Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ
Tuất Hợi Mão Mão Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ

Lớp học khảo sát: làm quan hay phát tài ?

Mão tài hợp Tuất quan sát khố, là dẫn khách, chế bất tịnh. Cục trong không có quan, quan sát khố làm quan xem, Mão Tuất, mộc thổ kết cấu, đem phòng bất động sản. Nguyên là cấp sở kiến trúc công ty giám đốc, thuộc đơn vị nhà nước , hiện xí nghiệp sớm đã sửa chế rồi. Lục thân bất hảo, năm 1967 Nhâm Tuất năm kết hôn. Năm đó nhị muội tự sát.

2, quan sát phối kiếp nhận tổ hợp, quan sát chế kiếp nhận hoặc kiếp nhận chế quan sát tố công.

Càn:

Giáp Đinh Giáp Giáp
Thân Mão Thân Tý

Hạ lão sư phán quyết. Giáp mộc nhật chủ tọa thất sát, Mão Thân hợp, hợp dương nhận, thất sát làm công chế dương nhận. Thất sát chủ thông minh tài trí, thất sát hợp dương nhận là công an hệ thống, Thân kim tại tọa. Dương nhận chủ thương, Thân kim tương hợp cho nên là mang thương . Vợ con trai đều là tố công an , nguyên nhân Thân kim là vợ chế dương nhận, thất sát là con trai hợp Mão nhận, nên tất cả đều là công an hệ thống . Mệnh này một anh trai lưỡng chị gái lưỡng em gái. Người này năm 1986 Bính Dần đoán mệnh, muốn hỏi vợ điều động công tác chuyện, hỏi có thể điều thành không. Dần Thân động phu thê cung, vợ suy nghĩ điều động công tác, nhưng năm 1986 điều không được, được Đinh Mão năm có thể điều thành. Thân làm vợ, Đinh Mão năm Mão Thân hợp, có thể hợp trở về.

Có hai người bát tự cùng mệnh này tương tự.

Càn:

Mậu Ất Giáp Đinh
Thân Mão Thân Mão

Mệnh này Giáp mộc tọa Thân kim ám hợp Mão mộc, là hợp sát, mặc dù dương nhận hợp sát, nhưng dương nhận thấu can, trên giờ Đinh hỏa tọa Mão mộc là thương quan tiết tú, thương quan chủ văn chương tại trên giờ, thì là môn hộ, môn hộ là tay, là viết lách. Người này tốt nghiệp đại học, không mang theo thương, chính pháp ủy trưởng phòng. Quyết: thương quan tiết dương nhận, chủ văn chủ bút, quan văn. Bởi vì dương nhận Mão mộc không vong bất là cầm thương. Sau vận khí Canh Thân khẳng định mang thương. Dương nhận hư thấu gặp xung chứng tỏ đổi lại công tác. Nhàn Chú: dương nhận hợp sát không ai chế được au! Nhưng chỉ cần có công là tốt rồi, thất sát chủ quyền, là làm quan ! Trên năm Dần Mão không vong, không thì không mang theo thương. Với lại thương quan tại trên giờ là văn chương, văn bút!

Càn tạo:

Kỷ Bính Canh Kỷ Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh
Hợi Dần Thìn Mão Sửu Tý Hợi Tuất Dậu Thân

Mệnh này tố điện tử năm 2001 tư sản quá trăm triệu! Nam thất sát Bính là con trai, con đầu lòng là nữ nhi (xem Mão? Hại?) Ất Dậu năm sinh con trai! Ất Hợi Bính Tý lên tòa án, Ất Dậu năm vậy lên tòa án phá tài! Không có đào hoa (Mão) nguyên nhân hại! Với lại nhất Càn tạo: Nhâm Dần Canh Tuất Nhâm Thìn Quý Mão nơi này Mão là thương quan dựa vào lý là đào hoa, nhưng Thìn hại, cũng không là vợ cũng không phải tình nhân! Kết hôn không có vấn đề, không có đào hoa!

Càn:

Bính Tân Giáp Đinh Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh
Ngọ Mão Thân Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu

Mệnh này là Singapore người phụ trách công ty dầu mỏ, không phải chấp pháp ngành, bởi vì thương quan quá nặng, tiết dương nhận (sát chủ quyền, nhưng thấu Đinh hỏa tiết dương nhận, Mão Ngọ với lại phá, hỏa rất vượng phá dương nhận, nên không phải chấp pháp ngành), thương quan chủ tự do không muốn bị ràng buộc. Hơn nữa Mão mộc không vong. Giáp Ngọ vận bất hảo, Ất Mùi vận hảo, Bính Thân vận tốt nhất, Thân vận

thật tốt quá, Giáp Thân năm công ty cho cổ phần, phát tài rồi. Hắn là công ty cao cấp chủ quản. Nhàn Chú: thất sát Thân là quyền, Mão không không mang theo thương, thấy Đinh là văn rồi, Mão chế Thân có công, Ngọ vận phá Mão bất hảo! Mùi vận cấp Mão tăng lực, hảo! Thân vận Thân đến, lưỡng kẹp chế chế không hoàn toàn đương tài xem, Giáp Thân năm phát đại tài!

Càn:

Tân Bính Tân Quý Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu
Mão Thân Mùi Tỵ Mùi Ngọ Tỵ Thìn Mão Dần Sửu Tý

Lý Tông Nhân tạo. Mệnh này Mùi thổ Tỵ hỏa vượng, Mão mộc với lại sinh, Mão Thân hợp, Mùi thổ hại Thân, là chế Thân kim kiếp tài. Tỵ Thân hợp là quan hợp kiếp tài. Nguyên cục biểu đạt ý tứ là chế khử Thân kim, Mão Thân hợp đổi lại tượng, là quản quân đội quan quân. Tỵ hỏa là quản quân đội chi nghĩa (kim bị hỏa chế là quân nhân, đặc biệt kim thủy là thương quan, thất sát, kiếp tài thì càng rõ ràng), hành Mậu Tý vận Mậu Thân năm tử, không dám thấy Mậu, thấy Mậu là dụng kim phản cục, đã chết. Nguyên nhân Mậu Thân liên thể sinh thân, Mậu hoàn sinh Tân, Thân Tân quan hệ mật thiết, Thân không thể khử, và nguyên cục là khử Thân ý, nên phản cục rồi. Quý thủy thực thần hư thấu sợ thông căn, Tý vận thông căn ứng kỳ đến.)

Càn:

Nhâm Bính Nhâm Bính
Tý Ngọ Thìn Ngọ

Nhâm thủy tự tọa thất sát làm quan, lại có vượng tài sinh thất sát, trên năm Nhâm Tý thủy cũng nhập Thìn khố (nhiều và mộ chi, dương nhận khố), dương nhận hợp sát (sát chỉ huy tài), là một làm quan , tòa án kinh tế đình trường, nơi này sẽ không là tham tài mà là quản tài . Dương nhận hợp sát là công - kiểm - pháp quan. (dương nhận khố, thất sát, quan thống tài ba người tượng) Nhàn Chú: thất sát chủ quyền, tự tọa chính là của mình, nhưng phải có công.

Càn:

Nhâm Bính Nhâm Đinh

Tý Ngọ Thìn Mùi

Người này tức không phải quan, vậy sẽ không phát tài. Tý thủy xung Ngọ hỏa, Thiên Can Đinh Nhâm hợp, hợp tài. Tài vượng thân nhược và không có tài, Canh Tuất vận, Tuất thổ xung khai Thìn khố, đem Thìn xung phá, của mình căn xung phá hủy, Hắc tiên sinh phán quyết: hội nguyên nhân tham tài bỏ tù.

Nhàn Chú: mệnh này cùng tạo trên nhân tiện canh giờ bất đồng, lưỡng tạo đều là âm dương gạch chéo sắp hàng, nhưng tạo trước năm tháng có xung, nhưng trụ ngày và trụ giờ không hợp, bất phản! Mệnh này sẽ không đồng rồi! Năm tháng chi xung, trụ ngày và trụ giờ can hợp, mà Mùi vậy nhập Thìn mộ, cũng có hợp ý, Mùi Ngọ hoàn cách hợp, tạo trước Tý thủy nhập mộ là tại năm tháng một bên! Cho nên, mệnh này nguyên cục nhân tiện phản rồi! Thấy Thìn có tù ngục!

Nhâm Bính Nhâm Kỷ
Tý Ngọ Thìn Dậu

Đem kỹ thuật , nguyên nhân Thìn Dậu hợp, Dậu ấn chủ kỹ thuật. Nhàn Chú: mệnh này là âm bao chế dương, trong ngoài kết cấu, bất phản!

Nhâm Bính Nhâm Nhâm
Tý Ngọ Thìn Dần

Thầy thuốc.

Càn:

Quý Đinh Đinh Mậu
Tỵ Tỵ Tỵ Thân

Anh quốc Thủ tướng Tony Blair tạo. Quý thủy thất sát tọa Tỵ hỏa bị hợp chế, Mậu thổ thương quan với lại hợp thất sát, chế sát là được quyền. Chế hảo, quyền đại. Tỵ Thân hợp, chế khử quan chi nguyên thần, mà chế hảo, đương đại quan. Thương quan tại môn hộ trên, chủ biểu đạt năng lực, quan chủ pháp luật, nên làm qua luật sư. Nhâm Tý vận Giáp Tý năm đương luật sư, Quý Hợi nhập hạ nghị viện, Đinh Sửu năm tháng tư thăng Thủ tướng, Tân Tỵ năm liên nhiệm.

Càn:

Ất Mậu Nhâm Quý
Tỵ Tý Tý Mão

Mệnh này là Địa khu công an cục kiểm tra kỷ luật thư ký. Nhận thấu can hợp sát, Ất Tỵ mang tượng, phỏng chừng đến cùng rồi, bất thăng rồi. Quý Mùi vận tốt lắm, Ất Dậu năm yếu mướn nhà cửa, Mão Dậu xung thuê bất xuất khử, Hợi nguyệt (lập đông ngày thứ hai) kí mướn hợp đồng.

3, ấn tinh phối tài tinh tổ hợp, tài tinh chế ấn hoặc ấn chế tài tinh tố công.

Càn:

Đinh Kỷ Quý Đinh
Mùi Dậu Tỵ Tỵ

Hình cảnh đội trưởng. Mệnh này hỏa thổ thành khí thế chế Dậu kim ấn tinh, Dậu ấn trên đeo quan mũ, Kỷ Dậu một tượng, ấn đại biểu quyền lực, người này làm quan. Mùi thổ thất sát chế Dậu kim, thất sát tố công chủ công - kiểm - pháp . Dậu là âm trong chi âm, là phạm tội phần tử, chế Dậu thì có bộ bắt phạm nhân chi tượng, dương chế âm là thương tượng, hơn nữa Tỵ hỏa lưỡng trọng, hỏa có thương tượng. Hành Kỷ Dậu vận thăng chức, Tân Tỵ năm với lại thăng chức.

Càn:

Mậu Nhâm Ất Kỷ Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh
Thìn Tuất Mùi Mão Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ

Chu Dung Cơ tạo. Mệnh này là táo thổ khí thế chế khử thủy trong Thìn cùng Thiên Can thủy (Thìn Tuất xung, Mùi Tuất hình phạt Nhâm Tuất tự hợp), chế hảo, trên giờ Mão mộc là lộc hợp Tuất, hợp đến chính mình chủ vị, là tài khố chế khử ấn khố, ấn là quyền lực, chế ấn được quyền, dụng tài chế , là quản tài đại quan. Tẩu Mậu Thìn, Kỷ Tỵ vận hảo. Nhàn Chú: Ất = Mão, Mão Tuất hợp; táo thổ khí thế chế khử thủy trong Thìn cùng Thiên Can thủy (Thìn Tuất xung, Mùi Tuất hình phạt Nhâm Tuất tự hợp), chế hảo, là cha con trai cùng nhau chế rồi, với lại cùng chủ vị liên

lạc trên rồi, là một quản tài quan!

4, ấn tinh phối thương thực tổ hợp, ấn chế thương thực hoặc thương thực chế ấn tố công.

Nhất định phải tố công, nhất định phải chế một phương khác.

Càn:

Ất Đinh Giáp Bính Bính Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh
Mùi Hợi Ngọ Tý Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn

Mộc hỏa có thế chế Hợi thủy, Đinh Hợi tự hợp, Ngọ Hợi ám hợp, thương khử ấn, khử ấn được quyền, làm quan , nhưng chế không sạch sẽ, Hợi Mùi củng là củng ấn phân quyền, khử ấn kết cấu, Tân Tỵ năm xung ấn từ tiểu Địa tới đại địa phương, Tỵ hỏa thương quan xung Hợi ấn, ấn động chủ công tác động. Tòng huyện ủy thư ký đến thị ủy thư ký (huyện cấp thị, chức cấp không thay đổi), chính cấp phòng cán bộ. Đây là sinh mộc, chế thủy nói chứng tỏ thân thể có chuyện (thủy khô rồi, bất dưỡng mộc), không nhắc tới bỏ quan (sau Tỵ vận khí). Nơi này lưu niên xung chủ động, không có vấn đề.

Nhàn Chú: Giáp mộc sinh tại Hợi nguyệt, trên năm không thể tố căn, là sinh mộc! Mùi Hợi củng, không phải chế Hợi, là Ngọ xung Tý thủy, chế Tý thủy ứng! Giác nguyên cục có điểm phản cục? Năm tháng hợp, trụ ngày và trụ giờ xung, gạch chéo xuất hiện. Có thể Mùi Hợi chỉ là củng, không phải chế, mới có quan đương! Chế Hợi, Mùi hay có mộc căn!

Càn:

Ất Bính Giáp Giáp Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh Kỷ
Mùi Tuất Tý Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn Mão

Cục trong hỏa cùng táo thổ có thế, mặc dù là tài chế ấn, nhưng tài là thực thần chi khố, thực thần là hỏa, cùng văn hóa có liên quan. Nhưng Mùi với lại là dương nhận khố, vậy chấp pháp lại có quan. Thực tế là thời trẻ tại trường học đương giảng dạy (hiệu trưởng trường học), sau đương viện trưởng tòa án . Thăng cục trưởng tư pháp cục. Cán bộ cấp sở. Mùi, dương nhận khố, chủ võ. Bính Tuất, thực thần (khố), chủ văn. Tân Tỵ vận chi Tỵ vận, phán quyết Nhâm Ngọ năm hoặc Quý Mùi năm điều động, thực tế là

hai năm này chuẩn bị thăng. Vì sao bây giờ là bản địa đề cập, nguyên nhân tại Tân Tỵ đại vận, bị Nguyệt Lệnh tạp trụ rồi, tẩu không được. Thực tế lúc ấy nguyên chuẩn bị điều đến Bắc Kinh , nguyên nhân Mùi tại trên năm chủ phương xa, Ất Dậu năm phán quyết Bính Tuất năm yếu điều đến tòa án trường học đương hiệu trưởng, hắn phản hồi nói chuẩn bị yếu thăng phó tỉnh trường. Nguyên nhân Tỵ chủ văn, Tuất là thương thực khố, nên phán quyết đến trường học. Thực tế Ất Dậu năm học viện viện trường tìm hắn nói chuyện, hy vọng hắn đương hiệu trưởng. Phỏng chừng Tỵ vận sẽ không thăng rồi. Tý Mùi hại, thê tinh hại thê cung, hôn nhân bất hảo, bát tự tài nhiều, phỏng chừng nhiều nữ nhân.

Càn:

Tân Kỷ Giáp Canh Mậu Đinh Bính Ất Giáp
Sửu Hợi Tý Ngọ Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ

Ất Mùi vận Quý Mùi năm thăng phó huyện trưởng. Chế sạch sẽ không sợ hợp.

Nhàn Chú: ấn chế thực thương, Giáp mộc là sinh mộc! Địa Chi không gặp kim, mộc căn bất phá! Canh hư thấu, Tân Sửu quá xa không sợ! Ấn có công chủ vị là quyền lực! Đại vận Ất Mùi cùng trụ giờ thiên địa hợp là hợp phan, sẽ không phát sinh tác dụng! Sát Canh là phá thứ, hợp sát vậy chủ quyền! Quý Mùi năm dựa vào lý là công thần Tý thủy hư rồi, bất hảo? Ngôn phán quyết: đại vận hợp trụ yếu khử Ngọ, Mùi là ứng kỳ, Quý Mùi năm đến chưa tới! Đoạn sư: xung người gặp hợp hoặc chữ đến hai loại ứng kỳ! Nhâm Ngọ năm đổi lại giới, nhất định xuống tới nhưng Quý Mùi năm đến! Ngọ năm là Ngọ đến! Ta suy nghĩ phán quyết Nhâm Ngọ năm càng có sức thuyết phục! Năm 2002 đã tới Mùi vận rồi!

Hai, sinh dụng hóa dụng tố công làm quan

1, sinh dụng hóa dụng tố công có: quan sát phối ấn, ấn hóa quan sát tổ hợp.

Càn:

Mậu Giáp Giáp Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân
Thân Tý Dần Dần Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi

Mệnh này Giáp mộc nhật chủ có căn, có ấn sinh thân. Trên năm thất sát sinh ấn, ấn với lại sinh thân, đây là ấn hóa sát sinh thân kết cấu, là làm quan . Hiện là chính chỗ, hoàn thăng. (đem Mậu thổ, Thân kim toàn bộ chế rồi, quan cùng quan nguyên thần cũng không có rồi, đại quan.)

Trên giờ Bính thực, tú khí, văn chương viết được hảo, thơ cổ viết tốt lắm. Như là nữ mệnh thì tú khí chủ xinh đẹp, nam mệnh tú khí chủ văn chương.

Đinh Mão vận, Mậu Dần năm, bất hảo, lộc xung quan sát là ngã ý, xung tài còn lại là được tài, năm này nhàn cư ở nhà, không có bất cứ gì bổ nhiệm. Kỷ Mão năm, hảo, có tượng, Giáp Kỷ hợp, Mão Thân hợp được quyền. Canh Thìn năm, hảo. Tân Tỵ năm, mặc dù hại lộc, nhưng hợp chế Thân, vậy có thể. Nhâm Ngọ năm, xung ấn rồi, bất hảo, xung ấn chủ điều động. Quý Mùi năm, hại Tý thủy ấn, với lại Quý hư thấu rồi, không có quyền rồi, phù bần khử rồi, cuối năm điều đến không Địa phương có quyền. Giáp Thân năm, năm này sợ hãi, vốn Giáp tọa Thân là tốt lắm tổ hợp, nhưng nơi này cấp phá hủy, thay đổi không phải Giáp ngồi ở cấp trên cũng hảo, nguyên bổn năm này công khai chiêu mời cán bộ, hắn ban đầu khảo thông qua, vốn đã điều động nội bộ rồi, kết quả về sau lần thứ hai cuộc thi lại bị người tễ đi xuống rồi. Thân hợp tỷ kiếp rồi, biểu của mình vị trí bị người khác chiếm.

Càn:

Giáp Mậu Giáp Giáp
Thân Thìn Dần Tý

Nguyên là phó tỉnh trường, sau nhậm bộ trưởng. Mậu Thìn, Nguyệt Lệnh tài tinh, biểu là chính phủ quan, không phải đảng quan. Tý thủy hóa Thân sát, hợp thành thủy cục sinh thân, phó tỉnh trường, thăng đến quốc gia kế sinh ủy chủ nhiệm, cấp bộ.

Càn:

Mậu Mậu Mậu Giáp
Ngọ Ngọ Ngọ Dần

《 Tích Thiên Tủy 》 ví dụ, mệnh này hỏa thổ một mạch, Ngọ hỏa ấn tinh hóa sát sinh thân chủ quý, Giáp Dần thất sát bị vượng hỏa biến thành làm

quan. Hóa sát làm quan. Hóa dụng không bằng chế dụng hiệu suất cao, cho nên cấp bậc vừa phải.

Càn:

Mậu Mậu Mậu Giáp
Tuất Ngọ Ngọ Dần

Bỏ tù chi tạo. Bát tự không có tài, lấy thương quan là tài. Dần Ngọ Tuất nguyên nhân trung thần Ngọ hỏa song hiện không thể thành cục, nếu như hợp cục thành công nhân tiện đem khách vị tài hợp đến chính mình chỗ, nơi này không thể thành cục, tựu thành nguyên nhân tham tài mà ngồi tù tượng. Mậu Ngọ nhiều và cũng nhập Tuất mộ, Tân trong Tuất thương thực là tài, sở hữu Ngọ cũng đến đoạt Tân, kết quả vào mộ, vì tam ngàn tệ tiền, vốn là vài trăm hóa đơn, hắn khai thành tam ngàn chi trả rồi, bởi vậy mà vào ngục ba năm. Hắn nguyên là đầu bếp, Tân Dậu vận, hại Tuất rồi, liên tục thay đổi mấy lần Địa phương, đều là nhất can khách sạn nhân tiện ngã rồi. Tài không thể hại, hại chủ cùng tài vô duyên.

Càn:

Bính Tân Mậu Đinh Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu
Ngọ Sửu Dần Tỵ Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân

Huyện ủy phó thư ký chủ quản chính pháp. Triệu Vũ phán quyết: làm quan tại chính phủ, Mậu Dần năm phạm tiểu nhân. Ất Tỵ vận Tân Tỵ năm ngoại phóng, đương huyện ủy phó thư ký, chủ quản chính pháp. Tiên đoán ngoại phóng mười năm thăng đến chính cấp sở. Năm 2004 Giáp Thân thăng. Lộc đến trên năm (Bính), Tỵ Dần hại chính mình không thoải mái, Dần là tiểu nhân. Bính Tân hợp, năm là phương xa, Bính Ngọ vận mười năm thăng chức, Dần Sửu ám hợp, Tân Sửu là chỗ dựa, Tân Sửu tại Nguyệt Lệnh là thượng cấp lãnh đạo, Dần Sửu ám hợp là chỗ dựa, Sửu nhường Dần mộc dựa vào. Bính Mậu một nhà, Bính Tân hợp, Dần Sửu hợp, chế thương quan và thương quan khố. Năm nay Bính Tuất năm phỏng chừng yếu thăng. (thất sát tố công, Sửu chủ âm u, trên giờ thấy lộc, ấn chế thương, đại quan, Bính tại trên năm, năm chủ ngoại, Bính Tân hợp đến trên năm, nên ngoại phóng. Dần Tỵ nhất hại vậy chủ ngoại. Chỗ dựa cũng là trên năm Bính hỏa.) Nhàn Chú: Mậu sợ chính quan không sợ thất sát, bát tự lấy dương chế âm, là chính pháp công an hệ thống! Tỵ là lộc, hại thân thể bất hảo! Thọ bất trường, nhưng là đến lúc tuổi già rồi.

Dần là tiểu nhân, Tân Sửu là vợ, thê cung nhất hại, kết hôn khó hảo!

Càn:

Bính Tân Mậu Bính
Ngọ Sửu Dần Thìn Bính ấn hư rồi, hóa không được, bất làm quan!

Mệnh này chỉ kém nhất cái thời thần, nhưng là không có gì quan, tố công ty, làm xuất khẩu du học sinh. Ấn tại trên năm, Dần Ngọ củng hỏa cục, Bính Tân hợp, nguyên nhân có Thìn thấp thổ, nên Sửu chế không sạch sẽ, hắn thực tế đem giáo dục xuất khẩu ra nước ngoài du học trung gian, thương quan khố ra bên ngoài hợp, thương thực là đệ tử.

2, ấn sinh lộc , lộc tại chủ vị, lộc đương quyền lực, làm quan lộc cách.

Khôn:

Ất Đinh Ất Kỷ Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý Giáp
Mùi Hợi Sửu Mão Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ

Khử quan cùng quan nguyên thần, trên giờ thấy lộc, Từ Hi Thái Hậu. Hắc tiên sinh phán quyết: quản hoàng đế , loạn mang bất loạn triều đình, khắc phu khắc tử. Nguyên cục tam hợp thành lộc cục, chế khử quan cùng quan nguyên thần, quan cũng lớn đến cực điểm, cho nên là quản hoàng đế , Mão là triều cương, hội thành triều cương, lập rất chính, phụ nữ lộc là thân thể, tới trên giờ chính là loạn mang bất loạn triều đình, phụ nữ không dám lộc đến trên giờ. Hợi ấn chủ quyền, biểu quốc gia. Sửu là chồng, Đinh là con cái. Cũng xem như lộc trói đào hoa đi. Ngọ vận phá lộc mà chết, tử vào 1908 Mậu Thân năm.

Khôn tạo:

Ất Đinh Ất Kỷ Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý Giáp
Mùi Hợi Mùi Mão Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ

Mệnh này là Hắc tiên sinh phán quyết chồng rất có tiền, nhưng tìm nhỏ tình nhân sinh một con con trai, lớn lên không phải rất đẹp, nguyên nhân lộc khắp nơi, mãn bàn đều lộc, Ất Mão là đường cong hảo, vóc người đẹp mắt, gợi cảm ! Lộc ấn tương theo, hội hưởng thụ! Mùi là chồng, Đinh, Mùi một nhà, Đinh là nhỏ nam nhân, cũng là tiểu hài tử!

3, ấn mang quan mũ, cùng chủ vị phát sinh liên hệ, cũng là quan mệnh.

Càn:

Nhâm Kỷ Nhâm Giáp Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh
Dần Dậu Thân Thìn Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ

Mệnh này chủ vị ấn khử chế khách vị Dần mộc, ấn là quyền lực tại chủ vị, người này là ngân hàng phó cấp phòng cán bộ (thương thực là tài nguyên thần, Thân là kim, tài chính), trong bát tự ấn là dụng đại biểu quyền lực sợ đại vận đến phá ấn, phá ấn thì mất quan bãi chức. Thực thần là tài nguyên thần, thực thần là ngân hàng chi tượng, hơn nữa đại biểu tài chính Thân kim, là ngân hàng, tài chính. Ấn mang quan mũ, Giáp Kỷ hợp khử quan mũ là đem quan mũ ý hái được, Giáp Thìn (Bính Thìn?) vận Giáp Thân năm mất quan, Giáp Kỷ hợp, quan mũ Tý không có. Nhàn Chú: Kỷ Dậu là ấn mang quan mũ, Thìn Dậu hợp, Thân Thìn củng, nơi này bất hảo chính là, Giáp Kỷ hợp, Giáp Thân năm đem quan mũ hái được, bỏ quan rồi! Tài mũ khả hái, quan mũ không thể hái!

Càn:

Nhâm Đinh Đinh Canh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
Dần Mùi Tỵ Tuất Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu

Đinh Nhâm hợp, Nhâm Dần là ấn mang quan mũ, Dần nhập Mùi khố, Tỵ nhập Tuất khố, Dần Tỵ hại! Đinh Đinh Mùi liên thể, Canh Tuất vận, Tỵ nhập Tuất khố, bất hại Dần rồi, làm quan! Tân Hợi vận, Hợi xung Tỵ vậy giải hại, còn đang làm quan! Vận này Đoàn sư phụ phán quyết: ngoại cảnh có rất bí mật chuyện, con trai Tỵ làm công, chứng quyển bất động sản..., tỷ kiếp làm công, một bên làm quan một bên làm ăn! Nhâm Tý vận bất đương quan rồi, hại! Làm ăn!

Càn:

Giáp Giáp Mậu Quý
Ngọ Tuất Ngọ Hợi

Mệnh này mộc hỏa thành khí, Ngọ hỏa mang kiếp tài ấn hợp Hợi tài, Mậu Quý vậy hợp tài, chế khử quan nguyên thần, Ngọ hỏa phục ngâm đến trên

năm mang một sát mũ, hóa sát sinh thân, thất sát chủ quân đội, kiếp tài chủ quyền lực (Ngọ hỏa), người này là quân khu bộ tư lệnh một phó trưởng cán bộ cấp sở . Giáp mộc tọa Ngọ Hỏa Tuyệt Địa, Giáp mộc là phụ thân, Ngọ hỏa với lại nhập Tuất khố, chủ cha chết sớm. Mão vận Quý Mùi năm nhị ca chết, Mão Ngọ tương phá huynh đệ Ngọ hỏa, Canh Thìn năm người này có hung tai, Thìn xung phá hủy Tuất khố, Canh kim xung khắc Giáp mộc, Giáp mộc là đầu, đầu bất hảo.

Càn:

Giáp Bính Mậu Quý
Ngọ Tý Ngọ Hợi

Cùng tạo trên tương tự. Cùng tạo trên phương thức tố công giống nhau, nhưng Bính Ngọ xung nhất Tý, là xung bất tịnh vậy chế không xong (kẹp xung). Mặc dù làm quan nhưng sẽ không rất lớn, quan nguyên thần khử bất tịnh, người này là chính cấp phòng cán bộ.

Càn:

Mậu Canh Canh Đinh
Thân Thân Thân Sửu

Tài chính quan viên, cấp bậc vừa phải, cấp phòng.

Càn:

Canh Kỷ Giáp Kỷ
Tý Mão Thìn Tỵ

Canh Tý mang tượng, Tý Thìn hợp = Thìn sinh Canh, qua sông rồi, muốn đem Tý lộng trụ là tốt rồi!

Hắc tiên sinh phán quyết là một phó huyện trưởng. Canh Tý mang tượng, ấn mang quan mũ. Tý ấn cùng chủ vị Thìn phát sinh củng cục, thuyết minh cái này quan vị cùng chính mình phát sinh liên hệ rồi. Hành Nhâm Ngọ, Quý Mùi hại xung trên năm ấn tinh, thăng chức, Quý Mùi năm thăng thường vụ phó huyện trưởng. Vì sao có thể hại, thừa số tại khách vị, qua sông đoạn cầu nguyên lý. Trung thần tại khách vị, phó chức, Giáp Kỷ hợp,

nhiều nữ nhân, đào hoa nhiều.

Càn:

Giáp Quý Tân Kỷ Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân
Ngọ Dậu Mão Hợi Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ

Mệnh này trên năm sát tinh mang tài mũ, sát tại khách vị, nhưng Kỷ Ngọ tương thông, đến chủ vị, bị chủ vị Hợi thủy hợp chế, tố công. Nên là một tài chính cục trưởng, hành Sửu vận, hại ngã Ngọ, cát, thăng huyện tài chính cục trưởng, độc tài quyền to. Đến Dần vận thực thăng phản hàng, không có thực quyền rồi. Cũng là qua sông đoạn cầu. Kỷ Hợi tự hợp chế Kỷ, Giáp Ngọ mang tượng, thông đến chủ vị (trên giờ Kỷ), quan quản tài. Đinh Sửu vận, vận may, hại ngã Ngọ thăng quan. Mậu Dần vận không tốt lắm, thăng chức rồi, nhưng không có quyền rồi, mười năm phó chức, không có tái thăng. Kỷ vận Bính Tuất năm bất hảo, Tân Dậu liên thể (kim thủy một nhà), hại lộc, tai nạn xe bỏ mình, Thìn nguyệt tử.

Nhàn Chú: chủ vị Mão tài sinh khách vị Ngọ sát, mặc dù không phải Mão trực tiếp sinh , nhưng Mão Hợi bán hợp, Kỷ = Ngọ, thông qua Giáp mộc sinh Ngọ mang tượng đến thể hiện! Vậy cùng loại qua sông đoạn cầu! Sửu vận thăng huyện tài chính cục trưởng, nguyên nhân Sửu phá hủy Ngọ, thăng! Đến Dần vận thăng Địa khu tài chính phó cục trưởng, nhưng thực quyền không có! Nguyên nhân Dần sinh Ngọ hỏa! Kỷ Mão vận năm thứ nhất Bính Tuất năm tai nạn xe đã chết! Kỷ là kiêu thần, Giáp Kỷ hợp là kiêu đoạt thực! Bính Tân hợp Mão Tuất hợp, Dậu Tuất hại! Liên thể chữ không thể phá, lưu niên vậy phản cục rồi! Đoàn sư phụ phán quyết: thăng không được!

Càn:

Tân Canh Bính Quý Kỷ Mậu Đinh Bính Ất
Sửu Tý Tuất Tỵ Hợi Tuất Dậu Thân Mùi

Nguyên cục không có ấn, quan thấu đến lộc, là xí nghiệp quản lý quan, giám đốc xí nghiệp. Năm nay tiến vào Ất Mùi vận, hỏi Bính Tuất năm như thế nào? 1, thăng chức, 2, tăng lương, 3, điều động? Thực tế là 3 điều động. Hỏi Bính Thân vận, 1, bình vận, khổ cực. 2, vận may, tiền nhiều? Thực tế là 1 bình vận, khổ cực.

Ất Mùi vận hảo, chủ yếu là điều động, lúc đầu Thân vận là đem nội bộ quản lý, Bính Tuất năm điều làm khai thác thị trường rồi. Bính Tuất năm Tuất là việc làm, Tuất hình phạt Sửu, khẳng định là đổi lại công tác.

Tam, cái khác tổ hợp

Càn:

Bính Quý Đinh Kỷ Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ
Tuất Tỵ Dậu Dậu Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi

Thâm Quyến nam miền núi khu trường. Kiếp tài mang quan mũ Tý, kim không có nguyên thần, khử kim thủy, khử quan và quan nguyên thần, nhưng quan nguyên thần khử bất tịnh, cấp bậc không cao. Mậu Tuất vận, hại Dậu khử tịnh thăng quan. Nhàn Chú: bởi vì có Dậu kim, cho nên, trên nguyệt Quý hư thấu vậy làm quan rồi! Tỵ Dậu bán hợp cùng chủ vị có liên hệ rồi! Mậu vận nguyên nhân Mậu = Tỵ, bán hợp quan hệ bất mật thiết! Kỷ vận ứng có quan tố, Hợi vận phản rồi!

Càn:

Giáp Nhâm Mậu Kỷ
Thìn Thân Tý Mùi

Đặng Tiểu Bình tạo. (Mậu thấy Mùi là dương nhận, âm can không có nhận) Mùi thổ sát khố, dương nhận là quyền, binh quyền, Thân Tý Thìn hợp tài cục, nhưng tài khố mặc dù vượng không có xung, Tý Mùi hại là hại ngã Mùi thổ, hại ngã dương nhận, Tý tàn là tai. Mùi là sát khố, vậy là dương nhận, là quân quyền, chính quyền ý. Thiên Can thất sát lại bị Kỷ thổ hợp quay về chủ vị, tọa tài trung thần hại Mùi, tài khố đeo một quan mũ.

Nhàn Chú: Thìn Thân Tý hợp thủy cục, trung thần rơi vào chủ vị, Giáp Kỷ hợp, đem sát khố hợp đến chủ vị rồi! Chính mình đương quan! Tý Mùi hại, kết hôn bất hảo! 3 kết hôn

Khôn:

Nhâm Mậu Kỷ Quý Đinh Bính Ất Giáp Quý Nhâm Tân
Thìn Thân Hợi Dậu Mùi Ngọ Tỵ Thìn Mão Dần Sửu

Kim thủy khí thế, Hợi nhập Thìn mộ làm công, nhưng lực lượng rất nhỏ, nhật chủ tọa Hợi thủy, Hợi làm quan nguyên thần (Hợi trong có Giáp mộc), hành Giáp Thìn vận thăng, Giáp Kỷ nhất hợp, quan hợp thân, Hợi thủy nhập Thìn mộ tài nhập khố, quan tới, thăng quan, Kỷ Hợi tự hợp, Giáp mộc xuất hiện thì có. Giáp tọa khố đến, Hợi thủy nhập khách mộ. Vệ sinh cục cục trưởng chính khoa. Hợi thủy nhập mộ, biến Nhâm, chính chức, tọa tài khố, . Quý Mão vận Mão vận, ngồi tù, Mão phá hủy cục, Mão hại Thìn, xung Dậu, hợp Thân, tiết Hợi, Mão vượng phá cục, Hợi Mão củng là vượng, Mão Dậu xung không tự do (Dậu thực thần chủ tự do), Nhâm Ngọ năm nguyên nhân tham ô ngồi tù, Nguyệt Lệnh Mậu thổ kiếp Quý tài. Nhàn Chú: thủy quá nặng là bệnh, thủy nhập mộ giảm bớt gánh nặng là công! Nhẹ là tốt rồi! Thìn vận thăng quan, Hợi Thìn một người, Hợi = Mão hại Thìn, phản cục! Tham ô, Thìn là tù ngục! Nhâm Ngọ năm hình phạt 6 năm!

Càn:

Đinh Canh Bính Quý
Dậu Tuất Thìn Tỵ chủ vị lộc dẫn theo quan mũ

Đinh trong Tuất lộ ra khắc Dậu, Tuất hại Dậu khử Dậu, Thìn trong Quý lộ ra, Quý Tỵ tự hợp, Thìn Tuất xung khử Thìn thủy. Dương nhận khố chế khử sát khố, quan nhỏ quyền lực đại, kẻ dưới tay tám vạn người, quản lý trên trăm triệu tư sản, quan khố hợp tài, tọa quan khố có quyền, lộc trên đeo quan mũ.

Càn:

Giáp Tân Đinh Kỷ
Thìn Mùi Tỵ Dậu

Đinh Kỷ nửa lộc, Giáp Kỷ hợp, Dậu Thìn hợp, Ất Hợi vận Giáp Thân năm thăng huyện trưởng (một chút không tốn tiền, chỉ hoạt động). Thìn làm quan khố, hợp đến chủ vị Dậu, Dậu hợp Tỵ bị chế, Dậu với lại mang tượng, Kỷ là Đinh nửa lộc. Ứng Giáp Thân năm, Giáp Kỷ hợp Tỵ Thân hợp chi ứng. Ất Hợi vận Ất vận thăng . Giáp ấn chủ đơn vị, Giáp Kỷ hợp, là được quyền, Tỵ Thân hợp (trong ngậm thất sát?), Hợi vận xung Tỵ, sẽ không tái thăng rồi.

Làm quan phong cách: mãn bàn hợp, người tốt bụng, không cùng người kết thù, nhưng có nửa lộc, mà ngồi kiếp tài, có chủ kiến, nếu như người khác khác thường hội nghị nhượng bộ, nhưng sẽ không thay đổi chủ trương, giỏi về đoàn kết người, Tỵ có thể biến đổi, nên thiện biến, hội tạm thời vứt bỏ, nhượng bộ, nhưng nguyên nhân có Mùi táo khí tại, khiến hỏa vượng rồi, nên cuối cùng sẽ không thay đổi chủ ý.

Càn:

Đinh Nhâm Ất Mậu
Dậu Tý Sửu Tý

Đinh Mùi vận Canh Thìn năm thăng quan, hiện là Địa khu tổ chức bộ trưởng.

Càn:

Giáp Bính Giáp Đinh
Thìn Dần Ngọ Mão

Dương nhận chế ấn khố, có quyền, mộc hỏa vượng mà thấu, đem văn. Là tòa soạn báo tổng biên. Chính cấp sở. (mộc hỏa kết đảng, thương thực cao thấu, chế Thìn thổ, nhưng công vừa phải, tác công chính là Giáp nhật chủ phục ngâm đến trên năm chế Thìn, nguyên nhân có Ngọ sinh Thìn, nên chế bất hảo, là Tân Hoa Xã phó tổng biên, vận đi vậy bất hảo, là hỏa vận.)

Càn:

Mậu Bính Ất Mậu
Thân Thìn Sửu Dần

Thân nhập Sửu mộ, Sửu nhập Thìn mộ, toàn bộ có công. Công an cấp phòng.

Bốn, quan quản tài hoặc tố xí nghiệp quan

Quan mang tài mũ, lấy tài là chủ, lấy tài xem tượng, phần lớn là xí nghiệp nhà nước. Tài mang quan mũ, lấy quan là chủ, lấy quan xem tượng, phần lớn là hành chính quan viên, cùng tài có liên quan.

Càn:

Ất Kỷ Canh Canh Mậu Đinh Bính Ất Giáp Quý
Tỵ Sửu Ngọ Thìn Tý Hợi Tuất Dậu Thân Mùi

Mệnh này vừa nhìn chính là cùng tài có liên quan quan viên. Mệnh này sát mang tài mũ nhưng rất thiên (tại trên năm), chủ vị tọa quan khách vị sát, Thìn thổ hóa sát sinh thân, Thìn cũng làm công, Ất Dậu đại vận, Tỵ Dậu Sửu hợp, Ất Canh hợp, quan cùng hắn có liên quan rồi, Thìn Dậu hợp, phó chức. phó trưởng phòng trường học tổng vụ. Canh Thìn thương quan là trường học. Ngọ → Thìn → Canh, Đinh Sửu năm, Tân Tỵ năm thăng quan, cùng Ngọ không có quan hệ, cùng Tỵ có liên quan. Hại ngã Ngọ, nên cùng Ngọ không có quan hệ, cùng Tỵ có liên quan. Thất sát tọa thiên không phải quân đội, Ất Tỵ, cùng tài có liên quan. Nhàn Chú: Ất Canh hợp, Ất Tỵ làm quan mang tài mũ, quan quản tài. Sửu Ngọ hại quan vừa phải, tẩu Ất Dậu vận trường học tổng vụ chỗ quan! Phó trưởng phòng, Thìn là ấn với lại là thương quan khố biểu trường học!

Xem con cái: đem con cái sinh ra năm phóng tới thứ năm trụ đến kết hợp xem.

Mệnh này Càn:

Nhâm Tân Nhâm Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh
Dần Hợi Tý Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ

Hác Kim Dương phán quyết: ngươi là một tiểu nhà máy quản đốc, quản 30 người. Hóa công tài là tư tài. Gần đây hùn vốn làm một nhà máy tư. Con trai không thích lên tiếng, tương lai đương tướng quân. Mệnh này là khử tài kết cấu, khử bất tịnh, hiệu suất thấp, nội thực thần bất thấu can, làm xí nghiệp , Dần Hợi hợp khử hỏa trong Dần nhưng hiệu suất thấp, Dần Hợi hợp, hợp trên nguyệt Tân Hợi là nhà nước nhà máy, hợp trên giờ Tân Hợi là của mình nhà máy, Giáp Dần vận, Dần mộc hợp trên giờ Hợi thủy hóa công tài là tư tài, phục ngâm đến trên giờ. Dần là con trai, bị Hợi hợp trụ, nội thực thần bất thấu, chủ con trai không thích lên tiếng, đều bị Dần hợp lại đây rồi, quản nhiều người. Người này là quản đốc nhà máy in ấn.

Con trai là Bính Dần năm sinh ra, liệt vào thứ năm trụ, thập thần vẫn lấy nhật chủ đến xem, cùng trụ giờ hợp trói, Bính hỏa chủ ngôn ngữ, hợp trói, bất thích nói chuyện. Nhàn Chú: nội thực thần bị người ăn, ngoại thực thần ăn người khác! Trên năm thực thần với lại là mẹ vợ (ứng cùng thê cung liên hệ mật thiết đi?) thủy đa số bệnh, cho nên, vợ có phụ khoa bệnh! Tỷ kiếp dương nhận, con trai đương tướng quân, Dần Hợi hợp diệt Bính hỏa trong Dần nhi bất vũng thanh! Mộc là tam,30 người!

Khôn:

Quý Bính Giáp Mậu Canh (con trai sinh ra năm Canh Ngọ),
Mão Thìn Thân Thìn Ngọ

Thìn là cơ khí, nàng là chủ nhiệm nhà máy chế tạo xe hơi tại Vũ Hán, sau tại Canh Thìn năm nhà xưởng đóng cửa rồi.

Con tình huống là: 1, thiên môn khoa học xã hội, toán học đặc biệt kém. Ngọ hỏa thương quan chủ văn, Canh nạp (?) tại trong bát tự xem là một tật xấu, nên toán học bất hảo, sát không có chế hóa.

Càn:

Ất Canh Tân Nhâm
Tỵ Thìn Mão Thìn

Hác Kim Dương phán quyết: thiếu niên lập gia đình sớm khắc cha, xí nghiệp quan, quan quản tài, quản 30 vạn. Nhanh thăng đi, thăng nhân tiện quản 3 ngàn vạn. Bất sinh con trai, yếu sinh được mượn người sinh. Đào hoa nhiều, có thể thăng đến một cấp sở , không xảy ra sự tình, triều đình ngã ngươi mới ngã. Cả đời không ly khai quản tài quản vật. Ất Hợi năm thăng phó chỗ, Mậu Dần năm thăng chính chỗ, Đinh Sửu năm mở rộng quyền lực, Canh Thìn năm thăng phó cấp sở. (quan mang tài mũ, cả đời không ly khai tiền, Mão Thìn hại bất sinh con trai, vợ có bệnh. Tọa tài thấu trên năm, sớm kết hôn, Ất Canh hợp nhập Thìn khố khắc cha.)

Càn:

Đinh Kỷ Mậu Bính
Mùi Dậu Tý Thìn

Mệnh này Bính Mậu làm một nhà, Mậu Tý nhật chủ phối Bính Thìn thì là một loại tượng, trên giờ Bính hỏa thành Thìn thổ làm một nhà xem, Tý Thìn mặc dù hội tài cục, nhưng nguyên cục Tý Mùi tương hại, hại quan khố, người này là một quan ngân hàng quản tài. Mặc dù quản tài rất nhiều, nhưng không phải của mình tiền, thay người khác quản tiền, Bính hỏa là ấn, ấn là đơn vị, ấn chủ quyền, bát tự không có quan lấy ấn làm quan. Tẩu Ất Tỵ đại vận, quan sinh ấn thăng chức là quan quản tài. Tân Tỵ năm thăng quan, Giáp Thân năm với lại thăng, Giáp mộc sinh Bính hỏa làm quan sinh ấn, nắm quyền. Tỵ Thân hợp thăng chức rồi, Thân Tý Thìn hội tài cục, với lại quản đại tài, đương đại quan. Mậu Dần năm, Mậu là chính mình, Dần mộc thất sát trường sinh ấn tinh Bính hỏa, đi học khảo nghiên rồi. Tân Tỵ năm ra nước ngoài, trên năm Mùi thổ dịch mã tại Tỵ Dậu Sửu, Bính Tân hợp đến môn hộ trên cho nên ra nước ngoài. Bính hỏa Tỵ hỏa làm một nhà. Nhâm Ngọ năm mẫu thân qua đời, nguyên cục Đinh hỏa là mẫu thân, tọa Mùi thổ là mẫu thân căn, Tý Mùi hại phá hủy mẫu thân căn, Đinh Nhâm hợp, Ngọ Mùi hợp Đinh hỏa thấy lộc, Nhâm Ngọ năm Đinh Nhâm hợp khử Đinh ấn, Ngọ Mùi hợp bế Mùi khố, Đinh hỏa căn bị hợp, cho nên mẫu thân đã chết. Bát tự không có quan sát xem tài, tài là con trai, vì vậy nhân sinh con trai.

Càn:

Quý Quý Canh Canh Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính
Mão Hợi Ngọ Thìn Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn

Nhiều thủy do Thìn đến khống chế (thủy sinh tài nhập Thìn khố), Ngọ Hợi ám hợp có quyền lực, thương thực sinh tài với lại nhập Thìn khố, đại biểu khống chế cùng quản lý, Thìn là ấn là đơn vị, là xí nghiệp nhà nước quan, Nguyệt Lệnh Hợi thủy hợp Ngọ hỏa quan, Nguyệt Lệnh là đại, là đại công ty, là sắt thép tập đoàn phó tổng, hơn một tỷ tư sản. (Kỷ Mùi vận, đặc biệt đại công ty phó tổng, không phải của mình công ty, Ngọ quan rơi chủ vị, biểu chính mình có quyền quản lý hạn, mà có Mão giám sát, có người giám sát ý. Mậu Ngọ vận hẳn là là một tay rồi. Mùi vận tam hợp mộc cục, chính mình đành phải dư khí, nên là hai bắt tay. Nguyên cục Ngọ Hợi ám hợp, Hợi nhập Thìn mộ.) Nhàn Chú: Mùi vận hợp Ngọ, thăng không được! Về sau lão tổng thay đổi, chính mình vậy thăng không được, từ chức rồi! Có đào hoa ~

Càn:

Kỷ Bính Canh Kỷ Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu
Hợi Dần Thìn Mão Sửu Tý Hợi Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ

Dần Hợi hợp chế sát lấy tài, nhưng chế bất hảo, Hợi nhập Thìn khố là khống chế, Thìn là ấn là công ty, là của mình tư doanh công ty. Bất cảm tài tinh hợp thân, tài tinh hợp thân phá đại tài. Ất Hợi năm tài tinh hợp thân phá đại tài. Năm 1995 Ất Hợi lên tòa án có phá sản tượng, hắn sớm tính đến cho nên đem công ty một phân thành hai, bảo vệ. Hợi vận Bính Dần năm sau lập nghiệp, Ất Hợi năm có đại kiện tụng. Tài mang quan mũ không cần quan khử quan là tư xí. (người này đặc biệt hỉ đoán mệnh, Quý Hợi vận Ất Hợi năm lên tòa án phá tài 200 vạn USD, hảo chỗ là Hợi nhập Thìn mộ, không thích Mão Thìn hại, Ất Hợi năm là Mão đến, Ất Canh hợp, hợp đến trên người rồi. Hợi là thứ tốt, nguyên nhân nhập mộ rồi, nhưng sinh Mão mộc, bất hảo, cho nên có hai tầng tính chất, nguyên cục quan bất chuyện xấu, kiện tụng chỉ là nguyên nhân tài và khởi, là tranh chấp dân sự, quyền tài sản kiện tụng, như là quan phá hủy nói, còn lại là công - kiểm - pháp đến ầm ĩ .)(Hợi Thìn, là nhập mộ, Thìn Hợi, là thủy trong Thìn dẫn ra)
Càn:

Ất Canh Đinh Tân Kỷ Mậu Đinh Bính Ất Giáp
Tỵ Thìn Mùi Hợi Mão Dần Sửu Tý Hợi Tuất

Công nhân người Hoa (ở nước ngoài) chủ tịch hội đồng quản trị Mã Tân Cường. Tài mang quan mũ, quốc xí. Đinh tọa ấn khố, Mùi khố trong Ất mộc ấn thấu Thiên Can hợp Canh tài, có vài tỷ. Nguyệt Lệnh quan sát khố, Nguyệt Lệnh đại, khố vậy đại, quan trên mang tài mũ quan đương tài xem. Hợi Mùi củng thiên ấn, thiên ấn trên năm lộ ra, Thìn mộ Hợi, hạ có vài công ty, Ất Canh nhất hợp khống chế được rồi. Quan mang tài mũ, loại này tài rất lớn, vào mộ (tập hợp rồi, năng lượng lớn hơn nữa), trên thấu Canh, cùng Ất hợp, Ất là Mùi trong lộ ra tới, nên tài là nhật chủ sở hữu, tư sản 4 tỷ. Bính Tý vận Canh Thìn năm Canh đến, ứng kỳ, niêm yết công ty chủ tịch hội đồng quản trị, lúc ấy tư sản 4 tỷ, bây giờ phỏng chừng là 2 tỷ. Ất Dậu năm nhập Tý vận, khó chịu rồi, cấp trên phái người đương chủ tịch hội đồng quản trị, hắn thành tổng giám đốc rồi, phỏng chừng đến Mậu Tý năm tổng giám đốc vậy đương không được, chủ tịch hội đồng quản trị ăn hiếp hắn, Tý Mùi hại chi nên, cái này tân chủ tịch hội đồng quản trị bất can sự chính là tham ô tiền, và hắn là can đại sự , hai người lý niệm trên không giống với, hạ bước vận Ất Hợi vận hội lợi hại hơn, nhân tiện này năm năm khó chịu. Nhàn Chú: thông qua Ất Tỵ Đinh Mùi khống

chế Canh Thìn, nhập khố là tập đoàn rồi! Đinh Sửu vận mang tượng Canh Thìn trên năm thị, Sửu vận hảo! Năm 2005 đến Tý vận rồi, lúc đầu chủ tịch hội đồng quản trị, bây giờ biến tổng giám đốc rồi! Phỏng chừng Mậu Tý năm ly cách chức! Đến Ất Hợi năm hội càng lịch hại! Ất đến chưa tới!

Càn:

Giáp Đinh Quý Nhâm Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý Giáp
Ngọ Mão Dậu Tuất Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Tài khố chế ấn, chế ấn được quyền, là công ty. Tài khố Tuất thổ là quan, là công ty cổ phần, có thuộc nhà nước cổ phần, cũng có thập đến một trăm triệu. Quý Dậu vận xui xẻo, Ất Dậu năm thật không tốt, quan đã đánh mất, bị miễn chức. Nhất trên Quý vận xui xẻo. Văn phòng chủ nhiệm bị sát, sau đó hắn được bệnh tim, sau đó quốc gia chỉnh hắn, Nhâm Thân vận đặc biệt hảo, nguyên cục Đinh Nhâm hợp, Nhâm Thân vận Đinh Nhâm hợp Mão Thân hợp hảo, Quý Dậu thứ nhất, hợp không được rồi. Tình nhân một đống. Người này quật cường, mạnh chết cũng không quay về, đặc biệt độc tài.

(người này cũng là chủ tịch hội đồng quản trị, nhưng không tin người, tự cho là đúng, tài khố chế ấn, 2 công ty, hiện 2 toàn bộ đóng cửa, một là thiên nhất cổ phần, một là thiên phát cổ phần, Đinh Nhâm hợp, Nhâm kiếp biểu kẻ dưới tay, Nhâm Thân vận Nhâm đến, tượng tốt lắm, Quý Dậu vận Đinh Quý nhất xung, giải Đinh Nhâm hợp, kẻ dưới tay không nghe lời rồi, Quý vận năm thứ nhất Quý Mùi năm, kẻ dưới tay thư ký bị thương sát, lúc ấy lời tiên đoán Ất Dậu năm xong đời, thực tế quốc xí cổ phần toàn bộ thu, hắn chủ tịch hội đồng quản trị bị miễn rồi, Quý là chính mình đến, bất cảm chính mình đến, nguyên cục là muốn chế Quý Dậu, tẩu Quý Dậu vận là muốn phản cục, đối kháng rồi.) Nhàn Chú: Ất Dậu năm song quy! Lưu niên phản cục.

Càn:

Canh Tân Giáp Quý
Tý Tỵ Thìn Dậu

Nội thực thần chế Tỵ hỏa, Tân Tỵ tự hợp, kim thủy khí thế chế Tỵ hỏa, làm một nhà niêm yết công ty chủ tịch hội đồng quản trị, có mấy trăm triệu tư sản. Chính quan chính ấn thực thần cũng rất chính rồi, nhân tính

rất ôn hòa rồi, nguyên nhân chính tinh nhiều lắm, cho nên không có tạo trên lợi hại, người này cũng là an vị, quyết sách cũng mặc kệ.

Càn:

Nhâm Đinh Quý Tân
Dần Mùi Hợi Dậu

Đinh Nhâm hợp, hợp đến chủ vị, Nhâm Hợi nhất trên tượng, Hợi Mùi củng, tài cùng tài nguyên thần củng, Dần nhập Mùi khố. Hợi Tý vận, đại công ty. Nguyệt Lệnh tài quan đại. 40 đến một trăm triệu. Người này là công ty bốn người cổ phần. (Đinh Mùi, năng lượng rất lớn, dẫn theo tài mũ, thương thực với lại vào Mùi khố, cùng Hợi củng, Nhâm chính là Hợi, là biển hàng tập đoàn công ty chấp hành tổng tài, Hợi vận tốt nhất, hiện hành Nhâm Tý vận, đã không được, Nhâm vận vậy tạm được, Tý vận bất hảo.)

Càn:

Mậu Canh Ất Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh
Tý Thân Dậu Thìn Dậu Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão

Làm quan , cấp phòng cán bộ, chính chỗ. Quan hợp thân rồi. Rất hội xử lý quan hệ, là Giáp Thân năm mở rộng , Quảng Đông cục trưởng điện lực, kiêm đài truyền hình bàn trường (Ất Sửu vận).

Khôn:

Nhâm Mậu Kỷ Quý Đinh Bính Ất Giáp Quý Nhâm
Thìn Thân Hợi Dậu Mùi Ngọ Tỵ Thìn Mão Dần

Tọa chính quan nhất định phải tố công, nó tòng Thìn dẫn ra thủy, cũng xem như tố công, Thân Hợi hại bất hảo, là quan chính phủ, Mão vận hại Thìn, nên Mão vận bất hảo, chính cấp phòng cán bộ, quan vừa phải, quyền rất lớn, vệ sinh cục cục trưởng. Mão vận ngồi tù rồi, rất tham rồi. (tư liệu ngoại)

Thứ mười chương, hôn nhân chuyên tập

Hôn nhân là vấn đề đại sự của con người hiện nay đã trở thành một vấn

đề xã hội. Như ly hôn hiện tượng tăng nhiều, nhiều kết hôn cùng ngoại tình ngày càng nghiêm trọng, còn có rất nhiều độc thân gia đình cùng độc thân bộ tộc. Đến tột cùng chúng ta có thể tòng mệnh trong tìm được không ?

Hôn nhân bao gồm tình yêu và hôn nhân, hôn phối, phối ngẫu tuổi, ứng kỳ, ly hôn tài sản phân phối đến con cái, như thế nào xem người thứ 3, như thế nào xem đào hoa nội dung.

Bản chương đem phân bốn tiểu tiết bàn về thuật.

Lễ 1, như thế nào phán đoán hôn nhân tốt xấu

Xem hôn nhân tốt xấu, ứng lấy phối ngẫu cung là chủ, phối ngẫu tinh là phụ.

Phối ngẫu cung là nhật chủ tọa chi, phối ngẫu tinh thì nam mệnh lấy tài tinh làm vợ, nữ mệnh lấy quan sát tinh vi phu. Như không có nam mệnh không có tài xem thương thực, nữ mệnh không có quan sát xem ấn tinh.

Nhất, hảo hôn nhân tổ hợp

1, phu thê cung vị yếu an tĩnh, như hữu dụng, không thể bị hình phạt phá, xung phá, hại ngã, hoặc lục hợp, ám hợp (ngoại trừ hợp phối ngẫu tinh), vậy không nên tạp thấu, nhiều hiện.

2, phu thê cung chế khử tẫn phu thê tinh là hảo hôn nhân, nam mệnh tỷ kiếp có thể chế tài, nữ mệnh dụng thương quan có thể chế quan. Như phu thê cung chế phu thê tinh, nhưng chế không được, phản là phá hôn nhân.

3, nguyên cục phu thê cung là kỵ thần, bị phu thê tinh chế chi hôn nhân tốt.

Khôn:

Quý Canh Canh Nhâm
Sửu Thân Tý Ngọ

Mệnh này kim thủy thành tượng, dụng thần là thủy, phối ngẫu cung Tý thủy là dụng thần, xung khử phối ngẫu tinh kỵ thần, đây là hảo hôn nhân.

Mặc dù là nàng quản chồng, nhưng chồng nàng rất hỉ nàng quản, cảm tình ổn định. Nhàn Chú: mệnh này kim thủy thành thế khử Ngọ quan, nhưng Sửu Ngọ hại, cho nên, bất làm quan! Đây là phu cung xung khử phu tinh, cát! Nữ mệnh thương quan hảo mắng phu, quản phu.

Khôn:

Quý Quý Tân Quý
Sửu Hợi Hợi Tỵ

Mệnh này kim thủy có thế, thương quan Hợi xung Tỵ, phu cung là hỉ, xung khử phu tinh kỵ thần, quản chồng, nhưng hôn nhân tốt lắm. Gia đạo phong doanh. Nhàn Chú: đây là phu cung xung khử phu tinh, cát!

Khôn:

Nhâm Ất Canh Nhâm Giáp Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu
Tý Tỵ Tý Ngọ Thìn Mão Dần Sửu Tý Hợi Tuất

Mệnh này tọa thương quan vậy dục vọng chế quan tinh, nhưng nguyên cục thủy hỏa lực lượng tương đương, hành vận nhập phương đông, tiết Tý thủy với lại sinh trợ giúp Tỵ Ngọ hỏa, như vậy phu cung nhân tiện chế không được phu tinh rồi, nên không cách nào tìm được như ý lang quân, mấy lần luyến ái cũng thất bại. Nhàn Chú: mệnh này kim thủy cùng mộc hỏa lực lượng tương đương, với lại đoạn đường phương đông vận, phu cung chế không được phu tinh, kết hôn khó khăn hảo! Quan chế không hoàn toàn đương tài xem, tài vận ứng không tệ!

Khôn:

Nhâm Kỷ Ất Đinh
Tý Dậu Sửu Sửu

Mệnh này phu cung Sửu thổ là quan khố, phu tinh Dậu kim cùng chi tương củng. Phu cung an tĩnh, tuy có lưỡng hiện, nhưng đều là hợp phu tinh, cho nên hôn nhân hội tốt lắm. Nhàn Chú: kim thủy thành thế khử Đinh hỏa, thực thần, Nhâm Đinh hợp xác nhận tố văn hóa , Đinh Sửu Kỷ Dậu mang tượng, quan thống tài, Kỷ thấu, có thể bất làm quan!

Phu cung lưỡng hiện, nhưng phó cung đã ở chủ vị, cũng hợp phu tinh Dậu

kim, là hảo hôn nhân! Nhàn Chú: đây là phu cung xung khử phu tinh, cát.

Khôn:

Quý Bính Kỷ Bính
Mão Thìn Sửu Dần

Mệnh này Sửu vi phu cung, Dần vi phu tinh, Dần Sửu ám hợp, phu tinh hợp đến phu cung, chứng tỏ chồng theo chính mình hảo, cả đời hảo hôn nhân. Có người hội hỏi, trên năm Mão mộc sát tinh, chứng tỏ cái gì? Mão mộc bị Thìn thổ hại phá, cùng phu thê cung không có gì quan hệ, chỉ có thể chứng tỏ trước kết hôn bạn trai, không nhắc tới hôn nhân kém. Nhàn Chú: như không phải Thìn hại Mão, như vậy ứng là đệ nhất phu!

Càn:

Bính Giáp Bính Quý Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh
Ngọ Ngọ Thìn Tỵ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi Tý

Mệnh này thê cung tọa Thìn thổ thực thần, bát tự không có tài, lấy thực thần làm vợ. Tỷ kiếp chế quan sát, thê tinh an tĩnh không có động, không có hình phạt, xung, khắc, hại, hợp, cho nên là hảo hôn nhân. Nam mệnh không có đào hoa, nếu như là nữ mệnh, thì Quý hợp lộc là lộc trói đào hoa. Nhàn Chú: tỷ kiếp chế quan, Quý Tỵ tự hợp, ứng có quan chức, nhưng khố không khai tẩu Tuất vận ứng không tệ; bát tự không có tài Thìn là tài vợ, an tĩnh, kết hôn hảo!

Càn:

Quý Bính Mậu Bính
Mão Thìn Tý Thìn

Mệnh này thê cung là chính tài đắc vị, lưỡng Thìn củng tài cục, thê cung ổn định, không bị khắc chế. Nên hôn nhân hòa mỹ, phu thê ân ái. Cục trong tuy có Mão mộc phá Tý, nhưng Mão bị Thìn hại, sẽ không thương đến Tý thủy, thê cung sẽ không bị thương.
Càn:

Ất Bính Giáp Giáp Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh
Mùi Tuất Tý Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn

Mệnh này phu thê cung Tý thủy bị hại phá, nhưng mệnh cục hỏa cùng táo thổ thành thế, Tý thủy mệnh cục không cần, khử chi là cát, cho nên hôn nhân tốt.

Nhàn Chú: sở dĩ chỉ là tốt, bởi vì cục trong tài nhiều lắm, kết hôn không thành vấn đề, nhưng đào hoa ứng một đống!

Càn:

Quý Giáp Bính Mậu
Mão Dần Tuất Tuất

Mệnh này thê cung chiếm Tuất thổ, bát tự không có minh tài, Tuất thổ đương vợ xem. Mão Tuất hợp, Tuất thổ sở hợp là ấn tinh, ấn là bề trên, thuyết minh hắn hôn nhân là bề trên giới thiệu . Tuất thổ lưỡng trọng, sẽ không bị Mão mộc khắc phá, cho nên phu thê quan hệ tốt lắm. Bính Tuất là liên căn thân thể, cần, cho nên tìm tốt vợ. Nhàn Chú: phụ nữ lộc hợp quan thực thương cũng là đào hoa, lộc hợp ấn không phải, là lộc ấn tương theo! Bính Tuất liên thể, không thể phá! Phu cung là hữu dụng , là hảo vợ! Thứ tốt phục ngâm, là chuyện tốt!

Phu thê cung vị trừ hợp chính thiên ấn cùng lộc ra thì hợp cái khác tinh cũng hôn nhân bất hảo.

Hai, kém kết hôn tổ hợp

1, phu thê cung vị hữu dụng, lại bị hình phạt, xung, phá, hại, hoặc lục hợp, ám hợp (ngoại trừ phối ngẫu tinh), hoặc tạp thấu, nhiều hiện. Cái này đều là hôn nhân không tốt lắm tổ hợp. Bất hảo tới mức nào, có thể ly hôn không phải xem phu thê cung phá hư tới mức độ nào. Như phá hư giác nhẹ, thì hôn nhân bất hảo, không nhất định ly hôn; như phá hư quá nặng, thì nhất định yếu ly dị.

2, phu thê cung trong bát tự là vô dụng chi thần, tác kỵ thần không có chế, hoặc tác dụng thần lại bị phá, chứng tỏ phối ngẫu không thể trợ giúp chính mình, hoặc cảm tình rất kém cỏi.

3, trong bát tự không thích tỷ kiếp tranh phu, hoặc tỷ kiếp tranh vợ, nhẹ

người có người thứ 3, trọng nhất định ly hôn.

Càn:

Mậu Kỷ Ất Đinh
Tuất Mùi Tỵ Hợi

Mệnh này Ất mộc nhật chủ sinh vào mùa hè, được Hợi thủy cùng Mùi thổ căn, là sinh mộc, sinh mộc hỉ dụng thủy, hỏa thổ đều là kỵ. Tỵ hỏa trong ngậm Mậu thổ thê tinh, vì vậy là thê tinh được chính vị, cục trong hỏa thổ có thế, xung khử dụng thần Hợi thủy. Vợ tác kỵ thần, chứng tỏ phu thê cảm tình bất hảo, vợ bất đắc lực. Phu thê cảm tình cả đời bất hảo, vợ bị bệnh đường nước tiểu , hàng năm tiêu không ít tiền. Tọa thương quan, bị vợ quản.

Nhàn Chú: sinh mộc nhất định phải dụng! Ất mộc thấy Hợi cùng Mùi là sinh mộc, nhất định phải dụng Hợi! Tỵ xung phá hủy Hợi, kết hôn kém!

Khôn:

Tân Quý Mậu Ất
Mão Tỵ Ngọ Mão

Mệnh này phu cung là Ngọ hỏa ấn tinh, có phu tinh Mão mộc sinh phu cung, bản xác nhận hảo hôn nhân, nhưng phu tinh cùng phu cung trong lúc đó tương phá, cho nên chứng tỏ phu thê bất hòa rồi. Phu thê trong lúc đó thường ồn ào, nhưng không có ly hôn. Ngọ là nhà, nhất phá biểu không muốn về nhà, trở về nhân tiện ầm ĩ, nguyên nhân là người của thập kỷ 50, chưa ly cách, như là hiện đại nói, khẳng định ly cách. Lưỡng Mão phá Ngọ, là nhiều kết hôn tổ hợp.

Khôn:

Giáp Mậu Kỷ Canh
Thìn Thìn Dậu Ngọ

Mệnh này trên năm Giáp mộc vi phu tinh, tọa chi Thìn Dậu hợp, phu tinh hợp đến phu cung, vốn là hảo hôn nhân. Nhưng cục trong tỷ kiếp san sát, phu tinh tọa vừa là tỷ kiếp, là tỷ kiếp tranh phu chi tượng, cho nên phu không thích nàng, cùng bên ngoài phụ nữ thân mật. Nhưng Thìn Dậu chi

hợp chưa phá, không có ly hôn. (quan sát hợp thân, nhưng tỷ kiên nhiều hiện tranh phu, tranh rất lợi hại, phu bên ngoài phụ nữ nhiều lắm, tỷ kiên chỉ cần cùng phu tinh có quan hệ là được, không nhất định phải cùng phu cung có quan hệ, Giáp tọa Thìn rồi, bây giờ cũng không ly hôn, nguyên nhân nhật trụ cùng trụ năm thiên địa hợp trói rồi, cung vị hợp rất chặt, nhưng hôn nhân rất kém cỏi.)

Tỷ kiên tranh phu vài loại khả năng:

1, tìm chồng hoặc vợ đã từng có gia đình .

2, chồng có ngoại tình.

3, chính mình làm vợ bé hoặc bị bao dưỡng.

4, ly hôn.

5, đã từng người yêu. Mệnh này là chồng có ngoại tình ý.

Khôn:

Mậu Giáp Kỷ Tân
Thân Dần Mùi Mùi

Giáp Kỷ, Giáp vi phu, Mậu là kiếp, tọa Thân Dần xung, nên chồng nhất định là đã từng kết hôn , sau đó tái tìm nàng. Nếu như Giáp Dần, Mậu Thân thay đổi vị trí, thì nhất định là tranh ý tứ rồi. Mệnh này kết hôn sau chồng không có ngoại tình. Dần Thân xung, vậy đại biểu Sửu Mùi xung, cho nên là hảo hôn nhân. Nhàn Chú: Dần nhập Mùi khố, Thân Dần nhất xung chẳng khác nào đem Dần tới Mùi trong rồi, Mùi khai khố rồi! Mậu Thân mang tượng, Thân xung Dần, chính là Mậu đồng Dần ra đi, cho nên, nói Mậu là Giáp vợ trước, không phải đào hoa! Chồng nhập đến cung, hai kết hôn hảo, không thành vấn đề!

Càn:

Đinh Nhâm Giáp Ất Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính
Dậu Tý Tý Hợi Hợi Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ

Mệnh này Giáp mộc sinh vào mùa đông, có căn, yêu cầu hỏa đến ấm áp, có thể thấy được tọa chi thê cung Tý thủy là bát tự sở kỵ. Nhâm thủy cũng là phu thê cung, biểu có hôn nhân. Thê cung là kỵ thần hôn nhân thông thường bất hảo, hơn nữa bát tự không có tài, lấy Đinh hỏa thương quan là thê tinh, bị khắc không có khí, vợ giống như không có, hôn nhân bất hảo. Nhưng nguyên nhân phu thê cung không có bị phá phá, cho nên đến bây giờ không có ly hôn. (tọa đều là tật xấu, Tý bất sinh mộc, phản phiêu mộc, nhưng Giáp còn có căn, thương quan đương vợ, vợ tuy có nhưng nhược, có chẳng khác nào không có, hôn nhân bất hảo, nhưng chưa ly cách, nguyên nhân nhân tiện một thê tinh, mà không có phá thê cung , biểu tái không người nào thích hắn, nên chưa ly cách, thê cung là kỵ thần.)
Càn:

Ất Canh Đinh Quý
Dậu Thìn Mùi Mão

Mệnh này thê cung Mùi thổ trong ngậm Ất mộc, Ất Canh hợp, thê cung sở hợp Canh kim tài tinh đương thê tinh xem. Mão Thìn hại, Mão Dậu xung, tài tinh cùng chủ vị quan hệ bất hòa, chứng tỏ vợ rất có cá tính, khó có thể khống chế, Mão là thê cung kéo dài, tính phó cung, nhưng không nhắc tới bên ngoài ngoại tình. Hai người thường ầm ĩ bất hòa. Nhưng thê cung cùng thê tinh cũng rất an tĩnh, cả đời sẽ không ly hôn. Như là Đinh Mão nhật thê cung gặp hại, thì nhất định ly cách. Bây giờ tình huống là hại trật, cho nên chỉ là quan hệ bất hòa mà thôi. Chưa vào Thìn mộ, biểu vợ rất lợi hại, vợ quản hắn, khống chế hắn.

Đổi thành Càn:

Ất Canh Đinh Quý
Dậu Thìn Mão Mùi cái này yếu ly cách.

Nhàn Chú: nơi này thê cung phá hủy, như vậy yếu ly cách rồi!

Càn:

Nhâm Kỷ Đinh Kỷ
Dần Dậu Sửu Dậu

Nhất cung lưỡng tinh, hai người vợ. Mệnh này thê cung Sửu thổ, có lưỡng

Dậu tài tinh nhập mộ, song vợ chi mệnh. Lưỡng Dậu không phải một người, biểu bên ngoài có tình nhân. Trên nguyệt biểu vợ, trên giờ biểu tình nhân, có trước sau trình tự thời gian. Sẽ không công khai, vợ không biết. Nhưng thê cung an tĩnh, vẫn chưa phá, nếu như là tại cổ đại, nhất định là nhất vợ nhất thiếp, xã hội hiện đại pháp luật cấm trùng hôn , cho nên có tình nhân thân mật.

Khôn:

Quý Đinh Quý Quý
Mão Tỵ Sửu Hợi

Này vốn là trước giảng bán trang phục , mệnh này phu cung là Sửu thổ sát tinh, được chính vị là chính phu. Trên nguyệt Tỵ hỏa tài tinh (trong ngậm Mậu Bính là đào hoa) trong ngậm Mậu thổ chính quan, tại thiên vị, củng nhập nàng phu cung, là thiên phu (tọa chính vị chính là chính phu, thiên vị chính là thiên phu, bất lấy tinh chính thiên nhất định). Thực tế nữ tử nàybên ngoài còn có tình nhân; Sửu thổ lân cận kiếp tài, chồng bên ngoài cũng có tình nhân, hai người ở riêng nhiều năm, nhưng nguyên nhân phu cung chưa phá, hai người không có ly hôn. Mão mộc sinh Tỵ hỏa, biểu trang phục làm ăn, âm mộc sinh hỏa chi tượng. Bính là đào hoa, đổi lại tượng Đinh cũng là đào hoa, nàng bản thân đào hoa nhiều, chồng cũng có đào hoa, Sửu trong ngậm Quý, tỷ kiếp tranh phu. Tỵ mặc dù cùng phu cung hợp, nhưng tọa trật, cho nên là đào hoa.

Càn tạo:

Quý Đinh Đinh Bính
Mão Tỵ Tỵ Ngọ

bát tự không có tài, lấy cung xem vợ, hỗn tạp rồi, mà Tỵ phục ngâm, hai lần kết hôn!

Càn tạo:

Quý Đinh Đinh Ất
Mão Tỵ Tỵ Tỵ cái này thì kết hôn sẽ không ly cách, nguyên nhân cung tuy nhiều, nhưng không hỗn tạp!

Càn tạo:

Ất Kỷ Quý Tân
Mùi Mão Dậu Dậu

Nhất vợ nhất thiếp, hai người là chị em bà con, vợ đầu bất sinh, vợ hai sinh 1 nam 1 nữ ở chung nhà! Nơi này Mão mộc bất nhập mộ, bất xung thì nhập mộ!

Lễ 2, nhiều kết hôn mệnh lý

Nhiều kết hôn mệnh lý tổ hợp là tại kém hôn nhân tiến thêm một bước, phu thê trong lúc đó mâu thuẫn không thể điều hòa, tất nhiên làm cho ly hôn kết quả. Chúng ta nơi này đem ly hôn vài loại tình huống nhóm ra, dễ dàng cho mọi người học tập.

1, phu thê cung gặp hại, phu thê cung hại phu thê tinh, nhất định ly hôn, hoặc phối ngẫu tử vong. (có thể xung)

2, phu thê cung nhiều hiện, hỗn tạp hiện thời, như có phu thê tinh vừa nhiều hiện, thì đa số hội ly hôn.

3, phu thê cung rơi phu thê tinh thì, không thích hợp, bao gồm lục hợp, ám hợp, nhất hợp nhân tiện dễ dàng hợp đi, ly hôn người chiếm đa số.

4, trong bát tự như ngộ tỷ kiếp tranh phu, hoặc tỷ kiếp tranh vợ, phối ngẫu sẽ có người thứ 3 vấn đề, tái ngộ phối ngẫu cung bị phá, tất nhiên ly hôn.

5, tọa chi phu thê cung phu thê tinh đắc vị thì xem thiên chính, nam mệnh chính tài là chính tinh, thiên tài là thiên tinh, nữ mệnh chính quan là chính tinh, thất sát là thiên tinh. Thiên tinh có thể chế, chính tinh không thể chế. Chính tinh bị quản chế, hôn nhân ra vấn đề.

6, nguyên nhân phu thê cung bị phá và ly hôn thì xem cái phá nó , có mấy chữ chính là mấy lần hôn nhân; nguyên nhân phu thê tinh nhiều hiện và ly hôn, có mấy phu thê tinh mấy lần hôn nhân.

Khẩu quyết: nam mệnh thực thương là đào hoa.

Bính Tý, Kỷ Hợi (nam nữ), Đinh Hợi, Mậu Tý. Thuần túy động một tý

nhân tiện chịu không được.

Càn:

Nhâm Canh Nhâm Quý
Dần Tuất Thìn Mão

Phu thê cung tọa khố, hỉ hình phạt xung. Không phải nhiều nữ nhân. Mão là đào hoa. Nhất hại, sẽ không có đào hoa. Không bị sinh.

Càn:

Kỷ Bính Canh Kỷ
Hợi Dần Thìn Mão

Hại Mão, không có đào hoa. Hợi hợp Dần nhập Thìn là vợ. Là hảo hôn nhân. Nhàn Chú: Mão là đào hoa, hại rớt bên ngoài, không có đào hoa!

Càn:
Ất Bính Giáp Giáp
Mùi Tuất Tý Tuất

Hại khử kỵ thần, hảo hôn nhân. Bính là đào hoa. Có thể có đào hoa. Nhàn Chú: Tý là kỵ chế rồi, bất ly cách, nhưng là không hảo! Mùi là vợ, hại thê cung! Thực thương là đào hoa, làm quan ! Chế ấn được quyền, cán bộ cấp sở !

Nhạc Phi:

Quý Ất Giáp Kỷ
Mùi Mão Tý Tỵ Mùi làm một vợ, Kỷ là vợ hai; nhất hưu rồi, hai vợ xinh đẹp!

Khôn:

Tân Giáp Ất Bính (Diana) Ất Bính Đinh Mậu Kỷ
Sửu Ngọ Mùi Tuất Mùi Thân Dậu Tuất Hợi

Mệnh này là Anh Vương phi Diana tạo, đầu tiên xem trên năm Tân Sửu vi phu tinh, phu cung Mùi xung Sửu, là phu cung chế khử phu tinh tổ hợp. Ất mộc thấy hỏa là xinh đẹp, Bính Tân hợp, phu luyến tướng mạo và tìm nàng. Lại nhìn nguyệt thấu Giáp mộc tỷ kiếp, Tân hợp thì đầu tiên gặp phải Giáp đến tranh phu, Tân kim phu tinh bị Giáp mộc sở đoạt, cho thấy hoàng tử Charles có người tình. Giáp mộc cao thấu, chứng tỏ hoàng tử ngoại tình mọi người đều biết. Xem có thể ly hôn không , nguyên nhân phu cung phá hủy nên nhất định ly cách. Phu cung Mùi thổ bị Tuất thổ hình phạt phá, đại vận sẽ đi Tuất vận, cho nên cuối cùng ly dị, vốn Mùi muốn dồn Sửu, nhưng tam hình phá hủy, nên Mùi không thể chế Sửu, nguyên nhân chế không được rồi, nên ly cách. Không lâu chính mình tai nạn xe bỏ mình (Đinh Sửu năm). (Sửu Tuất là hình phạt mở, hỏa vượng sẽ không bị diệt.)

Cái này tổ hợp là đoản thọ tổ hợp, đây là tử mộc sợ đốt, hỏa vượng sau sẽ chết rồi, dễ dàng nổi danh, vậy đoản thọ. Loại này tổ hợp tử phần lớn là ngôi sao, như Tam Mao, Trương Quốc Vinh, Mai Diễm Phương . Mộc nhật chủ, hỏa nhật chủ đều có loại này tượng, phải chú ý xem. Đinh Sửu là ứng kỳ, là bởi vì nguyên cục trong một điểm âm khí xuất hiện bị chế rồi, mà hình phạt vượng hỏa, Tuất tại trên giờ chủ xe, Mùi Tuất hình phạt, Tân trong Tuất là ngoại tình đào hoa, nhưng Tân trong Tuất nhỏ hơn Tân Sửu, nên là tiểu nhân vật, thực là người dạy cưỡi ngựa, nguyên nhân hình phạt khai sau Bính Tân tự hợp rồi, nên cũng bị phát hiện, Bính là điện ảnh và truyền hình, tin tức . Tuất là ca múa thính, nên nàng cùng phu là tại vũ hội gặp nhau.

Khôn:

Bính Tân Tân Quý
Ngọ Sửu Mão Tỵ

Mệnh này phu tinh là trụ năm Bính Ngọ, nguyệt can thấu Tân hợp phu tinh, là tỷ kiên tranh phu, chồng nhất định sẽ có ngoại tình. Chúng ta lại nhìn phu cung, phu cung chưa phá, khả phu cung cùng phu tinh quan hệ xuất hiện vấn đề. Cung Mão phá Ngọ, đây là thứ nhất; còn có lại càng không tốt là Sửu Ngọ chi hại, phu tinh bị hại ngã rồi, phu cung Mão mộc càng không thể sinh Ngọ hỏa rồi, cho nên nhất định ly hôn. Lần thứ hai hôn nhân xem chi giờ Tỵ hỏa, có Mão mộc tương sinh và không có thương khắc, cho nên lần thứ hai hôn nhân mới được hảo. Thực tế nữ tử

này cùng phu sớm đã ở riêng nhiều năm, sau vào Ất Dậu năm ly dị, Giáp Thân năm có bạn trai, hai người quan hệ tốt lắm. (mặc dù Mão Ngọ phá, nhưng Mão sinh Tỵ, Tỵ là Bính, nên Bính vi phu, Bính Tân hợp, tỷ kiếp tranh phu, phu có ngoại tình, nhưng nguyên nhân Tân Sửu liên thể rồi, Ngọ Sửu hại, Mão Ngọ phá, nên nhất định ly cách. Mão sinh Tỵ, Tỵ là người thứ hai chồng. Tỵ cùng Bính là hai người, nguyên nhân Bính tọa Ngọ rồi, như Bính ngồi Thìn, thì nguyên nhân Bính hư thấu chỉ biểu là bạn trai, không nhắc tới phu. Nguyên nhân Mão sinh Tỵ, nên người thứ hai phu hảo, mà cùng thực thần tự hợp, biểu có thể chơi thân, khuyến khích ly hôn. Ất Dậu năm quan tài môn, ly hôn, Giáp Thân năm nhận thức tân bạn trai.)

Ất Dậu năm, Ất Canh hợp, Tuất Dậu hại, ly cách rồi. Bính Tuất năm thứ ba (? ? ?) một chồng xuất hiện.

Khôn:

Kỷ Canh Giáp Mậu
Dậu Ngọ Tuất Thìn

Mệnh này là phu cung Tuất thổ hại phu tinh Dậu kim, là điển hình nhiều kết hôn chi mệnh. Dậu là người thứ nhất chồng, ly hôn (Dậu Tuất mặc dù hại, nhưng Giáp Kỷ hợp, nên nhất định là kết sau mới ly cách , năm 1999 ly cách); Ngọ là phó cung, nên người thứ hai chồng là nguyệt can Canh kim, Canh cùng nhật chủ Giáp mộc tương xung, với lại hư rồi, vậy quá không lâu. Người thứ hai Quý Mùi năm kết hôn, trước mắt người thứ hai ở riêng, Ất Dậu năm chạy đến nước ngoài rồi, không bóng dáng rồi, rất nhanh sẽ ly dị, phỏng chừng năm nay (Bính Tuất năm) sẽ ly cách, nguyên nhân Bính Canh xung. Người thứ ba chồng là tọa chi Tuất thổ, đắc vị có thể tố công, tọa Tuất khố hỉ hình phạt xung, Thìn Tuất xung, nên thứ ba chồng hảo, là nàng chính thức chồng, hội trắng đầu đến già. Tuất khố mở, nên là phát tài bát tự, nội thực (thương), tố công ty , vừa tố mặt tiền, với lại tố công ty, người vậy xinh đẹp, hiền tuệ, có tiền, là một người đứng đắn, không có đào hoa. Nhàn Chú: phu thê cung hại phu thê tinh, khắc phu rồi! Phụ nữ năng lực mạnh mẽ, có tiền có tướng mạo ngay thẳng thủ nữ tắc , chính mình có công ty! Giáp Kỷ hợp, Dậu là đệ nhất chồng; Canh Ngọ nhất trụ Ngọ Tuất bán hợp hoặc Ngọ vi phu cung dẫn ra, cho nên, Canh là thứ hai phu! Giáp Canh nhất xung, chồng thứ hai là hải ngoại người Hoa, Ất Dậu năm chồng đi, Bính Tuất năm ly cách rồi, lúc này đoán; dự đoán: Bính Tuất năm Tuất là người thứ ba chồng, lão tam được chính

vị, yên ổn rồi! Xung Thìn, tại môn hộ trên xác nhận mặt tiền đến tiền, với lại nội thực thần, với lại là công ty!
Khôn:

Bính Bính Tân Canh Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh
Ngọ Thân Dậu Dần Mùi Ngọ Tỵ Thìn Mão Dần

Mệnh này là Địa ủy chuyên viên chi nữ, có tiền, có quyền, có thế, nguyên nhân tỷ kiếp tranh phu, phu có ngoại tình, Bính can vượng, hợp đến nhật chủ, chủ phu. Phu cung thấy lộc, phu tinh trên năm Bính Ngọ, Nguyệt Lệnh thấy kiếp tài Thân, Thân trên có Bính, chứng tỏ chồng mình bị người khác đoạt. Người thứ hai chồng Dần mộc xuất hiện, thời gian nhân tiện dường như chậm. Thực tế là Quý Tỵ vận Ất Hợi năm ly hôn (đại hạn tạp trụ rồi, phải trước 35 tuổi ly cách, vốn Tỵ vận tốt lắm, Tỵ Hợi nhất xung nhân tiện ly cách), hợp đến kiếp tài là nam nhân theo nữ nhân khác chạy trốn thoát rồi, bây giờ độc thân, nguyên nhân hợp lộc rồi, Thìn Dậu hợp, ấn hợp lộc. Lộc ấn tương theo có phúc khí. Không ai có thể tiến vào, qua Thìn vận mới được, nguyên nhân có Bính trong Dần, nên lần thứ hai hôn nhân là có , lộc vậy đương tài xem, tài vận tốt lắm. Canh tọa Dần là tuyệt địa, hội tìm một ly hôn . Nhâm Thìn vận là thương quan vận, tìm không được chồng , tìm cũng sẽ ly cách! Độc thân! Nhâm Thìn vận, Thìn hợp Dậu tài (lộc vậy là tài), rất có tiền bát tự! cha vậy là Địa ủy thư ký! Qua Thìn vận, ứng có thứ hai kết hôn ! Bính trong Dần, Canh tọa Dần là tuyệt địa, vợ của chồng thứ 3 đã chết ? Dần trong có Bính mang nam hài ?

Khôn:

Quý Tân Mậu Đinh Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu
Sửu Dậu Ngọ Tỵ Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn

Mệnh này không có quan sát tinh, có thể tài tinh Quý thủy vi phu tinh, vì sao? Nguyên nhân Quý hợp nhật chủ, tương hợp có thể chứng tỏ kết thân. Nhưng phu cung Ngọ lại hại ngã phu tinh, chứng tỏ lần đầu tiên hôn nhân yếu thất bại. Kết quả năm 2000 Canh Thìn năm ly hôn, năm 2002 Nhâm Ngọ năm lần thứ hai hôn nhân. (nhật can Thiên Can ngũ hợp, nhưng Địa Chi hại, sớm kết hôn nhất định ly cách. Mệnh này hợp trên năm Quý, Quý vi phu, 20 tuổi trước nhân tiện kết rồi, nhưng nguyên nhân Sửu Ngọ hại, nên năm 1999 ly cách? ? . Nguyên nhân tẩu đều là quan sát vận, nên rất nhanh với lại kết rồi, bất hảo. Bát tự không có phu thê tinh, nhưng đại vận có, gọi quá vận phu thê. Biểu vận quá nhân tiện xong hết rồi. Giáp Tý

vận, Tý Sửu hợp, Tý Ngọ xung, tỷ kiếp tranh phu, Tý vận năm 2000 Canh Thìn năm với lại kết? ? , Sửu vận khẳng định ly cách, nguyên nhân hại Ngọ rồi. Hai lần sau sẽ không kết rồi, Quý cùng Quý trong Sửu, hai lần hôn nhân, Tỵ Dậu củng Sửu, là đào hoa (chú: là chỉ Sửu là đào hoa?), Sửu vận củng Tỵ, lén lút , sau này đều là đào hoa, lộc trói đào hoa rồi, Sửu trong có Kỷ, phu khẳng định là đã kết hôn . Nhàn Chú: bát tự không có quan, lấy tài quan sát chi nguyên thần tài vi phu! Mậu Quý hợp, Quý tài là đệ nhất phu, với lại Đinh = Ngọ, Tỵ Dậu Sửu hợp, cho nên, Sửu là thứ hai kết hôn! Sửu trong có Kỷ, phu khẳng định là đã kết hôn đệ nhất kết hôn, tại trên năm rất sớm kết hôn, nhưng phu thê cung hại phu thê tinh Quý thủy, cho nên, đệ nhất kết hôn nhất định ly cách! Canh Thìn năm Thìn đến Quý đến, là năm ly hôn! Nhâm Ngọ năm Tý thủy xung Ngọ hỏa, giải hại, là năm với lại kết hôn! Có thể đoán được, tại Sửu vận khẳng định hội ly cách! Nguyên nhân hại phu thê tinh! Tỵ là lộc là phụ nữ thân thể, Tỵ Dậu Sửu hợp, Dậu là thương quan, Sửu là tỷ kiếp mà trong ngậm tài, là phụ nữ đào hoa, nguyên nhân sau này tái khó có bình thường hôn nhân!

Khôn:

Đinh Nhâm Bính Kỷ
Tỵ Tý Ngọ Hợi

Lưỡng cung lưỡng tinh. Mệnh này phu cung tọa nhận, phu tinh Nhâm Tý bị chúng tỷ tranh. Tý Ngọ tương xung, ban đầu kết hôn nhất định ly cách. Kết quả người nam nhân đệ nhất ở chung thật nhiều năm nhưng không kết thành, cuối cùng chia tay rồi. Hoàn có một nữ mệnh cùng mệnh này hết sức tương tự, Đinh Mùi năm, Nhâm Tý nguyệt, Bính Ngọ nhật, Kỷ Hợi thì, cũng là lần đầu tiên hôn nhân ly dị. Nhàn Chú: tỷ kiếp khắc phu, cung tinh nhiều hiện, nhất định nhiều kết hôn! Ngọ là chính cung, Tỵ là phó cung, lưỡng cung; Nhâm Tý nhất trụ làm một tinh, Hợi là khác nhất tinh, lưỡng tinh lưỡng cung! Gia tăng chi, tỷ kiếp đông đảo, nhiều kết hôn.

Khôn:

Kỷ Mậu Nhâm Quý Kỷ Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất
Dậu Thìn Thân Mão Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi

Mệnh này phu cung là Thân kim, với lại xuất hiện Dậu kim, phu cung nhiều hiện. Lại nhìn phu tinh Mậu Kỷ thổ cũng nhiều hiện, thuộc về phu

cung cùng phu tinh nhiều hiện tình huống, cho nên phải có nhiều lần hôn nhân. Bây giờ lần thứ hai hôn nhân vậy ly dị rồi. Người thứ nhất là dân cờ bạc, người thứ hai ỷ lại. Hai người chồng tiêu nhiều tiền của nàng. Nhàn Chú: Thân Dậu lưỡng cung, Kỷ Mậu lưỡng tinh! Kỷ Dậu Quý Mão mang tượng, Mão là tài, Quý vậy là tài. Tẩu Thân vận tìm người thứ ba, Thân trong có Mậu thổ, ứng cũng không tệ lắm! Thân ấn là nhà cửa, Mão là tài, Thân Mão hợp, là mướn mặt tiền! Mão là thương quan, nhưng bị hại nên sinh nữ nhi, quan hệ hảo!

Khôn:

Bính Nhâm Giáp Giáp Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính
Thân Thìn Thìn Tuất Mão Dần Sửu Tý Hợi Tuất

Mệnh này lấy Thìn thổ vi phu cung, Thân kim vi phu tinh, hai người tương củng hợp, là hảo hôn nhân. Nhưng chúng ta chứng kiến trong mệnh có lưỡng Thìn, là phu cung lưỡng hiện; trừ Thân kim ra trong Tuất còn có Tân kim, phu tinh vậy lưỡng hiện, cho nên nhất định là nhiều kết hôn mệnh. Thực tế lần đầu tiên hôn nhân ly dị, lần thứ hai hôn nhân quá khá. Nhàn Chú: lưỡng cung Thìn, lưỡng tinh Thân đến Tân trong Tuất, Tuất xung Thìn mở khố, lần hai kết hôn tốt lắm!

Hai lần hôn nhân khẩu quyết: lưỡng phu cung, nhất phu tinh hợp (tam hợp, lục hợp, ám hợp đều là), nam mệnh vậy đồng xem.

Khôn tạo:

Kỷ Đinh Giáp Quý
Dậu Mão Thìn Dậu không vong (Dần Mão)

Đại vận: Mậu Thìn Kỷ Tỵ Canh Ngọ Tân Mùi Nhâm Thân Quý Dậu Giáp Tuất Ất Hợi

Mới vào: 1971 1981 1991 2001 2011 2021 2031 2041

Tam đến bốn lần hôn nhân, ly cách ứng là xung, Bính Tuất năm Thìn Tuất xung, Canh Thìn năm kết kết hôn, nguyên nhân Thìn đến, hiện ở riêng.

Nàng là hướng dẫn viên du lịch. Nhàn Chú: đây là nhất cung lưỡng tinh, tỷ kiếp Mão hại phu cung, khẳng định có nữ nhân tới chen chân! Nhiều kết hôn chi tượng.

Khôn:

Nhâm Quý Nhâm Tân
Tý Sửu Dần Hợi

Mệnh này lấy Sửu thổ quan tinh vi phu, Dần Sửu ám hợp, là phu tinh hợp đến phu cung, là hảo hôn nhân. Nhưng thấy năm tháng tỷ kiếp đông đảo, là tỷ kiếp tranh phu tượng, phu bên ngoài nhiều nữ nhân. Năm tháng Tý Sửu tương hợp, lực lượng lớn hơn Dần Sửu chi hợp, nên kết hôn nhất định ly cách. Quả nhiên vào Đinh Sửu năm ly hôn, có 1 con, có tiên thiên tính chất bệnh tim, thủy đem hỏa khắc rồi, Dần thực chủ con, không vong rồi, phản phán rằng nam hài. Sau với lại vào Nhâm Ngọ năm lấy chồng. Tượng mệnh này nếu như muộn kết hôn, tránh được ly hôn, Dần Hợi hợp chứng tỏ lần thứ hai, mà lần thứ hai hôn nhân hảo. Nàng bản thân bị bệnh gan nhiều mụn. Nguyên nhân Dần Hợi hợp, đem bệnh thấp (các triệu chứng lên nấm ở chân tay, ngứa mẩn) hợp đến gan trong. Sửu là người thứ nhất, Tân Hợi là người thứ hai. Nhàn Chú: Sửu quan là đệ nhất phu, Tân ấn là thứ hai phu! Nguyên nhân Tân Hợi mang tượng, Hợi Dần hợp rồi! Dần là thực là nữ, thấy không vong là con trai, Bính hỏa trong Dần bị diệt, con trai có bệnh tim! Hai kết hôn hảo! Nhất kết hôn tỷ kiếp khắc phu, Đinh Sửu năm ly hôn, hai kết hôn là tìm trên mạng internet , trên giờ là phương xa, người này Quảng Đông , Nhâm Ngọ năm xa lấy chồng Thượng Hải!

Càn:

Đinh Nhâm Tân Đinh
Mùi Dần Sửu Dậu

Mệnh này thê cung Sửu thổ, và thê tinh là Dần mộc, Dần Sửu ám hợp, vốn là hảo hôn nhân tổ hợp. Tuy nhiên Dần mộc lại nhập mộ vào Mùi, Sửu Mùi với lại xung, như vậy Dần Sửu ám hợp chi cục đã được phá hủy, biểu vợ đi, cho nên ly hôn . Thực tế Nhâm Ngọ năm Ngọ Mùi hợp, Sửu Ngọ hại, ly hôn rồi. Nếu như không có Dần Sửu hợp, thì không có chuyện, Sửu Mùi xung phản chứng tỏ vợ yếu nhập thê cung. Bây giờ còn lại là phản rồi.

Càn:

Giáp Bính Kỷ Canh Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
Thìn Dần Hợi Ngọ Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu

Mệnh này tọa Hợi thủy thê tinh được chính vị, không thích trên nguyệt Dần mộc đem thê tinh hợp đi, là điển hình hai kết hôn chi tượng. Hành Kỷ Tỵ vận, Tỵ đem thê tinh Hợi thủy xung tẩu, ly hôn rồi. Canh Ngọ vận Ngọ Hợi ám hợp đến thê cung, là người thứ hai vợ. Ngọ hỏa là Kỷ thổ lộc với lại sinh Kỷ thổ, cho nên người thứ hai vợ đối với hắn hảo. Ngọ là chính mình, nên lần thứ hai nhân tiện ổn định trụ rồi. Hắn tại 13 tuổi cùng cô giáo quan hệ (so với hắn lớn hơn). Hắc tiên sinh phán quyết hắn là thiếu niên thành thân không được kết hôn. Nhàn Chú: chính tinh được chính vị sợ hợp, tẩu Tỵ vận ly cách rồi, vợ theo người chạy trốn thoát rồi! Tỵ Hợi xung vợ tẩu, Tỵ Dần hại, công tác đã đánh mất! Thứ hai Hợi Ngọ ám hợp, Kỷ = Ngọ, lộc ý, hợp lưu lại rồi, ổn định! Giáp = Dần, Dần Hợi nhất hợp, Giáp quan trong bao hàm phụ nữ (là không là Thìn trong tài?) thiếu niên phá trinh không được nhà (Mão hại Thìn, chỉ biểu phá trinh, không nhắc tới lập gia đình?), trên năm quan tinh là bề trên. (là lão sư? Quan vậy là lão sư)

Càn:

Ất Canh Tân Nhâm
Tỵ Thìn Mão Thìn

Trên năm tài đi ra sớm, mà Ất là Mão thấu đến trên năm, 16 tuổi tìm một 20 tuổi phụ nữ. Ất Tỵ, thê cung Mão sinh quan (Tỵ), chứng tỏ có quan hệ, nhưng Ất Canh hợp, biểu không phải vợ hắn, phải gả cho người khác nguyên nhân Mão Thìn hại, Nhâm là Thìn trong lộ ra tới, Nhâm là thương quan, (chú: con cái cung ngồi khắc con cái tinh), với lại Mão Thìn hại, vợ sẽ không sinh con, muốn mượn bụng sinh con. Mão = Ất, Ất Tỵ mang tượng, Tỵ sinh Mão cùng thê cung có liên quan liên rồi, là có tính chất quan hệ rồi! Ất là phụ nữ, tại trên năm là đại, trước hợp Canh, chứng tỏ đầu tiên là vợ của người khác , với lại Thìn Mão hại, người này lấy chồng không được chính mình! Mão là vợ, hại con cái cung Thìn, vợ bất sinh dưỡng! Nam mệnh quan sát là con cái, con cái cung tọa thương thực đến thương thực khố, cũng là khắc con cái ! Tỵ tại trên năm, do Ất mộc sở sinh, cho nên, nhờ người khác đẻ!

Càn:

Kỷ Đinh Nhâm Quý
Dậu Mão Ngọ Mão

Đại vận: Bính Dần Ất Sửu Giáp Tý Quý Hợi Nhâm Tuất Tân Dậu Canh Thân Kỷ Mùi
Nhập vận:1969 1979 1989 1999 2009 2019 2029 2039

Mệnh này thê cung tọa chính tài, nhật chủ với lại hợp nguyệt can chính tài, bởi vì Đinh tọa Mão mộc cùng Ngọ hỏa tương phá, chứng tỏ Đinh Mão nhất trụ cùng Ngọ không thể kiêm, như vậy Đinh Mão là một người, Ngọ là một người. Trong mệnh hai lần hôn nhân chi tượng. Thực tế Kỷ Mão năm kết hôn, tìm chính là đồng sự, Canh Thìn năm ly hôn. Nhàn Chú: Ngọ trong Đinh là chính tài tọa thê cung, là chính tinh đắc vị. Đinh Mão tương sinh, Mão Ngọ phá, cho nên, Đinh = Ngọ nhưng này không nhắc tới cùng người, ứng là hai người! Hai người thê tinh, Đinh là trước, tại Nguyệt Lệnh là đồng sự, Giáp Tý vận Kỷ Mão năm kết hôn vì Đinh đến, Mão đến ứng Nguyệt Lệnh Mão đến, là năm kết hôn! Canh Thìn năm Thìn hại Mão vậy chính là phá hủy Đinh! Ly hôn!

Càn:

Giáp Bính Tân Giáp
Thìn Tý Mão Ngọ

Đại vận: Đinh Sửu Mậu Dần Kỷ Mão Canh Thìn Tân Tỵ Nhâm Ngọ Quý Mùi Giáp Thân

Nhập vận: 1974 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044

Mệnh này Mão mộc là thê tinh được chính vị, Thiên Can lộ ra Giáp mộc, cũng là thê tinh, Giáp mộc tọa chi Thìn thổ lại cùng thê cung Mão tương hại, Giáp cùng Mão là bất đồng phụ nữ, nên là nhiều kết hôn mệnh, trên năm Giáp là lần đầu tiên, ngắn ngủi, Mão là lần thứ hai, thời gian trường, vậy bất hảo, trên giờ Giáp là lần thứ ba, cả đời hôn nhân sẽ không hảo. Tẩu Mậu Dần vận Kỷ Tỵ năm, Giáp Kỷ hợp, Dần Tỵ hại, Giáp mộc bị Kỷ thổ hợp khử, năm này vợ chạy theo người khác.

Nhàn Chú: Mão thiên tài là thiên tinh tọa chính vị, Giáp Ất mộc cộng căn,

Giáp mộc vậy là thê tinh, Mão Thìn hại, Mão Ngọ vậy phá, cho nên, nơi này Giáp cùng Mão không phải cùng người! Khác năm trên giờ lưỡng Giáp nguyên nhân cung vị kém quá xa cũng không phải một người. Trên năm Giáp là vợ đầu, Mão là vợ hai, trên giờ Giáp là vợ ba; Tỵ năm hại Dần, vậy chính là hại Giáp, vợ theo người chạy trốn thoát rồi! Thứ hai kết hôn Tý Mão phá, Ngọ Mão phá, vậy sẽ không tốt! Nhưng ly cách không được, phu thê cảm tình bất hảo! (Đoàn sư phụ: ly cách không được, chẳng lẽ nơi này lưỡng Giáp cùng người? Không có lần thứ ba kết hôn?) tòng đại vận xem: Thìn vận với lại hại thê cung, sợ là kết hôn với lại bất hảo! Tam kết hôn có khả năng !

Càn:

Ất Canh Nhâm Canh
Mùi Thìn Tý Tuất

Mệnh này không có minh tài tinh, lấy thương thực là thê tinh, cho nên trên năm thương quan Ất mộc là vợ. Ất Canh hợp, bị Canh kim khắc hợp; Ất chi căn Mùi lại nhập Thìn mộ, Mùi bị thê cung Tý thủy hại ngã, lần đầu tiên hôn nhân nhất định là không tới đầu . Nhập mộ biểu có hôn nhân quan hệ, vậy biểu tử vong. Thê tinh có khắc mộ lưỡng thương, chứng tỏ tử vong ý. Thực tế đệ nhất vợ bệnh tử, Nhâm Ngọ năm lấy thứ hai vợ. Ngọ trong tòng Tuất trong dẫn ra. Tý là chính cung, Thìn là phó cung. Nếu như không có Thìn, Ất Mùi không phải vợ. Nhàn Chú: bát tự không có tài lấy thực thương là thê tinh, nơi này Ất tọa Mùi, Mùi trong Đinh vậy khả biểu vợ tượng, Ất tọa mộ, bất cát, biểu vợ sẽ chết khử! Tý là chính thê cung, Thìn là phó thê cung nguyên nhân Thìn Tý bán hợp; chính cung lâu dài, phó cung ngắn ngủi! Chưa vào Thìn khố, vậy biểu Ất mộc là vợ tiến nhập phó cung, vậy biểu đoản! Ngoài ra chính phó cung còn có thể cách , Mùi hại Tý, Ất nhập mộ với lại hại, vợ đầu đã chết! Vợ hai xem Đinh hỏa trong Tuất, Thìn Tuất xung hảo hôn nhân! Thê cung xung chế thê tinh, cát!

Phó cung chứng tỏ ngắn ngủi.

Giáp Thìn nhật chủ bất luận nam nữ, đại bộ phận cũng hôn nhân bất hảo. (Thái Dịch Sinh kinh nghiệm tuyên bố)

Càn: (Đặng Tiểu Bình)

Giáp Nhâm Mậu Kỷ

Thìn Thân Tý Mùi

.

Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm 8 tuổi nhập vận
Dậu Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ

1912 22 32 42 52 62 72 82 92 02

Mệnh này thê tinh chính tinh đắc vị, mà vượng tướng, nhưng gặp trên giờ dương nhận hại. Được chính vị phối ngẫu tinh không nên bị khắc phá, khắc phá tất có hôn nhân vấn đề. Thực tế vợ đầu vào Kỷ Tỵ năm đẻ khó tử vong, thứ hai vợ ly dị, thứ ba vợ mới trắng đầu đến già. Vì sao phải khắc rớt lưỡng vợ? Nguyên nhân khắc chế thê cung Tý thủy có Mùi thổ cùng Kỷ thổ lưỡng thổ, nên có này ứng. Tý Mùi hại, Thân Tý Thìn một hồi chính là ba người, chỉ có ba người, nên khắc đến người thứ ba sẽ không khắc rồi, vài khắc , mấy lần hôn nhân. Thìn một, Nhâm Thân một nhà tính một, Tý tính một. Cùng Lý Minh Hàn ở chung một đoạn thời gian. Nhàn Chú: thê cung Tý thủy là chính cung, Thìn cùng Thân là phó cung, thê tinh Thìn vợ đầu, Nhâm Thân là vợ hai, Tý là vợ ba Trác Lâm; vợ đầu Tuất vận Kỷ Tỵ năm đẻ khó tử! Giáp là thất sát, Thìn Tuất nhất xung, sinh con đã chết! Mùi là con cái cung vậy vào Thìn khố, thương Thìn vậy nhân tiện bị thương con, Kỷ vậy là tỷ kiếp khắc vợ! Vợ hai khả xem Thân, Thân sinh Nhâm một nhà xem, Thìn là tỷ kiếp hợp Thân, nguyên nhân đều là phó cung nên cũng bất trường lâu! Nơi này Tý thủy là chính tài là chính tinh, nhưng Mùi hại Tý chính tinh biến thiên tinh rồi, cho nên, cứ việc Nhâm thủy thiên tinh, nhưng bất là "Mò trăng đáy nước" là có kết hôn ! Kim thủy thành thế chế Mùi dương nhận khố! Mão vận phá chính công thần Tý, hại công thần Thìn, năm 1979 Mão Mùi hợp trói, bắt đầu một lần nữa lên đài, năm 1980 Thân hợp Mão, năm 1981 Dậu xung Mão, năm vận cũng không tệ; đến năm 1982 tiến vào Canh Thìn vận, công thần đắc lực, tiến vào hoàng kim ! Năm 1997 Đinh ấn là thọ tinh, hợp khử, qua đời! Dương nhận là tay chân, quan sát khố là tiểu hài tử, Tý hại Mùi, con lớn nhất tàn rồi!

Càn:

Mậu Kỷ Kỷ Tân Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh
Tuất Mùi Hợi Mùi Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão

Mệnh này thê cung tọa Hợi thủy chính tài tinh, chính tinh được chính vị, sợ gặp tỷ kiếp khắc đoạt. Mệnh cục tỷ kiếp vượng tướng với lại đông đảo,

Hợi thủy bị khắc vô sinh, hành Nhâm Tuất vận tài tinh hư thấu, cho nên ly dị. Sau tìm một tuổi tác nhỏ , kết hôn sau vẫn như cũ quan hệ bất hòa. Nhàn Chú: Hợi là chính tài chính tinh tọa thê cung, được chính vị, nhưng tỷ kiếp lục trọng, Mùi kẹp hợp Hợi, kết hôn khẳng định bất hảo! Nhâm Tuất vận, Hợi hư rồi, chạy trốn thoát rồi! Ly hôn!

Càn:

Tân Canh Giáp Canh Kỷ Mậu Đinh Bính Ất Giáp Quý
Tỵ Dần Thân Ngọ Sửu Tý Hợi Tuất Dậu Thân Mùi

Sách cổ ghi lại có lầm, thực là bảy lần hôn nhân. Mệnh này Giáp mộc nhật chủ tọa Thân kim là thê cung, can thấu lưỡng Canh nhất Tân, thê cung nhiều hiện. Bát tự không có minh tài, lấy thương thực đương thê tinh. Thê cung thê tinh đều nhiều, mà thê cung bị Dần mộc xung phá, với lại phạm tam hình, biểu bất ổn, có ly cách ý, nên là một nhiều kết hôn mà hôn nhân khó khăn ổn định mệnh. Như bất xung, thì chỉ là phạm đào hoa. Bốn người chi đều là một, Bính trong Dần tính một. Tỵ (Bính Tuất 2), Dần (Mậu Bính 2), Ngọ (Đinh Kỷ 2), Tỵ Thân hợp 1, cộng bảy người. Cả đời cộng kết năm lần kết hôn (chú: nguyên tư liệu có lầm), cuối cùng vợ từng bước ly cách hắn lúc tuổi già độc thân vượt qua. Nhàn Chú: thực thương là thê tinh, lưỡng hiện! Cung bốn hiện! Tinh cung nhiều hiện mệnh, nhiều kết hôn! Đoàn sư phụ giảng một loại khác cái nhìn: lấy cung đến xem, 1 Thân, 2 nguyệt Canh, 3 thì Canh, 4 Tân, 5 Tỵ Thân hợp gia tăng một, 6 Tân Tỵ tự hợp tái gia tăng một;7 Dần Ngọ bán hợp cùng cung không liên hệ, chỉ ở chung bất kết hôn! Tính 6 một nửa đi.
Càn:

Giáp Bính Tân Giáp
Thìn Tý Mão Ngọ mới vào: 1974 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044

Đại vận: Đinh Sửu Mậu Dần Kỷ Mão Canh Thìn Tân Tỵ Nhâm Ngọ Quý Mùi Giáp Thân

Mệnh này Mão mộc là thê tinh được chính vị, Thiên Can lộ ra Giáp mộc, cũng là thê tinh, Giáp mộc tọa chi Thìn thổ lại cùng thê cung Mão tương hại, Giáp cùng Mão là bất đồng phụ nữ, nên là một nhiều kết hôn mệnh, trên năm Giáp là lần đầu tiên, ngắn ngủi, Mão là lần thứ hai, thời gian trường, vậy bất hảo, trên giờ Giáp là lần thứ ba, cả đời hôn nhân sẽ không hảo. Tẩu Mậu Dần vận Kỷ Tỵ năm, Giáp Kỷ hợp, Dần Tỵ hại, Giáp mộc bị

Kỷ thổ hợp khử, năm này vợ chạy theo người khác.

Càn:

Tân Canh Bính Quý Kỷ Mậu Đinh Bính Ất Giáp Quý
Sửu Tý Tuất Tỵ Hợi Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ

Hai lần hôn nhân, yếu ly cách, Đinh vận kết , Dậu vận ra nước ngoài ở riêng mấy năm, không ly cách, Bính Tân, Tỵ Dậu, tất cả đều là ra bên ngoài dẫn khách, nên ra nước ngoài. Bính Thân vận ly cách , Canh Thìn năm ly cách , đại hạn tạp trụ rồi, Tuất khẳng định ly cách, nhật chi đại biểu sau 35 tuổi, Tỵ Thân hợp đến trên giờ lộc, biểu đào hoa, hoặc tình nhân nhiều, hôn nhân cung kéo dài đi ra không phải hôn nhân. Ly hôn sau kết không được kết hôn, đi tìm hai người, Giáp Thân năm có một, Thân vì sao là đào hoa và không phải vợ đây? Nguyên nhân Canh tọa Tý, bị Tuất khắc, Canh vào không được trong Tuất, Tỵ Thân hợp yếu nhập Tuất, nên chỉ có thể là đào hoa. Năm nay Bính Tuất năm là Ất Mùi vận chi Ất vận, Ất Mùi vận vậy không kết hôn được, hình phạt phá thê cung rồi. Giáp Ngọ vận có thể kết. Nhàn Chú: mệnh này cũng là tinh cung nhiều hiện, và nhiều kết hôn! Bính Tân hợp Tân là vợ đầu, Canh cùng nhật chủ đến thê cung không có quan hệ, là đào hoa! Bính Tuất nhất trụ liên thể nhất định phải dụng, nguyên cục là kim thủy cùng hỏa táo thổ lực lượng không phải rất lớn, xấp xỉ; năm 2005 trước tẩu kim Địa sợ là không ổn, năm 2005 sau tẩu hỏa Địa, hảo!

Khôn:

Bính Quý Đinh Mậu
Ngọ Tỵ Hợi Thân

Tỷ kiếp tranh phu, Tỵ xung Hợi. Hỏi: Kỷ vận năm nào có vấn đề? Giáp Thân năm nhất hại nhất hợp, nguyên nhân ngoại tình bị phát hiện và ầm ĩ ly hôn, hiện còn chưa ly cách. Phỏng chừng năm nay ly cách, Tuất khắc Hợi. Lần thứ hai là Thân kim, nguyên nhân hại, bất hảo. (chú: cái này dường như còn có điểm nghi vấn)

Lễ 3, độc thân mệnh lý

Độc thân mệnh bao gồm ba loại tình huống: thứ nhất là cả đời độc thân, mà không có tính chất đồng bọn; thứ hai là có tính chất đồng bọn, nhưng cả đời bất kết hôn; thứ ba là có quá ngắn ngủi kết hôn, nhưng cuối cùng độc thân cả đời.

Độc thân mệnh phu thê cung tiên thiên tính chất có tật xấu, đại khái phân bốn chủng loại mô hình:

1, phu thê cung cùng con cái cung chiếm tỷ kiếp lộc thần hoặc là ấn, và phu thê tinh không thể tiến vào;

2, phu thê cung chế phu thê tinh, song chế không được, phu thê tinh phản phá hủy phu thê cung;

3, phu thê cung chiếm phu thê tinh chi mộ, không có hình phạt xung khắc phá .

4, phu thê cung rơi phu thê tinh, nhưng xuất hiện thiên tinh can thiệp, vậy dễ dàng độc thân.

Nhàn Chú:

1. phu thê cung cùng con cái cung chiếm tỷ kiếp lộc thần hoặc là ấn, và phu thê tinh không thể tiến vào; tỷ kiếp lộc thần đối với Càn tạo khẳng định thương vợ , đối với Khôn tạo cũng là hao tốn quan sát, như vượng thì phản khắc rồi! Ấn đoạt thực, tại con cái cung khó có con cái, vậy chính là không kết hôn tính chất rất lớn!

2, phu thê cung chế phu thê tinh, song chế không được, phu thê tinh phản phá hủy phu thê cung; phu thê tinh là người, phu thê cung là nhà, trong nhà ngồi quản người , nhưng lại quản không được, người sẽ không tiến vào nhà, độc thân!

3, phu thê cung chiếm phu thê tinh chi mộ, không có hình phạt xung khắc phá vậy độc thân;Thành không được kết hôn, can cùng chi đồng tổn hại tài thương vợ hoặc phu, như: Kỷ Mùi, Kỷ Sửu, Mậu Thìn, Mậu Tuất; nhất định phải khai khố mới có kết hôn! Khai khố có Thiên Can cái chìa khóa nguyên lý, Địa Chi thay mặt khai nguyên lý, cũng có thể thay mặt là khai khố, không nhất định thẳng xung!

4, phu thê cung rơi phu thê tinh chi chính tinh, nhưng xuất hiện thiên tinh can thiệp, vậy dễ dàng độc thân. Loại này ứng thuộc về mò trăng đáy nước kết cấu.

Càn:

Giáp Bính Kỷ Mậu Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
Thìn Tý Mùi Thìn Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi

Mệnh này là giảng dạy đại học, nhưng đến nay độc thân. Trong mệnh phu thê cung chiếm tỷ kiên, và trụ giờ chiếm kiếp tài. Thê tinh Tý thủy bị phu thê cung Mùi thổ hại ngã, thê tinh không cách nào tiến vào thê cung, cho nên là một độc thân mệnh. Bản thân tự giác không có hôn nhân phương diện nhu cầu. Nhàn Chú: phu thê cung Mùi hại thê tinh Tý thủy, kết hôn bất hảo! Nếu xung chính là quản trụ rồi, nhưng hại không được; khác trụ ngày và trụ giờ lưỡng trụ bị đàn tỷ chiếm trụ, độc thân mệnh! Tòng người góc độ trên xem, Tý nhược mà vào Thìn khố, tỷ kiếp đông đảo, tài dấu diếm, biểu chính mình không có nhục dục, không có nam nữ yêu cầu, cho nên bất kết hôn! Thấp thổ thành thế hại sát khố, nhưng sát chế không hoàn toàn, cho nên, hắn có tiền !

Khôn:

Giáp Nhâm Mậu Kỷ
Thìn Thân Ngọ Mùi

Đại vận: Tân Mùi Canh Ngọ Kỷ Tỵ Mậu Thìn Đinh Mão Bính Dần Ất Sửu Giáp Tý

Nhập vận: 1974 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044

Mệnh này là một vị diễn viên ba-lê nổi tiếng, năm trụ ngày và trụ giờ tỷ kiếp tinh, quan tinh tuy có, nhưng tọa tỷ kiếp Địa với lại cùng kiếp tài hợp, chứng tỏ nàng có bạn trai, nhưng cả đời sẽ không kết hôn. Thực tế chính xác, đến nay độc thân. (Ngọ Mùi hợp phu tinh chi mộ, độc thân, nhưng tài sinh quan rồi, có bạn trai. Nhưng tỷ kiếp tranh phu, hẳn là là độc thân chủ nghĩa. Đại vận đến xung cũng được, nhưng đại vận không gặp, cho dù gặp gỡ, cũng là quá vận tức không có.) Nhàn Chú: Ngọ Mùi

hợp, Giáp Kỷ hợp, Thân Thìn củng thủy cục, chứng tỏ cái này Giáp quan theo chính mình có liên quan, Nhâm vậy theo nhật chủ có liên quan! Tỷ kiếp chiếm phu cung cùng con cái cung,(có điểm đồng tính luyến ái khuynh hướng) độc thân đặc thù! Giáp làm quan, có tài sinh, mà củng tài, chứng tỏ hay có dục vọng , có tính chất yêu cầu! Giáp là tính chất bạn, nhưng cuối cùng hợp trên giờ kiếp tài, chứng tỏ ở chung rồi theo người khác kết hôn.

Khôn:

Đinh Bính Quý Nhâm Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý
Mùi Ngọ Dậu Tý Mùi Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu

Mệnh này phu cung tọa chi thiên ấn, trụ giờ chiếm lộc, này hai điểm là độc thân tổ hợp. Nhưng trên năm tài quan tinh, là có hôn nhân chi tượng. Năm tháng tài quan cùng chủ vị ấn lộc hình thành lưỡng đảng, đương đại vận dẫn động lưỡng đảng thì yếu kết hôn. Hành Kỷ Dậu vận, quan tinh rơi xuống phu thê cung vị trí, có thể kết hôn. Nhưng kết sau yếu ly cách. Đến Canh Tuất vận chi Tuất vận, Ngọ Tuất kết đảng, hại ngã phu thê cung, ầm ĩ ly hôn. Phán đoán nữ tử này ly hôn sau độc thân. Sẽ không tái kết hôn rồi. Loại này tổ hợp cùng tính cách có liên quan, quá mức bản thân, thanh khiết, đam mê.

Khôn:

Nhâm Quý Kỷ Canh Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính 1
Tý Sửu Tỵ Ngọ Tý Hợi Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ

Mệnh này cũng là trụ ngày và trụ giờ gặp lộc ấn, độc thân tổ hợp. Nhưng năm tháng có tài tinh, nguyệt chi Sửu thổ củng nhập phu thê cung, chứng tỏ từng có quá kết hôn sử. Quý Dậu năm Tỵ Dậu Sửu tam hợp cục, kết hôn, kết hôn ba năm sau ly hôn. Bây giờ ở 1 mình, không có bạn trai. Tài mặc dù vượng, nhưng cùng Kỷ không có quan hệ, vào không được. Nhàn Chú: Quý Dậu năm là Kỷ vận, Tỵ Sửu củng, Tý Sửu hợp, tài cùng Kỷ có liên quan liên rồi, có dục vọng! Dậu năm đem phu cung cùng tài phu tinh liên cùng một chỗ rồi, kết hôn! Ba năm sau xác nhận Bính Tý năm Tỵ hư rồi, nhà không có, ly hôn!

Khôn:

Quý Nhâm Đinh Bính Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu
Dậu Tuất Mão Ngọ Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn

Mệnh này trụ ngày và trụ giờ ấn tinh cùng lộc thần, cũng là độc thân tổ hợp. Trên năm tài tinh Dậu bị Tuất thổ hại ngã, là không có kết hôn duyên hoặc là trải qua một lần thất bại luyến ái. Nữ tử này tuổi tác còn nhỏ, bị da tay bệnh, là di truyền, nàng bản thân tự tôn tâm đặc biệt mạnh mẽ, nhiễm bệnh sau rất tự bi. Nguyên cục muốn dồn Dậu, nhưng Đinh Nhâm hợp, Mão Tuất hợp, phá hủy. Nhàn Chú: Tuất hại Dậu, quan tài môn? Quý ứng là đệ nhất bạn trai, Nhâm ứng là người thứ hai bạn trai, như không phải Tuất hại Dậu ứng có kết hôn.

Khôn:

Ất Bính Giáp Ất (Lưu Hiểu Khánh)
Mùi Tuất Tý Hợi

Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý Giáp 3 tuổi khởi vận
Hợi Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ

Mệnh này là trụ ngày và trụ giờ không gặp tài quan, lại gặp kiếp ấn, cũng là độc thân tổ hợp. Nhưng năm tháng tài tinh vượng tướng, lại có tài tinh Mùi thổ hại ngã Tý thủy ấn tinh, đây là chứng tỏ nàng đã từng có hôn nhân. Kỷ Sửu, Canh vận, hôn nhân nhiều thành nhiều bại, Dần vận sau hành tới lộc thần cùng kiếp tài vận, độc thân sống qua ngày. Với lại thừa số nữ cung Hợi thủy là thương thực tinh tử tuyệt chỗ, cho nên cũng không có sinh con.

Hắc tiên sinh phán quyết: trói quan lấy tài, tổ tông ba đời tác phong bất chính, hai lần hôn nhân, ám hằng hà sa số, sẽ không sinh con, già yếu một con. Lúc tuổi già trừ có tiền ra, cái gì cũng không có, cô độc. Vì sao có thương thực tài, và sẽ không sinh con? Quyết: con cái cung cùng phu thê cung đều là ấn không có con cái. (mệnh này tại trung y trên vậy gọi cung hàn bất dục, như ấn là hỏa cùng táo thổ, thì là cung nhiệt bất dục) hai ấn là hai lần hôn nhân.

Nhàn Chú: Giáp mộc là sinh mộc, dụng Bính hỏa là nở hoa tiết tú! Tỷ kiếp bị Bính tiết, tại năm thì, là nổi danh, Bính là danh khí! Cho nên, là danh tiếng diễn viên! Bát tự không có quan lấy ấn xem phu, lưỡng ấn hai lần

minh kết hôn! Ấn tại trụ ngày và trụ giờ cũng là độc thân đặc thù! Bính là thực thương là con, tại Tý Hợi bất được sinh! Bính tuyệt tại Hợi, bất sinh dưỡng! Y học là tử cung hàn, bất sinh!
Càn:

Nhâm Mậu Tân Bính Kỷ Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất 10 tuổi vận
Tý Thân Mùi Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão

Mệnh này là một tên lưu manh, cả ngày không có việc gì. Chúng ta xem vì sao như thế? Thê cung là tài khố, nhưng khố không ra; mệnh cục không gặp tài tinh, lấy thương quan thực tinh là vợ, đã thấy thực thần Tý thủy hại thê cung, cùng vợ vô duyên. Bát tự không một chữ tố công có ích, cho nên cả đời vận mệnh rất kém cỏi. Hắn tìm cách lấy vợ, nhưng kết không được. Dụng lộc tố công, sinh người khác, vô ích, cả đời đói bất ăn no, nghèo, không có kết hôn. Nhàn Chú: bát tự không có tài, thực thương Nhâm Tý thủy là tài, nhưng Mùi hại tài, cho nên không có tiền! Ta thấy được năm 2027 Sửu vận ứng có thể khai Mùi khố, tài vận có lẽ cũng không tệ lắm.

Khôn:
Tân Tân Bính Giáp
Mão Sửu Thìn Ngọ

Nhâm Quý Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh
Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Mệnh này là một lão cô nương, đến nay chưa từng kết hôn, cũng không có tình nhân. Vì sao? Cùng tạo trên nguyên lý tương tự, phu cung lâm phu tinh chi mộ, mộ với lại không ra; lại nhìn tài tinh hợp thân, tài đương phu xem, vốn cũng có thể lập gia đình, lại gặp tài tinh lưỡng hiện, đều mộ vào Sửu khố, hành vận bất hình phạt xung khố thì không có khả năng kết hôn. Tới sáu mươi ba tuổi hành Mùi vận mới khả đem tài khố xung khai, nên manh sư phán quyết mệnh này tại sáu mươi ba tuổi kết hôn. Âm mộc sinh hỏa, chủ nhiệm nhà máy thêu thùa.

Càn:

Đinh Quý Đinh Tân
Hợi Sửu Mùi Hợi

Mệnh này lấy Tân kim trong Sửu là thê tinh, thê cung Mùi xung Sửu, là thê cung dục vọng chế thê tinh, nhưng bát tự là kim thủy có thế và đem Mùi thổ xung phá, là thê tinh phản phá hủy thê cung, cho nên là một độc thân mệnh. Nhật chủ Đinh hỏa thông vào Mùi khố, Mùi là chủ vị thể, là muốn dụng chi tố công , hiện bị cục trong chế phá, cho nên mệnh này kém. Này đời người khốn cùng thất vọng, hoàn mù một con mắt, (Sửu Mùi xung phá hủy Đinh trong Mùi, phải mắt mù, mắt trái thị lực vậy bất hảo.) khất thực qua ngày.

Càn :

Quý Bính Mậu Bính
Mùi Thìn Tuất Thìn

Mệnh này trước kia giảng quá, vậy cùng tạo trên tương tự, nhiều nhất một năm kiếm một ngàn tệ tiền. Cung chế tinh chế không được tổ hợp!

Khôn:

Đinh Nhâm Canh Nhâm
Mùi Dần Tý Ngọ

Mệnh này cùng tạo trên tổ hợp tương tự, là phu cung thương quan tinh dục vọng chế phu tinh chi quan, nhưng cục trong quan vượng phản đem phu cung Tý thủy phá rớt (Tý Mùi hại), cho nên là độc thân mệnh. Nguyên nhân tướng mạo khó coi, không người nào yêu thích, đến nay chưa có người yêu. Cùng tạo trên bất đồng chính là mệnh cục Tý thủy thương quan khả khử, khử chi bàn về cát. Cho nên người này công tác năng lực rất mạnh, là một chuyên gia kế toán, tiền lương rất cao. Cung chế tinh không được! Không phải" mò trăng đáy nước" ,lúc tuổi già ứng có hôn nhân , trụ giờ Nhâm Ngọ tự hợp rồi!

Càn:

Tân Canh Kỷ Quý
Mão Tý Hợi Dậu

Mệnh này tọa chính tài được chính vị mà tự hợp, mệnh cục tài tinh nhiều. Nhưng người này không chỉ không có kết hôn, bạn gái cũng không có, tại

sao? Đây là độc thân mệnh đặc thù tổ hợp: phu thê cung tọa phu thê chính tinh mà thiên địa tương hợp, chứng tỏ hắn bản thân có một lý tưởng trạng thái phối ngẫu, loại này lý tưởng hắn không cách nào thoát khỏi , mệnh cục đã có phu thê thiên tinh vượng tướng can thiệp, chứng tỏ gặp phải người yêu chung quy không thể như ý. Cứ như vậy, người này thường thường bởi vì quá mức lý tưởng chủ nghĩa và không cách nào tìm được phối ngẫu của mình, chỉ có thể độc thân. Nhàn Chú: mò trăng đáy nước yếu tam điều kiện:1, phu thê tinh chính tinh tọa phu thê cung;2, nhật chủ cùng nhật chi tự hợp;3, Thiên Can xuất hiện thiên tinh quấy nhiễu. Mệnh này chính tinh Hợi, mà Kỷ Hợi tự hợp, thiên tinh Quý tại Thiên Can xuất hiện, cho nên là" mò trăng đáy nước" kết cấu! Bát tự Thái Âm rồi, không có dương khí, có thể dương héo!

Khôn:

Ất Bính Kỷ Canh
Mão Tuất Hợi Ngọ

Phu thê chính tinh được chính vị với lại tự hợp, thiên tinh vượng thấu. Mò trăng đáy nước. Yêu cầu rất cao, rất lý tưởng chủ nghĩa. Chỉ có thể độc thân. Nhàn Chú: Giáp chính quan tọa phu cung, Kỷ Hợi tự hợp, thiên tinh Ất mộc tại năm lộ ra, hợp phù" mò trăng đáy nước" kết cấu!

Khôn:

Tân Canh Kỷ Nhâm
Sửu Tý Hợi Thân

Mệnh này phu cung tọa Hợi thủy, trong giấu chính quan, nhật chủ cùng chi thiên địa hợp, lại có Tý thủy tài tinh đắc lệnh là can thiệp tinh, loại này tổ hợp nhân tiện độc thân. Thực tế nàng trước kia cùng một Đài Loan có con, nhưng không có kết hôn, đến nay vẫn sống một mình. Nhàn Chú: mệnh này mặc dù không phải thiên quan thấu, nhưng bát tự không có quan lấy tài ấn đương phu tinh, nơi này Nhâm là chính tài chính tinh, nhưng xuất hiện Tý thủy thiên tinh quấy nhiễu, cũng là cùng loại mò trăng đáy nước kết cấu, mà Kỷ Hợi vậy tự hợp, Hợi trong cũng có chính quan Giáp mộc! Trước bị người bao dưỡng, sinh một con! Nhật tọa chính tinh trụ có: Mậu Tý, Nhâm Ngọ, Kỷ Hợi, Đinh Hợi, Tân Tỵ, Quý Tỵ

Khôn:

Kỷ Bính Nhâm Kỷ
Sửu Dần Ngọ Dậu

Nữ tử này đã qua năm mươi, nhưng chưa bao giờ kết hôn, vẫn độc thân. Phu cung tọa chi chính tài chính quan, thiên địa tương hợp, bản đáng có hảo hôn nhân, đáng tiếc trong mệnh Sửu Ngọ hại, phá hủy chính tinh, này là thứ nhất; càng kém chính là, thấu can thiên tài Bính hỏa, mặc dù không phải thiên quan, lại đồng dạng là phu cung chính tài thiên tinh, cùng thiên quan lộ ra tình hình tương đương, cho nên làm cho cả đời không có kết hôn. Mò trăng đáy nước Nhàn Chú: mệnh này lấy chính tài đương chính tinh, Bính hỏa nhân tiện là thiên tinh, như trụ vậy tự hợp, vậy hợp phù mò trăng đáy nước mở rộng mô hình kết cấu!

Càn:

Ất Quý Tân Mậu Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân
Hợi Mùi Hợi Tuất Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu Dần Mão

Tuất khắc Hợi, có thể là bị phụ mẫu phản đối. Nhàn Chú: mệnh này dựa vào" mò trăng đáy nước" tam yếu tố xem: sẽ không là! Cũng không phải mở rộng mô hình, nguyên nhân nhật trụ cũng không tự hợp, nhưng phía sau lưỡng điều kiện đến là phù hợp! Bát tự không có tài lấy thực thương xem vợ, nhưng nơi này có Ất mộc, mà cùng thê cung phục ngâm, ứng có liên quan liên. Nhưng Ất Hợi tương sinh, lấy Hợi là chính tinh, Quý là thiên tinh cũng đúng!

Khôn:

Mậu Ất Kỷ Quý
Dần Mão Hợi Dậu

Nữ tử này đã hơn sáu mươi rồi, cả đời chưa lập gia đình. Nguyên nhân cũng là tọa chi chính quan tinh gặp hợp, Nguyệt Lệnh sát tinh vượng thấu. Trong mệnh con cái cung gặp thực thần, còn có thể có con. Thực tế tại năm mươi mốt tuổi năm ấy, xin nuôi một nữ nhi. Mò trăng đáy nước Nhàn Chú: hoàn toàn hợp phù mò trăng đáy nước tam yếu tố!

Càn:

Giáp Nhâm Mậu Kỷ
Thìn Thân Tý Mùi

Mới nhìn phù hợp mò trăng đáy nước, nhưng chính tinh bị hại trật. Đều là thiên tinh. Nhàn Chú: đây là Đặng Tiểu Bình tạo, chính tinh Tý bị Mùi nhất hại, thành thiên tinh, phá hủy mò trăng đáy nước kết cấu, nhưng kết hôn bất thuận !

Tự hợp tọa chính tinh: Đinh Hợi, Kỷ Hợi (nam nữ đều là), Mậu Tý, Tân Tỵ, Nhâm Ngọ, Quý Tỵ. Giáp Ngọ không nhất định.

Lễ 4, Kết hôn ứng kỳ

Xem kết hôn thời gian không phải tuyệt đối , bởi vì thời đại, khu vực cùng phong tục khác biệt, đồng dạng một mệnh sinh tại nông thôn cùng sinh tại thành thị kết hôn tuổi tác có thể không giống, mệnh lý học chỉ đề kỳ một mệnh có thể kết hôn cơ hội, có người kết hôn rồi, có người vẻn vẹn là đàm rồi vật kiện, hoàn có người thì ở chung, chưa chắc yếu kết hôn, cho nên xem hôn nhân nhất định phải kết hợp bọn họ cuộc sống khu vực cùng phong tục?

Tham khảo khác chính là phối ngẫu tinh tại trong bát tự vị trí. Nói chung, năm tháng xuất hiện phối ngẫu tinh, tương đối yếu sớm kết hôn; trụ ngày và trụ giờ xuất hiện phối ngẫu tinh, tương đối yếu muộn kết hôn. Nữ mệnh năm tháng thương quan thực thần vượng, có thể phán rằng muộn kết hôn; nam mệnh năm tháng tỷ kiếp vượng, cũng là muộn kết hôn dấu hiệu.

Xem kết hôn thời gian yếu kết hợp hai phương diện: vừa nhìn phối ngẫu tinh, nam mệnh xem tài tinh, nữ mệnh xem quan tinh hoặc sát tinh; hai xem phối ngẫu cung. Đa số vốn là tam hợp, lục hợp, ngũ hợp xem hôn kỳ, còn có lấy xung hình phạt xem hôn kỳ. Tam hợp Hợi Mão Mùi, Thân Tý Thìn vân vân; lục hợp Tý Sửu hợp, Dần Hợi hợp vân vân; ngũ hợp, Giáp Kỷ hợp, Ất Canh hợp vân vân. Kết hôn là nam nữ sinh tình, giao hợp kết thân, nên nhiều ứng hợp. Dưới đây phân biệt :

(nhất) phối ngẫu tinh Địa Chi tam hợp, lục hợp hợp nhập phối ngẫu cung là hôn kỳ

Này chia làm hai loại tình huống:

1, phối ngẫu tinh gặp thái tuế Địa Chi hợp nhập phối ngẫu cung;

2, bát tự hoặc đại vận vốn có phối ngẫu tinh Địa Chi bản cùng phối ngẫu cung bán hợp cục, tái gặp lưu niên thái tuế cùng chi cấu thành tam hợp cục, thì hôn nhân cũng thành.

Khôn:

Ất Nhâm Nhâm Mậu Quý Giáp Ất Bính Đinh
Tỵ Ngọ Tý Thân Mùi Thân Dậu Tuất Hợi

Trên năm thương quan, ứng muộn kết hôn, thương quan suy yếu, sinh tài tinh Tỵ Ngọ, Tỵ Ngọ trong đều ngậm quan sát, nên kết hôn sẽ không muộn, Mậu Thìn năm nàng 24 tuổi , Thìn là thất sát vi phu tinh, cùng bát tự cấu thành Thân Tý Thìn tam hợp cục, hợp nhập phu cung, nên đáng năm kết hôn. Nàng tìm một nơi xa lấy chồng, điểm này vậy khả tòng trong bát tự nhìn ra, nguyên nhân phu tinh Mậu thổ rơi can giờ, thì chủ phương xa. Nhàn Chú: Thân Tý bán hợp, Mậu vi phu tinh, tại trên giờ bản ứng muộn kết hôn , nhưng trên năm thương quan tẫn tiết vào năm tháng tài, cho nên, lập gia đình cũng không chậm! Mậu Thìn năm cung tinh tề động, bán hợp biến tam hợp, là năm kết hôn!

Càn:

Mậu Giáp Quý Nhâm Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh 3 tuổi nhập vận
Tuất Dần Dậu Tuất Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân

Mệnh này năm tháng Dần Tuất củng tài cục, ứng sớm kết hôn, Đinh Tỵ năm 20 tuổi, phán quyết đáng kết hôn, nguyên nhân Tỵ Dậu bán hợp cục, tài tinh hợp nhập thê cung, mà Đinh Nhâm tương hợp, thiên địa chi tài đều hợp, thực tế đáng năm đính hôn, nguyên nhân bản thân đi học, pháp luật quy định không cho phép kết hôn, nên chỉ có thể đính hôn, tốt nghiệp sau Nhâm Tuất năm mới kết hôn. Nhàn Chú: Mậu Quý hợp, Dần Tuất củng hỏa tài, cho nên, Tuất cùng hỏa trong Dần chi bằng đương thê tinh!

Càn:

Ất Kỷ Ất Bính Mậu Đinh Bính Ất Giáp Quý Nhâm 9 tuổi nhập vận
Tỵ Mão Dậu Tý Dần Sửu Tý Hợi Tuất Dậu Thân

Mệnh này Nguyệt Lệnh tỷ kiên, can năm lộ ra, nên muộn kết hôn, tuy nhiên tài tinh xuất hiện tại nguyệt can, mà chi năm Tỵ trong ngậm chính tài, nên hôn nhân vậy sẽ không quá muộn. Mậu Thìn năm 24 tuổi, chính tài Thìn thổ hợp nhập thê cung, đáng năm kết hôn. Đương nhiên Nguyệt Lệnh xung thê cung, vậy ứng tại thê cung gặp hợp lưu niên kết hôn. Nhàn Chú: Tỵ trong đến nguyệt Kỷ thổ đều là tài, ứng sớm kết hôn!

Dựa vào lý, mệnh này hoàn khả phán đoán thành Ất Sửu năm 21 tuổi kết hôn, nguyên nhân Tỵ Dậu Sửu tam hợp cục đem thê tinh hợp nhập thê cung. Có ba nhân tố có thể chối bỏ cái nhìn này: đầu tiên người này sinh hoạt tại thành thị, thông thường sẽ không quá sớm kết hôn; thứ hai, hắn Nguyệt Lệnh tỷ kiên, nguyệt can tài tinh bị khắc, bất ứng sớm kết hôn; thứ ba, chính là Mậu Thìn năm kết hôn tin tức cực mạnh, nhân tiện bài trừ rồi trước vừa kết hôn có thể.

Khôn:

Kỷ Đinh Quý Canh? Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm
Dậu Sửu Mão Thân? Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ 75 năm 10 nguyệt khởi vận 6 tuổi

Mệnh này phán rằng Mậu Thìn năm đàm luyến ái, Giáp Tuất năm kết hôn. Năm tháng sát tinh, hôn nhân ứng sớm, nhưng nhật tọa thực thần khắc sát tinh, chứng tỏ phu cung không tiếp thụ phu tinh, nên suy đoán muộn kết hôn. Cho nên loại này sớm kết hôn tin tức nhân tiện chứng tỏ là yêu sớm, huống hồ nàng tại 24 tuổi đi trước chính là Mão vận khắc sát, vậy sẽ không kết hôn. Năm 1988 Mậu Thìn 20 tuổi, phu tinh hợp nhập trong mệnh, ứng đàm luyến ái; Giáp Tuất năm 25 tuổi, đi vào Canh Thìn vận, Mão Tuất hợp, phu tinh hợp nhập phu cung, mà Giáp Kỷ hợp, khử sát lưu quan, kết hôn.

Khôn:

Quý Quý Quý Mậu Giáp Ất Bính Đinh Mậu 75 năm khởi vận

Sửu Hợi Dậu Ngọ Tý Sửu Dần Mão Thìn

Mệnh này bát tự không gặp thương quan, chi năm thất sát, nhưng trong cách Hợi thủy tỷ kiếp, thủy nhiều thổ chảy, Sửu thổ không có khả năng trở thành chồng, nên vậy sẽ không sớm kết hôn. Đinh Sửu năm, lưu niên sát tinh hợp nhập phu cung (bán hợp cục), kết hôn, năm này 25 tuổi.

Thiết hỏi: nếu Sửu thổ sát tinh không phải chồng của mình , vì sao còn có thể tại Đinh Sửu năm kết hôn, có phải hay không tìm lầm rồi? Kỳ thật thái tuế chi Sửu quản chính là kết hôn ứng kỳ, chẳng hề quản hôn nhân hảo phá, hôn nhân chất lượng xem bát tự phối hợp cùng đại vận phối hợp, cùng thái tuế là quan là sát quan hệ vừa phải. Nhàn Chú: dựa vào lý Mậu vi phu tinh, xác nhận Đinh ứng rồi Ngọ, Mậu Ngọ nhất trụ, tài sinh rồi quan, tài ứng rồi quan, ứng rồi phu! Sửu cùng Dậu hợp, phu cung đồng động rồi, tài ứng Đinh Sửu năm! ? Bính vận Bính đến ứng Mậu!

Khôn:

Kỷ Mậu Đinh Tân Kỷ Canh Tân Nhâm Quý Giáp
Dậu Thìn Mão Hợi Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Mệnh này năm tháng thương thực cao lộ có căn, muộn kết hôn tin tức rõ ràng, trên giờ gặp quan tinh càng chứng tỏ muộn kết hôn, mà gặp quan tinh không vong, yếu sinh tại thành thị, sợ rằng bây giờ cũng không kết hôn. Khả mệnh chủ Tân Mùi năm 23 tuổi nhân tiện kết hôn rồi, tòng mệnh lý trên giảng, Hợi Mão Mùi tam hợp cục, đem phu tinh, phu vị, thái tuế hợp cùng một chỗ, phù hợp kết hôn quy luật, nhưng càng quan trọng là nàng sinh hoạt tại nông thôn, dựa vào địa phương phong tục, nữ hài tử 20 tuổi chừng sẽ lập gia đình, nàng tại 23 tuổi xuất giá đã xem như muộn rồi. Bởi vì Tân Mùi năm Hợi Mão Mùi hợp thành ấn cục, quan tinh khí bị khắc tiết, đối với mệnh chủ mà nói, quan tinh cảm ứng hết sức yếu ớt, có thể suy ra nàng kết hôn hết sức miễn cưỡng, chưa nói tới cảm tình, chỉ theo lời cha mẹ mà thôi. Đương nhiên Hợi Mão Mùi hợp thành mộc cục khắc chế thương quan, thương quan cự tuyệt kết hôn ngạo mạn cá tính bị ức chế, chính mình tại cường đại "Ấn cục" (phụ mẫu bề trên thuyết phục). Thực tế đích xác như thế. Nhàn Chú: mệnh này trừ ra Đoàn sư phụ sở giảng lý do hoàn ứng có một vấn đề: thương quan năm tháng cao lộ, rất ngạo mạn, kết hôn ứng muộn, trên giờ nguyên nhân Mão Hợi hợp, quan tinh càng ứng muộn kết hôn; nhưng Tân Hợi là mang tượng, Tân đến ứng

quan đến, Tân Mùi năm là quan tinh đến, Hợi Mão Mùi tam hợp, tinh cung tề động, khẳng định là muốn kết hôn rồi!

(hai) phối ngẫu tinh gặp Thiên Can ngũ hợp là hôn kỳ

Này với lại chia làm hai loại tình huống:

1, phối ngẫu tinh gặp thái tuế Thiên Can hợp nhập nhật chủ.

2, bát tự hoặc đại vận vốn có Thiên Can phối ngẫu tinh, gặp thái tuế Thiên Can cùng với phối ngẫu tinh tương hợp.

Chú ý: phối ngẫu tinh gặp Thiên Can ngũ hợp, nhất định phải quan sát phối ngẫu tinh là có căn đắc vượng hay không, nếu vô căn phù phiếm, gặp hợp nhất định chế chi phá chi, không thể định là hôn nhân ứng kỳ.

Càn:

Nhâm Mậu Mậu Giáp Kỷ Canh Tân Nhâm khởi vận 5 tuổi
Ngọ Thân Thân Dần Dậu Tuất Hợi Tý

Mệnh này can năm xuất hiện tài tinh, nguyệt can tài tinh trường sinh, ứng sớm kết hôn. Quý Mão năm 22 tuổi, thái tuế lâm tài tinh hợp nhập mệnh chủ, mà Mão Thân hợp, thê vị vậy hợp thái tuế, kết hôn. Nhàn Chú: trong bát tự minh tài cũng chỉ có Nhâm thủy, nhưng Nhâm thủy vừa nhìn cùng Mậu không có trực tiếp quan hệ, nếu như nói là Nhâm Ngọ tự hợp, với lại Dần Ngọ hợp, tái với lại Thân Dần xung, cuối cùng vào nhật trụ với lại liên hệ rồi! Nhưng xé quá xa rồi. . . Ta đến thiết tưởng như: nơi này Nhâm thủy cứ việc trường sinh tại Thân, nhưng cùng nhật chủ không có liên hệ, không thích đáng thê tinh xem, lấy Thân đương thê tinh, trên nguyệt Thân hiện cũng là sớm kết hôn chi tượng, còn nữa, Thân trong ngậm rồi Nhâm tài! Tuất vận Quý Mão năm kết hôn là tinh động tề động rồi! Hoặc lấy, nguyên nhân Dần Thân xung, ứng kỳ là gặp hợp! ?

Càn:

Giáp Giáp Nhâm Canh
Thìn Tuất Dần Tuất

Mệnh này Đinh Mão năm 24 tuổi kết hôn, tài tinh Đinh hỏa hợp nhập

nhật chủ chi nên. Nhàn Chú: Tuất Dần củng tài, ứng kết hôn không muộn, Đinh là Tuất trong lộ ra chi tài là thê tinh, hợp đến ứng kết hôn! ?

Khôn:

Đinh Quý Giáp Bính
Dậu Sửu Thìn Tuất

Ba tuổi hành vận:

Giáp Ất Bính
Dần Mão Thìn

Mệnh này chi năm chính quan, hương quan vô lực, ứng sớm kết hôn. Lại nhìn đại vận lưu niên, 18 tuế hành Mão vận, dương nhận xung quan mà hại phu vị, đáng vận lập gia đình có thể tính chất nhỏ, xem lưu niên gặp: Giáp Dần, Ất Mão, Bính Thìn, Đinh Tỵ, Mậu Ngọ, mộc hỏa rất vượng, sinh trợ giúp trên giờ thực thần chi dụng thần, là nghiên cứu học hỏi giai đoạn, vậy sẽ không kết hôn, kết hôn đương suy 23 tuổi sau Bính Thìn vận, lưu niên thấy Kỷ Mùi, Canh Thân, Tân Dậu, có thể kết hôn lưu niên nhất định tại Canh Thân, Tân Dậu hai năm, vốn Canh Thân năm Thân Tý Thìn hợp cục, phu tinh hợp nhập phu vị, là kết hôn ứng kỳ, nhưng bát tự có Bính hỏa, đại vận lại thấy Bính, thẳng khắc Canh kim, giải thích rõ Canh Thân năm kết hôn sẽ có lực cản, đến Tân Dậu năm, Bính Tân hợp, Thìn Dậu hợp, phu tinh lâm thái tuế hợp nhập trong mệnh, mà Địa Chi phu tinh hợp nhập phu vị, đã không có bất cứ gì lực cản, ứng ở đây năm kết hôn. Thực tế Canh Thân năm đính hôn, Tân Dậu năm kết hôn.

Càn:
Canh Bính Canh Kỷ 7 tuổi vận Đinh Mậu Kỷ Canh Tân
Tý Tuất Thìn Mão Hợi Tý Sửu Dần Mão

Mệnh này năm tháng không có tài, trên giờ thấy tài, khả phán quyết hôn nhân giác muộn. Giáp Tý năm 25 tuổi, Giáp Kỷ hợp, Tý Thìn hợp, thái tuế thê tinh Giáp mộc hợp nhập trong mệnh, ta phán quyết kết hôn, mệnh chủ nói hắn không kết hôn năm đó, như vậy loại này mãnh liệt kết hôn tin tức xuất hiện bất kết hôn sẽ không được rồi, vì vậy ta phán quyết, nhất định là cùng bạn gái ở chung rồi. Mệnh chủ thừa nhận này một năm cùng bạn gái ở chung, ta vừa nhìn lúc đầu Thìn thổ ấn thụ tại thê vị không vong (trên năm Canh Tý Thìn Tỵ không), ấn là giấy kết hôn, nên "Không có

giấy chứng nhận kinh doanh", mãi đến Bính Dần năm mới cùng bạn gái quản lý nghi thức. Bởi vì hôn nhân thực chất chính là cùng sinh hoạt tại cùng nhau, về phần nghi thức, đối với mệnh chủ đến nói là nhất kiện ý nghĩa bất đại sự tình. Nhàn Chú: này Giáp mộc thê tinh bất tại trong mệnh cục , nhưng là khả nhất định ứng kỳ,84 năm ứng tại Tý vận; tòng nguyên cục xem: tài tại trên giờ ứng muộn kết hôn, nhưng Tý Thìn trên năm thực thương cục, cho nên vậy sẽ không quá muộn! Ứng lấy Mão xem thê tinh, Giáp Tý năm Giáp Kỷ hợp động thê tinh, Tý hợp động rồi thê cung Thìn và kết hôn!

Khôn:

Mậu Tân Quý Ất
Thân Dậu Tỵ Mão

Bốn tuổi hành vận:

Canh Kỷ Mậu 71 năm khởi vận
Thân Mùi Ngọ

Mệnh này năm tháng ấn tinh quá nặng, Mậu thổ quan tinh tiết khí lực suy, phu cung Tỵ hỏa vậy nguyên nhân Tỵ Dậu hợp cục và tiết phá. Tượng như vậy mệnh hôn nhân muốn thành nói, đầu tiên cân nhắc phải dụng tài khắc chế trụ vượng ấn, nâng dậy quan tinh mới được. Kỷ Mùi vận tuy là quan sát vượng hương, nhưng ấn tinh bất chế, sẽ không kết hôn, vận này trong Mậu Thìn năm 21 tuổi, mặc dù Mậu thổ quan tinh hợp nhập nhật chủ, nhưng cũng chỉ là gặp người yêu mà thôi. 24 tuổi đi vào Mậu Ngọ vận sau, ấn tinh bị quản chế, quan tinh nâng dậy, khả kết hôn, Quý Dậu năm 26 tuổi, Mậu cùng Quý hợp, lưu lại đại vận Mậu thổ quan tinh, kết hôn. Nhàn Chú: Quý Dậu năm xác nhận tại Mậu vận, Mậu Ngọ cũng là mang tượng, nguyên nhân Ngọ hỏa vượng, Tỵ hỏa hiện ra chính là hỏa đặc tính, vượng ấn bị khắc chế, tài quan nhất vượng, kết hôn có thể thành! Quý Dậu năm Quý đã tới, Dậu hợp động rồi phu cung Tỵ hỏa, và Tỵ hỏa = Mậu quan, này vậy chính là cung tinh cũng động rồi, kết hôn!

Tam, phối ngẫu cung cùng phối ngẫu tinh gặp hình phạt xung là kết hôn ứng kỳ

Này có hai loại tình hình:

1, trong bát tự phối ngẫu cung hoặc phối ngẫu tinh vốn có hợp, chứng tỏ bị ràng buộc không thể đúng hạn, thông thường ứng tại xung là kết hôn ứng kỳ;

2, phối ngẫu tinh hoặc phối ngẫu cung nhập mộ thì, ứng hình xung mộ lưu niên và kết hôn.

Khôn tạo:

Đinh Ất Mậu Bính Bính Đinh Mậu Kỷ Canh 1 tuổi vận khởi vận
Dậu Tỵ Thân Thìn Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Phu cung lâm thực thần tinh, phu tinh Ất mộc tọa Tỵ hỏa, là lộc mang phu tượng, hợp nhập phu cung. Tuy nhiên tương hợp ràng buộc, yêu cầu xung và kích khởi mới khả kết hôn. Nên Giáp Dần năm 28 tuổi, xung khai tương hợp và kết hôn. Nhàn Chú: nguyên nhân Tỵ Thân hợp, Ất vi phu tinh. Thân là thực thần tọa phu cung, phu tinh Ất mộc khó có thể tiến vào, nhưng Thân Thìn củng tài cục cũng không phải rất nghiêm trọng, Thân vận Giáp Dần năm Dần xung Thân, hợp chỗ gặp xung kết hôn! Xung khử Thân cũng tốt nhường Ất mộc hảo tiến vào nhà!

Khôn:

Bính Tân Kỷ Bính Canh Kỷ Mậu Đinh Bính Ất Giáp 51 năm khởi vận
Tuất Sửu Hợi Dần Tý Hợi Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ

Phu cung Hợi lâm phu tinh, nhưng bị Dần hợp trói, không cách nào kết hôn, Ất Tỵ năm 20 tuổi, xung khai Hợi thủy phu cung và kết hôn. Nhàn Chú: Kỷ vận Ất Tỵ năm Tỵ xung khai rồi Hợi Dần chi hợp kết hôn! (Đoàn sư phụ: chỉ cần xung khai hợp là được!)

Càn:

Kỷ Giáp Đinh Tân
Hợi Tuất Mão Sửu

Thê cung Mão mộc cùng thê tinh Tuất hợp, lưu niên Tân Dậu mệnh chủ 23 tuổi, xung khai thê cung Mão mộc và kết hôn. Hợp chỗ gặp xung là ứng kỳ!

Càn:

Ất Bính Đinh Tân
Mùi Tuất Mão Hợi

Mệnh này cũng là thê cung Mão mộc cùng thê tinh Tuất hợp, lưu niên Tân Dậu 27 tuổi, xung khai thê cung Mão mộc và kết hôn. Hợp chỗ gặp xung là ứng kỳ!

Càn:

Đinh Bính Tân Nhâm Ất Giáp Quý Nhâm Tân Canh
Sửu Ngọ Tỵ Thìn Tỵ Thìn Mão Dần Sửu Tý

Bát tự không có tài, có thể thê cung chính quan Tỵ hỏa đương vợ xem, Tỵ mặc dù không gặp lục hợp, nhưng cùng nhật chủ thiên địa hợp, này vậy là ràng buộc ý, cần ứng xung lưu niên. Lưu niên Tân Hợi, mệnh chủ 35 tuổi, xung Tỵ hỏa và kết hôn.

Hoặc hỏi, vì sao bất ứng tại 23 tuổi Kỷ Hợi năm kết hôn đây? Nguyên nhân là nguyên cục phối ngẫu cung chính tinh Tỵ hỏa gặp thiên địa hợp, lại có Đinh hỏa thiên tinh can thiệp, là rất khó kết hôn dấu hiệu, may mà Đinh hỏa thiên tinh quá yếu lại bị Nhâm thủy hợp khử, cho nên mới có thể kết hôn. Vì vậy tạo không chỉ có yếu muộn kết hôn, càng yếu hành Nhâm vận, hợp trói Đinh hỏa mới kết hôn, hành Nhâm vận thì đúng là 35 tuổi.

Bát tự không có tài, thê cung chính quan đương vợ xem, bất tính mò trăng đáy nước, đến đại vận thiên tinh phá rớt, mới kết hôn.

Đổi lại cái nhìn dường như hợp lý, bát tự không có tài, lấy thương xem vợ, thương tại thì chủ muộn. Nhâm vận vợ đến, Hợi năm xung nhập thê cung và kết hôn. Nhàn Chú: mệnh này không có chính tài tinh tọa thê cung, bát tự cũng không tài! Lấy thê cung xem rất đến gần" mò trăng đáy nước" kết cấu, hợp phù mò trăng đáy nước tam yếu tố: tự hợp, thiên tinh quấy nhiễu, chính tinh tọa cung; nhưng là Thiên Can thiên tinh Đinh bị Nhâm thủy hợp khử, vậy chính là phá hủy mò trăng đáy nước nhất hoàn, nhưng phá vỡ thiên tinh chi công thần Nhâm vận là thì kết hôn! Này ví dụ cho ta một ý nghĩ: coi như là mò trăng đáy nước kết cấu, đương đại vận có thể phá rớt loại này cách cục thì, kết hôn cũng là có thể thành ! Cấp

trên lấy thương quan Nhâm là thê tinh cũng là có đạo lý , tính toán kết quả vậy kinh người nhất trí!

Khôn:

Đinh Canh Mậu Giáp Tân Nhâm Quý Giáp Ất
Hợi Tuất Tý Dần Hợi Tý Sửu Dần Mão

Mệnh này phu cung Tý thủy, phu tinh Giáp Dần, phu cung gặp nhật chủ thiên địa hợp, cũng là ràng buộc. Gặp lưu niên Bính Ngọ xung phu cung và kết hôn. Năm này mệnh chủ 20 tuổi. Nhàn Chú: nhật trụ tự hợp, Giáp Dần vi phu tinh, Bính Ngọ năm ứng tại Tý vận, xung rồi phu cung phá hợp, khác vậy bán hợp phu tinh, tinh cung tề động, là vị kết hôn vậy!

Khôn:

Quý Ất Giáp Mậu Giáp Ất Bính Đinh Mậu 2 tuổi khởi vận
Tỵ Sửu Thân Thìn Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ

Mệnh này phu cung chi phu tinh Thân kim nhập mộ vào Sửu, kết hôn lưu niên yếu xung mộ hoặc xung bị mộ chi thần, lưu niên Giáp Dần 22 tuổi, xung Thân kim ra mộ, kết hôn. Nhàn Chú: Giáp Dần năm là tại Mão vận, cục trong quan sát rất vượng rồi, bản thân lực lượng mạnh mẽ, xung mộ hoặc phu, tinh thì là kết hôn ứng kỳ!

Khôn:

Mậu Giáp Kỷ Tân Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu 5 tuổi vận
Thân Dần Mùi Mùi Sửu Tý Hợi Tuất Dậu Thân

Mệnh này phu tinh Giáp Dần nhập mộ vào phu cung Mùi, cần xung hình phạt mộ năm kết hôn. Nguyệt Lệnh quan tinh kết hôn lược thiên sớm, nên không có khả năng đến Đinh Sửu năm 30 tuổi kết hôn, ứng tại Giáp Tuất năm hình phạt khai mộ chi lưu niên kết hôn, năm này 27 tuổi. Giáp Tuất năm nhất hình phạt, đem quan tinh phóng xuất ra đến. Giáp Thân năm khắc Dần, Canh Tuất năm xung hảo, bàn về cát bất luận hung. Nhàn Chú: tài quan lâm khố hỉ hình phạt xung! Nhật trụ can cùng chi đồng, kết hôn khẳng định bất hảo! Nhưng Nguyệt Lệnh có quan tinh, tại hình phạt khai xung khai năm khả kết hôn! Thân xung rồi Dần = xung khai rồi Mùi khố, tại Hợi vận trên Giáp Tuất năm hình phạt khai Mùi, khai khố! Mậu là

chồng đã có vợ . Giáp Thân năm kết hôn hảo! Tỷ kiếp kiếm phu, Mậu Thân là chồng vợ trước!

Càn:

Nhâm Quý Đinh Giáp Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ 1 tuổi vận
Thìn Mão Sửu Thìn Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu

Thê cung Sửu thực thần, trong giấu thê tinh tài tinh. Yêu cầu xung hình mộ tài khả kết hôn. Lưu niên Kỷ Mùi 25 tuổi, xung mộ và kết hôn. Nhàn Chú: Kỷ Mùi năm là Ngọ vận rồi, bát tự không có tài lấy thực thương tác thê tinh! Mà Sửu trong ngậm thê tinh, Mùi năm xung khố và kết hôn!

Càn:

Đinh Quý Kỷ Kỷ Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính
Mùi Mão Mão Tỵ Dần Sửu Tý Hợi Tuất Dậu Thân

Không có hôn nhân, vợ mộ, Quý Mão mang tượng như rồi Mùi, như tọa là Tỵ, là có hôn nhân. Nhàn Chú: Quý Mão mang tượng, thê tinh Quý thủy theo Mão mộc vào trên năm Mùi mộ, không có kết hôn! (Đinh Quý xung = Sửu Mùi xung sao? Sửu vận vậy khả xung Mùi, là không có một đoạn kết hôn? Là Quý quá yếu, xung không ra chi nên?)

Càn:

Đinh Quý Tân Đinh Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh
Mùi Mão Mão Dậu Dần Sửu Tý Hợi Tuất Dậu

Mão Dậu xung, có hai người vợ, sống chung nhất thất. Nhàn Chú: Quý Mão mang tượng, thê tinh Quý thủy theo Mão mộc vào trên năm Mùi mộ, nhưng Dậu xung rồi Mão = xung khai rồi Mùi khố, có kết hôn rồi!

Càn:

Đinh Quý Ất Ất
Dậu Sửu Sửu Sửu

Nếu như không có Đinh Quý xung, chính là lần tù ngục. Ba người huynh đệ đều là tòa án . Nhàn Chú: Đinh Quý xung = hư nghĩ Mùi xung rồi Sửu!

Đinh tại trên năm, là vị: phần mộ tổ tiên Phong Thủy hảo! Thương quan khố là tòa án !

Khôn:

Bính Giáp Mậu Tân Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu
Ngọ Ngọ Tuất Dậu Tỵ Thìn Mão Dần Sửu Tý

Vào mộ, nhân tiện phế đi. Chồng sở có cái gì cũng phế đi. Giáp mộc đại biểu tài, chồng bài bạc. Nhàn Chú: Giáp là chồng, Giáp Ngọ mang tượng, ấn mang quan tượng vào Tuất mộ. Tài quan lâm khố hỉ hình phạt xung! Tẩu Dần vận, Giáp đại biểu tài rồi, quan sát chế không hoàn toàn đương tài xem, nhập mộ rồi phá! Là vận, chồng đánh bạc thua hết tiền!

Lễ 5, ly hôn ứng kỳ

Rất nhiều ly hôn lưu niên ứng kỳ, là cung tinh phát sinh đối kháng. Như cung đến chế tinh, đương xuất hiện cung không cách nào chế tinh và đối kháng thì, đó là ly hôn ứng kỳ. Đương đối kháng xuất hiện thăng bằng thì nhân tiện ly hôn.

Khôn:

Tân Giáp Ất Bính
Sửu Ngọ Mùi Tuất

Bính Tý năm ly hôn. Nhàn Chú: Tân Sửu đại biểu chồng, Ất Mùi đại biểu chính mình! Bính Tý năm phu lực lượng tăng mạnh và ly hôn!

Khôn:

Quý Ất Giáp Giáp Canh Tân Nhâm Quý Giáp Ất Bính
Sửu Mùi Thìn Tuất Thân Dậu Tuất Hợi Tý Sửu Dần

Bính Tuất năm tam hình, Sửu Mùi bất xung, ầm ĩ ly hôn. Nhàn Chú: Tuất năm hình phạt phá hủy Mùi thổ, Mùi bất xung Sửu rồi! Mậu Dần năm kết hôn, Quý hợp rồi Mậu Dần chủ chính mình đến! Ất Dậu năm ầm ĩ, hoài nghi đối phương, vì nữ nhi không ly cách! Mậu Tý cũng khó ly cách! Nữ nhi năm 1998 , vì sao là nữ? Nguyên nhân tẩu Dậu vận hại Tuất, nhi biến thành rồi nữ chi nên!

Bằng cấp chuyên tập

Như thế nào xem bằng cấp

Xem bằng cấp cao thấp, yêu cầu đối với bát tự tổng hợp phán đoán. Nói chung, lấy quan sát, ấn tinh cùng thực thần đương bằng cấp chi thần; lấy tài tinh, thương quan, tỷ kiếp đương phá hư bằng cấp chi thần.

Quan sát: thân phận tượng trưng, thất sát còn có thông minh cùng chăm chỉ ý tứ. Quan tinh yếu phối ấn, thất sát hoặc là phối ấn, hoặc là bị chế phục, phương khả học nghiệp có thành. Thất sát không có chế hóa phản hung ngu dốt.

Ấn tinh: học nghiệp, bản lãnh, nhưng ấn tinh cần phải tố công phương chứng tỏ bằng cấp, như không làm công chứng tỏ lười biếng bất hảo học, ngu.

Thực thần: tư tưởng, suy xét ý, vậy chủ học tập hảo.

Tài tinh: dục vọng chi tinh, thông thường học tập kỵ nhất , chứng tỏ trái tim loạn ,học bất đi vào, tham luyến nữ sắc hoặc tiền tài; chỉ có ấn tinh rất vượng yếu tài khắc ấn thì, phản có học tập trên tiến vào ý tứ.

Thương quan: không tuân thủ quy củ, không nghe lời, không thích học tập giáo khóa thư. Nhưng thương quan chủ thông minh đa năng, cho nên thương quan yếu phối ấn tinh tố công hoặc phối quan sát tinh tố công, đều đã học có sở thành. Thương quan phối tài tinh cùng tỷ kiếp cũng sẽ không học tập.

Tỷ kiếp: hiếu động, tranh đấu, kết bè kết đảng thành đàn chúng. Thông thường chủ tư học tập, kiếp tài càng lại như thế.

Văn lý khác nhau:

Nói chung, kim thủy chủ lý, mộc hỏa chủ văn. Tỉ mỉ phân: Canh, Thân, Tuất, Hợi là toán học; Thân Tý Thìn kết hợp chủ hóa học; Thân Dậu kim gia tăng Sửu chủ pháp luật; Dần Mão phối hỏa chủ tiếng Trung; thực thần là tiếng Trung hoặc ngoại ngữ; quan sát chủ lý khoa.

Ví dụ càn:

Đinh Nhâm Giáp Kỷ
Mùi Tý Tuất Tỵ

Thực thần chủ đầu óc, ấn chủ bằng cấp, thực thần khố chế ấn tố công, chắc chắn bằng cấp. Trung học học tập tốt, khảo nhập đại học danh tiếng; Tuất chủ toán học, bị chế chi thủy chủ lý, nên là lý khoa.

Càn tạo:

Canh Quý Giáp Kỷ
Tuất Mùi Dần Tỵ

Lấy ấn tinh cùng sát tinh xem bằng cấp; tử mộc, hỉ ấn hư, ấn tinh hư thấu bằng cấp cao. Sát tinh này kỵ, nhưng bất thiếp thân, hư thấu vậy là cát. Ất Dậu vận học tập tốt, Canh Ngọ năm hợp sát, khảo lấy đại học danh tiếng.

Càn:

Nhâm Nhâm Bính Đinh
Tý Tý Tuất Dậu

Mệnh này thất sát tinh là bằng cấp tinh, bản quá nặng với lại khắc thân, hỉ Đinh Nhâm hợp, hợp sát có công. Tuất thổ thực thần cùng Đinh hỏa một tượng, Tuất cũng có công. Hành vận Giáp Dần, hóa sát sinh thân, khảo đại bản.

Càn tạo:

Giáp Giáp Tân Giáp
Dần Tuất Hợi Ngọ

Bát tự này công chủ yếu là sát tinh thành cục, hợp chế thương quan. Thương quan chủ đầu óc, trí lực, hợp sát và hữu dụng, nên có thể thành tài. Học tới tiến sĩ học vị. Có thể có như thế cao bằng cấp, nguyên nhân tố công trọng đại, mà thành tựu bất phàm.

Càn tạo:

Bính Ất Giáp Đinh

Tý Mùi Dần Mão

Bát tự này thương quan thấu can không có chế, bát tự hỉ ấn, nhưng ấn bị tài phá. Tỷ kiếp vượng chứng tỏ không có văn hóa. Nên chưa tốt nghiệp tiểu học.

Càn tạo:

Nhâm Bính Nhâm Đinh
Tý Ngọ Thìn Mùi

Bát tự này như thế nào xem bằng cấp? Hiển nhiên, tài tinh cùng tỷ kiếp cũng không phải bằng cấp chi tinh, sát tinh tọa chi cũng không phối ấn tinh, hợp thành tỷ kiếp cục, cho nên học tập bất hảo, tốt nghiệp trung học, rất sớm coi như quân đội rồi.

Càn tạo:

Nhâm Bính Nhâm Kỷ
Tý Ngọ Thìn Dậu

Bát tự này canh giờ là giờ Dậu, sát tinh cùng ấn tinh tương phối rồi, mà thấu can quan tinh mang ấn, vậy chứng tỏ bằng cấp. Cho nên bằng cấp giác cao, thạc sĩ tốt nghiệp, đương kỹ thuật.

Khôn:

Đinh Đinh Bính Quý
Mão Mùi Tuất Tỵ

Mệnh này năm tháng tỷ kiếp là không thích học tập dấu hiệu. Nữ hài tử tượng nam hài tính cách, như là nam hài, nhất định là đánh nhau ẩu đả. Phán quyết nữ tử này là một đương quân đội mệnh. Thực tế nguyên nhân không có khảo trên đứng đắn đại học, trên rồi không được thừa nhận bằng cấp quân giáo.

Khôn:

Ất Quý Nhâm Đinh
Sửu Mùi Thân Mùi

Xem ấn tinh tố công tình huống, ấn không thể nào tố công. Lại nhìn quan tinh, Đinh Nhâm hợp, hợp dụng tài tinh, quan tinh Mùi thổ có một chút công. Thiếu niên hành vận không được quan vận, cho nên bằng cấp không cao. Y tá trường học tốt nghiệp.

Khôn tạo:

Quý Giáp Bính Mậu
Hợi Tý Thân Tý

Quan sát tinh sát, nhưng có thiên ấn Giáp hóa quan sát, lại có thực thần Mậu hợp quan. Quan sát có chế hóa. Nhâm Ngọ năm đỗ đại học.

Càn:

Tân Nhâm Ất Đinh
Hợi Thìn Dậu Hợi

Bát tự này có hảo vài công: Đinh Nhâm hợp, ấn chế thực thần chủ có văn hóa. Và Hợi nhập Thìn mộ, Thìn là ấn mộ là học thuật cơ cấu ý tứ, mà ngồi chi Dậu đến hợp Thìn, sát tinh cũng có rồi công. Mệnh nên là một học giả. Thực tế là một tiến sĩ.

Càn: toán học giảng dạy

Nhâm Tân Canh Đinh
Ngọ Hợi Thìn Hợi

Mệnh này có hai công, thực thần cùng quan tinh tương hợp, quan tinh bị chế, thực thần có công; thứ hai thực thần nhập Thìn mộ, ấn có công. Không chỉ có là bằng cấp cao mà thôi, hơn nữa đem toán học chuyên gia. Nguyên nhân Hợi là toán học.

Khôn tạo:

Canh Ất Giáp Đinh
Ngọ Dậu Ngọ Mão

Cô gái này hoàn trên trung học, xem học tập thế nào? Dương nhận chủ

không thích học tập, nhưng là Ất Canh hợp, hợp sát có công, ngược lại bàn về cát. Thương quan chủ thông minh, chế cục trong quan tinh, vậy là có công, nên học tập không tệ, mộc hỏa chủ văn, văn phương diện nhất định nổi bật, hoàn đem văn nghệ biểu diễn. Ất Dậu năm phát huy tốt lắm, khảo nhập trọng điểm trung học. Tương lai nhất định có thể đỗ đại học. Bây giờ học tập ưu chờ. Ta phán quyết tương lai tiến hành luật sư tốt nhất.

Càn:

Đinh Bính Canh Nhâm
Mùi Ngọ Tuất Ngọ

Mệnh này hỏa cùng táo thổ thành thế, thực thần bị chế sạch sẽ, có công, thực thần chủ tư tưởng, quan sát chủ công danh, nên học tập nhất định tốt lắm. Mặc kệ ở đâu nhất giai đoạn, học tập đều là lớp trong đệ nhất. Cuối cùng đến thạc sĩ toán học. Canh kim hỉ hỏa luyện, nhất định hứa thành tài.

Càn:

Ất Mậu Đinh Giáp
Mão Dần Dậu Thìn

Tiến sĩ

Đinh hỏa nhật chủ chủ văn minh, hỉ vượng không thích nhược. Giáp mộc cao thấu dẫn Đinh, tài hoa nhất định xuất chúng. Thương quan phối ấn, ấn chế thương quan có công, cuối cùng đến tiến sĩ học vị.

Tiến sĩ:Càn:

Quý Đinh Đinh Bính
Mão Tỵ Tỵ Ngọ

Đinh hỏa hỉ vượng, tiết cục Quý Mão. Mão là ấn là học vấn, tiết càng nhiều học vấn càng cao. Tiến sĩ. Có 1cổ nhân năm tháng nhật cùng mệnh này giống nhau, sinh vào Ất giờ Tỵ, là hàn Lâm viện biên tu.

Khôn tạo:

Đinh Đinh Giáp Tân
Tỵ Mùi Ngọ Mùi

Mệnh này thương quan rất vượng, thương quan rất vượng, không có ấn chế phục, người rất thông minh, nhưng là bằng cấp sẽ không rất cao.

Càn tạo:

Canh Kỷ Mậu Giáp
Tuất Sửu Ngọ Dần

Khoa chính quy . Sát tinh phối ấn tổ hợp, ấn tinh với lại vượng có thể chế thương quan, cho nên có bằng cấp.

Càn tạo:

Tân Canh Giáp Quý
Mùi Tý Tý Dậu

Quan sát tinh phối ấn tổ hợp, không thích tài đến phá ấn, hành Kỷ Hợi vận thì học tập đặc biệt hảo, Mậu Tuất vận Mậu vận bất học tập, rời nhà bỏ đi.

Như khác nhất càn tạo:

Giáp Quý Giáp Quý
Tý Dậu Tý Dậu

Chính quan phối ấn, từng đoạt giải của tỉnh, đi học đại học danh tiếng.

Tù ngục chuyên tập

Nhất, tù ngục tai ương cái nhìn

1, trong bát tự đại biểu tù ngục chữ: Hợi thủy, Sửu thổ, Thìn thổ, là mười hai Địa Chi trong âm Địa Chi, có tù ngục tượng. Nếu như trong bát tự có dương tính chất hữu dụng gì đó, bị cái này phá hủy, có thể sẽ có tù ngục. Như là dương chế âm bất là tù ngục.

2, thủy nhiều kim trầm là tù ngục.

3, kiêu thần đoạt thực là tù ngục, thực thương là trong bát tự trọng công chi thần, như bị kiêu thần khắc đoạt, là mất đi tự do, ngồi tù.

4, kiếp tài, thương quan tổ hợp, chủ kết bè kết đảng trái phép , cùng quan sát đối kháng nhất định là tù ngục.

5, phàm xuất hiện phản cục tình huống, có Thìn, Sửu chữ tại cục trong, đa số ứng tù ngục.

Hai, phạm tội đặc thù:

Thương quan cùng quan sát bất hòa là tù ngục, chứng tỏ nhật chủ cùng pháp luật tương xung đột. Thực bị thương vượng tự cho là đúng, mất đi bản thân ràng buộc năng lực, nhưng phải là quan xuất hiện chi năm và sinh ra tù ngục tai ương. Làm quan tinh không hiện ra thì, sẽ không ý thức được quan lợi hại, chỉ có quan tinh xuất hiện thì, mới ý thức được phạm vào quan.

Tam, ra ngục cái nhìn:

Đương nhật chủ đắc lộc chi năm hoặc nhật chủ hợp xuất, xung xuất nhật chủ chi năm ra ngục; như tù ngục là khố, xung, hại phá hủy khố là ra ngục (xung hại).

Càn tạo:

Giáp Đinh Ất Canh
Dần Mão Sửu Thìn

Hành Kỷ Tỵ chi Tỵ vận, Nhâm Thân năm nguyên nhân cướp bóc bị kết án năm năm. Tỷ kiếp thương quan sợ gặp quan.

Khôn tạo:

Kỷ Giáp Giáp Ất
Dậu Tuất Thân Dậu

Đinh Sửu vận Đinh vận, ngồi tù năm năm. Này vậy tỷ kiếp thương quan, sợ gặp quan tinh cùng thương quan tinh đối kháng, nguyên cục quan sát tinh vượng, hình không được đối kháng, đến Đinh vận Tuất đến, đối kháng hình thành mà ngồi tù.

Càn tạo:

Ất Mậu Bính Nhâm
Mão Dần Tuất Thìn

Mệnh này là chế sát tổ hợp, nguyên cục nhìn không thấy tới tù ngục, nhưng hành tới Hợi vận, sát hợp đến Dần, là là phản cục. Xung chế không thích hợp, hợp thì là phản. Hợi là tù ngục tượng.

Hợi vận Tân Tỵ năm nguyên nhân tiền tài bỏ tù hình phạt năm năm. Tân Tỵ năm Bính Tân hợp, thì Tỵ hỏa là lộc thấy Hợi, bỏ tù chi tượng. Người này Tuất vận ra ngục, Bính Tuất năm ra.

Càn tạo:

Giáp Đinh Bính Kỷ
Thìn Sửu Dần Hợi

Mệnh này tọa Dần ấn bị Thìn Sửu thổ tối chế (tối Bính hỏa trong Dần), Dần Hợi hợp diệt Bính hỏa trong Dần, Tân Tỵ vận Tỵ vận, Tỵ hỏa là lộc, xuất hiện bị Thìn Sửu tối, bị Hợi xung, với lại hại Dần ấn, người này là kẻ sát nhân, bị kết án tử hình. Quý Dậu năm bị bắt, Quý thủy thất sát là kỵ, tọa ấn thấu can.

Càn tạo:

Mậu Nhâm Kỷ Mậu
Thân Tuất Tỵ Thìn

Mệnh này Tỵ hỏa ấn tinh bị Thìn thổ tối chế, Tuất xung Thìn chế bất tịnh, ngược lại là bị cục trong thấp thổ phá rớt. Tẩu Quý Tỵ đại vận thì, Tỵ hỏa đến bị Thìn tối với lại nhập Tuất mộ, người này là kẻ sát nhân.

Càn tạo:

Kỷ Nhâm Kỷ Ất
Tỵ Thân Mùi Sửu

Mệnh này tọa chi Mùi thổ xung Sửu thổ ý tại chế tài, nhưng Tỵ Thân hợp, thành chế ấn chi nghĩa, thành phản cục (xung hợp phản cục), chủ vị gặp xung khách vị hợp kết cấu là là phản cục, đại bộ phận phản cục kết cấu cũng chủ tù ngục chi tượng, hơn nữa Sửu thổ vậy là tù ngục tượng.

Càn tạo:

Mậu Bính Nhâm Mậu
Tuất Thìn Thân Thân

Mệnh này Thân Thìn củng thủy cục, kim thủy thành khí, hỉ Bính hỏa tài tinh hư thấu, Bính hỏa là tài hoa trí tuệ, không thích trên năm Mậu Tuất thất sát tinh quá nặng, với lại trên năm Mậu thổ không có chế hóa phản là hung. Thất sát không có chế chính là một loại phạm tội kết cấu, với lại tọa tài khố, có tù ngục tai ương tượng trưng. Nguyệt Lệnh Thìn thổ là kiếp tài khố, xung tài khố là một loại thông qua kiếp tài phương thức lấy tài và phạm tội. Người này làvăn phòng chủ nhiệm, nguyên nhân ăn hối lộ 42 vạn tệ vào Quý Mùi năm bỏ tù kết án 9 năm. Người này tẩu Tân Dậu đại vận cùng Bính Thìn nguyệt làm thiên địa hợp, Thiên Can tài hợp ấn, Địa Chi ấn hợp sát bế rồi kiếp tài khố, với lại Dậu Tuất hại ngã Tuất mộ là bỏ tù tin tức. Quý Mùi năm Mậu Quý nhất hợp, thất sát hợp kiếp là ứng kỳ.

Kẻ cắp: kiếp tài là tay, quan là đạo tặc, kiếp tài cùng quan tại chủ vị tổ hợp thì là kẻ cắp.

Càn tạo:

Tân Bính Kỷ Giáp
Hợi Thân Sửu Tuất

Mệnh này vốn kim thủy thành khí thế, Sửu thổ là tài khố tại tọa hình phạt ấn khố, tài khố hỉ hình phạt xung, vốn là có tài, nhưng không thích trên giờ Giáp mộc chính quan hợp thân, nhật chủ suy nghĩ cầu quan, dụng kiếp tài lấy tài, thành kẻ cắp, có phản cục ý. Thiên Can suy nghĩ cầu quan, Địa Chi suy nghĩ cầu tài, có phản cục ý.

Càn tạo:

Nhâm Quý Tân Canh
Dần Sửu Mùi Dần

Quyết: tỷ kiếp vốn là vô tri vật, nhất ngộ thương quan tất phải về (ý tứ là tỷ kiếp thấy thương quan khử sinh thương quan, có thương quan tâm tính). Mệnh này hành Bính Thìn vận Quý Hợi năm bỏ tù, nguyên nhân Bính quan hợp thân, thương quan thực thần cũng vào Thìn mộ. Thìn Sửu nhất đảng, tù tượng, phá hủy trong bát tự dương tính chất, cho nên yếu bỏ tù.

Vốn thương thực ứng khử sinh tài, nhưng Dần tài vào Mùi khố, Sửu Mùi xung khai tài khố, phát tài mệnh, nhưng Thìn vận tới, thực thương cũng nhập mộ, nguyên nhân thực thương vậy chứng tỏ tự do, nhập mộ là mất đi tự do, không thể cùng bên ngoài liên lạc. Thực thương là tư tưởng, ý thức, biểu đạt, hư thấu là nói hưu nói vượn bất giảng nói thật, hỗn tạp hiện lộ ra, đều là lừa gạt người khác, là tên lừa gạt kết cấu. Bỏ tù 10 năm, đến Quý Dậu năm Thìn Dậu hợp, bế rồi Thìn khố, người này ra ngục. Người này 32 tuổi đến 42 tuổi tẩu Đinh Tỵ đại vận, nguyên cục thương thực sợ thấy thất sát với lại tẩu sát vận, mặc dù Đinh Nhâm hợp nhưng hợp không được, Dần Tỵ tương hại hại tài, thực thương không thể sinh tài, cho nên người này tù ngục kiện tụng không ngừng.

Càn tạo:

Mậu Bính Giáp Bính
Thân Thìn Dần Dần

Bính hỏa là văn hóa tại Thiên Can, nhưng Địa Chi Dần mộc lộc tinh xung chế trên năm Thân kim thất sát, thất sát lại có nguyên thần, lộc cùng thất sát đối kháng là một loại phạm tội kết cấu. Bính hỏa là thực thần, người này có vượt xa người thường trí nhớ lực, tẩu Kỷ Mùi vận đặc biệt lợi hại. Thất sát có chế, nguyên nhân Mùi Thân hại thất sát, nhật chủ hợp tài được tài, làm quan nhược chế không được nó. Canh Thân vận thất sát đến, bị bắt tử hình. Người này là Thái Nguyên xã hội đen lão đại.

Càn tạo:

Nhâm Kỷ Quý Tân

Thân Dậu Tỵ Dậu

Tỵ hỏa là tài tại tọa, là tài của mình, Quý Tỵ tự hợp, Tỵ Thân nhất hợp, Thân kim đổi lại tượng trở thành tài, Tân kim Dậu kim vậy biến thành tài. Hắn đem tiền cho người khác mục đích là nhận càng nhiều tiền trở về, nguyên nhân Tỵ Dậu hợp củng cục với lại hợp rồi trở về. Người này là tài chính cơ cấu một đại lừa gạt. Giáp Dần vận Dần vận bỏ tù, phá hủy cục trong Tỵ Thân hợp.

Càn tạo:

Giáp Mậu Mậu Quý
Dần Thìn Tý Sửu

Thân nhược tài trọng với lại hợp rồi tài, cả đời nghèo mệnh. Trên năm thất sát không có chế hóa, tỷ kiếp một mảnh là tỷ kiếp kháng sát, chủ đối kháng pháp luật, là một loại phạm tội tổ hợp. Tẩu Kỷ Tỵ vận Tỵ vận phạm tội, nguyên nhân Tỵ hỏa là lộc hại Dần sát, chủ trái phép tin tức, Mậu Thìn năm phạm tội, nguyên nhân Thìn thổ tối rồi Tỵ hỏa lộc, Canh Ngọ năm ngồi tù, Ngọ hỏa là ấn bị Thìn Sửu tối, Tý xung Ngọ vậy là mất đi tự do. Kết án 20 năm, Tân vận đi ra.

Càn tạo:

Ất Ất Canh Bính
Dậu Dậu Dần Tuất

Mệnh này dương nhận Dậu kim hại Tuất thổ sát khố, Tuất là hỏa khố, thương khố, tẩu Kỷ Mão vận Kỷ Mão năm, nguyên nhân giết người bị xử bắn. Người này sát 20 người.

Càn tạo:

Giáp Quý Giáp Nhâm
Dần Dậu Tý Thân

Giáp mộc vô căn sợ thấy căn, không có Giáp Dần thì tốt rồi. Thấy căn sợ phá căn, không gặp sẽ không sự tình rồi. Mệnh này nếu như không có trên nguyệt Quý thủy, Dần mộc không làm Giáp Mộc Chi căn xem, bởi vì Quý thủy sinh trên năm Giáp mộc, cái này Giáp mộc thông căn Dần mộc,

Quý thủy với lại sinh nhật chủ, như vậy liên thông, Dần mộc nhân tiện khả coi như là nhật chủ chi căn rồi. Tỷ kiên kháng sát, xung Dần lộc, xung phá hủy căn tử rồi. Vì sao không phải bệnh tử mà là phạm tội bị bắt tử, bởi vì tỷ kiên kháng sát là phạm tội tượng. Xung sợ hợp, Hợi nguyệt tử. Thất sát dương nhận là thương, kim vậy là thương, xung lộc, tại trên năm là nhà nước thương, chết rồi. Như trụ năm không có Dần, không có khả năng như vậy hung tử, nguyên cục thủy mộc liên hoàn tương sinh, Thiên Can thủy sinh mộc, Địa Chi có thủy sinh, Giáp phục ngâm đến năm, căn bị phá. Người này năm 2004 Giáp Thân năm xử bắn (giết người).

Càn tạo:

Ất Kỷ Giáp Tân
Dậu Mão Tuất Mùi

Nhất tuổi vận:

Mậu Đinh Bính Ất
Dần Sửu Tý Hợi

Mệnh này Đinh Sửu đại vận, Quý Mão lưu niên, 19 tuổi, người này nguyên nhân cưỡng gian tội ngồi tù mười bảy năm.

Giáp nhật chủ tọa Tuất, thương quan chi khố cùng chi năm Dậu kim quan tinh tương hại, kiếp tài thương quan hại quan, phạm tội tổ hợp, vì sao sự tình phạm tội? Giáp Kỷ hợp tài, tài đối với nam nhân đến nói là phụ nữ, thương quan vậy đại biểu phóng túng, Đinh hỏa trong Tuất tại vận trong xuất hiện hư thấu là ứng kỳ, Dậu quan tại nguyên cục trong nhược, hình không được đối kháng lực lượng, hành Sửu vận, Sửu thổ trợ giúp khởi Dậu quan, có thể hình thành đối kháng, nên tù ngục.

Càn tạo:

Bính Tân Bính Quý
Thân Sửu Thân Tỵ

Đại vận:
Bính
Ngọ

Mệnh này lộc đầu quan, làm quan mệnh, nhật chủ Bính thấy Tỵ là lộc, Mậu thổ trong Tỵ khắc hợp Quý thủy quan tinh, được quan chi tượng, trên nguyệt tài, là mọi người chi tài, vậy có thể nói là quốc gia chi tài, nhật chủ Bính hợp nguyệt can Tân kim tài, là chính mình sở dụng, Tỵ là Bính nguyên thân, Tỵ Thân hợp, nên Bính ý tượng khử hợp tài, Ất Tỵ vận thăng phó huyện trưởng, tham tài trên trăm vạn, Bính Ngọ đại vận, Giáp Thân lưu niên hình phạt.

Vì sao có thể tù ngục? Sửu Thân là âm, Tỵ là dương, Sửu có tù tượng. Nguyên cục hợp, đại vận Bính Ngọ vận chi Ngọ vận, Sửu Ngọ hại, phản cục. Cho nên hội tù ngục.

Khôn tạo:

Tân Kỷ Kỷ Mậu
Mão Hợi Tỵ Thìn

Bốn tuổi vận:

Canh Tân Nhâm Quý Giáp
Tý Sửu Dần Mão Thìn

Nữ tử này tẩu Giáp Thìn đại vận lừa gạt 300 vạn, Quý Mùi năm 5 nguyệt tạm giam, Giáp Thân năm hình phạt 20 năm.

Nguyên cục có Hợi Thìn tù ngục tinh, Tỵ hỏa dương bị âm tối. Duy Mão có thể sinh Tỵ, sợ Thìn vận, Thìn hại ngã Mão không thể sinh Tỵ, nên tù tai. Ứng Quý Mùi năm, Quý đến Thìn đến.

Càn tạo:

Mậu Kỷ Quý Kỷ
Thân Mùi Tỵ Mùi

Là Thượng Hải nhà cái, một tỷ tư sản. Hành Quý Hợi vận Ất Dậu năm tù tai. Song sát kẹp khắc thân, là có quan tai chi tượng. Quý chính mình đến, Ất năm Mùi đến là ứng kỳ.

Càn tạo:

Ất Kỷ Nhâm Tân
Tỵ Sửu Thìn Sửu

Thìn Sửu có tù tượng, dương bị âm tối. Tuất vận phát tài bốn trăm triệu, Ất Dậu vận chi Ất vận, năm thứ nhất bị bắt, kết án mười năm. Ất vận biểu Thìn đến, Tân khắc khử Ất, tư sản toàn bộ không.

Càn:

Bính Tân Mậu Mậu
Ngọ Sửu Tuất Ngọ

Quý Mùi năm ngồi tù một năm. Nguyên cục Tuất hình phạt Sửu, chế rất khá, không thích Mùi đến phá rối, phá hủy nguyên cục ý tứ. Là một loại phản cục. Mệnh này là khống chế mười tỷ tổng.

Đồng dạng ví dụ, càn:

Canh Kỷ Bính Nhâm
Tuất Sửu Thìn Thìn

Tạo bây giờ có hai tỷ tư sản, có nhà máy điện cùng núi quặng . Quý Mùi năm tam hình, phá rối, ngồi tù một năm.

Càn tạo:
Mậu Giáp Tân Quý
Thân Dần Mão Tỵ

Mệnh này nguyên cục hiệu suất rất cao, chế khử Thân kim. Nhưng kỵ hành Thìn vận, Bính Thìn chi Thìn vận năm năm, ngồi tù. Thìn là tù tượng, vận này trong phản cục.

Càn tạo:

Bính Tân Kỷ Tân
Ngọ Sửu Mão Mùi

Mệnh này sát khố chế thực thần khố, là một đương đại quan mệnh. Nguyên cục chế được hiệu suất rất cao, nhưng không thích hành Giáp Thìn đại vận, mười năm tù tai. Thìn Sửu là tù ngục tượng, phản cục.

*Chào toàn thể mọi thành viên diễn đàn, vậy là tôi đã post xong Manh phái mệnh lý sơ, trung, cao cấp. Hi vọng mọi người tìm được cho bản thân mình những kiến thức hữu ích! Hôm nay tôi mạo muội post thêm cuốn "**Lục thân cao cấp**", đây là tài liệu tác giả Đoàn Kiến Nghiệp dùng để giảng dạy cho học viên, theo đánh giá của tôi thì cuốn này nội dung khúc triết và có tính thực dụng rất cao, rất bổ ích cho mọi người.*
Chúc mọi người thăng tiến trong học thuật!

LỤC THÂN CAO CẤP DIỆN THỤ

Mục Lục

Chương 1 hôn nhân chuyên tập... ...
Khái niệm... ...
Cung vị chi tượng... ...
Xem hôn nhân yếu điểm... ...
Lễ 1:
1, Kết hôn ứng kỳ... . . . .
Ứng kỳ can chi đối ứng... . . .
2, Luyến ái, ở chung... . . .
Lễ 2: Nhiều kết hôn tổ hợp... . . .
1, Nam mệnh nhiều kết hôn tổ hợp... . . .
2, Nữ mệnh nhiều kết hôn tổ hợp... . . .
Lễ 3: Ngoại tình (đào hoa) cái nhìn... . . . .
1, Nam mệnh ngoại tình (đào hoa) cái nhìn... . . .
2, Nữ mệnh ngoại tình (đào hoa) cái nhìn... . . .
Lễ 4: Bao cục hôn nhân phán đoán... . . .
Bao cục hôn nhân: ... ...
Lễ 5: Phối ngẫu tình huống phán đoán... . . .
Phụ mẫu phản đối hôn nhân... . . .
Cho ở rể... ...
Lễ 6: Thương khắc phối ngẫu phán đoán... . . .
Thương khắc chồng mệnh (quan tài môn)... . . .
Thương khắc vợ mệnh (thê tinh bị khắc mộ lưỡng thương)... . . .
Lễ 7: Độc thân tổ hợp... . . .
Độc thân mệnh lý (chủ vị chiếm ấn kiếp)... . . .
Lễ 8: Dâm loạn mệnh... ...
Bán thân nữ mệnh... ...
Bán thân nam mệnh... ...
Lễ 9: Hôn nhân kém tổ hợp... . . .

Lễ 10: Hảo hôn nhân tổ hợp... . . .
Chương II: Phụ mẫu... ...
Lễ 1 Phụ mẫu tử vong... . . .
Lễ 2 Phụ mẫu ly dị... . . .
Lễ 3: Phụ mẫu ba mẹ qua đời... . . .

Chương 1 Hôn nhân chuyên tập

Khái niệm

● phối ngẫu cung: nhật chủ tọa chi là phối ngẫu cung

● phối ngẫu phó cung: là chữ cùng phối ngẫu cung có ngũ hành giống nhau xuất hiễn chỗ khác. Như Hợi là cung, thấy Giáp thấu, Giáp vậy là phó cung; Sửu là cung, thấy Tân thấu vậy là phó cung, thấy Dậu vậy là phó cung.

● phối ngẫu tinh: nam nữ bất đồng: nam: tài tinh cùng thương thực tinh là phối ngẫu tinh; nữ: quan tinh cùng tài tinh là phối ngẫu tinh.

● phụ nữ : lộc khả coi là thân thể.

● thương quan thực thần rơi vào trên giờ, khả coi như cơ quan sinh dục; "Sửu" rơi vào trên giờ rất ứng.

Tuất là chi dương trong âm khả chứng tỏ hộp đêm hoặc là tính chất dục vọng.

● tài quan lâm mộ: chỉ Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Mậu Thìn, Mậu Tuất tứ trụ. Manh sư giảng, tài quan lâm mộ hỉ hình phạt xung mới có tài phú cùng hôn nhân, bất hình phạt xung phản chủ bất cát. Ngoài ra, tượng Kỷ Sửu cùng Kỷ Mùi, như thấy Thìn mộ thì hôn nhân vậy cát.

● quan tài môn: Tỷ kiếp phá tài tình huống chứng tỏ ly hôn ứng kỳ.

● tài chủ quan hệ sớm. Không phân biệt nam nữ, tài tinh xuất hiện tại năm tháng quan hệ nhất định sớm, sẽ phân tâm mà học hành không tốt.

Cung vị chi tượng

● năm chủ phương xa, phối ngẫu tinh lâm vào năm, dễ dàng tìm đối tượng ở phương xa, tuổi có thể lớn.

● nguyệt là quê hương, tổ tịch, khả chứng tỏ cùng học, đồng sự, đồng hương. Nguyệt Lệnh là phụ mẫu cung, nữ mệnh chủ nhà chồng, nam mệnh chủ nhà trước kết hôn.

● nhật chi là phối ngẫu cung.

● Giờ là môn hộ, phối ngẫu tinh lâm trên đó thì không phải bề trên giới thiệu, là tự do luyến ái.Vậy chủ tuổi tác nhỏ hoặc xuất hiện thời gian muộn. Thì cùng Nguyệt Lệnh hợp chủ bề trên giới thiệu.

Xem hôn nhân yếu điểm

● phàm phối ngẫu cung cùng phối ngẫu tinh phát sinh liên quan, cũng chứng tỏ hôn nhân hoặc quan hệ nam nữ, bao gồm vài loại sau đây:

● nhất, hình thành Thiên Can trên Địa Chi hoặc Địa Chi mang Thiên Can, cũng là hôn nhân hoặc quan hệ nam nữ. Can chi liên thượng.

● hai, phối ngẫu cung cùng phối ngẫu tinh tương sinh, tương hợp, củng hợp, đều là liên quan.

● tam, phối ngẫu cung cùng phối ngẫu tinh tương xung, cũng là một loại liên quan.

● bốn, phối ngẫu cung cùng phối ngẫu tinh phát sinh tương hại, tương hình, tương phá cũng chứng tỏ hôn nhân gặp phải vấn đề.

● năm, trừ phối ngẫu cung liên quan tính chất ra, nam mệnh Thiên Can hợp tài, nữ mệnh Thiên Can hợp quan, đều là một loại hôn nhân tin tức. Nhưng loại quan hệ này chưa chắc nhất định phải đi hướng hôn nhân.

● lục, phối ngẫu tinh thấy mộ khố hỉ hình phạt xung, có hình phạt xung thì không là nhiều kết hôn.

Lễ 1: 1, Kết hôn ứng kỳ

●1, Định nghĩa kết hôn: Thời nay mà nói, có thể coi 2 người sống chung

với nhau hơn nửa năm thì coi là kết hôn.

●2, Kết hôn ứng kỳ thông thường lấy tam hợp, lục hợp, Thiên Can ngũ hợp, đem phu thê tinh cùng phu thê cung tương hợp là ứng kỳ. Như nguyên cục hợp, thì tương xung dẫn động là ứng kỳ. Có khi lấy nguyên cục có phối ngẫu tinh hoặc cung xuất hiện, dẫn hợp là ứng kỳ.

●3, Có phối ngẫu tinh nguyên cục nhiều, thì thương khắc phối ngẫu tinh thời gian là ứng kỳ.

●4, Phối ngẫu tinh cung nguyên nhân thái tuế xuất hiện cung ngồi trên tinh, hoặc tinh ngồi trên cung, cũng là kết hôn ứng kỳ.

Ứng kỳ can chi đối ứng

● Giáp —— Hợi, Dần

● Ất —— Mão, Mùi, Thìn

● Bính —— Dần, Tỵ

● Đinh —— Ngọ, Tuất, Mùi

● Mậu —— Tỵ, Tuất, Thìn

● Kỷ —— Ngọ, Mùi, Sửu

● Canh —— Thân

● Tân —— Dậu, Sửu

● Nhâm —— Hợi, Thân

● Quý —— Tý, Thìn, Sửu

Địa Chi dẫn động ứng kỳ

● Lưu niên xung hợp có thể dẫn động chữ trong bát tự:như lưu niên Tỵ, khả hợp động Thân, vậy có thể xung động Hợi.

● Thông qua hợp cục, cùng mộ khí đúng hạn, còn có thể dẫn động mộ khố. Thân, Dậu khả dẫn động Sửu; Hợi, Tý khả dẫn động Thìn; Dần, Mão khả dẫn động Mùi; Tỵ Ngọ khả dẫn động Tuất.Trái lại: Sửu có thể đại biểu Thân, Dậu; Thìn có thể đại biểu Hợi, Tý; Mùi có thể đại biểu Dần, Mão; Tuất khả đại biểu Tỵ, Ngọ.

Kết hôn ứng kỳ

Ví dụ 1:

● Khôn tạo:

Ất Đinh Tân Canh
Mão Hợi Mùi Dần

06 Bính 16 Ất 26 Giáp
Tuất Dậu Thân

Mùi là cung, Dần là chồng, Đinh là đào hoa. Dần nhập vào phu cung chi Mùi mộ. Nguyên cục trong Đinh hỏa hư thấu chủ bạn trai trước hôn nhân, không lấy chồng xem. Dậu vận tuyệt Dần, và lộc vận chủ bản thân người đó. Qua Dậu vận Giáp vận kết hôn. Nhâm Ngọ năm dẫn Dần mộc hợp đến phu thê cung Mùi, cho nên kết hôn. Nguyên cục Dần trên thấu Canh, chồng có ngoại tình (hoặc đã ly dị).

● Lá số người chồng:

Nhâm Quý Nhâm Đinh
Tý Mão Tuất Mùi

01 Giáp 11 Ất 21 Bính 31 Đinh
Thìn Tỵ Ngọ Mùi

Nguyên cục thê cung Tuất trong ngậm Đinh, Tuất là vợ. Mùi hình phạt Tuất, có phá Tuất ý. Nhâm Ngọ năm hợp Mùi bất hình phạt Tuất, có thể kết hôn. Mão Tuất hợp, Mão là ngoại tình, Đinh Nhâm hợp, Đinh vậy là ngoại tình.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 2

● Khôn tạo:

Canh Ất Quý Canh
Tuất Dậu Tỵ Thân

01 Giáp 11 Quý 21 Nhâm 31 Tân
Thân Mùi Ngọ Tỵ

Phu tinh tọa chính cung kỵ hợp, nhất định ly hôn, nguyên nhân Thân trong có Nhâm kiếp. Nguyên cục trong quan tinh Tỵ hỏa tại phu thê cung, đương chồng xem. Nhập vào Tuất mộ, gặp xung xuất là kết hôn ứng kỳ. Tỵ Thân hợp, hợp đến người khác vậy ứng xung. Nên Ất Hợi năm 26 tuổi kết hôn. Nguyên cục phu tinh hợp là ly hôn chi tượng, không quá mấy năm, Tỵ vận nhân tiện ly hôn rồi.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 3

● Khôn tạo:

Quý Bính Giáp Mậu
Mão Thìn Thân Thìn

08 Đinh 18 Mậu 28 Kỷ 38 Canh 48 Tân 58 Nhâm
Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Nguyên cục Thân là chồng, ngồi trên phu vị, được tài tinh sinh vượng, dẫn động nhân tiện khả kết hôn. Dần xung có thể dẫn động, Tỵ hợp có thể dẫn động. Bính Dần năm mặc dù có thể xung, nhưng Dần có thể sinh vượng đại vận thương quan, phản khắc quan tinh. Nên khả phán quyết Kỷ Tỵ năm kết hôn. Tỵ Thân tương hợp, hợp động Thân kim nên. Này hôn nhân không có vấn đề.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 4

● Khôn tạo:

Nhâm Canh Bính Tân
Dần Tuất Ngọ Mão

08 Kỷ 18 Mậu 28 Đinh 38 Bính 48 Ất.
Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ

Mệnh này lấy Nhâm Dần vi phu, củng đến chủ vị. Trên dưới tương sinh mang tượng, bất chủ khắc phu. Bàn về kết hôn lưu niên, Nhâm tại trên năm, được Canh sinh, đương tại Thân vận kết hôn. Bính Dần lưu niên, xung khởi Thân kim, dẫn thông phu cung Ngọ hỏa, Thân đại biểu Nhâm phu, kết hôn.Ví dụ này cần làm sang tỏ mấy vấn đề sau:

Nhâm rơi vào Dần trong có tỷ kiên, với lại Ngọ bị Tuất hợp, là hôn nhân có chuyện? Nguyên cục Dần Ngọ Tuất trung thần tại chủ vị, Dần cùng Tuất cũng chẳng khác nào là của mình rồi, Bính nhật chủ đại biểu Dần, chồng không có vấn đề.

Mão Ngọ phá khả có chuyện? Nguyên nhân Ngọ hỏa đặc biệt vượng phá bất động, hôn nhân không có vấn đề. Nhưng nếu nguyên cục trong có Mão Ngọ kề sát tương phá nên tai hoạ ngầm tồn tại, tại hôn nhân trên không có vấn đề, tại phương diện khác khẳng định có vấn đề, nguyên nhân Ngọ cường Mão nhược, Mão phá không được Ngọ, Ngọ ngược lại đem Mão phá, như vậy Mão bị phá lại bị Tân khắc, không còn chỗ ẩn thân, Mão trên yếu phát sinh vấn đề, Mão là gan ruột gan, Tân Mão giải phẩu, ứng tại thân thể trên, đã từng mổ chữa sỏi mật.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 5

● Càn tạo:

Giáp Đinh Bính Kỷ
Thìn Sửu Dần Hợi

08 Mậu 18 Kỷ 28 Canh 38 Tân
Dần Mão Thìn Tỵ

Thê cung Dần thấu là Giáp, rơi Thìn lấy Thìn là vợ. Giáp Tý lưu niên, Giáp đại biểu thê cung, can thấu là phó cung, Tý đại biểu Thìn thê tinh, này một cung tinh đồng thời dẫn động, kết hôn. Năm này 2 1 tuổi. Thê tinh thê cung xuất hiện tại trên năm, vậy chủ sớm kết hôn. Nguyên cục Dần Sửu ám hợp là tình nhân ý, vì sao không phải vợ? Nguyên nhân Sửu mang Đinh kiếp tài giải thích rõ cái này tình nhân là có nam nhân , còn nữa Sửu là khố là nhà tượng, Sửu trong giấu Kỷ Tân Quý, Kỷ là kiêu thần là mẹ, Quý là thực thần là con, giải thích rõ cái này tình nhân có nhà có con rồi, cho nên bất là vợ, chỉ có thể làm như trường kỳ tình nhân thôi. Đến Canh

Thìn đại vận, thê tinh tọa Canh khắc phá Giáp mộc thê cung. Vận này ly hôn.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 6

● Khôn tạo:

Bính Mậu Tân Nhâm
Ngọ Tuất Hợi Thìn

04 Đinh 14 Bính 24 Ất 34 Giáp
Dậu Thân Mùi Ngọ

Mệnh này Đinh Mão năm đính hôn, Mậu Thìn năm 23 tuổi kết hôn. Bính Ngọ là chồng, Bính Tân hợp, hợp đến chính mình. Đinh Mão năm, Đinh đại biểu Ngọ hợp đến Hợi, Hợi vi phu cung. Mậu Thìn năm, Thìn đại biểu phu cung Hợi xung đến phu nhà. Lấy chồng. Nhâm là phó cung.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 7

● Khôn tạo:

Quý Canh Ất Giáp
Mão Thân Mùi Thân

Đại vận:
06 Tân 16 Nhâm 26 Quý 36 Giáp 46 Ất
Dậu Tuất Hợi Tý Sửu

Nguyệt Lệnh quan hợp, kết hôn khá sớm. Ất Sửu lưu niên 23 tuổi, Sửu là Thân xung nhập phu cung, kết hôn ứng kỳ.

Hỏi Tuất vận hình phạt phu cung Mùi, vì sao còn có thể kết hôn? Nguyên cục Mão là lộc, bao ở phu tinh, Tuất phá Mùi, không thể phá Mão. Nên có thể kết hôn. Ất Sửu năm, Ất Canh hợp vậy chủ kết hôn.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 8

● Khôn tạo:

Tân Kỷ Nhâm Ất
Hợi Hợi Tuất Tỵ

Đại vận:
02 Canh 12 Tân 22 Nhâm 32 Quý
Tý Sửu Dần Mão

Nguyên cục Tuất là chồng, trên nguyệt Kỷ là bạn trai trước kết hôn , ngồi ở Hợi trên tại khách vị, là chồng của người khác . Sửu vận đã tới, người cùng học thích nàng, nhưng Sửu Tuất tương hình, không thể lập gia đình. 23 tuổi Giáp Tuất năm, Tuất phu tinh đúng hạn kết hôn.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 9

● Khôn tạo:

Bính Mậu Bính Kỷ
Ngọ Tuất Ngọ Hợi

Đại vận:

02 Đinh 12 Bính 22 Ất 32 Giáp
Dậu Thân Mùi Ngọ

Mệnh này lấy Hợi vi phu, nhưng Tuất khắc Hợi, Tuất mộ Ngọ, Ngọ Hợi hợp khó khăn. Cho nên hành Mùi vận, Mùi hình phạt khử Tuất mới có thể kết hôn. Ứng tại Canh Ngọ lưu niên 25 tuổi, Ngọ hợp động Mùi, hình phạt Tuất chi nên. Thông thường thương quan đại vận không thể kết hôn, như thế chi ứng pháp, nguyên lý là phá cái làm trở ngại hôn nhân là ứng kỳ.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 10

● Khôn tạo:

Quý Đinh Kỷ Quý

Mão Tỵ Tỵ Dậu

Đại vận:
04 Mậu 14 Kỷ 24 Canh 34 Tân 44 Nhâm
Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Mão là chồng, tại trên năm kết hôn thiên sớm. Đinh Mão năm, Đinh vi phu thê cung, Mão vi phu thê tinh, thông qua lưu niên can chi đem thê cung cùng thê tinh đến cùng một chỗ, vì vậy năm này kết hôn. Tuy nhiên nguyên cục song ấn trọng tiết rồi quan khí, Tỵ trong mang kiếp cách lấy phu tinh, chồng tiết đến người khác. Quý Dậu năm ly hôn.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 11

● Khôn tạo:

Đinh Nhâm Mậu Quý
Mùi Dần Thân Sửu

Đại vận:
07 Quý 17 Giáp 27 Ất 37 Bính
Mão Thìn Tỵ Ngọ

Hành Giáp Thìn đại vận, phán quyết tại Canh Ngọ năm kết hôn. Quả vậy. Phân tích: Dần là chồng, Canh là phu thê cung, Dần củng rồi Ngọ, rơi vào phu thê cung phía dưới rồi. Cũng là thông qua lưu niên can chi, khiến phu tinh cùng phu cung phát sinh liên hệ.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 12

● Khôn tạo:

Tân Quý Kỷ Giáp
Dậu Tỵ Dậu Tuất

Đại vận:
02 Giáp 12 Ất 22 Bính 32 Đinh 42 Mậu

Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Hành Bính Thân vận, cái này hôn nhân lấy Giáp vi phu, phu thê cung là phu tinh chi tử tuyệt chỗ, cho nên kết hôn yếu phá rớt phu thê cung mới được. Ứng Bính Tuất năm 25 tuổi, hại ngã phu cung, kết hôn. Phu thê cung được Tỵ hỏa cùng Tuất chế, hôn nhân quan hệ còn có thể. Thực thần là mẫu thân, gặp người yêu từng bị phụ mẫu phản đối. Không có con cái, đào hoa nhiều.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 13

● Càn tạo:

Ất Kỷ Ất Bính
Tỵ Mão Dậu Tý

Đại vận:
09 Mậu 19 Đinh 29 Bính
Dần Sửu Tý

Tỵ là thê tinh, củng đến Dậu thê cung, chủ hôn nhân. Sửu vận 24 tuổi Mậu Thìn năm kết hôn, Mậu đại biểu Tỵ, Thìn Dậu hợp động thê cung. Tỵ hỏa thê tinh rơi tỷ kiên, lại bị tỷ kiên sở cách, này kết hôn sau này nhất định ly cách. Hành Bính Tý đại vận ly hôn.
Nữ mệnh thương quan ứng kết hôn bát tự đặc điểm:

Có hai loại tình huống là thương quan vận hoặc thương quan lưu niên ứng kết hôn:

● quan sát nhiều, hỗn tạp khả ứng thương quan, nhưng kết hôn cũng không tốt lắm

● quan sát nhập mộ, vậy khả ứng thương quan.

● Khôn tạo:

Quý Giáp Giáp Giáp
Sửu Dần Thân Tuất

Đại vận:

06 Ất 16 Bính 26 Đinh 36 Mậu
Mão Thìn Tỵ Ngọ

Đinh vận Đinh Sửu năm kết hôn. Thân vi phu tinh, nhập vào Sửu mộ, muốn đả thương quan đại vận thương quan lưu niên kết hôn.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 14

● Khôn tạo:

Giáp Ất Mậu Kỷ
Dần Hợi Ngọ Mùi

Đại vận:
08 Giáp 18 Quý 28 Nhâm 38 Tân 48 Canh
Tuất Dậu Thân Mùi Ngọ

Phu cung hợp nhập phu mộ(Mùi là mộ của phu), hôn nhân bất tử thì ly cách. Thân vận Nhâm Ngọ năm, ly cách lần đầu tiên; Thân xung khử Dần, Ngọ hợp đến Mùi ứng kỳ: Tân vận Ất Dậu năm lần thứ hai kết hôn, ứng thương quan vận chi thương quan năm. Quan sát nhiều với lại hợp mộ, nên ứng "Thương quan", Ất đến Mùi đến, Tân xung Ất, phá Ất, chẳng khác nào phá hủy Mùi. Ứng quan sát nhiều, ứng thương quan đại vận lưu niên kết hôn.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 15

● Khôn tạo:

Kỷ Đinh Kỷ Tân
Mùi Mão Mão Mùi

Đại vận:

08 Mậu 18 Kỷ 28 Canh 38 Tân
Thìn Tỵ Ngọ Mùi

Nguyên cục bát tự không có tài, phu tinh phu cung nhập mộ, hôn nhân phá hủy, thông thường rất khó kết hôn. Yếu kết, đương ứng xung mộ. Hành vận không xung mộ, tìm thương quan, chính hảo hành Canh Ngọ

vận, ứng thương quan vận chi thương quan lưu niên, Giáp Thân năm kết hôn. Kết hôn bất tử thì ly cách, nhiều kết hôn chi tượng. Bây giờ hôn nhân rạn nứt rồi, phu có ngoại tình. Tỷ kiên bao trụ, chồng tiến vào nhà của người khác.

Kết hôn ứng kỳ ví dụ 16

● Khôn tạo:

Ất Giáp Đinh Tân
Mão Thân Hợi Hợi

Ất Dậu Bính Tuất Đinh Hợi Mậu Tý

10 21 31 41

1995 2005 2015 7 nguyệt 1 nhật khởi vận

Nguyên cục lấy Hợi thủy là chồng, hành Bính Tuất vận chi Tuất, nguyên nhân Tuất thổ khắc Hợi chi nguyên nhân, bất lợi hôn nhân, cho nên cần quá Tuất vận mới kết hôn, 2004 Giáp Thân năm kết hôn. Đây là bất lợi hôn nhân đại vận ảnh hưởng rồi hôn kỳ, qua vận này tiến vào hạ vận thứ nhất lưu niên nhân tiện khả thành hôn, bất giảng lưu niên.

● Luyến ái, ở chung:

Nữ mệnh thấy lộc không có ấn mất trinh, nam tỷ kiếp trọng yêu sớm, tài tại năm tháng yêu sớm.

● Càn tạo: yêu sớm

Giáp Bính Kỷ Canh
Thìn Dần Hợi Ngọ

Đại vận:
05 Đinh 15 Mậu 25 Kỷ 35 Canh 45 Tân
Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi

Nguyên cục kiếp tài Thìn trong ngậm Quý thủy tài tinh, Giáp là phu thê cung Hợi kéo dài, Giáp Kỷ hợp đến nhật chủ với lại Thìn cùng Hợi cũng

xảy ra liên hệ, Giáp mộc đại biểu phu thê cung thấu hợp thân yêu sớm. Thìn chứng tỏ vợ của người khác , là bởi vì khố không ra, vừa là kiếp tài, khố trong tài có sát có thực thương chính là có chồng có con. 14 tuổi bị nữ lão sư dẫn trên giường. Tọa Hợi thủy thê tinh được chính vị, không thích trên nguyệt Dần mộc hợp đi, là điển hình hai kết hôn chi tượng. Hành Kỷ Tỵ vận, Tỵ xung thê tinh Hợi thủy xung tẩu, ly hôn rồi. Canh Ngọ vận Ngọ Hợi ám hợp đến thê cung, Canh là người vợ thứ hai , Ngọ là chồng đầu , cho nên là phụ nữ đã ly dị. Ngọ hỏa là Kỷ thổ lộc với lại sinh Kỷ thổ, cho nên vợ hai đối với hắn hảo.

● Càn tạo: ở chung

Nhâm Bính Nhâm Đinh
Tý Ngọ Thìn Mùi

Đại vận:

02 Đinh 12 Mậu 22 Kỷ 32 Canh
Mùi Thân Dậu Tuất .

Tý là phó thê cung, Tý Ngọ xung là xung liên hệ, nguyên cục có Bính Ngọ chi tài, Bính Ngọ rơi vào khách vị, và tỷ kiếp xung chi, tỷ kiếp vượng, thê cung tỷ kiếp khố, chứng tỏ háo sắc, tính chất quan hệ dường như loạn. Bính Ngọ là chủ bên ngoài nhiều phụ nữ. Mệnh cục có Đinh Mùi can chi một mạch chứng tỏ thuần khiết chưa từng có nam nhân, cùng nhật chủ tương hợp, chưa vào Thìn, có thể kết hôn. Đinh Mão năm 16 tuổi theo người ở chung, vẫn không ngừng có phụ nữ khác. 2010 Canh Dần năm 39 tuổi vong. Kỷ Mão năm kết hôn, Mão đại biểu Mùi xung khởi Dậu ấn chi ứng kỳ, năm này 28 tuổi. Dựa vào lý này, Canh Thìn năm kết hôn vậy hợp ứng kỳ.

Nam mệnh ở chung:

Càn tạo:

Bính Quý Kỷ Ất
Ngọ Tỵ Tỵ Hợi

09 Giáp 19 Ất 29 Bính 39 Đinh 49 Mậu
Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

Thê cung song hiện. Thê cung có thê tinh mới có ý nghĩa, Quý thủy vốn là tượng, nằm trên kiếp, cuối cùng là vợ của người khác . Nguyệt Lệnh là cùng học, người yêu thứ nhất là cùng học, mà có ở chung quan hệ. Cùng học bảy tám năm, cuối cùng chính là không thành, ở chung rồi. Mậu Thìn năm gặp người yêu, Giáp Tuất năm chấm dứt, Tuất đến Tỵ đến, Ất Hợi năm tìm được vợ bây giờ , Bính Tý năm 30 tuổi kết hôn, thiên muộn kết hôn.

● Càn tạo:

Mậu Canh Tân Canh
Thân Thân Hợi Dần

Năm tháng kiếp tài chủ muộn kết hôn. Trên giờ tài mang quan tinh, hợp đến tọa, cho nên phụng tử thành hôn. Bính Tý năm, dẫn thông kiếp tài bất tại kiếp kết hôn. Năm tháng chủ phụ mẫu, năm tháng trên có kiếp tài, phụ mẫu là nông dân nhà nghèo. Nhà gái phản đối nhưng ván đã đóng thuyền .

● Khôn tạo:

Quý Đinh Đinh Nhâm ở chung
Tỵ Tỵ Hợi Dần

01 Mậu 11 Kỷ 21 Canh 31 Tân
Ngọ Mùi Thân Dậu

Phu cung chi phu tinh là Hợi, Dần Hợi hợp, Tỵ Hợi xung là một ly hôn tổ hợp. Nữ mệnh chi lộc thần chứng tỏ thân thể, Tỵ nơi này khả đương lộc xem. Hư thấu Quý thủy chủ bạn trai trước hôn nhân. Năm chủ sớm, Quý ngồi ở Tỵ trên, hội trở thành chồng của người khác .

Hành Canh Thân vận, tài đến sinh quan, yêu sớm, lưỡng Tỵ hợp Thân, là hai người lộc đến hợp quan nguyên thần Thân, hợp hơn nhiều, nên trước kết hôn có ở chung với rất nhiều bạn trai. Sau vào Canh Thân năm kết hôn, Bính Dần năm ở riêng, Kỷ Tỵ năm ly dị.

● Khôn tạo:

Quý Quý Kỷ Ất ở chung
Mão Hợi Tỵ Sửu

Đại vận:
05 Giáp 15 Ất 25 Bính 35 Đinh
Tý Sửu Dần Mão

Năm tháng tài quan vượng, cũng cùng phu cung có liên quan. Tài vượng con gái quan hệ sớm, yêu sớm ở chung mệnh. 19 tuổi Tân Dậu năm, Dậu đại biểu Sửu tại trên giờ chứng tỏ cơ quan sinh dục nữ, Mão Dậu nhất xung, mất trinh. 21 tuổi Quý Hợi năm cùng bạn trai chia tay. Cùng Nguyệt Lệnh phục ngâm, chứng tỏ đi. 22 tuổi Giáp Tý năm lại có tân hoan. Giáp Kỷ hợp, Tý Sửu hợp. Kết hôn đặc biệt loạn.

● khôn:

Nhâm Tân Kỷ Kỷ
Tuất Hợi Dậu Tỵ

Đại vận:

05 Canh 15 Kỷ 25 Mậu 35 Đinh
Tuất Dậu Thân Mùi

Bát tự không có minh quan, xem tài là nam nhân, tài tại năm tháng, có phu thê cung sinh, thấy phó phu cung Tân, yêu sớm ở chung chi tượng. Thổ kim tiết tú xinh đẹp. Người thứ nhất là Nhâm, ngồi trên kiếp Địa, là chồng của người khác . Nhâm Ngọ năm gặp người yêu, Bính Tuất năm ra nước ngoài chia tay. Người thứ hai là Hợi, Đinh Hợi năm xuất hiện, bị Tuất khắc Tỵ xung, vào Tân Mão năm dẫn động Tuất thổ và chia tay. Người thứ ba là Hợi, là Dậu sinh Hợi tổ hợp. Còn chưa xuất hiện.

Khôn tạo:

Tân Bính Kỷ Kỷ
Mão Thân Hợi Tỵ

Đại vận:

04 Đinh 14 Mậu 24 Kỷ 34 Canh 44 Tân
Dậu Tuất Hợi Tý Sửu

Trên năm thất sát sớm, tọa chi tài tinh sinh sát. Tuy nhiên Mão Thân tương hợp, Thân Hợi tương hại, Mão mộc không thể trở thành chồng. Trên giờ Tỵ hỏa đương phụ nữ thân thể xem, Thân cùng Tỵ hợp dễ dàng mất trinh. 20 tuổi Canh Tuất năm mất trinh, ở chung. Hành Tuất vận, Mão Tuất hợp, Tỵ nhập Tuất mộ, chính mình cùng nam nhân cùng một chỗ. Giáp Dần năm trụy thai, Ất Mão năm với lại sẩy thai, cùng nam nhân chia tay rồi, qua Tuất vận, sau tại Canh Tý vận làm gái nhảy, tính chất quan hệ rất loạn. Tỵ Thân hợp, Tỵ là lộc thân thể, Thân là tài, dụng thân thể lấy tài rồi.

● Nguyễn Linh Ngọc: Sinh năm 1910

Canh Tân Kỷ Ất
Tuất Tỵ Hợi Hợi

Canh Thìn Kỷ Mão Mậu Dần 10 nguyệt 21 nhật khởi vận

9 20 30

18. 8 1929 1939

Nguyên cục có thổ kim tú khí, Ất tọa Hợi yểu điệu, trên giờ sát tinh hợp thương quan, nam nhân theo đuổi nàng. Canh hợp Ất đối với nam nhân có lực hấp dẫn. Tuy nhiên Kỷ thổ sợ Ất sát, sát tinh là kỵ, nên cuối cùng bị nam nhân làm hại. 16 tuổi cùng Trương Đạt Dân ở chung, hành Canh Thìn vận Ất Sửu năm (Tỵ Ngọ cũng khả đương thân thể), Ất Canh tương hợp là ứng. 23 tuổi Nhâm Thân năm, có bạn trai mới Đường Quý San, Tỵ Thân tương hợp và Thân Hợi tương hại. Sau nguyên nhân cùng này lưỡng nam nhân rối rắm và vào 26 tuổi Ất Hợi năm tự sát.

● Khôn tạo:

Tân Canh Ất Nhâm
Dậu Tý Sửu Ngọ.

Tân Sửu Nhâm Dần Quý Mão Giáp Thìn 10 nguyệt 13 nhật khởi vận

8 19 29 39

88. 1 1999 2009 2019

Tài quan sát tại năm tháng, nhất định yêu sớm. Ất Sửu nhật chủ là chính mình chiếm nam nhân khố, nam nhân sẽ đến thăm nàng. Tân Dậu, Canh Tý hai người nam nhân, Tân Dậu là phương xa nam nhân, không phải hôn nhân. Đều cùng phu thê cung có liên quan. Phán quyết 20 tuổi Canh Thìn năm gặp người yêu, đến 23 tuổi Quý Mùi năm hai người phát sinh không thoải mái, có khả năng chia tay, hoặc có thể chưa chia tay và gặp nam nhân khác. Kết quả phản hồi là: nữ tử này Canh Thìn năm tìm một nam nhân cùng ở chung, này nam tử có vợ, là thủ trưởng của nàng. Đến Quý Mùi năm hai người phát sinh cãi cọ nhưng chưa chia tay, Tý Sửu hợp lưu niên đến xung là ngắn ngủi chia tay, năm này người nam này với lại tìm nữ nhân khác kết hôn. Mão vận yếu chia tay. Tý là kiêu thần là vợ bé.
● Khôn tạo:

Canh Nhâm Ất Kỷ
Ngọ Ngọ Tỵ Mão

Tân Tỵ Canh Thìn Kỷ Mão Mậu Dần 6 nguyệt 4 nhật khởi vận

1 12 22 32

90. 6 2001 2011 2021

Nữ mệnh lấy lộc là thân thể, phá lộc mất trinh. Phá lộc có hai loại, một loại là phá tức Tý phá Mão, Mão phá Ngọ chi tượng, một loại khác là quan sát xung lộc. Hôn nhân bất hảo, thực thương quá nặng khắc phu chi tượng, vô phúc vất vả.Phán quyết Ất Dậu năm xung lộc mất trinh.

● Khôn tạo:

Canh Tân Nhâm Ất
Ngọ Tỵ Thìn Tỵ

Canh Thìn Kỷ Mão Mậu Dần

7 18 28

97. 6 2007 2017

18 tuổi Đinh Hợi năm mất trinh, Hợi là lộc bị nguyên cục xung phá. Tỵ Ngọ đều là đào hoa. Tài mang quan sát sinh đến phu cung cho nên lớn lên mỹ lệ.

● Khôn tạo:

Nhâm Quý Nhâm Canh
Tuất Mão Tý Tuất

Nhâm Dần Tân Sửu Canh Tý Kỷ Hợi

8 19 29 39

89. 12 2000 2010 2020

Tỷ chiếm phu cung. Tý vi phu cung, Nhâm là phó cung. Tuất là người yêu, Mão Tuất hợp, không kết hôn được. Hành Tân Sửu đại vận, Sửu vậy là người yêu, bị Tuất hình phạt, vậy không được. Tân Tỵ năm tới Quý Mùi năm, yêu người thứ nhất, cái này là Tuất; Giáp Thân, Ất Dậu năm có một người khác, đây là dẫn động đại vận Sửu. Bính Tuất tới Mậu Tý năm, người thứ ba, bây giờ người thứ ba cũng bỏ rồi. Ta phán quyết nữ mệnh thương quan lấy chồng cụ già.

Lễ 2: nhiều kết hôn tổ hợp

Nhiều kết hôn theo thứ tự:

● nói chung, hôn nhân theo thứ tự lấy năm là sớm, giờ là muộn, theo thứ tự sắp xếp.

Thiên Can hư là đoản, hoặc chủ đào hoa vận, Địa Chi thực là trường.

● trừ xem nguyên cục ra, nguyên nhân có đại vận mà lập gia đình, đại vận tới hôn nhân, quá vận thì không có.

Nam mệnh nhiều kết hôn tổ hợp:Nam mệnh nhiều kết hôn chỉ nam tử ly

hôn sau lại lấy vợ tình huống, nam mệnh ngoại tình có chương lễ khác.

● thê cung nhiều hiện với lại phối thê tinh, hình thành hôn nhân tổ hợp, và thê cung bản thân bất ổn, như vậy dễ dàng nhiều kết hôn.

● thê cung mặc dù không nhiều hiện, nhưng thê cung bị phá, hoặc hợp phá, hoặc hình phạt phá, hoặc hại phá.

● thê cung mặc dù không phá, nhưng có thê tinh bị phá, hơn nữa tân thê tinh xuất hiện, dễ dàng nhiều kết hôn.

● thê tinh nhiều hợp.

● xem hôn nhân xem trước phó cung, lại nhìn phó cung đồng trụ chữ, cái này chữ chính là phối ngẫu tinh, có bao nhiêu tính bấy nhiêu, như là ấn, tỷ kiếp kết hôn bất hảo.

● Càn tạo:

Tân Canh Giáp Canh kinh điển nhiều kết hôn có tài văn chương
Tỵ Dần Thân Ngọ

Kỷ Sửu Mậu Tý Đinh Hợi Bính Tuất Ất Dậu Giáp Thân Quý Mùi Nhâm Ngọ

1 11 21 31 41 51 61 71

1941 1951 1961 1971 1981 1991 2001 2011

Cái này ví dụ ghi lại hắn có năm lần hôn nhân, tất cả mấy bà vợ đều bỏ hắn rồi, cuối cùng cô đơn.

Thân là thê cung, lộ ra Canh Tân phó cung, xem hôn nhân xem trước phó cung, lại nhìn phó cung đồng trụ phối chữ, cái này chữ chính là phối ngẫu tinh, có bao nhiêu tính bấy nhiêu, như là ấn, tỷ kiếp kết hôn bất hảo. Và phó cung phía dưới là thương thực và tài tinh, đều là phối ngẫu tinh. Nhân tiện chứng tỏ hắn có nhiều nữ nhân vây quanh. Vì sao mà lại yếu ly hôn, và không phải hai ba vợ đây? Nguyên nhân phu cung Thân bị mộc hỏa vượng xung khắc, với lại là tam hình, bị hình phạt xung khắc phá, ở vào bất ổn trạng thái. Tỵ, Dần, Ngọ, ba người vợ, trong đó Tỵ Thân hợp, Tân Tỵ tự hợp, Tỵ dùng hai lần, là hai, và Dần phối Canh một lần, Dần

Thân xung một lần, là lần thứ hai. Dần cùng Tỵ hơn tác dụng rồi một lần, cho nên cuối cùng năm người vợ. Quan sát là con cái, quan sát theo vợ bỏ rồi.

● Càn tạo: nhiều kết hôn mệnh có quý khí làm công tác văn hoá

Giáp Canh Canh Đinh
Thìn Ngọ Tuất Hợi

Tân Mùi Nhâm Thân Quý Dậu Giáp Tuất Ất Hợi Bính Tý Đinh Sửu Mậu Dần 9 nguyệt 1 nhật khởi vận

2 13 23 33 43 53 63 73

65. 4 1976 1986 1996 2006 2016 2026 2036

Yếu xác định vợ đầu là Giáp Thìn-Giáp mộc, nguyên nhân có Thìn Tuất xung liên hệ. Giáp Thìn là liên thể không thể tách ra xem, cái này Giáp bị tỷ kiếp Canh cướp, là tỷ kiên tranh vợ tượng. Cho nên nguyên cục trong có ly hôn tin tức. Cái này Giáp có căn tại Thìn cùng Hợi, đến Giáp Tuất vận, Giáp hư rồi, dễ dàng bị người kiếp, đây là thứ nhất; Tuất với lại khắc Hợi thủy xung Thìn thổ, khắc rồi Giáp căn, nhất định ly cách. Xác định Giáp Tuất vận ly cách, ngộ lưu niên Kỷ Mão, Giáp Kỷ hợp, Mão Tuất hợp dẫn vận, này xem như ứng kỳ; thứ hai là năm Canh Thìn, Canh đến khắc Giáp, và Thìn đến bị Tuất xung, vừa là ứng kỳ. Cho nên hai năm này nhất định ly cách.

Tái phân tích, người vợ thứ hai chính là Đinh Hợi Hợi rồi, cái này Hợi là thương quan trên giờ, chủ ít tuổi. Bởi vì giờ có tượng là thế hệ sau hoặc đệ tử , hắn tìm chính là đệ tử của hắn.

● Càn tạo:

Quý Đinh Đinh Bính nhiều kết hôn mệnh
Mão Tỵ Tỵ Ngọ

Bính Thìn Ất Mão Giáp Dần Quý Sửu Nhâm Tý Tân Hợi 1 nguyệt 3 nhật khởi vận

3 14 24 34 44 54

65. 8 1976 1986 1996 2006 2016

Nguyên cục: bát tự tài tinh quá nhược, bị hỏa khắc. Có thể Mậu thổ trong Tỵ thương quan đương vợ, tức Tỵ là vợ. Đinh Tỵ phục ngâm, phục ngâm là rời đi ý tứ, nhập cung tỷ kiếp, ly hôn chi tượng. Lại thấy Bính giờ Ngọ, Ngọ trong thấy Kỷ là vợ thứ hai . Mậu Thìn năm kết hôn, Mậu Thìn chứng tỏ vợ đúng hạn. Đến Dần vận hại Tỵ nên hai vợ chồng ở riêng. Quý Dậu năm ly hôn. Giáp Tuất năm vợ thứ hai xuất hiện. Dần Ngọ Tuất tam hợp cục là đoàn tụ chi tượng.

● Càn tạo:

Quý Tân Kỷ Mậu
Tỵ Dậu Tỵ Thìn

Canh Thân Kỷ Mùi Mậu Ngọ Đinh Tỵ Bính Thìn Ất Mão Giáp Dần Quý Sửu
1 nguyệt 20 nhật khởi vận

2 14 24 34 44 54 64 74

54. 12 1966 1976 1986 1996 2006 2016 2026

Thê cung Tỵ hỏa nhiều hiện, Quý tọa Tỵ hạ là vợ đầu. Quý Tỵ tự hợp, hợp đến kiếp tài, vợ hội chạy theo người khác. Ất vận Bính Tuất năm hợp khử Quý nguyên thần, ly hôn. Tân Dậu hợp thê cung, là vợ hai.

● Càn tạo:

Quý Tân Kỷ Mậu sai khác một chữ một lần hôn nhân
Mão Dậu Tỵ Thìn

Thì một lần hôn nhân. Vợ không tuân thủ nữ tắc, có ngoại tình, nguyên nhân Thìn Dậu hợp. Quý tài bất tọa phó cung, không phải vợ, Mậu Quý hợp là trêu hoa ghẹo nguyệt, chính mình cũng có ngoại tình. Tân Dậu là vợ.

● Càn tạo:

Quý Canh Quý Quý
Mão Thân Mùi Hợi

Kỷ Mùi Mậu Ngọ Đinh Tỵ Bính Thìn Ất Mão Giáp Dần Quý Sửu Nhâm Tý

1 11 21 31 41 51 61 71

1963 1973 1983 1993 2003 2013 2023 2033

Nguyên cục Mão mộc thực thần củng đến thê cung, Mão mộc là vợ, tuy nhiên Mão Thân hợp, hợp đến kiếp Địa, Nhâm trong Thân là kiếp, vợ muốn tìm người khác. Phán quyết Thìn vận Canh Thìn năm hôn nhân chuyển xấu, là bởi vì Thìn thổ sinh Thân kim, gia tăng Mão Thân hợp đến Nhâm trong Thân, Ất vận, Giáp Thân hoặc Ất Dậu năm ly hôn, quả Ất Dậu năm ly hôn. Sau vào Đinh Hợi năm một lần nữa lập gia đình, lần thứ hai hôn nhân hạnh phúc. Hợi trong tỷ giấu thương quan củng nhập thê cung, người vợ thứ hai đã kết hôn , nguyên nhân Giáp trong Hợi là vợ hai, Nhâm là kiếp tài. Là vợ ít tuổi.
● Càn tạo:

Kỷ Canh Giáp Canh
Dậu Ngọ Dần Ngọ

Kỷ Tỵ Mậu Thìn Đinh Mão Bính Dần Ất Sửu Giáp Tý Quý Hợi Nhâm Tuất

1 12 22 32 42 52 62 72

1970 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040

Kết hôn sớm sẽ hai kết hôn. Bính Dần vận Tân Tỵ năm ly hôn, Nhâm Ngọ năm tái kết hôn. Giáp Kỷ hợp Kỷ thổ là vợ, Kỷ không phải tiêu chuẩn hôn nhân, Kỷ tọa Dậu trên dưới tương sinh chứng tỏ một người. Thê cung Dần tuyệt Dậu, cho nên lần đầu tiên hôn nhân yếu ly cách. Chính mình bên ngoài làm công, vợ ở nhà cùng nam nhân trong thôn ở chung, vợ chính mình thừa nhận rồi, Tân Tỵ năm ly hôn, hại ngã thê cung. Nhâm Ngọ năm tái kết hôn, Ngọ là vợ, lưỡng Canh Ngọ là cùng người, là vợ thứ hai , Canh Ngọ Canh Ngọ bao ở chính mình, hôn nhân sẽ không tái ly cách.

● Càn tạo:

Mậu Kỷ Kỷ Tân
Tuất Mùi Hợi Mùi

Canh Thân Tân Dậu Nhâm Tuất Quý Hợi Giáp Tý Ất Sửu 6 nguyệt 27 nhật khởi vận

6 17 27 37 47 57

63. 1 1974 1984 1994 2004 2014

Mệnh này thê cung tọa Hợi thủy chính tài tinh, thê tài chính tinh được chính vị, sợ gặp tỷ kiếp khắc đoạt. Mệnh cục tỷ kiếp vượng tướng với lại đông đảo, Hợi thủy bị khắc vô sinh, bạo lực đánh vợ chi tượng. Hành Nhâm Tuất vận tài tinh hư thấu, cho nên ly dị. Ứng kỳ tại Bính Dần hoặc Đinh Mão năm. Hành Quý Hợi vận, Ất Hợi năm, tìm một tuổi tác nhỏ kết hôn. Đến Giáp vận, Giáp đại biểu Hợi thấu can hợp rồi tỷ kiên, lần nữa ly hôn.

● Càn tạo:

Canh Mậu Giáp Bính nhiều kết hôn mệnh quan viên
Tuất Tý Tý Dần

Kỷ Sửu Canh Dần Tân Mão Nhâm Thìn Quý Tỵ Giáp Ngọ Ất Mùi Bính Thân 12 nguyệt 28 nhật khởi vận

9 20 30 40 50 60 70 80

78. 8 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049

Tý là thê cung, Mậu là vợ, Tuất vậy là vợ. Mão vận phá Tý và hợp Tuất, vợ bị kiếp tài hợp, ly hôn chi tượng, như không có Tân Mão đại vận, hôn nhân không có vấn đề? . Quý Mùi năm hại ngã thê cung nhất định ly cách. Vợ ra nước ngoài rồi. Ly hôn sau vẫn chưa tái kết hôn. Cần chờ Thìn vận phương khả kết.

● Càn tạo:

Ất Giáp Giáp Nhâm
Tỵ Thân Thìn Thân

Quý Mùi Nhâm Ngọ Tân Tỵ Canh Thìn Kỷ Mão Mậu Dần Đinh Sửu Bính Tý

3 15 25 35 45 55 65 75

67. 4 1979 1989 1999 2009 2019 2029 2039

Thìn thổ là thê cung thê tinh, Tỵ sinh Thìn có liên quan, Mậu thổ trong Tỵ là người thứ nhất vợ, Tỵ trên mang kiếp, bị khách vị Thân hợp trói, đệ nhất kết hôn yếu ly cách. Canh Thìn vận Mậu Dần, Kỷ Mão năm ly cách. Người thứ hai tìm Thìn, Tân Tỵ năm đàm, Ất Dậu năm kết hôn.

● Càn tạo:

Giáp Quý Ất Kỷ
Thìn Dậu Dậu Mão

Giáp Tuất Ất Hợi Bính Tý Đinh Sửu Mậu Dần Kỷ Mão Canh Thìn Tân Tỵ 7 nguyệt 14 nhật khởi vận

2 13 23 33 43 53 63 73

65. 4 1976 1986 1996 2006 2016 2026 2036

Nguyên cục một thê tinh Thìn, hai người thê cung Dậu. Quyết ngữ: cung tinh song hợp, hai lần hôn nhân. Nói cách khác, Thìn lần đầu tiên hợp không tới vị, lần thứ hai hợp mới hợp đúng hạn. Hành Sửu vận, Tân Tỵ năm tìm người thứ hai. Người thứ nhất vợ bất ly cách, mãi đến Mậu Tý năm tài tại tòa án ly hôn. Ứng Mậu Tý năm, Mậu khả đại biểu Thìn, hư thấu hợp Quý bỏ rồi. Đại vận này Kỷ đi vào Mậu vận.

Càn tạo:

Bính Ất Canh Mậu
Thìn Mùi Thìn Tý

Bính Thân Đinh Dậu Mậu Tuất Kỷ Hợi Canh Tý Tân Sửu Nhâm Dần Quý Mão 6 nguyệt 24 nhật khởi vận

4 15 25 35 45 55 65 75

79. 6 1990 2000 2010 2020 2030 2040 2050

Ất Canh hợp, Ất Mùi là vợ đầu, nhập mộ vào Thìn. Tại Nguyệt Lệnh, nên tìm chính là cùng học. Ất sinh Bính, ngoại sinh sát, với lại nhập vào Bính sát chi mộ, Bính Thìn là nam nhân khác thê cung. Vợ ngoại tình ý. Tuất vận phá phu thê cung, Bính Tuất năm hôn nhân có vấn đề, Đinh Hợi năm làm thủ tục ly hôn. Người thứ hai là thủy thương quan, trên giờ thực thương là hưởng thụ ăn uống ăn chơi mô hình . Mậu Tý năm tìm theo nàng ở chung, Tân Mão năm chia tay. Kỷ Hợi vận tìm một người khác.

● Càn tạo:
Quý Ất Mậu Canh
Sửu Mão Ngọ Thân

Giáp Dần Quý Sửu Nhâm Tý Tân Hợi Canh Tuất Kỷ Dậu Mậu Thân Đinh Mùi 2 nguyệt 5 nhật khởi vận

6 17 27 37 47 57 67 77

78. 1 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049

Thiên Can Mậu Quý hợp, Quý là vợ đầu, bị thê cung hại. Canh Thân rơi trên giờ, là vợ thứ hai . Hành Tý vận, Tý Sửu hợp xung phá thê cung, hôn nhân rạn nứt. Nhâm Ngọ năm Ngọ đúng hạn ly hôn. Quý tài sinh Ất vợ còn muốn tìm người khác, Quý Sửu là một mạch vợ không có nam nhân khác. Tý vận dẫn thông Thân kim thê tinh, xung đến thê cung, thứ hai kết hôn. Đinh Hợi năm, Đinh là thê cung, Hợi là thê tinh, vừa là kết hôn ứng kỳ. Quả Đinh Hợi năm tái kết hôn.

● Càn tạo:

Ất Canh Đinh Nhâm
Tỵ Thìn Dậu Dần

Kỷ Mão Mậu Dần Đinh Sửu Bính Tý Ất Hợi Giáp Tuất Quý Dậu Nhâm Thân 11 nguyệt 22 nhật khởi vận

3 13 23 33 43 53 63 73

67. 4 1977 1987 1997 2007 2017 2027 2037

Nguyên cục Canh Thìn là vợ đầu, Ất Tỵ hợp chi, bị người khác hợp tẩu, nên đệ nhất kết hôn nhất định ly cách, như bát tự không có Tỵ kiếp tài xuất hiện, Canh Thìn Dậu tổ hợp coi là một người, sẽ không ly hôn. 23 Đinh Mão năm kết hôn, nguyên cục có hợp, xung động thê cung chi ứng. 25 tuổi Kỷ Tỵ năm ly hôn. Tỵ hỏa kiếp tài đến năm chi ứng. 28 tuổi Nhâm Thân năm với lại kết hôn, đại vận này đi tới Sửu, Sửu cùng nguyên cục vợ thứ hai Dậu tương hợp. Thân năm dẫn động Sửu chi ứng. Bây giờ hôn nhân hảo.
……..…..…..…

Đinh Canh Ất Canh
Mùi Tuất Sửu Thìn

Mãn bàn tài tinh, gặp hình phạt xung, chỉ có nhất vợ, cũng không đào hoa. Sửu nhập Thìn mộ, Thìn là vợ. Bất hình phạt xung thổ tài tinh, có khả năng hội chứng tỏ đào hoa.

● Càn tạo:

Canh Canh Đinh Canh
Tuất Thìn Tỵ Tuất

Tân Tỵ Nhâm Ngọ Quý Mùi Giáp Thân Ất Dậu Bính Tuất Đinh Hợi Mậu Tý
9 nguyệt 29 nhật khởi vận

10 20 30 40 50 60 70 80

79. 8 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049

Trong mệnh lưỡng vợ: Canh Thìn là vợ, trên dưới tương sinh một người, Tỵ hỏa thê cung sinh chi, là cùng học quan hệ. Tỵ nhập Tuất mộ với lại mang tài tinh, là vợ khác. Mậu Tý năm, Tý đại biểu Thìn bị đại vận Mùi hại ngã, ly hôn. Mậu với lại đại biểu Tuất, cùng bạn gái kết hôn. Mệnh này thổ gặp xung như thế nào có thể biểu hai người? Nguyên nhân tài tinh nhiều hiện. Trên năm Canh Tuất đến trên giờ Canh Tuất, vợ tòng phương xa đến.

● Càn tạo:

Giáp Nhâm Mậu Kỷ
Thìn Thân Tý Mùi

Quý Dậu Giáp Tuất Ất Hợi Bính Tý Đinh Sửu Mậu Dần Kỷ Mão Canh Thìn
tháng 4 4 nhật khởi vận

6 17 27 37 47 57 67 77

1909 1920 1930 1940 1950 1960 1970 1980

Nguyên cục Thân Tý Thìn hợp thủy cục, thê cung Tý bị Mùi nhận hại, khắc vợ chi mệnh, có hai người dương nhận Kỷ Mùi khắc, khắc rớt hai người vợ, người thứ ba nhân tiện khắc không được. Thứ ba vợ bình an. 1928 Mậu Thìn năm 25 tuổi, lần đầu tiên hôn nhân, này ứng tài tinh nhiều, gặp tỷ kiếp năm lập gia đình, Canh Ngọ năm hợp động dương nhận, vợ đẻ khó mà chết, thừa số nữ cung hại khắc rồi vợ. 1931 Tân Mùi năm lần thứ hai hôn nhân, hành Hợi vận, tài nhiều gặp tỷ kiếp lưu niên lập gia đình. 1993 Quý Dậu năm ly hôn: Quý là vợ tọa Dậu hợp đến Thìn tỷ kiếp Địa, theo người khác đi. 1939 Kỷ Mão năm, lần thứ ba hôn nhân, với lại gặp kiếp tài lưu niên lập gia đình, này kết hôn bách niên giai lão.

● Càn tạo:

Ất Kỷ Ất Bính
Tỵ Mão Hợi Tuất

Mậu Dần Đinh Sửu Bính Tý Ất Hợi Giáp Tuất Quý Dậu Nhâm Thân Tân Mùi 10 nguyệt 16 nhật khởi vận

5 16 26 36 46 56 66 76

69. 4 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040

Nguyên cục lấy Hợi là thê cung, Mão là phó cung. Nhiều kết hôn là Tuất khắc Hợi, Tỵ là đầu, vợ hai, Kỷ là vợ ba, Tuất là vợ bốn. Xuất hiện tỷ kiên tranh thê, thê cung bị khắc, cho nên nhiều kết hôn. 25 tuổi Kỷ Tỵ kết hôn, Canh Ngọ sinh con gái, 34 tuổi Mậu Dần ly hôn. Mậu Dần tái kết hôn tìm 1 đại cô nương, Kỷ Mão năm sinh con trai, 40 tuổi Giáp Thân ly hôn. Ất Dậu tái kết hôn tang vợ , Bính Tuất năm ly dị. Vợ đầu là do tiền mà ly cách. Vợ có 5—6 vạn tệ nợ bên ngoài hắn không biết động hồi sự, vợ chính là không nói nguyên nhân. Một mạch dưới ly dị. Vậy rất hối hận. Vợ hai là nông thôn cô nương, đi làm sau trở nên phong lưu, ly cách rồi. Vợ ba là bởi vì là con bất hòa, vợ ba dẫn theo một con gái cùng con trai lão đánh nhau. Ly cách rồi.

● Càn tạo:

Quý Canh Quý Quý

Mão Thân Mùi Hợi

Kỷ Mùi Mậu Ngọ Đinh Tỵ Bính Thìn Ất Mão Giáp Dần Quý Sửu Nhâm Tý

1 11 21 31 41 51 61 71

1963 1973 1983 1993 2003 2013 2023 2033

Nguyên cục không có tài, thực thần là thê tinh. Mão là vợ, Mão Thân tương hợp, Thân mang kiếp tài, vợ theo người khác đi. Người vợ thứ hai là Giáp trong Hợi, Hợi Mùi củng đến thê cung. Thìn vận Canh Thìn năm hôn nhân bắt đầu bất hảo. Giáp Thân hoặc Ất Dậu năm ly cách. Thực tế Ất Dậu năm ly cách. Đinh Hợi năm với lại tìm một người đã kết hôn.
● Càn tạo:

Kỷ Canh Giáp Canh
Dậu Ngọ Dần Ngọ

Kỷ Tỵ Mậu Thìn Đinh Mão Bính Dần Ất Sửu Giáp Tý Quý Hợi Nhâm Tuất

1 12 22 32 42 52 62 72

1970 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040

Kết hôn sớm sẽ hai kết hôn. Bính Dần vận Tân Tỵ năm ly hôn, Nhâm Ngọ năm tái kết hôn. Giáp Kỷ hợp Kỷ thổ là vợ, Kỷ không phải tiêu chuẩn hôn nhân, Kỷ tọa Dậu trên dưới tương sinh chứng tỏ một người. Thê cung Dần tuyệt Dậu, cho nên lần đầu tiên hôn nhân yếu ly cách. Chính mình bên ngoài làm công, vợ ở nhà cùng nam nhân trong thôn ở chung, vợ chính mình thừa nhận rồi, Tân Tỵ năm ly hôn, hại ngã thê cung. Nhâm Ngọ năm tái kết hôn, Ngọ là vợ, lưỡng Canh Ngọ là cùng người, là vợ thứ hai , Canh Ngọ Canh Ngọ bao ở chính mình, hôn nhân sẽ không tái ly cách.

● Càn tạo:

Mậu Kỷ Kỷ Tân
Tuất Mùi Hợi Mùi

Canh Thân Tân Dậu Nhâm Tuất Quý Hợi Giáp Tý Ất Sửu 6 nguyệt 27 nhật khởi vận

6 17 27 37 47 57

63. 1 1974 1984 1994 2004 2014

Mệnh này thê cung tọa Hợi thủy chính tài tinh, thê tài chính tinh được chính vị, sợ gặp tỷ kiếp khắc đoạt. Mệnh cục tỷ kiếp vượng tướng với lại đông đảo, Hợi thủy bị khắc vô sinh, bạo lực đánh vợ chi tượng. Hành Nhâm Tuất vận tài tinh hư thấu, cho nên ly dị. Ứng kỳ tại Bính Dần hoặc Đinh Mão năm. Hành Quý Hợi vận, Ất Hợi năm, tìm một tuổi tác nhỏ kết hôn. Đến Giáp vận, Giáp đại biểu Hợi thấu can hợp rồi tỷ kiên, lần nữa ly hôn.

● Càn tạo:

Canh Mậu Giáp Bính nhiều kết hôn mệnh quan viên
Tuất Tý Tý Dần

Kỷ Sửu Canh Dần Tân Mão Nhâm Thìn Quý Tỵ Giáp Ngọ Ất Mùi Bính Thân 12 nguyệt 28 nhật khởi vận

9 20 30 40 50 60 70 80

78. 8 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049

Tý là thê cung, Mậu là vợ, Tuất vậy là vợ. Mão vận phá Tý và hợp Tuất, vợ bị kiếp tài hợp, ly hôn chi tượng, như không có Tân Mão đại vận, hôn nhân không có vấn đề? . Quý Mùi năm hại ngã thê cung nhất định ly cách. Vợ ra nước ngoài rồi. Ly hôn sau vẫn chưa tái kết hôn. Cần chờ Thìn vận phương khả kết.

● Càn tạo:

Ất Giáp Giáp Nhâm
Tỵ Thân Thìn Thân

Quý Mùi Nhâm Ngọ Tân Tỵ Canh Thìn Kỷ Mão Mậu Dần Đinh Sửu Bính Tý

3 15 25 35 45 55 65 75

67. 4 1979 1989 1999 2009 2019 2029 2039

Thìn thổ là thê cung thê tinh, Tỵ sinh Thìn có liên quan, Mậu thổ trong Tỵ là người thứ nhất vợ, Tỵ trên mang kiếp, bị khách vị Thân hợp trói, đệ nhất kết hôn yếu ly cách. Canh Thìn vận Mậu Dần, Kỷ Mão năm ly cách. Người thứ hai tìm Thìn, Tân Tỵ năm đàm, Ất Dậu năm kết hôn.

● Càn tạo:

Giáp Quý Ất Kỷ
Thìn Dậu Dậu Mão

Giáp Tuất Ất Hợi Bính Tý Đinh Sửu Mậu Dần Kỷ Mão Canh Thìn Tân Tỵ 7 nguyệt 14 nhật khởi vận

2 13 23 33 43 53 63 73

65. 4 1976 1986 1996 2006 2016 2026 2036

Nguyên cục một thê tinh Thìn, hai người thê cung Dậu. Quyết ngữ: cung tinh song hợp, hai lần hôn nhân. Nói cách khác, Thìn lần đầu tiên hợp không tới vị, lần thứ hai hợp mới hợp đúng hạn. Hành Sửu vận, Tân Tỵ năm tìm người thứ hai. Người thứ nhất vợ bất ly cách, mãi đến Mậu Tý năm tài tại tòa án ly hôn. Ứng Mậu Tý năm, Mậu khả đại biểu Thìn, hư thấu hợp Quý bỏ rồi. Đại vận này Kỷ đi vào Mậu vận.

Càn tạo:

Bính Ất Canh Mậu
Thìn Mùi Thìn Tý

Bính Thân Đinh Dậu Mậu Tuất Kỷ Hợi Canh Tý Tân Sửu Nhâm Dần Quý Mão 6 nguyệt 24 nhật khởi vận

4 15 25 35 45 55 65 75

79. 6 1990 2000 2010 2020 2030 2040 2050

Ất Canh hợp, Ất Mùi là vợ đầu, nhập mộ vào Thìn. Tại Nguyệt Lệnh, nên tìm chính là cùng học. Ất sinh Bính, ngoại sinh sát, với lại nhập vào Bính sát chi mộ, Bính Thìn là nam nhân khác thê cung. Vợ ngoại tình ý. Tuất vận phá phu thê cung, Bính Tuất năm hôn nhân có vấn đề, Đinh Hợi năm làm thủ tục ly hôn. Người thứ hai là thủy thương quan, trên giờ thực thương là hưởng thụ ăn uống ăn chơi mô hình . Mậu Tý năm tìm theo nàng ở chung, Tân Mão năm chia tay. Kỷ Hợi vận tìm một người khác.

● Càn tạo:
Quý Ất Mậu Canh
Sửu Mão Ngọ Thân

Giáp Dần Quý Sửu Nhâm Tý Tân Hợi Canh Tuất Kỷ Dậu Mậu Thân Đinh Mùi 2 nguyệt 5 nhật khởi vận

6 17 27 37 47 57 67 77

78. 1 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049

Thiên Can Mậu Quý hợp, Quý là vợ đầu, bị thê cung hại. Canh Thân rơi trên giờ, là vợ thứ hai . Hành Tý vận, Tý Sửu hợp xung phá thê cung, hôn nhân rạn nứt. Nhâm Ngọ năm Ngọ đúng hạn ly hôn. Quý tài sinh Ất vợ còn muốn tìm người khác, Quý Sửu là một mạch vợ không có nam nhân khác. Tý vận dẫn thông Thân kim thê tinh, xung đến thê cung, thứ hai kết hôn. Đinh Hợi năm, Đinh là thê cung, Hợi là thê tinh, vừa là kết hôn ứng kỳ. Quả Đinh Hợi năm tái kết hôn.

● Càn tạo:

Ất Canh Đinh Nhâm
Tỵ Thìn Dậu Dần

Kỷ Mão Mậu Dần Đinh Sửu Bính Tý Ất Hợi Giáp Tuất Quý Dậu Nhâm Thân 11 nguyệt 22 nhật khởi vận

3 13 23 33 43 53 63 73

67. 4 1977 1987 1997 2007 2017 2027 2037

Nguyên cục Canh Thìn là vợ đầu, Ất Tỵ hợp chi, bị người khác hợp tẩu, nên đệ nhất kết hôn nhất định ly cách, như bát tự không có Tỵ kiếp tài xuất hiện, Canh Thìn Dậu tổ hợp coi là một người, sẽ không ly hôn. 23 Đinh Mão năm kết hôn, nguyên cục có hợp, xung động thê cung chi ứng. 25 tuổi Kỷ Tỵ năm ly hôn. Tỵ hỏa kiếp tài đến năm chi ứng. 28 tuổi Nhâm Thân năm với lại kết hôn, đại vận này đi tới Sửu, Sửu cùng nguyên cục vợ thứ hai Dậu tương hợp. Thân năm dẫn động Sửu chi ứng. Bây giờ hôn nhân hảo.

● Chu tổng lý:

Mậu Nhâm Ất Kỷ
Thìn Tuất Mùi Mão

Quý Hợi Giáp Tý Ất Sửu Bính Dần Đinh Mão Mậu Thìn Kỷ Tỵ Canh Ngọ 5 nguyệt 21 nhật khởi vận

5 17 27 37 47 57 67 77

32. 1 1944 1954 1964 1974 1984 1994 2004

Thổ tác thê tinh chi mệnh, gặp hình phạt xung phản chủ nhất vợ. Mệnh này lấy thổ là tài là vợ, thổ nhiều phạm hình phạt xung, bất chủ vợ nhiều, phản chủ nhất vợ. Phu thê cung không thể hình phạt phá, Thìn xung Tuất, Tuất hình phạt Mùi lực lượng yếu bớt rồi.

● Càn tạo:

Đinh Canh Ất Canh
Mùi Tuất Sửu Thìn

Mãn bàn tài tinh, gặp hình phạt xung, chỉ có nhất vợ, cũng không đào hoa. Sửu nhập Thìn mộ, Thìn là vợ. Bất hình phạt xung thổ tài tinh, có khả năng hội chứng tỏ đào hoa.

● Càn tạo:

Canh Canh Đinh Canh
Tuất Thìn Tỵ Tuất

Tân Tỵ Nhâm Ngọ Quý Mùi Giáp Thân Ất Dậu Bính Tuất Đinh Hợi Mậu Tý
9 nguyệt 29 nhật khởi vận

10 20 30 40 50 60 70 80

79. 8 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049

Trong mệnh lưỡng vợ: Canh Thìn là vợ, trên dưới tương sinh một người, Tỵ hỏa thê cung sinh chi, là cùng học quan hệ. Tỵ nhập Tuất mộ với lại mang tài tinh, là vợ khác. Mậu Tý năm, Tý đại biểu Thìn bị đại vận Mùi hại ngã, ly hôn. Mậu với lại đại biểu Tuất, cùng bạn gái kết hôn. Mệnh này thổ gặp xung như thế nào có thể biểu hai người? Nguyên nhân tài tinh nhiều hiện. Trên năm Canh Tuất đến trên giờ Canh Tuất, vợ tòng phương xa đến.

● Càn tạo:

Giáp Nhâm Mậu Kỷ
Thìn Thân Tý Mùi

Quý Dậu Giáp Tuất Ất Hợi Bính Tý Đinh Sửu Mậu Dần Kỷ Mão Canh Thìn
tháng 4 4 nhật khởi vận

6 17 27 37 47 57 67 77

1909 1920 1930 1940 1950 1960 1970 1980

Nguyên cục Thân Tý Thìn hợp thủy cục, thê cung Tý bị Mùi nhận hại, khắc vợ chi mệnh, có hai người dương nhận Kỷ Mùi khắc, khắc rớt hai người vợ, người thứ ba nhân tiện khắc không được. Thứ ba vợ bình an. 1928 Mậu Thìn năm 25 tuổi, lần đầu tiên hôn nhân, này ứng tài tinh nhiều, gặp tỷ kiếp năm lập gia đình, Canh Ngọ năm hợp động dương nhận, vợ đẻ khó mà chết, thừa số nữ cung hại khắc rồi vợ. 1931 Tân Mùi năm lần thứ hai hôn nhân, hành Hợi vận, tài nhiều gặp tỷ kiếp lưu niên lập gia đình. 1993 Quý Dậu năm ly hôn: Quý là vợ tọa Dậu hợp đến Thìn tỷ kiếp Địa, theo người khác đi. 1939 Kỷ Mão năm, lần thứ ba hôn nhân, với lại gặp kiếp tài lưu niên lập gia đình, này kết hôn bách niên giai lão.

● Càn tạo:

Ất Kỷ Ất Bính
Tỵ Mão Hợi Tuất

Mậu Dần Đinh Sửu Bính Tý Ất Hợi Giáp Tuất Quý Dậu Nhâm Thân Tân Mùi 10 nguyệt 16 nhật khởi vận

5 16 26 36 46 56 66 76

69. 4 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040

Nguyên cục lấy Hợi là thê cung, Mão là phó cung. Nhiều kết hôn là Tuất khắc Hợi, Tỵ là đầu, vợ hai, Kỷ là vợ ba, Tuất là vợ bốn. Xuất hiện tỷ kiên tranh thê, thê cung bị khắc, cho nên nhiều kết hôn. 25 tuổi Kỷ Tỵ kết hôn, Canh Ngọ sinh con gái, 34 tuổi Mậu Dần ly hôn. Mậu Dần tái kết hôn tìm 1 đại cô nương, Kỷ Mão năm sinh con trai, 40 tuổi Giáp Thân ly hôn. Ất Dậu tái kết hôn tang vợ , Bính Tuất năm ly dị. Vợ đầu là do tiền mà ly cách. Vợ có 5—6 vạn tệ nợ bên ngoài hắn không biết động hồi sự, vợ chính là không nói nguyên nhân. Một mạch dưới ly dị. Vậy rất hối hận. Vợ hai là nông thôn cô nương, đi làm sau trở nên phong lưu, ly cách rồi. Vợ ba là bởi vì là con bất hòa, vợ ba dẫn theo một con gái cùng con trai lão đánh nhau. Ly cách rồi.

● Càn tạo:

Quý Canh Quý Quý
Mão Thân Mùi Hợi

Kỷ Mùi Mậu Ngọ Đinh Tỵ Bính Thìn Ất Mão Giáp Dần Quý Sửu Nhâm Tý

1 11 21 31 41 51 61 71

1963 1973 1983 1993 2003 2013 2023 2033

Nguyên cục không có tài, thực thần là thê tinh. Mão là vợ, Mão Thân tương hợp, Thân mang kiếp tài, vợ theo người khác đi. Người vợ thứ hai

là Giáp trong Hợi, Hợi Mùi củng đến thê cung. Thìn vận Canh Thìn năm hôn nhân bắt đầu bất hảo. Giáp Thân hoặc Ất Dậu năm ly cách. Thực tế Ất Dậu năm ly cách. Đinh Hợi năm với lại tìm một người đã kết hôn.

Càn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
đinh đinh bính giáp (thìn tị dần mão)
mùi mùi thân ngọ
Đại vận : ngày 11 tháng 5 khởi vận
bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
ngọ tị thìn mão dần sửu tý hợi
8 19 29 39 49 59 69 79
74.12 1985 1995 2005 2015 2025 2035 2045
Nguyên cục lấy thân làm vợ, kiếp tài dương nhận thấu bao chế thân kim, ngọ đại biểu đinh, khắc thê, Trong mệnh 2 đinh 1 ngọ cộng ba kiếp tài có ba nhân tố khắc thê, là ba lần hôn nhân, thân cũng đại biểu ba thê tử. Giáp thìn vận năm ất hợi kết hôn. Quý vận năm nhâm ngọ (chú : cái này đại vận cùng lưu niên ứng không đúng) nhâm thủy hư thấu đại biểu thân, bị đinh hợp, thê chạy, ly hôn. Đến năm giáp thân, thân đến lại hôn nhân. Kiếp tài dương nhận thấu can đối với hôn nhân không tốt .

● Càn tạo : Mệnh khắc thê nhiều hôn nhân
bính giáp đinh canh (thìn tị dần mão)
ngọ ngọ dậu tuất
Đại vận : ngày 17 tháng 6 khởi vận
ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm
mùi thân dậu tuất hợi tý sửu dần
10 21 31 41 51 61 71 81
75.12 1986 1996 2006 2016 2026 2036 2046
Nguyên cục tỷ kiếp bao tài, dậu bị tuất hại ngã, Mệnh khắc thê ly hôn. Nhiều kết nhiều cách. Năm 93 quý dậu 28 tuổi kết hôn, năm 94 sinh nam. Năm 99 kỷ mão 34 tuổi ly hôn. Năm 2000 lại kết hôn, năm 2004 ly hôn. Năm 2005 lại tìm một người. Tuất vận tất xa cách. Sau tình huống lại không biết. Kiếp tài dương nhận bính thấu can đối với hôn nhân không tốt, ngọ ngọ tuất liên thể cũng bày tỏ là bính .
● Càn tạo : Bát tự hôn nhân ổn định
giáp canh đinh canh (thìn tị thìn tị)
ngọ ngọ dậu tuất
Đại vận : ngày 1 tháng 7 khởi vận
tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu
mùi thân dậu tuất hợi tý sửu dần

9 20 30 40 50 60 70 80
62.8 1973 1983 1993 2003 2013 2023 2033
Cái bát tự này cùng so sánh với bát tự phía trên tương đối chỉ chênh lệch can năm tháng bất đồng, nhưng vận mệnh lại hoàn toàn không gống nhau, nên mệnh hôn nhân rất ổn định. Mấu chốt là không có thấu bính đinh kiếp tài dương nhận sánh vai, cái này hai chi ngọ lộc có thể bày tỏ mình, cho nên không nhắc tới ly hôn. Nhưng dậu tài bị hại vợ thân thể không tốt, quanh năm có bệnh trong người .
● Càn tạo : cùng bát tự chia ra, ra đời Ma cao cùng Vận thành Sơn tây
mậu bính bính tân (tý sửu dần mão)
thân thìn thìn mão
Đại vận : ngày 20 tháng mười khởi vận
đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp
tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý
6 17 27 37 47 57 67 77
73.6 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044
Thân làm thê tinh, thìn làm thê cung, tân là đào hoa. Một tinh hai cung, cùng song song xuất hiện, nên mệnh hai lần hôn nhân, một lần đầu tiên củng đến nguyệt lệnh một củng đến vị. Ma cao cái đó ly hôn tái giá. Vận thành cái đó cả nhà chuyển tới Bắc Kinh, nam nhân bên ngoài có tình nhân, mặc dù cuối cùng không ly hôn, nhưng vào năm giáp thân chung sống cùng một người nhỏ hơn rất nhiều tuổi, cũng mang thai con của hắn.
● Càn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
bính tân giáp đinh (tuất hợi tý sửu)
thìn mão tý mão
Đại vận : ngày 11 tháng 10 khởi vận
nhâm quý giáp ất bính đinh mậu kỷ
thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi
7 18 28 38 48 58 68 78
82.6 1993 2003 2013 2023 2033 2043 2053
Thìn làm vợ, bị hai mão hại phá hư, cho nên tất ly hôn. Sớm kết hôn, giáp vận năm quý mùi ly dị, ứng năm quý mùi, nguyên nhân hại ngã thê cung.

Nữ mệnh tổ hợp nhiều hôn nhân
● Nữ mệnh nhiều hôn nhân chỉ tình huống cô gái ly hôn tái giá, nữ mệnh tình ái ngoài giá thú có chương tiết khác.
● Phu cung nhiều hiện lại phối phu tinh, tạo thành tổ hợp hôn nhân, mà phu cung bản thân không yên, như vậy dễ dàng nhiều hôn nhân.
● Phu cung mặc dù không nhiều hiện, nhưng phu cung bị hư, hoặc hợp hư, hoặc hình hư, hoặc hại hư, vậy hôn nhân chẳng đi đến đâu .

● Phu cung mặc dù không bị hư, nhưng có phu tinh bị hư, cộng thêm phu tinh mới xuất hiện, dễ dàng nhiều hôn nhân .
● Phu tinh nhiều hợp, hợp một lần thêm một. Hoặc nhân hợp mà ly khai
● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
bính tân tân quý (ngọ mùi dần mão)
ngọ sửu mão tị
Đại vận : ngày 1 tháng 2 khởi vận
canh kỷ mậu đinh bính ất giáp quý
tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị
7 18 28 38 48 58 68 78
73.12 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044
Tạo này phu tinh là trụ năm bính ngọ, can tháng thấu tân hợp phu tinh, là sánh vai tranh phu, chồng nhất định sẽ có ngoại tình. Chúng ta nhìn lại phu cung, phu cung không hư, nhưng quan hệ phu cung cùng phu tinh xuất hiện vấn đề. Cung mão phá ngọ, đây là thứ nhất. Còn có lại càng không tốt là hại ngọ, phu tinh bị hại ngã, phu cung mão mộc càng không thể sinh ngọ hỏa, cho nên nhất định ly hôn. Hôn nhân lần thứ hai xem chi giờ tị hỏa, có mão mộc tương sinh mà không bị thương khắc, cho nên hôn nhân lần thứ hai mới có thể được hòa thuận. Thực tế cô gái này cùng chồng đã sớm ở riêng nhiều năm, sau vào năm ất dậu ly dị, năm giáp thân quen biết một bạn trai mới, hai người quan hệ rất tốt. Ứng năm ất dậu, mão mộc tài tinh bị đại vận lưu niên xung hư, nguyên nhân là quan tài môn .

● Khôn tạo : Mệnh điển hình nhiều hôn nhân
kỷ canh giáp mậu (thân dậu dần mão)
dậu ngọ tuất thìn
Đại vận : ngày 4 tháng 8 khởi vận
tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu
mùi thân dậu tuất hợi tý sửu dần
3 14 24 34 44 54 64 74
71.6 1982 1992 2002 2012 2022 2032 2042
Tạo này là phu cung tuất thổ hại phu tinh dậu kim, là mệnh điển hình nhiều hôn nhân. Dậu là người chồng thứ nhất, đã ly hôn. Vào dậu vận năm mậu dần hoặc năm kỷ ly hôn. Chồng thứ hai là can tháng canh kim, canh sát hư thấu là hôn nhân ngắn ngủi, vào năm giáp thân xuất hiện, canh cùng ngày chủ giáp mộc tương xung, cũng vào năm bính tuất ly dị. Người chồng thứ ba là ngồi chi tuất thổ, đắc vị có thể làm công, là chồng chân chính của nàng, sẽ bên nhau hạnh phúc đến già

Khôn tạo : Con gái nữ bí thư khu ủy mệnh nhiều hôn nhân
bính bính tân canh (tý sửu dần mão)
ngọ thân dậu dần
Đại vận : ngày 19 tháng 2 khởi vận
ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý
7 18 28 38 48 58 68 78
72.12 1983 1993 2003 2013 2023 2033 2043
Tạo này tạo phu cung thấy lộc, phu tinh bính ngọ trên năm, nguyệt lệnh thấy kiếp tài thân, trên thân lại đắp bính, nói rõ chồng mình bị người khác đoạt, mà phu cung thấy lộc lại bày tỏ một người hiện tại. Chờ người chồng thứ hai dần mộc xuất hiện, thời gian liền tương đối muộn. Thực tế là ất hợi năm 30 tuổi ly hôn, là chồng mình chạy theo nữ nhân khác, bây giờ sống độc thân. Nhâm thìn vận lộc hợp ấn độc thân. Đến tân mão vận là đào hoa mới có hôn nhân. Song bính là một người. Dần tài bị chế là quan tài môn tất nhiều hôn nhân.

● Khôn tạo : mệnh nhiều hôn nhân cùng bát tự dưới tương tự
đinh nhâm bính kỷ (dần mão tý sửu)
tị tý ngọ hợi
Đại vận : ngày 28 tháng 12 khởi vận
quý giáp ất bính đinh mậu kỷ canh
sửu dần mão thìn tị ngọ mùi thân
7 18 28 38 48 58 68 78
83.6 1994 2004 2014 2024 2034 2044 2054
Song cung song tinh. Tạo này phu cung ngồi nhận, phu tinh nhâm tý bị chúng tỷ tranh. Mệnh cục xuất hiện nhâm tý cùng hợi hai phu tinh. Tỷ kiếp tranh phu, hôn nhân sớm tất xa cách. Kết quả người đàn ông đầu tiên chung sống thật nhiều năm, lấy nhau không hôn thú, cũng không hòa hợp, cuối cùng chia tay. Năm đinh hợi cùng một đối tượng người Hàn quốc kết hôn. Ứng thê cung đinh đến hợi đến.
● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân cùng bát tự trên tương tự
đinh nhâm bính kỷ (dần mão dần mão)
Mùi tý ngọ hợi
Song cung song tinh. cũng là hôn nhân lần đầu tiên ly dị.

● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
bính nhâm giáp giáp (dần mão thÌn tị)
thân thìn thìn tuất
Đại vận : ngày 1 tháng 3 khởi vận

tân canh kỷ mậu đinh bính ất giáp
mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
1 12 22 32 42 52 62 72
56.4 1967 1977 1987 1997 2007 2017 2027
Tạo này lấy thìn thổ là phu cung, thân kim là phu tinh, hai cái tương củng hợp, vốn là hôn nhân tốt đẹp. Nhưng chúng ta thấy trong mệnh có hai thìn, là phu cung lưỡng hiện, gọi là một tinh hai cung sẽ có hai lần hôn nhân, như hôn nhân lần đầu tiên không hợp đến nơi, cho nên hai lần hôn nhân. Nếu như thìn ở ngày giờ phục ngâm, là không nhắc tới hai hôn nhân. Thực tế hôn nhân lần đầu tiên ly dị, hôn nhân lần thứ hai rất khá .
● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
nhâm quý nhâm tân (thìn tị dần mão)
tý sửu dần hợi
Đại vận : ngày 18 tháng 5 khởi vận
nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị
1 11 21 31 41 51 61 71
1973 1983 1993 2003 2013 2023 2033 2043
Tạo này lấy sửu thổ quan tinh là chồng, dần sửu ám hợp, là phu tinh hợp đến phu cung, vốn thuộc hôn nhân tốt đẹp. Nhưng thấy năm tháng tỷ kiếp đông đảo, là tượng tỷ kiếp tranh phu. Năm tháng tý sửu tương hợp, lực lượng lớn hơn dần sửu hợp, cho nên hôn nhân đó tất xa cách. Quả nhiên vào năm đinh sửu 26 tuổi ly hôn. Hành tuất vận này hình hư sửu thổ cũng tất ly hôn. Chồng thứ hai lấy bính hỏa trong dần xem, dần hợi hợp lấy chồng nơi xa .

● Khôn tạo : mệnh nhiều hôn nhân
giáp ất mậu kỷ (tý sửu tý sửu)
dần hợi ngọ mùi
Đại vận : ngày 5 tháng 9 khởi vận
giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh
tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn mão
2 13 23 33 43 53 63 73
75.12 1986 1996 2006 2016 2026 2036 2046
Phu cung hợp vào mộ của phu tinh, chồng không chết thì ly hôn, đem hôn nhân chôn vùi rồi. Giáp dần là chồng thứ nhất, ất hợi là chồng thứ hai. Thân vận năm nhâm ngọ, lần đầu tiên ly hôn. Thân xung khử dần, ngọ hợp đến mùi. Tân vận năm ất dậu, kết hôn lần thứ hai, quan sát nhiều ứng năm thương quan kết hôn. Lần thứ hai cũng sẽ không lâu dài. Hợi còn có tượng hợp khác chồng có ngoại tình .

● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
mậu canh tân giáp (dần mão dần mão)
thân thân hợi ngọ
Đại vận ngày 3 tháng 3 khởi vận
Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm
Mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý
1 12 22 32 42 52 62 72
1968 1979 1989 1999 2009 2019 2029 2039
Tạo này ngọ hỏa là chồng, nhưng đại vận hành tị vận xung nhập phu cung, cho nên chồng đầu không xem ngọ xem tị vận. Đinh tị vận, năm tân mùi kết hôn, bính thìn vận, hợi nhập thìn mộ, chồng hàng năm không ở nhà, quan hệ vợ chồng không được duy trì. Đoán : năm mậu tý, trễ nhất năm kỷ sửu ly hôn. Quả là đúng, cuối năm đinh hợi, chồng chủ động yêu cầu ly hôn, năm mậu tý làm xong thủ tục. Còn có thể có hôn nhân lần thứ hai, chính tìm ngọ là chồng. Phán đoán năm giáp ngọ kết hôn. Mậu thân, canh thân coi là một người. Tị thân hợp nam có bạn gái, lập gia đình sau không đoán .
● Khôn tạo : mệnh nhiều hôn nhân
kỷ ất quý nhâm (thìn tị tý sửu)
mùi hợi mão tuất
Đại vận : ngày 28 tháng 8 khởi vận
Bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý
Tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
2 13 23 33 43 53 63 73
80.4 1991 2001 2011 2021 2031 2041 2051
Kỷ mùi là người chồng thứ nhất, năm tân tị hoặc năm nhâm ngọ kết hôn, đoán năm đinh hợi chồng có ngoại tình, sẽ ly hôn. Quả nhiên thế, năm đinh hợi 29 tuổi ly hôn. Năm mậu tý bản thân chính là quan ngồi lộc lại tự hợp có đào hoa, đến tận năm kỷ sửu. Cùng chồng trước sinh một nữ nhi. Khi ở mão vận hợp tuất, hôn nhân lần thứ hai.

● Khôn tạo : Mệnh nhà báo nhiều hôn nhân
mậu bính nhâm bính (dần mão dần mão)
thân thìn tý ngọ
Đại vận : ngày 5 tháng 10 khởi vận
ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
2 13 23 33 43 53 63 73
69.6 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040
Mậu thân là bạn trai, lấy thìn là chồng, mậu bính thìn liên thể ở chung

một chỗ là một người. Thìn là quan lại là tỷ kiếp kho cho nên không tốt . thìn củng tỷ kiếp, tượng tranh phu. Tài là nguyên thần của quan, tài tinh yếu, tài một khi bị kiếp khắc, quan tài môn, tất ly hôn. Cho nên sửu vận tất ly hôn. Đoán : năm quý dậu 26 tuổi kết hôn, năm bính tý hoặc đinh sửu ly hôn, như không rời, kéo dài đến năm 04 tất ly hôn. Thực tế năm đinh sửu cãi nhau kịch liệt, thiếu chút nữa ly hôn, tháng giêng năm 04 ly hôn. Ta nói : ngươi năm nhâm ngọ phải gặp một bạn trai, hắn theo đuổi ngươi rất chặt, hai người rất có tình cảm (đúng). Ta còn nói : người đàn ông này cùng làm việc với ngươi, hắn hình như làm truyền thông ti vi. (đúng, chính là làm quay phim). Người ta có hôn nhân, ta xem là ly hôn không được, ngươi cùng hắn không có hôn duyên. (Đúng). Trong ngọ có kỷ, tương lai có hôn nhân, chính tại trong vận tân hợi. Tý ngọ xung có liên quan.

● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
bính canh đinh tân (dần mão dần mão)
ngọ tý mão hợi
Đại vận : ngày 4 tháng 1 khởi vận
Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm
Hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn
9 20 30 40 50 60 70 80
75.12 1986 1996 2006 2016 2026 2036 2046
Nguyên cục canh tý là chồng thứ nhất, cùng phu cung tương phá, bị tỷ kiếp tranh đoạt, tinh cung tương phá, lại quan tài môn, tượng tất ly hôn. Tân hợi là chồng thứ hai phu, củng hợp đến phu cung, hôn nhân lần thứ hai tốt đẹp. Tuất vận năm nhâm thân kết hôn. Ứng Đinh nhâm hợp mão thân hợp. Tới dậu vận năm quý mùi ly hôn. Ứng năm quý mùi, bởi vì sát tinh hư thấu bị hại. Sau ra nước ngoài đến Nhật Bản, vào năm đinh hợi tìm được người chồng thứ hai. Cuộc sống hạnh phúc. Phu tinh trên môn hộ là không cần ai giới thiệu, tình cờ gặp mặt trong một buổi hội họp.
● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân chồng là kẻ cờ bạc
nhâm quý ất bính (dần mão tý sửu)
tuất sửu tị tuất
Đại vận :ngày 27 tháng 11 khởi vận
nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị
4 14 24 34 44 54 64 74
86.12 1996 2006 2016 2026 2036 2046 2056
Tị hỏa là phu thê cung, tuất là tị mộ là người chồng thứ nhất. Tị nhập tuất mộ cũng là chồng. Tị củng sửu, sửu là chồng thứ hai. Năm bính tuất ở

chung, năm mậu tý kết hôn, kết hôn không lâu sau phát hiện chồng đánh bạc bên ngoài thua mười mấy vạn, vào mùa xuân năm kỷ sửu ly dị. Năm canh dần lại tìm chồng thứ hai kết hôn. Tuất thêm tị dương bao âm, dương chế âm, tượng đánh bạc, sửu tài là tài âm u.

● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân chồng cũng là kẻ cờ bạc
đinh quý quý ất (ngọ mùi tý sửu)
tị dậu tị mão
Đại vận : ngày 31 tháng 7 khởi vận
canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
tuất hợi tý sửu dần mão thìn tị
2 13 23 33 43 53 63 73
78.6 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049
Tị là chồng, tị hỏa phục ngâm, chạy đến bên ngoài, song cung song tinh. Đoán : Năm mậu dần có người yêu, năm kỷ mão kết hôn. Năm canh thìn sinh con gái. Vào năm đinh hợi ly hôn, trễ nhất sẽ không đến năm mậu tý. Chồng là một kẻ cờ bạc. Năm mậu tý tìm một người đàn ông đã có gia đình ly hôn, làm việc ở đội cảnh sát giao thông. Người đàn ông này đối với nàng không tốt, có khuynh hướng bạo lực. Năm canh dần sáu tháng cuối năm tình cảm đứt đoạn, sau không có cách nào lại quay lại. Chồng thứ nhất tị, dương bao âm, dương chế âm, cho nên là kẻ đánh bạc. Nhâm tý vận tý tị hỗ tuyệt, trong vận hôn nhân không tốt. Năm canh dần dần dậu hỗ tuyệt, đoán thời điểm năm tân mão còn phải xa nhau .

● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
quý giáp kỷ ất (dần mão thìn tị)
mão tý dậu sửu
Đại vận : ngày 7 tháng 11 khởi vận
ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm
sửu dần mão thìn tị ngọ mùi thân
12 22 32 42 52 62 72 82
1964 1975 1985 1995 2005 2015 2025 2035
Phu cung là dậu. Mão dậu xung là có liên quan vậy nên mão là chồng, nguyên cục mão tương phá, hôn nhân lần thứ nhất tất xa cách. Giáp kỷ hợp giáp lại là chồng, là một người. Tý dậu không hợp, năm đinh mão 25 tuổi, mão đến, hôn nhân lần thứ nhất. Vào năm nhâm thân kết thúc. Ứng năm nhâm thân, ứng thân là tý trường sinh. Nếu sinh vào giờ tân mùi thì không ly hôn, giờ Mão cũng ly hôn. Nếu là mậu vận thì quan tài môn. Ất tài hư thấu không dài lâu. Mậu vận không có hôn nhân, nguyên nhân quan tài môn. Thìn là quan thoái khí, cho nên tìm một người đã ly

hôn, cũng không được dài lâu. Năm canh thìn, chung sống cùng một người, không có hôn thú. Kỷ vận năm bính tuất chia tay. Năm đinh hợi giáp trường sinh lại tìm một người. Cũng không được dài lâu.

● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
mậu giáp ất ất (thân dậu dần mão)
thân tý hợi dậu
Đại vận : ngày 14 tháng 2 khởi vận
quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn
8 20 30 40 50 60 70 80
75.6 1987 1997 2007 2017 2027 2037 2047
Nguyên cục xuất hiện hợi tý song cung, thân dậu song tinh. Tổ hợp hai hôn nhân. Chồng có ngoại tình, là bởi vì thân quan sinh tháng giáp tý thấu kiếp tài. Hiện tại còn chưa ly hôn. Đoán qua thân vận thì phải ly hôn. Ứng năm ất mùi.

● Càn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
đinh nhâm ất bính (thân dậu dần mão)
mùi dần mão tuất
Đại vận : ngày 16 tháng 6 khởi vận
tân canh kỷ mậu đinh bính ất giáp
sửu tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ
5 16 26 36 46 56 66 76
71.12 1982 1992 2002 2012 2022 2032 2042
Tạo này cũng là dần mão hai cung, song cung song tinh. Mùi là vợ thứ nhất, tuất là vợ thứ hai. Mậu tuất vận, mậu đại biểu tuất đến, có ngoại tình. Tuất hình mùi lại muốn lấy người cũ. Thê cung khi đến đinh dậu vận phá hư. Năm bính thân xung phá cung vị tất ly hôn .
● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
giáp đinh bính quý (thân dậu tý sửu)
dần sửu tý tị
Đại vận :ngày 12 tháng 2 khởi vận
bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị
8 19 29 39 49 59 69 79
82.12 1993 2003 2013 2023 2033 2043 2053
Chủ vị chính quan không thích cái khác hợp, hợp lại thì hôn nhân phá hủy. Năm bính tý 23 tuổi kết hôn, năm đinh sửu ly dị. Trên sửu mang đinh, chồng bên ngoài có tình nhân. Sau lại không có hôn nhân. Năm giáp

thân có bạn trai , là bởi vì tị lộc bị thân tài gặp hợp.
Trên giờ quý tị lộc trên tọa sát tự hợp có đào hoa.
● Khôn tạo : Mệnh ba hôn nhân
ất kỷ kỷ bính (ngọ mùi thìn tị)
mùi sửu sửu dần
Đại vận :ngày 24 tháng 5 khởi vận
canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
dần mão thìn tị ngọ mùi thân dậu
4 15 25 35 45 55 65 75
59.8 1970 1980 1990 2000 2010 2020 2030
Song cung song tinh, hai phu cung sửu, thấy ất mùi quan tinh, sửu mùi xung, mùi xung hai sửu, hai hôn nhân, lại gặp trên giờ dần sửu hợp, mệnh ba hôn nhân. Giáp ngọ vận hôn nhân tất tan vỡ, ta xem là đến năm kỷ mão, kết quả năm ấy bởi vì chồng ốm chết. Nguyên nhân ngọ vận hợp mùi mà hại sửu, quan hệ phu tinh cùng phu cung phá hư. Ứng năm kỷ mão xuất hiện là ứng kỳ. Sau lại vào năm quý mùi tìm một người, thời gian không lâu. Tại trong quý tị vận, có hai năm kỷ tị cùng giáp tuất cũng là lưu niên hôn nhân không tốt, thực tế hai năm qua cãi nhau ầm ĩ. Hôn nhân lần thứ ba phải vào ất mùi vận mới có thể thay đổi .

● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
giáp mậu nhâm quý (ngọ mùi tý sửu)
dần thìn thìn mão
Đại vận : ngày 20 tháng 7 khởi vận
đinh bính ất giáp quý nhâm tân canh
mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
5 16 26 36 46 56 66 76
78.12 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049
Bản mệnh lấy thìn thổ là chồng, Trong mộ phu tinh có tỷ kiếp, mậu quý lại hợp, chồng có tình nhân sẽ công khai hóa. Mão thìn hại, thương quan hại quan, tất nhiên ly hôn. Ất vận năm canh thìn ly hôn. Ất là âm thương quan, vận khắc chồng, năm canh thìn, phu tinh đến vị mà ly hôn. Sửu vận năm ất dậu tìm một bạn trai, chung sống ba năm. Sửu nhập vào thìn mộ, năm dậu là ứng kỳ .
Song cung song tinh, mão thìn là thực thương hại cung, tinh bế ly hôn, như không có giờ mão sẽ không ly hôn, nhưng chồng có ngoại tình. Giáp tý vận không thể có hôn nhân.
● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
quý kỷ quý ất (dần mão thần tị)
mão mùi sửu mão

Đại vận : ngày 21 tháng 8 khởi vận
canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
thân dậu tuất hợi tý sửu dần mão
10 21 31 41 51 61 71 81
72.8 1983 1993 2003 2013 2023 2033 2043
Nguyên cục xuất hiện mùi sửu hai phu tinh. Kỷ mùi là chồng, hôn nhân thứ hai là sửu thổ, sửu mùi xung, mùi là phu cung có quan hệ, bày tỏ chồng. Hành tuất vận, sửu mùi tuất tam hình phá hư cung tinh xung, chủ ly hôn, như không hành tuất vận, hôn nhân không có vấn đề, tuất phá hư sửu mùi xung, sửu mùi xung không thành lập. Năm kỷ mão, canh thìn ly hôn. Kỷ hư thấu, mão tuất hợp dẫn vận tuất. Thìn có thể phá hư sửu mùi xung. Hành quý vận, năm quý mùi tái hôn. Có thể khuyên không nên ly hôn .
● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
tân giáp đinh canh (dần mão thìn tị)
sửu ngọ dậu tuất
Đại vận : ngày 21 tháng 8 khởi vận
canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
thân dậu tuất hợi tý sửu dần mão
10 21 31 41 51 61 71 81
72.8 1983 1993 2003 2013 2023 2033 2043
Nguyên cục không có quan, lấy tài tinh làm chồng. Hại ngã phu cung chi tài, hôn nhân không ổn định. Lại thấy sửu ngọ hại, lưỡng hại phải ly hôn hai lần. Tuất vận hại phu cung, vận này ly hôn. Đoán năm mậu dần ly hôn, tam hợp hỏa cục khắc tài tinh, thực tế là năm đinh sửu 37 tuổi ly hôn, đây là ứng sửu đến. Ta nói : hôn nhân thứ hai cũng ly dị. Thời gian rất ngắn. Đáp : Đúng thế, hôn nhân thứ hai cũng tan vỡ rồi. Ta nói : Người thứ ba là được, hôn nhân lần thứ ba có thể ổn định. Hợi vận chế trụ tỷ kiếp, chính là có thể tái hôn .
Hại hai lần, phá một lần, ba lần hôn nhân. Hôn nhân lần thứ ba là tốt, bởi vì hình hai lần cũng đã qua, hình cũng đã tiêu hao hết năng lượng.

● Khôn tạo : Mệnh nữ tiếp viên hàng không nhiều hôn nhân
kỷ đinh nhâm giáp (ngọ mùi dần mão)
dậu sửu thìn thìn
Đại vận : ngày 10 tháng 10 khởi vận
mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp ất
dần mão thìn tị ngọ mùi thân dậu
8 18 28 38 48 58 68 78
76.6 1987 1997 2007 2017 2027 2037 2047

Nguyên cục hai thìn một sửu còn có một kỷ, thìn dậu hợp, sửu nhập thìn mộ cũng cùng vợ chồng cung có liên quan, bày tỏ nam nhân khác nhau. Đối tượng thứ nhất ở chung chưa thành hôn nhân, là kỷ dậu. Thìn là chồng, trong thìn ngậm tỷ kiên, mang phục ngâm, chồng là đã ly dị. Đinh sửu là tình nhân, ở nguyệt lệnh là cùng học. Kỷ cũng là tình nhân. Năm Đinh sửu bạn học cũ tìm được nàng, ở chung. Có hai bạn học cùng tốt với nàng. Năm tân tị ly hôn, sau cùng bạn học cũ sinh một hài tử. Đưa cho hắn rất nhiều tiền. Cung mang tinh nhiều hiện, ít nhất ba lần hôn nhân .

● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân

kỷ mậu nhâm quý (ngọ mùi dần mão)

dậu thìn thân mão

Đại vận : Ngay 31 tháng 3 khởi vận

kỷ canh tân nhâm quý giáp ất bính

tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý

3 14 24 34 44 54 64 74

71.6 1982 1992 2002 2012 2022 2032 2042

Nguyên cục thân là phu cung, thấy dậu là phó cung. Kỷ cùng mậu thìn cũng là chồng. Mệnh nhiều hôn nhân. Người đàn ông đầu tiên bởi vì ham mê đánh bạc, nàng trả một triệu tiền nợ đánh bạc, vào mùi vận năm kỷ mão ly dị . Năm canh thìn biết nam nhân thứ hai, người đàn ông này lừa tiền của nàng, còn bao dưỡng phụ nữ bên ngoài. Vào năm ất dậu tách ra. Người thứ hai là công an, là bởi vì mậu quý hợp, là sát hợp dương nhận, tượng là công an. Cùng người thứ nhất có giá thú sinh một con gái. Lại không có tình yêu hôn nhân. Mão thực thương tài nguyên mới là tài của nàng, mão dậu xung, mão thìn hại phá, hai người đàn ông này cũng tới phá tài của nàng.

● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân

quý nhâm mậu ất (thân dậu dần mão)

sửu tuất dần mão

Đại vận : Ngày 26 tháng 8 khởi vận

quý giáp ất bính đinh mậu kỷ canh

hợi tý sửu dần mão thìn tị ngọ

10 21 31 41 51 61 71 81

82.1 1993 2003 2013 2023 2033 2043 2053

Nguyên cục có sát, lại gặp ất mão quan. Mậu thổ nhật chủ hỉ dần mà kỵ ất. Hành ất sửu đại vận chi ất, nhất định là hôn nhân c ó vấn đề.

Hôn nhân vốn là dần là chính phu, ất mão là thiên phu, ta cho là nàng tình cảm ngoài hôn nhân rồi. Nói nàng có ngoại tình. Nàng liền hỏi tình huống chồng nàng thế nào. Ta nói : Chồng là đã ly dị, hơn nàng chừng mười tuổi, mà đã có con, nhưng đối với nàng rất tốt. Nàng hỏi : còn tình nhân kia ?

Ta nói : tình nhân ứng thị tuổi không sai biệt lắm hoặc ít hơn một chút, đối với nàng không bằng người chồng. Không nghĩ tới một dạng tình huống gia đình : trước tìm chính là tình nhân lớn tuổi, chỗ thật lâu dài, nhưng sau lại cùng một người ít hơn hai tuổi năm quý mùi làm thủ tục kết hôn, mùi tới là mão đến, kết quả bây giờ là nàng chuẩn bị cùng người nọ ly hôn, cùng người lớn tuổi hơn. Nhưng bây giờ người lớn tuổi hơn còn chưa ly hôn. Trình tự đúng rồi, vị sai rồi. Ta nói nếu như vậy, hôn nhân này là tất tan vỡ, năm ất dậu phải ly dị. Năm bính tuất bạn trai hôn nhân thì cũng ly hôn. Dần là chính phu, lại củng kiếp tài, là chồng của người khác.
Tuất là người khác. Nữ mệnh hợp tài tại trên hôn nhân không có bao nhiêu ý nghĩa. Dần trước là tình nhân, sau là phu, sửu tuất hình, dần biến thành chồng của mình.

● Khôn tạo : Mệnh nhiều hôn nhân
nhâm quý quý tân (dần mão thìn tị)
dần sửu sửu dậu
Đại vận :ngày 22 tháng 6 khởi vận
nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị
1 12 22 32 42 52 62 72
1963 1974 1984 1994 2004 2014 2024 2034
Trong cục sửu là phu cung phu tinh, phục ngâm đến nguyệt lệnh mang tỷ kiếp, phục ngâm chính là đi ra ngoài. Ý tứ chồng cùng người khác. Lần thứ hai sửu đến chính vị. Thành hôn sớm, kết hôn muộn, hôn nhân trước cũng không thuận, trải qua mấy lần phản phục mới kết hôn, năm 89 kết hôn, sau lại chồng có người thứ ba, năm 94 năm phát hiện, là giáp tuất hình, giáp đến dần đến. Năm 97 ly hôn, nhâm dần xem làm một người, nhâm dần hợp phu đi ra ngoài rồi. Năm giáp tuất chính hành kỷ dậu vận, tuất hình sửu. Năm 97 đinh sửu, phu cung lại phục ngâm, ứng vào năm này ly hôn. Nàng hôn nhân lần thứ này xem phu cung sửu thổ thứ hai, có thể cho là từ nguyệt lệnh phục ngâm đến nàng cung vị. Hành dậu vận, năm canh thìn, thìn dậu hợp, cả hai quen biết, Năm tân tị phu cung tam hợp cục, hai người ở chung. Có thể được lâu dài.
● Khôn tạo : Mệnh giáo viên dạy số học trung học nhiều hôn nhân
tân canh đinh mậu (thân dậu tý sửu)
dậu tý sửu thân
Đại vận : ngày 5 tháng 10 khởi vận
tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu
sửu dần mão thìn tị ngọ mùi thân

4 15 25 35 45 55 65 75
84.1 1995 2005 2015 2025 2035 2045 2055
Mậu, sửu là thực thương, canh tý là chồng đầu, mậu thân là chồng thứ hai. Tý là chồng, lại thấy thân nhập sửu mộ, trong thân ngậm nhâm thủy. Nguyên cục cũng không có tin tức ly hôn tái giá, phải xem đại vận. Năm bính tuất kết hôn, ứng bính tuất là phu tinh tý hợp sửu, tuất hình khai hợp là ứng kỳ. Quý mão vận, phu chạy, tý phá mão, chồng này phải ly hôn. Năm mậu tý ly dị. Một nguyên nhân ly hôn chủ yếu, là mẹ chồng không thích nàng. Mão mộc kiêu ấn là mẹ chồng, mão là thất sát của thực thần, là mẹ chồng. Năm đó quen một bác sỹ giải phẫu ngoại khoa, năm kỷ sửu chung sống cùng nhau. Đây là một mệnh cục giáo viên dạy số học trung học.
Tiết thứ ba : Cách xem tình ái ngoài giá thú(đào hoa)
Tình ái ngoài giá thú là chỉ hôn nhân tương đối ổn định, tình ái ngoài giá thú nhất định tình cảm có lưỡng tính quan hệ. Thời gian dài nhất có thể gọi là thiếp, hơi dài là quan hệ tình nhân, ngắn một chút có thể gọi là đào hoa .
Không lấy kết hôn là mục đích, hoặc không cách nào kết hôn, đều gọi là đào hoa .
Nam nữ tình ái ngoài giá thú cách xem có chỗ bất đồng, cho nên tách ra để luận .
Số đào hoa cũng là phạm vi tình ái ngoài giá thú, nhưng cũng không lấy mộc dục xem đào hoa, có phương pháp xem khác.
Cách xem nam mệnh tình ái ngoài giá thú (đào hoa) :
Thê cung tương đối ổn định, có phó phu thê cung hiện, lại có phối ngẫu tinh cùng tương phối .
Nam mệnh người tỷ kiếp vượng dục vọng nặng, tỷ kiếp chủ đoạt lấy, đào hoa nhiều mà không có ít nhiều tình cảm .
Nam mệnh thương quan chủ theo đuổi, cùng vợ chồng cung có liên quan hoặc cùng tỷ kiếp có liên quan cũng chủ có đào hoa, tình cảm không sâu.
Thông thường mà nói, nam mệnh cần tỷ kiếp vượng mới có thể có, như không có tỷ kiếp, lại tài nhiều cũng vô dụng.
● Càn tạo : Làm dược liệu rất giàu có mệnh song thê
kỷ đinh canh kỷ (dần mão dần mão)
dậu mão tuất mão
Đại vận : ngày 24 tháng 4 khởi vận
bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
dần sửu tý hợi tuất dậu thân mùi
10 21 31 41 51 61 71 81
78.6 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049

Nguyên cục hai mão hợp tuất, thông thường mà nói hai mão có thể bày tỏ một người, là bao cục hôn nhân. Bởi vì nguyên nhân nguyệt lệnh đinh mão bị dậu xung, cho nên mão trên tháng cùng mão trên giờ không phải là một người. Thực tế nguyệt lệnh đinh mão là tình nhân, tình nhân là cùng học, năm xưa đã từng yêu thương, sau lập gia đình. Vào sửu vận năm đinh sửu tình cũ trở lại. Sau nhà gái ly dị, mà sinh cho hắn đứa con . Bản thân hắn cũng không ly hôn.

Tình nhân của nam mệnh này :
● Khôn tạo :
kỷ đinh nhâm giáp
dậu sửu thìn thìn

● Càn tạo : Mệnh người Đài loan song thê
nhâm tân mậu bính (dần mão dần mão)
tý hợi ngọ thìn
Đại vận : ngày 24 tháng 7 khởi vận
nhâm quý giáp ất bính đinh mậu kỷ
tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
5 16 26 36 46 56 66 76
76.1 1987 1997 2007 2017 2027 2037 2047
Nguyên cục có nhâm tý tân hợi hai nữ nhân, tý ngọ tương xung, ngọ hợi tương hợp, cùng thê cung phát sinh quan hệ. Hành mão vận tý mão phá, mão ngọ phá, phá vợ chồng cung, ý vợ cả muốn ly dị. Nhưng nguyên cục xuất hiện tượng hợi tý cùng nhập vào thìn mộ, tức tượng thê thiếp ở chung một phòng. Tý thìn tương hợp, xuất hiện bao cục, hôn nhân không dễ dàng xa cách, mấy lần muốn ly hôn cũng không thành. Năm ất dậu ở chỗ bạn gái, vẫn không ly hôn .
● Càn tạo : Song thê
canh đinh kỷ canh (tý sửu dần mão)
tuất hợi mùi ngọ
Đại vận : ngày 18 tháng 9 khởi vận
mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp ất
tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
1 12 22 32 42 52 62 72
1970 1981 1991 2001 2011 2021 2031 2041
Ngày kỷ mùi là tài quan lâm kho, hỉ hình xung. Tuất hình mùi là cát. Hợi làm vợ, không ly hôn. Năm giờ thấy canh kim phối vợ chồng cung bao chi, canh ngọ là tiểu thiếp, ngọ là của mình, canh ngồi ngọ vào thê cung có liên quan, tuất mùi ngọ cũng là thê cung, bên ngoài bao dưỡng một

người, còn sinh cho hắn một đứa con .

● Càn tạo : Thư pháp gia Thái nguyên có tình nhân
canh canh canh ất (tuất hợi thìn tị)
tý thìn ngọ dậu
Đại vận : ngày 23 tháng 12 khởi vận
tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu
tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý
8 18 28 38 48 58 68 78
67.6 1977 1987 1997 2007 2017 2027 2037
Nguyên cục tý thương quan xung nhập thê cung, xem làm thê tử hay là tình nhân? Xem là tình nhân. Bởi vì tý ở dưới canh, nữ nhân của người khác, hơn nữa thương quan ý chủ vui đùa thông thường không chủ hôn nhân. Thê tử lấy ngọ hỏa ngồi dưới xem, thê cung làm thê. Nam mệnh cung ngồi sát cũng xem là thê, quý mùi vận, quý thủy ngồi ở mùi địa, hợp vào thê cung, chủ đào hoa. Giáp thân đại vận sinh khởi tý thủy, cộng 20 năm số đào hoa. Qua thân vận là hai ngươ kết thúc quan hệ. Thê cung không hư, hôn nhân không ly cách. Ất mộc không tính là ngoại tình, bởi vì quá yếu, lại không có sinh nguyên, như vượng mà hữu duyên phải cân nhắc .

● Càn tạo : Người phát tài có tình nhân
tân mậu kỷ quý (tuất hợi thìn tị)
mão tuất hợi dậu
Đại vận : ngày 1 tháng 8 khởi vận
đinh bính ất giáp quý nhâm tân canh
dậu thân mùi ngọ tị thìn mão dần
6 17 27 37 47 57 67 77
56.1 1967 1977 1987 1997 2007 2017 2027
Nguyên cục lấy hợi thủy làm vợ, thấy quý dậu sinh thê cung, quý là tình nhân. Mão là phó cung. Mậu quý hợp, quý hợp nguyệt lệnh, nguyên là vợ người khác hoặc là bạn cùng học. Thực tế cái tình nhân này là bạn học thời đại học cùng hắn, cùng hắn sau ly dị. Hắn là bản thân đến Trung quốc thì mang theo tình nhân .

● Càn tạo : có tình nhân
canh canh canh mậu (tuất hợi thìn tị)
tý thìn thìn dần
Đại vận : ngày 23 tháng 7 khởi vận
tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu

tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý
1 12 22 32 42 52 62 72
1960 1971 1981 1991 2001 2011 2021 2031
Tạo này cùng tạo trên khác nhau là tý thủy thương quan cùng phu cung là củng cục quan hệ, cũng là quan hệ xung. Dần làm vợ. Lấy tý là đào hoa, thân không vướng víu, tý thìn nhiều củng đào hoa nhiều, thương quan đào hoa dụng tình không chuyên nhất, phân tình, tý ở khách vị, trên đầu đính canh tỷ kiếp là nữ nhân của người khác. Phu cung phục ngâm, thê cung chiếm thương quan kho, cho nên đào hoa nhiều, đào hoa không như tạo trên chuyên nhất. Thương quan đào hoa không ở tình cảm, tình cảm tương đối nhạt .

● Càn tạo : Phó huyện trưởng đào hoa
canh kỷ giáp kỷ (dần mão thần tị)
tý mão thìn tị
Đại vận : ngày 9 tháng 6 khởi vận
canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi
6 17 27 37 47 57 67 77
65.6 1976 1986 1996 2006 2016 2026 2036
Thê cung thìn thổ rơi thê tinh, làm vợ. Hai kỷ hợp thân, chủ đào hoa. Nguyệt lệnh kỷ ở mão địa, là vợ người khác, cũng chủ lão tương hảo. Trên giờ kỷ là người mới. Người này là quan viên, thích nữ nhân, nữ nhân quá nhiều .
● Càn tạo : đào hoa
giáp ất giáp kỷ (thân dậu tý sửu)
dần hợi tuất tị
Nam nhân mệnh tỷ kiếp nặng đào hoa nhiều. Tạo này tỷ kiếp nhiều, tương đối háo sắc. Giáp kỷ hợp, tị vào tuất mộ, nữ nhân vào trong nhà. làm ăn phát tài, giàu có ngàn vạn, nữ nhân đông đảo, là bởi vì ất kiếp tài khắc kỷ tài, đồng thời giáp kỷ hợp, nguyên nhân một bên hợp một bên khắc.

● Càn tạo : phú ông có đào hoa
quý mậu kỷ giáp (dần mão thìn tị)
mão ngọ dậu tuất
Đại vận : ngày 13 tháng 3 khởi vận
đinh bính ất giáp quý nhâm tân canh
tị thìn mão dần sửu tý hợi tuất
10 21 31 41 51 61 71 81

72.8 1983 1993 2003 2013 2023 2033 2043
Nam mệnh kiếp tài vượng dễ dàng có đào hoa. Mậu thổ vượng thấu, hợp hư quý thủy, quý chủ đào hoa, nữ nhân bên ngoài đến. Hình thức thông thường không chú ý đến ăn mặc, khiến cho người ta thấy lạ lùng, thời điểm trước kia không có tiền, cũng có rất nhiều nữ nhân tìm hắn. Cả đời số đào hoa không ngừng. Mão vận phát tài, thê cung dậu bị hại, vợ đầu năm kỷ mão ly dị, ứng hợp động tuất trên giờ. Vợ thứ hai tìm một người ít tuổi hơn hắn rất nhiều. Tỷ kiếp vượng ở nguyệt lệnh, Nhật chủ vượng, mậu ngọ ngồi xuống lộc, mậu đại biểu nhật chủ hợp quý chủ nhiều .
● Càn tạo : Ông chủ có đào hoa
mậu quý nhâm tân (dần mão thìn tị)
thân hợi thìn hợi
Đại vận :
giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân
tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
8 18 28 38 48 58 68 78
1975 1985 1995 2005 2015 2025 2035 2045
Đây là một nam mệnh phạm đào hoa siêu cấp, mỗi ngày đều phải có cùng nữ nhân, từng chơi hàng trăm nữ nhân không thôi. Hôn nhân đã bốn lần. Đặc điểm cái mệnh này chính là tỷ kiếp quá vượng, mậu quan đại biểu thê cung thìn thổ thấu can, manh sư nói cái mệnh này gọi là quan tinh hóa tài, mệnh so bình thường tài làm hoa đào có nhiều. Nguyên cục hai hợi thủy mang thực thần nhập mộ vào thìn bày tỏ thê, chiếm tỷ kiếp, thành vợ người khác. Thêm đại vận hành bính dần, đinh mão, cho nên bốn lần hôn nhân .
● Càn tạo : Quan viên chính phủ đào hoa không ngừng
ất canh tân nhâm (ngọ mùi dần mão)
tị thìn mão thìn
Đại vận : ngày 6 tháng 12 khởi vận
Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm
Mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
1 11 21 31 41 51 61 71
1965 1975 1985 1995 2005 2015 2025 2035
Nguyệt lệnh thấu kiếp mà hợp tài tinh trên năm, là tổ hợp đào hoa. Ngồi xuống mão làm vợ, hai đầu hại là kẹp hại, hại không rời, nhiều bệnh mà thôi. Năm canh thân 16 tuổi bị nữ nhân lớn tuổi hơn quyến dũ đưa lên giường, tị là quan, chủ nhiều tuổi. Trước hôn nhân sau hôn nhân hoa đào không ngừng, có lúc đồng thời có vài người, chẳng bao giờ gián đoạn. Bản thân là quan viên chính phủ .
● Càn tạo : Đào hoa không ngừng

bính giáp đinh tân (tý sửu dần mão)
ngọ ngọ tị sửu
Đại vận : ngày 6 tháng 2 khởi vận
ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm
mùi thân dậu tuất hợi tý sửu dần
Số tuổi 3 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 68.12 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040
Nam mệnh tỷ kiếp nhiều háo sắc. Trên giờ sửu kho không khai, bên trong có rất nhiều nữ nhân. Tị sửu củng, diễm phúc vô biên. Tuất vận hình phá hư sửu tài, năm nhâm ngọ ly hôn, tuất vận chung sống cùng một người được mấy năm, tương đối ổn định, qua tuất vận sau chia tay. Bây giờ đào hoa không ngừng. Có thiên phú nghệ thuật là nghề nghiệp.

● Càn tạo : Đào hoa không ngừng
ất kỷ đinh tân (tuất hợi thìn tị)
mùi mão mão hợi
Phu cung mão, phu cung nhiều hiện, trong mệnh lưỡng tài cũng phối cung, cho nên hai lần hôn nhân. Mùi là mộ của mão, nhiều mà mộ chi, mộ không khai, mùi là thực thương, lại là mộ, nữ nhân chồng chất. Cho nên mùi lại là nữ nhân người khác. Nữ nhân hết sức nhiều. Kỷ tân phối hai cung .
● Càn tạo : chủ nhiêm đơn vị Triệu lão sư đào hoa không ngừng
giáp nhâm đinh canh (tý sửu thìn tị)
ngọ thân tị tuất
Nguyên cục nhâm thân làm vợ, tị thân hợp thê cung thê tinh ổn định. Tỷ kiếp quá vượng, lại thêm nhật trụ đinh tị nhập tuất mộ, háo sắc mà chức năng mạnh. Tuất là nơi chốn tình dục. Canh ngồi tuất địa chủ nữ nhân bên ngoài, đào hoa không ngừng, không ly hôn. Hàng năm đều có bốn năm nữ tình nhân, chẳng bao giờ gián đoạn. chẳng bao giờ tốn tiền tìm nữ nhân .
● Bill Clinton : Đào hoa
bính bính ất mậu (tuất hợi ngọ mùi)
tuất thân sửu dần
Đại vận : ngày 19 tháng 6 khởi vận
đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp
dậu tuất hợi tý sửu dần mão thìn
Số tuổi 7 18 28 38 48 58 68 78
Năm phân 52.6 1963 1973 1983 1993 2003 2013 2023
Năm mậu dần 1998, hắn cùng quan hệ với Lai ôn Tư cơ bị phơi bày, trở thành sự kiện đào sắc để cho toàn thế giới cũng biết. Sửu làm vợ, mậu là

đào hoa. Bính sinh mậu, ở trên giờ chủ ít tuổi, bính là truyền thông, cho nên hắn đào hoa bị phơi bày, mậu bị bính sinh dễ ra ánh sáng. Bởi vì mậu dần ở trên giờ là mình, trên giờ dần kiếp tài bày tỏ mệnh chủ nam căn, ất cùng dần tương thông, dần xem là nhật chủ lộc, là một người, dần sửu ám hợp không chủ thê tử là hoa đào .
● Càn tạo : không đào hoa
tân tân đinh tân (tý sửu dần mão)
hợi sửu tị sửu
Tạo này tuy tài tinh đông đảo, nhưng kiếp quá yếu, tị hỏa duy nhất bị thấp thổ hối hư, không có lực đi kiếp. Cho nên không có đào hoa, hôn nhân cũng là một lần. Tân sửu chi tài xem làm một người.
● Càn tạo : Không có đào hoa
quý đinh đinh bính (dần mão thìn tị)
mão tị tị ngọ
Phía trước đã nói đến ví dụ này, hai lần hôn nhân. Tỷ kiếp nặng mà lộ ra, có thể phạm đào hoa hay không? Thực tế nửa không có hoa đào. Bởi vậy tạo này thất sát quý thủy thấu can, thất sát có thể chế tỷ kiếp, cho nên không phải là tất cả người tỷ kiếp vượng đều có hoa đào, có thất sát chế chi cũng sẽ không xảy ra. Tự ta khống chế năng lực mạnh .

Cách xem nữ mệnh tình ái ngoài giá thú (hoa đào) :
● Phu cung ổn định, có phó phu cung hiện, lại có phố ngẫu tinh cùng tương phối .
● Có phu tinh khác củng vào phu cung.
● Nữ mệnh thấy lộc lại gặp tài quan, dễ dàng có đào hoa.

● Khôn tạo : Bà chủ làm thiết bị thoát nước đào hoa
ất mậu quý ất (dần mão thìn tị)
mão tý sửu mão
Đại vận : Ngày 6 tháng 6 khởi vận
Kỷ canh tân nhâm quý giáp ất bính
Sửu dần mão thìn tị ngọ mùi thân
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1976 1987 1997 2007 2017 2027 2037 2047
Nguyên cục sửu là phu cung phu tinh, mậu mang tỷ kiếp hợp chi, mậu là đào hoa. Bản thân mão vận gây dựng sự nghiệp, là người giàu có. Năm bính tuất chung sống với tình nhân, tình nhân có gia đình, còn mang thai hài tử. Năm kỷ sửu cùng một người đàn ông khác kết hôn.
Nhâm thìn vận, nhâm là kiếp tài, thìn là phá tài .
● Khôn tạo : Đào hoa

nhâm giáp ất kỷ (thân dậu tý sửu)
tuất thìn hợi mão
Đại vận : ngày 27 tháng 11 khởi vận
quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
Số tuổi 6 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 87.12 1997 2007 2017 2027 2037 2047 2057
Nguyên cục nhâm giáp trong hợi cũng thấu, tuất là phu tinh, thìn là tình nhân. Trong thìn mang kiếp tài là chồng của người khác. Năm mậu tý, dẫn động thìn, tìm một tình nhân đã có gia đình. Tình nhân này sẽ chung sống lâu dài. Cô gái này năm canh thìn19 tuổi kết hôn, thìn đại biểu phu cung hợi, xung đến phu tinh. Sửu vận hình tuất, sẽ ly hôn.

● Khôn tạo : giờ tý đào hoa muộn
quý giáp ất mậu (thìn tị dần mão)
sửu dần mùi tý
Đại vận : ngày 6 tháng 3 khởi vận
ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm
mão thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất
Số tuổi 2 13 23 33 43 53 63 73
Năm phân 74.1 1985 1995 2005 2015 2025 2035 2045
Nguyên cục sửu là chồng,xung phu cung mùi. Dần sửu ám hợp, chồng bên ngoài có nữ nhân, khi sửu mùi xung không tới thì tất nhiên ly hôn. Ngồi chi là mùi là chồng khác, mậu thổ hư là hoa đào. Mậu ngồi tý hại mùi, cho nên không phải là nữ nhân đào hoa bừa bãi, ý tứ có thể là làm được tùy tiện hay không, chỉ có tại riêng đại vận lưu niên dẫn động mới được. Đoạn : năm đinh sửu kết hôn, mùa hè kết hôn. Đúng. Tị vận năm tân tị sau người theo đuổi cũng rất nhiều, bởi vì tị đại biểu mậu, muốn sinh phu cung mùi. Nhưng chỉ có năm quý mùi, mậu quý hợp, vợ chồng cung trên thấu quý tới hợp mậu, có thể có số đào hoa, người này quả nhiên có đào hoa, nhưng mà bởi vì mậu quý hợp, lại ý tứ mậu thổ đi ra ngoài, mới vừa trúng ý một người nam, người nam này lại đi. Lại định lưu niên năm bính tuất, bính sinh mậu, tuất đại biểu mậu, trực hình nhập phu cung. Quả nhiên người này phạm đào hoa, ta nói thời gian chưa tới nửa năm, mùa hè có, mùa đông liền giải tán. Có tuất mùi hình cho nên thời gian ngắn. Hỏi đào hoa này là làm cái gì? Ta nói : giáp mộc sinh bính hỏa, bính là thương quan, làm thiết kế nội thất đi. Nàng nói, trước kia là làm cái này, thời điểm quen biết hắn thì không còn làm nữa. Ta suy nghĩ một chút nói, đó là làm đào tạo. Quả nhiên, bởi vì tuất là thực thần kho, củng dần, ý tứ là một đống học sinh. Sau đoán, ngọ vận hợp mùi hại sửu, phá hư sửu mùi

xung, ly hôn. Kỷ sửu ly hôn, canh dần làm xong thủ tục. Ngọ vận sẽ có năm năm đào hoa, thực tế tìm một người đàn ông hơn 50 tuổi, người ta không ly hôn. Trên giờ mậu với mùi là cùng một ngũ hành, thấu là đào hoa, tý mùi hại có thể không dễ dàng
● Khôn tạo : cực nhiều đào hoa
quý đinh quý quý (dần mão thìn tị)
mão tị sửu hợi
Đại vận : ngày 20 tháng 10 khởi vận
bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
thìn mão dần sửu tý hợi tuất dậu
Số tuổi 2 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1963 1974 1984 1994 2004 2014 2024 2034
Nguyên cục lấy sửu là chồng, thấy tị củng vào phu cung, trong tị mang mậu bính, mậu cùng bính cũng xem làm hoa đào. Ngồi âm mà hỉ dương, thích đào hoa. Âm nhiều dương ít hỉ dương, càng có đào hoa hôn nhân càng ổn định, sửu là chồng, tị là đào hoa, hỉ tị đến sinh, năm kỷ mùi 17 tuổi hư thân. Theo bạn học, sửu là nhật chủ bán lộc, sát tinh xung nhập. Sửu cũng là kỷ bán lộc, mùi xung phá hư thân, chồng cũng có tình nhân bên ngoài.
Năm ất sửu kết hôn, năm bính dần sinh con. Năm mậu thìn hồi đáp chồng bên ngoài tìm nữ nhân, ở đơn vị tìm một ông già. Ứng Mậu quý tương hợp, mậu là người già .
Năm kỷ tị năm quen biết bạn trai mới, là một nghệ thuật gia. Trong tị bính đến là người khác.
Năm tân mùi, kết thúc quan hệ cùng ông già. Duy trì quan hệ cùng một tình nhân khác .
Năm quý dậu, tình nhân nghệ thuật gia giúp đầu tư một tiệm bán quần áo. Bắt đầu kiếm tiền .
Năm giáp tuất, Mậu thổ trong tị xuất hiện, ăn ở với một nam nhân cùng làm ăn, thời gian không được dài. Bởi vì là hình thì thời gian ngắn.
Năm bính tý, bính đại biểu tị rơi vào trên lộc, lại một đào hoa, mùa hè ăn ở chung sống, mùa đông giải tán. Qua lưu niên sẽ không có .
Năm bính tuất ăn ở cùng một chàng trai nhỏ tuổi hơn. Thời gian được một năm.
Năm đinh hợi kết thúc quan hệ dài đến mười mấy năm cùng nghệ thuật gia. Hành kỷ dậu vận tị hỏa tử địa, lại xung là ứng .
Năm mậu tý, tìm một ông chủ mỏ than, nhỏ hơn nàng năm tuổi. Tý là lộc, mậu đại biểu tị
Tạo này phu cung là sửu thổ sát tinh, được chính vị là chính phu, trên tháng tị hỏa tài tinh trong ngậm mậu thổ chính cung, ở thiên vị, củng vào

nàng phu cung, là thiên phu. Thực tế cô gái này ngoài chồng mình ra, bên ngoài vẫn có tình nhân, sửu thổ bên cạnh kiếp tài, chồng bên ngoài cũng có tình nhân, hai người ở riêng nhiều năm, nhưng bởi vì phu cung không hư, hai người không ly hôn.
● Khôn tạo : Đào hoa
kỷ đinh canh quý (thân dậu dần mão)
dậu mão thìn mùi
Đại vận : ngày 1 tháng 2 khởi vận
mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp ất
thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi
Số tuổi 10 21 31 41 51 61 71 81
Năm phân 78.6 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049
Nguyên cục đinh mão là chồng, mão dậu xung, chồng có tình nhân. Kỷ dậu cùng canh thìn đem trượng phu bao trụ, không dễ dàng ly hôn, nhưng hôn nhân không tốt. Mùi là đào hoa, mùi là quan tinh thoái khí, ý tứ có phải chồng chính thức hay không. Mùi nhập thìn mộ, cho nên là đào hoa. Ta đoán năm quý mùi có đào hoa, quả là đúng. Tìm một nam nhân tuổi canh tý. Nhâm thân vận thì không có đào hoa.

● Khôn tạo : Đào hoa
mậu bính nhâm bính (dần mão dần mão)
thân thìn tý ngọ
Đại vận ngày 5 tháng 10 khởi vận
ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
Số tuổi 2 13 23 33 43 53 63 73
Năm phân 69.6 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040
Phân tích : mậu thân bày tỏ trượng phu, mậu là chồng, nhưng trong thân có tỷ kiếp. Nguyệt lệnh bính thìn, bính là đào hoa, thìn là gia đình. Bính ngọ là hôn nhân tương lai. Sửu vận hôn nhân tạm được, đến nhâm vận quan tài môn, muốn ly hôn. Kỷ mão đổi nhâm vận, bắt đầu đòi ly hôn. Năm quý mùi ly dị. Tượng mậu bị quý hợp khử, mậu hợp quý tượng chồng chạy đi. Thìn là đào hoa, thìn là một người đàn ông khác, vốn là tỷ kiếp kho, là tìm nam nhân đã có gia đình. Năm canh thìn hoặc tân tị có đào hoa, năm bính tuất xung đến thìn, chia tay. Nhâm tý vận khắc bính không sinh mậu dễ ly hôn, tân hợi đại vận không có hôn nhân, gặp lộc vận bày tỏ bản thân mình. Thời gian có đào hoa không lâu.

● Khôn tạo : Đào hoa
kỷ nhâm đinh tân (thân dậu dần mão)

dậu thân sửu sửu
Đại vận : ngày 8 tháng 9 khởi vận
quý giáp ất bính đinh mậu kỷ canh
dậu tuất hợi tý sửu dần mão thìn
Số tuổi 3 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 71.6 1982 1992 2002 2012 2022 2032 2042
Nguyên cục lấy nhâm thân là chồng, phu cung nhiều hiện, quan thống tài, dậu sửu tương củng, dậu là đào hoa. Nhâm thủy chồng phát tài, bính tý đại vận bính vận kiếp tài năm năm, bởi vì tìm một đào hoa mà đại phá tài, mà ly hôn. Phá hết mấy triệu. Hành tới tý vận, lại tìm một tiểu đào hoa ít hơn sáu tuổi, nàng nuôi sống người ta. Lấy quan tinh làm tài, hành bính vận kiếp tài xung nhâm, ý phá tài. Bính tân tới hợp đào hoa, kiếp tài đào hoa. Bính tý vận, là kiếp tài, tý là đào hoa, bính đem chồng xung đi. Đinh sửu vận tốt hơn chút .

● Khôn tạo : Đào hoa trước hôn nhân
tân kỷ bính đinh (thìn tị tý sửu)
dậu hợi thân dậu
Đại vận : ngày 18 tháng 6 khởi vận
canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
Số tuổi 8 19 29 39 49 59 69 79
Năm phân 89.1 1999 2009 2019 2029 2039 2049 2059
tân dậu là người đàn ông thứ nhất, vào phu cung có tính chất quan hệ. Ta đoán : tân sửu vận, năm tân tị, tìm một đối tượng đã có hôn nhân, ngươi quá dụng tình, nhưng người ta không phải là của ngươi. Cuối cùng phải chia tay.Qua sửu vận liền chia tay, nhưng còn tơ tưởng, không thể thẳng thừng chia tay. Quả nhiên thế. Làm sao nhìn ra ? Bởi vì tân dậu là phu cung, sinh hợi cái tổ hợp này của nàng tương hảo. Dậu này xuất hiện bao cục, trên giờ tái hiện, mà dậu trên đầu mang đinh, liền bày tỏ nàng tìm nam nhân có vợ. Nữ nhân tài trọng dụng tình, mà xuất hiện bao cục, chính là sẽ không hoàn toàn tách ra. Nhâm dần vận, tuyệt kim, sẽ tạm phân. Năm canh dần, nữ nhân này kết hôn.

● Khôn tạo : Đào hoa
canh đinh bính giáp (dần mão dần mão)
tuất hợi ngọ ngọ
Đại vận ngày 1 tháng 9 khởi vận
bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn mão

Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 74.8 1985 1995 2005 2015 2025 2035 2045
Đoán : Ngươi xuất giá sau vẫn ở nhà mẹ đẻ nhiều hơn, cùng chiêu một con rể không sai biệt lắm. Lại đoán : hôn nhân không có vấn đề, nhưng có số đào hoa. Hôn nhân nên ở năm 97 đinh sửu 28 tuổi hình tuất không khắc hợi thủy kết hôn, trước lúc này, năm 92 năm từng đã yêu đương. Sau khi cưới sinh một nữ nhi. Lại đoán : số đào hoa của ngươi ở thân vận, n ăm 31 tuổi 01 ngắn ngủi, tị từ trong tuất ra, một người có gia đình, chung sống chưa được nửa năm, không phải là cùng tuổi chính là thuộc khỉ, người này có hôn nhân, canh thấy thân là thấy khỉ. Năm 35 tuổi 04 tương đối dài, ứng với người sinh năm 60 canh tý, người nam này hôn nhân không tốt hoặc đã ly hôn, thời gian tương đối dài, năm giáp thân, thân sinh quý thủy. Năm đinh hợi 38 tuổi chia tay. Quả nhiên . Đinh hợi là chồng có đào hoa, đinh hư, tương đương với ngọ chạy, không tới. canh tuất cũng là phó cung, là đào hoa. Quý mùi vận cũng là bán lộc, mùi là sánh vai thoái khí dư khí.

● Khôn tạo : Đào hoa ngoài giá thú
Quý ất mậu bính (dần mão tý sửu)
hợi mão thân thìn
Đại vận : ngày 5 tháng 4 khởi vận
bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý
thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 87.12 1998 2008 2018 2028 2038 2048 2058
Nguyên cục ất mão là chồng, mậu thổ không thích ất. Trong hợi có giáp, vào thìn mộ đào hoa, vào con gái cung vị, có tính chất quan hệ, nam nhân có gia đình, là đào hoa, không có thìn quý hợi cũng là đào hoa. Năm 2006 có người yêu, năm canh dần có thể kết hôn. Một người đàn ông khác có gia đình, năm mậu tý xuất hiện, mậu đến là thìn đến, tý đến là quý đến, người ta đã có vợ, nhưng mình thích. Tài tinh trọng sinh quan, chồng không có tiền, tài tinh là bát tự tật xấu.
● Khôn tạo : Dianna Vương phi Anh quốc
tân giáp ất bính (thìn tị thìn tị)
sửu ngọ mùi tuất
Đại vận : ngày 18 tháng 6 khởi vận
ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm
mùi thân dậu tuất hợi tý sửu dần
Số tuổi 2 13 23 33 43 53 63 73
Năm phân 62.6 1973 1983 1993 2003 2013 2023 2033

Tạo này là Vương phi Anh quốc Dianna, đầu tiên xem tân sửu trên năm là phu tinh, tuất là đào hoa. Giáp kiếp tài tranh phu. Phu cung mùi xung sửu, là tổ hợp phu cung chế khử phu tinh. Nhìn lại tháng thấu giáp mộc tỷ kiếp, tân kim phu tinh bị giáp mộc sở đoạt, tỏ rõ vương tử Charler có điều vui mừng khác. Giáp mộc cao thấu, nói rõ vương tử có nhân tình mọi người đều biết. Xem có thể ly hôn hay không, phải xem vợ chồng cung ổn hay không ổn. Phu cung mùi thổ bị tuất thổ hình hư, đại vận sẽ hành tuất vận, cho nên cuối cùng ly dị. Bản thân nàng đào hoa thấy thế nào? Nguyên cục mộc hoả quá táo mà hỉ âm, lấy tân kim trong tuất là đào hoa. Hành tuất vận, phạm quá nhiều hoa đào, thấy bính, trên có bính hỏa chiếu bị phơi bày, tuất là quan thoái khí cho nên là đào hoa. Năm bính tý ly hôn, năm đinh sửu tai nạn xe cộ bỏ mình.

● Khôn tạo : Làm quản lý tài chính đào hoa
giáp nhâm nhâm quý (thìn tị tý sửu)
dần thân dần mão
Đại vận : ngày 29 tháng 8 khởi vận
tân canh kỷ mậu đinh bính ất giáp
mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý
Số tuổi 7 18 28 38 48 58 68 78
Năm phân 80.12 1991 2001 2011 2021 2031 2041 2051
Nguyên cục lấy giáp dần, lấy bính hỏa trong chi dần là chồng, dần thân xung, thân mang tỷ kiên, chồng thứ nhất sẽ ly hôn. Sinh con trai, có tiền đồ. Chồng thứ hai là chi dần tọa dưới, bị đè nén, không có tiền đồ. Nàng bên ngoài có hoa đào, cái đào hoa này lấy tị vận xem, tị trên tọa kỷ quan, tị thân hợp, thân là nhâm trường sinh là mình, thân thể của mình cùng tài quan hợp, tự nhiên có đào hoa cũng mang đến cho nàng tài vận. Làm quản lý tài chính. Mậu thìn vận, mậu quý hợp, thân thìn củng hợp, bên ngoài có tình nhân .

● Khôn tạo : Lộc bán đào hoa
canh ất bính quý (thìn tị tý sửu)
thân dậu thân tị
Đại vận : ngày 30 tháng 11 khởi vận
giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh
thân mùi ngọ tị thìn mão dần sửu
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 83.1 1994 2004 2014 2024 2034 2044 2054
Tị là lộc, bày tỏ thân thể nữ nhân, vợ chồng cung cũng là tài quan, cũng tới hợp lộc, quá nhiều, không được ổn định, chính là nữ nhân tương đối tùy tiện, đào hoa nhiều. Bạn trai nhiều. Lộc hợp trên năm, thích lớn tuổi

hơn, sớm yêu. Năm ất hợi 16 tuổi hư thân, sau lần này từng có rất nhiều nam nhân, tính tương đối loạn. Đến nay chưa kết hôn.

● Khôn tạo : Mình đào hoa, chồng trưởng khoa cũng có đào hoa (xung lộc).
quý kỷ kỷ canh (thân dậu thìn tị)
mão mùi mão ngọ
Đại vận : ngày 16 tháng 12 khởi vận
canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
thân dậu tuất hợi tý sửu dần mão
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1963 1974 1984 1994 2004 2014 2024 2034
Xem tạo này nguyên cục, bản thân cũng không đào hoa. Ngược lại biểu hiện chồng đào hoa rất vượng, mão là chồng, nhập vào khách vị chi mùi, mùi là nữ nhân khác. Quả nhiên năm quý mùi bị nàng phát hiện, cãi nhau ầm ĩ, cũng không ly hôn. Ta nói giáp vận ngươi sẽ có đào hoa, cũng không cần giận hắn. Cái này bởi vì trên giờ thấy lộc, chủ thân thể nữ nhân, giáp là một người đàn ông khác, giáp kỷ hợp, tý ngọ xung, chủ đào hoa. Cái đào hoa này sẽ mang đến cho nàng tài vận.

● Khôn tạo : Tiểu quan bổng lộc nhiều đào hoa
kỷ nhâm canh kỷ (tư sửu dần măo)
dậu thân thân mão
Đại vận : ngày 1 tháng 4 khởi vận
quý giáp ất bính đinh mậu kỷ canh
dậu tuất hợi tý sửu dần mão thìn
Số tuổi 9 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 77.6 1988 1998 2008 2018 2028 2038 2048
Cô gái này mặt ngoài rất chính phái, lớn lên khí chất hảo, vóc người đẹp. Bởi vì có lộc không có ấn, người cả đời mệnh bôn tẩu.
Bát tự không có quan, tài là chồng, nhưng tài tinh song hợp phu cung, tài cũng là đào hoa. Sở dĩ mưu đồ lấy tiền tài của nam nhân đi làm đào hoa, đào hoa cũng rất nhiều. Hành ất hợi vận, năm kỷ mão kết hôn, năm ất dậu ly hôn, năm bính tuất lại tái kết hôn. Bởi vì hợi có thể sinh mão, cho nên ly hôn rồi lại phục hợp. Theo bên lãnh đạo có quan hệ, đào hoa rất nhiều, đều là vì tiền quyền. Mình là một tiểu quan .
Mão là phu tinh, mão dùng ba lần, xung một lần, hợp hai lần, mão là tài không có tình cảm. Đào hoa là ám. Ất hợi vận không nên ly hôn .
● Khôn tạo : Mình buôn bán có tiền Hạ trọng kỳ đoán phạm đào hoa
quý bính kỷ đinh (dần mão thìn tị)

mão thìn dậu mão
Đại vận : nagyf 15 tháng 6 khởi vận
đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp
tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý
Số tuổi 1 11 21 31 41 51 61 71
Năm phân 1963 1973 1983 1993 2003 2013 2023 2033
Đây là trương hợp Hạ trọng Kỳ suy đoán, tường tế suy đoán cô gái này từng trải qua đào hoa, là tư liệu sống thật tốt để chúng ta học tập. Năm 93 năm đoán mệnh nguyên cục phu cung dậu thấy quý mão trên năm, tương xung, là chồng. Mão thìn hại ly hôn. Dậu hợp thìn, thìn là quan chi thoái khí, lại là tỷ kiếp, bày tỏ nàng là nam nhân cũng có thê thất. Khố không xung chủ nhiều, có rất nhiều đào hoa.
Đoạn : năm 25 tuổi kết hôn, quý vận năm đinh mão, mão là chồng. Kết hôn không tốt, năm quý dậu 31 tuổi tìm một bạn học, ứng thìn dậu hợp, nguyệt lệnh là bạn học.
Đoạn : Cái tình nhân này năm 95 thì phải xa nhau. Nguyên nhân Mão thìn hại. Hợi đại biểu thìn .
Đoạn : Năm đinh sửu 97, hội kim cục, lại đụng phải một đào hoa, đến năm canh thìn, thìn thìn gặp nhau thì phải tán, phục ngâm chính là rời đi. Sửu là dậu, hai dậu, tới một đi một.
Đoán, hôn nhân tồn tại trên danh nghĩa, cần đến năm tân tị 01 kết thúc. Tân tị là phu cung dậu hư, tị dậu hợp, kim nhược hỏa vượng thì tán. Tại trước đây, năm canh thìn một người đi một người đến, một năm chung sống không vừa lòng, đến tháng sáu, bảy năm 01 bỏ nhau. Năm đó tháng tám trung thu có người theo đuổi, mùa xuân năm quý mùi 03 còn có thể có một người, quý đến là thìn đến. Sau đó trên căn bản không gián đoạn.
khi nào kết thúc đào hoa ?
Đáp : đến tuất vận, năm mươi sáu năm bảy tuổi thì kết thúc đào hoa, tuất hại dậu, phá thìn dậu hợp.
Quý mão, đinh mão, chữ mão sát thấu tượng phản rồi, biến thành hai người. Thìn là quan kho thoái khí, lại là tỷ kiếp kho, kho chủ nhiều. Phải dựa vào đại vận lưu niên tới dẫn động.

● Khôn tạo : Hạ trọng Kỳ đoán phạm đào hoa
quý giáp giáp đinh (dần mão ngọ mùi)
tị dần thìn mão
Đại vận :
ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm
mão thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất
Số tuổi 5 15 25 35 45 55 65 75

Năm phân 1957 1967 1977 1987 1997 2007 2017 2027
Hạ trọng Kỳ đoán : kết hôn sớm, mậu thân, kỷ dậu, mười sáu, mười bảy tuổi hôn nhân động, tìm một đối tượng phương xa, lớn hơn mình rất nhiều, vừa vào cửa làm mẹ kế. Thìn là phu cung, quý là phó cung. Tị trong có canh là chồng. Mậu thân, kỷ dậu thấy tài quan liền động hôn nhân. Tị ở phương xa, tị hại dần, đã ly dị. Phạm một đào hoa là hậu sinh của mình, là thân nhân, cuối cùng đoán đến là con trai của mình. Tị là chồng, mượn tượng đinh xem hoa đào, đinh rơi con cái cung chi thương quan, là con trai, mão thìn hại, không phải là con ruột của mình. Mậu ngọ vận bắt đầu có loại quan hệ đó. Đinh vượng hợp dần lộc. Kỷ mùi vận hỏa đến thoái khí. Canh thân vận hoàn toàn không có quan hệ .
Thứ tư tiết : Phán đoán bao cục hôn nhân

● Thứ nhất là tổ hợp phối ngẫu tinh bao phối ngẫu cung .
● Thứ hai là tổ hợp phối ngẫu cung bao phối ngẫu tinh.
● Thứ ba tổ hợp phối ngẫu tinh cùng cung đều bị tinh khác bao .
● Phối ngẫu tinh bao cục hôn nhân thể hiện mấy loại đặc điểm :
1、 Mình bị phối ngẫu theo dõi chặt, loại hôn nhân này dễ mệt mỏi, cũng không dễ dàng ly hôn. Một khi muốn xa rời, phải trả trả giá rất lớn.
2、 Tình huống bao cục xuất hiện phản cục, hôn nhân sẽ có vấn đề.
3、 Nữ mệnh không có quan tinh, tài bao cục dễ dàng bị bao dưỡng.

● Càn tạo : Quan viên cục tài chính bao cục hôn nhân
ất đinh nhâm ất (tuất hợi dần mão)
tị hợi thân tị
Đại vận : ngày 7 tháng 1 khởi vận
bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn mão
Số tuổi 2 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 66.4 1 978 1988 1998 2008 2018 2028 2038
Nguyên cục năm giờ hai ất tị thê tinh bao cục, bày tỏ bất kể đi tới đâu, thê tử cũng sẽ đi theo, ất là dây điện thoại, hai tị là con mắt. Điện thoại đi theo. Rất là phiền toái. Bao cục hôn nhân khó mà xa cách, muốn ly hôn vợ chỉ có tìm cái chết. Đinh phối hợi, hợi là người khác, vợ người khác, đinh là bạn gái. Mùi vận xuất hiện, ngọ vận là đinh lộc, chung sống càng ngày càng gần. Nhâm ngọ vận là tình nhân cách mình gần .

● Càn tạo : Bao cục hôn nhân ly hôn không được
nhâm kỷ quý giáp (tý sửu thìn tị)
dần dậu hợi dần

Đại vận : ngày 15 tháng 5 khởi vận
canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
tuất hợi tý sửu dần mão thìn tị
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 67.8 1978 1988 1998 2008 2018 2028 2038
Dần làm vợ, xuất hiện bao cục, lại không có phối ngẫu tinh khác xuất hiện quấy nhiễu, đại vận không được khắc thê đại vận, cho nên không cách nào ly hôn. Bao cục hôn nhân theo dõi chặt, buổi tối đến thì nhất định phải trở về, hôn nhân thống khổ. Lục hợp trông coi chặt .

● Khôn tạo : Người mẫu bao cục hôn nhân xa rời không được
bính bính quý bính (thìn tị tý sửu)
thìn thân mão thìn
Đại vận : ngày 30 tháng 6 khởi vận
ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 79.6 1990 2000 2010 2020 2030 2040 2050
Nguyên cục thìn là chồng, xuất hiện bao cục, mặc dù mão thìn hại, nhưng hai đầu hại một chút bất động, hôn nhân không tốt ly hôn không được. Thìn cùng thân củng, chồng có ngoại tình. Bính là mắt, thìn là nam nhân, tướng mạo xinh đẹp, thời kỳ thanh niên từng làm người mẫu. Sau vào năm canh dần 35 tuổi, mình có đào hoa. Trong thìn tỷ kiếp nhiều, chồng có tình nhân. Bính thìn ánh mắt của nam nhân nhìn nàng chằm chằm. Đào hoa xí nghiệp gia. Nhâm thìn vận cùng bính thìn không phải là một người, tượng thay đổi, nam nhân có gia đình.

● Càn tạo : bao cục hôn nhân
canh kỷ canh kỷ (tý sửu ngọ mùi)
dần mão thân mão
Đại vận : ngày 18 tháng 9 khởi vận
canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi
Số tuổi 3 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 52.1 1963 1973 1983 1993 2003 2013 2023
Nguyên cục dần mão đều là vợ, mão là vợ cả, mão bao cục, mão thân hợp, tượng dây dưa vướng víu. Ly hôn quá khó khăn .
Giáp thân vận, số đào hoa, giáp đại biểu dần đến nơi, bên ngoài có nữ nhân, bắt đầu muốn ly hôn, nhưng không được. Năm nhâm ngọ quen biết bạn gái hiện giờ. May nhờ gặp vận ất dậu, là dương nhận khắc thê đại

vận, lên tòa án vô số lần, rốt cục năm ất dậu ly hôn, bởi vì phá nguyên cục bao cục. Sau củng bạn gái kết hợp. Vốn có công việc .

● C àn tạo : Bao cục hôn nhân
giáp đinh ất mậu (thân dậu tý sửu)
dần mão hợi dần
Đại vận : ngày 14 tháng 9 khởi vận
mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp ất
thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi
Số tuổi 1 11 21 31 41 51 61 71
Năm phân 1974 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044
Nguyên cục lấy dần làm vợ (dần trong có bính), trên giờ thấy dần bao cục, vợ là một Mẫu Dạ Xoa, cầm gậy đánh hắn. May mắn trên dần thấu giáp, có thể trở thành vợ người khác. Năm đinh mão là vợ thứ hai, hợi mão hợp vào thê cung, tân vận năm giáp thân ly dị, năm bính tuất tìm được vợ thứ hai. Mậu là đào hoa.

● Càn tạo : Bao cục hôn nhân ly hôn rồi
nhâm tân kỷ ất (tuất hợi dần mão)
tý hợi tị hợi
Đại vận : ngày 25 tháng 9 khởi vận
nhâm quý giáp ất bính đinh mậu kỷ
tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1972 1983 1993 2003 2013 2023 2033 2043
Nguyên cục hai hợi tài tinh bao cục, bao cục vốn ly hôn không được, may mắn xuất hiện phản cục, tức tân hợi cùng ất hợi, thiên can tương khắc,ngược lại, nói rõ tân hợi cùng ất hợi cũng không phải là một người. Cho nên hôn nhân tất xa cách .
Ta đoán : hôn nhân không tốt, hôn nhân lần đầu tiên phải ly hôn! khi nào ly hôn ? ất vận ly hôn. Năm giáp thân hại hợi làm hôn nhân xảy ra vấn đề. Thực tế, dần vận năm kỷ mão kết hôn, ất vận năm ất dậu ly hôn. Tân hợi, ất hợi phản tượng, là hai người, không rời là chết.

● Khôn tạo : Bao cục hôn nhân ly hôn rồi
canh giáp đinh mậu (tuất hợi dần mão)
tuất thân mão thân
Đại vận : ngày 30 tháng 1 khởi vận
quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý

Số tuổi 2 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 71.8 1983 1993 2003 2013 2023 2033 2043
Tạo này thân là chồng, giáp thân, mậu thân, hai thân là một người, xuất hiện bao cục, kết hôn tương đương với ngồi tù. Bởi vì mão tuất lục hợp, lục hợp phá ám hợp, cho nên cuối cùng có thể ly hôn. Năm ất dậu ly hôn, rốt cục thoát khỏi ràng buộc, bởi vì xung phá vợ chồng cung. Bởi vì có mão tuất hợp, thương ở trên năm, hợp đến thương quan trên năm, lấy chồng già mang tài tinh .

● Khôn tạo : quan sát bao cục phái nữ có sức hấp dẫn
bính bính tân đinh (tuất hợi dần mão)
ngọ thân hợi dậu
Đại vận : ngày 10 tháng 10 khởi vận
ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 69.12 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040
Bính ngọ là chồng, đinh ở trên lộc chủ mình đào hoa, xinh đẹp. Quan sát tinh bao trụ mình, bày tỏ nàng có sức quyến dũ, nam nhân thích. Bính ở trên thân, thân là chồng đào hoa, chồng bên ngoài nhiều nữ nhân .
● Mộng lộ : tình nhân của nhiều người
bính quý tân quý (tý sửu tuất hợi)
dần tị dậu tị
Tình nhân của nhiều người.Tân kim thấy quý thủy, kim bạch thủy thanh, chủ xinh đẹp động lòng người. Thêm chi quan tinh bao cục, bính chủ mắt, con ngươi, truyền thông, ánh mắt của nam nhân cũng nhìn nàng chằm chằm
● Khôn tạo : thạc sỹ kế toán viên cao cấp bao quan cục hôn nhân sẽ không ly hôn
ất kỷ nhâm nhâm (thân dậu tý sửu)
mão sửu ngọ dần
Chồng là ông chủ xí nghiệp, chồng là đã ly dị, so với nàng lớn tuổi hơn . Kỷ sửu là chồng, sửu là thủy thoái khí, chồng là đã ly dị, so nàng lớn tuổi hơn. Sửu ngọ hại, phu tinh hại phu cung hôn nhân không tốt. Xem lại phu tinh bị bao cục, thương quan thực thần chiếm năm giờ, bao trụ phu cung cùng phu tinh. Cho nên sẽ không ly hôn. Cô gái này rất có khả năng, năm quý mùi quen biết, không lâu sau kết hôn. Hôn nhân rất tốt. Chồng làm xí nghiệp. Nguyệt lệnh quan tinh chế không được xem làm tài .
● Khôn tạo : Bao quan cục hôn nhân sẽ không xa cách
bính tân canh giáp (tuất hợi tý sửu)

thìn mão ngọ thân
Phu là chi ngọ hỏa, tuy mão ngọ tương phá, nhưng nguyên cục xuất hiện thân cùng thìn lộc ấn bao cục, đem chồng bao chặt chẽ ở bên trong, cho nên hôn nhân sẽ không có bất cứ vấn đề gì. Mão ngọ tương phá, bày tỏ ý chồng làm giải phẫu, hoặc bị thương tai.
● Khôn tạo : Bao cục hôn nhân bị người bao
tân canh tân mậu (tý sửu tý sửu)
dậu dần dậu tý
Đại vận : Ngày 12 tháng 6 khởi vận
tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu
mão thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất
Số tuổi 7 18 28 38 48 58 68 78
Năm phân 87.1 1998 2008 2018 2028 2038 2048 2058
Dần là chồng, nhưng dần mang kiếp lại là chồng người khác. Dậu phu cung bao dần phu tinh, không thể rời bỏ chồng, bao trụ tài quan, được người bao dưỡng. dần là chồng của người khác, dùng lộc thân thể bao cục bao tài, năm đinh hợi 27 tuổi dẫn động, được bao dưỡng. Tị vận không tốt .

● Tổ hợp bao dưỡng : nữ mệnh bát tự không có quan sát, người tài tinh bao cục được bao dưỡng .
● Khôn tạo : bao cục hôn nhân được người bao dưỡng
kỷ bính giáp kỷ (tý sửu tý sửu)
mùi dần dần tị
Đại vận : Ngày 27 tháng 2 khởi vận
đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp
mão thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 84.4 1995 2005 2015 2025 2035 2045 2055
Nàng nguyên cục không có quan sát, mà hai đầu tài tinh bao mà hợp chi. Năm nhâm thân 14 tuổi liền cùng nam nhân lên giường. Năm tân tị 21 tuổi trước được người bao người đàn ông này rất lãng mạn, vừa mới bắt đầu bảo là muốn cưới nàng, nhưng mỗi tháng cho nàng mấy ngàn, nàng đối với hắn rất hung .
Năm nhâm ngọ 2002, lại được một người lớn hơn hai mươi tuổi bao, người đàn ông sau cho nàng mỗi tháng sinh hoạt phí là được ba vạn, nàng đối với hắn rất ôn nhu. Năm giáp thân lại câu được một thợ cắt tóc, nhỏ hơn nàng là cũng bỏ tiền ra giúp đỡ nàng. Hiện tại có hai người cũng là bao nàng, chu cấp cho nàng, hai người đàn ông này cũng không biết. Lộc bị hại tính tiết chế. Tân mùi vận xem làm nam nhân.

● Khôn tạo : Mỹ nữ bao cục hôn nhân được người bao
mậu đinh đinh mậu (ngọ mùi dần mão)
thân tị hợi thân
Đại vận : Ngày 2 tháng 5 khởi vận
bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
thìn mão dần sửu tý hợi tuất dậu
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 71.6 1982 1992 2002 2012 2022 2032 2042
Hai đầu thương quan mang tài quan bao cục, là một mỹ nhân. Hợi là chồng, thân là tình nhân. Thân hợi hại, ly hôn, sau được tình nhân bao dưỡng. Tị là lộc thần, rơi vào khách vị mang sánh vai, lại bày tỏ thân thể của mình, cũng bày tỏ nữ nhân khác .
Dần vận, dần hợi hợp ly hôn, quý sửu vận bắt đầu được người bao cho đến bây giờ. Năm kỷ tị hư thân, năm canh ngọ cùng một người đàn ông khác kết hôn, năm mậu thìn nhân vì chồng bên ngoài có nữ nhân mà ly hôn. Năm canh thìn, tân tị được người đàn ông đầu tiên bao.
Nhâm tý vận còn có thể được bao dưỡng, đinh nhâm hợp đại biểu đinh hợi.

● Khôn tạo : Tài bao cục được người bao
canh mậu đinh canh (tuất hợi dần mão)
tuất dần mão tuất
Bát tự không có quan sát, thương quan tuất thổ mang tài tinh bao chi, chi tọa dưới lại là thiên ấn, thiên ấn chủ làm thiên phòng. Cho nên là một mệnh được người khác bao dưỡng. Người này có trình độ học vấn có văn hóa , được người quanh năm bao dưỡng, còn sinh hài tử .
Hôn nhân không nghiêm chỉnh. Trong tuất có đinh, tỷ kiếp kho, người có gia thất bao.

● Khôn tạo : Ký giả tài bao cục được người bao
bính mậu giáp tân (thìn tị tuất hợi)
dần tuất ngọ mùi
Đại vận : Ngày 5 tháng 9 khởi vận
đinh bính ất giáp quý nhâm tân canh
dậu thân mùi ngọ tị thìn mão dần
Số tuổi 3 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 88.4 1999 2009 2019 2029 2039 2049 2059
Nguyên cục bát tự không có quan tinh, tòng chi thương quan, bị hai tài tinh bao cục. Mùi cùng tuất là hai người đàn ông khác nhau. Thuộc về tổ hợp được người bao dưỡng. Tuất củng dần, mùi là mộc kho, cũng có gia

đình. Hành mùi vận,được quan viên bao dưỡng, năm canh dần quan viên gặp chuyện không may, mình cũng dính vào. Là một ký giả. Tân phạm quan phi, bị trộm lục, bị lợi dụng.
● Khôn tạo : phụ trách đài truền hình bao cục phản cục ly hôn
canh canh đinh giáp (tuất hợi dần mão)
tuất thìn mão thìn
Đại vận ngày 21 tháng 3 khởi vận
Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm
Mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 73.8 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044
Cung tinh nhập vào thìn mộ, xuất hiện bao cục, nhưng canh thìn cùng giáp thìn tượng ngược lại, không phải là một người, canh thìn là chồng thứ nhất, giáp thìn là chồng thứ hai. Mão thìn tương hại, hai hôn nhân không tốt. Tuất là tuổi tác lớn đào hoa. Giáp thìn nhất thể một người. Sửu vận năm tân tị ly hôn. Năm mậu tý tìm được chồng thứ hai, hôn nhân không tốt, tình trạng ở riêng. Phụ trách đài truyền hình.

Càn tạo : Bao cục phản cục tìm nữ tiếp viên hàng không ly hôn
kỷ đinh nhâm quý (thân dậu dần mão)
dậu mão ngọ mão
Đại vận : ngày 27 tháng 11 khởi vận
bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
dần sửu tý hợi tuất dậu thân mùi
Số tuổi 1 11 21 31 41 51 61 71
Năm phân 1969 1979 1989 1999 2009 2019 2029 2039
Hai mão bao cục, mão làm vợ. Đinh mão cùng quý mão phản tượng, Không phải là một người. Mão ngọ phá, gây gổ, hôn nhân sớm tất ly hôn. Thực tế : Năm kỷ mão 31 tuổi kết hôn, là bạn cùng học, năm canh thìn ly hôn, ứng mão thìn hại. Bao cục là lục hợp rất thống khổ, hợp chặt theo dõi chặt .
Tạo này tạo thê cung ngồi chính tài, nhật chủ lại hợp can tháng chính tài, bởi vì đinh ngồi xuống mão mộc cùng ngọ hỏa tương phá, nói rõ đinh mão một trụ cùng ngọ hỏa không thể kiêm, như vậy đinh mão là một người, ngọ lại là một người, trong mệnh tượng hai lần hôn nhân
Tiết thứ năm : Phán đoán tình huống phối ngẫu
Bao gồm tình hống hôn nhân cùng phối ngẫu nội dung tốt xấu đối với mình.
● Khôn tạo :
mậu giáp kỷ tân (tý sửu dần mão)

thân dần mùi mùi
Đại vận : ngày 18 tháng 12 khởi vận
quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
sửu tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ
Số tuổi 5 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 72.6 1982 1992 2002 2012 2022 2032 2042
Giáp dần là chồng, có mậu tỷ kiếp tranh phu, tỷ kiếp ở phía trước, tranh ở bên phía trước rồi, cho nên đoán hai hôn nhân. Kỷ mùi kho muốn khai, nguyên cục không khai, dần thân xung bên cạnh khai khố, cho nên phu quý. Năm ất hợi 28 tuổi kết hôn, ứng dần hợi hợp động. Xung sát cũng là vợ trước mang, nguyên cục xung tốt lắm, đại vận không tốt cũng không sao. Canh tuất vận hôn nhân hảo .

● Càn tạo : Là chồng của tạo phía dưới
ất nhâm mậu nhâm (dần mão dần mão)
tị ngọ thân tuất
Đại vận ngày 2 tháng 5 khởi vận
Tân canh kỷ mậu đinh bính ất giáp
Tị thìn mão dần sửu tý hợi tuất
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 70.4 1981 1991 2001 2011 2021 2031 2041
Ất tị bày tỏ người khác, ất quan là khắc mậu, thân làm vợ, tị thân hợp, bị xung là tốt, nguyên là vợ người khác, đến dần vận hại ngã tị, giải tị thân hợp, người khác ly hôn sau thê đến vị. Dần vận năm đinh sửu tìm một người ly hôn, sửu đại biểu thân .

● Khôn tạo : Là thê tử của tạo trên
kỷ giáp ất mậu (tuất hợi dần mão)
dậu tuất sửu dần
Đại vận : ngày 17 tháng 1 khởi vận
ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm
hợi tý sửu dần mão thìn tị ngọ
Số tuổi 7 19 29 39 49 59 69 79
Năm phân 75.6 1987 1997 2007 2017 2027 2037 2047
Ngày ất sửu giờ mậu dần, dần đại biểu mình. Dậu là người chồng thứ nhất, bị tuất hại, hôn nhân lần đầu không được mấy năm thì ly hôn, không có con cái. Hôn nhân thứ hai là sửu thổ, hôn nhân thứ hai tốt đẹp.

● Khôn tạo : rất xinh đẹp làm tiểu thiếp
đinh quý tân nhâm (ngọ mùi tý sửu)

tị mão mão thìn
Đại vận ngày 22 tháng 7 khởi vận
giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân
thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi
Số tuổi 1 11 21 31 41 51 61 71
Năm phân 1977 1987 1997 2007 2017 2027 2037 2047
Nhưng mão thìn hại, hại đến thìn chính ấn, chính ấn ý là cưới hỏi đàng hoàng, bị phu cung hại đến, cho nên chỉ có thể là thiên phòng. Cô gái này đặc biệt xinh đẹp, thương quan hợp sát chủ xinh đẹp.Chỉ cần thương quan cao ngạo, là mệnh tiểu thiếp, dân quê, không có văn hóa, chỉ ở nhà sinh con .

● Khôn tạo : Phụ nữ làm tiểu thiếp thời kỳ dân quốc
tân bính đinh ất (thìn tị ngọ mùi)
mão thân dậu tị
Đại vận :
đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp
dậu tuất hợi tý sửu dần mão thìn
5 16 26 36 46 56 66 76
Tỷ kiếp tranh phu, lại thấy thiên ấn, cho nên là thiên phòng. Trước nữ quán ba, sau là lấy làm thiếp. Thiên ấn cùng kiếp tài bao trụ tài quan, thân dậu cùng nhau, không xem là hai người.

Khôn tạo : Người sơn đông làm thiếp
nhâm đinh đinh tân (tuất hợi dần mão)
tý mùi mão sửu
Đại vận : Ngày 30 tháng 10 khởi vận
bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
ngọ tị thìn mão dần sửu tý hợi
Số tuổi 9 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 80.1 1991 2001 2011 2021 2031 2041 2051
Tổ hợp thiên phòng : sánh vai tranh phu, lại thấy phu cung làm thiên ấn. Tạo này đinh nhâm hợp, nhâm tý là chồng, lại thấy cung thiên ấn, cho nên là thiên phòng. Năm nhâm thân 21 tuổi, tìm một người đã có gia đình, làm cho nhà người ta sinh một con gái, người ta không ly hôn, con bị người ta mang đi, hai người chia tay, thứ nhất tý mùi hại, cho nên chia tay. Năm đinh sửu 26 tuổi lại tìm một người Đài Loan, còn làm tiểu thiếp, cũng sinh một đứa con, thứ hai tuy có tý mão, nhưng tý sửu hợp tài kho, xuất hiện bao cục, được bao. Nam nhân thứ hai là tân sửu, quan sát thoái khí là phương xa. Kim thủy bao cục, nam nhân thay mặt sửu là ví tiền, tới

bao nàng .
Trên địa chi xuất hiện xung hợp, xung là phương hướng rời đi, hợp là phương hướng phải đi.

● Khôn tạo : Đại khái cùng tạo dưới tương tự
tân kỷ mậu nhâm
mùi hợi dần tuất

● Khôn tạo : làm tiểu thiếp
kỷ đinh mậu quý (thân dậu tý sửu)
mùi sửu dần hợi
Đại vận : Ngày 16 tháng 9 khởi vận
mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp ất
dần mão thìn tị ngọ mùi thân dậu
Số tuổi 10 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 89.4 1999 2009 2019 2029 2039 2049 2059
Mệnh này ngồi xuống dần sát là chồng, dần từ trong mùi ra là tỷ kiếp, nói rõ chồng trước đây đã có hôn nhân. Vì sao làm tiểu thiếp? bởi vì dần hợi hợp, hợi tài hợp diệt bính kiêu trong dần, cũng chính là có chồng nhưng không cưới xin, ý hôn nhân không hợp pháp. Mà tài tinh hợp thân, cũng chủ ý tứ được bao dưỡng. Hợp tài tham tiền, cho nàng tiền, diệt bính không có hôn thú. Cùng một người đàn ông đã có vợ sinh sống thật nhiều năm, vẫn làm tiểu thiếp trong nhà người ta. Trước kia là làm tiểu thư.
● Khôn tạo : Trình độ học vấn đại học không có công việc làm tiểu thiếp
tân đinh canh tân (dần mão tý sửu)
dậu dậu tuất tị
Đại vận : Ngày 3 tháng 11 khởi vận
mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp ất
tuất hợi tý sửu dần mão thìn tị
Số tuổi 3 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 83.1 1994 2004 2014 2024 2034 2044 2054
Mệnh cục mãn bàn tỷ kiếp tới tranh phu, là một mệnh làm tiểu thiếp.
Đoán : năm 2004 giáp thân 24 tuổi tìm một người, là bởi vì lộc hợp sát. Năm ất dậu chia tay. Năm 2006 bính tuất 26 tuổi còn tìm một người, là bởi vì tuất đến, năm mậu tý lại chia tay, là bởi vì tuất chạy. Cuối cùng năm 2010 canh dần quen biết chung sống với một người đàn ông đã có gia đình, nam bằng lòng muốn ly hôn, ta xem không thể nào ly hôn được. Canh tý vận cùng tị hỗ tuyệt. Nhâm dần vận là tốt, trước đây vận tới nam nhân đều ngắn hạn .

● Khôn tạo : biên tập viên radio từ thiên phòng thành chính thức
đinh nhâm đinh ất (dần mão tý sửu)
tị dần mùi tị
Đại vận : ngày 1tháng 1 khởi vận
quý giáp ất bính đinh mậu kỷ canh
mão thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 81.6 1992 2002 2012 2022 2032 2042 2052
Nhâm dần là chồng, tỷ kiên tranh phu, trên năm đinh tị là đối tượng tranh nhau, lại phân tích : dần tị hại, phu sẽ đi theo nữ nhân kia, tọa chính ấn nhập phu cung, trở lại bên cạnh mình. Hành ất kiêu vận, làm thiếp. Năm 2010 canh dần chồng cùng vợ trước ly hôn, chính thức chuyển chính. Năm 2002 nhâm ngọ quen biết chồng. Bát tự trong có ất kiêu phu cung mùi khố là tin tức có chuyển .

● Khôn tạo : Manh sư đoán Thiên phòng chuyển chính
mậu giáp đinh bính (tuất hợi dần mão)
thân tý mão ngọ
Đại vận : Ngày 7 tháng 5 khởi vận
quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn
Số tuổi 5 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 72.6 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044
Thân là quan tinh, mão thân hợp, hợp đến cung mão kiêu. Trong mệnh tỷ kiếp vượng tướng, cho nên có tượng làm thiên phòng. Thân tý hợp, trạng thái phát sinh biến hóa, thấy giáp chính ấn, ý thiên phòng có thể chuyển chính. Năm 1989 kỷ tị 22 tuổi, tị thân hợp, cùng với vợ của chồng quan hệ tốt, cho đến năm ất hợi 1995 ly hôn, là bởi vì ngọ hợi hợp. Năm bính tý 1996 thiên phòng chuyển chính. Ứng bính tý, tỷ kiếp hư thấu, ứng xung khử, tân dậu vận, bính tân hợp khử bính, dậu xung mão. Tuất vận hợp mão kiêu, thiên hôn, đến tân dậu vận chi dậu, xung phá thiên ấn mà chuyển chính .
Đinh mão, bính ngọ là hai người, mão ngọ phá là hai người, thân tý là một người, thân cùng tý đi. Một người trạng thái khác nhau. Trong mệnh chính kiêu đều có, phá kiêu biến ấn là chuyển chính thức .
● Phân biệt là một người hay là hai người mấu chốt nhìn thiên can .
● Khôn tạo : Chồng có tình nhân
giáp kỷ canh ất (tuất hợi dần mão)
thìn tị ngọ dậu
Đại vận ngày 19 tháng 9 khởi vận

mậu đinh bính ất giáp quý nhâm tân
thìn mão dần sửu tý hợi tuất dậu
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 68.4 1979 1989 1999 2009 2019 2029 2039
Ly hôn ổn định, chồng có tình nhân, tị dậu củng.
Tị ngọ cũng là chồng, một người. Dậu là tỷ kiếp, tị dậu củng tượng tranh phu, nhưng phu cung ổn định tranh không đi. Ất sửu vận, tị dậu sửu tam hợp,chồng ở bên ngoài bao dưỡng tình nhân, chính mình biết cũng không có biện pháp .
Giáp là tình nhân. Giáp vận phát tài vận, thương quan chế quan xem làm tài, vận này tình nhân, tý thực thương chủ ít tuổi .

●Càn tạo : Cán bộ thôn vợ có tình nhân
ất đinh kỷ tân (thân dậu dần mão)
tị hợi mão mùi
Đại vận : ngày 4 tháng 6 khởi vận
bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
tuất dậu thân mủi ngọ tị thìn mão
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 69.4 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040
Hợi làm vợ, trên năm tị ngậm tỷ kiếp, tị hợi xung, có đàn ông khác sẽ cùng vợ hắn hảo, xung là ngắn ngủi, ý là thỉnh thoảng. Hợi mão mùi tam hợp cục, thê cung ổn định, sẽ không ly hôn. Bản thân của hắn đào hoa cũng rất nhiều, bản mệnh tỷ kiếp ở năm giờ, trong tị có, thích tìm nữ nhân. Nam nhân kiếp tài chủ đào hoa.

● Càn tạo : Hạ trọng Kỳ đoán
tân bính tân bính (thân dậu ngọ mùi)
mão thân tị thân
Đại vận : ngày 5 tháng 12 khởi vận
ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý
Số tuổi 1 11 21 31 41 51 61 71
Năm phân 1951 1961 1971 1981 1991 2001 2011 2021
Hạ trọng Kỳ lão sư đoạn : Năm 70 canh tuất 20 tuổi kết hôn, năm 73 quý sửu hoặc năm 74 giáp dần ly hôn, năm 76 bính thìn hai hôn lần thứ hai.
Phân tích : nguyên cục mão sinh phu cung tị , mão là vợ. Nhưng mão bị thân kiếp, hợp đến người khác, cho nên hôn nhân thứ nhất tất xa cách. Năm 70 canh, mão tuất hợp, tuất đại biểu tị hợp đến mão, kết hôn ứng kỳ. Năm giáp dần ly hôn, dần xung thân khử kiếp tài, mà hại phá hư tị. Thê

cung nhiều hiện, bính ngồi xuống thân, nhâm thủy trong thân là vợ hai, một tị hợp hai thân, bao cục không hề ly hôn nữa. Năm bính thìn, bính thê cung đến, thìn củng thân, cho nên kết hôn. Đoán : vận tân mão bản thân mười năm đào hoa. Phân tích : nguyên cục có tân mão bày tỏ vợ đầu , vợ đầu đã ly hôn, tân mão trở lại chính là số đào hoa. Mão ở tân địa, vợ người khác, mão sinh tị, cùng mình phát sinh tình cảm. Đoán : canh dần vận 51 tuổi, mình không có hoa đào, thê tử phạm mười năm đào hoa. Phân tích : Vợ thứ hai là thân, thân có hàm nghĩa kiếp tài, cũng may bị bính sở chế, nguyên cục kiếp tài trạng thái bị quan chế. Hành canh dần vận, nguyên cục trạng thái phát sinh biến hóa, thê tinh thân hóa kiếp chạy ra ngoài, dần thân xung phá hư tị thân hợp, Tượng thê hồng hạnh xuất tường, cũng may nguyên cục bao cục, không có ly hôn .

● Càn tạo : Chủ tịch ngân hàng vợ có tình nhân
giáp mậu quý kỷ (thìn tị dần mão)
thìn thìn mão mùi
Đại vận : Ngày 22 tháng 1 khởi vận
Kỷ canh tân nhâm quý giáp ất bính
Tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 67.4 1978 1988 1998 2008 2018 2028 2038
Mão làm vợ, tuy không có tỷ kiên tranh thê, nhưng mão nhập mùi mộ, mùi thấu kỷ sát khắc thân, sát này là nam nhân khác. Thê tử đào hoa đông đảo. Giáp là mình đào hoa, giáp kỷ hợp đến chủ vị, mình cũng có đào hoa .

● Khôn tạo : Vợ của chủ tịch ngân hàng phía trên
mậu ất bính canh (thìn tị dần mão)
thân mão thân dần
Đại vận : ngày 5 tháng 5 khởi vận
giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh
dần sửu tý hợi tuất dậu thân mùi
Số tuổi 7 18 28 38 48 58 68 78
Năm phân 74.6 1985 1995 2005 2015 2025 2035 2045
nguyên cục thân là chồng, dần thân xung, trong dần mang tỷ kiếp, chồng bên ngoài có đào hoa. Canh là tài tinh hư thấu ngồi dần hợp ất, canh là đào hoa. Song thân hợp mão, tài bọc ấn, giấy hôn thú. Ất canh hợp đào hoa, chủ cố định trụ, trạng thái biến hóa .

● Càn tạo : Vợ có tình nhân
bính kỷ nhâm quý (ngọ mùi dần mão)

ngọ hợi thìn mão
Đại vận ngày 17 tháng 10 khởi vận
canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
Số tuổi 3 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 68.12 1979 1989 1999 2009 2019 2029 2039
Thìn là thê cung, kỷ là phó thê cung, bính ngọ là vợ, nhưng ngọ hợi ám hợp, trong hợi có giáp đào hoa, là khách vị. Hợi là tỷ kiếp, thê sẽ hồng hạnh xuất tường. Năm đinh hợi, vợ có ngoại tình, năm giáp ngọ còn có thể có, ám hợp chồng không biết.Bởi vì mình có tình nhân, vợ không chịu nổi được. Giáp vận không tốt sinh tài không chế được rồi, tài vận không tốt.
● Khôn tạo : Manh sư đoán mệnh nữ Sơn Đông lấy chồng nhiều tuổi
nhâm quý tân kỷ (dần mão thìn tị)
dần sửu hợi hợi
Đại vận ngày 10 tháng 11 khởi vận
nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị
Số tuổi 1 11 21 31 41 51 61 71
Năm phân 1963 1973 1983 1993 2003 2013 2023 2033
Manh sư đoán : theo mẫu tái giá, có một cha dượng. Mệnh nên lấy chồng nhiều tuổi ở xa sáu ngàn dặm, khoảng gần 60 tuổi, kết quả năm quý dậu 31 tuổi lấy một ông già người Đài Loan tám mươi sáu tuổi, Thủy vượng, thủy chủ số 6. Nữ mệnh phạm vượng thương quan, thương quan ý phản bội, càng vượng càng thái quá. Dần là quan tinh chủ là chồng, ở trên năm chủ phương xa. Tuất vận khắc hợi không thể xuất giá, qua tuất vận năm thứ nhất thì lấy chồng. Thực thương là mẹ. Quý là cha dượng. Dậu vận chồng già sẽ chết, bởi vì dần dậu hỗ tuyệt. Dần hợi hợp, hai cung một sao, dần dùng hai lần, tượng có hai lần hôn nhân .
● Càn tạo : Người Nhật bản lấy vợ lớn tuổi
bính canh kỷ kỷ (dần mão tý sửu)
thìn tý dậu tị
Đại vận : ngày 6 tháng 6 khởi vận
tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu
sửu dần mão thìn tị ngọ mùi thân
Số tuổi 4 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 79.6 1991 2001 2011 2021 2031 2041 2051
Thương quan biểu hiện phản nghịch hôn nhân, thông thường số tuổi chênh lệch khá nhiều, nam mệnh dễ tìm nhỏ tuổi, nữ mệnh dễ tìm lớn tuổi .

Mệnh này thê tinh mang thương quan liền dễ dàng tìm lớn tuổi, lý do là thê tinh canh tý nhất trụ củng trụ năm bính thìn, năm chủ lớn, thực tế là vợ sinh năm kỷ dậu lớn hơn hắn tám tuổi. Năm canh thìn 25 tuổi yêu nhau, năm nhâm ngọ 02 mang thai hài tử, bất đắc dĩ kết hôn .
● Nam mệnh thấy thương quan tỷ kiếp vượng tìm ít tuổi, thương quan tỷ kiếp không vượng tìm lớn tuổi .

● Càn tạo : Lấy vợ ít tuổi
nhâm quý mậu bính (tuất hợi ngọ mùi)
thìn mão thìn thìn
Đại vận : ngày 4 tháng 7 khởi vận
giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân
thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 55.12 1966 1976 1986 1996 2006 2016 2026
Nhâm là vợ đầu thê, quý là vợ hai, nhâm ngồi thìn địa, thành vợ người khác, vợ đầu ly hôn, mậu quý hợp là già trẻ phối, tìm một người rất ít tuổi. Đinh mùi vận ly hôn, năm quý dậu 93 tìm được vợ hiện giờ.

● Càn tạo : Công an lấy vợ nhỏ tuổi
đinh quý quý tân (thân dậu thìn tị)
dậu mão mùi dậu
Đại vận : ngày 21 tháng 5 khởi vận
nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
dần sửu tý hợi tuất dậu thân mùi
Số tuổi 2 13 23 33 43 53 63 73
Năm phân 58.4 1969 1979 1989 1999 2009 2019 2029
Vợ đầu là đinh, liên căn ở mùi, nhưng bị tỷ kiếp tranh, ở mùi là thoái khí, tỷ kiếp có ấn sinh vượng, cho nên phải ly hôn. Vợ hai là mão, củng vào phu cung, thực thần chủ nhỏ tuổi, quan trọng hơn chính là nam mệnh tỷ kiếp nhiều thích tìm người nhỏ tuổi, sau tìm một cô gái ít hơn 20 tuổi kết hôn. Bản thân là công an bởi vì mão dậu xung, dậu là luật pháp .

● Khôn tạo :
đinh mậu quý giáp (dần mão dần mão)
mùi thân sửu dần
Đại vận : ngày 18 tháng 2 khởi vận
Kỷ canh tân nhâm quý giáp ất bính
Dậu tuất hợi tý sửu dần mão thìn
Số tuổi 7 19 29 39 49 59 69 79

Năm phân 73.12 1985 1995 2005 2015 2025 2035 2045
Mậu quý hợp, mậu thân một người, thân nhập sửu mộ, cho nên mậu thân là chồng. Giáp thân mang kiếp, nam nhân có nữ nhân, dần thân xung, nam nhân ly hôn. Mậu lại chủ lão. Đinh mùi tài tinh mang sát, xung nhập phu cung, chủ bạn trai. Từng một bạn trai bên ngoài tổn tài mấy ngàn vạn. Dần là tài của mình, nhập người khác mộ, tài sinh sát là kỵ, ngược lại trở thành kẻ thù, thân là kiếp tài, mộ tuyệt cùng hiện. Tý vận năm 2010 canh dần, kết hôn cùng một phú ông đã ly hôn, vì sao lấy chồng phú ông, bởi vì sửu khai mùi mộ.
● Cha mẹ phản đối hôn nhân
● Khôn tạo : cha mẹ phản đối hôn nhân
đinh tân giáp giáp (thìn tị tý sửu)
tị hợi ngọ tý
Đại vận : ngày 19 tháng 6 khởi vận
nhâm quý giáp ất bính đinh mậu kỷ
tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
Số tuổi 1 13 23 33 43 53 63 73
Năm phân 1977 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049
Mình tìm một đối tượng, đối phương gia đình không tốt, công việc cũng không được, hình thức cũng kém, gia đình nhà gái phản đối. Sau đó vẫn kết hôn.
Phân tích : tân hợi là đối tượng, đinh tị là cha mẹ nhà gái, đinh khắc tân, tị xung hợi, cha mẹ nhà gái phản đối. Hợi thủy trường sinh giáp, đối với mình tốt, đinh tị cùng ngọ tạo thành phu cung bao phu tinh, hôn nhân không có vấn đề, cho nên có thể kết hôn. Năm mậu dần yêu nhau, là cùng học, năm nhâm ngọ kết hôn .
● Càn tạo : Cha mẹ phản đối hôn nhân
kỷ giáp giáp đinh (ngọ mùi dần mão)
dậu tuất thân mão
Đại vận : ngày 28 tháng 12 khởi vận
quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
dậu thân mùi ngọ tị thìn mão dần
Số tuổi 9 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 77.6 1988 1998 2008 2018 2028 2038 2048
Kỷ dậu là đối tượng thứ nhất, giáp kỷ hợp sánh vai tranh, dậu tuất hại phá hư, cho nên không thành hôn nhân. Giáp tuất bày tỏ mẫu thân, mẫu thân phản đối mà không thể lập gia đình. trước hôn nhân yêu một đối tượng, ở cùng một chỗ, mẫu thân phản đối, không thể thành. Người thứ hai tìm chính là tuất, người này mẫu thân đồng ý. Tuất bị sánh vai tranh, cái này cũng phải xa cách .

Tuất vì thực thương kho là mẫu thân, sánh vai xem mẫu, can lộc .
● Càn tạo : Công vụ viên mẫu thân không thích hôn nhân
kỷ giáp đinh giáp (tuất hợi tý sửu)
mùi tuất mão thìn
Đại vận : ngày 8 tháng 11 khởi vận
quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
dậu thân mùi ngọ tị thìn mão ngọ
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 84.4 1995 2005 2015 2025 2035 2045 2055
Tuất mùi là vợ, tương hình, tự mâu thuẫn. Thích, muốn kết hôn, hoặc mới vừa kết hôn, cũng không thích, cho nên kết hôn hai lần cũng ly hôn, Cha mẹ sốt ruột. Bản thân của hắn thích tuất, mẫu thân không thích, mẫu thân hắn thích mùi, hắn lại không thích, vì vậy tạo mùi là mẫu thân cho nên xuất hiện mâu thuẫn. Mình là viên chức nhà nước .
Xuất giá lấy chồng ở nhà mẹ đẻ : nữ mệnh nguyệt lệnh là nhà mẹ đẻ, phàm phu tinh rơi vào nguyệt lệnh ám hợp phu cung thì thông thường đi lấy chồng rồi vẫn sống ở nhà mẹ đẻ như cũ, như thế lục hợp thông thường là chiêu con rể .
Nữ : Nam : Ở rể
tân đinh kỷ ất tân quý nhâm nhâm
dậu hợi hợi sửu dậu tị dần dần
● Khôn tạo :
canh đinh bính giáp (dần mão dần mão)
tuất hợi ngọ ngọ
Đại vận : ngày 1 tháng 9 khởi vận
bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn mão
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 74.8 1985 1995 2005 2015 2025 2035 2045
Đi lấy chồng sau vẫn như cũ ở tại nhà mẹ đẻ nhiều, cùng chiêu con rể không khác biệt lắm. Cái này bởi vì ngọ hợi ám hợp, phu tinh rơi vào vị trí nhà mẹ đẻ mà hợp phu cung.
● Khôn tạo : Chiêu con rể
mậu ất nhâm tân (dần mão thìn tị)
tuất sửu tý sửu
Đại vận : ngày 20 tháng 12 khởi vận
giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh
tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị
Số tuổi 8 18 28 38 48 58 68 78
Năm phân 66.1 1976 1986 1996 2006 2016 2026 2036

Manh sư mệnh lệ, tìm chính là con rể đến gửi rể. Sửu là chồng, ở nguyệt lệnh hợp đến phu cung, cho nên là chiêu con rể. Bởi vì cha mẹ chỉ có nàng là một nữ nhi. Ất sửu, tân sửu thiên can phản tượng là hai người, bao cục phản cục, không chủ một người, sửu bị tuất hình, lại bị ất khắc, cho nên người chồng thứ nhất bị khắc chết. Người chồng thứ hai lại là kén con rể. Dương nhật chủ, thấy âm thương quan, khắc chồng .

● Càn tạo :

kỷ canh ất canh (tuất hợi tuất hợi)

tị ngọ sửu thìn

Đại vận :

Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm

Tị thìn mão dần sửu tý hợi tuất

Số tuổi 9 20 30 40 50 60 70 80

Năm phân 97.1 2008 2018 2028 2038 2048 2058 2068

Sửu vào thìn mộ, lấy thìn làm vợ, nguyệt lệnh là nhà cha mẹ , sửu ngọ hại, ý là rời khỏi cha mẹ. Ất canh hợp, cùng mẫu thân có liên quan, ở rể gia đình nhà gái. Thìn vận, năm 09 kỷ sửu, được hợp ý gia đình nhà gái, ở rể nhà gái. Như không có nguyệt lệnh ất canh hợp, có thể từ nhỏ cho ra đi. Từ nhỏ sống cùng ông nội nuôi dưỡng lớn lên .

Tiết thứ sáu ： Phán đoán thương khắc phối ngẫu

● Phàm mệnh lý thương khắc phối ngẫu, nhất định là bản thân phối ngẫu trong mệnh có vấn đề, bản thân mệnh thể hiện ra tin tức thương khắc phối ngẫu, sở dĩ cũng không phải là thực sự khắc chết .

● Phối ngẫu cung không nên phối phối ngẫu tinh lâm đến tử mộ tuyệt địa, dễ dàng thương khắc phối ngẫu.

● Nam mệnh chi dương nhận dễ dàng khắc thê, kiếp tài khắc thê, lấy thân kim kiếp tài là nghiêm trọng nhất .

● Nữ mệnh dương nhật chủ kiến âm thương quan khắc phu, âm nhật chủ kiến dương không khắc, âm thương quan lấy ất, mão, tân, dậu, kỷ, đinh, ngọ cùng thương quan kho mùi, sửu, tuất nghiêm trọng nhất .

● Nữ mệnh phu tinh không nên lâm mộ, kho không khai là mộ.

● Phối ngẫu cung tinh tam hình cũng chủ khắc

●Phu cung cùng phu tinh đồng thời bị phá hư tất ly cách, cũng có thể là chết phu .

● Phương pháp xem tử ,mộ, tuyệt :

Kim ： tuyệt ở dần , tử ở tý , mộ ở sửu

Mộc ： tuyệt ở thân, tử ở ngọ, mộ ở mùi

Thủy ： tuyệt ở tị , tử ở mão, mộ ở thìn

Hỏa ： tuyệt ở hợi, tử ở dậu, mộ ở tuất

Thổ : tuyệt ở hợi , tử ở dậu, mộ ở tuất lấy hỏa luận
Dần dậu hỗ tuyệt , tý tị hỗ tuyệt , mão thân hỗ tuyệt , ngọ hợi hỗ tuyệt .
● Khôn tạo : Giáo viên trung học mệnh thương khắc chồng quan tài môn
bính nhâm giáp ất (tuất hợi dần mão)
ngọ thìn tý hợi
Đại vận : Ngày 15 tháng 6 khởi vận
tân canh kỷ mậu đinh bính ất giáp
mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
Số tuổi 10 21 31 41 51 61 71 81
Năm phân 75.12 1986 1996 2006 2016 2026 2036 2046
Giaos viên trung học, ấn phối thực thương. Nguyên cục không có quan sát, liền lấy nguyệt lệnh thìn thổ làm phu tinh, ngọ là chồng thứ hai . Phu cung tý hợi hai cung nhập thìn kho, nơi này sinh ra liên hệ, hai cung một tinh, phu tinh không nên lâm mộ . Nơi này thìn là phu tinh, nguyên thần bính ngọ ở trên năm, hành kỷ sửu vận, sửu vận hại ngọ, nguyên thần bị thương, năm nhâm ngọ là nhâm thủy khắc phạt bính hỏa, ứng kỳ sửu ngọ hại, chồng đầu tiên là tai nạn lao động bị thương, nhưng không chết, cuối cùng sợ thành bệnh tâm thần, uống thuốc sâu tự sát chết. Kỷ sửu vận năm nhâm ngọ chồng chết, năm canh dần tái giá. Cha mẹ chồng không để cho đi vụng trộm đem gả đến phương bắc .

● Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng quan tài môn
bính quý quý đinh (tý sửu tý sửu)
thìn tị hợi tị
Đại vận : Ngày 3 tháng 4 khởi vận
Nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
Thìn mão dần sửu tý hợi tuất dậu
Số tuổi 2 13 23 33 43 53 63 73
Năm phân 77.6 1988 1998 2008 2018 2028 2038 2048
Thìn là chồng, phu tinh lâm mộ, hỏa là nguyên thần, đại vận kỷ sửu, phá hư nguyên thần, cũng là quan tài môn. Năm 09 kỷ sửu, chồng bị bệnh ung thư tuyến giáp trạng qua đời. Tị sửu hợp, cách cục muốn dồn tài, không nên thấu tài. Hợi thủy mộ tuyệt cùng hiện, chị gái nàng kết hôn cùng ngày hôm đó không may bỏ mình .

● Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng lại không có con
quý quý nhâm canh (tuất hợi dần mão)
sửu hợi thân tuất
Đại vận : Ngày 2 tháng 7 khởi vận
Giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân

Tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
Số tuổi 2 13 23 33 43 53 63 73
Năm phân 74.1 1985 1995 2005 2015 2025 2035 2045
Nguyên cục quan tinh sửu thổ mộ phu cung thân kim, cung, tinh sinh ra liên hệ, nhưng mà sửu bị tỷ kiếp chiếm đoạt, lại có nguyệt lệnh quý hợi kiếp tài ngăn trở, cho nên sửu không ứng xem là chồng, sửu ở trên năm, là bạn trai cũ thời trẻ trước hôn nhân. Nơi này canh kim là phu cung, cho nên tuất là chồng. Hành mão thực thương vận, mão tuất hợp, mão hợp khắc tuất, vận khắc chồng, mão vận năm 08 mậu tý chồng bị một trận ốm nặng, não ra máu, thiếu chút nữa thì chết. Tự ngồi ấn tinh, nữ mệnh thê đoạt phu quyền, sau vào năm kỷ sửu ly dị. Mậu thìn vận không tốt xung phu tinh, có đào hoa.Tạo này không có con cái, xem con cái không có thực thương xem tài tinh, tài ở trong tuất kho, kho không khai là mộ, lại không vong, cho nên tử tức cung bị phá hư.
Thắc mắc : sửu tuất hình không khai sao, trong bát tự âm khí trọng có chế chết tuất dương hay không?

● Khôn tạo : Bạn học Đoàn sư thương khắc chồng phu cung tuyệt phu tinh
bính canh giáp đinh (tý sửu dần mão)
ngọ tý dần mão
Đại vận : Ngày 1 tháng 6 khởi vận
Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm
Hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 70.12 1981 1991 2001 2011 2021 2031 2041
Nguyên cục lấy canh tý là chồng, thấy dần mão tuyệt mà phá, chồng xảy ra hung. Hành bính thân vận, bính đại biểu dần, năm quý mùi hợp khởi dương nhận hại ngã tý thủy, chồng bị tai nạn xe cộ bỏ mình. Hành ất mùi vận, tái giá, đại vận mùi là chồng. Vốn là chồng của người khác, ất canh hợp bày tỏ ly hôn, cho nên tìm một người đã có hôn nhân. Mùi vận qua thì không có. Ất canh hợp bày tỏ tìm một người đã ly hôn.

● Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng phu tinh mộ tuyệt
nhâm nhâm mậu kỷ (ngọ mùi thìn tị)
dần dần tý mùi
Đại vận : Ngày 11 tháng 2 khởi vận
tân canh kỷ mậu đinh bính ất giáp
sửu tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76

Năm phân 66.8 1977 1987 1997 2007 2017 2027 2037
Dần là phu tinh, tý thủy sinh dần, không thích giờ Mùi, là mộ địa của dần lại hại ngã phu cung. Trước hành đinh dậu chi dậu vận, dần quan bị tuyệt, năm tân mão phát hiện chồng bị ung thư dạ dày. Chồng khó mà qua khỏi năm giáp ngọ, ất mùi .
● Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng phu cung là đất phu tinh tử tuyệt
mậu mậu mậu mậu (tý sửu tý sửu)
ngọ ngọ ngọ ngọ
Đại vận : Ngày 7 tháng 11 khởi vận
đinh bính ất giáp quý nhâm tân canh
tị thìn mão dần sửu tý hợi tuất
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 83.4 1994 2004 2014 2024 2034 2044 2054
Mãn bàn kiếp ấn, khắc lục thân. Khắc cha mẹ, khắc con cái. Tuổi còn trẻ đã khắc chết hai chồng, ly hôn một.

● Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng
mậu nhâm mậu bính (tý sửu tý sửu)
ngọ tuất ngọ thìn
Đại vận :
tân canh kỷ mậu đinh bính ất giáp
dậu thân mùi ngọ tị thìn mão dần
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 82.4 1993 2003 2013 2023 2033 2043 2053
Phu cung ấn vượng khắc chồng, bát tự không có quan, lấy tài làm chồng, tài đến phu cung là tử địa, cho nên khắc chồng. Hành kỷ mùi vận, chồng tai nạn xe cộ bị tàn phế. Phu tinh lâm mộ được xung khai, chồng chưa chết .

● Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng quan tài môn phu nhập mộ
giáp tân ất kỷ (thân dậu tý sửu)
dần mùi hợi mão
Đại vận : Ngày 21 tháng 1 khởi vận
canh kỷ mậu đinh bính ất giáp quý
ngọ tị thìn mão dần sửu ngọ hợi
Số tuổi 9 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 82.12 1993 2003 2013 2023 2033 2043 2053
Tân mùi là chồng, kiếp tài khách vị nhập mùi mộ, chồng nhiều đào hoa, hợi mão mùi tam hợp mộc cục, mùi thổ lập không được, ý tứ quan tài môn. Hành mậu thìn chi thìn vận, tân kim sát tinh lâm mộ chủ tử vong,

ngày mùng tám tháng chạp năm canh dần, bệnh tim phát tác mà chết. Kỷ tài bị giáp hợp .

● Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng phu cung tam hình
ất quý bính kỷ (ngọ mùi tý sửu)
mão mùi tuất sửu
Đại vận : Ngày 26 tháng 9 khởi vận
giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân
thân dậu tuất hợi tý sửu dần mão
Số tuổi 1 11 21 31 41 51 61 71
Năm phân 1975 1985 1995 2005 2015 2025 2035 2045
Phu cung gặp tam hình, phu tinh quý ngồi thương quan, dương nhật chủ thấy kỷ cùng mùi thương quan cực khắc phu. Hành bính tuất vận 26 tuổi ngày mùng năm tháng giêng năm 2000 canh thìn chồng bị tai nạn xe cộ bỏ mình, là bởi vì thìn đại biểu quý. Sau vào đinh hợi vận kết hôn, lấy hợi là chồng, cũng không dài lâu. Con gái bất hiếu hoặc tàn tật. Kỷ sửu tử cung bệnh thận .

● Khôn tạo : Mệnh Chung sở Hồng thương khắc chồng phu cung hợp phu tinh mộ
canh mậu giáp ất (tuất hợi thìn tị)
tý dần tý sửu
Đại vận : Ngày 29 tháng 5 khởi vận
đinh bính ất giáp quý nhâm tân canh
sửu tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ
Số tuổi 1 11 21 31 41 51 61 71
Năm phân 1960 1970 1980 1990 2000 2010 2020 2030
Canh tý là chồng, không thích ất canh hợp, sửu là canh mộ, giáp tuất vận giáp canh xung, sửu bị tuất hình khai, cho nên có thể kết hôn. Năm tân mùi, vận xung ất trên giờ, kết hôn. Phu cung hợp phu tinh mộ, cho nên tuổi thọ của chồng bị tổn hại. Quý dậu vận, dẫn động sửu, ứng kỳ ở năm ất dậu chồng bị bệnh, năm bính tuất chết. Mộ tuyệt cùng hiện chủ tử vong. Tuất phá hư sửu chuyện tốt, mộ phu tinh.
● Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng phu cung phu tinh đều bị tổn hại
tân mậu kỷ canh (ngọ mùi dần mão)
hợi tuất sửu ngọ
Đại vận : Ngày 19 tháng 6 khởi vận
Kỷ canh tân nhâm quý giáp ất bính
Hợi tý sửu dần mão thìn tị ngọ
Số tuổi 3 14 24 34 44 54 64 74

Năm phân 73.8 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044
Sửu là phu cung, tân cũng là phu cung, hợi là phu tinh, tuất thổ khắc hợi thủy phu tinh, lại hình hư sửu thổ phu cung, cho nên khắc phu. Năm giáp tuất lập gia đình, giáp đại biểu hợi hợp đến nhật chủ. Năm quý mùi 33 tuổi tháng tuất chồng tai nạn xe cộ bỏ mình, là bởi vì phu tinh hư thấu, ứng sửu mùi tuất tam hình. Ngày kỷ sinh vào giờ canh ngọ, bởi vì canh ngọ tương khắc không tính là liên thể. Nhâm dần vận hợi thủy hư thấu.

Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng cung tinh đều bị tổn hại
nhâm canh nhâm tân (thìn tị ngọ mùi)
thần tuất dần sửu
Đại vận : Ngày 9 tháng 8 khởi vận
Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm
Dậu thân mùi ngọ tị thìn mão dần
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 56.12 1967 1977 1987 1997 2007 2017 2027
Dần là phu cung, sửu là phu tinh, ất tị chi tị vận năm nhâm ngọ, chồng tự sát vông thân, ất tị thương quan vận lại hình hư phu cung, tị hại ngã phu cung, ngọ hại hư phu tinh, cung tinh đều hư, cho nên chồng chết.Mở xí nghiệp, chồng bị người khác lừa gạt đánh bạc mà thua mất mười mấy vạn đồng, bởi vì không dám đối mặt với vợ mà tự sát. Quý trong sửu thoái khí là đào hoa .

Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng thương quan phá phu tinh
nhâm bính nhâm quý (tuất hợi dần mão)
tý ngọ thân mão
Đại vận : Ngày 18 tháng 11 khởi vận
ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
tị thìn mão dần sửu tý hợi tuất
Số tuổi 2 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 73.1 1983 1993 2003 2013 2023 2033 2043
Nguyên cục bính ngọ là chồng, phu cung bao phu tinh, hôn nhân không có vấn đề, duy chỉ không thích lâm thương quan mão ngọ phá. Mão vận ứng kỳ mão ngọ phá, có ý thương khắc chồng, lại không có tượng ly hôn, cho rằng là trong vận này ở riêng. Thực tế mão vận năm kỷ mão, chồng tai nạn xe cộ bị thương nặng, ở nhà nuôi bốn năm năm, vào nhâm dần vận thì vận động được. Bao cục thương quan phá tài mão ngọ phá, Hành đến mão vận là thương quan vận .
Từ Hi : Mệnh thương khắc chồng cung tinh bị khắc
ất đinh ất kỷ (tuất hợi thìn tị)

mùi hợi sửu mão
Đại vận : 03 tuổi vận
mậu kỷ canh tân nhâm quý
tý sửu dần mão thìn tị
Năm 18 tuổi được chọn vào trong cung, năm nhâm tý, lấy phu cung chi sửu là chồng, ứng tý sửu hợp. Nguyên cục hợi mão mùi tam hợp mộc cục, sửu thổ bị khắc, mệnh khắc chồng, đến canh dần vận, năm tân dậu 27 tuổi, Hoàng đế Hàm Phong mất. Tân dậu là phu tinh xuất hiện, đại vận canh dần, phu tinh đi tới tuyệt địa, phu tinh lại xuất hiện, là ứng kỳ khắc phu. Chồng có nhiều vợ, tỷ kiếp nhiều bao trụ. Sửu thổ là con là chồng, Đoàn sư ở can chi tượng pháp 2011 nói đinh là con cái, tại sao không giống nhau ?

Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng ám thương quan khắc chồng
đinh tân mậu tân (tuất hợi tuất hợi)
mão hợi thìn dậu
Đại vận : Ngày 21 tháng 6 khởi vận
nhâm quý giáp ất bính đinh mậu kỷ
tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
Số tuổi 3 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 29.4 1940 1950 1960 1970 1980 1990 2000
Tân hợi tân không khắc, tân dậu khắc. Mấy thương quan khắc chồng .
Người sinh năm 1927, phu cung thìn, hợi là phó cung, mão là phu tinh thứ nhất, nhưng có mão thìn hại, âm thương quan rơi chủ vị khắc quan , mệnh khắc phu. Năm nhâm thìn 26 tuổi người chồng thứ nhất mất, ứng mão thìn hại. Đinh tị vận tháng ất sửu năm quý hợi 57 tuổi, người chồng thứ hai lại chết, chồng thứ hai là hợi, nhập thìn mộ, phu cung lâm phu tinh mộ, cho nên cũng khắc, năm quý hợi , ứng hợi đến. Đinh tị vận là tuyệt địa của thủy.
Khôn tạo : Mệnh thương khắc chồng âm thương quan khắc chồng
quý kỷ mậu giáp (tý sửu dần mão)
sửu mùi ngọ dần
Đại vận : Ngày 2 tháng 7 khởi vận
canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
thân dậu tuất hợi tý sửu dần mão
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 78.1 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049
Mậu nhật chủ lấy dậu là thương quan, bát tự không có dậu, lại thấy thương quan chi sửu kho, sửu so với dậu tổn thương chồng lực lớn hơn, bởi vì sửu là thương quan kho, sửu ngọ hại, thương tổn được phu cung,

chết thảm. Giáp dần là phu tinh, kỷ mùi là phu tinh mộ, giáp là tình nhân, khai khố, kỷ mùi là một người, phu cung hợp đến phu tinh mộ địa, cũng chủ khắc phu. Hành đến tuất vận sửu bị tuất hình là chuyện tốt, còn không sao, qua tuất vận đến quý vận dẫn động sửu, tháng dậu năm mậu tý, tý sửu hợp dẫn động sửu, chồng bị tình nhân sát hại, kỷ mùi là dương nhận chủ đao .

Càn tạo : Mệnh thương khắc vợ thê tinh bị khắc mộ lưỡng thương
ất canh nhâm canh (dần mão thìn tị)
mùi thìn tý tuất
Đại vận : Ngày 11 tháng 8 khởi vận
Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm
Mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 59.8 1970 1980 1990 2000 2010 2020 2030
Thìn là phó thê cung, tuất là hai thê. Tạo này không có minh tài, lấy thực thương làm thê tinh, cho nên ất mộc thương quan trên năm làm vợ. Ất canh hợp, bị canh kim khắc hợp, ất căn mùi lại nhập thìn mộ, không bị thê cung tý thủy hại ngã, hôn nhân lần đầu tiên nhất định không được đến cùng. Thê tinh bị khắc mộ lưỡng thương, bày tỏ ý tử vong. Thực tế người vợ thứ nhất vào tý vận bị ốm chết, năm nhâm ngọ 48 tuổi cưới người vợ thứ hai.

Càn tạo : Mệnh thương khắc thê tử thân kiếp tài khắc thê
tân bính tân nhâm (ngọ mùi thìn tị)
sửu thân mão thìn
Đại vận : Ngày 20 tháng 9 khởi vận
ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 66.6 1977 1987 1997 2007 2017 2027 2037
Manh sư đoạn lệ, đoán năm ất hợi 35 tuổi vợ chết. Cùng năm lại tìm một người kết hôn.
Phân tích : mão là vợ, bị thân kim hợp tuyệt, mão tuyệt ở thân. Loại hợp này liền bày tỏ thê tử có ngoại tình, bởi vì thân kim khắc mộc đến chết. Tị vận hợp thân, thân bị bán không có lực khắc mão, đến năm ất hợi xung tị hỏa, vợ chết.
Lưu niên ất hợi, thê tinh lại đến vị, cho nên năm này lại lấy vợ. Tài tới tài đi .

Càn tạo : mệnh thương khắc thê tử (thê tinh lâm mộ tuyệt)
canh kỷ đinh quý (tuất hợi ngọ mùi)
dần sửu mão mão
Đại vận : Ngày 23 tháng 12 khởi vận
Canh tân nhâm quý giáp ất bính đinh
Dần mão thìn tị ngọ mùi thân dậu
Số tuổi 3 13 23 33 43 53 63 73
Năm phân 1953 1963 1973 1983 1993 2003 2013 2023
Manh sư đoán lệ. Đoán : Hai mươi bảy hai mươi tám tuổi kết hôn, hôn nhân không tốt.Vợ có ngoại tình. Người đến hỏi hôn nhân có thể xa cách hay không. Đáp : Năm giáp tuất, 45 tuổi thê tử có hung sát đại tai. Quả nhiên ngày mùng một tháng năm năm ấy. Bị tình nhân của nàng sát hại. Phân tích : Lấy mão làm thê cung, dần là phó cung. Canh là vợ, canh kim thấy dần là tuyệt, thấy sửu là soán(cướp lấy), mộ tuyệt cùng hiện chủ tử vong. Giáp vận hợp kỷ, thê tinh dựa vào kỷ bị hợp khử, năm giáp tuất giáp lại đến, hình khai sửu mộ là ứng kỳ, trong dần ngậm bính kiếp tài, dần sửu ám hợp vợ có tình nhân, năm giáp tuất, giáp kỷ hợp chế kỷ nguyên thần của canh, hình khai sửu mộ là ứng thê.
Càn tạo : Mệnh khắc thê, thê cung lâm thê tinh đến tử tuyệt
kỷ mậu bính tân (tuất hợi dần mão)
dậu thìn dần mão
Đại vận :
Đinh bính ất giáp quý nhâm tân canh
Mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 73.6 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044
Nguyên cục lấy tân kim làm vợ, thông căn tại dậu trên năm. Nhưng thê cung lâm tài tinh đến đất tử tuyệt, khắc vợ. Hành giáp tý đại vận, giáp đại biểu dần hiện ở đại vận, lưu niên bính tuất, hại ngã thê tinh mà vợ chết. Sau tái hôn, tái hôn thê lấy mậu thìn thực thần đến xem. Mão là phó cung. Tinh lệnh tuyệt ở dần mão. Giáp kỷ hợp, dậu nguyên thần, tuất truyền tới lộc.
Càn tạo : Mệnh thương khắc thê tử (thê cung thê tinh thấy mộ)
bính nhâm quý bính (tý sửu ngọ mùi)
thân thìn hợi thìn
Đại vận :
Quý giáp ất bính đinh mậu kỷ canh
Tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý
Số tuổi 8 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 4 1969 1979 1989 1999 2009 2019 2029

Lấy giáp mộc trong hợi làm vợ, không phải là bính tài làm vợ. Bính bị nhâm cướp, không chủ thê. Thê tinh lâm thê cung vốn cát, không nên hai đầu thấy mộ, tượng khắc thê. Hành dậu vận năm đinh hợi vợ ốm bệnh chết. Dậu vận hợp bế mộ năm hợi thê đến. Thìn dậu hợp kẹp chặt, ý là hai cái kẹp. Nhâm khắc bính, bính không phải là vợ. Giáp mộc trong hợi làm vợ. Hợi nhập thìn mộ không khai. Như thế ngày nhâm dần cũng chủ vợ chết. Dần dậu hỗ tuyệt .
Mao trạch Đông : Mệnh thương khắc thê tử (thê tinh khắc tuyệt)
quý giáp đinh giáp (thìn tị dần mão)
tị tý dậu thìn
Đại vận :

Quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
Hợi tuất dậu thìn mùi ngọ tị thìn
Số tuổi 6 18 28 38 48 58 68 78
Năm 1898.12 1910 1920 1930 1940 1950 1960 1970
Nguyên cục thê cung lâm thê tinh, trong tị ngậm canh kim củng phu cung, cũng là vợ. Tị là vợ đầu. Tị lâm tý là tuyệt, đắp đầu quý thủy khắc chi, cho nên sẽ khắc vợ đầu. Năm canh ngọ 1930, 38 tuổi canh vận, Dương khai Tuệ gặp nạn. Canh vận sinh khởi quý thủy, năm ngọ ứng xung khởi tý thủy. Vợ hai là dậu, hợp đến mộ địa, bị bệnh. Vợ ba là thìn, thương quan cho nên là diễn viên, thìn là quan sát mộ kho, là nhà nam nhân, mộ kho chủ nhiều .

Càn tạo : mệnh quan viên thương khắc thê tử (thê tinh tử tuyệt)
kỷ bính canh nhâm (tuất hợi ngọ mùi)
sửu dần ngọ ngọ
Đại vận : Ngay11 tháng 10 khởi vận
Ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
Sửu tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ
Số tuổi 2 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 50.4 1960 1970 1980 1990 2000 2010 2020
Lấy dần mộc làm vợ, thê cung là mộc tử địa. Thê tinh ở nguyên cục không có sinh trợ. Hành dậu vận năm ất hợi vợ chết. Người ứng dậu vận, dần dậu hỗ tuyệt, ứng dậu tuyệt dần, năm ất hợi hợp động dần mộc là dẫn động ý, dần thấy ngọ tử, lại không có nguyên thần, chỉ tiết không sinh. Nhâm là vợ hai. Bản Thân là một quan viên .

Tiết thứ bảy : Tổ hợp độc thân
Mệnh độc thân bao gồm ba trường hợp :

Thứ nhất là cả đời độc thân, mà không có tính đồng bạn.
Thứ hai là có tính đồng bạn nhưng cả đời không kết hôn.
Thứ ba là từng có hôn nhân ngắn ngủi, nhưng cuối cùng cả đời độc thân.

Mệnh độc thân vợ chồng cung tiên thiên tính có tật xấu, đại khái phân ra bốn loại hình :
- Vợ chồng cung cùng con cái cung chiếm tỷ kiếp lộc thần, mà vợ chồng tinh không dễ tiến vào.
- Vợ chồng cung rơi chế vợ chồng tinh, vậy mà chế chi không được, vợ chồng tinh phản phá hư vợ chồng cung .
- Vợ chồng cung chiếm vợ chồng tinh mộ, không hình xông khắc phá cũng dễ độc thân.
- Vợ chồng cung rơi vợ chồng tinh chi chính tinh, nhưng xuất hiện thiên tinh quấy nhiễu, cũng dễ dàng độc thân. Là mò trăng trong nước.
Kiêu, thương quan cũng là mẹ chồng, bà nội, bà ngoại .

Khôn tạo : Mệnh lý độc thân (chủ vị chiếm kiếp ấn)
giáp nhâm mậu kỷ (tý sửu dần mão)
thìn thân ngọ mùi
Đại vận : Ngay3 tháng 8 khởi vận
Tân canh kỷ mậu đinh bính ất giáp
Mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý
Số tuổi 10 21 31 41 51 61 71 81
Năm phân 73.4 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044
Tạo này tạo là một diễn viên vũ Ba lê nổi tiếng, năm ngày giờ tỷ kiếp tinh, quan tinh tuy có, nhưng ngồi tỷ kiếp địa lại cùng kiếp tài hợp, nói rõ nàng có bạn trai, nhưng cả đời sẽ không kết hôn. Thực tế đúng như vậy, đến nay vẫn sống độc thân, bạn trai cũng có gia đình. Giáp kỷ hợp đến tỷ kiếp, nam nhân của người khác.

Khôn tạo : Mệnh lý độc thân (chủ vị chiếm ấn lộc)
đinh bính quý nhâm (tuất hợi dần mão)
mùi ngọ dậu tý
Đại vận : Ngày 27 tháng 7 khởi vận
Đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp
Mùi thân dậu tuất hợi tý sửu dần
Số tuổi 1 11 21 31 41 51 61 71
Năm phân 1967 1977 1987 1997 2007 2017 2027 2037
Tạo này phu cung ngồi chi thiên ấn, trụ giờ chiếm lộc, hai điểm này là tổ hợp độc thân. Nhưng trên năm có tài tinh, là có tượng hôn nhân. Hành kỷ

dậu vận, quan tinh rơi vào vị trí vợ chồng cung, có thể kết hôn, dậu vận có hôn nhân. Đến canh tuất chi tuất vận, ngọ tuất kết đảng, hại ngã vợ chồng cung, nháo ly hôn. Phán đoán cô gái này sau ly hôn sống độc thân. Bản thân nàng nói sau ly hôn sau sẽ sống một mình, sẽ không kết hôn nữa .
Khôn tạo : Mệnh lý cán bộ về hưu độc thân (tài quan nhập mộ không khai)
tân tân bính giáp (tý sửu ngọ mùi)
mão sửu thìn ngọ
Đại vận : Ngày 4 tháng 4 khởi vận
Nhâm quý giáp ất bính đinh mậu kỷ
Dần mão thìn tị ngọ mùi thân dậu
Số tuổi 8 19 29 39 49 59 69 79
Năm phân 59.1 1970 1980 1990 2000 2010 2020 2030
Tạo này là một gái lỡ thì, đến nay chưa từng kết kết hôn, cũng không có tình nhân, vì sao ? cùng thượng tạo nguyên lý tương tự, phu cung lâm phu tinh mộ, mộ lại không khai. Xem lại tài tinh hợp thân, tài xem làm chồng, bản thân cũng có thể lập gia đình, lại gặp tài tinh lưỡng hiện, đều nhập mộ sửu kho, hành vận không hình xung hai kho này là không thể nào kết hôn. Tới sáu mươi ba tuổi hành mùi vận mới có thể đem tài kho xung khai, cho nên manh sư đoán mệnh này vào năm sáu mươi ba tuổi kết hôn. Như thế đơn thuần ngày bính thìn có hôn nhân. Sửu quan tài môn, quan tinh thoái khí .

Càn tạo : Mệnh lý độc thân (ngồi mộ không khai, độc thân)
nhâm mậu tân bính (tuất hợi dần mão)
tý thân mùi thân
Đại vận : Ngày 3 tháng 9 khởi vận
Kỷ canh tân nhâm quý giáp ất bính
Dậu tuất hợi tý sửu dần mão thìn
Số tuổi 10 21 31 41 51 61 71 81
Năm phân 81.1 1992 2002 2012 2022 2032 2042 2052
Tạo này là một nam tử độc thân, cả ngày không có việc gì làm, nay khó giữ được tịch. Chúng ta xem tại sao như thế ? Thê cung là tài kho, nhưng kho không khai. Đại vận đến năm mươi lăm mới khai khố. Mệnh cục không thấy tài tinh, lấy thương quan thực thần tinh làm vợ, lại thấy thực thần tý thủy hại thê cung, có lẽ cùng thê vô duyên. Bát tự không một chữ làm công hữu dụng, cho nên số mệnh cả đời rất kém cỏi.
Càn tạo : Mệnh lý độc thân thê cung vô khí, độc thân
đinh quý đinh tân (dần mão ngọ mùi)
hợi sửu mùi hợi

Đại vận : Ngày 12 tháng 10 khởi vận
Nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
Tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị
Số tuổi 6 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 53.6 1963 1973 1983 1993 2003 2013 2023
Tạo này lấy tân kim trong sửu làm thê tinh. Thê cung mùi xung sửu, là thê cung muốn chế thê tinh, nhưng bát tự là kim thủy có thế mà đem mùi thổ xung phá hư, là thê tinh phản phá hư thê cung, cho nên là một mệnh độc thân. Nhật chủ đinh hỏa thông với mùi kho, mùi là chủ vị thể, là muốn dùng nó làm công, hiện bị trong cục chế hư, cho nên mệnh này kém. Người này cả đời nghèo khổ vất vả, còn hỏng một con mắt, ăn xin qua ngày. May mắn duy nhất là vào tuất vận năm bính thìn, anh trai ở đường sơn nhà bị động đất tử vong, hắn thay ca, năm năm sau bị khai trừ. Mùi chủ năng lực, hợi mùi củng tiêu tan .
Càn tạo : Mệnh lý độc thân
bính bính canh ất (tuất hợi thìn tị)
thân thân ngọ dậu
Đại vận : Ngày 1 tháng 2 khởi vận
Đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp
Dậu tuất hợi tý sửu dần mão thìn
Số tuổi 3 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 58.7 1969 1979 1989 1999 2009 2019 2029
Thê cung ngọ hỏa là quan, phó thê cung hai bính thấu, phối kiếp tài, một người độc thân. Ất canh một người, ất bị hóa mất .
Khôn tạo : Mệnh lý độc thân (phu tinh vô lực)
đinh nhâm canh nhâm (thìn tị dần mão)
mùi dần tý ngọ
Đại vận : Ngày 18 tháng 10 khởi vận
Quý giáp ất bính đinh mậu kỷ canh
Mão thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất
Số tuổi 10 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 76.12 1986 1996 2006 2016 2026 2036 2046
Tạo này với tạo trên tổ hợp tương tự. Là phu cung thương quan tinh muốn chế phu tinh quan, nhưng trong cục quan vượng phản đem phu cung tý thủy phá hư mất, cho nên là mệnh độc thân, đến nay chưa từng yêu ai. Cùng thượng tạo mệnh cục bất đồng tý thủy thương quan có thể khử, khử chi luận cát. Cho nên người này năng lực làm việc rất mạnh, là một kế toán viên cao cấp, lương tháng rất cao. Phu cung bị hư, nam nhân không nhìn. Dáng dấp không hấp dẫn, hàm răng vẩu, là bởi vì mùi hại tý phản không hấp dẫn .

Càn tạo : Người Hương càng mệnh lý độc thân (thê tinh thê cung nhập mộ không khai)
đinh quý kỷ kỷ (thân dậu dần mão)
mùi mão mão tị
Đại vận : Ngày 22 tháng 6 khởi vận
Nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
Dần sửu tý hợi tuất dậu thân mùi
Số tuổi 3 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 69.12 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040
Mệnh này đến nay chưa từng kết hôn, cũng thuộc về mệnh độc thân. Nguyên nhân là quý mão làm vợ, nhập mùi mộ, mà mộ không khai. Hành tuất vận khai mùi kho mới có thể kết hôn. Bởi vì thê tinh thê cung nhập mộ.

Khôn tạo : Ly hôn sau độc thân (chủ vị thấy ấn lộc)
tân tân mậu đinh (tý sửu dần mão)
hợi mão ngọ tị
Đại vận : Ngày 16 tháng 1 khởi vận
Nhâm quý giáp ất bính đinh mậu kỷ
Thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1971 1982 1992 2002 2012 2022 2032 2042
Mão là chồng, phá cung vị tất xa cách, năm ất hợi bính tý kết hôn, ất vận năm đầu tiên, năm tân tị xung hợi quan tài môn, ly hôn. Khuynh hướng độc thân, sợ sẽ không có hôn nhân nữa. Biên tập đài truyền hình, phóng viên ở hải ngoại .

Khôn tạo : Ly hôn sau độc thân
giáp bính kỷ kỷ (thìn tị thìn tị)
ngọ dần hợi tị
Đại vận : Ngày 9 tháng 8 khởi vận
Ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
Sửu tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ
Số tuổi 3 13 23 33 43 53 63 73
Năm phân 56.8 1966 1976 1986 1996 2006 2016 2026
Phu cung phu tinh được chính vị, không thích tinh khác hợp, bản mệnh tị hợi xung, dần hợi hợp, chồng bị hợp mất. Nhâm tuất vận ly hôn, với chồng yêu cầu cao, hay nổi giận, ly hôn rồi lại hối hận. Năm giáp tuất bắt đầu xa cách, năm mậu dần ly hôn xong. Ly hôn sau độc thân. Trên giờ

thấy tỷ ấn sẽ tái hôn nữa. Bác sỹ quốc vụ viện, phụ thân là sỹ quan cao cấp .
Khôn tạo : Mệnh lý độc thân (cung tinh tương phá)
kỷ bính đinh đinh (tuất hợi tý sửu)
mùi tý mão mùi
Đại vận : Ngày 17 tháng 8 khởi vận
Đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp
Sửu dần mão thìn tị ngọ mùi thân
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 82.4 1993 2003 2013 2023 2033 2043 2053
Phu cung cùng phu tinh tương phá, lại hai đầu hại. Phu tinh lại ở kiếp địa, chủ vị lại rơi ấn lộc, hôn nhân là hoàn toàn hư.
Trình độ học vấn rất cao, năng lực làm việc mạnh, đến nay chưa lập gia đình. Đại vận canh thìn 34 tuổi, đoán chừng sẽ có một đoạn hôn duyên, Sau đó sẽ ly dị, không hề kết hôn nữa. Ra nước ngoài làm việc .
Càn tạo : Mệnh lý độc thân (mò trăng trong nước)
tân canh kỷ quý (thìn tị ngọ mùi)
mão tý hợi dậu
Đại vận : Ngày 24 tháng 10 khởi vận
Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm
Hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 56.1 1967 1977 1987 1997 2007 2017 2027
Thê tinh tạp thấu, theo đuổi hoàn mỹ. Tạo này ngồi xuống chính tài được chính vị mà tự hợp, mệnh cục tài tinh vả lại nhiều. Nhưng người này không chỉ không có hôn nhân, thậm chí bạn gái cũng không có, tại sao? Đây là tổ hợp đặc thù mệnh độc thân : vợ chồng cung ngồi vợ chồng chính tinh mà thiên địa tương hợp, bày tỏ bản thân của hắn có một trạng thái phối ngẫu lý tưởng, loại lý tưởng này mà hắn không cách nào thoát khỏi, nhưng mệnh cục lại có vợ chồng thiên tinh vượng tướng quấy rối, bày tỏ gặp phải đối tượng cũng không thể như ý. Cứ như vậy, Người này thường thường bởi vì chủ nghĩa lý tưởng quá mức mà không cách nào tìm được phối ngẫu của mình, chỉ có thể sống độc thân.
Khôn tạo : Mệnh lý độc thân (mò trăng trong nước)
tân canh kỷ nhâm (thìn tị thìn tị)
sửu tý hợi thân
Đại vận : Ngày 29 tháng 6 khởi vận
Tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu
Sửu dần mão thìn tị ngọ mùi thân
Số tuổi 2 12 22 32 42 52 62 72

Năm phân 63.6 1973 1983 1993 2003 2013 2023 2033
Tý sửu hợp, sửu hợp đến phó phu cung. Tạo này phu cung hợi thủy, trong tàng chính quan, nhật chủ cùng chi thiên địa hợp, lại có tý thủy tài tinh nắm lệnh là tinh quấy nhiễu, loại tổ hợp này thì dễ dàng độc thân. Thực tế nàng trước kia vung trộm cùng một người Đài Loan sinh một hài tử, nhưng không có kết hợp vợ chồng, đến nay vẫn sống một mình.
Khôn tạo : Hạ lão sư đoán mệnh lý độc thân (mò trăng trong nước)
kỷ bính nhâm kỷ (thân dậu ngọ mùi)
sửu dần ngọ dậu
Cô gái này đã qua hoa giáp, nhưng chưa bao giờ kết hôn, vẫn độc thân. Phu cung ngồi chi chính tài chính quan, thiên địa tương hợp, vốn nên có hôn nhân tốt, đáng tiếc trong mệnh sửu ngọ hại hư chính tinh, cái này là thứ nhất. Kém hơn chính là, thấu can thiên tài bính hỏa, tuy không phải là thiên quan, lại đồng dạng là thiên phu cung chính tài, cùng thiên quan lộ ra tình hình tương đương, cho nên đưa đến cả đời khoongn có hôn nhân. Bính là ngọ thiên tinh , sửu ngọ hại phá hư phu cung.

Khôn tạo : Hạ lão sư đoán mệnh lý độc thân (mò trăng trong nước)
mậu ất kỷ quý (thìn tị thân dậu)
dần mão hợi dậu
Người phụ nữ này đã hơn bảy mươi, cả đời chưa lập gia đình, là một lão cô nương, nguyên nhân cũng là ngồi chi chính quan tinh gặp hợp, nguyệt lệnh sát tinh vượng thấu. Trong mệnh con cái cung gặp thực thần, còn có thể có con. Thực tế vào năm năm mươi mốt tuổi, muốn có một nữ nhi. Nguyên cục có thực thần, đại vận tới. Mậu là người khác, phương xa, hợp quý, dậu ở sau sinh phu cung, là con của người khác.
Khôn tạo : Mệnh lý độc thân (quan mộ không khai nam nhân nhiều)
giáp mậu đinh giáp (dần mão dần mão)
thìn thìn mùi thìn
Phu cung mùi nhập thìn mộ cung khác, thìn là quan sát mộ không khai, bày tỏ phối ngẫu cung bí mật ở bên trong không thể công khai. Thìn nhiều, tình nhân rất nhiều. Vẫn không kết hôn, tình nhân ở bên ngoài, bản thân là một luật sư. Quý thủy trong thìn nam nhân đều là ám .
Càn tạo : Giáo sư mệnh lý độc thân (tài quan lâm kho hại tài)
giáp bính kỷ mậu (tý sửu dần mão)
thìn tý mùi thìn
Giáp mộc cao quý, sinh ấn, nghề nghiệp tốt. Dáng dấp nhỏ gầy. Cung tinh không khai lại tương hại. Người này là giáo sư đại học, đến nay vẫn không kết hôn. Đối với phái nữ không có cảm giác. Nguyên cục tý thủy là vợ, nhưng thê cung ngồi mùi hại tý, thê không vào được cửa.

Khôn tạo : Mệnh lý độc thân (phu cung quan tài môn)
ất tân tân quý (tuất hợi dần mão)
tị tị mùi tị
Đại vận : Ngày 27 tháng 12 khởi vận
Nhâm quý giáp ất bính đinh mậu kỷ
Ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý sửu
Số tuổi 7 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 71.4 1981 1991 2001 2011 2021 2031 2041
Nữ mệnh này đã gần đến 50 tuổi, vẫn không kết hôn, cũng không nghe nói nàng từng có tình nhân. Quan tinh vượng mà bao cục, sinh đến phu cung, tại sao không có hôn nhân ? Thê cung đóng tài môn, thê cung là tài mộ không khai, do đó không có hôn nhân. Có thể tuất vận hình mùi mới có .

Tiết thứ tám : Mệnh dâm loạn

Bản tiết nội dung chủ yếu là phân tích tổ hợp bát tự nữ mệnh bán thân. Nữ nhân lộc là thân thể, dùng thân thể lấy tài phần nhiều sẽ làm tiểu thư (gái làm tiền, gái bao).
Lộc thần hoặc lộc thêm thương thực thần gặp xung, hại, có ý tứ tình yêu, lấy làm công này lấy tài, thì đủ ý bán dâm.
Khôn tạo : Nữ mệnh bán thân
kỷ giáp giáp ất (ngọ mùi dần mão)
dậu tuất thân sửu
Đại vận : Ngày 15 tháng 10 khởi vận
Ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm
Hợi tý sửu dần mão thìn tị ngọ
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1969 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040
Manh sư đóan lệ, đoán năm 16 tuổi bắt đầu xuất đạo, kiếm tiền nam nhân. Thực tế nàng chính là kỹ nữ .
Phân tích : Sửu là âm trung chi âm, rơi vào trên giờ bày tỏ bộ phận sinh dục phụ nữ. Sửu này còn bày tỏ vụng trộm làm việc. Phu tinh cung rơi quan sát tinh, thân cùng dậu đều cùng chi liên hệ. Kỷ dậu mang tài quan, bày tỏ ý tứ phải tốn tiền đưa nàng lên giường. Sửu tuất hình làm công, dùng thân thể lấy tài. Năm nhâm tuất 16 tuổi, thấy tài tinh, tuất hình khai sửu, bắt đầu kiếm tiền .
Khôn tạo : Bán thân nữ mệnh
bính tân kỷ canh (tuất hợi tuất hợi)
dần mão tị ngọ

Đại vận : Ngày 29 tháng 12 khởi vận
Canh kỷ mậu đinh bính ất giáp quý
Dần sửu tý hợi tuất dậu thân mùi
Số tuổi 7 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 92.4 2002 2012 2022 2032 2042 2052 2062
Lộc cùng thương quan tương thông. Tài khí không lớn. Phân tích nguyên cục quan tinh dần hại cung vị, chồng không vào được cửa. Sát tinh mão phá lộc, nam nhân đều ham muốn thân thể của nàng. Nữ mệnh lộc ở môn hộ, dễ sai đường, bây giờ môn hộ bị hại, nam nhân thì không phải là yêu nàng, mà là chiếm đoạt nàng. Trong mệnh không có tài, thương quan thực thần xem làm tài, cũng chủ nữ nhân thanh tú, thoạt nhìn rất đẹp, cũng ham tiền .

Khôn tạo : Nữ mệnh bán thân
quý bính tân tân (ngọ mùi tý sửu)
hợi thìn mão mão
Đại vận : Ngày 23 tháng 5 khởi vận
Đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp
Tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1983 1994 2004 2014 2024 2034 2044 2054
Phân tích : bính thìn là cha, quý hợi là mẹ, quý khắc bính, khắc phụ, mão là cha dượng. Theo mẹ tái giá. Đúng là năm bính tý 14 tuổi cha chết. Trên năm thương thực vốn sinh tài, nhưng quý hợi nhập vào thìn mộ, không thể sinh tài. Mão thìn hại, phu cung hại ngã không có hôn nhân nghiêm chỉnh. Hai tân tương liên chủ thân thể, thấy quý hợi thực thương cũng có ý này. Mão thìn có hại, ý là bán thân thể lấy tài. Năm tân tị rời nhà ra đi. Mới đầu là bồi hát, năm ất dậu bắt đầu bán thân. Hại ngã chính ấn không đi đường ngay.
Khôn tạo : Nữ mệnh bán thân
kỷ mậu đinh quý (tý sửu tý sửu)
mùi thìn tị mão
Đại vận : Ngày 12 tháng 9 khởi vận
Kỷ canh tân nhâm quý giáp ất bính
Tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 83.4 1994 2004 2014 2024 2034 2044 2054
Phân tích : phu cung nhiều hiện, mãn cục cũng là phu cung. Phu tinh rơi vào trong mộ, bày tỏ nam nhân nhiều. Quý thủy ở cung giờ thấu xuất, ngồi mão, mão thìn hại, quý thủy nơi này đại biểu tài, mậu quý hợp, ý là

hư tài, mão thìn hại, phát sinh tính quan hệ .
Đoán : Năm 97 đinh sửu 19 tuổi thì yêu đương rồi thất thân, ngọ vận bị năm sửu hại, chủ thân thể, Đúng rồi ! Năm đó bị bạn trai chuốc say phá thân. Năm 98 chấp nghiệp làm tiểu thư. Đúng , là cuối năm 98 làm tiểu thư. Đinh tị, mậu thìn, kỷ mùi lộc cùng thực thương liên ở cùng một chỗ, thìn là nam nhân kho .

Khôn tạo : Manh sư đoán bán thân nữ mệnh
nhâm tân kỷ bính (tý sửu thìn tị)
dần hợi mùi dần
Đại vận :
Canh kỷ mậu đinh bính ất giáp quý
Tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn mão
Số tuổi 3 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 64.8 1975 1985 1995 2005 2015 2025 2035
Ngày kỷ mùi, phu cung là quan mộ không khai. Mộ không khai một mặt bày tỏ nam nhân nhiều, còn bày tỏ những nam nhân này đều là không phải của mình. Quan tinh mang tài vào đến chi mình tọa xuống, nam nhân mang tiền tìm đưa nàng lên giường, cho nên là kỹ nữ. Không qua được mùi vận, bị bệnh thận chết. Dần hợi hợp bán trụ, rời đi bất lợi.

Khôn tạo : Nữ mệnh bán thân
đinh bính kỷ tân (dần mão dần mão)
mùi ngọ dậu mùi
Đại vận Ngày 23 tháng 4 khởi vận
Đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp
Mùi thân dậu tuất hợi tý sửu dần
Số tuổi 8 19 29 39 49 59 69 79
Năm phân 74.12 1985 1995 2005 2015 2025 2035 2045
Nguyên cục phu tinh tại mộ không khai, kỷ lộc hợp đến mộ, mộ không khai chủ nhiều, lại chủ nam nhân của người khác. Tân dậu thực thần xem làm tài, bính tân hợp, tân lạc vào trên nam nhân khố, lấy đây là sinh. làm tiểu thư. Nam nhân mộ kho cùng lộc chủ thân thể. Ngọ dậu phá khắc con cái, cũng chủ bệnh phụ khoa .
Khôn tạo : Nữ mệnh bán thân
bính giáp giáp kỷ (tuất hợi dần mão)
ngọ ngọ tý tị
Đại vận : Ngày 24 tháng 10 khởi vận
Quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
Tị thìn mão dần sửu tý hợi tuất

Số tuổi 9 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 74.12 1985 1995 2005 2015 2025 2035 2045
Bát tự không có phu tinh, thương quan thực thần quá vượng, hai ngọ xung tý, phu cung bị xung hư. Năm mậu thìn 23 tuổi kết hôn, nhâm thìn đại vận, thìn là chồng. Năm quý dậu 28 tuổi chồng chết. Năm ất hợi 30 tuổi đi Nhật Bản bán xuân. Hai giáp tương liên bày tỏ nữ nhân thân thể, trên giờ thấy tài hợp chi, lấy thân thể lấy tài. Thực thương liên thể, tý tị hỗ tuyệt, phu cung phá hư mất.
Khôn tạo : Hai tạo đối lập
bính bính giáp bính (thìn tị tý sửu)
thìn thân ngọ dần
Đại vận : Ngày 31 tháng 5 khởi vận
Ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
Mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1976 1987 1997 2007 2017 2027 2037 2047
Dần là lộc là thân thể, lộc thương tương liên, thương quan cũng chủ thân thể. Ngọ là phu cung, phu cung nhiều hiện, khắp nơi là giường của nàng. Thân thìn là tài sát chủ nam nhân, hỏa khắc kim thêm dần thân xung, dùng thân thể lấy tài. Dần vận 16 tuổi xuất đạo . Dáng dấp đẹp
Dần thân xung tính đổi chác .
Tống tổ Anh : hai tạo đối lập
bính bính giáp bính (dần mão dần mão)
ngọ thân thìn dần
Tống tổ Anh. Ngồi xuống phu cung là thìn, chỉ có một phu cung. Thân là chồng, thân thìn củng, phu cung phu tinh ổn định.
Bính là tú khí, cũng xinh đẹp. Bính là truyền thông, hỏa khắc kim chủ thanh âm , cho nên là ca sĩ .
Càn tạo : Nam mệnh bán thân
ất giáp tân giáp (thìn tị tuất hợi)
sửu thân sửu ngọ
Đại vận : Ngày 11 tháng 3 khởi vận
Quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
Mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý
Số tuổi 8 19 29 39 49 59 69 79
Năm phân 92.8 2003 2013 2023 2033 2043 2053 2063
Nguyên cục : thê cung ngồi kiếp tài kho, lại gặp kiếp tài thân, năng lực siêu cường. Thê cung nhiều hiện, phối hư tài, nhiều nữ nhân, nữ nhân lui tới. Sửu ngọ tương hại, sửu chủ âm u, kiếp tài làm công, cho nên là làm ép. Cha mệ ly hôn từ lúc còn rất nhỏ, đi theo mẹ, điều kiện gia đình kém.

Bản thân thân cao 1.82 thước, giống minh tinh. Năm 18 tuổi bắt đầu tiếp xúc nữ nhân, lấy đây là sinh kế. Thê cung thê tinh nhiều hiện. Sửu ngọ hại nữ nhân mang tài tới, ngọ sát tài đại. Tỷ kiếp vượng mà khắc tài, lại giáp phụ phục ngâm phụ đi, cho nên cha mẹ ly dị .

Khôn tạo
quý quý quý bính (thìn tị tý sửu)
hợi hợi mão thìn
Đại vận : Ngày 3 tháng 10 khởi vận
Giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân
Tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
Số tuổi 9 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 91.12 2002 2012 2022 2032 2042 2052 2062
Mãn cục tỷ kiên kiếp tài, thấy bính thìn trên giờ, nhập vào trong quan mộ, mộ không khai chủ nhiều, mão thìn hại phát sinh tính quan hệ. Thấy bính là ảnh tượng, biến thành băng hình điện ảnh bán ra. Năm 19 tuổi ất sửu vận xuất đạo. Ứng ất đại biểu mão. Ất lại sinh bính .
Hợi nhập thìn đinh bính bày tỏ truyền thông, nhiếp ảnh. Mão thân thể hại thìn nam nhân, bán băng hình .

Tiết thứ chín : Tổ hợp hôn nhân kém
Hôn nhân kém là chỉ hôn nhân chất lượng không tốt, nhưng không ly hôn, chịu đựng mà sống qua ngày .
Càn tạo : hôn nhân kém
ất canh đinh quý (dần mão ngọ mùi)
dậu thìn mùi mão
Đại vận : Ngày 8 tháng 3 khởi vận
Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm
Mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1945 1956 1966 1976 1986 1996 2006 2016
Thê tinh là canh thìn thêm ất dậu, có thê cung mùi nhập thìn mộ quan hệ. Vợ rất ngang bướng, mình là đinh hỏa khó mà khắc kim. Cả đời bị vợ ức hiếp. Mão thìn hại, bày tỏ hai người cho tới bây giờ không hòa thuận. Nhưng thê tinh cùng thê cung không hư, không ly hôn. Hành bính tý, ất hợi vận, hai mươi năm không có cuộc sống vợ chồng, kim sinh thủy diệt hỏa. Đến giáp tuất vận, mão tuất hợp đến chỗ chơi bời, tuất còn bày tỏ bản thân tỷ kiếp vượng địa, thường tìm tiểu thư. Mão thìn hại quan hệ không tốt .

Khôn tạo : tổ hợp hôn nhân kém
tân quý mậu ất (tý sửu ngọ mùi)
mão tị ngọ mão
Đại vận : Ngày 30 tháng 11 khởi vận
Giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân
Ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý sửu
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 56.1 1967 1977 1987 1997 2007 2017 2027
Phu cung là ngọ, phu tinh là mão, mặc dù mão ngọ tương phá, nhưng phu tinh xuất hiện bao cục, không thể ly hôn. Ngày mậu thổ không thích giờ Ất Mão, chồng đối với nàng không tốt. Mão ngọ tương phá, cãi nhau, tượng chửi như tát nước. Tân mão trên dưới không sinh không phải là phản cục .

Khôn tạo : Tổ hợp hôn nhân kém
quý ất canh mậu (dần mão dần mão)
sửu sửu tuất tý
Đại vận :
Bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý
Dần mão thìn tị ngọ mùi thân dậu
Số tuổi 7 19 29 39 49 59 69 79
Năm phân 80.1 1992 2002 2012 2022 2032 2042 2052
Tuất là chồng, sửu tuất tương hình, trong sửu tàng tân, chồng bên ngoài có nhiều tình nhân. Tuất bị song sửu hình, vốn có tượng ly hôn. Nhưng lấy tý sửu hợp, đem tuất tha thiết bao ở bên trong, hôn nhân không tốt, nhưng không ly hôn. Chồng là liên quan đến phụ nữ, quan lớn xí nghiệp, bên ngoài nhiều nữ nhân. Sửu tuất hình chế sát làm tài, chính nàng thông qua chồng kiếm tiền, sẽ không ly hôn .
Khôn tạo : giàu sang mấy ngàn vạn tổ hợp hôn nhân kém
kỷ quý ất nhâm (tý sửu dần mão)
dậu dậu mão ngọ
Đại vận : Ngày 13 tháng 3 khởi vận
Giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân
Tuất hợi tý sửu dần mão thìn tị
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1969 1980 1990 2000 2010 2020 2030 2040
Trong mệnh hai thất sát, kỷ dậu cùng quý dậu bởi vì sở mang thiên can bất đồng, cho nên không phải là một người. Quý dậu là chồng, kỷ dậu là tình nhân. Tý vận đinh vận hôn nhân hoàn hảo, đến sửu vận bởi vì sửu đại biểu dậu hại đến chủ vị thực thần, cùng trượng phu tư tưởng không

cách nào khơi thông, sửu vận hôn nhân biến đổi kém. Mậu dần vận, sát đáo tuyệt địa mà quan hệ hôn nhân càng ngày càng xa, nhưng bởi vì nàng diện mạo đẹp mà không ly hôn, chịu đựng sống qua ngày. Mệnh giàu sang mấy ngàn vạn . Sửu vận có một đoạn đào hoa, kỷ mão vận có đào hoa, dần vận tuyệt phu tuyệt đào hoa. Ất mộc thu sinh thấy hỏa, tháng dậu là chồng, quý thủy là giấy hôn thú .

Tiết thứ mười : Tổ hợp hôn nhân tốt đẹp (trọng điểm)

Học tập xong mệnh cục hôn nhân kém, mọi người đặc biệt dễ dàng đem vốn là hôn nhân tốt nhìn thành kém, cho nên bản chương tiết cố ý đem dễ dàng nhìn lầm mệnh cục hôn nhân liệt kê ra , tiến hành phân biệt .
Càn tạo : Tổ hợp hôn nhân tốt
giáp nhâm bính canh (dần mão tý sửu)
dần thân ngọ dần
Đại vận : Ngày 25 tháng 9 khởi vận
Quý giáp ất bính đinh mậu kỷ canh
Dậu tuất hợi tý sửu dần mão thìn
Số tuổi 2 13 23 33 43 53 63 73
Năm phân 75.12 1986 1996 2006 2016 2026 2036 2046
Nhâm sát xem làm tài. Lấy thân làm vợ, vợ chồng cung ngọ hỏa cùng thân tương khắc, vốn không cát, nhưng thê cung kéo dài hai dần, cung tạo thành bao cục, cung đem tinh bao tại bên trong. Cho nên là hôn nhân tốt đẹp. Giờ thấu canh cùng thân kim xem làm một người. Ấn bao cục là giấy hôn thú, nhà. Vợ làm việc ở ngân hàng, mình làm ông chủ. Ngân hàng là tượng dần thân xung.

Càn tạo : Người làm ăn tổ hợp hôn nhân tốt đẹp
bính quý quý mậu (ngọ mùi dần mão)
ngọ tị tị ngọ
Đại vận : Ngày 1 tháng 6 khởi vận
Giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân
Ngọ mùi thân dậu tuất hời tý sửu
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1966 1977 1987 1997 2007 2017 2027 2037
Người làm ăn. Mậu quý hợp, quan quản mình, quan thống tài. Cái mệnh này xem ra đặc biệt dễ dàng phạm sai lầm, cho là tài nhiều sẽ nhiều hôn nhân hoặc có ngoại tình. Kỳ thực không phải vậy. Nam mệnh đào hoa hoặc nhiều hôn nhân thông thường nếu tỷ kiếp vượng mới được, tỷ kiếp nhược là không có tinh lực cùng hứng thú tìm đào hoa. Tạo này thân cùng

dậu vận phát đại tài, hôn nhân rất tốt, quan tinh lại hợp thân, bị thê quản thúc .

Khôn tạo : Giáo viên trung học tổ hợp hôn nhân tôt đẹp
đinh ất tân tân (tuất hợi dần mão)
mùi tị mùi mão
Đại vận : Ngày 5 tháng 7 khởi vận
Bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý
Ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý sửu
Số tuổi 10 21 31 41 51 61 71 81
Năm phân 76.12 1987 1997 2007 2017 2027 2037 2047
Tạo này là một giáo viên ngữ văn trung học, chồng là người làm ăn. Hôn nhân rất tốt. Mùi là phu cung, có đinh hỏa sát tinh cùng tị hỏa quan tinh hai sao đều có liên hệ phu cung, cho nên bát tự này dễ xem thành hai hôn nhân. Thực tế không phải vậy, tại sao? Tị hỏa thấu ất cùng đinh tương liên, đinh ất tị tạo thành liên thể, là một người, không lấy xe là hai người. Cho nên là một hôn nhân đến cùng, cũng không đào hoa. Mùi là ấn tinh, đinh là nhà là sách bút .

Càn tạo : Một tỷ phú tổ hợp hôn nhân tốt đẹp
kỷ bính canh kỷ (thân dậu thìn tị)
hợi dần thìn mão
Đại vận : Ngày 7 tháng 8 khởi vận
Ât giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
Sửu tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ
Số tuổi 8 18 28 38 48 58 68 78
Năm phân 66.1 1976 1986 1996 2006 2016 2026 2036
Chú : Trong tài liệu giờ quý mão là sai.
Đào hoa bị hại không đào hoa. Là một tỷ phú. Thìn là thê cung, hợi là thê tinh, dần hợi tương hợp, dần hợi một nhà. Trên giờ thấy quý là phó cung, ngồi mão có ý tứ đào hoa. Nhưng lại thấy mão thìn hại, tự mình không thích đào hoa, chưa bao giờ có hoa đào cùng tình nhân, hôn nhân tốt vô cùng. Thê cung hại đào hoa tinh chính là ý tứ ngược lại không thích đào hoa .

Càn tạo : Tỷ phú gia tổ hợp hôn nhân tốt đẹp
nhâm canh nhâm quý (ngọ không thìn tị)
dần tuất thìn mão
Đại vận : Ngày 19 tháng 10 khởi vận
Tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu

Hợi tý sửu dần mão thìn tị ngọ
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 67.8 1978 1988 1998 2008 2018 2028 2038
Tỷ phú gia, quan viên. Tạo này dần tuất tương củng là thê tinh, thìn tuất xung phát sinh liên hệ. Thấy giờ quý mão, bởi vì mão thìn tương hại ý là mình không thích đào hoa. Hôn nhân rất tốt, một lần hôn nhân. Dần tuất là một người .
Khôn tạo : Tổ hợp hôn nhân tốt đẹp
giáp canh quý ất (ngọ mùi tý sửu)
dần ngọ tị mão
Đại vận : Ngày 31 tháng 5 khởi vận
Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm
Tị thìn mão dần sửu tý hợi tuất
Số tuổi 5 16 26 36 46 56 66 76
Năm phân 78.12 1989 1999 2009 2019 2029 2039 2049
Giáp là con trai, ất là con gái, bị bao trụ. Tị là phu cung chi phu tinh, lại thấy ngọ hỏa, xem như tượng hai người đàn ông. Nhưng xuất hiện giáp dần, ất mão bao cục, tị ngọ tương liên bị bao trụ tại bên trong, cho nên ý tứ đây là một người. Hôn nhân tình cảm rất tốt, không có bất cứ vấn đề gì .
Càn tạo
quý giáp giáp kỷ (tuất hợi thân dậu)
mùi tý tý tị
Đại vận : Ngày 13 tháng 1 khởi vận
Quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
Hợi tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn
Số tuổi 8 19 29 39 49 59 69 79
Năm phân 51.1 1962 1972 1982 1992 2002 2012 2022
Kỷ, mùi một tượng. Quý là phu cung, mùi là phu tinh, thấy tý mùi hại vốn có tượng ly hôn. Nhưng kỷ đại biểu mùi thấu đến trên giờ hợp đến mình, tạo thành bao cục, cho nên hôn nhân không có vấn đề .

Càn tạo : Quan viên tổ hợp hôn nhân tốt
mậu canh quý nhâm (dần mão dần mão)
thân thân sửu tý
Đại vận : Ngày 1 tháng 12 khởi vận
Tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu
Dậu tuất hợi tý sửu dần mão thìn
Số tuổi 9 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 76.6 1987 1997 2007 2017 2027 2037 2047

Quan viên. Cái bát tự này chỗ đặc biệt ở chỗ vừa không có tài tinh, lại cũng không có thực thương tinh. Lấy chữ nào để xem thê tử ? Dưới tình huống này lấy thê cung sửu làm thê. Quan sát sửu lại đúng là mộ của ấn, ấn mang quan tinh chủ quyền lực, cho nên cái mệnh này có thể được hưởng ảnh hưởng tốt đẹp từ vợ. Bởi vì dựa vào quan hệ nhà vợ mà tiến vào quan trường. Hôn nhân rất tốt. Năm nhâm thân 25 tuổi kết hôn. Giáp vận là thương quan vận, là học sinh, tranh giành 800 vạn tiền chính phủ giao cho quản lý trường học. Tuất là trường học .
Khôn tạo : Quan viên tổ hợp hôn nhân tốt
nhâm quý bính mậu (tý sửu ngọ mùi)
thìn mão thìn tý
Đại vận : Ngày 15 tháng 11 khởi vận
Nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
Dần sửu tý hợi tuất dậu thân mùi
Số tuổi 2 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 53.12 1963 1973 1983 1993 2003 2013 2023
Manh sư đoán lệ. Bính nhật chủ, thìn là phu cung, gặp quan sát tạp thấu, xem như có vấn đề hôn nhân. Thực tế là hôn nhân rất tốt. Bởi vì quý mão một người, mão thìn hại, ý tứ bài xích hôn nhân khác phái. Giờ Tý quan tinh cùng thìn một nhà, xem là một người .
Hôn nhân muộn, 28,29 tuổi kết hôn, đối tượng là người phương xa, qua mấy năm mới cùng ở chung một chỗ. Sau hôn nhân không sinh được con. Thìn là con, bởi vì mão thìn hại, cho nên có con muộn. Bản thân là một quan viên, mậu tuất vận đảm nhiệm Huyện trưởng. Thìn vượng hại mão ấn. Năm tháng nhuận mới có con, bổ khuyết
Chương thứ hai : Bản chương cha mẹ phân ba tiết
Tiết thứ nhất : cha mẹ tử vong.
Tiết thứ hai : cha mẹ ly dị.
Tiết thứ ba : cha mẹ khí nuôi
Khái niệm :
Phụ tinh : bất luận nam nữ mệnh: lấy chính thiên tài, quan sát là phụ thân, không có tài quan thì không xem nguyên cục, lấy đại vận xem.
Mẫu tinh : bất luận nam nữ mệnh : lấy lộc, thực thần, thương quan xem làm mẫu thân tinh, như không có cái này có thể tỷ kiên kiếp tài xem làm mẫu. Người có ấn tinh ngậm tỷ kiếp lộc, có thể làm mẫu thân .
Trong bát tự năm tháng là cung vị cha mẹ. Lấy cung làm chủ, tinh là phụ, cho nên xem tình huống của cha mẹ nhất định phải xem năm tháng cung vị có bị hư hay không, sau đó xem quan hệ cha mẹ tinh cùng cha mẹ cung.
Tiết thứ nhất tiết : cha mẹ tử vong
Tổ hợp khắc cha mẹ :

Một - Tổ hợp hoạn phụ hoạn mẫu : cha mẹ tinh nhiều hiện hơn nữa tạp hiện, gọi là hoạn, tình huống như thế dễ dàng khắc cha mẹ.
Hai - Cha mẹ tinh ở năm tháng cung vị không thể tồn tại, không cách nào đặt chân, đây là tin tức khắc cha mẹ.
Ba - Cha mẹ tinh ở chủ vị không thể tồn tại ở cung vị ngày giờ, không cách nào đặt chân, đây cũng là tin tức khắc cha mẹ.
Bốn - Tài lâm mộ địa, phụ chết sớm .
Năm - Cha mẹ tinh, lâm tam hình, kẹp hình, cũng là khắc cha mẹ.
Sáu - Cha mẹ tinh không được giúp đở, bị tinh khác xung khắc hại hư, khắc cha mẹ .
Bảy - Những tình huống khác.

Càn tạo : Ví dụ không lấy ấn làm mẫu
bính ất giáp đinh (tý sửu thân dậu)
tý mùi dần mão
Đại vận : Ngày 25 tháng 12 khởi vận
Bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý
Thân dậu tuất hợi tý sửu dần mão
Số tuổi 7 18 28 38 48 58 68 78
Năm phân 02.12 2013 2023 2033 2043 2053 2063 2073
Tạo này như lấy ấn là mẫu, là tý bị mùi hại, tất sớm tang mẫu thân, trên thực tế mẫu thân thọ hơn tám mươi tuổi. Cho nên không lấy ấn làm mẫu, lấy dần mộc lộc thần mang thực thần là mẫu. Mẫu hạ xuống nhật chi, thấu ở can năm, cho nên mẫu thọ. Hành tân sửu đại vận, tý sửu hợp bán mẫu nguyên thần, bính tân hợp khử bính, mẫu từ trần vào năm giáp tuất đại vân tân sửu. Giáp đại biểu dần hư thấu ở thiên can, mẫu quy thiên .
Càn tạo : ví dụ khắc cha
kỷ đinh nhâm bính (thìn tị tý sửu)
mùi mão dần ngọ
Đại vận : Ngày 2 tháng 4 khởi vận
Bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
Dần sửu tý hợi tuất dậu thân mùi
Số tuổi 10 21 31 41 51 61 71 81
Năm phân 88.4 1999 2009 2019 2029 2039 2049 2059
Phân tích : Thiên can đinh mão là cha, có bính ngọ là một người cha khác, ngọ mão tương phá, là bện tim não mạch máu mà chết, cho nên là một mệnh hoạn phụ khắc phụ. Bính dần vận năm mậu dần tháng giêng cha chết. Dần trường sinh ngọ hỏa, bính thấu đoạt mất quang huy(ánh sáng).

Càn tạo : Ví dụ khắc cha
mậu đinh canh mậu (thìn tị dần mão)
thân tị tý dần
Đại vận : Ngày 5 tháng 1 khởi vận
Mậu kỷ canh tân nhâm quý giáp ất
Ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý sửu
Số tuổi 2 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 69.6 1981 1991 2001 2011 2021 2031 2041
Đi kỷ mùi vận năm quý hợi phụ thân qua đời. Cung tinh tương hại khắc phụ .
Phân tích : Dần mộc là phụ thân, dẫn tới năm tháng cung vị, tị hại dần, thân xung dần, vô khí. Đi kỷ mùi vận, mùi thổ hại tý thủy phụ thân nguyên thần, dần lại vào mùi kho. Năm quý hợi dẫn động phụ tinh, là ứng kỳ .

Càn tạo : Ví dụ khắc cha
canh mậu giáp bính (tuất hợi dần mão)
tuất dần tý dần
Đại vận : Ngày 4 tháng 3 khởi vận
Kỷ canh tân nhâm quý giáp ất bính
Mão thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất
Số tuổi 7 18 28 38 48 58 68 78
Năm phân 76.8 1987 1997 2007 2017 2027 2037 2047
Canh thìn vận năm quý dậu tháng bính thìn ngày tân dậu phụ thân ung thư đạ dày chết.
Phân tích : Giáp mộc lấy dần mộc lộc mang thực thần là mẹ. Canh kim là cha. Tài tinh đều nhập mộ. Tài lâm kho địa cha bị chết sớm. Nguyên cục tuất thổ không vong, đại biểu mộ đã chuẩn bị xong, đến canh thìn vận mộ đến, xung tuất thổ xung khai mộ, năm dậu dẫn động thìn .
Khôn tạo : Ví dụ khắc cha
tân mậu đinh giáp (thìn tị thìn tị)
sửu tuất dậu thìn
Đại vận : Ngày 19 tháng 5 khởi vận
Kỷ canh tân nhâm quý giáp ất bính
Hợi tý sửu dần mão thìn tị ngọ
Số tuổi 2 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 62.6 1974 1984 1994 2004 2014 2024 2034
Canh tý vận năm đinh tị cha chết.
Phân tích : Nguyên cục là tổ hợp cha mẹ tương khắc. Mậu tuất là mẹ, tân sửu là cha. Tân sửu tài ngồi mộ, dậu tài hợp mộ, tin tức vận khắc cha.

Tuất hình sửu, vốn là khai mộ, nhưng hành tý vận, tử sửu hợp bế mộ, tý lại dẫn động thìn mộ. Cho nên cha chết .

Khôn tạo : Ví dụ khắc cha
giáp đinh mậu mậu (tuất hợi tý sửu)
dần mão thìn ngọ
Đại vận : Ngày 21 tháng 8 khởi vận
Bính ất giáp quý nhâm tân canh kỷ
Dần sửu tý hợi tuất dậu thân mùi
Số tuổi 7 18 28 38 48 58 68 78
Năm phân 80.12 1991 2001 2011 2021 2031 2041 2051
Giáp vận, năm 03 quý mùi cha chết.
Phân tích : Tài lâm mộ kho, năm tháng không có căn, bởi vì ngồi trên đồng chi, sẽ không quá sớm .
Giáp vận, phụ đến lúc tử. giáp là đất bệnh tử của tý (Thiên can tượng cũng có thể dùng như vậy), đến năm quý mùi cha chết .

Khôn tạo : Ví dụ khắc cha
mậu tân đinh quý (dần mão dần mão)
thân dậu mùi mão
Đại vận : Ngày 13 tháng 7 khởi vận
Canh kỷ mậu đinh bính ất giáp quý
Thân mùi ngọ tị thìn mão dần sửu
Số tuổi 9 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 76.6 1987 1997 2007 2017 2027 2037 2047
Ngọ vận năm canh thìn , cha bị bệnh tim qua đời .
Phân tích : Năm tháng phụ tinh quá vượng, bởi vì có mão thân cùng mậu quý hợp, chủ vị quý mão là cùng phụ tinh có liên quan. Ngọ vận phá mão, bày tỏ phụ thân tim mạch máu có vấn đề, ứng kỳ canh thìn, ứng kỳ tài đến.

Càn tạo : Ví dụ số phát tài khắc cha
nhâm canh tân ất (thìn tị dần mão)
tý tuất sửu mùi
Đại vận : Ngày 14 tháng 3 khởi vận
Tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu
Hợi tý sửu dần mão thìn tị ngọ
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1972 1983 1993 2003 2013 2023 2033 2043
Sửu vận năm canh thìn cha bị bệnh tim não mạch máu đột nhiên qua đời.

Tuất là quả tim .
Phân tích : Sửu mùi tuất tam hình, sát tinh trong tuất là cha, ất mùi là nguyên thần của nó, cũng xem làm cha. Sửu vận, tam hình, hỏa cùng mộc đều hư. Năm canh thìn, hư tuất hợp ất, ứng kỳ. Cha chết, mang đến cho hắn tài vận .

Càn tạo : Ví dụ khắc mẹ
đinh quý tân đinh (ngọ mùi dần mão)
mùi mão mão dậu
Đại vận : Ngày 13 tháng 8 khởi vận
Nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
Dần sửu tý hợi tuất dậu thân mùi
Số tuổi 7 18 28 38 48 58 68 78
Năm phân 73.12 1984 1994 2004 2014 2024 2034 2044
Tạo này mùa xuân năm bính tuất mẹ chết.
Phân tích : Tân kim sinh quý thủy thực thần trên tháng, cho nên quý là mẹ. Chi giờ dậu là quý nguyên thần, cũng xem làm mẹ. Đi kỷ vận khắc quý thủy mẫu thân, năm bính tuất hại ngã dậu lộc, mẹ bị chảy máu não tử vong .

Khôn tạo : Ví dụ khắc mẹ
quý quý giáp kỷ (dần mão tý sửu)
hợi hợi thìn tị
Đại vận : Ngày 24 tháng 5 khởi vận
Giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân
Tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
Số tuổi 9 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 91.12 2002 2012 2022 2032 2042 2052 2062
Ất sửu vận năm ất dậu mẹ chết .
Phân tích : Thìn là cha, kỷ tị là mẹ. Tị hỏa dẫn vào năm tháng cung vị, hai hợi thủy xung khắc, lâm tuyệt vô khí, kiêu thần đoạt thực, là tượng khắc mẹ. Ất sửu vận ất khắc kỷ thổ, tị hỏa đến dậu là tử địa .
Giáp kỷ hợp đem mẫu ở chung một chỗ. Ất sửu vận năm ất dậu, giáp sợ quý thủy thanh .
Càn tạo : Ví dụ khắc mẹ
quý mậu quý nhâm (ngọ mùi thìn tị)
mão ngọ tị tý
Đại vận : Ngày 17 tháng 7 khởi vận
Đinh bính ất giáp quý nhâm tân canh
Tị thìn mão dần sửu tý hợi tuất

Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 66.8 1977 1987 1997 2007 2017 2027 2037
Lấy quý mão là mẹ. Mão ngọ tương phá, mão là mạch máu, ngọ là buồng tim, cho nên mẹ sẽ chết bởi bệnh tim não mạch máu. Quả nhiên đúng. Hành ất mão đại vận, lưu niên bính dần, mẹ chết. Mẫu thân quý mão cùng chủ vị tị hỏa liên quan, năm dần hại tị, liên hệ duy nhất không còn, cho nên mẹ chết. Tị với mão có tính liên quan, phá hư loại quan hệ tốt này, sẽ tử vong .
Khôn tạo : Ví dụ khắc mẹ
mậu giáp canh mậu (dần mão dần mão)
thân dần tuất tý
Đại vận : Ngày 29 tháng 9 khởi vận
Quý nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính
Sửu tý hợi tuất dậu thân mùi ngọ
Số tuổi 2 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 69.6 1979 1989 1999 2009 2019 2029 2039
Mậu thân là mẹ, nguyên cục bị giáp dần xông khắc, thân tý một đảng , tý vì mẫu thân đích thận. Giáp dần là cha. Hành canh tuất vận, thân chạy, năm quý mùi 26 tuổi, hại ngã tý thủy, mẫu chết bởi chứng nhiễm trùng đường tiểu.
Càn tạo : Ví dụ khắc cha mẹ
quý quý đinh bính (tý sửu thìn tị)
mão hợi tị ngọ
Đại vận : Ngày 12 tháng 7 khởi vận
Nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
Tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn mão
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1963 1974 1984 1994 2004 2014 2024 2034
Thực tế : năm canh tuất mẹ chết, năm giáp dần cha chết.
Phân tích : Quý hợi là cha, không có nguyên thần. Dẫn tới ngày giờ vô khí tử tuyệt, bày tỏ phụ cùng ta vô duyên. Bính ngọ là mẹ, dẫn tới phụ mẫu vị, ở năm tháng vô khí, mão ngọ có phá. Tuất vận năm canh tuất, hỏa mộ địa, mẹ chết. Năm giáp dần, dẫn động phụ tinh hợi. Thủy đến ngày giờ, hỏa đến năm tháng cũng là tuyệt.

Khôn tạo : Ví dụ khắc cha mẹ, mẹ chồng bí thư khu ủy
ất ất bính canh (ngọ mùi thìn tị)
mùi dậu tuất dần
Đại vận : Ngày 20 tháng 6 khởi vận
Bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm quý

Tuất hợi tý sửu dần mão thìn tị
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 60.8 1971 1981 1991 2001 2011 2021 2031
Cùng thượng tạo cùng cha mẹ, năm canh tuất mẹ chết, năm giáp dần cha chết phụ. Bao cục, tuất là mẹ, dẫn tới năm tháng không có vị trí : mùi là hình tuất, dậu là hại tuất, cho nên phải sớm mất mẹ. Tuất đến mẫu đến, ứng kỳ mẹ chết, cố ứng ở tuất vận năm tuất. Dậu là cha, dẫn tới trên giờ, tuất hại, dần tuyệt, vô khí. Cho nên cha chết hơi muộn. Đinh vận ứng tuất. Năm giáp dần ứng dần .

Tương tự khôn tạo : Mẹ chết cùng tuổi
ất ất bính kỷ
mùi dậu tuất sửu

Tiết thứ hai : cha mẹ ly dị
Tìm được trong mệnh cha mẹ chi tinh, có thể thấy tin tức cha mẹ tương khắc, nhưng không nhìn ra cha mẹ nhất phương tin tức tử vong, vậy nhất định là ly dị. Phụ tinh song hợp, phục ngâm, phụ lấy vợ khác, mẫu tinh song hợp, phục ngâm, mẫu tái giá .

● Khôn tạo : cha mẹ ly dị
nhâm mậu mậu quý (thân dậu tý sửu)
tuất thân dần sửu
Nhâm là cha, thân là nhâm trường sinh, làm cha. Mậu sánh vai làm mẹ, mậu song hiện hợp quý, quý là cha dượng. Dần thân xung, xa rời cha, theo mẹ tái giá .

● Khôn tạo : cha mẹ ly dị
bính canh kỷ canh (thân dậu tuất hợi)
dần dần mão ngọ
Cha mẹ mậu tý vận năm mậu dần cãi nhau đòi ly hôn, chính là mẹ muốn. Năm đinh hợi ly hôn .
Phân tích : bính dần là cha , hai canh là mẫu, bính khắc canh, cha mẹ tương khắc. Canh phục ngâm, mẹ rời khỏi cha. Dần sinh ngọ, ngọ là lộc, cũng là mẫu, nhưng mà cùng mão phá, là mẹ kế. Cho nên cha mẹ ly dị sau đó cha kết hôn, là do mẹ. Canh tuyệt ở dần, cha không cần mẹ, dần sinh ngọ , cha có tình nhân,
● Khôn tạo : Mẹ ly dị cha
nhâm quý tân kỷ (dần mão thìn tị)
dần sửu hợi hợi

Manh sư đoạn lệ. Tạo này cha mẹ ly dị, theo mẹ tái giá .
Phân tích : hợi là mẹ, dần là cha, dần hợp hai hợi, dần hợp hai lần, hợi phục ngâm, liền bày tỏ mẫu gả hai lần . mà cùng chủ ngồi ở trên hợi, theo mẹ .
Dần sửu ám hợp , quý sửu là phụ thân tìm mẹ kế .

Khôn : Công vụ viên cha mẹ ly dị
nhâm bính quý giáp (tuất hợi tý sửu)
tuất ngọ dậu dần
Công vụ viên, ngành chấp pháp, làm tài vụ. Tuất là con số, quan quân . Bính ngọ thêm tuất là cha, giáp dần là mẹ, vốn là dần ngọ tuất tam hợp cục, nhưng xuất hiện dậu tuất hại, cho cùng mình vô duyên. Nhưng có tin tức cha tử vong hay không. Nhâm áp tuất, nhâm là kiếp là nữ nhân kia cướp mất cha từ trong tay mẹ. Cho nên cha mẹ nhất định ly dị. Mình cùng mẫu thân ở chung một chỗ, có cha dượng, cha dượng đối với nàng rất tốt. Cha dượng ứng là bính hỏa trong dần.
Khôn tạo : Cha mẹ ly dị
quý giáp giáp đinh (dần mão ngọ mùi)
tị dần thìn mão
Đại vận : Ngày 16 tháng 2 khởi vận
Ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm
Mão thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 56.12 1967 1977 1987 1997 2007 2017 2027
Hạ trọng Kỳ đoạn : 4 tuổi theo mẹ tái giá, một mẫu thân hai phụ thân, cha dượng đối với mình rất tốt .
Phân tích : lấy lộc xem làm mẹ, giáp phục ngâm nói rõ mẹ có ý tái giá. Tị hỏa tài là cha, bị dần hại, cha mẹ tượng chia lìa. Thìn là cha dượng, tại ngồi dưới, đối với mình rất tốt. Vì sao ứng 4 tuổi, dần tị tương hại ở năm tháng tất sớm, năm bính thân 4 tuổi, thân hợp phụ tinh mà xung dần, dẫn động dần tị hại .

Khôn tạo : Cha mẹ ly dị
mậu mậu tân canh (thìn tị tuất hợi)
thần ngọ sửu dần
Đại vận : Ngày 28 tháng 7 khởi vận
Đinh bính ất giáp quý nhâm tân canh
Tị thìn mão dần sửu tý hợi tuất
Số tuổi 3 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 90.1 2001 2011 2021 2031 2041 2051 2061

Cha mẹ ly hôn mà theo mẹ .
Phân tích : Sửu là mẹ, ngọ dần là cha, hại. Mình ngồi ở trên sửu, cho nên theo mẹ .
Dần sửu ám hợp, dần là cha dượng.

● Càn tạo : Cha mẹ ly dị
nhâm kỷ kỷ ất (thân dậu dần mão)
tý dậu mão sửu
Nhâm tý là cha, dậu thực là mẹ. Tý dậu không sinh cách xa nhau, không thể ở chung một chỗ, cho nên ly dị. Mão dậu tương xung, mão là cha dượng. Thực thần chế sát lấy tài.
● Lưu hiểu Khánh : Cha mẹ ly dị
ất bính giáp ất (tuất hợi thìn tị)
mùi tuất tý hợi
Mệnh theo mẹ tái giá. Bính tuất là mẹ, mùi là cha, cha mẹ tương hình, muốn ly dị, mà ly dị rất sớm. Tuất xem làm cha dượng, cho nên theo mẹ tái giá. Tý mùi hại, mình chưa từng thấy qua cha đẻ .

● Càn tạo : Cha mẹ ly dị
tân mậu canh kỷ (ngọ mùi dần mão)
hợi tuất dần mão
Đại vận : 8 tuổi vận
đinh bính ất giáp
dậu thân mùi ngọ
Trải qua : Thân dậu vận không học tập, đánh nhau. Năm kỷ tị 19 tuổi có đại sự xảy ra, đánh giáo viên, sau bồi thường tiền rồi bị đuổi học. Cha mẹ năm quý mùi khi hắn mới ba tuổi ly hôn, sống cùng mẹ.
Phân tích : Hợi là mẹ, mão là cha. Vì sao mão làm cha, bởi vì mão hợp tuất, hợp đến cung vị phụ thân. Hợi bị tuất khắc mà hợp đến dần, ý xa cách cha, dần là cha dượng.

Càn tạo : Cha mẹ ly dị
giáp giáp ất giáp (ngọ mùi thân dậu)
tuất tuất dậu thân
Đại vận : Ngày 4 tháng 12 khởi vận
Ất bính đinh mậu kỷ canh tân nhâm
Hợi tý sửu dần mão thìn tị ngọ
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 97.4 2008 2018 2028 2038 2048 2058 2068
giáp là cướp , nơi này khi mẫu nhìn , mà tài là tuất , khi phụ nhìn . tài

trước khi mộ gốc khắc phụ , nhưng dậu tuất xuyên , tỏ rõ muốn rời khỏi phụ , không có duyên phận , không nhất định là khắc chết . giáp mẫu phục ngâm đến lúc đó thượng , rơi vào thân địa , thân khi cha ghẻ . cố theo mẫu tái giá .

Càn tạo : Cha mẹ ly dị
canh canh canh mậu (thân dậu thìn tị)
tý thìn thìn dần
Đại vận : Ngày 12 tháng 11 khởi vận
Tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu
Tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi tý
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 62.6 1974 1984 1994 2004 2014 2024 2034
Tý là mẹ, thìn cũng là mẹ cùng xem. Thìn thìn phục ngâm, ý là mẹ tái giá.
Dần là cha, chính là cha mẹ .
Trong thìn có ất mộc thoái khí, mẫu thân đã ly dị, là chồng trước của mẹ.

Càn tạo :
nhâm quý quý ất (dần mão thìn tị)
dần sửu sửu mão
Đại vận : Ngày 25 tháng 7 khởi vận
Giáp ất bính đinh mậu kỷ canh tân
Dần mão thìn tị ngọ mùi thân dậu
Số tuổi 8 19 29 39 49 59 69 79
Năm phân 70.8 1981 1991 2001 2011 2021 2031 2041
Ất mão là mẹ ruột, nhâm dần là mẹ kế. Sửu là cha, sửu thổ phục ngâm, cha cưới hai lần, nhưng từ thứ tự trước sau xem, cha trước ly hôn, sẽ cùng mẹ ruột kết hôn .
Tiết thứ ba : cha mẹ khí nuôi (cho ra đi)

Càn tạo : Cha mẹ khí nuôi
quý quý canh nhâm (thân dậu ngọ mùi)
tị hợi thìn ngọ
Đại vận : Ngày 18 tháng 9 lhowir vận
Nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
Tuất dậu thân mùi ngọ tị thìn mão
Số tuổi 6 17 27 37 47 57 67 77
Năm phân 58.12 1969 1979 1989 1999 2009 2019 2029
Nguyệt lệnh thực thần nhập mộ, cha mẹ không nuôi, trên giờ lại thấy thực thần, cho nên cho làm con nuôi. Nhâm là mẹ nuôi .

Càn tạo : cha mẹ khí nuôi
nhâm tân canh đinh (thân dậu thân dậu)
ngọ hợi thìn hợi
Đại vận : Ngày 3 tháng 6 khởi vânj
Nhâm quý giáp ất bính đinh mậu kỷ
Tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi
Số tuổi 10 21 31 41 51 61 71 81
Năm phân 09.1 2022 2032 2042 2052 2062 2072 2082
Cùng thượng tạo giống nhau, nguyệt lệnh thực thần nhập mộ, trên giờ thực thần cũng nhập mộ. Nhưng có đinh nhâm hợp, phương xa thực thần hợp đến chủ vị, cho nên làm con nuôi. Từ nhỏ đã cho chú nuôi dưỡng.

Càn tạo : Cha mẹ khí nuôi
Tân bính tân bính (thân dậu ngọ mùi)
Mão thân tị thân
Đại vận : Ngày 5 tháng 12 khởi vận
Ất giáp quý nhâm tân canh kỷ mậu
Mùi ngọ tị thìn mão dần sửu tý
Số tuổi 1 11 21 31 41 51 61 71
Năm phân : 1951 19611971 1981 1991 2001 2011 2021
Mệnh làm con nuôi, từ nhỏ đã cho dì nuôi.
Phân tích : Tân là mẹ, mão là cha, mão hợp kiếp tài, tài là vật nuôi ta, hợp kiếp tài là không nuôi ta. Nhật chủ gặp trên giờ quan hợp, lại có cha mẹ mới, bính là cha nuôi, thân là mẹ nuôi.

Càn tạo : Cha mẹ khí nuôi
ất canh nhâm quý (thìn tị dần mão)
tị thìn dần mão
Đại vận :
Kỷ mậu đinh bính ất giáp quý nhâm
Mão dần sửu tý hợi tuất dậu thân
Số tuổi 4 15 25 35 45 55 65 75
Năm phân 58.4 1979 1989 1999 2009 2019 2029 2039
Cha mẹ không nuôi, bà ngoại nuôi lớn .
Phân tích : Nhật chi cùng chi năm tương hại, dần tị hại, hại ngã thực thần, cha mẹ không nuôi .
Trên giờ thấy thương quan mão, mão thông với ất, ất đại biểu bà ngoại, cho nên bà ngoại nuôi sống .

Khôn tạo : Cha mẹ khí nuôi
Kỷ tân bính quý (thìn tị tuất hợi)
Tị mùi thân tị
Đại vận : Ngày 29 tháng 9 khởi vận
Nhâm quý giáp ất bính đinh mậu kỷ
Thân dậu tuất hợi tý sửu dần mão
Số tuổi 1 12 22 32 42 52 62 72
Năm phân 1989 2000 2010 2020 2030 2040 2050 2060
Thương quan ngồi mẫu quan hệ không tốt, năm ất hợi cha mẹ nháo ly hôn, năm đinh sửu ly dị. Phụ thân tìm người thứ ba, tìm người bạn gái. mình sống ở nhà bà nội.
Phân tích : Kỷ tị là mẹ, thân là cha, một thân phối hai tị, trên giờ tị là bạn gái cha. Năm hợi xung phá tị thân hợp, tượng cha mẹ chia lìa. Mẫu mang thương quan, không nuôi mình. Phụ tinh hợp tinh, không nghĩ đến mình. Bính tân hợp đến nguyệt lệnh, mùi là bà nội .

Càn tạo : Cha mẹ khí nuôi
nhâm canh quý quý (thìn tị thìn tị)
dần tuất mão sửu
Đại vận : Ngày 18 tháng 3 khởi vận
Tân nhâm quý giáp ất bính đinh mậu
Hợi tý sửu dần mão thìn tị ngọ
Số tuổi 2 14 24 34 44 54 64 74
Năm phân 63.8 1975 1985 1995 2005 2015 2025 2035
Từ nhỏ bị đưa cho người khác nuôi .
Phân tích : Mão tuất hợp, thực thần bị hợp, thực thần bị lấy đi, bị hư. Tài kho tuất bị bế hỏa khí, tài không dưỡng mệnh. Thực thần bị hợp bán đại biểu không có cơm ăn, quý thủy trên giờ phục ngâm đại biểu cho ra đi. Quý xem làm lộc.

Càn tạo : Cha mẹ khí nuôi
bính mậu ất canh (tuất hợi dần mão)
ngọ tuất sửu thìn
Đại vận : Ngày 16 tháng 10 khởi vận
Kỷ canh tân nhâm quý giáp ất bính
Hợi tý sửu dần mão thìn tị ngọ
Số tuổi 2 13 23 33 43 53 63 73
Năm phân 67.12 1978 1988 1998 2008 2018 2028 2038
Sửu ngọ hại, hại ngã thực thần mẹ không nuôi. Sửu tuất hình, cha cũng không nuôi. Ất canh hợp, hợp đến môn hộ, cho ra đi.

Khôn tạo : Mộng Lộ cha mẹ khí nuôi
bính quý tân quý (tý sửu tuất hợi)
dần tị dậu tị
Đại vận : Ngày 5 tháng 1 khởi vận
Nhâm tân canh kỷ mậu đinh bính ất
Thìn mão dần sửu tý hợi tuất dậu
Số tuổi 9 20 30 40 50 60 70 80
Năm phân 34.4 1945 1955 1965 1975 1985 1995 2005
Là một con riêng, sống ở cô nhi viện, từ nhỏ bị cha mẹ gạt bỏ .
Phân tích : Qúy là mẹ, bính dần là cha. Dần bị hại, cùng cha vô duyên. Quý ngồi tị bị hợp vô khí, sau lại cho người ta. Đi tới thìn địa mới có gia đình. Quý tị tự hợp bày tỏ mẫu thân không muốn. Trụ tháng cha mẹ đẻ, trụ giờ là ch mẹ nuôi. Ngày 5 tháng 8 năm 1962, dần vận năm nhâm dần, thần bí tử vong .

HẾT